

Peter Richelieu



A Soul's Journey

A Soul's Journey

Other Books from Ariel Press:

The Spiritual Life, by Evelyn Underhill	Đời Sống Tinh Thần, của Evelyn Underhill
The Betty Book, by Stewart Edward White	Cuốn Sách Betty, của Stewart Edward White
The Psychic Life, by Robert R. Leichtman, M.D.	Đời Sống Thông Linh, của Robert R. Leichtman, M.D.
Optimism, by Helen Keller	Lạc Quan, của Helen Keller
The Gospel of Wealth, by Andrew Carnegie	Phúc Âm của Sự Giàu Có, của Andrew Carnegie
The Story of God, by Carl Japikse	Câu Chuyện về Thượng đế, của Carl Japikse
The Gift of Healing, by Ambrose and Olga Worrall	Tặng Phẩm Chữa Lành, của Ambrose và Olga Worrall
The Mystical Qabalah, by Dion Fortune	Qabalah Thần Bí, của Dion Fortune
Active Meditation, by Robert R. Leichtman, M.D. & Carl Japikse	Tham Thiền Năng Động, của Robert R. Leichtman, M.D. & Carl Japikse

Peter Richelieu

A Soul's Journey

with a preface

by Robert R. Leichtman, M.D.

ARIEL PRESS

Atlanta

Peter Richelieu

**Hành Trình của Một
Linh Hồn**

với lời tựa

của Robert R. Leichtman, M.D.

ARIEL PRESS

Atlanta

Giới Thiệu của Người dịch:

Hành Trình của Một Linh hồn là quyển sách trình bày giáo lý Thông Thiên Học theo hình thức những câu chuyện hấp dẫn, lôi cuốn, bao trùm các lĩnh vực khác nhau như Cấu Tạo Con Người, Sự Tiến Hoá của Vạn Vật bao gồm con người, Định luật Nhân Quả. Nhân vật chính giảng dạy là một Vị Thầy Ấn Độ, tên Acharya, dù có thật hay chỉ hư cấu, giảng dạy cho tác giả quyển sách những chân lý nền tảng của Minh Triết Thiêng Liêng, đồng thời giúp Ông thực chứng những trải nghiệm trong thế giới vô hình. Việc du hành vào các cõi cao bằng “viên thuốc thần bí” có lẽ chỉ là chi tiết hư cấu, như lời giới thiệu đã nêu ra.

Tác phẩm đã được dịch ra tiếng Việt trên trang web phungsutheosophia.org; nhưng để giúp các bạn có thể tham khảo bản song ngữ, chúng tôi sử dụng bản gốc tiếng Anh kết hợp với bản dịch của chúng tôi trình bày dạng đối chiếu song ngữ.

Mong rằng tác phẩm này sẽ giúp các bạn tìm thấy nguồn cảm hứng tinh thần trên con đường tu tập.

<https://minhtrietmoi.com>

Preface—Mở Đầu

Out-of-body travel has long been a fascinating topic for occult writers, but most books on the subject have been nothing more than travelogues exploring the author's own rich fantasies. Peter Richelieu's *A Soul's Journey*, however, offers a great deal more than the standard fare. It is a first-hand account of travel in the various levels of the astral and mental planes.

The book is written in narrative style, recounting the journeys of Henry, an Englishman living in Ceylon at the time of the second world war. The account begins with Henry grieving over the death of his brother Charles, a British soldier. His grief invokes the appearance of Acharya, a holy man from India, who lectures him about the phenomena of the inner life and events after death.

But Acharya's instruction does not stop there.

Du hành ngoài thân xác từ lâu đã là một đề tài hấp dẫn đối với các tác giả huyền bí học, nhưng phần lớn sách viết về chủ đề này chẳng qua chỉ là những ký sự du hành thăm dò các tưởng tượng phong phú riêng của tác giả. Tuy nhiên, *Hành TRình của Một Linh hồn* của Peter Richelieu còn cống hiến nhiều hơn thế rất nhiều so với loại sách thông thường. Đây là một tường thuật trực tiếp về sự du hành trong các cấp độ khác nhau của cõi cảm dục và cõi trí.

Cuốn sách được viết theo lối tự sự, kể lại những cuộc hành trình của Henry, một người Anh sống tại Tích Lan vào thời Đệ Nhị Thế Chiến. Câu chuyện bắt đầu với Henry đang đau buồn vì cái chết của em trai mình là Charles, một quân nhân Anh. Nỗi đau của anh đã gọi ra sự xuất hiện của Acharya, một thánh nhân từ Ấn Độ, người giảng cho anh về các hiện tượng của đời sống bên trong và những biến cố sau khi chết.

Nhưng sự chỉ dạy của Acharya không dừng

Using special techniques, he enables Henry to leave his body during the hours of sleep so that he can be taken on a guided tour of the inner, subtle planes of creation. Each night, Henry takes a tablet to ensure sleep and travels in his subtle bodies through many adventures on the subplanes of the astral and mental levels.

First, Acharya leads Henry to visit his brother Charles to see that he is not dead, but quite alive in another dimension. After that, Henry is taught much about the rich opportunities of the inner planes for education and growth—both for the so-called “dead” and for people who can visit the inner planes while asleep.

It is rare to find a book which gives any description of the inner planes except those levels closest to the physical. It should be understood that this book is not just an account of the pretty scenery we might encounter at low psychic levels. Instead, Richelieu provides us with a clear account of the hospitals and colleges of the inner planes, the great halls of knowledge and wisdom. In addition, there are interesting reports of how spirits visit the physical plane and mingle among us, usually without our awareness.

Henry learns about the training given to people when they first arrive on the inner planes after death and observes several occult and religious ceremonies first-hand. Eventually, he is taken by Acharya to the mental plane. It is likely that this is the only book in print, outside the writings of C.W. Leadbeater—and our own books—which gives an accurate account of the uncanny experiences of dealing directly with the force of ideas, communicating telepathically, and

lại ở đó. Dùng những kỹ thuật đặc biệt, ông giúp Henry rời khỏi thể xác trong những giờ ngủ để anh có thể được dẫn đi tham quan có hướng dẫn qua các cõi vi tế bên trong của tạo thành. Mỗi đêm, Henry uống một viên thuốc để bảo đảm giấc ngủ và du hành trong các thể vi tế của mình qua nhiều cuộc phiêu lưu trên các cõi phụ của các cấp độ cảm dục và trí tuệ.

Trước hết, Acharya dẫn Henry đi thăm em trai Charles để thấy rằng Charles không chết, mà vẫn hoàn toàn sống động trong một chiều kích khác. Sau đó, Henry được dạy rất nhiều về những cơ hội phong phú nơi các cõi bên trong cho việc giáo dục và tăng trưởng—cả đối với những người được gọi là “đã chết” lẫn những người có thể viếng thăm các cõi bên trong khi đang ngủ.

Hiếm khi tìm được một cuốn sách mô tả các cõi bên trong ngoài những cấp độ gần với cõi hồng trần nhất. Cần phải hiểu rằng cuốn sách này không chỉ là một tường thuật về những phong cảnh đẹp đẽ mà chúng ta có thể gặp ở các cấp độ thông linh thấp. Thay vào đó, Richelieu cung cấp cho chúng ta một tường thuật rõ ràng về các bệnh viện và học viện của các cõi bên trong, những đại sảnh của hiểu biết và minh triết. Ngoài ra, còn có những ghi nhận thú vị về cách các tinh thần viếng thăm cõi hồng trần và hòa lẫn giữa chúng ta, thường là không được chúng ta nhận biết.

Henry học về sự huấn luyện dành cho những người khi họ vừa đến các cõi bên trong sau khi chết và trực tiếp quan sát nhiều nghi lễ huyền bí và tôn giáo. Cuối cùng, anh được Acharya đưa lên cõi trí. Có lẽ đây là cuốn sách duy nhất hiện còn in, ngoài các tác phẩm của C.W. Leadbeater—và các sách của chính chúng tôi—mang lại một tường thuật chính xác về những kinh nghiệm kỳ lạ khi trực tiếp xử lý mãnh lực của các ý tưởng, giao tiếp viễn cảm, và hoàn toàn thoát khỏi những cảm xúc bám

being totally free of cloying emotions.

The use of a drug to visit the inner planes may be a bit of fiction. Aside from the fact that this would not be a standard spiritual practice, drugs simply do not provide this type of expansion of awareness. Most often, hallucinogenic drugs merely expand the mood and imagination of the user. This can lead to an exaggerated dream state where a mixture of wishes, fears, and exaggerations can occur. Some interaction with events on the low psychic planes can happen, but these experiences are hopelessly muddled with a jumble of our personal subconscious fantasies.

The remarkable experiences of Henry are due to the presence and power of his guide, Acharya. The unusual clarity and the extensive nature of Henry's visits to the inner planes is extraordinary. It is very likely that these events were planned as a revelation, not just to Henry, but to many others who were compelled to deal with so many sudden deaths during World War II, when this book first appeared.

But this is not a book on how to leave the body and travel on the inner planes. It is a rare and unusually precise account of the nature and activities of the inner life.

Far from describing the heaven worlds as places of "rest" and "peace," which is silly, A Soul's Journey leads us into a realm of tremendous activity, healing, and teaching. The book emphasizes the fact that we all have a rich life on the inner planes, whether or not we can visit them consciously, as a result of having finer bodies made of the subtle matter

dính ngọt ngào.

Việc dùng thuốc để viếng thăm các cõi bên trong có thể là một chút hư cấu. Ngoài việc đây không phải là một thực hành tinh thần tiêu chuẩn, thuốc đơn giản là không cung cấp loại mở rộng nhận biết này. Thông thường nhất, các loại thuốc gây ảo giác chỉ mở rộng tâm trạng và sự tưởng tượng của người dùng. Điều này có thể dẫn đến một trạng thái mộng tưởng bị cường điệu, nơi có thể xảy ra sự pha trộn giữa ước muốn, sợ hãi và phóng đại. Một số tương tác với các biến cố trên các cõi thông linh thấp có thể xảy ra, nhưng những kinh nghiệm ấy bị rối loạn một cách vô vọng bởi mớ hỗn độn những tưởng tượng tiềm thức cá nhân của chúng ta.

Những kinh nghiệm đáng chú ý của Henry là nhờ sự hiện diện và quyền năng của vị hướng đạo của anh, Acharya. Sự sáng tỏ khác thường và tính chất rộng lớn trong những lần Henry viếng thăm các cõi bên trong là điều phi thường. Rất có thể những biến cố này đã được hoạch định như một sự mặc khải, không chỉ cho Henry, mà còn cho nhiều người khác đã bị buộc phải đối diện với quá nhiều cái chết đột ngột trong Đệ Nhị Thế Chiến, khi cuốn sách này lần đầu xuất hiện.

Nhưng đây không phải là một cuốn sách dạy cách rời thân xác và du hành trên các cõi bên trong. Đây là một tường thuật hiếm có và chính xác khác thường về bản chất và các hoạt động của đời sống bên trong.

Khác xa với việc mô tả các cõi thiên đường như những nơi "nghỉ ngơi" và "bình an," điều vốn ngỡ ngàng, *Hành TRình của Một Linh hồn* dẫn chúng ta vào một lĩnh vực của hoạt động mãnh liệt, chữa lành và giáo huấn. Cuốn sách nhấn mạnh sự kiện rằng tất cả chúng ta đều có một đời sống phong phú trên các cõi bên trong, dù chúng ta có thể viếng thăm chúng

of these inner realms. Thus, it is possible to be taught and healed on these inner levels, even while still in the physical body. Richelieu opens to us many new possibilities for extending the range of our education and experience while our physical body sleeps.

One of the most important messages for all of us to learn is that we have an existence on the inner side of life right now, not just after we die. We are all endowed with the potential to tap the higher dimensions of life, even while in the physical.

Reading *A Soul's Journey* helps give us fresh insight into this dynamic principle. Even though most of us are not likely to have vivid conscious memories of what transpires on the inner planes while we are asleep, as Henry did, we do tend to bring through the wisdom we gain into our waking hours as nudges, insights, and new awareness. It is valuable to learn as much about this process as possible. Richelieu also leaves us with much to ponder on regarding the influences of the higher dimensions on our activities here in the physical plane.

In fact, *A Soul's Journey* is really everyone's odyssey.

—Robert R. Leichtman, M.D.

2011

một cách hữu thức hay không, do kết quả của việc có những thể tinh tế hơn được tạo thành từ vật chất vi tế của các cõi bên trong này. Vì thế, có thể được dạy dỗ và chữa lành trên những cấp độ bên trong ấy, ngay cả khi vẫn còn ở trong thể xác. Richelieu mở ra cho chúng ta nhiều khả thể mới để mở rộng phạm vi giáo dục và kinh nghiệm của mình trong khi thể xác đang ngủ.

Một trong những thông điệp quan trọng nhất để tất cả chúng ta học được là chúng ta có một sự hiện hữu ở mặt bên trong của đời sống ngay lúc này, chứ không chỉ sau khi chết. Tất cả chúng ta đều được phú cho tiềm năng tiếp xúc với các chiều kích cao hơn của đời sống, ngay cả khi còn ở cõi hồng trần.

Việc đọc *Hành TRình của Một Linh hồn* giúp mang lại cho chúng ta một linh thị mới mẻ về nguyên lý năng động này. Dù phần lớn chúng ta khó có thể có những ký ức hữu thức sống động về những gì diễn ra trên các cõi bên trong khi đang ngủ, như Henry đã có, chúng ta vẫn có khuynh hướng mang mình triết mình đạt được vào những giờ thức giấc dưới dạng những thôi thúc, linh cảm và nhận biết mới. Việc học biết càng nhiều càng tốt về tiến trình này là điều có giá trị. Richelieu cũng để lại cho chúng ta nhiều điều đáng suy ngẫm liên quan đến những ảnh hưởng của các chiều kích cao hơn lên các hoạt động của chúng ta nơi đây trên cõi hồng trần.

Thật vậy, *Hành TRình của Một Linh hồn* thực sự là cuộc phiêu lưu của mọi người.

—Robert R. Leichtman, M.D.

2011

Foreword—LỜI NÓI ĐẦU

In spite of the fact that I am no writer and claim no gifts or experience in that direction, this book is given to the world without apology, for I am carrying out orders from those who must be obeyed.

The part of the book which will hold the interest of the largest number of readers is that which begins at Chapter Four. For those people who have no recollection of their life and activities during sleep, even this part will contain many completely new ideas. As many of these call for explanation, readers are advised to avoid the temptation of skimming quickly through the preliminary chapters in order to reach this one more quickly! These introductory chapters, which are written in the form of talks by a Hindu guru, are so filled with vital information that they hold the key not only to what follows in the book but to what happens to all of us at one time or another. Those who read them slowly and carefully and who refer to them often will glean the most general information and acquire the best groundwork for the appreciation of the story which follows.

In writing down my experiences I have added no embellishments. If these experiences help a few of you

Dedicated to

all those who seek

As a man casts off old clothes and puts on new ones,

so the embodied self, casting off

old bodies proceeds to other and new ones.

Mặc dù tôi không phải là nhà văn và cũng không nhận mình có năng khiếu hay kinh nghiệm theo hướng đó, cuốn sách này vẫn được trao cho thế giới mà không cần lời xin lỗi nào, vì tôi đang thi hành mệnh lệnh từ những Đấng phải được vâng phục.

Phần của cuốn sách sẽ giữ được sự quan tâm của số đông độc giả nhất là phần bắt đầu từ Chương Bốn. Đối với những người không có ký ức nào về đời sống và hoạt động của mình trong khi ngủ, ngay cả phần này cũng sẽ chứa đựng nhiều ý tưởng hoàn toàn mới. Vì nhiều ý tưởng trong số đó cần được giải thích, độc giả được khuyên nên tránh cám dỗ lướt nhanh qua các chương mở đầu để đến phần ấy sớm hơn! Những chương nhập đề này, được viết dưới hình thức những bài nói chuyện của một đạo sư Ấn giáo, chứa đầy thông tin thiết yếu đến mức chúng nắm giữ chìa khóa không chỉ cho những gì tiếp theo trong sách mà còn cho những gì xảy ra với tất cả chúng ta vào lúc này hay lúc khác. Những ai đọc chúng chậm rãi và cẩn thận, và thường xuyên tham chiếu lại chúng, sẽ thu lượm được nhiều thông tin tổng quát nhất và có được nền tảng tốt nhất để thưởng thức câu chuyện tiếp theo.

Khi ghi lại những kinh nghiệm của mình, tôi không thêm vào bất kỳ sự tô điểm nào. Nếu những kinh nghiệm này giúp được một vài bạn

Dâng tặng

tất cả những ai tìm kiếm

Như con người bỏ đi áo cũ và mặc vào áo mới,

thì bản ngã nhập thể, sau khi bỏ đi

những thân xác cũ, sẽ đi vào những thân xác

khác và mới.

Bhagavad Gita

Bhagavad Gita

XVII

XVII

V

V

to understand the scheme of life and so be comforted, if they give you an insight into the nature of evolution and provide you with a reason for making friends of animals—they will not have been written in vain.

thấu hiểu hệ thống của đời sống và nhờ đó được an ủi, nếu chúng cho bạn một cái nhìn thấu suốt vào bản chất của tiến hoá và cung cấp cho bạn một lý do để kết bạn với loài vật—thì chúng sẽ không được viết ra một cách vô ích.

—Peter Richelieu

—Peter Richelieu

Prologue— Dẫn nhập

It was the 7th of July 1941, and I was still brooding over a cable I had received from the War Office in London three days before, telling me that Charles, my dear young brother, had been killed in action over England. He was only twenty-three; more than a year before he had joined the R.A.F. and qualified as a pilot. Of course we were proud of him—who would not want to join the R.A.F. if he were twenty one years of age, fit as a fiddle and eager to do his bit for the old country? Naturally we knew that the life of a pilot was precarious, but somehow it did not seem that anything could happen to him. People are often like that with those they love, and Charles and I had always been closer to each other than ordinary brothers although there was a difference of ten years in our ages.

I remembered the first time he proudly told us he had downed his first enemy plane. The initial shock from the news of Charles's death was severe, and now, for the first time in my life, I felt bitter against the Powers that Be, the beneficent Creator who is talked of so glibly. How could He be beneficent if He allowed the innocent to be killed?

I had been brought up a Catholic, not a very strict one perhaps, and I had taken many things for granted, in the way Christians do. Religion was part of one's life and, on certain days, time had to be given to it; at other times one did not think very much about what was expected of a Christian, a follower of Christ. Now I thought about these things for the first time, and I did not feel that I wanted to go to church—certainly not to a priest. I did not want to pray; why should I? God had taken away from me the dearest thing I possessed in

Đó là ngày 7 tháng 7 năm 1941, và tôi vẫn còn đang trầm tư về bức điện tín tôi nhận được từ Bộ Chiến tranh ở Luân Đôn ba ngày trước, báo cho tôi biết rằng Charles, người em trai trẻ thân yêu của tôi, đã tử trận trên bầu trời nước Anh. Nó mới chỉ hai mươi ba tuổi; hơn một năm trước nó đã gia nhập R.A.F. và đủ tiêu chuẩn làm phi công. Dĩ nhiên chúng tôi tự hào về nó—ai lại không muốn gia nhập R.A.F. nếu ở tuổi hai mươi mốt, khỏe mạnh sung sức và háo hức góp phần cho tổ quốc già nua? Đương nhiên chúng tôi biết rằng đời sống của một phi công là bấp bênh, nhưng bằng cách nào đó dường như không thể có chuyện gì xảy ra với nó. Người ta thường như thế đối với những người mình yêu thương, và Charles với tôi lúc nào cũng gần gũi nhau hơn những anh em bình thường mặc dù tuổi tác chúng tôi chênh nhau mười năm.

Tôi nhớ lần đầu tiên nó hãnh diện kể với chúng tôi rằng nó đã bắn rơi chiếc máy bay địch đầu tiên. Cú sốc ban đầu từ tin Charles chết thật dữ dội, và giờ đây, lần đầu tiên trong đời, tôi cảm thấy cay đắng đối với các Quyền Lực Tối Cao, đối với Đấng Sáng Tạo từ bi mà người ta vẫn nói đến một cách quá dễ dàng. Làm sao Ngài có thể từ bi nếu Ngài cho phép người vô tội bị giết?

Tôi được nuôi dạy như một người Công giáo, có lẽ không quá nghiêm khắc, và tôi đã mặc nhiên chấp nhận nhiều điều, theo cách những người Kitô hữu vẫn làm. Tôn giáo là một phần của đời sống, và vào những ngày nhất định, người ta phải dành thời gian cho nó; vào những lúc khác, người ta không nghĩ nhiều lắm về điều được mong đợi nơi một người Kitô hữu, một người theo Đức Christ. Giờ đây tôi nghĩ về những điều ấy lần đầu tiên, và tôi không cảm thấy mình muốn đến nhà thờ—chắc chắn không phải đến gặp một linh mục.

the world, and although I did not curse God, I certainly came very near to hating Him. A friend had told me that Charles was well out of this war, that the next world was most certainly a better place than this one at the moment, and that I should be thankful. But I was not thankful; I had so much looked forward to see his cheery face and hear his hearty laugh at his next leave—which we had arranged to spend together. Now the future was a blank.

It was in just this mood that I sat on the never-to-be-forgotten morning a few weeks ago—the day he came. Although now, judging from the change which has taken place in me, it seems as if it could all have taken place in a former existence, yet I can remember every detail, and shall until I die. I shall try to tell the story just as it happened, but if the recording seems to be disjointed you must forgive me, for I have never tried to write a story before and only do so now because I want others to be comforted, even as I was comforted.

About 11 o'clock on that morning there was a knock at the door, and my servant told me that there was a man in the hall who wished to see me.

“What sort of man?” I asked.

His reply was: “A strange man, master; I think perhaps he come to beg.” I told the boy to go down and enquire what this man wanted and to come back to let me know. On his return he said that the man had a message which could only be given to me, so with some irritation I told him to bring the man up.

Tôi không muốn cầu nguyện; tại sao tôi phải làm thế? Thượng đế đã lấy khỏi tôi điều thân yêu nhất mà tôi có trên đời, và mặc dù tôi không nguyện rửa Thượng đế, tôi quả thật đã rất gần với việc căm ghét Ngài. Một người bạn đã bảo tôi rằng Charles đã thoát khỏi cuộc chiến này một cách tốt đẹp, rằng thế giới bên kia chắc chắn là một nơi tốt đẹp hơn nơi này vào lúc hiện tại, và rằng tôi nên biết ơn. Nhưng tôi không biết ơn; tôi đã mong chờ biết bao được nhìn thấy gương mặt vui tươi của nó và nghe tiếng cười sảng khoái của nó trong kỳ nghỉ phép tới—kỳ nghỉ mà chúng tôi đã sắp xếp để ở cùng nhau. Giờ đây tương lai chỉ là một khoảng trống.

Chính trong tâm trạng ấy mà tôi ngồi vào buổi sáng không thể nào quên được cách đây vài tuần—ngày ông ấy đến. Mặc dù giờ đây, xét theo sự thay đổi đã diễn ra trong tôi, dường như tất cả có thể đã xảy ra trong một kiếp sống trước, nhưng tôi vẫn nhớ từng chi tiết, và sẽ còn nhớ cho đến khi chết. Tôi sẽ cố kể lại câu chuyện đúng như nó đã xảy ra, nhưng nếu việc ghi chép có vẻ rời rạc thì bạn phải tha thứ cho tôi, vì tôi chưa từng thử viết một câu chuyện nào trước đây và giờ chỉ làm vậy vì tôi muốn những người khác cũng được an ủi, như chính tôi đã được an ủi.

Khoảng 11 giờ sáng hôm đó có tiếng gõ cửa, và người hầu của tôi nói với tôi rằng có một người đàn ông ở ngoài sảnh muốn gặp tôi.

“Người như thế nào?” tôi hỏi.

Nó đáp: “Một người lạ, thưa ông chủ; con nghĩ có lẽ ông ta đến xin ăn.” Tôi bảo thằng bé xuống hỏi xem người ấy muốn gì rồi quay lại cho tôi biết. Khi trở lại, nó nói rằng người ấy có một thông điệp chỉ có thể trao cho riêng tôi, nên với chút bực bội tôi bảo nó đưa người ấy lên.

Even though I have seen this man very often since then, I still find it difficult to describe him—but I shall do my best. He was tall, slim, about forty-five years of age and wore a beard. He was unmistakably a native of Northern India, though his skin was almost as white as mine. He was dressed in a simple Indian costume made of material so indiscriminate in colour that at first sight one might have thought it was dirty, but on closer inspection one saw that it was spotlessly clean. His feet were encased in sandals and he wore a turban.

I told the boy to go, and asked my visitor to sit down. He sat down, not on the chair that I had indicated but crosslegged on the carpet. It was then that I noticed the benevolent expression of his eyes, which seemed to contain the wisdom of the ages. So far he had not spoken.

“Well,” I said, “what can I do for you?”

He seemed surprised at the question, and took a few seconds to answer it. “You sent for me,” he said.

This was too much for me, so I replied: “What on earth do you mean? I’ve never set eyes on you before. So am I likely to have sent for you? Come on, tell me what you want, for I have work to do.”

“You sent for me,” he repeated, and I suppose the surprise I felt must have been evident in my expression for he smiled and continued: “Have you not just lost your brother? Is not it true that you have been asking many questions of a hidden Providence, whom you accuse of being instrumental in taking your brother from you? Have not you said many times: ‘Why should such things be? Why should he be taken and not others? What is the use of believing in a god, when you cannot ask him questions and get from him the answers

Dù từ đó đến nay tôi đã gặp người này rất nhiều lần, tôi vẫn thấy khó mô tả ông—nhưng tôi sẽ cố hết sức. Ông cao, mảnh khảnh, khoảng bốn mươi lăm tuổi và để râu. Rõ ràng ông là người bản xứ miền Bắc Ấn Độ, dù da ông gần như trắng như da tôi. Ông mặc một bộ y phục Ấn Độ đơn giản bằng thứ vải có màu sắc nhạt nhòa đến mức thoát nhìn người ta có thể tưởng là bẩn, nhưng nhìn kỹ thì thấy nó sạch không tí vết. Chân ông đi dép xăng-đan và ông đội khăn xếp.

Tôi bảo thằng bé lui ra, rồi mời vị khách ngồi xuống. Ông ngồi xuống, không phải trên chiếc ghế tôi đã chỉ mà xếp bằng trên tấm thảm. Chính lúc đó tôi nhận thấy vẻ từ hòa trong đôi mắt ông, dường như chứa đựng minh triết của các thời đại. Cho đến lúc ấy ông vẫn chưa nói gì.

“Vâng,” tôi nói, “tôi có thể làm gì cho ông?”

Ông có vẻ ngạc nhiên trước câu hỏi ấy, và mất vài giây mới trả lời. “*Chính anh đã gọi tôi đến,*” ông nói.

Điều đó thật quá sức chịu đựng đối với tôi, nên tôi đáp: “Ông nói cái quái gì vậy? Tôi chưa từng nhìn thấy ông trước đây. Thế thì làm sao tôi lại có thể gọi ông đến? Nào, nói đi, ông muốn gì, vì tôi còn có việc phải làm.”

“*Chính anh đã gọi tôi đến,*” ông lặp lại, và tôi đoán sự ngạc nhiên tôi cảm thấy hẳn đã lộ rõ trên nét mặt vì ông mỉm cười rồi tiếp tục: “*Chẳng phải anh vừa mất em trai đó sao? Chẳng phải đúng là anh đã đặt ra nhiều câu hỏi với một Thiên Ý ẩn kín, Đấng mà anh buộc tội là đã góp phần lấy em trai anh khỏi anh sao? Chẳng phải anh đã nhiều lần nói: ‘Tại sao những điều như thế lại phải xảy ra? Tại sao nó bị lấy đi mà không phải những người khác? Tin vào một vị thần có ích gì, khi anh không thể hỏi Ngài và nhận từ Ngài những câu trả lời*

to those questions which mean so much to you.' For the last three nights, when you have slept, you have dreamt that you have been talking to your brother. You have been talking to him; you have asked these questions and many others during these hours of fitful sleep. I am the answer to these questions. I am the messenger who has been sent to make these things clear to you, for did not Christ say: 'Ask and it shall be given to you; knock and it shall be opened unto you.' You have asked—you have knocked, and it now rests with you whether you still wish to have the answers you have so often clamoured for."

"Of course I want to hear the answers to my questions," I said, "but who are you and how do I know that you can tell me what I want to know? Surely you are a man the same as I, alive and in the flesh, yet you talk of knowing my brother, of talking to him, of hearing me ask the very questions that I have asked. Is this magic, or am I dreaming? Convince me, if you can. You'll find me a good listener, not very credulous I'm afraid, but as you seem to know so much about me already, I'll listen to what you have to say."

Then he said: "I am afraid it will take some time to make you understand, but if you are willing to spare the time, I will come to you for an hour or two most days, until my story is concluded. I cannot promise that you will be convinced by all I have to tell you, but I can promise that at least you will be happier than you are now, so for that reason alone, perhaps the time will not entirely be wasted. Is 11 o'clock each morning suitable for you?"

I said: "Yes, oh yes," rather wondering what I had let myself in for, but at the same time feeling that I could get rid of him after the first

cho những câu hỏi có ý nghĩa quá lớn đối với anh.' Trong ba đêm vừa qua, khi anh ngủ, anh đã mơ rằng mình đang nói chuyện với em trai. Anh đã nói chuyện với nó; anh đã hỏi những câu hỏi này và nhiều câu hỏi khác trong những giờ ngủ chập chờn ấy. Tôi là câu trả lời cho những câu hỏi đó. Tôi là sứ giả đã được gửi đến để làm sáng tỏ những điều này cho anh, vì chẳng phải Đức Christ đã nói: 'Hãy xin thì sẽ được ban cho; hãy gõ thì sẽ mở cho.' Anh đã xin—anh đã gõ, và giờ đây tùy nơi anh liệu anh còn muốn có những câu trả lời mà anh đã nhiều lần kêu đòi hay không."

"Dĩ nhiên tôi muốn nghe câu trả lời cho những câu hỏi của mình," tôi nói, "nhưng ông là ai và làm sao tôi biết ông có thể nói cho tôi điều tôi muốn biết? Chắc chắn ông cũng là một người như tôi, đang sống và bằng xương bằng thịt, thế mà ông lại nói như biết Huynh đệ của Tôi, nói chuyện với nó, nghe tôi hỏi chính những câu hỏi mà tôi đã hỏi. Đây là huyền thuật, hay tôi đang mơ? Hãy thuyết phục tôi, nếu ông có thể. Ông sẽ thấy tôi là một người biết lắng nghe, e rằng không quá cả tin, nhưng vì ông dường như đã biết quá nhiều về tôi rồi, tôi sẽ nghe điều ông muốn nói."

Rồi ông nói: "Tôi e rằng sẽ cần một thời gian để làm cho anh hiểu, nhưng nếu anh sẵn lòng dành thời gian, tôi sẽ đến gặp anh một hoặc hai giờ vào hầu hết các ngày, cho đến khi câu chuyện của tôi kết thúc. Tôi không thể hứa rằng anh sẽ bị thuyết phục bởi tất cả những gì tôi phải nói với anh, nhưng tôi có thể hứa rằng ít nhất anh sẽ hạnh phúc hơn bây giờ, nên chỉ riêng vì lý do đó thôi, có lẽ thời gian ấy cũng sẽ không hoàn toàn bị lãng phí. Mỗi sáng lúc 11 giờ có thuận tiện cho anh không?"

Tôi nói: "Vâng, ô vâng," vừa tự hỏi không biết mình đã dính vào chuyện gì, nhưng đồng thời lại cảm thấy rằng tôi có thể tổng khứ ông sau

day, if I found there was a catch in the thing.

I looked up to carry on the conversation, but he had gone. There was no one there, although I had not heard the door open or shut. I began to wonder if I had dreamt it all or whether my brain had become a little deranged, owing to worry and lack of sleep. I even sent for my servant and asked him if he really had brought a man up to see me; when he said he had, I asked if he had seen him go, but he said he had not and resolutely denied that anyone could have left my room and gone out by the front door without his seeing him. That did not help and I still wondered if it had been a dream, for somehow the statement of the boy that he had brought the man to me seemed unreal. I decided to wait for the morrow: 11 o'clock was the time he had fixed, and I was certainly going to be in my room at that hour, to see whether he came or not.

Oddly enough I slept that night as I had not slept since I had received that fateful cable; when I woke in the morning, I seemed to have been talking to Charles and telling him about my visitor. In my dreaming Charles did not seem to be at all surprised, and I woke with a certainty that my Indian friend would turn up as arranged. I decided I would ask him as soon as he arrived how he had managed to go without being seen or heard.

I suppose my door must have been ajar, for just on 11 o'clock a pleasant voice at my elbow said: "Well, do you still want those questions answered?" I had not heard him come, but in a strange way was so reassured by his presence that I replied: "Certainly, I am ready." Without any more casual conversation he sat down on the floor, I leant back in my chair, and he started to tell me the most amazing story I

ngày đầu tiên, nếu tôi thấy trong chuyện này có điều gì mờ ám.

Tôi ngẩng lên để tiếp tục câu chuyện, nhưng ông đã biến mất. Không còn ai ở đó, mặc dù tôi không hề nghe tiếng cửa mở hay đóng. Tôi bắt đầu tự hỏi liệu mình có mơ hết mọi chuyện không, hay bộ não tôi đã hơi rối loạn vì lo âu và thiếu ngủ. Tôi thậm chí còn gọi người hầu đến và hỏi nó xem có thật nó đã dẫn một người đàn ông lên gặp tôi không; khi nó nói là có, tôi hỏi nó có thấy người ấy đi ra không, nhưng nó bảo là không và quả quyết phủ nhận rằng có ai có thể rời phòng tôi rồi đi ra cửa trước mà nó không nhìn thấy. Điều đó chẳng giúp ích gì và tôi vẫn tự hỏi liệu đó có phải là một giấc mơ không, vì bằng cách nào đó lời khẳng định của thằng bé rằng nó đã đưa người ấy đến gặp tôi nghe thật không thực. Tôi quyết định chờ đến ngày mai: 11 giờ là giờ ông đã định, và chắc chắn tôi sẽ ở trong phòng mình vào giờ đó để xem ông có đến hay không.

Lạ thay, đêm đó tôi ngủ ngon như chưa từng ngủ kể từ khi nhận bức điện định mệnh ấy; khi thức dậy vào buổi sáng, tôi có cảm giác như mình đã nói chuyện với Charles và kể cho nó nghe về vị khách của tôi. Trong giấc mơ, Charles dường như không hề ngạc nhiên chút nào, và tôi thức dậy với một sự chắc chắn rằng người bạn Ấn Độ của tôi sẽ đến đúng như đã hẹn. Tôi quyết định sẽ hỏi ông ngay khi ông đến rằng ông đã làm cách nào để đi mà không ai thấy hay nghe.

Tôi đoán cửa phòng tôi hẳn đã hé mở, vì đúng vào khoảng 11 giờ, một giọng nói dễ chịu bên cạnh tôi cất lên: "Vây, anh vẫn còn muốn những câu hỏi ấy được trả lời chứ?" Tôi đã không nghe thấy ông bước vào, nhưng một cách kỳ lạ lại cảm thấy được trấn an đến mức tôi đáp: "Chắc chắn rồi, tôi đã sẵn sàng." Không thêm lời xã giao nào nữa, ông ngồi xuống sàn, tôi ngả người ra ghế, và ông bắt đầu kể cho tôi

have ever heard—a story that even now I cannot fully understand, but one which rang true from the first word, a story which I feel will ring true for others who may read it.

During all the days which followed, we had little conversation. He came, just as he had done the first day; sometimes he talked for an hour, sometimes longer, and when he had finished for the morning, he put the palms of his hands together in Eastern fashion and went away. I rather think he sensed when I had had enough, when my brain, reeling with strange facts, had reached a stage at which it could take in no more, for I noticed that he sometimes finished suddenly and without a word of farewell left the room, to return the following morning when, without any fresh introduction, he started to speak as if he had just finished the sentence with which his previous day's discourse was completed.

câu chuyện kỳ diệu nhất mà tôi từng nghe— một câu chuyện mà ngay cả bây giờ tôi vẫn chưa thể hoàn toàn hiểu hết, nhưng là câu chuyện đã vang lên như chân lý ngay từ lời đầu tiên, một câu chuyện mà tôi cảm thấy sẽ cũng vang lên như chân lý đối với những người khác có thể đọc nó.

Trong suốt những ngày sau đó, chúng tôi ít trò chuyện. Ông đến, đúng như ngày đầu tiên; đôi khi ông nói trong một giờ, đôi khi lâu hơn, và khi kết thúc cho buổi sáng, ông chắp hai lòng bàn tay theo lối phương Đông rồi ra đi. Tôi khá chắc rằng ông cảm nhận được khi nào tôi đã nghe đủ, khi nào bộ não tôi, quay cuồng vì những sự kiện lạ lùng, đã đến mức không thể tiếp nhận thêm nữa, vì tôi nhận thấy đôi khi ông kết thúc đột ngột và không một lời từ biệt rời khỏi phòng, để rồi sáng hôm sau trở lại và, không cần lời dẫn nhập mới nào, ông bắt đầu nói như thể vừa mới kết thúc câu mà bài giảng hôm trước của ông đã dừng lại.

Chapter 1

"I have not come to convert you to any new faith, any new philosophy. I have not been sent to you by him who is my Master to provide answers to the questions which puzzle you at present. The only way in which I can do this is to tell you about the fundamental facts of life in the hope that this will give you a foundation of knowledge through which you can build up a philosophy of your own. I shall also assist you in gaining practical experience through which you can prove things for yourself. Much of what I say will sound unusual to you but, in many lives, I have studied much and had proof of which has convinced me that certain facts are true. I have no desire that you accept what I say as facts or truth, for you can only do so when you get to know such things within your own consciousness.

"There is an old saying of the Lord Buddha, Who founded the religion which bears His name, which illustrates my point. One day one of His disciples came to Him and said: 'Lord, whom shall I believe? One man telleth me this and another that, and both seem sure they are right.' The Lord Buddha replied: 'My son, believe not that which any man saith, not even I, the Lord Buddha, unless it appeals to your common sense. And even then do not believe it, but treat it as a reasonable hypothesis until such time as you can prove it for yourself.'

"First of all I shall give you a rough outline of the path which is called evolution and of how that indefinable thing called life is found to flow through the kingdoms of Nature.

"Of the source of life, I can give you no idea. I

"Tôi không đến để cải đạo anh sang một đức tin mới nào, một triết lý mới nào. Tôi không được Đấng là Chân sư của tôi gửi đến với anh để cung cấp những câu trả lời cho các câu hỏi hiện đang làm anh bối rối. Cách duy nhất để tôi có thể làm điều đó là nói với anh về những sự kiện căn bản của đời sống với hy vọng rằng điều này sẽ cho anh một nền tảng tri thức, nhờ đó anh có thể xây dựng nên một triết lý của riêng mình. Tôi cũng sẽ giúp anh đạt được kinh nghiệm thực tiễn, nhờ đó anh có thể tự mình chứng minh mọi điều. Phần lớn những gì tôi nói sẽ nghe có vẻ lạ lùng đối với anh, nhưng qua nhiều kiếp sống, tôi đã học hỏi nhiều và đã có những bằng chứng khiến tôi xác tín rằng một số sự kiện là chân thật. Tôi không hề mong anh chấp nhận những gì tôi nói như là sự kiện hay chân lý, vì anh chỉ có thể làm như vậy khi anh biết những điều ấy trong chính tâm thức của mình.

"Có một câu nói xưa của Đức Phật, Đấng đã sáng lập tôn giáo mang danh Ngài, minh họa cho điều tôi muốn nói. Một ngày kia một đệ tử của Ngài đến với Ngài và nói: 'Bạch Phật, con nên tin ai? Người này nói với con điều này, người kia nói với con điều nọ, và cả hai dường như đều chắc chắn rằng họ đúng.' Đức Phật đáp: 'Con đừng tin điều mà bất kỳ ai nói, ngay cả Ta, Đức Phật, trừ phi điều đó phù hợp với lương tri của con. Và ngay cả khi ấy cũng đừng tin nó, mà hãy xem nó như một giả thuyết hợp lý cho đến khi nào con có thể tự mình chứng minh được.'

"Trước hết tôi sẽ cho anh một phác thảo khái quát về con đường được gọi là tiến hoá và về cách điều không thể định nghĩa ấy gọi là sự sống được thấy là chảy qua các giới của Thiên Nhiên.

"Về nguồn gốc của sự sống, tôi không thể cho

do not know and I have never met anyone who did. But does that matter? All thinking men are agreed that there must be a creative power behind the Universe; whether we think of that Power as a personal God or just the power of creation does not seem to be a matter of great importance. There are many who still like to think of God as a venerable old man with a beard, an idealistic figure based on the highest that each person can imagine, but with unlimited powers and an understanding of justice that is unequalled amongst men. Who shall say that such an idea is foolish? It may satisfy many but it has no foundation in fact, for no man lives who can speak with knowledge of either the creation of the universe or of that thing which we call life.

“Although we cannot analyse life, we can contact it. Who has not seen an animal or a human, living one minute and dead the next? What has happened during that minute? Certainly something has gone out of the body which one saw in action, and left behind the still flesh which, even as one looks, seems to start to disintegrate and return to Mother Earth. So we can recognise life as a fact, although we may not be able to understand it, and certainly we cannot create it as we can so many other things in these enlightened days. The mind of man has produced many synthetic aids to nature, but not synthetic life.

“The world of science tells us that life is found in all the four kingdoms of nature—the mineral, vegetable, animal and human kingdoms. We do not need to be told that there is life in the animal and human kingdoms—we can see that for ourselves—but it is more

anh một ý niệm nào. Tôi không biết và tôi chưa từng gặp ai biết cả. Nhưng điều đó có quan trọng không? Tất cả những người biết suy nghĩ đều đồng ý rằng phải có một quyền năng sáng tạo đứng sau Vũ Trụ; việc chúng ta nghĩ về Quyền Năng ấy như một Thượng đế có ngôi vị hay chỉ là quyền năng sáng tạo dường như không phải là điều quá quan trọng. Vẫn còn nhiều người thích nghĩ về Thượng đế như một ông lão đáng kính có râu, một hình tượng lý tưởng dựa trên điều cao cả nhất mà mỗi người có thể tưởng tượng ra, nhưng với quyền năng vô hạn và một sự hiểu biết về công lý không ai trong loài người sánh được. Ai dám nói rằng một ý tưởng như thế là ngu xuẩn? Nó có thể làm thỏa mãn nhiều người nhưng không có nền tảng trong sự kiện, vì không có ai đang sống có thể nói với tri thức về việc tạo thành vũ trụ hay về điều mà chúng ta gọi là sự sống.

“Mặc dù chúng ta không thể phân tích sự sống, chúng ta có thể tiếp xúc với nó. Ai mà chưa từng thấy một con vật hay một con người, đang sống trong phút này và chết ở phút kế tiếp? Điều gì đã xảy ra trong phút ấy? Chắc chắn có một cái gì đó đã rời khỏi thể mà người ta vừa thấy đang hoạt động, và để lại phía sau xác thịt bất động mà, ngay khi người ta nhìn, dường như đã bắt đầu phân rã và trở về với Mẹ Đất. Vì vậy chúng ta có thể nhận ra sự sống như một sự kiện, dù có thể không hiểu được nó, và chắc chắn chúng ta không thể tạo ra nó như chúng ta có thể tạo ra rất nhiều thứ khác trong những ngày giấc ngộ này. Trí tuệ của con người đã tạo ra nhiều trợ cụ tổng hợp cho thiên nhiên, nhưng không tạo ra được sự sống tổng hợp.

“Thế giới khoa học cho chúng ta biết rằng sự sống được tìm thấy trong cả bốn giới của thiên nhiên—giới kim thạch, giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại. Chúng ta không cần ai nói cho biết rằng có sự sống trong giới động vật và giới nhân loại—chúng ta có thể tự thấy

difficult to credit that there is life in the mineral and vegetable kingdoms also. Reliable sources tell us that even rocks have life and that when the life-force is withdrawn from such rocks, they commence to decay; in time they crumble and return to the dust, much as a human body does, though the process takes a longer time. It is certainly easier for us to accept the fact that vegetables have life than that rocks have, for when they are withdrawn from the ground, the source of life in their case, we see for ourselves that they wither and die; in due time they become dust, as do all living things when the life-force is withdrawn.

“Philosophers trace life still further into an additional kingdom, which they term the superhuman kingdom, for when man has conquered the human kingdom, his evolution does not come to a sudden end, but goes on upwards, ever upwards, until at last it reaches the source from which it sprang, how many countless ages before this one, no mere man has been able even to guess. They state further that life is progressive, as are all things in nature, and that the goal of life is experience; this it garners and harvests as it progresses through the kingdom of nature from the lowest form in which life is found, to the highest, which can be described as the Perfect Man, or a ‘man made perfect.’

“Next we must consider what is the difference between life as found in the mineral kingdom and life as we know it in the animal and human kingdoms. Its essence is undoubtedly the same for, as I have stated, the origin of all life is Divine, but how different is its expression? When life starts functioning as various minerals, it has no individuality as we understand such a thing at the human level. In the lower types of minerals the life-force,

điều đó—nhưng khó tin hơn rằng cũng có sự sống trong giới kim thạch và giới thực vật. Những nguồn đáng tin cậy cho biết rằng ngay cả đá cũng có sự sống và khi mãnh lực sự sống bị rút khỏi những tảng đá ấy, chúng bắt đầu mục rã; theo thời gian chúng vụn nát và trở về thành bụi, cũng như thể xác con người, dù tiến trình ấy kéo dài lâu hơn. Chắc chắn chúng ta dễ chấp nhận sự kiện rằng thực vật có sự sống hơn là đá có sự sống, vì khi chúng bị nhổ khỏi đất, nguồn sống của chúng trong trường hợp này, chúng ta tự thấy rằng chúng héo úa và chết; đến lúc thích hợp chúng trở thành bụi, như mọi sinh vật sống khi mãnh lực sự sống bị rút đi.

“Các triết gia còn truy nguyên sự sống xa hơn nữa vào một giới bổ sung, mà họ gọi là giới siêu nhân loại, vì khi con người đã chinh phục giới nhân loại, sự tiến hoá của y không đột ngột chấm dứt mà tiếp tục đi lên, mãi đi lên, cho đến cuối cùng đạt tới nguồn cội từ đó nó đã phát sinh, từ biết bao thời đại vô số trước thời này, điều mà không một người phàm nào có thể đoán nổi. Họ còn nói thêm rằng sự sống là tiến bộ, như mọi sự trong thiên nhiên, và mục tiêu của sự sống là kinh nghiệm; sự sống thu lượm và gặt hái kinh nghiệm ấy khi nó tiến qua các giới của thiên nhiên từ hình thức thấp nhất nơi sự sống được tìm thấy đến hình thức cao nhất, có thể được mô tả là Con Người Hoàn Hảo, hay một ‘con người được làm cho hoàn hảo.’

“Tiếp theo chúng ta phải xét xem sự khác biệt giữa sự sống như được tìm thấy trong giới kim thạch và sự sống như chúng ta biết trong giới động vật và giới nhân loại là gì. Bản chất của nó chắc chắn là như nhau, vì như tôi đã nói, nguồn gốc của mọi sự sống là thiêng liêng, nhưng sự biểu lộ của nó khác nhau biết bao? Khi sự sống bắt đầu hoạt động như các loại khoáng vật khác nhau, nó không có tính cá thể như chúng ta hiểu điều ấy ở cấp độ con người.

after having gained the experience it must obtain, passes into the higher forms; later it passes to the lower type of vegetable and so to the higher types of the same kingdom. All this takes many thousands of years as time is reckoned on this planet, but it is only when life passes from the vegetable to the animal kingdom that any sort of division becomes apparent. Even at this stage there is no individuality but merely a group consciousness or group soul, common to all the different animals of the same species, which works on and directs these animals from without. When the life-force passes to the human kingdom, an indwelling spirit or ego inhabits each individual body and dictates the thoughts and actions of every human being. At this stage of evolution group souls have an influence upon races—but none on individuals, who now have free will.

“To animals man is a super-animal, just as to man a perfect man is a superman. It is unfortunate to find that this super-animal is inclined to act with cruelty to his younger brothers rather than with compassion and understanding; in fact he seems to be the main cause of the suffering they undergo. If man killed only for the purpose of obtaining food, as animals do, or because a wild animal is threatening to kill him, that might be regarded as conforming to the laws of nature, but he tortures animals by various means so that his women folk may be adorned with furs and feathers, and he kills for what he terms ‘sport’ when he practises his ‘skill’ in marksmanship, regardless of the suffering he may cause to those not so well equipped as himself. All this thoughtless cruelty brings into manifestation the emotion of fear, the most retarding of all emotions. Fear of the super-animal begins in the lowest forms of animal life and continues throughout the

Trong các loại khoáng vật thấp hơn, mãnh lực sự sống, sau khi đã đạt được kinh nghiệm mà nó phải có, sẽ chuyển sang các hình thức cao hơn; về sau nó chuyển sang loại thực vật thấp hơn rồi đến các loại cao hơn trong cùng giới ấy. Tất cả điều này mất nhiều ngàn năm theo cách thời gian được tính trên hành tinh này, nhưng chỉ khi sự sống chuyển từ giới thực vật sang giới động vật thì một loại phân chia nào đó mới trở nên rõ rệt. Ngay ở giai đoạn này vẫn chưa có tính cá thể mà chỉ có một tâm thức nhóm hay Hồn nhóm, chung cho mọi loài vật khác nhau cùng một giống, hoạt động và điều khiển các con vật ấy từ bên ngoài. Khi mãnh lực sự sống chuyển sang giới nhân loại, một tinh thần nội tại hay chân ngã cư ngụ trong mỗi thể cá nhân và chi phối tư tưởng cùng hành động của mỗi con người. Ở giai đoạn tiến hoá này, các hồn nhóm có ảnh hưởng lên các nhân loại—but không ảnh hưởng lên các cá nhân, những người giờ đây có ý chí tự do.

“Đối với loài vật, con người là một siêu-thú, cũng như đối với con người, một con người hoàn hảo là một siêu nhân. Thật đáng tiếc khi thấy rằng siêu-thú này lại có khuynh hướng hành động tàn nhẫn với những em nhỏ của mình hơn là với lòng từ bi và sự thấu hiểu; thật vậy, dường như y là nguyên nhân chính gây ra nỗi đau khổ mà chúng phải chịu. Nếu con người chỉ giết để kiếm thức ăn, như loài vật vẫn làm, hoặc vì một con thú hoang đang đe dọa giết y, thì điều đó có thể được xem là phù hợp với các định luật của thiên nhiên, nhưng y tra tấn loài vật bằng nhiều cách để phục vụ của y có thể được trang điểm bằng lông thú và lông chim, và y giết vì điều y gọi là ‘thể thao’ khi thực hành ‘kỹ năng’ bắn súng của mình, bất kể nỗi đau khổ y có thể gây ra cho những kẻ không được trang bị tốt như y. Tất cả sự tàn nhẫn vô tâm này làm cho cảm xúc sợ hãi biểu hiện ra, cảm xúc cản trở nhất trong mọi cảm xúc. Nỗi sợ siêu-thú bắt đầu từ những hình thức thấp nhất của đời sống động vật và tiếp

animal kingdom till animals contact man in domestic life, then the fear that was born in the early stages is slowly but surely replaced by love. Until this happens, the progress of animals along the evolutionary path is slow.

“I shall trace for you the passage of the life-force through the animal kingdom. Try to imagine the life-force as constituting the water of a slowly moving canal; it is bounded on both sides by the banks of the canal, thus giving the impression of a controlled purpose. There is practically no difference in this stream when passing through the mineral and vegetable kingdoms, but there is a distinct change as it emerges from the canal into the conditions ruling in the animal kingdom.

“The animal kingdom is a complex structure of different levels of evolution, from microbes and worms, through the wild animals of the jungle, to the animals which man has domesticated. In passing through the animal kingdom the life force acquires the colouration of experience. It takes form as, shall we say, myriads of tadpoles. The life force was contained in the larvæ which were produced by a frog; in due course it emerged as many thousands of tadpoles. These were born to contact life and to gain experience which will colour the water that was clear. Many tadpoles die in infancy, never reaching their destiny as frogs, and these units of water may be said to return to the soul groups scarcely coloured at all. Some become frogs, and although through lack of food or for a thousand different reasons their lives may be short, when they eventually come to an end, the units of water comprising these young frogs return to their soul groups, coloured only with the small experience of discomfort or suffering due to the cause of their deaths.

tục suốt khắp giới động vật cho đến khi loài vật tiếp xúc với con người trong đời sống thuần dưỡng, khi ấy nỗi sợ đã sinh ra trong các giai đoạn đầu chậm mà chắc được thay thế bằng tình thương. Cho đến khi điều này xảy ra, sự tiến bộ của loài vật trên con đường tiến hoá là chậm chạp.

“Tôi sẽ vạch cho anh thấy sự đi qua của mãnh lực sự sống trong giới động vật. Hãy thử hình dung mãnh lực sự sống như nước của một con kênh chảy chậm; nó được giới hạn ở cả hai bên bờ kênh, do đó tạo ra ấn tượng về một mục đích được kiểm soát. Hầu như không có khác biệt nào trong dòng chảy này khi đi qua giới kim thạch và giới thực vật, nhưng có một thay đổi rõ rệt khi nó đi ra khỏi con kênh để bước vào những điều kiện chi phối trong giới động vật.

“Giới động vật là một cấu trúc phức tạp gồm những cấp độ tiến hoá khác nhau, từ vi trùng và giun, qua các thú hoang trong rừng, đến những con vật mà con người đã thuần dưỡng. Khi đi qua giới động vật, mãnh lực sự sống tiếp nhận sắc thái của kinh nghiệm. Nó mang hình thức, giả sử như, vô số nòng nọc. Mãnh lực sự sống đã nằm trong những ấu trùng do một con ếch sinh ra; đến kỳ, nó xuất hiện thành nhiều ngàn nòng nọc. Chúng được sinh ra để tiếp xúc với đời sống và để thu nhận kinh nghiệm, kinh nghiệm này sẽ nhuộm màu dòng nước vốn trong suốt. Nhiều nòng nọc chết khi còn non, không bao giờ đạt đến định mệnh làm ếch, và những đơn vị nước này có thể được nói là trở về các hồn nhóm hầu như chưa bị nhuộm màu gì cả. Một số trở thành ếch, và mặc dù vì thiếu thức ăn hay vì hàng ngàn lý do khác mà đời sống của chúng có thể ngắn ngủi, khi cuối cùng chấm dứt, những đơn vị nước cấu thành các con ếch non ấy trở về các hồn nhóm của chúng, chỉ nhuộm màu bởi chút ít kinh nghiệm về khó chịu hay đau khổ do nguyên nhân cái chết của chúng. Những con khác

Others live longer and in due course contact human life. The frog learns to fear its tormentors, to run from them, to hide when possible and avoid contact with them. In due course it dies, either by a natural death, which in the majority of cases is unlikely, by the unthinking cruelty of the human kingdom or by an attack from one of the natural enemies of frogs, such as snakes. When the units of water comprising these fragments of life return to the compartments, their experience most certainly colours the water, which when it started out was clear, with many colours expressing its sufferings in its diverse forms. The whole experience, blended together, leaves that compartment coloured with the experiences of all the units, none of which has a separate identity, all being part of the complete group soul.

“After one or two lives at this stage of evolution, the life force with its accumulated water experiences passes to the next level. Instead of tens of thousands of tadpoles, it is divided into about ten thousand units of rats, or mice, for example. The rat is born with a fear of the human being and of its natural enemies, for is not the water coloured with the fear that was brought back from the lives lived in the earlier stage. In this series of lives fear continues to grow. In his early life the rat is taught by bitter experience to avoid man at all costs, to work by night when man is less of a terror than by day, and if he manages to live to a ripe old age it is certainly due to his cunning and mastery of methods of circumventing his natural enemies.”

While I was still pondering his final words, I looked up and the room was empty. I sat quite still for a while and tried to grasp the idea of what he had said, and after a time much of it came back. At first I did not consider whether

sống lâu hơn và đến lúc tiếp xúc với đời sống con người. Con ếch học cách sợ những kẻ hành hạ nó, chạy trốn chúng, ẩn nấp khi có thể và tránh tiếp xúc với chúng. Đến lúc nó chết, hoặc bởi cái chết tự nhiên, điều trong đa số trường hợp là khó xảy ra, hoặc bởi sự tàn nhẫn vô tâm của giới nhân loại, hoặc bởi sự tấn công của một trong những kẻ thù tự nhiên của loài ếch, như rắn chẳng hạn. Khi những đơn vị nước cấu thành các mảnh sự sống này trở về các ngăn chứa, kinh nghiệm của chúng chắc chắn sẽ nhuộm màu dòng nước vốn lúc khởi đầu là trong suốt, bằng nhiều màu sắc biểu lộ những đau khổ của nó dưới các hình thức khác nhau. Toàn bộ kinh nghiệm, hòa trộn lại với nhau, để lại ngăn chứa ấy được nhuộm màu bởi kinh nghiệm của tất cả các đơn vị, không đơn vị nào có bản sắc riêng biệt, tất cả đều là phần của hỗn nhóm hoàn chỉnh.

“Sau một hay hai kiếp sống ở giai đoạn tiến hoá này, mảnh lực sự sống cùng với những kinh nghiệm nước đã tích lũy chuyển sang cấp độ kế tiếp. Thay vì hàng chục ngàn nòng nọc, nó được chia thành khoảng mười ngàn đơn vị chuột cống hay chuột nhắt, chẳng hạn. Con chuột sinh ra với nỗi sợ con người và những kẻ thù tự nhiên của nó, vì chẳng phải nước đã được nhuộm màu bởi nỗi sợ được mang về từ những kiếp sống ở giai đoạn trước đó sao. Trong chuỗi kiếp sống này, nỗi sợ tiếp tục tăng trưởng. Trong đời sống đầu tiên của nó, con chuột được dạy bằng kinh nghiệm cay đắng phải tránh con người bằng mọi giá, phải hoạt động ban đêm khi con người ít đáng sợ hơn ban ngày, và nếu nó sống được đến tuổi già thì chắc chắn là nhờ sự ranh mãnh và khả năng làm thất bại những kẻ thù tự nhiên của nó.”

Trong khi tôi vẫn còn suy nghĩ về những lời cuối cùng của ông, tôi ngẩng lên và căn phòng trống không. Tôi ngồi yên một lúc và cố nắm bắt ý nghĩa những gì ông đã nói, và sau một thời gian thì phần lớn điều ấy trở lại với tôi.

I believed it or not; that did not seem to matter. It was all so new but it certainly was interesting; already, although I was tired, I began to look forward to the morrow, for I was confident he would return.

The following day I sat at my desk with my eyes on the door; I was determined I would be on the lookout to see if he opened the door or came through it. But if I expected something supernatural to happen I was disappointed, for just on 11 o'clock the door opened noiselessly in the ordinary way and he greeted me, as I should have expected him to do, just by saying: "Well, are you ready to hear more, or did I bore you yesterday?" I suppose my reply must have satisfied him, for he continued from where he left off.

"The level of evolution of the life force reached in the wild animals is as far removed from the humble worm, as he is from the plant world. The animals themselves live by the natural law, which is 'the survival of the strongest,' and the keynote of the animal kingdom is self-preservation. The weaker animals are killed for food, and fear for survival colours the experiences of all such animals from the day they are born to the day they die, whether their death be a natural one or due to the exploitation of the stronger animal or a bullet from the gun of a hunter. Is it any wonder that the predominating instinct of all wild animals is fear? Fear of the stronger animals and fear of the super-animal called man.

"Many lives are lived by group souls in the bodies of wild animals, because in such incarceration they learn the important lessons of self-preservation and the necessity to work in order to survive, for the obtaining of food alone for each and every animal becomes a daily duty which can never be

Lúc đầu tôi không nghĩ xem mình có tin hay không; điều đó dường như không quan trọng. Tất cả đều quá mới mẻ nhưng chắc chắn rất thú vị; ngay lúc ấy, dù mệt, tôi đã bắt đầu mong đến ngày mai, vì tôi tin chắc ông sẽ trở lại.

Ngày hôm sau tôi ngồi tại bàn làm việc, mắt nhìn chăm chăm vào cánh cửa; tôi quyết tâm phải canh chừng để xem ông có mở cửa hay đi xuyên qua nó. Nhưng nếu tôi mong đợi một điều gì siêu nhiên xảy ra thì tôi đã thất vọng, vì đúng vào khoảng 11 giờ cánh cửa mở ra không tiếng động theo cách hoàn toàn bình thường và ông chào tôi, như lẽ ra tôi phải chờ đợi, chỉ bằng câu: "Vâng, anh đã sẵn sàng nghe thêm chưa, hay hôm qua tôi đã làm anh chán?" Tôi đoán câu trả lời của tôi hẳn đã làm ông hài lòng, vì ông tiếp tục từ chỗ đã dừng lại.

"Cấp độ tiến hoá của mãnh lực sự sống đạt được trong các thú hoang cách xa con giun khiêm tốn cũng như nó cách xa giới thực vật. Bản thân các con vật sống theo định luật tự nhiên, tức là 'sự sống còn của kẻ mạnh nhất,' và chủ âm của giới động vật là tự bảo tồn. Những con vật yếu hơn bị giết để làm thức ăn, và nỗi sợ để sinh tồn nhuộm màu kinh nghiệm của tất cả những con vật ấy từ ngày chúng sinh ra cho đến ngày chúng chết, dù cái chết ấy là tự nhiên hay do bị con vật mạnh hơn khai thác hoặc do viên đạn từ súng của một thợ săn. Có gì đáng ngạc nhiên khi bản năng chi phối của *mọi* thú hoang là sợ hãi? Sợ những con vật mạnh hơn và sợ siêu-thú gọi là con người.

"Nhiều kiếp sống được các hồn nhóm sống qua trong thân xác thú hoang, vì trong sự giam giữ ấy chúng học được những bài học quan trọng về tự bảo tồn và sự cần thiết phải làm việc để sinh tồn, bởi việc kiếm thức ăn riêng cho từng con vật trở thành một bổn phận hằng ngày không bao giờ được sao lãng. Trong những

neglected. During the periods when food is scarce, the instinct of the animal teaches it to seek new pastures and to learn adaptability which will stand the soul in good stead when the time comes for it to emerge as a separate human entity. Maternal instinct is in evidence for the first time in this stage of the life of the group soul.

“I have said enough for you to realise that the wild animals represent the top of the spiral covering the lives lived by the group soul in the animal kingdom, for when ready to progress further the group inhabits bodies that bring it into closer and closer touch with the human kingdom, to which it must pass in the fullness of time.

“In their wild state elephants, donkeys and buffaloes will fight wildly against capture by man, and when caught it is only if they are tamed by kindness that they become at all domesticated and willing to use their natural powers in the interests of human progress. Even after years of captivity they seldom become really domesticated. However in the lives which follow they are mostly born in captivity; therefore, their environment from birth teaches them to lose some of the natural fear that past lives have produced in them. The most evolved of this group are the cattle, for they are often stall fed in the winter months, and it is generally admitted that the providing of food for an animal does more to gain its confidence and eradicate its natural fear of man than anything else.

“Slowly but surely some of this fear of the human race is obliterated and the group soul is ready to pass into its last stage in the animal world, that of the truly domesticated animals: the horse, the dog, and the cat. The group soul

thời kỳ thức ăn khan hiếm, bản năng của con vật dạy nó tìm kiếm đồng cỏ mới và học tính thích nghi, điều sẽ giúp hồn nhóm rất nhiều khi đến lúc nó xuất hiện như một thực thể nhân loại riêng biệt. Bản năng mẫu tử lần đầu tiên biểu lộ ở giai đoạn này trong đời sống của hồn nhóm.

“Tôi đã nói đủ để anh nhận ra rằng thú hoang tượng trưng cho đỉnh của vòng xoắn bao trùm các kiếp sống mà hồn nhóm đã sống trong giới động vật, vì khi sẵn sàng tiến xa hơn, nhóm ấy cư ngụ trong những thân xác đưa nó đến gần giới nhân loại hơn nữa, giới mà theo thời gian viên mãn nó phải chuyển sang.

“Trong trạng thái hoang dã, voi, lừa và trâu sẽ chống lại dữ dội việc bị con người bắt giữ, và khi bị bắt thì chỉ nếu được thuần hóa bằng lòng tử tế chúng mới trở nên phần nào được thuần dưỡng và sẵn lòng dùng các năng lực tự nhiên của mình vì lợi ích của sự tiến bộ nhân loại. Ngay cả sau nhiều năm bị giam giữ, chúng cũng hiếm khi thực sự trở nên thuần dưỡng. Tuy nhiên trong những kiếp sống tiếp theo, phần lớn chúng được sinh ra trong cảnh nuôi nhốt; vì vậy, môi trường từ lúc sinh ra dạy chúng đánh mất phần nào nỗi sợ tự nhiên mà các kiếp trước đã tạo ra trong chúng. Tiến hoá nhất trong nhóm này là gia súc, vì chúng thường được nuôi trong chuồng vào những tháng mùa đông, và người ta thường thừa nhận rằng việc cung cấp thức ăn cho một con vật giúp giành được lòng tin của nó và xóa bỏ nỗi sợ tự nhiên của nó đối với con người hơn bất cứ điều gì khác.

“Chậm mà chắc, một phần nỗi sợ nhân loại này bị xóa bỏ và hồn nhóm sẵn sàng chuyển sang giai đoạn cuối cùng của nó trong thế giới động vật, đó là giai đoạn của những con vật thực sự được thuần dưỡng: ngựa, chó và mèo. Hồn

which in the beginning went out seeking experience in the form of approximately ten thousand tadpoles has gradually but surely divided itself into fewer and fewer parts, until in the last stages of the animal kingdom it is in two parts only—as two horses, two dogs or two cats.

“When the group soul has evolved to the stage where it is divided in half, it is in every way domesticated and has come to understand man as he really is. Now the possibility of its individualising as a separate human ego becomes a fact. How many lives still have to be lived by this group soul depends entirely on the human beings to whom these two animals are attached. If one of the two owners of these horses, dogs or cats is not an animal lover and therefore the treatment meted out to the animal is unsympathetic, or cruel, then some of the fear which in the last twenty lives has been partly eradicated, will come back again and more lives must be lived before individualisation can take place. I cannot emphasise too often or too strongly that if people realised how important it is for them to make friends of all domestic animals and do their part in making them understand man, then this, last stage would be reached much more quickly than is often the case.

“Please understand this clearly: no group soul can individualise into a human soul until all fear of the human race has been overcome. Love is not an emotion which relates exclusively to the human kingdom, in its highest form it encompasses all nature; therefore, man’s part in animal evolution is to see that in the true sense ‘perfect love casteth out fear’ for, without understanding help, the progress of animals on the evolutionary path can be retarded for an unlimited period of time.

nhóm lúc ban đầu đi ra tìm kiếm kinh nghiệm dưới hình thức khoảng mười ngàn nòng nọc đã dần dần nhưng chắc chắn tự phân chia thành ngày càng ít phần hơn, cho đến ở các giai đoạn cuối của giới động vật nó chỉ còn hai phần—như hai con ngựa, hai con chó hay hai con mèo.

“Khi hồn nhóm đã tiến hoá đến giai đoạn bị chia làm hai, nó đã được thuần dưỡng về mọi phương diện và đã hiểu con người như y thực sự là. Giờ đây khả năng biệt ngã hóa thành một chân ngã nhân loại riêng biệt trở thành một sự kiện. Còn bao nhiêu kiếp sống nữa hồn nhóm này phải trải qua hoàn toàn tùy thuộc vào những con người mà hai con vật ấy gắn bó. Nếu một trong hai người chủ của những con ngựa, chó hay mèo này không phải là người yêu loài vật và vì thế cách đối xử dành cho con vật là thiếu cảm thông hoặc tàn nhẫn, thì một phần nỗi sợ mà trong hai mươi kiếp sống cuối đã phần nào bị xóa bỏ sẽ quay trở lại và phải sống thêm nhiều kiếp nữa trước khi sự biệt ngã hóa có thể diễn ra. Tôi không thể nhấn mạnh quá thường xuyên hay quá mạnh mẽ rằng nếu người ta nhận ra việc kết bạn với tất cả các con vật nuôi trong nhà và góp phần của mình để làm cho chúng hiểu con người quan trọng đến mức nào, thì giai đoạn cuối này sẽ đạt được nhanh hơn rất nhiều so với điều thường xảy ra.

“Xin anh hiểu rõ điều này: *không hồn nhóm nào có thể biệt ngã hóa thành một linh hồn nhân loại cho đến khi mọi nỗi sợ đối với nhân loại đã được vượt qua.* Tình thương không phải là một cảm xúc chỉ liên hệ riêng với giới nhân loại, ở hình thức cao nhất của nó, nó bao trùm toàn thể thiên nhiên; vì vậy phần việc của con người trong sự tiến hoá của loài vật là bảo đảm rằng theo nghĩa chân thật, ‘tình thương hoàn hảo xua tan sợ hãi,’ vì nếu không có sự trợ giúp đầy thấu hiểu, sự tiến bộ của loài vật trên con đường tiến hoá có thể bị trì hoãn trong một thời gian vô hạn định.

“How does individualisation eventually take place? It can come about in one of two ways—through the pathway of either the heart or the head, which varies with the type of animal. It can be said that a dog most frequently passes into the human kingdom through love and/or sacrifice. Often a dog is so devoted to his master or to the family of his adoption that in an emergency his instinct of self-preservation completely deserts him and he sacrifices his life to save that of his master or a member of the family. It is not essential for the dog to have made the supreme sacrifice of its life for the group soul to individualise; when a dog has learned all the lessons it was meant to learn in the animal kingdom and when all fear of the human race has been eradicated, it would be a waste of time for the group soul to continue with more incarnations in animal form. Its destiny is then elsewhere, so a transfer to a new and more enlightened sphere of existence takes place.

“The first incarnation in a human body is not necessarily passed in a body as undeveloped as the lowest type of human being on the earth, for often the new ego, through having gained much experience in its last few lives in the animal kingdom—especially one who has given up his own life for a human—has earned the right of a human body slightly more developed than the most undeveloped type found in the world.

“A horse individualises in a way similar to that of a dog—by outstanding devotion to its master. Often one has heard of a horse making a stupendous effort when called upon to do so, only to drop down dead when the effort has been successful.

“While a dog or horse passes into the human kingdom through devotion and/or sacrifice, so a cat earns the right to live as a higher entity

“Sự biệt ngã hóa cuối cùng diễn ra như thế nào? Nó có thể xảy ra theo một trong hai cách—qua con đường của tim hoặc của đầu, tùy theo loại động vật. Có thể nói rằng chó thường đi vào giới nhân loại qua tình thương và/hoặc hi sinh. Thường khi một con chó tận tụy với chủ hay với gia đình đã nhận nuôi nó đến mức trong lúc khẩn cấp, bản năng tự bảo tồn hoàn toàn rời bỏ nó và nó hi sinh mạng sống mình để cứu chủ hay một thành viên trong gia đình. Không nhất thiết con chó phải thực hiện sự hi sinh tối thượng là mạng sống của nó thì hồn nhóm mới biệt ngã hóa; khi một con chó đã học xong mọi bài học mà nó phải học trong giới động vật và khi mọi nỗi sợ đối với nhân loại đã bị xóa sạch, thì việc hồn nhóm tiếp tục thêm những lần lâm phạm trong hình thức động vật sẽ là lãng phí thời gian. Khi ấy định mệnh của nó ở nơi khác, nên một sự chuyển dịch sang một khối cầu hiện hữu mới và giác ngộ hơn sẽ diễn ra.

“Lần lâm phạm đầu tiên trong một thể người không nhất thiết phải diễn ra trong một thể kém phát triển như loại người thấp nhất trên trái đất, vì thường khi chân ngã mới, do đã thu được nhiều kinh nghiệm trong vài kiếp sống cuối của nó trong giới động vật—đặc biệt là một con đã hi sinh mạng sống mình cho con người—đã xứng đáng với quyền có một thể người phát triển hơn đôi chút so với loại kém phát triển nhất được tìm thấy trên thế giới.

“Một con ngựa biệt ngã hóa theo cách tương tự như chó—bằng sự tận tụy nổi bật đối với chủ của nó. Người ta thường nghe kể về một con ngựa đã nỗ lực phi thường khi được yêu cầu làm như vậy, chỉ để rồi ngã gục chết khi nỗ lực ấy thành công.

“Trong khi chó hay ngựa đi vào giới nhân loại qua sự tận tụy và/hoặc hi sinh, thì mèo giành được quyền sống như một thực thể cao hơn

by learning to understand man. In olden days many philosophers said that a dog and a horse earn the right to progress by devotion whereas a cat employs cunning, the first glimmering of the faculty of reason.

“We can see instances of elephants who have been trained to serve man, and monkeys who have lived in the right types of zoological gardens, who obviously qualify in this respect, and in surroundings devoid of fear they have used their brains and so can be said to understand, to a limited extent, the ways of man. Animals which miss out a life as domesticated animals go into the lowest form of human body that is known in the world. On the other hand, the group souls of many highly evolved dogs miss out having to inhabit the bodies of the lowest form of human life known, and are born into bodies of a more evolved type of man—probably as members of tribes who for generations have served mankind.

“Before passing on to the early lives of the human race with its tremendous differences from life in the animal kingdom, I must mention the case of the animal which individualises as a human being whilst still occupying an animal body. The transfer from the animal sphere to the human must take place when the right time comes when all fear is gone, and when the love side of the animal has been sufficiently developed. In a case where one dog, which is half a group soul, has died a natural death and where the second half of the group soul, another dog, remains alive but has no more lessons to learn, this dog becomes a human being in everything other than form. Doubtless you have come across cases where a dog in later life seemed ‘almost human,’ where it appeared to understand almost every word that was said to it and

bằng cách học hiểu con người. Thời xưa nhiều triết gia nói rằng chó và ngựa giành được quyền tiến bộ bằng sự tận tụy, còn mèo thì dùng sự ranh mãnh, tia lóe đầu tiên của năng lực lý trí.”

“Chúng ta có thể thấy những trường hợp voi đã được huấn luyện để phụng sự con người, và khỉ đã sống trong những loại vườn bách thú thích hợp, rõ ràng đủ điều kiện về phương diện này; trong những môi trường không có sợ hãi, chúng đã dùng bộ não của mình và vì thế có thể nói là hiểu được, ở một mức độ hạn chế, những cách thức của con người. Những con vật bỏ qua một kiếp làm thú vật được thuần dưỡng sẽ đi vào loại thể xác con người thấp nhất được biết đến trên thế giới. Mặt khác, Hồn nhóm của nhiều con chó tiến hóa cao bỏ qua việc phải cư ngụ trong những thể xác của loại đời sống con người thấp nhất được biết đến, và được sinh vào những thể xác của loại người tiến hóa hơn—có lẽ như những thành viên của các bộ lạc qua nhiều thế hệ đã phụng sự nhân loại.

“Trước khi chuyển sang những kiếp sống đầu tiên của nhân loại với những khác biệt to lớn của nó so với đời sống trong giới động vật, tôi phải đề cập đến trường hợp con vật biệt ngã hóa thành một con người trong khi vẫn còn chiếm giữ một thể động vật. Sự chuyển dịch từ lĩnh vực động vật sang nhân loại phải diễn ra khi thời điểm thích hợp đến, khi mọi sợ hãi đã biến mất, và khi phương diện bác ái của con vật đã được phát triển đầy đủ. Trong trường hợp một con chó, là một nửa của Hồn nhóm, đã chết một cách tự nhiên và nửa còn lại của Hồn nhóm, một con chó khác, vẫn còn sống nhưng không còn bài học nào để học nữa, thì con chó này trở thành một con người trong mọi phương diện ngoại trừ hình tướng. Hẳn là bạn đã từng gặp những trường hợp một con chó về cuối đời dường như ‘gần như là người,’ dường như hiểu gần như mọi lời người ta nói

where its uncanny understanding of your thoughts and actions savoured of an intuition beyond what you imagined to be possible in an animal. Such a dog is in fact a ‘human dog,’ an animal in form, but a human in intelligence and one able to reason and make decisions for which it alone would be responsible.

“The main difference between a human being and an animal is the faculty of reason—and with it the gifts of free will. A man knows the difference between right and wrong; even in his early lives as a human being he can make his own decisions, whereas an animal has to obey the laws of the animal world. An animal lives by instinct, and outside the limits of instinct it cannot think. A man can choose the evil path, even though he knows it is evil and against the progressive forces that rule the world, but an animal must ever act as its instinct compels it—for such is the Law.”

Once again I did not see him go, for my mind was so full of these strange ideas. I decided to write down everything I could remember of these two talks and came to the conclusion that I would make shorthand notes of all future talks.

Chapter 2

“So you have been writing down what I have said to you; that is good.”

Today again I had not seen my teacher enter, for I was re-reading through the notes I had made.

“Yes,” I answered, “but how did you know what I had been doing?”

với nó và sự thấu hiểu kỳ lạ của nó đối với tư tưởng và hành động của bạn mang dáng dấp của một trực giác vượt quá điều bạn tưởng là có thể nơi một con vật. Thật ra, một con chó như thế là một ‘con chó-người,’ là động vật về hình tướng, nhưng là con người về trí tuệ và có khả năng lý luận cũng như đưa ra những quyết định mà chỉ riêng nó phải chịu trách nhiệm.

“Sự khác biệt chính giữa con người và con vật là năng lực lý trí—và cùng với nó là những ân huệ của ý chí tự do. Con người biết sự khác nhau giữa đúng và sai; ngay cả trong những kiếp đầu tiên làm người, y cũng có thể tự đưa ra quyết định của mình, trong khi con vật phải tuân theo các định luật của thế giới động vật. Con vật sống bằng bản năng, và ngoài giới hạn của bản năng, nó không thể suy nghĩ. Con người có thể chọn con đường ác, dù y biết đó là ác và đi ngược lại những mãnh lực tiến hóa cai quản thế giới, nhưng con vật thì luôn luôn phải hành động theo điều bản năng thúc ép nó—vì quy luật là như vậy.”

Một lần nữa tôi đã không thấy ông ấy rời đi, vì trí tôi đầy ắp những ý tưởng kỳ lạ này. Tôi quyết định viết lại mọi điều tôi có thể nhớ được từ hai cuộc nói chuyện này và đi đến kết luận rằng tôi sẽ ghi tốc ký tất cả những cuộc nói chuyện sau này.

“Vậy là anh đã viết lại những gì tôi đã nói với bạn; điều đó tốt.”

Hôm nay nữa tôi lại không thấy vị thầy của mình bước vào, vì tôi đang đọc lại những ghi chép mình đã thực hiện.

“Vâng,” tôi đáp, “nhưng làm sao ông biết tôi đã làm gì?”

“You told me so yourself last night, when you were asleep and out of your body,” he replied. “I do not propose to explain to you now how you told me last night that you had decided to keep a full record of my talks. When I have finished my visits, you will understand everything so clearly that you will be able to answer such questions yourself.”

He was enthusiastic about my decision to take notes and told me that he would be only too pleased to add to my record of the past two days. I noticed that he did not alter a single word of my script so far as the record had gone, but he spent some little time in filling in the blanks I had left when I could not remember facts exactly.

“You will remember I told you that the keynote of the animal kingdom was self-preservation. How different is the keynote of the human kingdom, for it is self-sacrifice. Although this is the important standard for any human life, there are other laws which must be understood by those who seek to discover the secrets of the evolutionary path. These are, of course, different from those governing animals and yet, for the first few lives lived by the unevolved man, he is more animal than man. Although he has shaken off his fear of man, the practices brought over from the animal kingdom, where he took what he could by virtue of his brain power or his physical strength, still persist.

“The first important law which operates in the human kingdom is the law of reincarnation. This law asserts that an ego, once individualised, returns again and again to incarnate in a human physical body until such time as he had learned, by experience in all types of surroundings, all the lessons that can be learned under physical conditions. When

“Chính anh đã tự nói với tôi như thế tối qua, khi anh đang ngủ và ra ngoài thể xác của mình,” ông đáp. “Bây giờ tôi không định giải thích cho anh cách mà tối qua anh đã nói với tôi rằng anh quyết định giữ một bản ghi chép đầy đủ về những cuộc nói chuyện của tôi. Khi tôi kết thúc những lần viếng thăm của mình, anh sẽ hiểu mọi sự rõ ràng đến mức chính anh sẽ có thể tự trả lời những câu hỏi như thế.”

Ông rất tán thành quyết định ghi chép của tôi và nói rằng ông sẽ hết sức vui lòng bổ sung vào bản ghi chép của tôi về hai ngày vừa qua. Tôi nhận thấy rằng ông không sửa đổi một lời nào trong bản thảo của tôi ở phần đã được ghi lại, nhưng ông dành một ít thời gian để điền vào những chỗ trống tôi đã để lại khi không thể nhớ chính xác các sự kiện.

“Anh sẽ nhớ rằng tôi đã nói với anh chủ âm của giới động vật là sự tự bảo tồn. Chủ âm của giới nhân loại khác biệt bao, vì đó là sự hi sinh bản thân. Mặc dù đây là tiêu chuẩn quan trọng đối với bất kỳ đời sống con người nào, vẫn còn những định luật khác phải được thấu hiểu bởi những ai tìm cách khám phá các bí mật của con đường tiến hoá. Dĩ nhiên, những định luật này khác với những định luật chi phối loài vật, tuy nhiên trong vài kiếp đầu tiên của con người chưa tiến hóa, y vẫn là thú nhiều hơn là người. Dù y đã gạt bỏ nỗi sợ con người, những tập quán mang theo từ giới động vật, nơi y lấy bất cứ gì có thể bằng sức mạnh trí tuệ hay sức mạnh thể xác của mình, vẫn còn tồn tại.

“Định luật quan trọng đầu tiên vận hành trong giới nhân loại là định luật luân hồi. Định luật này khẳng định rằng một chân ngã, một khi đã biệt ngã hóa, sẽ trở lại hết lần này đến lần khác để nhập thể trong một thể xác hồng trần của con người cho đến khi y đã học được, qua kinh nghiệm trong mọi loại hoàn cảnh, tất cả những bài học có thể học được dưới các điều

the life force progresses through the mineral and vegetable kingdoms, this law exists to a limited extent, but it is not very apparent. In the animal kingdom it also exists, still only to a limited extent as there are as yet no separate entities, but it unfolds itself during the period of evolution after the ego has individualised into the human kingdom.

“The second important law, which operates for humans though not for animals, is the law of karma, often referred to as the law of cause and effect. From the moment that the group soul becomes a separate ego, this Law operates. The law of karma decrees that every thought, word or action that emanates from man must produce a definite result—either good or bad—and that result must be worked out by us in our lives at the physical level. There is nothing unfair in this, for as the Christian teaching has it, ‘as you sow, so shall you reap.’

“According to the law of karma, a selfish act on your part which causes untold misery to another soul, earns a unit of bad karma which must be paid for by your suffering from a similar action at the hand of another, either in this life or in a life to come. In like manner a kind act on your part means that a unit of good karma has been earned by you, the result of which must be either a wiping off of a unit of bad karma made by you—the good offsetting the bad—or the gift of the same amount of kindness from a different source. When a new ego starts his human lives, the number of foolish or evil actions, thoughts and words naturally far exceed those of a beneficent kind and if the law worked literally, the man would lead a life of perpetual misery and suffering, caused entirely by his own actions, thoughts and words, each producing its just result. Such a life would be intolerable and impossible to live; suicide would soon become the practice

kiện hồng trần. Khi sự sống tiến triển qua giới kim thạch và giới thực vật, định luật này tồn tại ở một mức độ hạn chế, nhưng không biểu lộ rõ rệt lắm. Trong giới động vật nó cũng tồn tại, vẫn chỉ ở một mức độ hạn chế vì chưa có những thực thể riêng biệt, nhưng nó khai mở trong thời kỳ tiến hoá sau khi chân ngã đã biệt ngã hóa vào giới nhân loại.

“Định luật quan trọng thứ hai, vận hành đối với con người nhưng không đối với loài vật, là định luật nghiệp quả, thường được gọi là định luật nhân quả. Từ khoảnh khắc Hồn nhóm trở thành một chân ngã riêng biệt, Định luật này bắt đầu vận hành. Định luật nghiệp quả quy định rằng mọi tư tưởng, lời nói hay hành động phát ra từ con người đều phải tạo ra một kết quả xác định—hoặc tốt hoặc xấu—và kết quả ấy phải được chúng ta giải quyết trong các kiếp sống của mình ở cấp độ hồng trần. Trong điều này không có gì là bất công, vì như giáo huấn Cơ Đốc đã nói, ‘bạn gieo gì, anh sẽ gặt nấy.’

“Theo định luật nghiệp quả, một hành động ích kỷ của anh gây nên nỗi khổ không kể xiết cho một linh hồn khác sẽ tạo ra một đơn vị nghiệp xấu, và đơn vị ấy phải được trả bằng việc anh chịu đau khổ do một hành động tương tự từ tay người khác, hoặc trong kiếp này hoặc trong một kiếp tương lai. Cũng theo cách ấy, một hành động tử tế của anh có nghĩa là anh đã tạo được một đơn vị nghiệp tốt, kết quả của nó hoặc là xóa đi một đơn vị nghiệp xấu do anh tạo ra—điều tốt hóa giải điều xấu—hoặc là món quà của một lượng tử tế tương đương từ một nguồn khác. Khi một chân ngã mới bắt đầu những kiếp sống làm người của mình, số lượng những hành động, tư tưởng và lời nói ngu xuẩn hay xấu ác dĩ nhiên vượt xa những điều thuộc loại thiện lành; và nếu định luật vận hành theo nghĩa đen, con người sẽ sống một đời khổ đau và bất hạnh liên miên, hoàn toàn do chính hành động, tư tưởng và lời nói của mình gây ra, mỗi thứ đều tạo nên kết

amongst young souls. A more humane method is adopted however whereby, in any one life, no man is expected to suffer more than he can stand, and the units of bad karma made by him in that life through inexperience, and which have not been paid off or negated by similar units of good karma, are carried forward for working out in future lives. The result of this arrangement, which may be likened to a bank overdraft, is that during the first two hundred or more incarnations the man continually adds to that overdraft. But all this time he is creating what we call the voice of conscience. As that still small voice is built up by the experiences the ego gleans in his different human bodies, it does not operate appreciably for many lives.

“Here is an example: An unevolved man, knowing little of the ways of the human but much of the ways of the animal world, desires to possess something owned by another. His animal instinct is to take that which he desires by force. If he is strong enough he tries to do so; a fight ensues resulting in the death of another human being. The laws governing man then come into force; the murderer is arrested, tried and put to death. The reservoir of knowledge, which exists at the higher mental level, notes the result of such an action and in a future life, when the same man in a different body wishes to possess something owned by another, he is warned by the voice of experience, his conscience, that if he kills his enemy, he himself will suffer the same fate at the hands of the State. In this manner, gradually, the reservoir of knowledge is built up, each major happening in the lives lived being registered for the purpose of a warning

quả công bằng của nó. Một đời sống như thế sẽ không thể chịu đựng nổi và không thể sống được; tự sát chẳng bao lâu sẽ trở thành thông lệ nơi những linh hồn trẻ. Tuy nhiên, một phương pháp nhân đạo hơn được áp dụng, theo đó trong bất kỳ một kiếp nào, không ai bị buộc phải chịu đựng nhiều hơn mức mình có thể chịu nổi, và những đơn vị nghiệp xấu do y tạo ra trong kiếp ấy vì thiếu kinh nghiệm, mà chưa được trả hết hay chưa được hóa giải bởi những đơn vị nghiệp tốt tương ứng, sẽ được chuyển sang để giải quyết trong các kiếp tương lai. Kết quả của sự sắp đặt này, có thể ví như một khoản thấu chi ngân hàng, là trong hai trăm lần nhập thể đầu tiên hoặc hơn, con người liên tục cộng thêm vào khoản thấu chi ấy. Nhưng trong suốt thời gian đó y đang tạo ra điều mà chúng ta gọi là tiếng nói lương tâm. Vì tiếng nói nhỏ nhẹ ấy được xây dựng từ những kinh nghiệm mà chân ngã thu lượm trong các thể người khác nhau của mình, nên nó không vận hành rõ rệt trong nhiều kiếp.

“Đây là một ví dụ: Một người chưa tiến hóa, biết rất ít về những cách thức của con người nhưng biết nhiều về những cách thức của thế giới động vật, mong muốn chiếm hữu một thứ thuộc về người khác. Bản năng động vật của y là dùng vũ lực để lấy điều mình ham muốn. Nếu đủ mạnh, y sẽ cố làm như vậy; một cuộc đánh nhau xảy ra dẫn đến cái chết của một con người khác. Khi ấy những định luật chi phối con người bắt đầu có hiệu lực; kẻ sát nhân bị bắt, bị xét xử và bị xử tử. Kho tri thức, vốn tồn tại ở cấp độ cõi thượng trí, ghi nhận kết quả của một hành động như thế và trong một kiếp *tương lai*, khi cùng người ấy trong một thể xác khác lại muốn chiếm hữu một thứ thuộc về người khác, y sẽ được cảnh báo bởi tiếng nói của kinh nghiệm, lương tâm của y, rằng *nếu y giết kẻ thù của mình, chính y sẽ chịu cùng số phận dưới tay Nhà nước*. Theo cách này, dần dần, kho tri thức được xây dựng nên, mỗi biến cố lớn trong các kiếp sống đã qua đều

in a life to come. From this simple explanation it can easily be understood that a man who has a sensitive conscience and who listens to it, must be an old soul, for he could not have an efficient conscience unless he had much experience in the past lives in which his conscience, or reservoir of knowledge, was built up.

“For perhaps two hundred lives, each life lived produces more units of bad karma than good. Some are paid off in each life through suffering and misfortune, but the balance is transferred to the overdraft. As the ego becomes more evolved (really more experienced) common sense teaches him that evil produces trouble for himself whereas good and kind actions result in happiness and the accumulation of friends. In this manner he evolves to a stage where the number of units of bad karma made in a single life is exceeded by the number of units of good karma earned by good actions; this constitutes a very important stage in a man's development, because from this point on, he becomes a really useful and valuable member of society. In all his future lives, before the new incarnation commences, a small percentage of his overdraft is allotted to him for paying off in that particular life, and that quota must be paid off, in addition to any units of evil karma made in the life itself. Positive acts of kindness will bring him much happiness and help him along the road.

“In ways such as these, all natural laws can be seen to dovetail one into another, rather like the pieces of a jigsaw puzzle. My task is to present to you the pieces of this puzzle, with which you must eventually learn to make a picture.

được ghi lại nhằm mục đích cảnh báo trong một kiếp tương lai. Từ lời giải thích đơn giản này, có thể dễ dàng hiểu rằng một người có lương tâm nhạy bén và biết lắng nghe nó hẳn phải là một linh hồn già, vì y không thể có một lương tâm hữu hiệu nếu không có nhiều kinh nghiệm trong các kiếp quá khứ, nơi lương tâm của y, hay kho tri thức của y, đã được xây dựng.

“Trong khoảng hai trăm kiếp, mỗi kiếp sống tạo ra nhiều đơn vị nghiệp xấu hơn nghiệp tốt. Một số được trả trong mỗi kiếp qua đau khổ và bất hạnh, nhưng phần còn lại được chuyển vào khoản thấu chi. Khi chân ngã trở nên tiến hóa hơn (thật ra là nhiều kinh nghiệm hơn), lẽ thường dạy cho y rằng điều ác gây rắc rối cho chính mình, trong khi những hành động tốt và tử tế đem lại hạnh phúc và sự tích lũy anh bè. Theo cách này y tiến hóa đến một giai đoạn mà số đơn vị nghiệp xấu tạo ra trong một kiếp đơn lẻ bị vượt qua bởi số đơn vị nghiệp tốt đạt được nhờ những hành động thiện; điều này tạo thành một giai đoạn rất quan trọng trong sự phát triển của con người, bởi vì từ điểm này trở đi, y trở thành một thành viên thật sự hữu ích và có giá trị của xã hội. Trong tất cả các kiếp tương lai của y, trước khi sự nhập thể mới bắt đầu, một tỉ lệ nhỏ của khoản thấu chi ấy được phân cho y để trả trong kiếp đặc biệt đó, và phần định mức ấy *phải* được thanh toán, ngoài bất kỳ đơn vị nghiệp ác nào được tạo ra trong chính kiếp sống ấy. Những hành động tử tế tích cực sẽ mang lại cho y nhiều hạnh phúc và giúp y tiến bước trên đường.

“Theo những cách như thế, có thể thấy mọi định luật tự nhiên đều ăn khớp với nhau, khá giống như những mảnh của một trò ghép hình. Nhiệm vụ của tôi là trình bày cho anh những mảnh ghép của bức tranh này, mà cuối cùng anh phải học cách ghép thành một hình ảnh.

“In order that you may understand how it is possible for the members of the human kingdom to gain all their necessary experience, I want you to accept the following propositions.

“1. That man is an ego, or soul, and in the course of his evolution from an undeveloped state, the savage, to that of a perfect man, he has to use three vehicles of consciousness, or bodies. These are known as the mental or mind body, the astral or emotional body and the physical body; the last is the one which you and I are functioning in and which is visible to the human eye.

“2. That these three bodies are used by us when functioning in the three different states of consciousness, which are the mental plane, the astral plane and the physical plane.

“3. That the home of the ego, around which these bodies are drawn, is the upper part of the mental world. This is known as the casual level.

“When the ego starts from the casual level for a new incarnation, he has to have one of each of these three bodies. I want you to visualise the ego as a naked man, preparing to clothe himself with his three coverings or bodies. The least dense in texture is the mental body, and this the ego draws round himself from the matter of which the mental world is constructed; this can be likened to the underclothes of a man. The type of mental body that each can get is in accordance with his mental development at the end of his last incarnation, so obviously the mental body of an unevolved man is very different from that of an evolved being, an old soul, one who has had many lives and has gained much experience. The ego next draws around himself a slightly coarser vehicle, made of the

“Để anh có thể hiểu làm sao các thành viên của giới nhân loại có thể đạt được mọi kinh nghiệm cần thiết của mình, tôi muốn anh chấp nhận những mệnh đề sau đây.

“1. Rằng con người là một chân ngã, hay linh hồn, và trong tiến trình tiến hoá từ một trạng thái chưa phát triển, người man dã, đến trạng thái con người hoàn hảo, y phải sử dụng ba vận cụ tâm thức, hay ba thể. Chúng được biết đến là thể trí hay thể của trí tuệ, thể cảm dục hay thể cảm xúc, và thể xác; thể sau cùng là thể mà anh và tôi đang hoạt động trong đó và có thể nhìn thấy bằng mắt người.

“2. Rằng ba thể này được chúng ta sử dụng khi hoạt động trong ba trạng thái tâm thức khác nhau, đó là cõi trí, cõi cảm dục và cõi hồng trần.

“3. Rằng nơi cư ngụ của chân ngã, quanh đó các thể này được thu hút lại, là phần trên của thế giới trí tuệ. Điều này được gọi là cấp độ nguyên nhân.

“Khi chân ngã khởi hành từ cấp độ nguyên nhân cho một lần nhập thể mới, y phải có một trong mỗi loại của ba thể này. Tôi muốn anh hình dung chân ngã như một người trần truồng, đang chuẩn bị khoác lên mình ba lớp bao bọc hay ba thể. Ít đậm đặc nhất về kết cấu là thể trí, và chân ngã thu hút nó quanh mình từ vật chất mà thế giới trí tuệ được cấu tạo nên; điều này có thể ví như đồ lót của một người. Loại thể trí mà mỗi người có thể có phù hợp với sự phát triển trí tuệ của y vào cuối lần nhập thể trước, vì thể hiển nhiên thể trí của một người chưa tiến hóa rất khác với thể trí của một hữu thể tiến hóa, một linh hồn già, một người đã có nhiều kiếp sống và đã đạt được nhiều kinh nghiệm. Kế đó chân ngã thu hút quanh mình một vận cụ hơi thô hơn, được tạo nên từ vật chất của thế giới cảm dục. Thể này, có thể nói,

matter of the astral world. This body is, as it were, on top of or outside the mental body, and the type of the body is again in accordance with the man's emotional development. The astral body therefore can be likened to the man's suit of clothes. A still coarser and denser body is now required and to obtain this, a body has to be found by physical means at the physical level. In other words, a woman, with the assistance of a man, produces a child. This new physical body is also in accordance with the man's deserts, with his karma made in previous lives. The physical body corresponds to the man's overcoat.

"So every man you see at the physical level is, as it were, wearing three bodies, each one under the other, but owing to the density of the outside body, the physical, it is impossible to see the other two. When a man dies, all that happens is that he drops his physical body—his overcoat. The man is still there, clothed in his astral and mental bodies; the astral being the denser is on the outside, the mental is under the astral. Before I explain what actually happens after death, I must tell you a little more about bodies.

"The physical body, that which we all see with our eyes, is composed of fairly dense physical matter, but there is also a less dense part of that body, called the etheric double (in ancient Egypt it was referred to as the Ka) which plays a very important part both during the lifetime and at the death of our physical vehicle. It is not a body in the ordinary sense of the word in that you cannot live in it, as you can in your physical body; you cannot even see it, unless you have developed the lowest form of clairvoyance—which is called etheric sight.

"The matter of which this etheric body is

ở trên hay bên ngoài thể trí, và loại thể ấy lại một lần nữa phù hợp với sự phát triển cảm xúc của con người. Vì vậy thể cảm dục có thể được ví như bộ quần áo của người ấy. Giờ đây cần đến một thể còn thô và đậm đặc hơn nữa, và để có được điều này, một thể phải được tìm thấy bằng phương tiện hồng trần ở cấp độ hồng trần. Nói cách khác, một người phụ nữ, với sự trợ giúp của một người đàn ông, sinh ra một đứa trẻ. Thể xác mới này cũng phù hợp với những gì con người xứng đáng nhận, với nghiệp quả mà y đã tạo trong các kiếp trước. Thể xác tương ứng với chiếc áo khoác ngoài của con người.

"Vì thế, mỗi người mà anh thấy ở cấp độ hồng trần, có thể nói, đang mặc ba thể, thể này ở dưới thể kia, nhưng do sự đậm đặc của thể bên ngoài, tức thể xác, nên không thể nhìn thấy hai thể kia. Khi một người chết, tất cả những gì xảy ra là y bỏ lại thể xác của mình—chiếc áo khoác ngoài của y. Con người ấy vẫn còn đó, được bao bọc trong thể cảm dục và thể trí; thể cảm dục vì đậm đặc hơn nên ở bên ngoài, còn thể trí ở dưới thể cảm dục. Trước khi tôi giải thích điều gì thực sự xảy ra sau khi chết, tôi phải nói với anh thêm một chút về các thể.

"Thể xác, tức thể mà tất cả chúng ta đều nhìn thấy bằng mắt, được cấu tạo từ vật chất hồng trần khá đậm đặc, nhưng cũng có một phần ít đậm đặc hơn của thể ấy, được gọi là bản sao dĩ thái (ở Ai Cập cổ đại nó được gọi là Ka) đóng một vai trò rất quan trọng cả trong suốt đời sống lẫn vào lúc chết của vận cụ hồng trần của chúng ta. Nó không phải là một thể theo nghĩa thông thường của từ này, ở chỗ anh không thể sống trong nó như anh có thể sống trong thể xác của mình; anh thậm chí không thể nhìn thấy nó, trừ phi anh đã phát triển hình thức thông nhãn thấp nhất—được gọi là thị giác dĩ thái.

"Vật chất cấu tạo nên thể dĩ thái này cũng bao

composed also surrounds our nerves. There is a concept of electricity that the current runs not along the wire but along a coating of etheric matter which surrounds it. That is true also of the nerve action of the body; the nerve currents do not actually run along the white thread of the physical nerve, but along a coating of etheric matter which surrounds it, so that if this coating is removed from the physical nerve, we do not get any sensation. This is what happens when an anæsthetic is used. In the case of a local anæsthetic, the etheric matter which conducts the feeling is driven away a short distance from the particular nerve; the white nerve is still there, plain to see, yet when it is cut, the patient feels nothing. When a much more powerful general anæsthetic is given for a major operation, which necessitates the patient being unconscious and devoid of feeling for a considerable time, the etheric matter is driven away almost entirely from the dense body. If it is entirely driven out, then the patient dies; this is what has happened when a patient occasionally dies while under the effect of an anaesthetic. A little too much has been given and the etheric matter which has been driven out cannot get back.

“This etheric matter, gossamer in texture and extremely elastic, which is such an important part of the physical body, has another function. It acts as a liaison or link between the physical and the astral bodies during sleep. When you, the ego, disconnect yourself from your physical body, lying on the bed, a cord of etheric matter attached to your astral body, with its main bulk remaining in and around the physical body, stretches out as you travel to any part of the world that you wish; however far you go this physical link with your body on the bed remains. When the time comes for the body to awaken, an S.O.S. is sent out along this etheric cord to you, wherever

quanh các dây thần kinh của chúng ta. Có một quan niệm về điện rằng dòng điện không chạy dọc theo dây dẫn mà chạy dọc theo một lớp vật chất dĩ thái bao quanh nó. Điều đó cũng đúng với hoạt động thần kinh của thể xác; các dòng thần kinh thực ra không chạy dọc theo sợi trắng của dây thần kinh hồng trần, mà chạy dọc theo một lớp vật chất dĩ thái bao quanh nó, đến nỗi nếu lớp này bị lấy khỏi dây thần kinh hồng trần, chúng ta sẽ không còn cảm giác nào nữa. Đó là điều xảy ra khi thuốc gây mê được sử dụng. Trong trường hợp gây tê cục bộ, vật chất dĩ thái dẫn truyền cảm giác bị đẩy ra xa một khoảng ngắn khỏi dây thần kinh đặc biệt ấy; dây thần kinh trắng vẫn còn đó, thấy rõ ràng, nhưng khi nó bị cắt, bệnh nhân không cảm thấy gì. Khi một loại thuốc mê toàn thân mạnh hơn nhiều được dùng cho một cuộc đại phẫu, khiến bệnh nhân phải bất tỉnh và mất cảm giác trong một thời gian đáng kể, vật chất dĩ thái bị đẩy ra gần như hoàn toàn khỏi thể đậm đặc. Nếu nó bị đẩy ra hoàn toàn, bệnh nhân sẽ chết; đó là điều đã xảy ra khi đôi khi một bệnh nhân chết dưới tác dụng của thuốc mê. Người ta đã cho hơi quá liều và vật chất dĩ thái đã bị đẩy ra không thể quay trở lại.

“Vật chất dĩ thái này, mỏng như tơ nhện và cực kỳ co giãn, vốn là một phần quan trọng như thể của thể xác, còn có một chức năng khác. Nó hoạt động như một mối liên lạc hay chiếc cầu nối giữa thể xác và thể cảm dục trong khi ngủ. Khi anh, chân ngã, tách mình ra khỏi thể xác đang nằm trên giường, một sợi dây vật chất dĩ thái gắn với thể cảm dục của anh, với phần lớn khối lượng chính của nó vẫn còn ở trong và quanh thể xác, sẽ kéo dài ra khi anh du hành đến bất cứ nơi nào trên thế giới mà anh muốn; dù anh đi xa đến đâu, mối liên kết hồng trần này với thể xác trên giường của anh vẫn còn nguyên. Khi đến lúc thể xác thức dậy, một tín hiệu S.O.S. được gửi dọc theo sợi dây dĩ thái

you are, and you must return to your physical body and re-enter it; then ‘wake up’ and carry on with your duties at this level.

“When you go to sleep, you, the ego, slip out of your physical body at the moment when it loses consciousness; you are clothed in your astral body and living in the astral world, under astral plane conditions. You are free to go wherever you will, leaving your physical body on the bed, where it is resting and gaining strength for the next day’s work. It is only the limited physical body which requires rest, in the same way that it requires regular food and drink to sustain it in health and life; you, the ego, need no rest. In your astral body you move about quite easily and can travel to any distance. At the astral level the force of gravity does not exist, so you glide along and it makes no difference whether it is land or sea that you are crossing as you are not affected by either. The distance you can cover in the few short hours that the physical body is resting, is more or less unlimited; when I tell you that you can travel round the world in about two-and-a-half minutes it gives you some idea of the speed that can be attained.

“The astral body, which is composed of much finer matter than the physical one, is drawn round the ego on his way down into incarnation. It fills what we call the causal body, forming an ovoid of luminous mist. But the physical body, being denser, has a very strong attraction for the astral matter, and draws this closer to it, so that we have an astral reproduction of the physical form in the centre of that ovoid, and there the astral body is just as recognisable by features as the physical body, only it is built of finer matter. When the physical body dies, there is no longer any need for the astral body to adapt itself, so the tendency is for it to remain

này đến anh, ở bất cứ nơi nào anh đang ở, và anh phải trở về thể xác của mình và nhập lại vào đó; rồi ‘thức dậy’ và tiếp tục những bổn phận của mình ở cấp độ này.

“Khi anh đi ngủ, anh, chân ngã, trượt ra khỏi thể xác của mình vào khoảng khắc nó mất tâm thức; anh được bao bọc trong thể cảm dục và sống trong thế giới cảm dục, dưới những điều kiện của cõi cảm dục. anh tự do đi đến bất cứ nơi nào mình muốn, để lại thể xác trên giường, nơi nó đang nghỉ ngơi và lấy lại sức cho công việc ngày hôm sau. Chỉ có thể xác giới hạn mới cần nghỉ ngơi, cũng như nó cần thức ăn và đồ uống đều đặn để duy trì sức khỏe và sự sống; còn anh, chân ngã, thì không cần nghỉ ngơi. Trong thể cảm dục của mình, anh di chuyển khá dễ dàng và có thể đi đến bất kỳ khoảng cách nào. Ở cấp độ cảm dục, lực hấp dẫn không tồn tại, vì thế anh lướt đi và không có gì khác biệt dù anh đang băng qua đất liền hay biển cả vì anh không bị ảnh hưởng bởi cả hai. Quảng đường anh có thể đi trong vài giờ ngắn ngủi khi thể xác đang nghỉ ngơi gần như là vô hạn; khi tôi nói với anh rằng anh có thể đi vòng quanh thế giới trong khoảng hai phút rưỡi, điều đó cho anh một ý niệm nào đó về tốc độ có thể đạt được.

“Thể cảm dục, được cấu tạo từ vật chất tinh tế hơn nhiều so với thể xác, được thu hút quanh chân ngã trên đường đi xuống nhập thể. Nó lấp đầy điều mà chúng ta gọi là thể nguyên nhân, tạo thành một hình trứng bằng sương mù phát sáng. Nhưng thể xác, vì đậm đặc hơn, có một sức hút rất mạnh đối với vật chất cảm dục, và kéo vật chất này lại gần nó hơn, đến nỗi chúng ta có một sự tái tạo cảm dục của hình thể hồng trần ở trung tâm của hình trứng ấy, và ở đó thể cảm dục cũng có thể được nhận ra qua các nét đặc trưng giống như thể xác, chỉ khác là nó được xây dựng bằng vật chất tinh tế hơn. Khi thể xác chết, thể cảm dục không còn cần phải thích nghi nữa, nên khuynh hướng là

exactly as it was at the time when the physical body ceased to exist, and not grow any larger. The reason for this is that the astral body is not a vehicle with organs, bones, flesh and blood like the physical, but rather a body of mist.

“During his lifetime a man has the opportunity of living under astral plane conditions every time his body is asleep, but in actual fact it is only the man whose standing in evolution is above the average who takes full advantage of these opportunities. The young soul, or unevolved ego, certainly gets out of his body during sleep—he cannot help doing so—but his intelligence (mental or mind body) is not sufficiently developed to furnish him with the amount of knowledge necessary before he can use all his faculties to their highest extent. Therefore he usually hangs about near his sleeping body, waiting for the call to re-enter it when it has slept long enough and wishes to wake—thus he can never become accustomed to astral plane conditions in the same way as the older ego. When a man of this type dies and no longer has a physical body, he feels that he is in a completely strange world. There are times, immediately after death, when such a man craves for the physical life which he knows, but he can do nothing to regain it—for when the etheric matter has all been withdrawn from a physical body, it cannot be put back.

“Death of the physical body is caused in numerous ways by illness: when the body finds it impossible to function properly; by old age, when the body is worn out; by accidents in which the vital parts of the body have been irretrievably damaged. In all such cases the etheric part of the physical body has been forced out of the dense part, merely because the dense body can no longer perform its proper functions, and without this body, the

nó giữ nguyên đúng như lúc thể xác chấm dứt tồn tại, và không lớn thêm nữa. Lý do là vì thể cảm dục không phải là một vận cụ có cơ quan, xương, thịt và máu như thể xác, mà đúng hơn là một thể bằng sương mù.

“Trong suốt đời sống của mình, con người có cơ hội sống dưới những điều kiện của cõi cảm dục mỗi khi thể xác của y ngủ, nhưng trên thực tế chỉ có người có vị trí tiến hóa cao hơn mức trung bình mới tận dụng đầy đủ những cơ hội ấy. Linh hồn trẻ, hay chân ngã chưa tiến hóa, chắc chắn ra khỏi thể xác của mình trong khi ngủ—y không thể không làm như vậy—nhưng trí tuệ của y (thể trí hay thể của trí tuệ) chưa phát triển đủ để cung cấp cho y lượng tri thức cần thiết trước khi y có thể sử dụng mọi năng lực của mình đến mức cao nhất. Vì thế y thường quanh quẩn gần thể xác đang ngủ của mình, chờ tiếng gọi để nhập lại vào đó khi nó đã ngủ đủ lâu và muốn thức dậy—do đó y không bao giờ có thể quen với những điều kiện của cõi cảm dục theo cùng cách như chân ngã già hơn. Khi một người thuộc loại này chết và không còn thể xác nữa, y cảm thấy mình đang ở trong một thế giới hoàn toàn xa lạ. Có những lúc, ngay sau khi chết, một người như thế thêm khát đời sống hồng trần mà y biết, nhưng y không thể làm gì để lấy lại nó—vì khi vật chất dĩ thái đã hoàn toàn rút khỏi một thể xác, nó không thể được đưa trở lại.

“Cái chết của thể xác xảy ra theo nhiều cách do bệnh tật: khi thể xác thấy không thể hoạt động đúng đắn; do tuổi già, khi thể xác đã hao mòn; do tai nạn trong đó những phần thiết yếu của thể xác đã bị hư hại không thể cứu vãn. Trong tất cả những trường hợp như thế, phần dĩ thái của thể xác đã bị ép ra khỏi phần đậm đặc, đơn giản vì thể đậm đặc không còn có thể thực hiện đúng các chức năng của nó nữa, và không có thể này, bản sao dĩ thái không thể sống. Vào

etheric double cannot live. At the moment of death, when the heart ceases to beat, the etheric double registers extreme fear and wraps itself round the outside of the astral body in which the man is standing, since he was forced out of the physical body at the time death took place. The etheric part of the physical body knows that the death of the denser part means also death for itself and, in its desire to continue its existence, it clings to the astral body of the man, hoping to survive longer. By an effort of will the man can easily rid himself of this encumbrance. Until he does, he is suspended between the two worlds of consciousness; he cannot function on the physical plane, for he has lost his physical body, and he cannot function properly on the astral plane, because the clinging etheric matter makes it impossible for him either to see or hear properly.

“Men who die fearing death often refuse to make the necessary effort of will, which they are told to make by friends who meet them on the other side, but hang on to the remaining particles of physical matter in the hope of continuing their physical existence, the physical life being the only one they know. It is no use fighting, of course, for sooner or later they must let go and make the effort of will that I have mentioned—resisting the inevitable only causes them to be suspended between the two worlds for a much longer time than is necessary. A man who has acquired some knowledge of the subject of death by studying cognate subjects during his lifetime, will at once shake himself free from this encumbrance and take up his life again under what I may perhaps call permanent astral conditions. I say ‘permanent’ because now that he has lost his physical body and will not get another until the time is ripe for him to reincarnate again and spend another short period of time in the physical world, he will be

khoảnh khắc chết, khi tim ngừng đập, bản sao dĩ thái ghi nhận một nỗi sợ hãi cực độ và quấn lấy bên ngoài thể cảm dục mà con người đang đứng trong đó, vì y đã bị ép ra khỏi thể xác vào lúc cái chết xảy ra. Phần dĩ thái của thể xác biết rằng cái chết của phần đậm đặc hơn cũng có nghĩa là cái chết của chính nó, và trong mong muốn tiếp tục tồn tại, nó bám vào thể cảm dục của con người, hy vọng sống lâu hơn. Bằng một nỗ lực ý chí, con người có thể dễ dàng loại bỏ gánh nặng này. Cho đến khi y làm như vậy, y bị treo lơ lửng giữa hai thế giới tâm thức; y không thể hoạt động trên cõi hồng trần, vì y đã mất thể xác, và y cũng không thể hoạt động đúng đắn trên cõi cảm dục, vì vật chất dĩ thái bám chặt khiến y không thể nhìn hay nghe cho rõ.

“Những người chết trong nỗi sợ cái chết thường từ chối thực hiện nỗ lực ý chí cần thiết mà những người anh gặp họ ở phía bên kia bảo họ phải làm, mà cứ bám lấy những hạt vật chất hồng trần còn sót lại với hy vọng tiếp tục sự tồn tại hồng trần của mình, vì đời sống hồng trần là đời sống duy nhất mà họ *biết*. Dĩ nhiên, chống cự là vô ích, vì sớm hay muộn họ cũng phải buông ra và thực hiện nỗ lực ý chí mà tôi đã đề cập—chống lại điều không thể tránh chỉ khiến họ bị treo giữa hai thế giới lâu hơn nhiều so với mức cần thiết. Một người đã có được một ít tri thức về đề tài cái chết nhờ nghiên cứu những môn liên hệ trong suốt đời mình sẽ lập tức tự giải thoát khỏi gánh nặng này và tiếp tục đời sống của mình dưới điều mà có lẽ tôi có thể gọi là những điều kiện cảm dục thường trực. Tôi nói ‘thường trực’ vì giờ đây, khi y đã mất thể xác và sẽ không có một thể khác cho đến khi thời điểm chín muồi để y lại luân hồi và trải qua một khoảng thời gian ngắn khác trong thế giới hồng trần, y sẽ sống dưới những điều kiện của cõi cảm dục cả ban ngày lẫn ban

living under astral plane conditions during the day as well as during the night. Immediately the effort of will to get rid of the etheric double is made, the etheric matter falls away and starts to disintegrate in much the same way that the dense physical body disintegrates, but whilst it may be months or years before the disintegration of the physical body is complete, the etheric part of it, being much finer and lighter in weight, returns to dust almost immediately. Now that the physical body is no longer attached, the ego is clothed in his astral body and will function in this body as long as he remains in the astral world.

“The astral world is the world of emotions and illusions; it is composed of matter which is finer than any gas we know, in which are many degrees of density. The astral body is the vehicle of emotions. Emotions are brought about by vibrations of the astral matter; what are known as the higher emotions—love, gratitude, unselfishness and the like—show themselves to clairvoyant vision as vibrations of the finer matter, whilst the lower emotions—greed, envy, jealousy, selfish love (akin to passion), pride, etc.—show as vibrations of relatively much coarser—or denser—matter. As man is, prior to death, so he will be after death, minus only his physical body and without physical world limitations. His virtues and vices remain the same, but, owing to the fluidic nature of the astral body, they become forces of great good or evil. Thus a feeling of slight antagonism at the physical level becomes there sheer hate, with unpleasant results to both parties, whilst one of mild physical affection would draw out a reciprocal outpouring of love which would produce an amazing atmosphere of harmony and peace.

đêm. Ngay khi nỗ lực ý chí để loại bỏ bản sao dĩ thái được thực hiện, vật chất dĩ thái rơi ra và bắt đầu tan rã gần giống như cách thể xác đậm đặc tan rã, nhưng trong khi có thể phải mất nhiều tháng hay nhiều năm để sự tan rã của thể xác hoàn tất, thì phần dĩ thái của nó, vì tinh tế hơn nhiều và nhẹ hơn, gần như lập tức trở về bụi. Giờ đây khi thể xác không còn gắn liền nữa, chân ngã được bao bọc trong thể cảm dục của mình và sẽ hoạt động trong thể này chừng nào y còn ở trong thế giới cảm dục.

“Thế giới cảm dục là thế giới của cảm xúc và ảo tưởng; nó được cấu tạo từ vật chất tinh tế hơn bất kỳ chất khí nào chúng ta biết, trong đó có nhiều cấp độ đậm đặc. Thể cảm dục là vận cụ của cảm xúc. Cảm xúc được tạo ra bởi những rung động của vật chất cảm dục; những gì được gọi là cảm xúc cao hơn—bác ái, lòng biết ơn, tính vô ngã và những điều tương tự—tự biểu lộ với linh thị thông nhãn như những rung động của vật chất tinh tế hơn, trong khi những cảm xúc thấp hơn—tham lam, ganh tị, đố kỵ, tình yêu ích kỷ (gắn với đam mê), kiêu ngạo, v.v.—biểu lộ như những rung động của vật chất tương đối thô hơn nhiều—hay đậm đặc hơn. Trước khi chết con người như thế nào, thì sau khi chết y cũng như thế ấy, chỉ trừ thể xác và không còn những giới hạn của thế giới hồng trần. Các đức tính và tật xấu của y vẫn y nguyên, nhưng do bản chất linh động của thể cảm dục, chúng trở thành những mãnh lực của điều thiện lớn lao hoặc điều ác lớn lao. Vì vậy, một cảm giác đối kháng nhẹ ở cấp độ hồng trần tại đó trở thành lòng căm ghét thuần túy, với những kết quả khó chịu cho cả hai bên, trong khi một tình cảm trìu mến nhẹ nhàng ở cõi hồng trần sẽ khơi ra một lần tuôn đổ tình thương đáp lại, tạo nên một bầu không khí hòa hợp và bình an đáng kinh ngạc.

As the astral world is the world of illusion, no time or labour need be used as in the physical world; everything—clothes, food, etc.—is produced by thought. Life there can be one long holiday. We can devote ourselves to whatever we really desire to do and indulge in hobbies to our hearts content. There are no limitations to prevent us acquiring more knowledge, such as insufficient time to study or the physical limitations of weak sight or a tired body—there is nothing in the astral body which can tire.

“Whilst our physical bodies sleep, we function at the astral level in our bodies and there meet friends and relations who have died, so it is foolish to try to forget about these people in the daytime, for they are all around us, the only separation being the limitation of consciousness. In many ways it is a pity so few people remember what they do at night; if they did, they would be much less troubled about the state called death—and the wicked rumours circulated concerning hell and eternal damnation would have no more effect on them than the fear of the ogre in the children’s fairy book affects the adult reader. Very few people realise that in the physical world, the average man spends most of his time working in an office or in a shop or on the land, or in some occupation he would not choose had it not been necessary to earn money for food, for drink and for clothes—both for himself and those dependent on him. It is perhaps just as well that so few people do realise this, as otherwise we should all be extremely discontented; that would be a hindrance to our evolution and would produce trouble everywhere. Only a few fortunate men are able to earn their living at what they like most. A painter or a musician, even though he be left a fortune, will continue with his work because, generally, his work is

“Vì thế giới cảm dục là thế giới của ảo tưởng, nên không cần dùng thời gian hay lao động như trong thế giới hồng trần; mọi thứ—quần áo, thức ăn, v.v.—đều được tạo ra bằng tư tưởng. Đời sống ở đó có thể là một kỳ nghỉ dài bất tận. Chúng ta có thể hiến mình cho bất cứ điều gì mình thực sự muốn làm và thỏa thích theo đuổi những sở thích của mình. Không có những giới hạn ngăn cản chúng ta đạt thêm tri thức, như thiếu thời gian để học hay những giới hạn hồng trần của thị lực yếu hoặc một thể xác mệt mỏi—trong thể cảm dục không có gì có thể mệt mỏi.

“Trong khi thể xác của chúng ta ngủ, chúng ta hoạt động ở cấp độ cảm dục trong các thể của mình và ở đó gặp anh bè cùng thân quyến đã qua đời, vì thế thật là ngu xuẩn nếu cố quên những người này vào ban ngày, bởi họ đều ở quanh chúng ta, sự chia cách duy nhất chỉ là giới hạn của tâm thức. Theo nhiều phương diện, thật đáng tiếc khi quá ít người nhớ được những gì họ làm vào ban đêm; nếu họ nhớ được, họ sẽ bớt lo lắng hơn nhiều về trạng thái gọi là cái chết—và những lời đồn ác độc được lan truyền về địa ngục và sự đọa đày vĩnh cửu sẽ không còn tác động lên họ hơn gì nỗi sợ quỷ dữ trong truyện cổ tích trẻ em tác động lên người lớn đọc sách. Rất ít người nhận ra rằng trong thế giới hồng trần, người trung bình dành phần lớn thời gian của mình để làm việc trong văn phòng hay cửa hàng hay trên đồng ruộng, hoặc trong một nghề nghiệp mà y sẽ không chọn nếu không cần kiếm tiền để có thức ăn, đồ uống và quần áo—cho cả bản thân lẫn những người phụ thuộc vào y. Có lẽ cũng tốt là quá ít người *thật sự* nhận ra điều này, vì nếu không chúng ta hẳn sẽ vô cùng bất mãn; điều đó sẽ là một chướng ngại cho sự tiến hoá của chúng ta và sẽ gây rắc rối khắp nơi. Chỉ có một số ít người may mắn mới có thể kiếm sống bằng điều mình yêu thích nhất. Một họa sĩ hay một nhạc sĩ, ngay cả khi được để lại cả một gia tài, vẫn sẽ tiếp tục công việc của mình vì nói

part of himself and becomes a pleasure.

“I shall give you a general outline of some of the conditions found on the astral plane. To the man who during his lifetime thought of little else but business, the next life will tend to be rather dull at first, especially if he has been in the habit of loving money for its own sake. Money is a purely physical thing and useless on the astral plane. This type of man will have to develop some other interest if he is to be really happy in the next world. If, however, a man were fond of music in his lifetime, then he will be fond of it after death and he will find many opportunities of satisfying the longings he was unable to satisfy before. If he wishes, the lover of music can spend the whole of his time listening to the finest music the world can produce. Distance is now no limitation; he may listen to an opera in London for a time, then with scarcely a minutes delay he can be listening to another performance in New York or Australia. He can meet the great musicians of the past—unless they have already reincarnated; he can see the mighty thought-forms which music on the physical plane produces in the finer matter of the astral world. Even though during his lifetime he was unable to play, he can now produce music by imagination. On the physical plane there are many people who are able to imagine beautiful passages of music, but are unable to express themselves owing to the lack of technique. On the astral plane all such people are to be envied indeed, as their natural cravings are for things not dependent on the help of purely physical plane conditions.

“For the man who is fond of art, all the masterpieces of the world are at his disposal, whether they be in art galleries or private

chung công việc ấy là một phần của chính họ và trở thành một niềm vui.

“Tôi sẽ cho anh một phác thảo tổng quát về một số điều kiện được tìm thấy trên cõi cảm dục. Đối với người trong suốt đời mình hầu như không nghĩ gì ngoài công việc làm ăn, đời sống kế tiếp lúc đầu sẽ có khuynh hướng khá buồn tẻ, nhất là nếu y có thói quen yêu tiền vì chính tiền. Tiền là một thứ hoàn toàn hồng trần và vô dụng trên cõi cảm dục. Loại người này sẽ phải phát triển một mối quan tâm khác nếu y muốn thật sự hạnh phúc trong thế giới kế tiếp. Tuy nhiên, nếu một người yêu âm nhạc trong suốt đời mình, thì sau khi chết y vẫn sẽ yêu âm nhạc và sẽ tìm thấy nhiều cơ hội để thỏa mãn những khát vọng mà trước đây y không thể thỏa mãn. Nếu muốn, người yêu nhạc có thể dành toàn bộ thời gian của mình để lắng nghe thứ âm nhạc tuyệt vời nhất mà thế giới có thể tạo ra. Khoảng cách giờ đây không còn là giới hạn; y có thể nghe một vở nhạc kịch ở Luân Đôn một lúc, rồi hầu như không chậm trễ một phút nào đã có thể nghe một buổi trình diễn khác ở New York hay Úc. Y có thể gặp những nhạc sĩ vĩ đại của quá khứ—trừ phi họ đã tái nhập thể; y có thể thấy những Hình tư tưởng hùng vĩ mà âm nhạc trên cõi hồng trần tạo ra trong vật chất tinh tế hơn của thế giới cảm dục. Ngay cả nếu trong suốt đời mình y không thể chơi nhạc, giờ đây y có thể tạo ra âm nhạc bằng Sự tưởng tượng. Trên cõi hồng trần có nhiều người có thể tưởng tượng ra những đoạn nhạc tuyệt đẹp, nhưng không thể biểu đạt được do thiếu kỹ thuật. Trên cõi cảm dục, tất cả những người như thế thật đáng được ganh tị, vì những khát vọng tự nhiên của họ hướng đến những điều không lệ thuộc vào sự trợ giúp của các điều kiện thuần túy hồng trần.

“Đối với người yêu nghệ thuật, mọi kiệt tác của thế giới đều nằm trong tầm sử dụng của y, dù chúng ở trong các phòng tranh hay các bộ sưu

collections. Many an art lover has long wanted to go to Rome. Think of the hours of delight for him devouring the works of art to be seen there and there alone. He may meet the artists of the past, and it must not be supposed that they lose interest in their work because they have died. Far from it, now they create beautiful thought-forms, for they have no longer to use brushes and canvas to express their art. That was their only method of expression in the physical world, but after death the thought-forms they create are just the same as pictures here, just as visible and much more beautiful. Many artists here have stated that they are always dissatisfied with their work when it is finished, even though the world applauds their genius. They often say: 'If only I could express on canvas exactly what my imagination pictures, but never does it come exactly right.' On the astral plane the pictures created are exactly what the artist perceives and so the creations of their imagination there are more beautiful than the finest pictures to be found in the world. Lovers of books also have a happy time, for the world's libraries are now open to their inspection.

"As an example of what happens to a man after death, take the sort of person who lives entirely for the physical plane life. By that I do not mean anything bad or that he is a man of many vices. On the contrary he is probably an exceedingly popular man during his lifetime, always surrounded by a host of friends and generally spoken well of by all. Probably his pleasures consist of living well, attending theatres, dances, etc. and doing the thousand and one things that go to make up the life of what is termed 'a man about town.' Undoubtedly he is a successful businessman and considered a model husband, but all the

tập tư nhân. Biết bao người yêu nghệ thuật từ lâu đã muốn đến La Mã. Hãy nghĩ đến những giờ phút hoan hỉ khi y say mê thưởng lãm những tác phẩm nghệ thuật chỉ có thể thấy ở đó và chỉ ở đó. Y có thể gặp những nghệ sĩ của quá khứ, và không nên cho rằng họ mất hứng thú với công việc của mình vì họ đã chết. Hoàn toàn không phải vậy, giờ đây họ tạo ra những Hình tư tưởng đẹp đẽ, vì họ không còn phải dùng cọ và vải toan để biểu đạt nghệ thuật của mình nữa. Đó là phương pháp biểu đạt duy nhất của họ trong thế giới hồng trần, nhưng sau khi chết những Hình tư tưởng họ tạo ra cũng giống hệt như tranh ở đây, cũng hữu hình như thế và còn đẹp hơn nhiều. Nhiều nghệ sĩ ở đây đã nói rằng họ luôn luôn không hài lòng với tác phẩm của mình khi nó hoàn tất, dù thế giới có tán thưởng thiên tài của họ. Họ thường nói: 'Giá mà tôi có thể diễn tả trên vải toan đúng như điều sự tưởng tượng của tôi hình dung, nhưng không bao giờ nó ra đúng hẳn.' Trên cõi cảm dục, những bức tranh được tạo ra đúng y như điều nghệ sĩ tri giác được, và vì thế những sáng tạo của sự tưởng tượng của họ ở đó *đẹp hơn* những bức tranh đẹp nhất có thể tìm thấy trên thế giới. Những người yêu sách cũng có khoảng thời gian hạnh phúc, vì các thư viện của thế giới giờ đây mở ra cho họ khảo sát.

"Để làm ví dụ về điều xảy ra với một người sau khi chết, hãy lấy loại người sống hoàn toàn cho đời sống cõi hồng trần. Bởi điều đó tôi không có ý nói điều gì xấu hay rằng y là một người có nhiều tật xấu. Trái lại, có lẽ y là một người cực kỳ được ưa chuộng trong suốt đời mình, luôn luôn được bao quanh bởi một đám đông anh bè và nói chung được mọi người nhắc đến với thiện cảm. Có lẽ những thú vui của y gồm ăn ngon mặc đẹp, đi nhà hát, khiêu vũ, v.v., và làm hàng ngàn lẽ một điều tạo nên đời sống của cái gọi là 'một tay ăn chơi sành điệu.' Chắc chắn y là một doanh nhân thành công và được xem là một người chồng kiểu mẫu, nhưng dù

same his life—both business and pleasure—depends on physical things, such as are only obtainable on the physical plane. There are many such people, as everyone who looks around him can see.

“After death a man of this type will probably be extremely bored and will have practically nothing to do. He will soon realise that making thought-forms of good dinners and intricate business deals becomes a very unsatisfactory method of killing time, when there are no physical results. He does not get the physical satisfaction to which he is accustomed after a good dinner with choice wines, though he can imagine and even appreciate the taste of dishes and wines which he used to have on earth. It is impossible for him to feel the same result after drinking alcohol that he felt during his lifetime, however much he may drink, and the feeling of repletion which follows a good dinner on the physical plane is entirely absent from the ‘astral’ meal. Neither does he obtain much satisfaction from a successful business deal produced in his imagination, when he is unable to use the money so made, for on the astral plane things cannot be bought or sold. He can make thought-forms of as many thousands of gold pieces as he likes, but what can he do with them? Nothing! He can be likened to a man who had been wrecked on a desert island, surrounded by treasures, invaluable to him could he transport them to a civilised country, but useless in a place where there are no buyers and nothing to be bought. The man on the desert island has one advantage over the man on the astral plane inasmuch as there is always the possibility of his being rescued; he may be able to return to his country with his newly found wealth. The ‘dead’ man has no such hope, for when he returns to this plane he comes as a child without possessions other than the

sao đi nữa đời sống của y—cả công việc lẫn thú vui—đều phụ thuộc vào những thứ hồng trần, những thứ chỉ có thể có được trên cõi hồng trần. Có rất nhiều người như thế, như bất cứ ai nhìn quanh mình đều có thể thấy.

“Sau khi chết, một người thuộc loại này có lẽ sẽ cực kỳ chán chường và hầu như không có gì để làm. Chẳng bao lâu y sẽ nhận ra rằng việc tạo ra những Hình tư tưởng về những bữa tối ngon lành và những thương vụ làm ăn phức tạp trở thành một cách giết thời gian rất không thỏa đáng, khi không có kết quả hồng trần nào. Y không có được sự thỏa mãn hồng trần mà y quen thuộc sau một bữa tối ngon với những loại rượu hảo hạng, dù y có thể tưởng tượng và thậm chí cảm nhận được hương vị của những món ăn và rượu mà trước đây y từng dùng trên trần thế. Y không thể cảm thấy cùng một kết quả sau khi uống rượu như y đã cảm thấy trong suốt đời mình, dù y có uống bao nhiêu đi nữa, và cảm giác no nê theo sau một bữa tối ngon trên cõi hồng trần hoàn toàn vắng mặt trong bữa ăn ‘cảm dục’. Y cũng không thu được nhiều thỏa mãn từ một thương vụ thành công được tạo ra trong sự tưởng tượng của mình, khi y không thể sử dụng số tiền làm ra như thế, vì trên cõi cảm dục mọi thứ không thể mua hay bán. Y có thể tạo ra những Hình tư tưởng về bao nhiêu ngàn đồng vàng tùy thích, nhưng y có thể làm gì với chúng? Không gì cả! Y có thể được ví như một người bị đắm tàu trên một hòn đảo hoang, bị bao quanh bởi những kho báu, vô giá đối với y nếu có thể mang chúng đến một xứ sở văn minh, nhưng vô dụng ở một nơi không có người mua và cũng chẳng có gì để mua. Người trên đảo hoang có một lợi thế hơn người trên cõi cảm dục ở chỗ luôn luôn có khả năng được cứu; y có thể trở về xứ sở của mình với của cải mới tìm thấy. Người ‘đã chết’ thì không có hy vọng như thế, vì khi y trở lại cõi này, y đến như một đứa trẻ không có tài sản nào khác ngoài kinh nghiệm đạt được trong các kiếp trước, kinh nghiệm được chân ngã của

experience gained in his previous lives, experience stored by his higher self in the reservoir of knowledge which, as he gradually evolves, he is more and more able to bring down to the physical level. Similar dissatisfaction is experienced from his accustomed sports. In all probability he played golf; he can still play golf if he wishes, in his new life, but he soon tires of this, for every shot he makes goes to the exact spot he has in mind at the moment of striking the ball. Every round played is a perfect round, never differing from the one before. Every putt is holed automatically, for he makes a thought-form of what he wishes to do and the fluidic astral matter immediately carries out, in form, the thought that his mind expressed. You can easily imagine how boring such a game would soon become and how different from the games played at the physical level, where one day he would play like a master and perhaps the next would be little better than a rabbit. The uncertainty was the charm of the game, and this no longer exists at the astral level.

“Consider the man who all his life has been taught that hellfire and eternal damnation are the portion of all who do not come up to the standard of perfection demanded. After death the difficulty of ridding himself of such thoughts causes him to go through much misery. He is continually tortured by the thought that he is being fooled, although assured that such beliefs are untrue. Until he manages to discard them he will be unable to settle down in the new life, where there is so much to be seen and to be learned.

“There are others who are miserable because, when they look back on their physical life from this higher level they realise the number of opportunities they have wasted. This reacts on them in different ways. Some are filled

y cất giữ trong kho tri thức mà, khi y dần dần tiến hóa, y ngày càng có khả năng mang xuống cấp độ hồng trần nhiều hơn. Sự không thỏa mãn tương tự cũng được cảm thấy đối với những môn thể thao quen thuộc của y. Rất có thể y đã chơi gôn; y vẫn có thể chơi gôn nếu muốn, trong đời sống mới của mình, nhưng chẳng bao lâu y chán điều đó, vì mỗi cú đánh y thực hiện đều đi đúng đến chỗ mà y nghĩ tới vào lúc đánh bóng. Mỗi vòng chơi đều là một vòng hoàn hảo, không bao giờ khác với vòng trước. Mỗi cú gạt bóng đều tự động vào lỗ, vì y tạo ra một Hình tư tưởng về điều mình muốn làm và vật chất cảm dục linh động lập tức thực hiện, trong hình tượng, tư tưởng mà trí y đã biểu đạt. anh có thể dễ dàng hình dung một trò chơi như thế sẽ nhanh chóng trở nên nhàm chán biết bao và khác xa những trận đấu ở cấp độ hồng trần, nơi một ngày nọ y có thể chơi như một bậc thầy và có lẽ ngày hôm sau lại chẳng khá hơn một tay mơ. Chính sự bất định là sức hấp dẫn của trò chơi, và điều này không còn tồn tại ở cấp độ cảm dục.

“Hãy xét người suốt đời đã được dạy rằng lửa địa ngục và sự đọa đày vĩnh cửu là phần dành cho tất cả những ai không đạt đến tiêu chuẩn hoàn hảo được đòi hỏi. Sau khi chết, khó khăn trong việc loại bỏ những tư tưởng như thế khiến y phải trải qua nhiều đau khổ. Y liên tục bị dày vò bởi ý nghĩ rằng mình đang bị lừa dối, dù được bảo đảm rằng những niềm tin ấy là không đúng. Cho đến khi y xoá bỏ được chúng, y sẽ không thể an định trong đời sống mới, nơi có quá nhiều điều để thấy và để học.

“Có những người khác khổ sở vì khi nhìn lại đời sống hồng trần của mình từ cấp độ cao hơn này, họ nhận ra số cơ hội mình đã phung phí. Điều này tác động lên họ theo những cách khác nhau. Một số đầy hối hận; những người

with remorse; others, more sensible, make up their minds not to waste their opportunities next time. Again we find a man who has been supporting a wife and a large family before his death. Probably he has not made adequate provision for them and he worries how they will manage. This is a very natural thing, but unfortunately it is a very foolish one too. Having laid down his physical body he no longer has any further responsibility at the physical level. No worrying can bring practical help and it reacts on those left behind in a way that makes them more depressed than they need be. He is adding to their troubles instead of lessening them, and a solution of the problem only comes about when he realises that those he has left behind are separate egos each working out his or her karma, and that probably this trouble they are passing through is an opportunity to pay off some of the bad karma which has to be worked off during this particular lifetime.

“There are people in this world who always make trouble for themselves, by worrying about things over which they have no control or by being pessimistic about the future—always feeling sure that the worst will happen. After death such men are the same; they continue to feel depressed and to radiate depression wherever they go. Unfortunately, people with these depressing ideas continue to flock together as they did on the physical plane and still believe what they previously believed although the lie is, as it were, before their eyes. Sooner or later men of this type are made to realise their foolishness by those who are ever on the watch for opportunities to help such sad cases; a new teacher must then fill in the gaps he has made, through taking away that which he condemned, by offering something more reasonable, more comforting—something which explains not only the present, but the past and future.

khác, khôn ngoan hơn, quyết tâm rằng lần sau họ sẽ không phung phí cơ hội của mình. Lại nữa, chúng ta thấy một người trước khi chết đã phải nuôi vợ và một gia đình đông con. Có lẽ y đã không chuẩn bị đầy đủ cho họ và y lo lắng không biết họ sẽ xoay xở ra sao. Đây là một điều rất tự nhiên, nhưng tiếc thay cũng là một điều rất ngu xuẩn. Sau khi đã đặt xuống thể xác của mình, y không còn trách nhiệm nào nữa ở cấp độ hồng trần. Không một sự lo lắng nào có thể mang lại sự giúp đỡ thực tế và nó tác động lên những người bị bỏ lại theo cách khiến họ chán nản hơn mức cần thiết. Y đang làm tăng thêm khó khăn của họ thay vì làm giảm bớt, và giải pháp cho vấn đề chỉ đến khi y nhận ra rằng những người y bỏ lại là những chân ngã riêng biệt, mỗi người đang giải quyết nghiệp quả của mình, và rằng có lẽ chính nỗi khó khăn họ đang trải qua là một cơ hội để trả bớt một phần nghiệp xấu phải được giải quyết trong kiếp sống đặc biệt này.

“Có những người trong thế giới này luôn tự gây rắc rối cho mình, bằng cách lo lắng về những điều họ không kiểm soát được hoặc bị quan về tương lai—luôn luôn chắc rằng điều tệ nhất sẽ xảy ra. Sau khi chết, những người như thế vẫn y như vậy; họ tiếp tục cảm thấy chán nản và phát tỏa sự chán nản ở bất cứ nơi nào họ đi. Tiếc thay, những người có những ý tưởng u ám này vẫn tiếp tục tụ tập với nhau như họ đã làm trên cõi hồng trần và vẫn tin điều họ đã tin trước đây dù, có thể nói, sự đối trá đang ở ngay trước mắt họ. Sớm hay muộn những người thuộc loại này sẽ được làm cho nhận ra sự ngu xuẩn của mình bởi những người luôn luôn canh chừng các cơ hội để giúp đỡ những trường hợp đáng buồn như thế; khi đó một huấn sư mới phải lấp đầy những khoảng trống mà y đã tạo ra, bằng cách lấy đi điều mà y đã lên án, rồi đưa ra một điều gì đó hợp lý hơn, an ủi hơn—một điều giải thích không chỉ hiện tại mà cả quá khứ và tương lai.

“Never spurn an idea because it is strange to you; rather listen to all sides of the question and draw your own conclusions. Your mind may temporarily become chaotic, but out of the chaos you may find light, the light which will set your feet upon the path that ultimately will lead you to knowledge, and on to the wisdom of the perfect man. Get rid of the idea of reward or punishment. There is no reward, no punishment, but there is result, there is cause and effect, and the Law acts just as much in higher worlds as it acts down here on the physical plane. As we live now and as we are now, so shall we be on the other side of death, and our life there will be conditioned by the thoughts with which we have surrounded ourselves down here. So let us take an intelligent interest in higher things, science, art, music, literature and the beauties of nature, in fact anything which is not purely physical, and in the next world we shall have a happy life and be in a position to enjoy opportunities which would be useless to us had we not prepared ourselves by our life here.”

“Đừng bao giờ khinh suất gạt bỏ một ý tưởng chỉ vì nó xa lạ với bạn; đúng hơn, hãy lắng nghe mọi phía của vấn đề và tự rút ra kết luận của mình. Trí anh có thể tạm thời trở nên hỗn loạn, nhưng từ sự hỗn loạn ấy anh có thể tìm thấy ánh sáng, ánh sáng sẽ đặt chân anh lên con đường mà cuối cùng sẽ dẫn anh đến tri thức, rồi tiến tới minh triết của con người hoàn hảo. Hãy loại bỏ ý tưởng về phần thưởng hay sự trừng phạt. Không có phần thưởng, không có sự trừng phạt, nhưng có kết quả, có nhân và quả, và Định luật tác động ở các thế giới cao cũng nhiều như nó tác động ở đây trên cõi hồng trần. Chúng ta sống thế nào bây giờ và chúng ta là gì bây giờ, thì ở phía bên kia cái chết chúng ta cũng sẽ như thế, và đời sống của chúng ta ở đó sẽ được định hình bởi những tư tưởng mà chúng ta đã tự bao quanh mình ở đây. Vậy nên hãy quan tâm một cách thông minh đến những điều cao hơn, khoa học, nghệ thuật, âm nhạc, văn chương và những vẻ đẹp của thiên nhiên, thật ra là bất cứ điều gì không thuần túy hồng trần, và trong thế giới kế tiếp chúng ta sẽ có một đời sống hạnh phúc và ở vào vị thế có thể tận hưởng những cơ hội vốn sẽ vô ích đối với chúng ta nếu chúng ta không tự chuẩn bị bằng đời sống của mình ở đây.”

Chapter 3

“Yesterday I began to give you a brief outline of conditions as they exist on the astral plane—and I shall continue with this today.

“The theory of the great church of Rome, stated very roughly and briefly, is that after death the hopelessly wicked drop into an eternal hell immediately; whilst the very great saints go at once to heaven. The ordinary man, neither very good nor very bad, needs a long or short stay in an intermediate condition—called Purgatory—in which his faults are

“Hôm qua tôi đã bắt đầu cho anh một phác thảo ngắn gọn về những điều kiện như chúng tồn tại trên cõi cảm dục—và hôm nay tôi sẽ tiếp tục điều đó.

“Lý thuyết của đại giáo hội La Mã, được trình bày rất sơ lược và ngắn gọn, là sau khi chết những kẻ ác vô phương cứu chữa lập tức rơi vào một địa ngục vĩnh cửu; còn những vị thánh rất cao cả thì đi ngay lên thiên đường. Người bình thường, không quá tốt cũng không quá xấu, cần một thời gian lưu lại dài hay ngắn trong một trạng thái trung gian—gọi là Luyện

eliminated. As I have told you there is no such thing as an eternal hell; there could not be, if for no other reason than that a finite cause can never produce an infinite result—and those who pass to the astral plane with the fear of this in their minds, go through a difficult beginning stage. There is a little more foundation for the statement about the very great saints, for there is a condition called the heaven world and it is quite possible that a very few great saints glide rapidly through the intermediate world, the astral, and pass directly to the mental world there to continue their evolution. For the very large majority of people the question of going to either heaven or hell does not arise; their mode of progress is by passing through two conditions, the lower of which is known as purgatory and it is with purgatory that I wish to begin today.

“The Roman Catholic doctrine of purgatory as an intermediate condition in which faults are eliminated by a rather painful process—symbolised by burning in fire—has a great deal of truth in it but it is entirely deprived of its dignity by the ridiculous theory of indulgences, the suggestion that man can buy himself out of this inconvenient stage without learning the lessons for which that stage exists. There is of course no possibility of such a thing; no number of thousands of pounds could make the slightest difference to what happens to a man after death. Money may help him to circumvent the laws of the physical plane during his lifetime, but after he has left this world, money has lost its value and such expenditure by friends and relations remaining in the world, so far as he personally is concerned, is wasted. It has always seemed to me a ridiculous thing to suggest that money can divert a law of nature. You cannot divert the law of gravity by offering it money, nor can you turn aside the law of divine justice by

ngục—trong đó những lỗi lầm của y được loại bỏ. Như tôi đã nói với anh, không có cái gọi là địa ngục vĩnh cửu; điều đó không thể có, nếu không vì lý do nào khác thì cũng vì một nguyên nhân hữu hạn không bao giờ có thể tạo ra một kết quả vô hạn—và những ai đi sang cõi cảm dục với nỗi sợ này trong trí mình sẽ trải qua một giai đoạn khởi đầu khó khăn. Có phần cơ sở hơn một chút cho lời khẳng định về những vị thánh rất cao cả, vì có một trạng thái gọi là cõi thượng thiên và hoàn toàn có thể là một số rất ít vị thánh cao cả lướt nhanh qua thế giới trung gian, tức cõi cảm dục, và đi thẳng đến thế giới trí tuệ để tiếp tục tiến hoá của mình. Đối với đại đa số con người, vấn đề đi lên thiên đường hay xuống địa ngục không đặt ra; phương thức tiến triển của họ là đi qua hai trạng thái, trạng thái thấp hơn được gọi là luyện ngục, và chính với luyện ngục mà hôm nay tôi muốn bắt đầu.

“Giáo lý Công giáo La Mã về luyện ngục như một trạng thái trung gian trong đó những lỗi lầm được loại bỏ bằng một tiến trình khá đau đớn—được tượng trưng bằng việc bị thiêu trong lửa—chứa đựng rất nhiều chân lý, nhưng hoàn toàn bị tước mất phẩm giá bởi lý thuyết lối bịch về ân xá, tức gợi ý rằng con người có thể mua để thoát khỏi giai đoạn bất tiện này mà không cần học những bài học mà giai đoạn ấy tồn tại để dạy. Dĩ nhiên không hề có khả năng nào cho điều như thế; không một số tiền hàng ngàn bảng nào có thể tạo ra chút khác biệt nhỏ nhất đối với điều xảy ra cho một người sau khi chết. Tiền có thể giúp y lách các định luật của cõi hồng trần trong suốt đời mình, nhưng sau khi y đã rời khỏi thế giới này, tiền mất hết giá trị và những chi tiêu như thế của anh bè cùng thân quyến còn ở lại thế gian, xét theo phương diện cá nhân của y, là lãng phí. Đối với tôi, việc gợi ý rằng tiền có thể chuyển hướng một định luật của thiên nhiên luôn luôn là một điều lối bịch. anh không thể chuyển hướng định luật hấp dẫn bằng cách

bribing it with candles, prayer and offerings.

“This purgatory as it is called, not at all inaptly because it is a state of consciousness where a great deal of refinement and improvement takes place, is in the lower planes of the astral world—that part into which man passed almost immediately after death. It is the region where a man is purged of the blinding lower desires which would keep him indefinitely bound to his desire body. Evolution requires that he move on to higher regions; in order that he may do this, he passes through spheres where he is made to suffer in the same way that he has made other people suffer in his physical life—through dishonesty, cruelty and so on. Through time and suffering he learns the importance of honesty, justice, tolerance etc., and, having accomplished this, moves on. In his next incarnation he will be born free from sin—although the tendency to succumb to the same desires is still there—and every evil act he commits in that life will be one of free will. A man will continue in this way until he has learned by bitter purgative experiences that he must practise tolerance and do good to others regardless of how he is treated in return. Certain eternal laws have been established and we must try to understand them as such. If there were no laws of nature, we should soon be in a chaotic condition, with nothing on which we could depend; but there are laws of nature and these laws are the expression of the Divine Will.

“I shall try to explain what happens in purgatory by giving you some examples. The example which is always given first, because it

đưa tiền cho nó, cũng không thể làm chệch đi định luật công lý thiêng liêng bằng cách hối lộ nó bằng nến, lời cầu nguyện và lễ vật.

“Luyện ngục này, như nó được gọi, không phải là một tên gọi không thích hợp chút nào vì đó là một trạng thái tâm thức nơi diễn ra rất nhiều sự tinh luyện và cải thiện, nằm trong các cõi thấp của thế giới cảm dục—phần mà con người đi vào gần như ngay sau khi chết. Đó là khu vực nơi con người được thanh lọc khỏi những ham muốn thấp hèn làm mù quáng, những thứ sẽ giữ y bị trói buộc vô thời hạn vào thể ham muốn của mình. Tiến hoá đòi hỏi y phải tiến lên những khu vực cao hơn; để có thể làm được điều này, y đi qua những khối cầu nơi y bị làm cho phải chịu đau khổ theo đúng cách mà y đã khiến người khác đau khổ trong đời sống hồng trần của mình—qua sự bất lương, tàn nhẫn, v.v. Qua thời gian và đau khổ, y học được tầm quan trọng của sự trung thực, công bằng, khoan dung, v.v., và sau khi hoàn thành điều này, y tiến lên. Trong lần nhập thể kế tiếp, y sẽ được sinh ra không có tội lỗi—mặc dù khuynh hướng sa vào những ham muốn cũ vẫn còn đó—và mọi hành động xấu mà y phạm trong kiếp ấy sẽ là hành động của ý chí tự do. Con người sẽ tiếp tục như thế cho đến khi y học được qua những kinh nghiệm thanh tẩy cay đắng rằng y phải thực hành sự khoan dung và làm điều tốt cho người khác bất kể mình được đối xử ra sao để đáp lại. Một số định luật vĩnh cửu đã được thiết lập và chúng ta phải cố gắng thấu hiểu chúng như thế. Nếu không có các định luật của thiên nhiên, chẳng bao lâu chúng ta sẽ ở trong một tình trạng hỗn loạn, không có gì để có thể nương tựa; nhưng có những định luật của thiên nhiên, và những định luật này là sự biểu lộ của Ý Chí thiêng liêng.

“Tôi sẽ cố gắng giải thích điều gì xảy ra trong luyện ngục bằng cách đưa ra cho anh vài ví dụ. Ví dụ luôn được nêu ra trước tiên, vì dễ hiểu

is the most easily comprehended, is the case of the man who has yielded, in excess, to the curse of drink—the drunkard. We all of us know what this drink curse can be; we know of so many cases where a man has wrecked his life, starved his wife and children and even committed crimes innumerable, simply and solely to gratify his craving for the sensation that drink produces. If a man drank only to quench his thirst, then he would have no desire for drink after death—for thirst, like hunger, is unknown in the astral world—but the origin of the desire is not thirst, it is the craving for a certain pleasurable sensation. After death the same craving which drove him in his lifetime to such terrible lengths will be stronger than ever, but now that he has lost his physical body there will be no possibility of satisfying it. Desire does not belong to the physical body only, or even principally; it belongs to and is one of the functions of the desire vehicle. The other names of the “astral plane” are the “desire plane” and the “emotional plane” and in this plane desires and emotions are undiluted; the full force of a desire now tears at a man who, in his physical body, has only felt about a hundredth part of the strength of real desire. No one can deny that this is suffering, but also no one can say that the man is being punished. All that has happened is that the law of cause and effect has come into operation and he is now reaping as he sowed; he is now feeling the result of his actions during his lifetime—but he is not being punished. He has set up in himself a desire and so he suffers; the time during which the suffering lasts may well seem to him an eternity, though in reality it may be only a few days, a few weeks or a few months. To a certain very limited extent he can gratify his desire in imagination. He can make thought-forms of drink and imagine he is drinking. He can even imagine the taste of the liquid, but he cannot produce the result, the

nhất, là trường hợp của người đã buông mình quá mức cho lời nguyện của rượu chè—kẻ say sưa. Tất cả chúng ta đều biết lời nguyện rượu chè này có thể là gì; chúng ta biết rất nhiều trường hợp trong đó một người đã phá hủy đời mình, để vợ con đói khổ và thậm chí phạm vô số tội ác, chỉ và duy nhất để thỏa mãn cơn thèm khát cảm giác mà rượu tạo ra. Nếu một người uống chỉ để giải khát, thì sau khi chết y sẽ không còn ham muốn rượu nữa—vì khát, cũng như đói, là điều không có trong cõi cảm dục—nhưng nguồn gốc của ham muốn ấy không phải là cơn khát, mà là *sự thèm muốn một cảm giác khoái lạc nào đó*. Sau khi chết, chính sự thèm muốn đã thúc đẩy y trong đời sống đến những cực đoan khủng khiếp như thế sẽ còn mạnh hơn bao giờ hết, nhưng giờ đây vì đã mất thể xác nên sẽ không có cách nào thỏa mãn nó. Ham muốn không chỉ thuộc về thể xác, hay thậm chí chủ yếu thuộc về thể xác; nó thuộc về và là một trong những chức năng của vận cụ ham muốn. Những tên gọi khác của “cõi cảm dục” là “cõi ham muốn” và “cõi cảm xúc”, và trong cõi này các ham muốn và cảm xúc không bị pha loãng; toàn bộ mãnh lực của một ham muốn giờ đây giày vò một người mà khi còn trong thể xác chỉ cảm thấy khoảng một phần trăm sức mạnh của ham muốn thực sự. Không ai có thể phủ nhận rằng đây là đau khổ, nhưng cũng không ai có thể nói rằng người ấy đang bị trừng phạt. Tất cả những gì đã xảy ra là định luật nhân quả đã bắt đầu vận hành và giờ đây y đang gặt điều mình đã gieo; giờ đây y đang cảm nhận kết quả của các hành động của mình trong suốt đời sống—nhưng y không bị trừng phạt. Y đã tạo nên trong chính mình một ham muốn và vì thế y đau khổ; khoảng thời gian mà nỗi đau ấy kéo dài rất có thể dường như là vĩnh cửu đối với y, dù trên thực tế có thể chỉ là vài ngày, vài tuần hay vài tháng. Trong một mức độ rất hạn chế, y có thể thỏa mãn ham muốn của mình bằng sự tưởng tượng. Y có thể tạo ra các Hình tư tưởng về rượu và tưởng tượng rằng mình đang uống. Y

sensation for which he drank during his lifetime. The nearest that he can get to this sensation is to go to places where people are drinking and suck up, as it were, the fumes of the alcohol, which gives him a very limited amount of satisfaction. He does not get much, but it is something and the best that he can get, now that his physical body is no more.

“So here we have the case of a man who, if he related his experiences, would certainly say that he was thrown into hell indeed. Not eternal of course, but quite long enough and sufficiently painful whilst it lasted, to make him think of that period as an eternity. The trouble is that no one can really help such a man; that is to say, in the sense of preventing this experience from happening. The only thing that can be done is to explain carefully to him what is happening and the reason for it all, and tell him that the only way out is to get rid of the desire, for until it has worked itself out or been got rid of, the suffering must continue. Sooner or later he realises this and so that stage of his purgatory ends.

“Next, take the case of a miser who hoards his gold on earth and secretes it so that he alone knows where it may be found. Think of the pleasure he derived, whilst living, from visiting the venue of his hoard and gathering up the gold pieces or notes, letting them slip from his fingers one by one, to fall again on the heap which he has made. Picture his crying out in his joy, ‘All mine, all mine, and no one shall touch it but me.’ Then think what such a man’s feelings would be when he saw from the astral level the hoard discovered, and probably spent recklessly by those who were fortunate enough to find it. He could do

thậm chí còn có thể tưởng tượng ra mùi vị của chất lỏng ấy, nhưng y không thể tạo ra kết quả, cái cảm giác mà vì nó y đã uống khi còn sống. Điều gần nhất mà y có thể đạt tới cảm giác ấy là đến những nơi người ta đang uống rượu và hút lấy, có thể nói như vậy, hơi rượu bốc lên, điều này đem lại cho y một mức thỏa mãn rất hạn chế. Y không nhận được bao nhiêu, nhưng đó vẫn là một cái gì đó và là điều tốt nhất y có thể có được, giờ đây khi thể xác của y không còn nữa.

“Vậy ở đây chúng ta có trường hợp của một người mà nếu kể lại những kinh nghiệm của mình, chắc chắn sẽ nói rằng quả thật y đã bị ném vào địa ngục. Dĩ nhiên không phải vĩnh cửu, nhưng cũng đủ lâu và đủ đau đớn trong khi nó kéo dài để khiến y nghĩ về giai đoạn ấy như một cõi vĩnh hằng. Điều khó là không ai thực sự có thể giúp một người như thế; nghĩa là, theo nghĩa ngăn không cho kinh nghiệm này xảy ra. Điều duy nhất có thể làm là giải thích cẩn thận cho y điều gì đang xảy ra và lý do của toàn bộ việc ấy, rồi nói với y rằng lối thoát duy nhất là loại bỏ ham muốn đó, vì chừng nào nó chưa tự tiêu tan hoặc chưa được loại bỏ thì đau khổ vẫn phải tiếp diễn. Sớm hay muộn y cũng nhận ra điều này, và như thế giai đoạn ấy của luyện ngục của y chấm dứt.

“Tiếp theo, hãy lấy trường hợp của một kẻ hà tiện tích trữ vàng bạc trên trần thế và giấu kín đến mức chỉ một mình y biết nơi có thể tìm thấy nó. Hãy nghĩ đến niềm vui mà y có được khi còn sống từ việc đến nơi cất giấu kho báu của mình và gom những đồng tiền vàng hay giấy bạc lên, để chúng trượt qua các ngón tay từng cái một rồi lại rơi xuống đồng mà y đã tạo nên. Hãy hình dung y reo lên trong niềm vui: ‘Tất cả là của ta, tất cả là của ta, và không ai được chạm vào nó ngoài ta.’ Rồi hãy nghĩ xem cảm xúc của một người như thế sẽ ra sao khi từ cấp độ cảm dục y thấy kho báu ấy bị phát hiện, và có lẽ bị tiêu xài phung phí bởi những kẻ may

nothing, although doubtless he did hang round the hiding place for a considerable time after death. He may have tried to influence the searchers to go elsewhere; no doubt he did all in his power to put them off the scent, but he would know no method of communicating with them, except when they were asleep and temporarily at his level. In most cases they would remember nothing of such conversations and so be uninfluenced by his efforts. Once again, no one is punishing that man, nevertheless he is suffering from the uncontrolled emotions of covetousness and greed. He must get away from purely physical things if he is to find happiness.

“Another very common case is that of the extremely jealous man who thinks he is in love with someone, whilst in reality all he wants is to possess that individual, body and soul, for his own personal gratification. Surely a man who really loved would be thankful to see the object of his love receive admiration and attention from others, but the jealous man is not. Having been jealous during his lifetime, he remains jealous after death, torturing himself indefinitely and uselessly by constantly watching the approaches of others to the object of his supposed love, hating those other people and trying in every way to influence them, but finding his efforts useless. No one is punishing such people for being jealous; they are simply reaping the results of their own foolishness through the uncontrollable operation of the law of karma—or the law of cause and effect. The only way that anyone can help them is by the intellectual method of giving them advice, trying to show them how foolishly they are acting, and by explaining to them that all that is required for them to obtain peace is that they should eliminate the selfishness from

mắn tìm được nó. Y không thể làm gì cả, mặc dù chắc chắn y đã lảng vảng quanh chỗ giấu ấy trong một thời gian khá lâu sau khi chết. Có thể y đã cố ảnh hưởng để những người tìm kiếm đi nơi khác; hẳn y đã làm mọi điều trong khả năng để đánh lạc hướng họ, nhưng y sẽ không biết cách nào để giao tiếp với họ, ngoại trừ khi họ đang ngủ và tạm thời ở cùng cấp độ với y. Trong đa số trường hợp, họ sẽ chẳng nhớ gì về những cuộc trò chuyện như thế và vì vậy không bị ảnh hưởng bởi các nỗ lực của y. Một lần nữa, không ai đang trừng phạt người ấy, tuy nhiên y đang đau khổ vì những cảm xúc không được kiểm soát của *lòng tham muốn* và *lòng tham lam*. Y phải rời xa những sự vật thuần hồng trần nếu muốn tìm được hạnh phúc.

“Một trường hợp rất thường gặp khác là người cực kỳ ghen tuông, kể nhĩ rằng mình đang yêu ai đó, trong khi thực ra tất cả điều y muốn chỉ là chiếm hữu cá nhân ấy, cả thể xác lẫn linh hồn, để thỏa mãn riêng cho mình. Chắc chắn một người thật sự yêu thương sẽ vui mừng khi thấy đối tượng mình yêu nhận được sự ngưỡng mộ và quan tâm từ người khác, nhưng người ghen tuông thì không. Đã ghen tuông trong suốt đời sống, sau khi chết y vẫn còn ghen tuông, tự hành hạ mình vô hạn và vô ích bằng cách liên tục theo dõi những người khác đến gần đối tượng của cái gọi là tình yêu của mình, căm ghét những người ấy và cố ảnh hưởng họ bằng mọi cách, nhưng thấy rằng mọi nỗ lực của mình đều vô dụng. Không ai trừng phạt những người như thế vì ghen tuông; họ chỉ đơn giản đang gặt lấy kết quả của chính sự ngu xuẩn của mình qua sự vận hành không thể ngăn cản của luật karma—hay định luật nhân quả. Cách duy nhất mà bất cứ ai có thể giúp họ là bằng phương pháp trí tuệ, tức là cho họ lời khuyên, cố chỉ cho họ thấy họ đang hành động ngu xuẩn đến mức nào, và giải thích cho họ rằng tất cả điều cần thiết để họ đạt được bình an là họ phải loại bỏ *tính ích kỷ*

their love and should realise that no one can own another's ego, body and soul, however much he may wish to do so.

“One other example and then I am finished with purgatory. A business man once ruined one of his competitors and when criticised by some of his friends, said that harsh treatment was good in business, that he had learnt the hard way and that the lesson would not be wasted on his competitor in the long run. Sure enough, after some years had elapsed, the broken man did rise again—in fact he became a much more successful man than the one who had ruined him in his early life. The ruthless man often quoted this as proof of how right he had been—that ruthless treatment of a competitor was in reality a blessing in disguise. He thought no more about the incident during his lifetime.

“How different it all appeared when the whole story was shown to him in what is called purgatory. There he saw the little man, after he was ruined, return to his home where he told his wife of his misfortune. It was also shown how this man's son, who was starting his career at the University, had to give up that career and take the first job offered to him—that of a humble clerk. The father started again and, as I have said, in due time became a rich man, but that was too late to help the son: What of him? He was bitter at the trick Fate had played on him, so instead of settling down in his new sphere of activity and making the best of it, he became mixed up with bad companions, tried to make money quickly by dishonest means and finally landed in prison, which broke his mother's heart and caused her death. The whole story, now seen in its full perspective, is a major tragedy, and you can easily imagine the suffering of that ruthless

khởi tình yêu của mình và phải nhận ra rằng không ai có thể sở hữu chân ngã, thể xác và linh hồn của người khác, dù y có mong muốn điều đó đến đâu đi nữa.

“Thêm một ví dụ nữa rồi tôi sẽ kết thúc phần nói về luyện ngục. Có lần một doanh nhân đã làm phá sản một đối thủ cạnh tranh của mình, và khi bị vài người anh chỉ trích, ông nói rằng cách đối xử khắc nghiệt là điều tốt trong kinh doanh, rằng ông đã học bằng con đường cay đắng và bài học ấy về lâu dài sẽ không bị uống phí đối với đối thủ của ông. Quả nhiên, sau vài năm trôi qua, người bị đánh gục ấy đã đứng dậy trở lại—thật ra ông ta còn trở nên thành công hơn nhiều so với người đã hủy hoại mình trong buổi đầu đời. Người tàn nhẫn ấy thường viện dẫn điều này như bằng chứng cho thấy mình đã đúng biết bao—rằng cách đối xử tàn nhẫn với một đối thủ cạnh tranh thực ra là một phúc lành trá hình. Trong suốt đời sống, ông không nghĩ gì thêm về sự việc ấy.

“Mọi sự hiện ra khác biệt bao khi toàn bộ câu chuyện được cho ông thấy trong cái gọi là luyện ngục. Ở đó ông thấy người đàn ông nhỏ bé ấy, sau khi bị phá sản, trở về nhà và kể cho vợ nghe về tai họa của mình. Người ta cũng cho thấy rằng con trai của người ấy, đang bắt đầu sự nghiệp ở đại học, đã phải từ bỏ con đường đó và nhận công việc đầu tiên được trao cho mình—một chân thư ký tầm thường. Người cha bắt đầu lại và, như tôi đã nói, đến đúng lúc đã trở thành một người giàu có, nhưng như thế đã quá muộn để giúp người con trai: còn nó thì sao? Nó cay đắng vì trò đùa mà Số phận đã giáng xuống mình, nên thay vì an phận trong lĩnh vực hoạt động mới và cố gắng làm tốt nhất có thể, nó lại dính vào anh xấu, tìm cách kiếm tiền thật nhanh bằng những phương tiện bất lương và cuối cùng vào tù, điều này làm tan nát trái tim mẹ nó và gây ra cái chết của bà. Toàn bộ câu chuyện, giờ đây được nhìn thấy trong đầy đủ viễn cảnh của nó,

business man when he realised that the result of his greed, so thoughtless at the time, caused not only the temporary ruin of a small competitor but also the death of one woman and the ruin of a young man's career.

“On the other side, we see the full and complete results of all our actions; few of us do not suffer in the seeing and register a vow that in future we shall act differently. The change in outlook towards such things is what purgatory is meant to produce and once our outlook is changed, our experiences in purgatory are at an end. By learning these lessons thoroughly, we can ensure that after future lives our passing through the lower part of the astral world will be little delayed by experiences similar to those I have related. We have to learn a lesson once only and if our characters change thereby we avoid much trouble and temporary misery in the future.

“Just as the astral experiences of the average man and the man below average standard are in accordance with the types of lives they have lived on earth, so those of the intellectual man, the man above the average, are also in accordance with his mode of living. Such men pass more quickly through the lower to the higher levels of the astral world where they are not only able to continue any experimental work in which they were interested, but can gather students with similar tastes round them. Such gatherings are to be seen frequently; the scientists with his group of students, the mathematician with his smaller group, both find the astral

là một bi kịch lớn, và anh có thể dễ dàng hình dung nỗi đau khổ của người doanh nhân tàn nhẫn ấy khi ông nhận ra rằng kết quả của *lòng tham lam* của mình, vốn lúc đó quá vô tâm, không chỉ gây ra sự phá sản tạm thời của một đối thủ nhỏ mà còn gây ra cái chết của một người phụ nữ và sự hủy hoại sự nghiệp của một thanh niên.

“Ở phía bên kia, chúng ta thấy đầy đủ và trọn vẹn kết quả của mọi hành động của mình; ít ai trong chúng ta không đau khổ khi nhìn thấy và không ghi nhận một lời thề rằng trong tương lai chúng ta sẽ hành động khác đi. Sự thay đổi trong cách nhìn đối với những điều như thế chính là điều mà luyện ngục nhằm tạo ra, và một khi cách nhìn của chúng ta đã thay đổi thì các kinh nghiệm của chúng ta trong luyện ngục cũng chấm dứt. Bằng cách học những bài học này một cách thấu đáo, chúng ta có thể bảo đảm rằng sau những kiếp sống tương lai, việc đi qua phần thấp của cõi cảm dục sẽ ít bị trì hoãn bởi những kinh nghiệm tương tự như những điều tôi đã kể. Chúng ta chỉ phải học một bài học một lần mà thôi, và nếu tính cách của chúng ta nhờ đó mà thay đổi, chúng ta sẽ tránh được rất nhiều phiền toái và đau khổ tạm thời trong tương lai.

“Cũng như những kinh nghiệm cảm dục của người trung bình và người dưới mức trung bình phù hợp với loại đời sống mà họ đã sống trên trần thế, thì những kinh nghiệm của *người trí thức*, người trên mức trung bình, cũng phù hợp với lối sống của y. Những người như thế đi nhanh hơn từ các cấp thấp lên các cấp cao của cõi cảm dục, nơi họ không chỉ có thể tiếp tục bất cứ công trình thực nghiệm nào mà họ quan tâm, mà còn có thể quy tụ quanh mình những đạo sinh có cùng sở thích. Những cuộc tụ họp như thế thường thấy; nhà khoa học với nhóm đạo sinh của mình, nhà toán học với nhóm nhỏ hơn của mình, cả hai đều thấy cõi cảm dục là một cõi thích hợp hơn nhiều để

world a much more suitable plane in which to work than the physical world, for four dimensional space can now be studied with opportunities of experimenting. The artist has his group of pupils trying to imitate his skill, as also does the musician, and now the latter is happy indeed for he has the opportunity of listening not only to the world's music but to the music of nature from that of the sea and the wind to the music of the spheres—for there is a music of the spheres, there is an ordered song as the planets move through their mighty curves in space. There is music and colour connected with all the vast cosmic world, but as yet we understand the glory of the cosmic life as little as the crawling ant understands our life, with its many activities. A musician may meet the great angels of music, for there are angels who live for music, who express themselves in and by music, to whom music is what speech is to us. You will hear more about their activities later.

“For the spiritually minded man, the man who has meditated deeply on higher things, there waits an infinity of bliss. During his lifetime he has had to rely on faith and his own reasoning powers; now he can prove the truth of many of the theories which he has studied in the world, and one can but faintly imagine the joy and peace that this knowledge will bring to such a man; he has been struggling in darkness and now, to a certain extent, he has found the light.

“The philanthropist who during his lifetime has had one thought, one object in view—the helping of his fellow men—has perhaps the greatest opportunity of all, for now he is free to devote the whole of his time to helping and comforting those who require his services. If he takes up the special work of helping those who have just passed over, he will find work

làm việc so với cõi hồng trần, vì không gian bốn chiều giờ đây có thể được nghiên cứu cùng với những cơ hội thực nghiệm. Người nghệ sĩ có nhóm học trò của mình đang cố bắt chước kỹ năng của ông, cũng như nhạc sĩ cũng vậy, và giờ đây người sau quả thật hạnh phúc vì có cơ hội lắng nghe không chỉ âm nhạc của thế giới mà còn âm nhạc của thiên nhiên, từ âm nhạc của biển và gió đến âm nhạc của các thiên cầu—vì quả thật có một âm nhạc của các thiên cầu, có một khúc ca có trật tự khi các hành tinh chuyển động theo những đường cong hùng vĩ của chúng trong không gian. Có âm nhạc và màu sắc gắn liền với toàn bộ thế giới vũ trụ bao la, nhưng cho đến nay chúng ta hiểu vinh quang của sự sống vũ trụ cũng ít như con kiến bò hiểu đời sống của chúng ta với vô số hoạt động của nó. Một nhạc sĩ có thể gặp các thiên thần vĩ đại của âm nhạc, vì có những thiên thần sống vì âm nhạc, biểu lộ chính mình trong và bằng âm nhạc, đối với họ âm nhạc là điều mà lời nói là đối với chúng ta. Về sau anh sẽ nghe thêm về các hoạt động của họ.

“Đối với người có tâm trí tinh thần, người đã tham thiền sâu xa về những điều cao cả, thì một vô hạn chí phúc đang chờ đợi. Trong suốt đời sống, y đã phải dựa vào đức tin và năng lực lý luận của chính mình; giờ đây y có thể chứng minh chân lý của nhiều lý thuyết mà y đã nghiên cứu trong thế gian, và người ta chỉ có thể mơ hồ hình dung niềm vui và sự bình an mà tri thức này sẽ mang đến cho một người như thế; y đã vật lộn trong bóng tối và giờ đây, ở một mức độ nào đó, y đã tìm thấy ánh sáng.

“Nhà từ thiện, người mà trong suốt đời sống chỉ có một ý nghĩ, một mục tiêu trước mắt—giúp đỡ đồng loại của mình—có lẽ có cơ hội lớn nhất trong tất cả, vì giờ đây y được tự do hiến trọn thời gian của mình để giúp đỡ và an ủi những ai cần đến sự phụng sự của y. Nếu y đảm nhận công việc đặc biệt là giúp những người vừa mới qua đời, y sẽ thấy có việc cho

for every minute of his astral life. During war time the need for this work is great, for the ignorant are many and the helpers are few. Much good karma is then earned by those who have fitted themselves for such work and who seize this golden opportunity.

“Therefore I say to you, seek knowledge, not that you may help yourself alone, but that by this knowledge you may be able to assist your brother in distress; also that you may take your share in this great scheme of evolution and be, what every thinking man should be, a guide and a helper to the ignorant.”

“Today brings me to one of the most pleasant parts of my description of the astral world, for I must now talk about children, and after all do not children really make a world? It is only necessary to spend Christmas with a family that is without children to realise what a difference their happy voices and romping games make to this greatest of all festivals; nothing seems the same, the house appears to be dead and the world empty of true happiness. Children’s laughter is the most wonderful thing in the world, the one thing most missed by those who have worshipped at its shrine in the past, when they find that the time is gone by and that the revellers of the nursery have been submerged into the huge cauldron of adult humanity. It is as if children are the only really natural beings in the human world—the only people who understand enjoyment.

“The explanation of this lies in the fact that having so recently returned to earth they are as yet so near to the truly glorious life of the heaven world that they still retain some touch with life at its highest, life that is one with the nature kingdom, the land of fairies, the land of

từng phút trong đời sống cảm dục của mình. Trong thời chiến, nhu cầu đối với công việc này rất lớn, vì người vô minh thì nhiều mà người trợ giúp thì ít. Khi ấy, nhiều nghiệp lành được tạo ra bởi những ai đã chuẩn bị mình cho công việc như thế và nắm lấy cơ hội vàng này.

“Vì vậy tôi nói với anh, hãy tìm kiếm tri thức, không phải để chỉ giúp riêng mình, mà để nhờ tri thức này anh có thể trợ giúp huynh đệ của mình trong cơn khốn khó; và cũng để anh có thể góp phần của mình vào hệ thống tiến hoá vĩ đại này và trở thành, như mọi người biết suy nghĩ đều nên trở thành, một người hướng dẫn và một người trợ giúp cho kẻ vô minh.”

“Hôm nay đưa tôi đến một trong những phần dễ chịu nhất trong phần mô tả của tôi về cõi cảm dục, vì giờ đây tôi phải nói về trẻ em, và rốt cuộc chẳng phải trẻ em thực sự tạo nên một thế giới hay sao? Chỉ cần trải qua lễ Giáng Sinh với một gia đình không có trẻ em là đủ để nhận ra tiếng cười vui vẻ và những trò chơi nô đùa của chúng tạo nên sự khác biệt lớn đến thế nào cho ngày hội lớn nhất trong mọi ngày hội này; dường như không gì còn như cũ, ngôi nhà có vẻ như đã chết và thế giới trống rỗng niềm hạnh phúc chân thật. Tiếng cười của trẻ em là điều kỳ diệu nhất trên đời, là điều bị nhớ nhung nhất bởi những ai trước kia đã tôn thờ nơi đền thờ ấy, khi họ nhận ra rằng thời gian ấy đã qua và những kẻ vui đùa trong phòng trẻ đã bị nhấn chìm vào chiếc vạc khổng lồ của nhân loại trưởng thành. Dường như trẻ em là những hữu thể thực sự tự nhiên duy nhất trong thế giới loài người—những người duy nhất hiểu được niềm vui.

“Sự giải thích cho điều này nằm ở chỗ vì chúng vừa mới trở lại trần thế nên chúng vẫn còn gần với đời sống thật sự huy hoàng của cõi thiên đường đến mức vẫn giữ được đôi chút tiếp xúc với đời sống ở mức cao nhất của nó, đời sống hợp nhất với giới tự nhiên, xứ sở của các tiên

beauties untold and undreamed of by the material beings we all seem to become when we grow up and are tarred with the brush of convention and “respectability.” A condition analagous to this is to be seen in the animal kingdom. Even lion cubs are delightful as babies; when they are born, they have no fear for they have just come from the astral world where fear does not exist for them. After some months, or even a year or so, their instinct—which is part of the group soul to which they belong—filters through, then fear and antagonism for the human race comes into force and no longer can they be considered as safe pets.

“It is usually considered that nothing is quite so sad as for a child to be cut off at any stage of its career, but especially at the time when it is emerging from babyhood into what is described as the ‘interesting stage’ at about three years old. The period when a child ceases to be a child is not determined by age; some lose their childish ways as soon as they enter school, others remain children till well into their teens. The death of a child must always seem unnecessary to those who have not grasped at least the elementary theory of evolution, for it is very natural that they should wonder why parents have to suffer in this way, and what the use is of a life which ends so soon after it has begun. Students of evolution, however, realise that a child is an individual who has descended to this physical plane to obtain experience—to work out its destiny. If it dies young, it gains little experience and it will not take long to assimilate this after leaving the physical world, thus it is more likely that the child who has died young will be the sooner back to live another life. It does not follow that it would lose anything or suffer in any way from this early death. If the average person would only

nữ, xứ sở của những vẻ đẹp không thể kể xiết và không thể mơ tới đối với những hữu thể vật chất mà dường như tất cả chúng ta đều trở thành khi lớn lên và bị quét lớp hắc ín của tập tục và “sự đứng đắn” lên mình. Một trạng thái tương tự như thế có thể thấy trong giới động vật. Ngay cả sư tử con cũng thật đáng yêu khi còn bé; khi mới sinh, chúng không có sợ hãi vì chúng vừa từ cõi cảm dục đến, nơi đối với chúng không có sợ hãi. Sau vài tháng, hay thậm chí khoảng một năm, bản năng của chúng—vốn là một phần của Hồn nhóm mà chúng thuộc về—thấm dần qua, rồi nỗi sợ và sự đối kháng đối với nhân loại bắt đầu có hiệu lực, và chúng không còn có thể được xem là thú cưng an toàn nữa.

“Người ta thường cho rằng không gì buồn bằng việc một đứa trẻ bị cắt đứt đời sống của nó ở bất cứ giai đoạn nào, nhưng đặc biệt là vào lúc nó đang từ thời kỳ sơ sinh bước vào cái được gọi là ‘giai đoạn thú vị’ vào khoảng ba tuổi. Thời kỳ khi một đứa trẻ thôi không còn là trẻ con không được quyết định bởi tuổi tác; có đứa mất đi những nét trẻ thơ ngay khi vào trường, có đứa vẫn còn là trẻ con mãi đến tận tuổi thiếu niên. Cái chết của một đứa trẻ luôn phải có vẻ vô nghĩa đối với những ai chưa nắm được dù chỉ là lý thuyết sơ đẳng về tiến hoá, vì việc họ tự hỏi tại sao cha mẹ phải đau khổ theo cách này, và ích lợi gì của một đời sống kết thúc quá sớm sau khi vừa bắt đầu, là điều rất tự nhiên. Tuy nhiên, những đạo sinh của tiến hoá nhận ra rằng một đứa trẻ là một cá nhân đã giáng xuống cõi hồng trần này để thu nhận kinh nghiệm—để thực hiện định mệnh của nó. Nếu nó chết sớm, nó thu được ít kinh nghiệm và sẽ không mất nhiều thời gian để đồng hóa điều này sau khi rời cõi hồng trần; do đó rất có thể đứa trẻ chết sớm sẽ sớm trở lại để sống một đời khác. Điều đó không có nghĩa là nó mất mát điều gì hay chịu đau khổ theo bất cứ cách nào vì cái chết sớm ấy. Nếu người trung bình chỉ chịu bỏ chút công sức nhỏ cần thiết để đạt

take the little trouble necessary to gain this knowledge, how much happier the world would be.

“When a baby is about to pass to the next world, the ceremony of baptism should always be performed. This rite makes the child a member of a holy brotherhood, surrounds it with a certain definite protection and starts it along a certain line of vibrations and influences which prevent harm from coming near it.

“When children reach the astral world they have a wonderfully happy life, because of the absence of restrictions. They never lack attention for there are always numbers of mothers that have passed over who are willing and eager to care for a child that has died when a baby. They have the same maternal feelings when living at the astral level as they had when living in the physical world. Poverty, lack of food, suffering from cold—such things have no place in the thoughts of the astral mother. Sleep is no longer a necessity, so there is plenty of time to give to any child she adopts. Apart from the pleasure of seeing that it is cared for and amused, she can commence the child’s education, introducing it to the beauties of this world in their many forms. Such teaching may leave its mark on the child and may cause it to turn to the artistic side of life in its next incarnation. As well as foster mothers, who are always available, there is a vast army of astral helpers also ready to pilot a newcomer through the early stages of his new life.

“Like the adult, the child is unchanged by passing to this new world. There are always many who are only too anxious to help him at his games and there are also the nature spirits, who play a great part in children’s games on

được tri thức này, thế giới sẽ hạnh phúc hơn biết bao.

“Khi một em bé sắp đi sang thế giới kế tiếp, nghi thức rửa tội luôn luôn nên được thực hiện. Nghi lễ này làm cho đứa trẻ trở thành một thành viên của một huynh đệ đoàn thiêng liêng, bao bọc nó bằng một sự bảo vệ xác định nào đó và khởi đầu cho nó trên một đường rung động và ảnh hưởng nhất định, ngăn không cho tổn hại đến gần nó.

“Khi trẻ em đến cõi cảm dục, chúng có một đời sống kỳ diệu và hạnh phúc, vì không có những hạn chế. Chúng không bao giờ thiếu sự chăm sóc vì luôn luôn có vô số những người mẹ đã qua đời sẵn lòng và tha thiết chăm nom một đứa trẻ chết khi còn là em bé. Họ có cùng những tình cảm mẫu tử khi sống ở cấp độ cảm dục như khi sống trong cõi hồng trần. Nghèo đói, thiếu thức ăn, chịu rét—những điều như thế không có chỗ trong ý nghĩ của người mẹ cảm dục. Giấc ngủ không còn là điều cần thiết nữa, nên có rất nhiều thời gian để dành cho bất cứ đứa trẻ nào bà nhận nuôi. Ngoài niềm vui khi thấy nó được chăm sóc và được vui chơi, bà có thể bắt đầu việc giáo dục đứa trẻ, giới thiệu cho nó những vẻ đẹp của thế giới này dưới nhiều hình thức. Sự dạy dỗ như thế có thể để lại dấu ấn trên đứa trẻ và có thể khiến nó hướng về phương diện nghệ thuật của đời sống trong lần nhập thể kế tiếp. Ngoài những bà mẹ nuôi, những người *luôn luôn* sẵn có, còn có cả một đạo quân rộng lớn những người trợ giúp cảm dục cũng sẵn sàng dìu dắt một người mới đến qua những giai đoạn đầu của đời sống mới của nó.

“Cũng như người trưởng thành, đứa trẻ không thay đổi khi đi sang thế giới mới này. Luôn luôn có nhiều người quá sẵn lòng giúp nó trong các trò chơi của nó, và cũng có cả những tinh linh tự nhiên, những hữu thể đóng một

the astral plane. Think of the imaginative child surrounding himself, still in imagination, with the wonders of the kingdoms described in his fairy books. In this astral world the child will not have to rely on make believe. Once a thing is imagined, it is there plain for him to see, for the matter of the astral world is moulded by thought, and just as long as the child imagines a thing so will the thing be there. Instead of sitting in an old washtub with a pair of walking sticks for oars, the child who wants to row on the river has only to think of the river, only to imagine the boat and the oars, and they are there for his use. The child who loves to imitate the heroes of fiction has only to think strongly of himself as the hero and he immediately becomes his idea of what that character should be. The plastic astral body is moulded into that very shape and so for the time being, the child absolutely becomes what he is trying to imagine. He becomes Hermes with the winged shoes or Jason in charge of the Argo or Robin Hood, the hero of Sherwood Forest. Whatever he thinks of, he becomes and when he gets tired of that impersonation, he has only to think of someone else and the plastic astral body obeys his commands. It is a wonderful education for a child, this living amongst the characters of his imagination, since he learns much by this method that would be impossible under physical plane conditions.

“We all know the child who is continually asking questions. How often have we found ourselves up against a stumbling block, because it is impossible to give an answer that may be understood by the listener who has only a child’s undeveloped brain and elementary intellect. Sometimes we even go so far as to scold the child and try to

vai trò lớn trong các trò chơi của trẻ em trên cõi cảm dục. Hãy nghĩ đến đứa trẻ giàu tưởng tượng vẫn còn bao quanh mình, trong sự tưởng tượng, bằng những điều kỳ diệu của các vương quốc được mô tả trong những cuốn sách thần tiên của nó. Trong cõi cảm dục này, đứa trẻ sẽ không phải dựa vào sự giả vờ tưởng tượng nữa. Một khi điều gì được tưởng tượng ra, nó hiện diện rõ ràng để nó nhìn thấy, vì vật chất của cõi cảm dục được nắn bởi tư tưởng, và chừng nào đứa trẻ còn tưởng tượng một điều gì thì điều ấy sẽ còn ở đó. Thay vì ngồi trong một cái chậu tắm cũ với đôi gậy làm mái chèo, đứa trẻ muốn chèo thuyền trên sông chỉ cần nghĩ đến con sông, chỉ cần tưởng tượng ra con thuyền và mái chèo, là chúng hiện ra để nó sử dụng. Đứa trẻ thích bắt chước các anh hùng trong truyện chỉ cần nghĩ mạnh mẽ về mình như là vị anh hùng ấy, và ngay lập tức nó trở thành ý niệm của nó về nhân vật đó phải như thế nào. Thể cảm dục linh động được nắn thành chính hình dạng ấy, và vì vậy trong lúc đó, đứa trẻ tuyệt đối trở thành điều nó đang cố tưởng tượng. Nó trở thành Hermes với đôi giày có cánh, hay Jason chỉ huy con tàu Argo, hay Robin Hood, vị anh hùng của rừng Sherwood. Bất cứ điều gì nó nghĩ đến, nó đều trở thành, và khi mệt với sự nhập vai ấy, nó chỉ cần nghĩ đến một người khác và thể cảm dục linh động liền tuân theo mệnh lệnh của nó. Đây là một nền giáo dục kỳ diệu cho trẻ em, việc sống giữa những nhân vật của sự tưởng tượng của mình, vì bằng phương pháp này nó học được nhiều điều mà trong các điều kiện của cõi hồng trần là điều không thể.

“Tất cả chúng ta đều biết đứa trẻ luôn luôn đặt câu hỏi. Biết bao lần chúng ta thấy mình vấp phải một trở ngại, vì không thể đưa ra một câu trả lời mà người nghe, với bộ não chưa phát triển của trẻ con và trí tuệ sơ đẳng, có thể hiểu được. Đôi khi chúng ta thậm chí còn đi xa đến mức quở trách đứa trẻ và cố làm cho nó nản lòng trong việc đặt câu hỏi. Chúng ta không

discourage him from questioning. We do not want to hinder his progress, we just feel that now and again our answers are so inadequate that it would be better for the question to remain unanswered rather than to give a wrong impression. When the astral plane conditions can be made use of, all that is changed. He can be shown the answer to his question by making an image to float before his eyes. A living model (for it is living so long as our thought is concentrated upon it) is a great improvement on a wordy discourse.

“It may be asked: ‘Do the children not miss their fathers and mothers, friends and playmates?’ No, they do not and for this reason. Everyone when asleep spends these hours in the same world as the child who is dead. The fathers and mothers who mourn because they think they have lost a child, find that the same child is visible to them again the moment they sleep and are out of their physical bodies; they are able to talk to the child and he to them, to play with him, to continue his education and so on. They are able, practically, to carry on from where they left off on earth, but the pity of it is that these self-same parents remember nothing about this when they wake up in the morning. The child after death is invisible to the average parent—to all who have not developed clairvoyance—whereas the parents are never invisible to the child. He can always see them (the astral counterparts of their physical bodies) and often when parents are mourning over the death of a child, the one who is dead is standing by their side, trying in every way possible to communicate with them. To the child, the parents seem to be very dull and stupid at such times, for the child cannot realise that although he can see them, they cannot see him.

“An oft repeated question is: ‘Do children grow

muốn cản trở sự tiến bộ của nó, chỉ là đôi khi chúng ta cảm thấy câu trả lời của mình quá không đầy đủ đến nỗi tốt hơn là để câu hỏi không được trả lời còn hơn tạo ra một ấn tượng sai lầm. Khi các điều kiện của cõi cảm dục có thể được sử dụng, tất cả điều đó thay đổi. Người ta có thể cho nó thấy câu trả lời cho câu hỏi của nó bằng cách tạo ra một hình ảnh lơ lửng trước mắt nó. Một mô hình sống động (vì nó sống chừng nào tư tưởng của chúng ta còn tập trung vào nó) là một sự cải thiện lớn so với một bài diễn giải dài dòng bằng lời.

“Người ta có thể hỏi: ‘Trẻ em có nhớ cha mẹ, anh bè và anh chơi của chúng không?’ Không, chúng không nhớ, và vì lý do này. Mọi người khi ngủ đều trải qua những giờ ấy trong cùng một thế giới với đứa trẻ đã chết. Những người cha người mẹ than khóc vì nghĩ rằng mình đã mất con, thấy rằng chính đứa trẻ ấy lại hiện ra với họ ngay khi họ ngủ và ra khỏi thể xác; họ có thể nói chuyện với đứa trẻ và nó với họ, chơi với nó, tiếp tục việc giáo dục nó, v.v. Trên thực tế, họ có thể tiếp tục từ nơi họ đã dừng lại trên trần thế, nhưng điều đáng tiếc là chính những bậc cha mẹ ấy lại không nhớ gì về điều này khi thức dậy vào buổi sáng. Sau khi chết, đứa trẻ là vô hình đối với cha mẹ trung bình—đối với tất cả những ai chưa phát triển thông nhãn—trong khi cha mẹ không bao giờ vô hình đối với đứa trẻ. Nó luôn luôn có thể thấy họ (các đối phần cảm dục của thể xác họ), và thường khi cha mẹ đang than khóc vì cái chết của con, thì đứa trẻ đã chết ấy đang đứng bên cạnh họ, cố giao tiếp với họ bằng mọi cách có thể. Đối với đứa trẻ, cha mẹ dường như rất đờ đẫn và ngu ngốc vào những lúc như thế, vì đứa trẻ không thể nhận ra rằng mặc dù nó có thể thấy họ, họ lại không thể thấy nó.

“Một câu hỏi thường được lặp đi lặp lại là: ‘Trẻ

when they are living in the astral world?’ This question is always difficult to answer, because if the child is asked, it usually answers: ‘Yes, I have grown quite a lot.’ As I have told you, the astral body does not grow after death, for though the child develops mentally and learns more, the body actually remains as it was when the child died. Growth is only necessary at the physical level; after a person is born, the body grows gradually until it attains full stature, unless the subject dies, when physical growth automatically ceases. As there is now no physical body to which the astral body need adapt itself, it too ceases to grow. When the child says it has grown, it means the child ‘thinks’ it has grown: the plastic astral body immediately responds to that thought and for a time is bigger, but as soon as the thought is dropped, the body returns to its actual or usual size. There is nothing mysterious about this; it is only the working of the laws of nature, and higher matter responds to those laws as well as the lower variety.

“I once saw a most interesting example of how this works for different people, in a case where a man and his wife died together in a motor accident. Ten years previous to that date they had lost a young daughter aged five. The man, who had studied occultism, expected to see his daughter looking just the same as when she was alive, so greeted her by picking her up in his arms in the same way as he used to do when he came home from his office. The wife, however, not having studied these matters in any way, naturally added up the years that had passed since the child died and expected to see a girl of fifteen years of age waiting to greet her on the other side. She was not disappointed; she saw the tall girl with the attractive face and eyes that she had so often imagined her daughter would grow into and exclaimed as she greeted her: ‘Haven’t you

em có lớn lên khi sống trong cõi cảm dục không?’ Câu hỏi này luôn khó trả lời, vì nếu hỏi đứa trẻ, nó thường trả lời: ‘Có, cháu lớn lên nhiều lắm rồi.’ Như tôi đã nói với anh, thể cảm dục không lớn lên sau khi chết, vì dù đứa trẻ phát triển về trí tuệ và học hỏi thêm, thể ấy thực ra vẫn giữ nguyên như khi đứa trẻ chết. Sự tăng trưởng chỉ cần thiết ở cấp độ hồng trần; sau khi một người được sinh ra, thể xác lớn dần cho đến khi đạt tầm vóc đầy đủ, trừ khi đương sự chết, lúc đó sự tăng trưởng hồng trần tự động chấm dứt. Vì giờ đây không còn thể xác để thể cảm dục phải thích nghi theo, nên nó cũng ngừng lớn lên. Khi đứa trẻ nói rằng nó đã lớn lên, điều đó có nghĩa là đứa trẻ ‘nghĩ’ rằng nó đã lớn lên: thể cảm dục linh động lập tức đáp ứng với tư tưởng ấy và trong một thời gian trở nên lớn hơn, nhưng ngay khi tư tưởng ấy được buông bỏ, thể lại trở về kích thước thực sự hay thông thường của nó. Không có gì bí ẩn trong điều này; đó chỉ là sự vận hành của các định luật của bản chất, và vật chất cao hơn cũng đáp ứng với những định luật ấy không kém gì loại thấp hơn.

“Tôi đã từng thấy một ví dụ hết sức thú vị về cách điều này vận hành đối với những người khác nhau, trong trường hợp một người đàn ông và vợ ông chết cùng nhau trong một tai nạn xe hơi. Mười năm trước thời điểm đó họ đã mất một cô con gái nhỏ năm tuổi. Người chồng, vì đã nghiên cứu huyền bí học, nên mong đợi sẽ thấy con gái mình trông y hệt như khi nó còn sống, vì thế ông chào đón nó bằng cách bế nó lên tay theo đúng cách ông vẫn thường làm khi đi làm về. Tuy nhiên, người vợ, vì hoàn toàn chưa từng nghiên cứu những vấn đề này, nên tự nhiên cộng số năm đã trôi qua kể từ khi đứa trẻ chết và mong đợi sẽ thấy một thiếu nữ mười lăm tuổi đang chờ chào mình ở phía bên kia. Bà đã không thất vọng; bà thấy một thiếu nữ cao lớn với khuôn mặt và đôi mắt duyên dáng mà bà đã nhiều lần tưởng tượng con gái mình sẽ lớn lên thành như thế, và khi

grown! Why, you're nearly a woman now.'

"The husband, knowing something of the peculiarities of the astral plastic matter, was not at all surprised and did not spoil her pleasure by explaining to his wife that what she was really seeing was a thought-form made by herself, within which was housed the ego of their daughter whom they had not seen, except during sleep, for the past ten years. This example shows that although it is a fact that people do not grow in size on the astral plane, yet to those who cannot subscribe to this fact or find it difficult to understand, their illusions prove quite satisfactory and no one is harmed by them.

"Before finishing my remarks on the life of children in the astral level, let me give you one example to show how the early death of a child can and usually does benefit that child considerably. Two people who were married but in poor circumstances longed for a child. In due time a son was born to them who lived for just two years. The parents were frantic with grief at his loss and nothing and no one seemed to be able to console them. Life which before had seemed to be nearly perfect, was now empty and desolate, and the atmosphere of their home was depressing in the extreme. In time they felt the loss less keenly but the wound was still there, and each made it worse for the other by treating the subject as a closed one, never to be mentioned—which only meant that they both brooded all the more in their inner hearts. The one thing they had both loved, the child whose future they had planned, had been taken from them and great was their grief, great their feeling of frustration, that they should be treated thus by a creator who was said to be beneficent.

chào đón nó bà kêu lên: 'Con lớn quá rồi! Sao, giờ con gần thành thiếu nữ rồi.'

"Người chồng, vì biết đôi điều về những đặc tính của vật chất cảm dục linh động, nên hoàn toàn không ngạc nhiên và không làm hỏng niềm vui của vợ bằng cách giải thích cho bà rằng điều bà thực sự đang thấy là một Hình tư tưởng do chính bà tạo ra, bên trong đó là chân ngã của cô con gái họ, người mà họ đã không thấy, ngoại trừ trong giấc ngủ, suốt mười năm qua. Ví dụ này cho thấy rằng mặc dù đúng là con người không lớn lên về kích thước trên cõi cảm dục, nhưng đối với những ai không thể chấp nhận sự thật này hoặc thấy khó hiểu nó, thì những ảo tưởng của họ vẫn tỏ ra hoàn toàn thỏa đáng và không ai bị tổn hại vì chúng.

"Trước khi kết thúc những nhận xét của tôi về đời sống của trẻ em ở cấp độ cảm dục, hãy để tôi đưa ra cho anh một ví dụ để cho thấy cái chết sớm của một đứa trẻ có thể và thường thực sự đem lại lợi ích đáng kể cho đứa trẻ ấy như thế nào. Hai người đã kết hôn nhưng hoàn cảnh nghèo khó rất mong có con. Đến đúng lúc, một đứa con trai được sinh ra cho họ và chỉ sống được đúng hai năm. Cha mẹ nó điên cuồng vì đau buồn trước sự mất mát ấy và dường như không điều gì, không ai có thể an ủi họ. Đời sống trước kia dường như gần như hoàn hảo, giờ đây trở nên trống rỗng và hoang vắng, và bầu không khí trong ngôi nhà của họ buồn thảm đến cực độ. Theo thời gian họ cảm thấy nỗi mất mát bớt nhói buốt hơn, nhưng vết thương vẫn còn đó, và mỗi người lại làm cho người kia đau hơn bằng cách coi đề tài ấy là điều cấm nhắc đến, không bao giờ được nói ra—điều đó chỉ có nghĩa là cả hai càng âm thầm ủ rũ hơn trong lòng. Điều duy nhất mà cả hai cùng yêu thương, đứa trẻ mà tương lai của nó họ đã hoạch định, đã bị lấy khỏi họ, và nỗi đau của họ thật lớn, cảm giác thất vọng của họ thật sâu, khi họ bị đối xử như thế bởi một đấng sáng tạo được nói là nhân từ.

“This sorrow acted in different ways on the two people: whilst the woman carried on her household duties and prayed that one day she might conceive another child, the man threw himself wholeheartedly into his business, feeling quite rightly that hard work would take his mind off his great sorrow. Five years after the death of the first child, the woman produced another son and their joy was complete. As it happened the new son was the same ego who had been taken from them five years ago. Through the hard work which the sorrowing father had put into his business the material resources of the family were now flourishing, so when the time came for the second child to be educated, the man was in a position to give him a first class education—five years earlier the money would not have been available for this.

“The net result of this seemingly useless death was that firstly the husband and wife paid off quite a number of units of karma, through their suffering, and secondly the child who had earned the right to be given a good education by actions in his previous life, had to be withdrawn from the first body, kept waiting five years for the second body and then reborn to the same family. The child ego did not suffer at all by these occurrences; he gained much by the opportunities available to him in his second body. Being born a few years later is nothing in the scheme of evolution, but often a few years make all the difference to the conditions ruling in a particular family on the physical plane, which can have far reaching effects on egos born into such environment.

“To sum up. Generally it is necessary for a man to return to the home of the ego, which is at the higher mental level, only if he has lived a life in the physical world for an average length

“Nỗi buồn này tác động theo những cách khác nhau lên hai người: trong khi người phụ nữ tiếp tục công việc nội trợ và cầu nguyện rằng một ngày nào đó mình có thể thụ thai một đứa trẻ khác, thì người đàn ông dốc toàn tâm toàn ý vào công việc kinh doanh của mình, hoàn toàn đúng khi cảm thấy rằng lao động chăm chỉ sẽ giúp tâm trí mình rời khỏi nỗi buồn lớn lao ấy. Năm năm sau cái chết của đứa con đầu, người phụ nữ sinh thêm một con trai nữa và niềm vui của họ trọn vẹn. Tình cờ thay, đứa con trai mới chính là cùng một chân ngã đã bị lấy khỏi họ năm năm trước. Nhờ công việc chăm chỉ mà người cha đau buồn đã dồn vào việc kinh doanh, các nguồn lực vật chất của gia đình giờ đây đang hưng thịnh, nên khi đến lúc đứa con thứ hai cần được giáo dục, người đàn ông đã ở vào vị thế có thể cho nó một nền giáo dục hạng nhất—năm năm trước thì số tiền ấy chưa thể có được cho việc này.

“Kết quả ròng của cái chết tưởng như vô ích này là, thứ nhất, hai vợ chồng đã trả được khá nhiều đơn vị nghiệp quả qua sự đau khổ của mình, và thứ hai, đứa trẻ đã kiếm được quyền được hưởng một nền giáo dục tốt bằng những hành động trong kiếp trước của nó, đã phải được rút khỏi thể đầu tiên, chờ năm năm cho thể thứ hai, rồi tái sinh vào chính gia đình ấy. Chân ngã của đứa trẻ hoàn toàn không đau khổ vì những biến cố này; nó được lợi rất nhiều nhờ những cơ hội dành cho nó trong thể thứ hai. Được sinh ra muộn hơn vài năm không là gì trong hệ thống tiến hoá, nhưng thường chỉ vài năm cũng tạo nên toàn bộ sự khác biệt đối với những điều kiện chi phối một gia đình cụ thể trên cõi hồng trần, điều này có thể có những ảnh hưởng sâu rộng lên các chân ngã sinh vào môi trường như thế.

“Tóm lại. Nói chung, một người chỉ cần trở về ngôi nhà của chân ngã, vốn ở cấp độ thượng trí, nếu y đã sống một đời trong cõi hồng trần với độ dài trung bình. Để đến đó, y phải đi qua

of time. To get there he must pass through the astral world, live his life there, then drop his astral body and in his mental body consolidate at the mental level all the mental experiences and intellectual efforts that took place in his last life. This being done, his mental body is also dropped and he does not get new mental and astral vehicles until the time comes for him to incarnate again. I mention this now so that you may realise that a short life on the physical plane often means that the child, having little or no experience to consolidate after such a short physical existence, returns to the astral plane only, for a few years, and is then given a new physical body retaining the same astral and mental bodies which it had drawn round itself prior to the recent short life on the physical plane.

“As you are beginning to appreciate, evolution is a slow process; we would understand it more easily if we could see the scheme as a whole instead of the small part most of us get a glimpse of whilst living at the physical level.

“There is much that I shall have to teach you about life at the astral level; and I shall give you an opportunity of asking as many questions as you like concerning the points on which you are not quite clear. Before I go on, however, I propose to try out an experiment, with which I think you will be only too anxious to cooperate. Last night I received permission from my Master, who is one of the great adepts or perfected men who help to govern this planet, to give you the opportunity of seeing for yourself some of the conditions about which I have been talking the last few days. It was my Master who sent me to you in the first place.

“What I propose is that you shall yourself go on an astral journey and, if you will do exactly what I tell you, I think I can help you to

cõi cảm dục, sống đời sống của mình ở đó, rồi bỏ thể cảm dục và trong thể trí của mình củng cố ở cấp độ trí tuệ tất cả những kinh nghiệm trí tuệ và những nỗ lực trí thức đã diễn ra trong đời sống cuối cùng của y. Khi việc này hoàn tất, thể trí của y cũng được bỏ đi và y không nhận được các vận cụ trí tuệ và cảm dục mới cho đến khi đến lúc y lại nhập thể. Tôi nhắc điều này bây giờ để anh có thể nhận ra rằng một đời sống ngắn ngủi trên cõi hồng trần thường có nghĩa là đứa trẻ, vì có ít hoặc không có kinh nghiệm nào để củng cố sau một sự tồn tại hồng trần ngắn ngủi như thế, chỉ trở lại cõi cảm dục trong vài năm, rồi được ban cho một thể xác mới trong khi vẫn giữ nguyên các thể cảm dục và trí tuệ mà nó đã thu hút quanh mình trước đời sống ngắn ngủi vừa qua trên cõi hồng trần.

“Như anh đang bắt đầu nhận ra, tiến hoá là một tiến trình chậm; chúng ta sẽ hiểu nó dễ hơn nếu có thể thấy toàn bộ hệ thống thay vì chỉ phần nhỏ mà đa số chúng ta thoáng thấy trong khi sống ở cấp độ hồng trần.

“Còn nhiều điều tôi sẽ phải dạy anh về đời sống ở cấp độ cảm dục; và tôi sẽ cho anh cơ hội đặt bao nhiêu câu hỏi tùy thích về những điểm mà anh chưa thật rõ. Tuy nhiên, trước khi tiếp tục, tôi dự định thử một thí nghiệm mà tôi nghĩ anh sẽ hết sức sẵn lòng hợp tác. Đêm qua tôi đã nhận được sự cho phép từ Chân sư của tôi, một trong những chân sư vĩ đại hay những con người toàn thiện giúp cai quản hành tinh này, để cho anh cơ hội tự mình thấy một số điều kiện mà tôi đã nói đến trong mấy ngày qua. Chính Chân sư của tôi là Đấng đã phái tôi đến với anh ngay từ đầu.

“Điều tôi dự định là chính anh sẽ thực hiện một cuộc du hành cảm dục, và nếu anh làm đúng chính xác những gì tôi bảo, tôi nghĩ tôi

remember much of that which you see and do during the time you are out of your body. Tomorrow morning therefore I shall not visit you as I usually do. You can spend the morning reading all the notes you made of my talks during the past six days. Refresh your memory on every detail possible, for you will need to remember a great deal of what I have told you if you are to benefit from the opportunity I propose to give you, in the hope that it will make many things which are now not clear, easier for you to understand.

“You must eat no meat today or tomorrow nor touch alcohol. I know you usually eat very little meat and seldom drink very much, but even a little alcohol will add to my difficulties, for it will be my job to impress on your brain cells, on your return to your physical body, the necessity for you to remember what you have been doing out of your body. It may not necessarily be completely successful but we shall try, and since my Master has agreed to the scheme, I have no doubt that He will help me to carry it out. Tomorrow evening you must have your last meal at 7 o'clock; go to your room after dinner and be ready for bed at 9:45 p.m. I have here a tablet which you must take when you go to bed, as it will ensure that you are asleep by 10 o'clock, at which time I shall arrive. Before settling yourself for sleep, try to imagine what you look like lying on your bed. The simplest method of doing this is for you to imagine that, immediately above your bed, where the ceiling is, there is a huge mirror. Were this so, what would you see in that mirror after you got to bed? That is the picture I wish you to have in mind as you fall asleep, for that is what you will see immediately after you disconnect yourself from your physical body.

“At first you may be so surprised at seeing what appears to be you lying on the bed

có thể giúp anh nhớ được nhiều điều trong những gì anh thấy và làm trong thời gian ở ngoài thể xác. Vì vậy sáng mai tôi sẽ không đến thăm anh như thường lệ. anh có thể dành buổi sáng để đọc tất cả những ghi chép anh đã viết về các cuộc nói chuyện của tôi trong sáu ngày qua. Hãy làm mới ký ức của anh về mọi chi tiết có thể, vì anh sẽ cần nhớ rất nhiều điều tôi đã nói nếu muốn hưởng lợi từ cơ hội mà tôi định trao cho anh, với hy vọng rằng nó sẽ làm cho nhiều điều hiện nay chưa rõ trở nên dễ hiểu hơn đối với anh.

“Hôm nay và ngày mai anh không được ăn thịt cũng không được đụng đến rượu. Tôi biết anh thường ăn rất ít thịt và hiếm khi uống nhiều, nhưng ngay cả một chút rượu cũng sẽ làm tăng khó khăn cho tôi, vì nhiệm vụ của tôi sẽ là ghi khắc lên các tế bào não của anh, khi anh trở về thể xác, sự cần thiết phải nhớ những gì anh đã làm ngoài thể xác. Điều đó có thể không nhất thiết hoàn toàn thành công nhưng chúng ta sẽ thử, và vì Chân sư của tôi đã đồng ý với kế hoạch này, tôi không nghi ngờ gì rằng Ngài sẽ giúp tôi thực hiện nó. Tối mai anh phải ăn bữa cuối cùng lúc 7 giờ; sau bữa tối hãy vào phòng và sẵn sàng đi ngủ lúc 9 giờ 45 tối. Tôi có ở đây một viên thuốc mà anh phải uống khi đi ngủ, vì nó sẽ bảo đảm rằng anh ngủ vào lúc 10 giờ, khi ấy tôi sẽ đến. Trước khi yên vị để ngủ, hãy cố hình dung anh trông như thế nào khi đang nằm trên giường. Phương pháp đơn giản nhất để làm điều này là hãy tưởng tượng rằng ngay phía trên giường anh, nơi có trần nhà, là một tấm gương khổng lồ. Nếu quả thật như vậy, sau khi lên giường anh sẽ thấy gì trong tấm gương ấy? Đó là hình ảnh mà tôi muốn anh giữ trong tâm trí khi chìm vào giấc ngủ, vì đó là điều anh sẽ thấy ngay sau khi tách mình khỏi thể xác.

“Lúc đầu anh có thể quá ngạc nhiên khi thấy cái dường như là anh đang nằm trên giường

(whereas the real you is looking at that physical body) that instinctively you become somewhat frightened and the result of that fear would be a hurried return to the body on the bed and you would wake up again. I am warning you beforehand what to expect, as I wish to avoid this. Although you get out of your body every night, you do not remember anything about this because you are not conscious of getting out; now I am trying to arrange that there will be no break of consciousness at all between your falling asleep and realising your detachment from your physical body. I shall try to help you to retain that continuity of consciousness, right from the moment of your falling asleep to the moment of your return to your body in the morning. Then you will have no difficulty in remembering and being able to describe in detail all you have done in your astral body during the hours when your physical body remained lying on the bed. Without this continuity of consciousness, you would remember little or nothing of such doings, only bringing back a fragment of one or more happenings, which you would probably describe as a dream. Most peoples' dreams are fragments of what they have been doing during their sleep which the brain cells often distort. It is never easy to remember every detail correctly and it takes years of study, concentration and practice to achieve anything like perfect results. That is why I cannot guarantee that you will remember everything, even when helped by my Master; if perchance you are entirely successful you must not be disappointed if you find, as undoubtedly you will, that on future occasions, when you wake up, you are unable to bring through anything at all.

"Now I will leave you until we meet tomorrow night. The day after tomorrow I shall not see you either, because I wish you to write down

(trong khi con người thật của anh đang nhìn thể xác ấy) đến mức theo bản năng anh trở nên hơi sợ hãi, và kết quả của nỗi sợ ấy sẽ là một sự trở về vội vã vào thể trên giường và anh sẽ tỉnh dậy lần nữa. Tôi báo trước cho anh biết điều gì sẽ xảy ra, vì tôi muốn tránh điều này. Mặc dù đêm nào anh cũng ra khỏi thể xác, anh không nhớ gì về điều đó vì anh không có ý thức về việc ra khỏi thể; giờ đây tôi đang cố sắp xếp để sẽ không có sự gián đoạn tâm thức nào giữa lúc anh chìm vào giấc ngủ và lúc *chứng nghiệm* sự tách rời khỏi thể xác của mình. Tôi sẽ cố giúp anh giữ được sự liên tục tâm thức ấy, từ chính khoảnh khắc anh chìm vào giấc ngủ cho đến khoảnh khắc anh trở về thể xác vào buổi sáng. Khi đó anh sẽ không gặp khó khăn gì trong việc nhớ và có thể mô tả chi tiết tất cả những gì anh đã làm trong thể cảm dục của mình trong những giờ mà thể xác vẫn nằm trên giường. Nếu không có sự liên tục tâm thức này, anh sẽ nhớ rất ít hoặc không nhớ gì về những việc như thế, chỉ mang về một mảnh vụn của một hay nhiều sự việc, mà có lẽ anh sẽ mô tả như một giấc mơ. Phần lớn những giấc mơ của con người là những mảnh vụn của những gì họ đã làm trong khi ngủ mà các tế bào não thường bóp méo. Không bao giờ dễ nhớ đúng mọi chi tiết, và phải mất nhiều năm học tập, tập trung và thực hành mới đạt được điều gì gần như kết quả hoàn hảo. Đó là lý do tôi không thể bảo đảm rằng anh sẽ nhớ mọi thứ, ngay cả khi được Chân sư của tôi giúp đỡ; nếu tình cờ anh *quả thật* hoàn toàn thành công thì anh cũng đừng thất vọng nếu thấy rằng, như chắc chắn sẽ thế, trong những dịp sau này khi thức dậy anh lại không thể mang qua được bất cứ điều gì cả.

"Giờ đây tôi sẽ rời anh cho đến khi chúng ta gặp nhau vào tối mai. Ngày kia tôi cũng sẽ không gặp anh, vì tôi muốn anh viết ra tất cả

all you can remember of your astral experiences. We shall discuss these when I see you again in the flesh in three days time, at the usual hour. Have faith in yourself, and all will be well."

Chapter 4

Part of my instructions were that I should write down everything I could remember about last night's happenings. This sounds simpler than it proved to be, for I can tell you at once that the experiment was successful in every way. I do not know if I have remembered everything that happened—I expect my teacher will tell me that today—but I have remembered so much that I have had to marshal my thoughts very carefully to get it written down. It was a dark moonless night; I went to bed at 9:45 p.m. as I had been instructed, took the tablet which had been given to me and concentrated on imagining what I would see in a mirror above my bed. I have a little French clock which stands beside my bed; it is a great treasure of mine, for it cost a small fortune when I bought it as an impecunious undergraduate at Cambridge. It chimes both the quarters and the hours with a soft silvery note that has never either stopped or interfered with my sleeping. I had heard it strike a quarter to ten, for then I had taken my tablet. It was just when I heard the first silvery chime starting to herald in the four quarters preceding the striking of ten o'clock, that I seemed to feel something quite unusual going on in my body. Something inside it seemed as if it were loose and I felt what I can only describe as a sliding movement, which I suppose was really myself slipping out of my physical body, for before the clock had started to record its ten strokes, I found myself suspended in space and looking at my body lying on the bed, exactly as I was told I would

những gì anh có thể nhớ về các kinh nghiệm cảm dục của mình. Chúng ta sẽ thảo luận về chúng khi tôi gặp lại anh trong xác thân sau ba ngày nữa, vào giờ thường lệ. Hãy tin vào chính mình, và mọi sự sẽ ổn."

Một phần trong chỉ dẫn của tôi là tôi phải viết ra mọi điều mình có thể nhớ về những sự việc xảy ra đêm qua. Điều này nghe có vẻ đơn giản hơn thực tế rất nhiều, vì tôi có thể nói ngay với bạn rằng thí nghiệm đã thành công về mọi phương diện. Tôi không biết mình có nhớ hết mọi điều đã xảy ra hay không—hôm nay chắc vị thầy của tôi sẽ nói cho tôi biết điều đó—nhưng tôi đã nhớ được quá nhiều đến nỗi phải sắp xếp tư tưởng của mình thật cẩn thận mới viết ra được. Đó là một đêm tối không trăng; tôi đi ngủ lúc 9 giờ 45 tối như đã được chỉ dẫn, uống viên thuốc đã được đưa cho tôi và tập trung hình dung điều mình sẽ thấy trong một tấm gương phía trên giường. Tôi có một chiếc đồng hồ nhỏ kiểu Pháp đặt cạnh giường; đó là một báu vật đối với tôi, vì nó đã tốn một gia tài nhỏ khi tôi mua nó hồi còn là một sinh viên nghèo ở Cambridge. Nó điểm cả từng khắc lẫn từng giờ bằng một âm điệu bạc mềm mại chưa bao giờ ngừng lại hay làm cản trở giấc ngủ của tôi. Tôi đã nghe nó điểm một khắc trước mười giờ, vì lúc ấy tôi đã uống viên thuốc. Chính vào lúc tôi nghe tiếng chuông bạc đầu tiên bắt đầu báo hiệu bốn tiếng khắc trước khi điểm mười giờ, tôi dường như cảm thấy có điều gì đó rất khác thường đang diễn ra trong thể mình. Có cái gì đó bên trong dường như lỏng ra và tôi cảm thấy một chuyển động mà tôi chỉ có thể mô tả là trượt đi, điều mà tôi cho rằng thực ra là chính tôi đang trượt ra khỏi thể xác, vì trước khi đồng hồ bắt đầu điểm mười tiếng, tôi thấy mình lơ lửng trong không gian và nhìn thể mình nằm trên giường, đúng như tôi đã được bảo là sẽ thấy—chỉ có điều tôi không đứng trên

do—only I was not standing on the floor but perhaps a foot above it (it was really later when I realised this had been so). When I became aware of existing apart from my body, my heart seemed to palpitate, but I cannot say I was exactly frightened and I certainly did not have any desire to rush back. To say I was surprised is putting it mildly; I was excited. I was thrilled, there was a semblance of fear also, a fear of the unknown, a fear of the unusual.

To my astonishment it was as light as day! This was my first realisation of the light which rules everywhere and all the time at the astral level and although I hardly noticed its character at the time, I found later that it is a blue-grey light; if you can imagine what a room looks like just after dawn is breaking—only much lighter—it will give you some idea of the appearance of my room. I heard a merry laugh behind me, which oddly enough did not startle me at all. I turned round, and there was Charles looking exactly the same as when I had seen him last. Obviously he was enjoying my surprise and my incredulous expression, and his face was wreathed in smiles with all the jolly old wrinkles that I knew so well showing as in the days that were gone. Automatically I clasped him by the hand; at once I felt that his handclasp was as firm and as real as it used to be. My Indian friend, whom I had not noticed before but who was also in the room, said: “Yes, he is real all right, as I told you, and because you are using at the moment the same type of body as he is using, he naturally is as real to you as you are to him.”

My joy at seeing Charles was so great that I suppose I spent quite a minute or two shaking him by the hand, putting my hands on his shoulders and altogether satisfying myself

sàn mà có lẽ cao hơn nó chừng một bộ (thực ra phải về sau tôi mới nhận ra điều này). Khi tôi ý thức được rằng mình đang tồn tại tách biệt khỏi thể xác, tim tôi dường như đập mạnh, nhưng tôi không thể nói là mình thực sự sợ hãi, và chắc chắn tôi không hề có ham muốn lao trở lại. Nói rằng tôi ngạc nhiên thì còn quá nhẹ; tôi phấn khích. Tôi rúng động, cũng có một dáng vẻ sợ hãi, một nỗi sợ cái chưa biết, một nỗi sợ cái khác thường.

Tôi kinh ngạc thấy sáng như ban ngày! Đây là sự chứng nghiệm đầu tiên của tôi về ánh sáng ngự trị khắp nơi và mọi lúc ở cấp độ cảm dục, và mặc dù lúc ấy tôi hầu như không để ý đến tính chất của nó, về sau tôi nhận ra đó là một thứ ánh sáng xanh xám; nếu bạn có thể hình dung một căn phòng trông như thế nào ngay sau lúc bình minh vừa ló—chỉ sáng hơn nhiều—thì điều đó sẽ cho bạn một ý niệm nào đó về diện mạo căn phòng của tôi. Tôi nghe một tiếng cười vui vẻ phía sau mình, điều kỳ lạ là hoàn toàn không làm tôi giật mình. Tôi quay lại, và Charles đang đứng đó trông y hệt như lần cuối tôi gặp nó. Rõ ràng nó đang thích thú với sự ngạc nhiên và vẻ không tin nổi của tôi, và khuôn mặt nó rạng đầy nụ cười với tất cả những nếp nhăn vui tươi quen thuộc mà tôi biết quá rõ hiện lên như trong những ngày đã qua. Theo phản xạ tôi nắm lấy tay nó; ngay lập tức tôi cảm thấy cái bắt tay của nó chắc chắn và thật như xưa. Người bạn Ấn Độ của tôi, mà trước đó tôi không để ý nhưng cũng đang ở trong phòng, nói: “Đúng vậy, nó hoàn toàn là thật, như tôi đã nói với anh, và vì lúc này anh đang dùng cùng một loại thể như nó đang dùng, nên dĩ nhiên nó thật đối với anh cũng như anh thật đối với nó.”

Niềm vui của tôi khi gặp lại Charles lớn đến nỗi tôi nghĩ mình đã mất đến một hai phút chỉ để bắt tay nó, đặt tay lên vai nó và nói chung là tự làm cho mình thỏa mãn rằng nó thực sự đang

that he was really there—"in the flesh" I should have described it. I found it difficult to appreciate that although the astral body looks like the physical so far as features are concerned, yet it is not in any way physical and has no flesh, bones or tissues. However, Charles was real enough for me and I started asking him a thousand and one questions, such as one does with a person one loves and whom one has not seen for some time. I wanted to know how he was, what he was doing, was he happy etc., and when he could get a word in edgeways, he quietly said:

"Don't you worry, I'm all right and having a good time, as you will see for yourself." I commented on his still wearing uniform.

"Oh, am I?" he replied, and went on to say that he had not thought about what he was wearing. My Indian friend then explained that I saw Charles dressed in his uniform because that was what he was wearing the last time I had seen him and so I, unknowingly, had made a thought-form of him dressed in his uniform, and the plastic astral matter had immediately responded to my thought. He told me also that even if Charles had thought about what he was wearing before seeing me, I should not have seen him dressed in the type of clothing he had imagined, unless he had mentioned it to me. I would always see him dressed as I imagined he would be.

My Indian friend then asked me what I would like to do. Charles suggested that we start with an astral dinner and asked me if I would like to go to the Trocadero Grill, which was a favourite haunt of ours when we were in England together. Naturally I said "Yes," wondering how it would be managed; but having seen Charles alive—very much alive in fact—I felt that nothing was impossible.

ở đó—"bằng xương bằng thịt" hẳn tôi đã mô tả như thế. Tôi thấy khó mà hiểu được rằng mặc dù thể cảm dục trông giống thể xác về các nét mặt, nhưng nó hoàn toàn không phải là hồng trần và không có thịt, xương hay mô. Tuy nhiên, Charles đủ thật đối với tôi, và tôi bắt đầu hỏi nó hàng ngàn lẻ một câu, như người ta vẫn làm với một người mình yêu quý mà đã lâu không gặp. Tôi muốn biết nó ra sao, nó đang làm gì, nó có hạnh phúc không, v.v., và khi chen được một lời vào, nó bình thản nói:

"Anh đừng lo, em ổn cả và đang có khoảng thời gian rất vui, như anh sẽ tự thấy." Tôi nhận xét rằng nó vẫn mặc quân phục.

"Ồ, em thế à?" nó đáp, rồi nói tiếp rằng nó đã không nghĩ gì về việc mình đang mặc gì. Người bạn Ấn Độ của tôi khi ấy giải thích rằng tôi thấy Charles mặc quân phục vì đó là thứ nó mặc lần cuối tôi gặp nó, và vì thế tôi đã vô tình tạo ra một Hình tư tưởng về nó trong quân phục, và vật chất cảm dục linh động lập tức đáp ứng với tư tưởng của tôi. Ông cũng nói với tôi rằng ngay cả nếu Charles đã nghĩ về việc mình mặc gì trước khi gặp tôi, tôi cũng sẽ không thấy nó mặc loại y phục mà nó đã tưởng tượng, trừ phi nó nói điều đó với tôi. Tôi sẽ luôn luôn thấy nó mặc như tôi tưởng tượng nó sẽ mặc.

Người bạn Ấn Độ của tôi sau đó hỏi tôi muốn làm gì. Charles gợi ý rằng chúng tôi nên bắt đầu bằng một bữa tối cảm dục và hỏi tôi có muốn đến Trocadero Grill không, nơi từng là chốn lui tới ưa thích của chúng tôi khi còn ở Anh cùng nhau. Dĩ nhiên tôi nói "Có", tự hỏi việc ấy sẽ được thực hiện ra sao; nhưng sau khi đã thấy Charles sống—thật ra là rất sống—tôi cảm thấy không gì là không thể.

“Come along then, let’s go,” said Charles and began to leave the room. I went to open the door and Charles immediately started pulling my leg about it. He explained that I would have to get accustomed to going through doors on the astral plane without bothering to open them and, although it seemed strange, I found that this was so, for the door offered no obstacle to my passage. As my bedroom is on the first floor; I started going down the stairs in the usual way. I noticed that Charles, who was ahead of me, did not use the steps at all, but just floated down, a foot or so above them—and I found I could do the same. This floating about was certainly a strange sensation at first, but the absence of the force of gravity, to which we are so accustomed at the physical level, soon proved a great advantage and one which one gets used to very quickly.

We set out at what seemed a pretty fast pace. I kept close to Charles and my Indian friend was on the other side of me. I asked Charles how he knew the way to England, to which he replied that you soon get used to finding your way about. We passed over the harbour, travelling about ten yards above the sea. I looked round and saw the lights of Colombo fading in the distance, then for a few seconds we did not seem to be passing anything at all. It was difficult to distinguish the actual places that we passed, for almost as soon as they came into view on the horizon, we had passed them. Apart from this fact the sense of amazing speed was hardly noticeable for there was no headwind such as one notices at high speeds in the physical world. There did not seem to be any resistance at all and I found later that there is none, for the astral matter is so fine in texture that passing through it at what must be terrific speed, compared with what we are used to here, makes no difference at all.

“Vậy thì đi nào,” Charles nói và bắt đầu rời phòng. Tôi đi mở cửa và Charles lập tức bắt đầu trêu chọc tôi về chuyện đó. Nó giải thích rằng tôi sẽ phải quen với việc đi xuyên qua cửa trên cõi cảm dục mà không cần bận tâm mở chúng, và mặc dù điều đó có vẻ lạ, tôi thấy quả đúng như vậy, vì cánh cửa không hề cản trở bước đi của tôi. Vì phòng ngủ của tôi ở tầng trên; tôi bắt đầu đi xuống cầu thang theo cách thông thường. Tôi nhận thấy Charles, đang ở phía trước tôi, hoàn toàn không dùng các bậc thang mà chỉ lơ lửng đi xuống, cách chúng chừng một bộ—và tôi thấy mình cũng có thể làm như vậy. Cảm giác lơ lửng này lúc đầu quả thật rất lạ, nhưng sự vắng mặt của lực hấp dẫn, điều mà chúng ta quá quen thuộc ở cấp độ hồng trần, chẳng bao lâu đã tỏ ra là một lợi thế lớn và là điều người ta quen rất nhanh.

Chúng tôi lên đường với một tốc độ có vẻ khá nhanh. Tôi bám sát Charles và người bạn Ấn Độ của tôi ở phía bên kia. Tôi hỏi Charles làm sao nó biết đường đến nước Anh, và nó đáp rằng chẳng bao lâu người ta sẽ quen với việc tìm đường. Chúng tôi đi qua cảng, di chuyển cách mặt biển chừng mười thước. Tôi nhìn quanh và thấy những ánh đèn của Colombo mờ dần ở phía xa, rồi trong vài giây chúng tôi dường như không đi qua nơi nào cả. Thật khó phân biệt những nơi thực sự chúng tôi đi qua, vì hầu như ngay khi chúng hiện ra ở đường chân trời thì chúng tôi đã vượt qua rồi. Ngoài điều đó ra, cảm giác tốc độ kinh ngạc hầu như không đáng kể vì không có luồng gió ngược như người ta nhận thấy ở tốc độ cao trong cõi hồng trần. Dường như hoàn toàn không có sức cản nào, và về sau tôi nhận ra là quả thật không có, vì vật chất cảm dục quá mịn về cấu trúc đến nỗi việc đi xuyên qua nó với tốc độ hẳn phải là khủng khiếp so với điều chúng ta quen ở đây, hoàn toàn không tạo ra khác biệt nào.

In about the same time that it has taken me to describe this journey, we came to land, which Charles informed me was “Old England.” He told me that we had taken more or less a straight course, for naturally it was unnecessary to make any deviations, as land or sea made no difference to travel under astral conditions. When we reached England, which I recognized when we slowed down over Dover, I became fascinated with the ease with which we moved. It is difficult to describe in ordinary language, but if you can imagine what it would be like if you were able to travel at any speed you wished, merely by expressing a thought to that effect, that should give you some idea of the process. We had gone up higher as we approached the land and now we floated some yards above the tallest houses over London.

We had left Ceylon shortly after 10 p.m.—which was 5:30 p.m. in England. We came down to street level when we were over Hyde Park. I knew it was still daylight for no lights were showing, but the light of the astral world was just the same here as in the East, where it was night time. I commented on this and was told that as the astral body never requires rest, there is neither night nor day at the astral level. This was one of the first interesting points of difference between the two worlds which made an impression on me. Charles suggested that I might like to go along Oxford and Regent Streets, to see how it felt to walk in my astral body. To be walking along Oxford Street where I had not been since 1939, just before the outbreak of war, was indeed intriguing. The street was thronged with people, as one would expect it to be at this time of day; although the pavements were crowded, this did not seem to make any difference to us because we actually walked through people in their physical bodies who were travelling in the opposite direction. It is

Trong khoảng thời gian gần bằng thời gian tôi dùng để mô tả cuộc hành trình này, chúng tôi đã đến đất liền, nơi Charles cho tôi biết là “nước Anh già.” Nó nói rằng chúng tôi đã đi theo một đường gần như thẳng, vì dĩ nhiên không cần phải vòng tránh gì cả, bởi đất liền hay biển cả đều không tạo ra khác biệt nào đối với việc di chuyển trong các điều kiện cảm dục. Khi đến nước Anh, điều tôi nhận ra khi chúng tôi chậm lại trên Dover, tôi bị mê hoặc bởi sự dễ dàng mà chúng tôi di chuyển. Thật khó mô tả bằng ngôn ngữ thông thường, nhưng nếu bạn có thể hình dung sẽ như thế nào nếu bạn có thể đi với bất cứ tốc độ nào mình muốn chỉ bằng cách biểu lộ một tư tưởng theo hướng ấy, thì điều đó sẽ cho bạn một ý niệm nào đó về tiến trình này. Chúng tôi đã lên cao hơn khi đến gần đất liền và giờ đây lơ lửng cách những ngôi nhà cao nhất trên Luân Đôn vài thước.

Chúng tôi rời Ceylon ngay sau 10 giờ đêm—tức là 5 giờ 30 chiều ở Anh. Chúng tôi hạ xuống ngang mặt đường khi ở trên công viên Hyde Park. Tôi biết lúc ấy trời vẫn còn sáng vì chưa thấy đèn nào bật, nhưng ánh sáng của cõi cảm dục ở đây vẫn y hệt như ở phương Đông, nơi khi ấy đang là ban đêm. Tôi nhận xét về điều này và được cho biết rằng vì thể cảm dục không bao giờ cần nghỉ ngơi, nên ở cấp độ cảm dục không có đêm cũng không có ngày. Đây là một trong những điểm khác biệt thú vị đầu tiên giữa hai thế giới đã gây ấn tượng nơi tôi. Charles gợi ý rằng có lẽ tôi muốn đi dọc phố Oxford và phố Regent để xem cảm giác bước đi trong thể cảm dục của mình ra sao. Được đi dọc phố Oxford, nơi tôi chưa đặt chân tới từ năm 1939, ngay trước khi chiến tranh bùng nổ, quả thật rất hấp dẫn. Đường phố đông nghịt người, đúng như người ta chờ đợi vào giờ ấy; tuy vỉa hè chật kín, điều đó dường như chẳng tạo khác biệt gì đối với chúng tôi vì thực sự chúng tôi đi xuyên qua những người trong thể xác đang đi ngược chiều. Nói cho thật chính xác thì không thể bảo rằng chúng tôi

not strictly correct to say that we were unaware of walking through them, for we felt as if we were passing through a small cloud of mist when we did so; for a moment we were enveloped in it, then we were through it and everything around us was clear. The mist did not in any way impede our progress, but we did feel it, and in a similar way when we came into contact with other people using their astral bodies, we felt them to a slight extent though they did not in any way hinder us. In the world I have often seen a person shudder and in a joking way say that someone was walking over his grave. I know now that this sensation must have been caused by a physical body coming into contact with an astral entity which, although the astral matter is too fine in texture to interfere with the physical body passing through it, leaves a slight impression.

I thought that my Indian friend must look rather unusual in these surroundings in his Eastern clothes, so mentioned this to him. He replied: "I do not suppose you know that I have changed my clothes; if you will look at me now, you will see that I am dressed in a similar way to the Europeans we see around us." I did look, and it was so. His turban was no longer there and, as his skin was almost as white as ours, he looked very much like one of the Indian students who are so often seen in London. Because he mentioned it, I saw him as he had imagined himself. He explained that one soon gets used to changing one's clothes, as circumstances make such changes desirable; the plastic astral body immediately obeys the thought, even as it is made.

I said I would like to stroll into Selfridges, which we were passing at that moment. No one objected, so we went in and I made my way to the book stall. I have always been

không biết mình đang đi xuyên qua họ, vì mỗi lần như vậy chúng tôi cảm thấy như đang đi qua một đám sương nhỏ; trong chốc lát chúng tôi bị bao phủ trong đó, rồi đi xuyên qua và mọi thứ quanh mình lại rõ ràng. Làn sương ấy hoàn toàn không cản trở bước tiến của chúng tôi, nhưng chúng tôi quả có cảm thấy nó; và cũng tương tự như vậy, khi tiếp xúc với những người khác đang dùng thể *cảm dục* của họ, chúng tôi cũng cảm thấy họ ở một mức độ nhẹ, dù họ không hề cản trở chúng tôi. Trong đời thường tôi thường thấy một người rung mình rồi đùa rằng có ai đó đang đi qua mộ của ông ta. Giờ đây tôi biết cảm giác ấy hẳn do một thể xác tiếp xúc với một thực thể cảm dục gây ra; dù vật chất cảm dục quá tinh tế nên không cản trở thể xác đi xuyên qua nó, nó vẫn để lại một ấn tượng nhẹ.

Tôi nghĩ người bạn Ấn Độ của tôi hẳn trông khá khác thường trong khung cảnh này với y phục phương Đông, nên tôi nói điều đó với anh. Anh đáp: "Có lẽ anh không biết rằng tôi đã thay quần áo; nếu anh nhìn tôi bây giờ, anh sẽ thấy tôi ăn mặc giống như những người Âu châu mà ta đang thấy quanh mình." Tôi nhìn lại, và quả đúng như vậy. Chiếc khăn xếp của anh không còn nữa và, vì da anh gần như trắng như chúng tôi, anh trông rất giống một trong những sinh viên Ấn Độ thường thấy ở Luân Đôn. Vì anh nhắc đến điều đó, tôi nhìn thấy anh đúng như cách anh đã hình dung về mình. Anh giải thích rằng người ta sớm quen với việc thay đổi y phục, vì hoàn cảnh khiến những thay đổi như thế trở nên đáng mong muốn; thể cảm dục linh động lập tức tuân theo tư tưởng, ngay khi tư tưởng ấy vừa hình thành.

Tôi nói rằng tôi muốn tản bộ vào Selfridges, nơi chúng tôi đang đi ngang qua lúc ấy. Không ai phản đối, nên chúng tôi bước vào và tôi đi thẳng tới quầy sách. Tôi vốn luôn bị sách hấp

attracted by books and picking up one of the new ones, I turned over its pages. As I did so, I noticed that there was no gap in the shelf from which I took it and on enquiring why this was so, I was told that what I was holding in my hand was a thought-form of the book I was interested in, the physical one on the shelf not having been moved at all. It was an amazing sensation! I wandered round the huge empty shop, for naturally at that time of evening it was closed to the public, and I heard quite plainly the clocks in a nearby department chiming the hour of six o'clock. What a lot had happened in the half-hour that had elapsed since I got out of my physical body six thousand miles away. My companions seemed highly amused at the interest I was showing in things, but Charles obviously enjoyed the unique position of guide, exactly as we all enjoy showing a friend round a new country as we so often do in the "mysterious East" where we meet most of the big incoming liners bringing friends from home on their first visit.

Charles said he wanted to show me some of the damage that had been done to London through the raids. He took me to various places, such as St. Pauls, where it was very obvious what Londoners had suffered from these dreadful bombings. It was necessary to travel above the main buildings of the city to see the damage properly, but in our astral bodies that proved no difficulty at all. As we were walking along a street, Charles said: "Come on," and immediately floated over the heads of the stream of traffic. I found it quite easy to follow, as immediately I expressed in thought a wish to do the same, I found myself side by side with Charles floating gracefully and easily over the crowded metropolis of London. He suggested that we have a look at our old home in Warwickshire, which I had not seen for many years, and in what seemed

dẫn, và khi cầm lên một cuốn mới, tôi lật các trang của nó. Khi làm vậy, tôi nhận thấy trên giá không hề có chỗ trống nơi tôi đã lấy cuốn sách ấy, và khi hỏi tại sao lại như vậy, tôi được cho biết rằng thứ tôi đang cầm trong tay là một Hình tư tưởng của cuốn sách mà tôi quan tâm, còn cuốn sách hồng trần trên giá thì hoàn toàn chưa hề bị xê dịch. Đó là một cảm giác thật kỳ diệu! Tôi đi quanh cửa hàng rộng lớn trống vắng, vì dĩ nhiên vào giờ tối ấy cửa hàng đã đóng cửa với công chúng, và tôi nghe rất rõ những chiếc đồng hồ ở một khu gần đó điểm sáu giờ. Biết bao điều đã xảy ra trong nửa giờ trôi qua kể từ lúc tôi rời thể xác của mình ở nơi cách đó sáu ngàn dặm. Các bạn đồng hành của tôi dường như rất thích thú trước sự quan tâm mà tôi dành cho mọi thứ, nhưng rõ ràng Charles rất thích thú với vị thế độc đáo của một người hướng dẫn, đúng như tất cả chúng ta đều thích dẫn một người bạn đi quanh một xứ sở mới, như chúng ta vẫn thường làm ở "phương Đông huyền bí", nơi chúng ta thường gặp những tàu viễn dương lớn chở bạn bè từ quê nhà đến thăm lần đầu.

Charles nói rằng nó muốn cho tôi thấy một phần thiệt hại mà các cuộc oanh tạc đã gây ra cho Luân Đôn. Nó đưa tôi đến nhiều nơi, như nhà thờ St. Paul, nơi người ta có thể thấy rất rõ dân Luân Đôn đã phải chịu đựng gì từ những trận ném bom khủng khiếp ấy. Muốn thấy rõ thiệt hại thì cần phải đi lên trên các tòa nhà chính của thành phố, nhưng trong thể cảm dục của chúng tôi điều đó hoàn toàn không khó. Khi chúng tôi đang đi dọc một con phố, Charles nói: "Đi nào," rồi lập tức lướt lên trên đầu dòng xe cộ. Tôi thấy việc theo nó thật dễ dàng, vì ngay khi tôi bày tỏ trong tư tưởng ước muốn làm như thế, tôi đã thấy mình bay song song với Charles, nhẹ nhàng và dễ dàng trên đô thị Luân Đôn đông đúc. Nó gợi ý rằng chúng tôi nên ghé nhìn ngôi nhà cũ ở Warwickshire, nơi tôi đã không thấy suốt nhiều năm, và chỉ trong vài giây như có vẻ thế, Charles đã đưa tôi

a few seconds only, Charles had steered me to the right spot. I asked him how he knew his way about so easily, having only lived under astral plane conditions for such a relatively short to time. He told me that he had made many friends on the other side who had been only too glad to put him wise to the different conditions, and besides this his training as a pilot in the R.A.F. had taught him quite a lot about going to places as the crow flies.

Seeing the river Avon winding its way through the lovely Warwickshire countryside was pleasant, and soon we came down to earth near the spot where our former home stood. How well I knew the old place, even though, since I had seen it last, many small houses had sprung up in the immediate neighbourhood. The house still looked the same, even the two lawns in front and behind seemed much as they had been when Charles and I played on them as youngsters. I wondered who lived there now, for after my father died, it had been sold, because my mother was not left sufficient money to keep up the place, and I, the elder son, had settled in the East. I walked inside, for by this time I was beginning to realise that a closed door made no difference, and saw strange people occupying the rooms we had loved in the old days. I suppose it was very foolish, but they seemed to me to be intruders and, with different furniture around, the atmosphere of the house had quite changed.

We did not stay very long, but soon returned to London. It was certainly very thrilling to stand in the centre of Piccadilly Circus where the flower girls used to be in the days of peace, but without the figure of Eros which had been removed to avoid damage. The crowds were still there and the buses and taxis continued on their normal rounds, the only obvious difference was the number of men and

tới đúng chỗ. Tôi hỏi nó làm sao nó biết đường dễ dàng đến vậy, dù mới chỉ sống trong điều kiện cõi cảm dục một thời gian tương đối ngắn. Nó bảo tôi rằng nó đã kết bạn với nhiều người ở bên kia, những người rất sẵn lòng chỉ cho nó biết các điều kiện khác nhau, và ngoài ra việc được huấn luyện làm phi công trong R.A.F. cũng đã dạy nó khá nhiều về cách đi đến nơi theo đường chim bay.

Nhìn thấy dòng sông Avon uốn lượn qua miền quê Warwickshire xinh đẹp thật dễ chịu, và chẳng bao lâu chúng tôi hạ xuống gần nơi ngôi nhà cũ của chúng tôi từng đứng. Tôi biết rõ nơi cũ ấy biết bao, dù từ lần cuối tôi thấy nó, nhiều ngôi nhà nhỏ đã mọc lên trong vùng lân cận ngay đó. Ngôi nhà vẫn trông như xưa, ngay cả hai bãi cỏ trước và sau đường như cũng gần như lúc Charles và tôi còn nhỏ chơi đùa trên đó. Tôi tự hỏi giờ ai đang sống ở đó, vì sau khi cha tôi qua đời, ngôi nhà đã được bán đi, bởi mẹ tôi không còn đủ tiền để duy trì nơi ấy, còn tôi, người con trai cả, thì đã định cư ở phương Đông. Tôi bước vào trong, vì đến lúc này tôi bắt đầu nhận ra rằng một cánh cửa đóng kín chẳng tạo khác biệt gì, và tôi thấy những người xa lạ đang ở trong những căn phòng mà chúng tôi từng yêu quý thuở xưa. Có lẽ điều đó thật ngớ ngẩn, nhưng đối với tôi họ dường như là những kẻ xâm nhập, và với đồ đạc khác đi, bầu không khí của ngôi nhà đã hoàn toàn thay đổi.

Chúng tôi không ở lại lâu, mà sớm quay về Luân Đôn. Quả thật rất hồi hộp khi đứng giữa trung tâm Piccadilly Circus, nơi các cô bán hoa từng đứng trong những ngày hòa bình, nhưng không còn bức tượng Eros vì nó đã được dời đi để tránh hư hại. Đám đông vẫn còn đó và xe buýt cùng taxi vẫn tiếp tục các lộ trình bình thường, khác biệt rõ rệt duy nhất là số lượng những người nam và nữ mặc quân phục. Thật

women in uniform. In fact there seemed to be more people in uniform than in civilian clothes, which brought home to me that England was not only a country at war, but a country where every able bodied man and woman was expected to take his or her part in the defence of their beloved land.

It was nearly 7 o'clock when Charles suggested that we have dinner at the Trocadero Grill. We walked into the foyer, where we found that most of the small tables round the wall were already occupied. My Indian friend then said that he would leave me in Charles's care whilst we had dinner as he had other work to do, and he would join us later. Assuring me that Charles was well able to introduce me to this type of amusement on the astral plane, and with a cordial: "Have a good dinner," he left us.

Charles explained one of the very important points which must be understood when having an astral meal or drinks in a restaurant which existed in reality at the physical level, as compared with doing the same thing in a restaurant that had been created by ourselves through the medium of imagination or thought. He said that it was always unwise to sit down at a table which actually existed at the physical level for, as we were invisible, people who came in and saw the vacant table but who did not see us, would naturally take possession of it, which would be slightly inconvenient. When they sat down they would not feel our presence but the same sort of thing would occur to us as when we passed "through" the crowds on the streets. When a physical person sat on the chair that was occupied by you in your astral body you naturally expected to feel something, and although there was no resultant unpleasant feeling, it was not entirely pleasant. It could be avoided, he said, by producing in thought a

ra dường như số người mặc quân phục còn nhiều hơn người mặc thường phục, điều đó khiến tôi thấm thía rằng nước Anh không chỉ là một quốc gia đang chiến tranh, mà còn là một quốc gia nơi mọi người nam và nữ khỏe mạnh đều được mong đợi góp phần vào việc bảo vệ mảnh đất yêu dấu của họ.

Gần 7 giờ thì Charles gợi ý rằng chúng tôi nên ăn tối tại Trocadero Grill. Chúng tôi bước vào tiền sảnh, nơi thấy rằng hầu hết các bàn nhỏ quanh tường đều đã có người ngồi. Khi ấy người bạn Ấn Độ của tôi nói rằng anh sẽ để tôi lại cho Charles chăm nom trong lúc chúng tôi dùng bữa vì anh còn công việc khác phải làm, và anh sẽ nhập lại với chúng tôi sau. Trấn an tôi rằng Charles hoàn toàn có thể giới thiệu cho tôi kiểu giải trí này trên cõi cảm dục, và với một câu thân tình: "Chúc ăn tối ngon miệng," anh rời chúng tôi.

Charles giải thích một trong những điểm rất quan trọng phải hiểu khi dùng một bữa ăn hay đồ uống cảm dục trong một nhà hàng thực sự tồn tại ở cấp độ hồng trần, so với việc làm điều tương tự trong một nhà hàng do chính chúng tôi tạo ra qua trung gian của sự tưởng tượng hay tư tưởng. Nó nói rằng luôn luôn là điều không khôn ngoan nếu ngồi xuống một chiếc bàn thực sự tồn tại ở cấp độ hồng trần, vì do chúng tôi vô hình, những người bước vào thấy chiếc bàn trống mà không thấy chúng tôi, dĩ nhiên sẽ chiếm lấy nó, điều đó sẽ hơi bất tiện. Khi họ ngồi xuống, họ sẽ không cảm thấy sự hiện diện của chúng tôi nhưng với chúng tôi sẽ xảy ra điều tương tự như khi chúng tôi đi "xuyên qua" đám đông ngoài phố. Khi một người hồng trần ngồi *lên* chiếc ghế đang do *anh* chiếm trong thể cảm dục của mình, dĩ nhiên anh sẽ chờ đợi cảm thấy một điều gì đó, và dù không có cảm giác khó chịu nào phát sinh, nó cũng không hoàn toàn dễ chịu. Nó nói có thể tránh điều này bằng cách tạo trong tư tưởng một chiếc bàn cho nhóm của mình ở

table for one's own party in a space where, physically, no table stood. He did so right away, in the foyer of the Trocadero, and asked me to sit down.

He told me that, by thought also, he would produce a waiter who would appear to us exactly the same as the other waiters we saw moving about on their normal business, but that this waiter would not be seen by the physical occupants of the foyer. He did this, and at once I saw a waiter approaching our table who asked us what we would drink, in just the same way that we would have expected had we been there as ordinary members of the physical world. Charles ordered a dry sherry and a whisky and soda, for Charles told me that my having been prohibited alcohol for the two days prior to this experiment did not apply here. I was supplied with my drink and Charles with his, and the taste to me was exactly what I had expected it to be. I was told that, had I never tasted whisky in the world, I would not have been able to appreciate the taste of it at the astral level, though I should undoubtedly have tasted in the astral liquid what I presumed to be the taste of whisky.

Charles told me that one day when my Indian friend was instructing him in these things, he asked him to have a drink. He ordered a glass of water, telling Charles that it would be useless for him to order whisky, sherry or vodka as he had never tasted them in his present physical life, so not being able to imagine the taste of these drinks, all the pleasure would be lost. The same thing applies to smoking. My Indian friend never smoked, so even if offered a cigarette at the astral level he always refused it as, not knowing the pleasure derived from a cigarette, he would not have enjoyed making a thought-form of drawing in smoke and blowing it out again.

một khoảng trống mà về mặt hồng trần không có bàn nào đứng đó. Nó làm ngay điều ấy trong tiền sảnh Trocadero và mời tôi ngồi xuống.

Nó bảo tôi rằng, cũng bằng tư tưởng, nó sẽ tạo ra một người bồi bàn hiện ra với chúng tôi hoàn toàn giống như những người bồi bàn khác mà chúng tôi thấy đang đi lại làm công việc thường lệ, nhưng người bồi bàn này sẽ không bị những người hồng trần trong tiền sảnh nhìn thấy. Nó làm như vậy, và lập tức tôi thấy một người bồi bàn tiến đến bàn chúng tôi hỏi chúng tôi muốn uống gì, đúng hệt như điều chúng tôi chờ đợi nếu có mặt ở đó như những thành viên bình thường của thế giới hồng trần. Charles gọi một ly sherry khô và một ly whisky pha soda, vì Charles bảo tôi rằng việc tôi bị cấm rượu trong hai ngày trước cuộc thử nghiệm này không áp dụng ở đây. Tôi được mang đồ uống của mình và Charles cũng có phần của nó, và mùi vị đối với tôi đúng hệt như tôi chờ đợi. Tôi được cho biết rằng nếu tôi chưa từng nếm whisky trong đời thường, tôi sẽ không thể thưởng thức mùi vị của nó ở cấp độ cảm dục, dù chắc chắn tôi vẫn sẽ nếm trong chất lỏng cảm dục cái mà tôi cho là mùi vị của whisky.

Charles kể rằng một hôm khi người bạn Ấn Độ của tôi đang chỉ dạy nó những điều này, anh mời nó uống gì đó. Anh gọi một ly nước, bảo Charles rằng nó sẽ vô ích nếu anh gọi whisky, sherry hay vodka vì trong đời sống hồng trần hiện tại anh chưa từng nếm chúng, nên không thể hình dung mùi vị của các thức uống ấy, và như vậy mọi khoái thú sẽ mất hết. Điều tương tự cũng áp dụng với việc hút thuốc. Người bạn Ấn Độ của tôi chưa bao giờ hút thuốc, nên ngay cả nếu được mời một điếu thuốc ở cấp độ cảm dục anh cũng luôn từ chối, vì không biết khoái thú do điếu thuốc mang lại, anh sẽ không thích thú gì khi tạo ra một Hình tư tưởng về việc hít khói vào rồi lại thổi ra. Điều đó nghe

That sounded quite logical and I felt glad that I had the experience of drinking and smoking, for I enjoy both of these simple pleasures.

We sipped our drinks and watched the people. We could even hear the buzz of conversation all around us and this bore out the point which had been made, that every physical sound has its astral counterpart and, as it were, sounds a note which can be heard by those using the astral body.

Looking at the various types of people who were constantly coming and going, I should not have realised that at that moment England was fighting with her back to the wall, for her very existence. They all seemed to be enjoying life, and there was plenty of laughter intermingled with the chatter which continued without a break.

Charles called out to a young man dressed in airforce uniform who had just arrived; they greeted each other with much enthusiasm. Charles brought him over to our table and introduced him as Roy Chapman, a pilot who had been killed in the Battle of Britain the previous autumn. He was a good type, and when I asked him how he liked living under astral world conditions, his reply was enlightening: "It's all right," he said, "but boring after a time. At first of course it's rather nice being able to get everything you want without paying for it, but the novelty wears off and frankly, I would far rather still be with the old squadron."

I thought it a unique opportunity for finding out things, so I asked him what he did with his time. He replied that he did more or less what the spirit moved him to do, and went on to say that, at the moment, he was waiting for a girl he knew, to meet him for dinner. I asked if the

thật hợp lý và tôi thấy mừng vì mình có kinh nghiệm uống rượu và hút thuốc, vì tôi thích cả hai thú vui đơn giản ấy.

Chúng tôi nhấp đồ uống và quan sát mọi người. Chúng tôi thậm chí còn nghe được tiếng rì rầm chuyện trò khắp quanh mình, và điều này xác nhận điểm đã được nêu ra, rằng mọi âm thanh hồng trần đều có đối phần cảm dục của nó và, có thể nói như vậy, xướng lên một âm điệu mà những ai đang dùng thể cảm dục đều có thể nghe thấy.

Nhìn những kiểu người khác nhau liên tục đến rồi đi, tôi hẳn đã không nhận ra rằng ngay lúc ấy nước Anh đang chiến đấu trong thế cùng đường vì chính sự tồn tại của mình. Tất cả họ dường như đều đang tận hưởng cuộc sống, và có rất nhiều tiếng cười xen lẫn trong tiếng chuyện trò không ngắt.

Charles gọi một thanh niên mặc quân phục không quân vừa mới đến; họ chào nhau hết sức nồng nhiệt. Charles đưa anh ta đến bàn chúng tôi và giới thiệu anh là Roy Chapman, một phi công đã tử trận trong Trận chiến nước Anh vào mùa thu năm trước. Anh là một mẫu người tốt, và khi tôi hỏi anh thấy sống trong điều kiện của thế giới cảm dục ra sao, câu trả lời của anh thật soi sáng: "Cũng được," anh nói, "nhưng chán sau một thời gian. Lúc đầu dĩ nhiên khá thú vị vì có thể có mọi thứ mình muốn mà không phải trả tiền, nhưng cái mới lạ rồi cũng mất đi, và thành thật mà nói, tôi thích được ở lại với phi đội cũ hơn nhiều."

Tôi nghĩ đây là một cơ hội độc nhất để tìm hiểu mọi việc, nên tôi hỏi anh dùng thời gian của mình vào việc gì. Anh đáp rằng anh làm ít nhiều theo điều mà tinh thần thúc đẩy anh làm, rồi nói thêm rằng lúc này anh đang chờ một cô gái quen biết đến gặp để ăn tối. Tôi hỏi

girl was dead or alive. He said: "Oh, dead of course; if you still want to use that old fashioned expression. It's useless making dates with people still living in the world, as just when you are in the middle of something interesting, they have to go back to their bodies."

In the few minutes that were left before his girl friend arrived, I gathered from him that he had tried all the usual games and found them pretty boring. To play golf for example (and he had been a low handicap man before he was killed) was pretty futile, when all you had to do was imagine that you had a birdie or an eagle for the thing to be an established fact. There was no such thing as competition, as you only had to make a thought-form of beating your opponent for it to happen. The same applied to billiards. There was no fun in making a big break when you could always do it at will. The element of chance was lacking, which took away the charm from all games of skill. I saw that, and realised that my Indian friend was indeed right when he said that life on the astral plane could be boring for those whose interests were entirely dependent on physical plane conditions. I asked Roy whether he had been fond of music or art during his lifetime, to which he replied that he had not. He had done a spot of dancing, and liked music now and then, but he could not say that he had ever given it much serious thought. I supposed that when eventually he got tired of meeting friends and living on the fringe of the physical plane life he would find something else to interest him, or life would in time become boring in the extreme. His girl friend arrived about this time and he certainly knew how to pick them. She was beautiful, really beautiful, and they made a perfect couple as they wandered down the stairs towards the Grill Room, where presumably they had arranged to have dinner. I told

cô gái ấy đã chết hay còn sống. Anh nói: "Ồ, chết rồi chứ; nếu ông vẫn muốn dùng cái cách nói cổ lỗ ấy. Hẹn hò với những người còn sống trong đời thường thì vô ích, vì đúng lúc ông đang ở giữa một chuyện thú vị thì họ lại phải quay về thể xác của họ."

Trong vài phút còn lại trước khi bạn gái anh đến, tôi biết được từ anh rằng anh đã thử mọi trò tiêu khiển thông thường và thấy chúng khá chán. Chẳng hạn chơi golf (và trước khi chết anh là một tay có handicap thấp) thì khá vô nghĩa, vì tất cả những gì anh phải làm chỉ là hình dung rằng mình có một birdie hay một eagle là điều đó lập tức thành sự thật. Không hề có chuyện thi đấu, vì anh chỉ cần tạo một Hình tư tưởng về việc thắng đối thủ là nó xảy ra. Điều tương tự cũng áp dụng với bi-da. Không có gì vui trong việc tạo một cú ghi điểm lớn khi anh luôn có thể làm điều đó theo ý muốn. Yếu tố ngẫu nhiên không có, và điều đó lấy mất sức hấp dẫn của mọi trò chơi đòi hỏi kỹ năng. Tôi hiểu điều ấy, và nhận ra rằng người bạn Ấn Độ của tôi quả thật đúng khi nói rằng đời sống trên cõi cảm dục có thể chán ngắt đối với những ai mà sở thích hoàn toàn lệ thuộc vào các điều kiện của cõi hồng trần. Tôi hỏi Roy liệu trong đời anh có yêu thích âm nhạc hay nghệ thuật không, anh đáp là không. Anh có nhảy nhót đôi chút, và thỉnh thoảng thích âm nhạc, nhưng không thể nói rằng anh từng suy nghĩ nghiêm túc nhiều về chúng. Tôi cho rằng khi cuối cùng anh chán việc gặp bạn bè và sống ở rìa đời sống cõi hồng trần, anh sẽ tìm thấy điều gì khác khiến mình quan tâm, nếu không thì theo thời gian cuộc sống sẽ trở nên cực kỳ buồn chán. Bạn gái anh đến vào khoảng lúc ấy, và quả thật anh biết chọn người. Cô rất đẹp, thật sự rất đẹp, và họ thành một đôi hoàn hảo khi cùng đi xuống cầu thang về phía phòng Grill, nơi có lẽ họ đã hẹn ăn tối. Tôi nói với Charles rằng tôi rất muốn hỏi anh ta những ấn tượng của anh khi lần đầu bị ném

Charles that I would have loved to ask him what his impressions had been when he was first thrown into astral conditions. Charles replied that he did not think he would have wanted to talk about that very much. "None of us does, you know." I wondered why, but I did not like to ask just then.

We went then down into the Grill Room and, choosing a spot near a corner where there was no table, Charles made a thought-form of one for us. A waiter arrived almost as we sat down and asked us what we would eat. Charles told me to order anything I fancied; I must say I was not exactly hungry, but the unique experience made me order a Sole à la Bonne Femme, Chicken Maryland to follow, then a Pêche Melba and a cup of black coffee. Charles ordered two Bristol Cream sherries and a bottle of Chambertin 1933, this being a year which he said he knew will be good. I asked if these drinks were actually on the wine list in wartime, to which Charles replied that he did not know, but that in any case it didn't matter, for on the astral plane you got whatever you ordered whether it was procurable at the physical level or not. I enjoyed my dinner, the cooking being, of course as perfect as I had imagined it would be. I just could not get over my sitting (seemingly) in the Trocadero, having a perfectly normal dinner with old Charles, surrounded by just the types of people I knew would be there on almost any night of the week.

Just then I caught sight of an old pal whom I had not seen for years. The last time we met was on board ship in 1935 when I was returning to Ceylon from my home leave and he to Malaya. I strolled over to him, leaving Charles at our table. My friend, in a party of four was obviously enjoying himself since he was holding forth the way that he always did.

vào điều kiện cảm dục. Charles đáp rằng nó không nghĩ anh ta muốn nói nhiều về chuyện đó. "Không ai trong chúng ta muốn cả, anh biết đấy." Tôi tự hỏi tại sao, nhưng lúc ấy tôi không muốn hỏi thêm.

Sau đó chúng tôi đi xuống phòng Grill và, chọn một chỗ gần góc nơi không có bàn nào, Charles tạo một Hình tư tưởng về chiếc bàn cho chúng tôi. Một người bồi bàn đến gần như ngay lúc chúng tôi ngồi xuống và hỏi chúng tôi muốn ăn gì. Charles bảo tôi gọi bất cứ thứ gì tôi thích; phải nói rằng tôi không thật sự đói, nhưng trải nghiệm độc đáo ấy khiến tôi gọi món cá Sole à la Bonne Femme, tiếp theo là Chicken Maryland, rồi một món Pêche Melba và một tách cà phê đen. Charles gọi hai ly sherry Bristol Cream và một chai Chambertin 1933, vì nó nói đó là một năm mà nó biết sẽ ngon. Tôi hỏi liệu những thức uống ấy có thực sự có trong danh mục rượu thời chiến không, Charles đáp rằng nó không biết, nhưng dù sao điều đó cũng không quan trọng, vì trên cõi cảm dục anh có được bất cứ thứ gì mình gọi, dù nó có thể kiếm được ở cấp độ hồng trần hay không. Tôi thưởng thức bữa tối của mình, và dĩ nhiên món ăn hoàn hảo đúng như tôi đã hình dung. Tôi thật không thể vượt qua được cảm giác mình đang ngồi (dường như thế) trong Trocadero, dùng một bữa tối hoàn toàn bình thường với Charles thân yêu, xung quanh là đúng những kiểu người mà tôi biết hầu như đêm nào trong tuần cũng có mặt ở đó.

Đúng lúc ấy tôi chợt thấy một người bạn cũ mà tôi đã không gặp suốt nhiều năm. Lần cuối chúng tôi gặp nhau là trên tàu năm 1935 khi tôi từ kỳ nghỉ ở quê nhà trở về Ceylon còn anh ta đi Malaya. Tôi đi dạo đến chỗ anh ta, để Charles lại ở bàn chúng tôi. Người bạn tôi, trong một nhóm bốn người, rõ ràng đang rất vui vì anh ta đang thao thao bất tuyệt theo

I tapped him on the shoulder and said: "What on earth are you doing here?" But he took no notice of me at all and continued with his story—and he certainly was in good form for I could hear every word he said and his companions were in fits of laughter. I found it quite impossible to make any impression on him, so in disgust I turned back to my table, where I found Charles highly amused at my discomfort.

"How the devil could I tell whether he was real or unreal?" I asked.

Charles replied that he was amused at my use of the words "real" and "unreal" for they just do not exist here. He explained that at first it was difficult to tell, but there was a difference; the astral body which we saw was not clearly outlined in the case of a man using his physical body, whereas that of a permanent resident in the astral world, also of a man functioning at the astral level during sleep, had a much clearer outline. There was another difference to be noted and that was the faint silken cord of etheric matter which was also attached to those who were temporary visitors, who never seemed to be quite as much alive as the permanent inhabitants; you soon got used to judging, apart from the silken cord which was not easy to see. He asked me to compare Roy Chapman with the other diners in the Grill Room. There certainly was a difference, for the outline of Roy's body was more clearly defined than that of the others. The reason for this may be that when the astral body is being used as a permanent vehicle, the ego inhabiting it has no dual existence, as it has when the man is still living at the physical level.

Our dinner came to an end and as I sipped my liqueur brandy, I saw that a cabaret turn was about to begin. I realised the importance of

đúng kiểu thường lệ. Tôi vỗ vai anh ta và nói: "Trời đất, anh làm gì ở đây vậy?" Nhưng anh ta hoàn toàn không để ý đến tôi mà tiếp tục câu chuyện của mình—và quả thật anh ta đang rất hứng vì tôi nghe được từng lời anh ta nói và các bạn đồng hành của anh ta cười nghiêng ngả. Tôi thấy hoàn toàn không thể gây được chút ấn tượng nào nơi anh ta, nên bực bội quay về bàn mình, nơi tôi thấy Charles rất thích thú trước sự lúng túng của tôi.

"Làm sao quỷ thần ơi tôi biết được anh ta là thật hay không thật?" tôi hỏi.

Charles đáp rằng nó buồn cười trước cách tôi dùng các từ "thật" và "không thật", vì ở đây những từ ấy đơn giản là không tồn tại. Nó giải thích rằng lúc đầu rất khó phân biệt, nhưng có một khác biệt; thể cảm dục mà chúng tôi thấy không có đường nét rõ ràng trong trường hợp một người đang dùng thể xác, trong khi thể của một cư dân thường trú trong thế giới cảm dục, cũng như của một người đang hoạt động ở cấp độ cảm dục trong lúc ngủ, lại có đường nét rõ hơn nhiều. Còn một khác biệt khác cần lưu ý, đó là sợi dây mảnh bằng chất liệu dĩ thái cũng gắn với những người là khách tạm thời; họ dường như không bao giờ sống động bằng những cư dân thường trú; rồi người ta sẽ sớm quen với việc phán đoán, ngoài sợi dây mảnh ấy vốn không dễ thấy. Nó bảo tôi so sánh Roy Chapman với những thực khách khác trong phòng Grill. Quả thật có khác biệt, vì đường nét của thể Roy *quả thật* rõ ràng hơn những người khác. Lý do có thể là khi thể cảm dục được dùng như một vận cụ thường trú, chân ngã cư ngụ trong đó không có sự tồn tại kép như khi con người vẫn còn sống ở cấp độ hồng trần.

Bữa tối của chúng tôi kết thúc và khi tôi nhấp ly rượu mạnh mùi của mình, tôi thấy một tiết mục ca-ba-rê sắp bắt đầu. Tôi nhận ra tầm

people living under the strain of total war being taken out of themselves, when possible. There certainly did not seem to be any sign of war in the scene round about us, but one could see the strain behind the apparent enjoyment of the moment, for those present all realised that the future was terribly insecure and that anything might happen to them or their loved ones at any moment. The cabaret included a sort of dance by some very lightly clothed damsels, and during the dance they made use of every bit of space that existed between the tables of the diners. That took in the place where our astral table was situated, and again I experienced the strange sensation caused by individuals in their physical bodies passing through one's astral body.

After the cabaret Charles suggested taking me to a little night club of which he had been a member before he was shot down. I do not even remember in what street the club was situated, but I know it was between Leicester Square and Soho. The same procedure was adopted there as at the Trocadero; a table was created by Charles for our comfort, and drinks were ordered from a waiter, who presumably was also created by the imagination of my brother.

It must have been about 10 o'clock by English time when the atmosphere changed without warning. The night club was crowded, there were members of the forces and a fair sprinkling of civilians also. Suddenly the sirens, denoting a raid of enemy aircraft, sounded. It was an interesting experience to see the ordered way in which everyone moved and the entire lack of panic which prevailed as all the occupants of the club hurried to the shelters situated in all sorts of strange places, apart from the tubes which played such an important part in the safety of the Londoner

quan trọng của việc giúp những người đang sống dưới sức ép của chiến tranh toàn diện được tạm quên mình đi, khi có thể. Quả thật dường như không có dấu hiệu chiến tranh nào trong cảnh tượng quanh chúng tôi, nhưng người ta có thể thấy sự căng thẳng ẩn sau niềm vui bề ngoài của khoảnh khắc, vì tất cả những người có mặt đều hiểu rằng tương lai vô cùng bấp bênh và bất cứ điều gì cũng có thể xảy đến với họ hay người thân của họ bất cứ lúc nào. Tiết mục ca-ba-rê gồm một điệu múa nào đó của vài cô gái ăn mặc rất mỏng manh, và trong lúc múa họ sử dụng mọi khoảng trống giữa các bàn của thực khách. Điều đó bao gồm cả chỗ chiếc bàn cảm dục của chúng tôi đang đặt, và một lần nữa tôi trải nghiệm cảm giác kỳ lạ do những cá nhân trong thể xác đi xuyên qua thể cảm dục của mình gây nên.

Sau tiết mục ca-ba-rê, Charles gợi ý đưa tôi đến một câu lạc bộ đêm nhỏ mà trước khi bị bắn rơi nó từng là hội viên. Tôi thậm chí không nhớ câu lạc bộ ấy nằm ở phố nào, nhưng tôi biết nó ở giữa Leicester Square và Soho. Ở đó cũng áp dụng cùng một thủ tục như tại Trocadero; Charles tạo ra một chiếc bàn cho chúng tôi dùng, và đồ uống được gọi từ một người bồi bàn, mà có lẽ cũng do sự tưởng tượng của Huỳnh đệ của Tôi tạo ra.

Hắn lúc ấy khoảng 10 giờ theo giờ Anh thì bầu không khí đột ngột thay đổi không báo trước. Câu lạc bộ đêm đông nghịt, có các quân nhân và cũng có khá nhiều thường dân. Bỗng nhiên còi báo động, báo hiệu một cuộc không kích của máy bay địch, vang lên. Thật là một trải nghiệm thú vị khi thấy cách mọi người di chuyển có trật tự và hoàn toàn không hề hoảng loạn, trong khi tất cả những người trong câu lạc bộ vội vã đến các hầm trú ẩn đặt ở đủ mọi nơi kỳ lạ, ngoài hệ thống tàu điện ngầm vốn đóng vai trò rất quan trọng trong sự an toàn của dân Luân Đôn trong các cuộc

during air raids. We went out of the club and walked down Piccadilly. By that time it was dark, but to us the light was the same blue-grey light as when we started from Ceylon. Already we could hear the bombs dropping, also the “ack-ack” guns that seemed to rend the air each moment. Then there was a lull and one heard the roar of fighter aircraft of one of the home squadrons going into action.

It was about this time that I found my Indian friend was with us again. He suggested that we go to see if we could help. I did not know then what he meant, but I followed all the same; we immediately soared above the buildings and found ourselves hovering above London, with enemy bombers and British fighters all round us I noticed that Charles was no longer with us and mentioned this, wondering if he had missed us in any way. I was told that he always disappeared when “dogfights” were taking place, as the memory of his being shot down a short time ago was still too vivid in his mind.

“We will probably see him later,” my Indian friend told me, but as a matter of fact I did not see him afterwards, although it is only now that I realise this.

We glided about amidst the inferno that was raging, the bombs and machine guns being audible the whole time. For the first time I saw what the life of a fighter pilot actually was, and realised that some of the irresponsible actions indulged in by them between their jobs in the air were only the natural results of the strain at which they were forced to live whilst on duty. I could now very well understand why they felt that the old saying of “Eat, drink and be merry, for tomorrow we die” referred very definitely to them, and who

không kích. Chúng tôi ra khỏi câu lạc bộ và đi dọc Piccadilly. Lúc ấy trời đã tối, nhưng đối với chúng tôi ánh sáng vẫn là thứ ánh sáng xanh xám như khi chúng tôi khởi hành từ Ceylon. Chúng tôi đã nghe tiếng bom rơi, cùng cả tiếng pháo phòng không “ack-ack” dường như xé toạc không khí từng lúc. Rồi có một khoảng lặng, và người ta nghe tiếng gầm của máy bay tiêm kích từ một trong các phi đội quốc nội lao vào chiến đấu.

Khoảng lúc ấy tôi nhận ra người bạn Ấn Độ của tôi lại ở cùng chúng tôi. Anh gợi ý rằng chúng tôi nên đi xem có thể giúp gì không. Khi ấy tôi chưa biết anh muốn nói gì, nhưng vẫn đi theo; chúng tôi lập tức vút lên trên các tòa nhà và thấy mình lơ lửng trên Luân Đôn, xung quanh là máy bay ném bom địch và tiêm kích Anh. Tôi nhận thấy Charles không còn ở với chúng tôi nữa và nhắc đến điều này, tự hỏi không biết có phải nó đã lạc chúng tôi theo cách nào đó không. Tôi được cho biết rằng nó luôn biến mất khi những trận “không chiến quần vòng” diễn ra, vì ký ức về việc bị bắn rơi cách đây không lâu vẫn còn quá sống động trong tâm trí nó.

“Có lẽ sau này ta sẽ gặp lại nó,” người bạn Ấn Độ của tôi nói với tôi, nhưng thực ra tôi không gặp lại nó nữa, dù chỉ đến bây giờ tôi mới nhận ra điều đó.

Chúng tôi lướt đi giữa địa ngục đang bùng cháy, tiếng bom và súng máy vang lên suốt thời gian ấy. Lần đầu tiên tôi thấy đời sống của một phi công tiêm kích thực sự là gì, và nhận ra rằng một số hành động bốc đồng mà họ buông mình vào giữa những lần làm nhiệm vụ trên không chỉ là kết quả tự nhiên của sức ép mà họ buộc phải sống dưới đó khi đang thi hành nhiệm vụ. Giờ đây tôi hoàn toàn có thể hiểu tại sao họ cảm thấy câu ngạn ngữ xưa “Hãy ăn, hãy uống và hãy vui, vì ngày mai ta chết” quả thật áp dụng rất rõ cho họ, và ai có

can blame them if they sought relaxation in every form, during the brief periods they were at liberty to enjoy themselves? My Indian friend tailed onto a particular fighter which seemed to be in the thick of the fight taking place at the moment, as if he knew what was going to happen, and within a few seconds a sudden burst of machine-gun fire sent this machine hurtling to the ground. We followed at the same speed as the plane which was twisting and turning on its way to earth and I saw flames appearing from the engine, which gradually enveloped the whole aircraft. With a sickening crash the plane reached the ground and the pilot was thrown from his cockpit amidst the wreckage. For a few moments it was a veritable inferno, and although the ambulance arrived almost at once, it was obvious that nothing could be done for the unfortunate pilot.

“Now you will see how those who have knowledge can help,” said my Indian friend, and as we came to rest on the ground we saw that, although the body of the airman was terribly burnt and hardly recognisable as a human being, the real man in his astral body (presumably) was standing by the body on the ground, looking frightened and intensely miserable. When my guide went up and spoke to him he did not seem to hear or take any notice. I saw what looked like a cloak of dense matter attempting to wind itself round the astral form that was standing before us. It appeared rather like a thick elastic material and almost completely surrounded the clear cut astral form—this winding process took only a few seconds to complete. It seemed as if what I can only describe as a wraith came from the physical body lying on the ground and was magnetically attracted to the man standing near by. I was told later that is exactly what it was, and the explanation given to me is that the etheric double, which is

thể trách họ nếu họ tìm sự thư giãn dưới mọi hình thức trong những khoảng thời gian ngắn ngủi được tự do vui chơi? Người bạn Ấn Độ của tôi bám theo một chiếc tiêm kích cụ thể dường như đang ở ngay giữa trận chiến lúc ấy, như thể anh biết điều gì sắp xảy ra, và chỉ trong vài giây một loạt đạn súng máy bất ngờ đã khiến chiếc máy bay ấy lao xuống đất. Chúng tôi theo với cùng tốc độ như chiếc máy bay đang xoắn lượn trên đường rơi xuống, và tôi thấy lửa bùng ra từ động cơ rồi dần bao trùm toàn bộ phi cơ. Với một tiếng va chạm ghê rợn, chiếc máy bay chạm đất và viên phi công bị hất khỏi buồng lái giữa đồng đồ nát. Trong vài khoảnh khắc đó quả là một địa ngục thực sự, và dù xe cứu thương đến gần như ngay lập tức, rõ ràng không thể làm gì cho viên phi công bất hạnh ấy.

“Bây giờ anh sẽ thấy những người có tri thức có thể giúp như thế nào,” người bạn Ấn Độ của tôi nói, và khi chúng tôi dừng lại trên mặt đất, chúng tôi thấy rằng dù thể xác của người phi công bị cháy khùng khiếp và hầu như không còn nhận ra là một con người, con người thật của anh trong thể cảm dục của mình (có lẽ vậy) đang đứng cạnh thể xác trên mặt đất, trông hoảng sợ và vô cùng đau khổ. Khi người hướng dẫn của tôi bước tới nói chuyện với anh, anh dường như không nghe thấy cũng không chú ý. Tôi thấy một thứ giống như chiếc áo choàng bằng vật chất đậm đặc đang cố quấn lấy hình thể cảm dục đang đứng trước mặt chúng tôi. Nó trông khá giống một chất liệu đàn hồi dày và gần như bao trùm hoàn toàn hình thể cảm dục rõ nét ấy—quá trình quấn này chỉ mất vài giây để hoàn tất. Dường như cái mà tôi chỉ có thể mô tả như một bóng ma xuất ra từ thể xác đang nằm trên mặt đất và bị hút bằng từ tính về phía người đang đứng gần đó. Sau này tôi được cho biết đó chính xác là như vậy, và lời giải thích dành cho tôi là bản

forced out of the physical body at the moment of death, winds itself round the astral body in its effort to retain some form of life, for the death of the physical body means also the death of the etheric double which is part of the body.

My Indian friend then made a determined effort to get rid of the fear that had taken hold of the man, for I could hear him being told that there was nothing to be frightened of and that all would be well. The boy—for he was very young—seemed to be fascinated by the actions that were taking place all around him at the physical level. He saw the ambulance men, after putting out the remnants of the fire which had raged among what was left of his fighter plane, pick up the body that was once his and reverently carry it to the waiting ambulance. I saw the boy flinch from time to time, as bombs seemed to burst near us. He wanted to follow his body, but my friend dissuaded him, talking all the time in a soothing voice, trying to make him realise that his troubles were over. Some permanent inhabitants of the astral world who were present, and easily distinguishable from the ambulance people and those who were helping at the physical level, came up to us and asked if we needed help. My friend told them to go and see to the others, as he would remain and see to our “case.”

I did not hear every word that my friend was saying, but after some time I saw that a glimmer of understanding seemed to appear on the boy's face, whereupon the clinging matter which had partly enveloped him, started to disconnect and fall to the ground. It was explained that this was effected by the boy being told to make an effort of will to disconnect himself from it. After a little time it all dropped to the ground and seemed to evaporate into smoke and dust. Later I was

sao dĩ thái, vốn bị ép ra khỏi thể xác vào lúc chết, tự quán quanh thể cảm dục trong nỗ lực giữ lại một dạng sự sống nào đó, vì cái chết của thể xác cũng có nghĩa là cái chết của bản sao dĩ thái vốn là một phần của thể.

Sau đó người bạn Ấn Độ của tôi cố gắng dứt khoát xua tan nỗi sợ đã bám lấy người ấy, vì tôi nghe anh nói với người ấy rằng chẳng có gì phải sợ và mọi sự rồi sẽ ổn. Cậu bé—vì cậu còn rất trẻ— dường như bị mê hoặc bởi những hành động đang diễn ra quanh mình ở cấp độ hồng trần. Cậu thấy những người cứu thương, sau khi dập tắt phần lửa còn sót lại đang cháy giữa những gì còn lại của chiếc tiêm kích của cậu, nhắc lên thể xác từng là của cậu và kính cẩn đưa nó vào xe cứu thương đang chờ. Tôi thấy cậu bé thỉnh thoảng co rúm lại khi bom dường như nổ gần chúng tôi. Cậu muốn đi theo thể xác của mình, nhưng bạn tôi can ngăn, vừa nói liên tục bằng giọng dịu dàng, cố làm cho cậu hiểu rằng mọi khổ nạn của cậu đã chấm dứt. Một số cư dân thường trú của thể giới cảm dục có mặt ở đó, và dễ dàng phân biệt với những người cứu thương cùng những người đang trợ giúp ở cấp độ hồng trần, bước đến chỗ chúng tôi và hỏi có cần giúp không. Bạn tôi bảo họ đi chăm lo cho những người khác, vì anh sẽ ở lại xử lý “trường hợp” của chúng tôi.

Tôi không nghe được từng lời bạn tôi nói, nhưng sau một lúc tôi thấy một tia hiểu biết dường như xuất hiện trên gương mặt cậu bé, và khi ấy lớp vật chất bám dính đã bao phủ cậu một phần bắt đầu tách ra và rơi xuống đất. Tôi được giải thích rằng điều này được thực hiện bằng cách bảo cậu bé cố gắng dùng ý chí để tách mình ra khỏi nó. Sau một lúc, tất cả rơi xuống đất và dường như tan thành khói bụi. Về sau tôi được cho biết rằng nó tan rã rất nhanh, vì vật chất dĩ thái cấu thành nó tương

told that it disintegrates very quickly, because the etheric matter of which it is formed is relatively very fine, compared with the dense part of the physical body. The boy then seemed to come to life. He sat on the ground, put his head in his hands and sobbed hysterically. My friend let him do this for a time for, as he explained, the boy's emotional or astral body had undergone a very severe strain and the normal reactions must take place. The boy seemed to think that he had in some way failed, and even then did not seem to realise that he was dead and forever out of that hell which he had known.

"Come with me and we'll talk about this," said my friend as he took him by the arm and, without the boy seeming to notice it, we swiftly moved from the scene; within a few seconds we were far away and in the country.

My friend took him to a lovely spot near a wood, where there was a little stream wending its way down to the great river beneath, on the bank of which we sat down in a silence that was heaven after the inferno we had recently left. My friend started to talk, thus gradually breaking down the remaining sensation of fear and horror, whilst the boy listened to a very brief explanation of what had taken place. At first he would not believe that he was dead and kept on saying:

"How can I be dead, when I feel so much alive?" We then asked him where he lived and he told us.

"Come along then, we'll go and see if your father and mother are asleep yet." The boy could not understand what all this was about, but he pointed out the house where his family lived, which was beyond Finchley, and there we found the family had just retired to bed, but as yet were not asleep. The boy did not

đổi rất tinh tế so với phần đậm đặc của thể xác. Khi ấy cậu bé dường như sống lại. Cậu ngồi xuống đất, ôm đầu trong hai tay và nức nở dữ dội. Bạn tôi để cậu làm như vậy một lúc vì, như anh giải thích, thể cảm xúc hay thể cảm dục của cậu đã chịu một sức ép rất nặng và những phản ứng bình thường phải diễn ra. Cậu bé dường như nghĩ rằng bằng cách nào đó mình đã thất bại, và ngay cả lúc ấy vẫn không nhận ra rằng mình đã chết và vĩnh viễn thoát khỏi địa ngục mà cậu từng biết.

"Đi với tôi, rồi chúng ta sẽ nói về chuyện này," bạn tôi nói khi nắm tay cậu, và không để cậu dường như nhận ra điều đó, chúng tôi nhanh chóng rời khỏi hiện trường; chỉ trong vài giây chúng tôi đã ở rất xa và ngoài vùng quê.

Bạn tôi đưa cậu đến một nơi tuyệt đẹp gần một khu rừng, nơi có một con suối nhỏ uốn mình chảy xuống con sông lớn phía dưới, bên bờ sông ấy chúng tôi ngồi xuống trong một sự im lặng như thiên đường sau địa ngục mà chúng tôi vừa rời khỏi. Bạn tôi bắt đầu nói chuyện, nhờ đó dần dần phá tan cảm giác sợ hãi và kinh hoàng còn sót lại, trong khi cậu bé lắng nghe một lời giải thích rất ngắn gọn về điều đã xảy ra. Lúc đầu cậu không chịu tin rằng mình đã chết và cứ nói mãi:

"Làm sao cháu có thể chết được, khi cháu cảm thấy mình sống động đến thế?" Sau đó chúng tôi hỏi cậu sống ở đâu và cậu cho biết.

"Vậy thì đi nào, ta sẽ đến xem cha mẹ cháu đã ngủ chưa." Cậu bé không hiểu tất cả chuyện này là gì, nhưng cậu chỉ ngời nhà nơi gia đình mình sống, ở phía ngoài Finchley, và tại đó chúng tôi thấy gia đình vừa mới lên giường nhưng vẫn chưa ngủ. Cậu bé dường như không nhận ra rằng những người lạ đang đi lại trong

seem to realise that strangers were walking about his house and gazing at his parents, and my friend continued talking to him so as to distract his attention from what would otherwise have seemed very strange to him. After a time first his father and then his mother fell asleep and as they slipped out of their bodies, they seemed overjoyed at seeing their son. My friend started to tell them what had happened and tried to prepare them for the news that they would receive on the morrow. At first, naturally, they were horrified at what had happened, but when they realised that their son was in no way lost to them, and that they would be able to see and contact him whenever they were asleep and out of their bodies, much of the grief which had hit them like a hammer blow passed away.

It is a great pity that people do not remember what they have seen and been told when out of their bodies, but usually they remember nothing. I can now understand though, why so many people have a feeling before bad news is received, of an accident, or a death in the family. It is because they have been told about it on the astral plane and the following morning some slight remembrance of this has been brought back into the waking consciousness of the individual.

After spending some time with them, explaining as much as possible of what death really means, my friend suggested that the boy go with him, so that he might introduce him to a woman who was already working at the astral level and who would be only too willing to show him how to adapt himself to living under these changed conditions. We then left the boy's mother and father, who still remained seated in their astral house, talking over what they had been told. They were not a very evolved couple, so they did not wander

nhà mình và nhìn cha mẹ mình, còn bạn tôi tiếp tục nói chuyện với cậu để đánh lạc hướng sự chú ý của cậu khỏi điều lẽ ra sẽ có vẻ rất kỳ lạ đối với cậu. Sau một lúc, trước tiên cha cậu rồi đến mẹ cậu ngủ thiếp đi, và khi họ rời khỏi thể xác của mình, họ dường như vui mừng khôn xiết khi thấy con trai. Bạn tôi bắt đầu kể cho họ điều đã xảy ra và cố chuẩn bị cho họ đón nhận tin tức mà họ sẽ nhận được vào ngày hôm sau. Lúc đầu, dĩ nhiên, họ kinh hoàng trước điều đã xảy ra, nhưng khi nhận ra rằng con trai họ hoàn toàn không mất đi đối với họ, và rằng họ sẽ có thể gặp và tiếp xúc với cậu bất cứ khi nào họ ngủ và ra khỏi thể xác, phần lớn nỗi đau giáng xuống họ như một nhát búa đã tan đi.

Thật đáng tiếc biết bao khi con người không nhớ những gì họ đã thấy và được nghe khi ra khỏi thể xác, nhưng thường thì họ chẳng nhớ gì cả. Tuy vậy giờ đây tôi có thể hiểu tại sao rất nhiều người lại có một cảm giác trước khi tin dữ đến, về một tai nạn, hay một cái chết trong gia đình. Đó là vì họ đã được báo cho biết điều ấy trên cõi cảm dục, và sáng hôm sau một ký ức mờ nhạt nào đó về việc này đã được mang trở lại vào tâm thức thức tỉnh của cá nhân.

Sau khi ở với họ một thời gian, giải thích càng nhiều càng tốt về điều cái chết thực sự có nghĩa là gì, bạn tôi gợi ý rằng cậu bé nên đi với anh để anh có thể giới thiệu cậu với một người phụ nữ vốn đã làm việc ở cấp độ cảm dục và sẽ rất sẵn lòng chỉ cho cậu cách thích nghi với việc sống trong những điều kiện đã thay đổi này. Sau đó chúng tôi rời cha mẹ cậu bé, họ vẫn còn ngồi trong ngôi nhà cảm dục của mình, bàn bạc với nhau về những gì đã được nói cho biết. Họ không phải là một cặp vợ chồng rất tiến hóa, nên họ không đi xa khỏi thể xác của

far from their bodies, which were lying peacefully asleep on their beds, blissfully ignorant of what their owners would have to face when they woke in the morning. My Indian friend then stood quite still for a moment and uttered what sounded like a peculiar note. It was not a whistle but it was similar to that. Immediately afterwards a woman of about thirty-five years of age came up to us (out of the mist, as it were) in answer to the summons. My friend explained that to get into touch with some one at the astral level, one had to think strongly of that person and if the matter were very urgent, to help that thought, one also sounded the “true note” of that individual. I gathered that every person has what is known as a true note, which is different from the note of anyone else, and sounding that note helped in urgent cases to bring the person needed to a particular spot in the shortest time. The person called hears the note and is magnetically drawn to the caller. The woman who answered his call was one of the many “astral helpers,” as they are called, who have dedicated themselves to the helping of those who pass from the physical world, through the process of what we call death, and I can now fully realise how necessary and wonderful is such work. Without these volunteers, not only would it take those who die much longer to get rid of that clinging etheric double—for before doing this their life at the astral level cannot properly commence—but also the advantage of having someone to instruct them in the different ruling conditions, can be easily understood. This woman was soon put into possession of all the facts of our “case” and with a sympathetic understanding that soon put the boy at his ease, took him away to begin his astral education. I was assured that this always happens. No one is ever left to find things out for himself, always someone is detailed to

mình, đang nằm ngủ yên trên giường, hoàn toàn không hay biết điều mà chủ nhân của chúng sẽ phải đối diện khi thức dậy vào buổi sáng. Khi ấy người bạn Ấn Độ của tôi đứng yên lặng một lúc và phát ra một âm điệu nghe như rất kỳ lạ. Đó không phải là tiếng huýt sáo nhưng khá giống như vậy. Ngay sau đó một người phụ nữ khoảng ba mươi lăm tuổi bước đến chỗ chúng tôi (như thể từ trong sương mù hiện ra) để đáp lại lời triệu gọi. Bạn tôi giải thích rằng để tiếp xúc với một ai đó ở cấp độ cảm dục, người ta phải nghĩ mạnh mẽ về người ấy và nếu việc đó rất khẩn cấp thì để trợ giúp cho tư tưởng ấy, người ta còn phải xướng “âm điệu chân thực” của cá nhân đó. Tôi hiểu rằng mỗi người đều có cái gọi là âm điệu chân thực, khác với âm điệu của bất kỳ ai khác, và việc xướng âm điệu ấy trong trường hợp khẩn cấp giúp đưa người cần thiết đến một nơi nhất định trong thời gian ngắn nhất. Người được gọi nghe thấy âm điệu ấy và bị hút bằng từ tính về phía người gọi. Người phụ nữ đáp lại tiếng gọi của anh là một trong nhiều “người trợ giúp cảm dục”, như họ được gọi, những người đã hiến mình cho việc giúp đỡ những ai rời khỏi thế giới hồng trần qua tiến trình mà chúng ta gọi là cái chết, và giờ đây tôi hoàn toàn nhận ra công việc ấy cần thiết và kỳ diệu biết bao. Nếu không có những người tình nguyện này, không những những người chết sẽ mất nhiều thời gian hơn để thoát khỏi bản sao dĩ thái bám dính ấy—vì trước khi làm được điều này, đời sống của họ ở cấp độ cảm dục không thể thực sự bắt đầu—mà lợi ích của việc có ai đó chỉ dạy họ về những điều kiện chi phối khác nhau cũng rất dễ hiểu. Người phụ nữ này nhanh chóng được cho biết đầy đủ mọi sự kiện của “trường hợp” của chúng tôi và, với một sự cảm thông đầy thấu hiểu sớm khiến cậu bé thấy yên tâm, đã đưa cậu đi để bắt đầu sự giáo dục cảm dục của cậu. Tôi được bảo đảm rằng điều này luôn luôn xảy ra. Không ai bao giờ bị bỏ mặc để tự mình tìm hiểu mọi thứ; luôn luôn có người được chỉ định thực hiện nhiệm vụ cần

perform this necessary task; in this way a newcomer soon begins to find his feet and enters into the new life that must take the place of the old one, now behind him.

My friend then asked me what time it was and on looking at a nearby clock, I saw that the hands pointed to 2 o'clock. This meant that four hours had elapsed since the air raid sirens had sounded, therefore it must be 6:30 a.m. in Ceylon. He said that we had only a little over one hour left as I should have to get back into my body again at 8 o'clock in Colombo. He suggested that he should introduce me to other ways of life that can be lived at the astral level by those who are not bound by the desire for things which have only a physical background. He therefore told me to keep near him and started off again. We floated over the sea with no land in sight anywhere. He asked me if I had ever been interested in knowing what was under the water and I admitted frankly that I had never thought much about it. My guide then said that at the astral level one could come into contact with entities which belonged to a parallel evolution; that fish and birds for example, did not progress through the human kingdom on their journey to perfection, but travelled along another and quite different line, the deva or angel evolution. Before reaching the standard represented by a deva, however, they had to evolve through many stages comprising elementals, nature spirits and the like, and that if I wanted to understand something of this evolution, I had better start at the bottom and get to know them in their right sequence.

He proposed to take me under water and warned me that whatever happened, I must not become frightened, otherwise it would mean that I would at once return to my physical body and remember nothing of what I had seen and done during the night. He

thiết này; nhờ vậy một người mới đến sớm bắt đầu đứng vững và bước vào đời sống mới phải thay thế đời sống cũ, nay đã ở phía sau y.

Sau đó bạn tôi hỏi tôi mấy giờ rồi và khi nhìn vào một chiếc đồng hồ gần đó, tôi thấy kim chỉ 2 giờ. Điều này có nghĩa là bốn giờ đã trôi qua kể từ khi còi báo động không kích vang lên, vậy hẳn lúc ấy là 6 giờ 30 sáng ở Ceylon. Anh nói rằng chúng tôi chỉ còn hơn một giờ nữa vì tôi sẽ phải trở lại thể xác của mình lúc 8 giờ ở Colombo. Anh gợi ý rằng anh nên giới thiệu cho tôi những lối sống khác có thể được sống ở cấp độ cảm dục bởi những người không bị trói buộc bởi ham muốn đối với những thứ chỉ có bối cảnh hồng trần. Vì vậy anh bảo tôi ở gần anh rồi lại lên đường. Chúng tôi lướt trên biển mà không thấy đất liền ở đâu cả. Anh hỏi tôi liệu tôi có bao giờ quan tâm đến việc biết dưới nước có gì không và tôi thành thật thú nhận rằng mình chưa từng nghĩ nhiều về điều đó. Khi ấy người hướng dẫn của tôi nói rằng ở cấp độ cảm dục người ta có thể tiếp xúc với những thực thể thuộc về một đường tiến hoá song song; chẳng hạn cá và chim không tiến qua giới nhân loại trên hành trình đi đến hoàn thiện, mà đi theo một đường khác hẳn, tức đường tiến hoá của thiên thần hay thiên sứ. Tuy nhiên, trước khi đạt đến tiêu chuẩn được biểu hiện bởi một thiên thần, chúng phải tiến hoá qua nhiều giai đoạn gồm hành khí, tinh linh tự nhiên và những loại tương tự, và rằng nếu tôi muốn hiểu đôi điều về đường tiến hoá này, tốt hơn hết tôi nên bắt đầu từ dưới cùng và làm quen với chúng theo đúng trình tự.

Anh đề nghị đưa tôi xuống dưới nước và cảnh báo rằng dù có chuyện gì xảy ra, tôi cũng không được sợ hãi, nếu không điều đó sẽ có nghĩa là tôi lập tức trở về thể xác và không nhớ gì về những gì mình đã thấy và làm trong đêm. Anh nhấn mạnh lại sự cần thiết phải loại bỏ sợ

reiterated the necessity of getting rid of fear in all things connected with life outside the physical conditions, and asked me if I felt I could face up to things. I have always been the type of individual who likes to try out everything once, so I expressed my willingness to go with him. I was told to realise that going below the water could not in any way affect me in my astral body, for that body did not need to breathe, so whether one were above or below the water mattered not at all.

We came down on the water and although the sea appeared to be quite rough on the surface, it made no difference to us. The feel of water was little different from that of land. There was no suggestion of variation in temperature and as we gradually submerged, doing it very slowly so as to ensure my not becoming nervous, I felt no disagreeable sensation at all. As my head went below the waves, I was glad to note that the light did not change. It was still the same blue-grey light to which I was becoming accustomed. All round me were moving creatures which I recognised as fish, though not in the quantities I should have expected. As we went lower, the number of fish became less, and those I saw were considerably larger and moved much more slowly than those on the surface. There were also great hulks of what looked like floating rocks, but on coming closer I saw that they had phosphorescent eyes, betokening life of some sort. My guide explained that these entities were indeed alive, that they were at the stage of passing from the fish kingdom to that of the elemental, that such things never contacted the surface, nor did they ever see human beings, as they existed in depths far below where they could be caught in the nets of fishermen.

After a very short time, as we understand

hải trong mọi điều liên quan đến đời sống bên ngoài các điều kiện hồng trần, và hỏi tôi có cảm thấy mình có thể đối mặt với mọi việc không. Tôi vốn luôn là kiểu người thích thử mọi thứ một lần, nên tôi bày tỏ sự sẵn lòng đi cùng anh. Tôi được bảo rằng phải nhận ra việc đi xuống dưới nước hoàn toàn không thể ảnh hưởng gì đến tôi trong thể cảm dục, vì thể ấy không cần thở, nên ở trên hay dưới nước đều không thành vấn đề.

Chúng tôi hạ xuống mặt nước và dù biển trên bề mặt có vẻ khá động, điều đó cũng chẳng tạo khác biệt gì với chúng tôi. Cảm giác của nước chỉ khác đất liền rất ít. Không hề có dấu hiệu thay đổi nhiệt độ nào và khi chúng tôi dần dần chìm xuống, làm điều đó rất chậm để bảo đảm tôi không trở nên lo lắng, tôi không hề cảm thấy khó chịu chút nào. Khi đầu tôi chìm xuống dưới sóng, tôi mừng nhận thấy ánh sáng không thay đổi. Nó vẫn là thứ ánh sáng xanh xám mà tôi đang dần quen. Chung quanh tôi là những sinh vật đang di chuyển mà tôi nhận ra là cá, dù không nhiều như tôi chờ đợi. Khi chúng tôi xuống sâu hơn, số lượng cá ít dần, và những con tôi thấy lớn hơn đáng kể và di chuyển chậm hơn nhiều so với những con ở gần mặt nước. Cũng có những khối lớn trông như đá nổi, nhưng khi đến gần hơn tôi thấy chúng có đôi mắt phát quang, biểu lộ một dạng sự sống nào đó. Người hướng dẫn của tôi giải thích rằng những thực thể ấy quả thật đang sống, rằng chúng đang ở giai đoạn chuyển từ giới cá sang giới hành khí, rằng những thứ như vậy không bao giờ tiếp xúc với mặt nước, cũng không bao giờ thấy con người, vì chúng tồn tại ở những độ sâu rất xa bên dưới nơi chúng có thể bị mắc vào lưới của ngư dân.

Chỉ sau một thời gian rất ngắn, theo cách

time, we reached the bottom of the sea, where we trod solid earth again; not that it seemed like earth for it was rocky and undulating. But what a sight met my eyes! The whole of the sea bottom was a garden; there were flowering shrubs, sea flowers of many kinds and rocks that glistened with a thousand different colours. Here and there I saw caves which were not dark, but certainly less light than outside and into one of them I was taken. It was the home of one of the sea elementals that abound at the bottom of the ocean. At first I shrank from looking at this entity, which was the size of a half-grown elephant and whose eyes shone in the gloom of the cave with a phosphorescent light that seemed to be almost magnetic. I was told that these creatures did indeed lure their food to them in the shape of sea animals and fish, by the magnetism in their eyes; I felt the magnetic draw and for a moment became a little afraid, but my Indian friend, who was never far from me, assured me that it could not harm me and that I need have no fear. The creature we were looking at was obviously aware of our presence; I was told that what we saw was its astral body.

We went out of the cave and, as I was once again drinking my fill of the beauties that surrounded me, I heard a dull, throbbing noise which seemed, in a way, to resemble music. We stood still as it came closer and soon I saw a company of about twenty strange creatures, neither fish, animal nor human. They had the heads of human beings in that their features resembled humans, but their bodies were entirely wrapped in what looked like floating seaweed though much more beautiful than anything I had ever seen before. As they floated along just above the bottom of the ocean, they sang a song, while some played a weird pipe instrument which emitted a wailing sound reminiscent of the wind. The

chúng ta hiểu về thời gian, chúng tôi chạm đến đáy biển, nơi chúng tôi lại bước trên nền đất rắn; dù nó không giống đất vì đầy đá và lượn sóng. Nhưng một cảnh tượng biết bao hiện ra trước mắt tôi! Toàn bộ đáy biển là một khu vườn; có những bụi cây ra hoa, những bông hoa biển đủ loại và những tảng đá lấp lánh với hàng ngàn màu sắc khác nhau. Đây đó tôi thấy những hang động không tối, nhưng chắc chắn ít sáng hơn bên ngoài, và tôi được đưa vào một hang. Đó là nơi ở của một trong những hành khí biển rất nhiều ở đáy đại dương. Lúc đầu tôi co lại không muốn nhìn thực thể này, có kích thước bằng nửa con voi trưởng thành và đôi mắt nó sáng lên trong bóng mờ của hang với một thứ ánh sáng phát quang dường như gần như có từ tính. Tôi được cho biết rằng những sinh vật này quả thật dụ thức ăn đến với chúng dưới hình thức các loài vật biển và cá bằng từ tính trong mắt chúng; tôi cảm thấy sức hút từ tính ấy và trong chốc lát hơi sợ, nhưng người bạn Ấn Độ của tôi, không bao giờ ở xa tôi, trấn an rằng nó không thể làm hại tôi và tôi không cần sợ. Sinh vật mà chúng tôi đang nhìn rõ ràng biết có sự hiện diện của chúng tôi; tôi được cho biết rằng điều chúng tôi thấy là thể cảm dục của nó.

Chúng tôi ra khỏi hang và, khi tôi lại một lần nữa đang uống no đầy vẻ đẹp quanh mình, tôi nghe một âm thanh trầm, rung nhịp, theo một cách nào đó giống âm nhạc. Chúng tôi đứng yên khi nó đến gần hơn và chẳng bao lâu tôi thấy một đoàn khoảng hai mươi sinh vật kỳ lạ, không phải cá, không phải thú, cũng không phải người. Họ có đầu người theo nghĩa là các nét mặt giống con người, nhưng thân thể họ hoàn toàn được bao bọc trong thứ trông như rong biển trôi nổi, dù đẹp hơn nhiều bất cứ thứ gì tôi từng thấy trước đây. Khi họ lướt đi ngay trên đáy đại dương, họ hát một bài ca, trong khi vài người thổi một nhạc cụ giống ống sáo kỳ lạ phát ra âm thanh ai oán gọi nhớ tiếng gió. Kết quả thật rất đẹp và tôi được cho biết họ là

result was very beautiful and I was told that they were some of the sea spirits, who inhabit all deep waters. I could have listened to their music for a very long time, for it had a sort of refrain which kept on coming and going, the notes being indistinct as individual notes, but more or less blended together into a harmonious whole. It was indeed a sea symphony of which I wanted to hear more. I was told that I could easily do so another time if I wished, but that it was now time for us to be on our way.

I kept close to my guide; we soon emerged on to the surface of the sea and, without any effort whatsoever, rose into the air and continued our journey. Once more we travelled at what must have been a terrific pace, judged by earthly standards, although there was actually no feeling of speed, for within a minute we seemed to slow down and I saw we were over Colombo harbour; a moment later we were floating through the bedroom window in my bungalow which I had left less than ten hours ago.

There sure enough was my body apparently still asleep on the bed but even as we stood looking at it, I noticed that it moved and turned from one side on to its back. My guide pointed this out to me and explained that, subconsciously, it was beginning to realise that the time had nearly arrived for it to wake up again, that within a few minutes an S.O.S. would be sent out and, even if I were ten thousand miles away, I should have to return immediately, as this summons meant that the physical body had had its proper quota of sleep and wished to take up its work in the world again.

I asked how it was possible to ensure that the body would always remain asleep for a specified number of hours. He replied that it

một số tinh linh biển, cư ngụ trong mọi vùng nước sâu. Tôi có thể đã lắng nghe âm nhạc của họ rất lâu, vì nó có một điệp khúc cứ đến rồi đi, các nốt không rõ ràng như những nốt riêng lẻ mà ít nhiều hòa lẫn thành một tổng thể hài hòa. Quả thật đó là một bản giao hưởng biển mà tôi muốn nghe thêm nữa. Tôi được bảo rằng một dịp khác tôi hoàn toàn có thể làm vậy nếu muốn, nhưng giờ đã đến lúc chúng tôi phải lên đường.

Tôi bám sát người hướng dẫn của mình; chẳng bao lâu chúng tôi nổi lên mặt biển và, không cần chút nỗ lực nào, bay lên không trung rồi tiếp tục hành trình. Một lần nữa chúng tôi di chuyển với tốc độ hائل là khủng khiếp nếu xét theo tiêu chuẩn trần thế, dù thực ra không hề có cảm giác tốc độ, vì chỉ trong vòng một phút chúng tôi dường như chậm lại và tôi thấy mình đang ở trên cảng Colombo; một lát sau chúng tôi lướt qua cửa sổ phòng ngủ trong bungalow của tôi, nơi tôi đã rời đi chưa đầy mười giờ trước.

Quả nhiên thể xác của tôi vẫn dường như đang ngủ trên giường nhưng ngay khi chúng tôi đứng nhìn nó, tôi nhận thấy nó cử động và xoay từ nghiêng sang nằm ngửa. Người hướng dẫn của tôi chỉ điều đó cho tôi và giải thích rằng, trong tiềm thức, nó đang bắt đầu nhận ra rằng thời điểm thức dậy gần đến, rằng chỉ trong vài phút nữa một tín hiệu S.O.S. sẽ được phát ra và, ngay cả nếu tôi ở cách đó mười ngàn dặm, tôi cũng sẽ phải trở về ngay lập tức, vì lời triệu gọi này có nghĩa là thể xác đã có đủ phần ngủ cần thiết và muốn lại đảm nhận công việc của nó trong đời thường.

Tôi hỏi làm sao có thể bảo đảm rằng thể xác sẽ luôn ngủ trong một số giờ xác định. Anh đáp rằng điều này khó bảo đảm, nhưng với nhiều

was difficult to ensure this, but that with much training and concentration it was possible so to discipline the body that it acted according to one's will, but this I gathered took much time and training to do properly. I asked if the tablet I had taken before going to bed the previous night had had anything to do with it, and was told that in this case it had. The tablet was a special kind of sleeping draught made from a secret formula which not only ensured the person going to sleep almost immediately, but also made certain that the body remained asleep for a period of ten hours, unless awakened by some extraordinary amount of noise or on being touched by an outside agency. It was impressed upon me that if I wished to experiment with such matters as bringing back into the physical consciousness what I had been doing whilst out of my body, it was essential that I trained my domestic staff never to wake me or make any noise near my bedroom during the period that I wished to remain asleep.

My Indian friend then told me that it was time for me to return to my body and that he would endeavour to impress upon the brain cells of that body the necessity for remembering what had transpired during the night so that there should be no actual break of consciousness at the moment of awakening. He told me to set to, as soon as I was conscious in my physical body, and make notes of what I had done during the night and that immediately I had bathed and eaten, I should waste no time in writing down in detail all that I remembered.

Almost as soon as my guide had finished speaking, I felt myself gradually sliding into my body again and I woke without having any break of consciousness, as he had hoped. I sat up in bed, drew towards me a pad and pencil

huấn luyện và tập trung, có thể kỷ luật thể xác đến mức nó hành động theo ý chí của mình, dù tôi hiểu rằng việc này đòi hỏi rất nhiều thời gian và huấn luyện mới làm đúng được. Tôi hỏi liệu viên thuốc tôi đã uống trước khi đi ngủ đêm trước có liên quan gì đến việc ấy không, và được cho biết rằng trong trường hợp này thì có. Viên thuốc ấy là một loại thuốc ngủ đặc biệt làm từ một công thức bí mật, không những bảo đảm người dùng gần như ngủ ngay lập tức, mà còn chắc chắn rằng thể xác sẽ ngủ suốt mười giờ, trừ phi bị đánh thức bởi một tiếng động bất thường nào đó hoặc do bị một tác nhân bên ngoài chạm vào. Người ta nhấn mạnh với tôi rằng nếu tôi muốn thử nghiệm những vấn đề như mang trở lại vào tâm thức hồng trần những gì mình đã làm khi ra khỏi thể xác, điều cốt yếu là tôi phải huấn luyện gia nhân của mình tuyệt đối không đánh thức tôi hay gây tiếng động nào gần phòng ngủ trong khoảng thời gian tôi muốn tiếp tục ngủ.

Sau đó người bạn Ấn Độ của tôi bảo rằng đã đến lúc tôi phải trở về thể xác và anh sẽ cố gắng gây ấn tượng lên các tế bào não của thể ấy về sự cần thiết phải nhớ những gì đã diễn ra trong đêm để không có sự gián đoạn tâm thức thực sự nào vào lúc thức dậy. Anh bảo tôi phải bắt tay ngay vào việc, ngay khi có tâm thức trong thể xác hồng trần của mình, và ghi chú những gì tôi đã làm trong đêm, và rằng ngay sau khi tắm rửa và ăn uống xong, tôi không được lãng phí thời gian mà phải viết lại chi tiết tất cả những gì mình nhớ.

Hầu như ngay khi người hướng dẫn của tôi vừa dứt lời, tôi cảm thấy mình dần dần trượt vào thể xác trở lại, và tôi tỉnh dậy mà không hề có bất kỳ sự gián đoạn tâm thức nào, đúng như ông đã hy vọng. Tôi ngồi bật dậy trên giường,

that I had placed beside my bed and started to make notes of all that had happened during the night. It was fortunate that I was told to make notes immediately, for I found that even with the headings that I had made, it was difficult to remember exactly what had happened, when, later on, I wrote out my report in full. However, I shall see how faithful my memory has been when I show this record to my visitor tomorrow, for he said he would come then to continue his talks.

kéo về phía mình một tập giấy và cây bút chì mà tôi đã đặt bên cạnh giường, rồi bắt đầu ghi chép những điều đã xảy ra trong đêm. Thật may là tôi đã được bảo phải ghi chép ngay lập tức, vì tôi nhận ra rằng ngay cả với những đề mục mình đã ghi ra, về sau khi viết đầy đủ bản tường trình, tôi vẫn khó nhớ chính xác điều gì đã xảy ra và xảy ra khi nào. Tuy nhiên, ngày mai khi tôi đưa bản ghi này cho vị khách của mình xem, tôi sẽ biết trí nhớ của mình trung thực đến mức nào, vì ông nói rằng khi ấy ông sẽ đến để tiếp tục các cuộc nói chuyện của mình.

Chapter 5

It was no use; last night I made all my preparations and concentrated on seeing myself in a mirror, but this morning I remember absolutely nothing. I went to sleep almost as soon as my head touched the pillow, for I suppose I was tired after all the concentration on my report yesterday, and it seemed only a very short time before I awoke this morning, bright and early, after a dreamless night's rest. Yes, not even a dream disturbed my slumbers and I must say I am disappointed, though possibly I was expecting too much. In an hour's time my Indian friend will be here and perhaps he will explain why I failed last night in such a dismal fashion.

Thật vô ích; tối qua tôi đã chuẩn bị mọi thứ và tập trung nhìn thấy mình trong gương, nhưng sáng nay tôi hoàn toàn không nhớ gì cả. Tôi ngủ thiếp đi gần như ngay khi đầu vừa chạm gối, vì tôi cho rằng rốt cuộc mình đã mệt sau tất cả sự tập trung vào bản tường trình hôm qua, và dường như chỉ một lát rất ngắn sau là tôi đã thức dậy sáng nay, tỉnh táo và sớm sửa, sau một giấc ngủ không mộng mị. Đúng vậy, đến cả một giấc mơ cũng không quấy rầy giấc ngủ của tôi, và tôi phải nói rằng tôi thất vọng, dù có lẽ tôi đã mong đợi quá nhiều. Chỉ một giờ nữa người bạn Ấn Độ của tôi sẽ đến đây, và có lẽ ông sẽ giải thích vì sao tối qua tôi lại thất bại một cách thảm hại như thế.

Just at 11 o'clock, as I was looking through my notes uncertain as to what he would think about them, he opened the door. Obviously he knew that I was a little excited, wondering whether I had failed to remember a lot about my astral journey, for his eyes twinkled as he asked me if my report was ready. He never seems to laugh, though his eyes often smile, and there is no doubt at all about his having a very highly developed sense of humour.

Đúng 11 giờ, khi tôi đang xem lại các ghi chép của mình mà không biết ông sẽ nghĩ gì về chúng, ông mở cửa bước vào. Rõ ràng ông biết rằng tôi hơi kích động, tự hỏi liệu mình có quên mất nhiều điều trong chuyến du hành cảm dục hay không, vì mắt ông ánh lên vẻ vui khi hỏi tôi bản tường trình đã sẵn sàng chưa. Ông dường như không bao giờ cười thành tiếng, dù đôi mắt ông thường mỉm cười, và hoàn toàn không còn nghi ngờ gì nữa rằng ông

Having read my notes, he complimented me on having remembered so much and said that for a first attempt it was distinctly above the average. I asked him if I had forgotten much, to which he replied that I had certainly failed to notice quite a lot when we were under the sea; also, I had not remembered much of what transpired when we were trying to help the young fighter pilot immediately after he had been shot down; these omissions were unimportant, the main thing being that I had proved for myself it is possible to remember what is done outside the body, and the perfecting of the “bringing through” process of the business was now only a matter of time and concentration.

“But why couldn’t I remember anything this morning?”

He smiled as he pointed out that I must not expect to be successful all at once, and that I must be prepared for my disappointments; yet if I were determined to succeed, he would help me in every way possible. He continued: “Your adventures of the night before last have made my task of describing the astral plane to you much easier than it was before, for now you know from experience something of what I have endeavoured to explain to you in mere words. You have therefore learnt the first lesson in what we call occult wisdom, which is that you must never believe in a credulous way anything that you are told. You must not disbelieve it either, for that would be foolish. The only method to adopt is to accept as a possibility the things that you are told; then, to set about finding out the way to prove those things for yourself.

“Now what have we proved so far? That is

có một ý thức khôi hài phát triển rất cao.

Sau khi đọc các ghi chép của tôi, ông khen tôi đã nhớ được nhiều như vậy và nói rằng đối với lần thử đầu tiên thì điều đó rõ ràng là trên mức trung bình. Tôi hỏi ông liệu tôi có quên nhiều không, và ông đáp rằng chắc chắn tôi đã không để ý đến khá nhiều điều khi chúng tôi ở dưới biển; ngoài ra, tôi cũng không nhớ được bao nhiêu về những gì đã diễn ra khi chúng tôi cố giúp viên phi công chiến đấu trẻ ngay sau khi anh ta bị bắn rơi; những thiếu sót ấy không quan trọng, điều chính yếu là tôi đã tự chứng minh cho mình thấy rằng có thể nhớ được những gì được làm bên ngoài thể xác, và việc hoàn thiện tiến trình “mang qua” này giờ đây chỉ còn là vấn đề thời gian và sự tập trung.

“Nhưng tại sao sáng nay tôi lại không thể nhớ được gì?”

Ông mỉm cười khi chỉ ra rằng tôi không được mong đợi thành công ngay lập tức, và rằng tôi phải sẵn sàng đón nhận những thất vọng của mình; tuy nhiên, nếu tôi quyết tâm thành công, ông sẽ giúp tôi bằng mọi cách có thể. Ông tiếp tục: “Những cuộc phiêu lưu của anh vào đêm hôm kia đã khiến nhiệm vụ mô tả cõi cảm dục cho anh của tôi trở nên dễ dàng hơn nhiều so với trước đây, vì giờ đây từ kinh nghiệm trực tiếp anh đã biết phần nào điều mà tôi đã cố gắng giải thích cho anh chỉ bằng lời nói. Vì vậy anh đã học được bài học đầu tiên trong điều mà chúng tôi gọi là minh triết huyền bí, đó là anh không bao giờ được tin một cách nhẹ dạ bất cứ điều gì người ta nói với anh. Anh cũng không được không tin điều đó, vì như thế là ngu xuẩn. Phương pháp duy nhất nên áp dụng là chấp nhận như một khả thể những điều người ta nói với anh; rồi bắt tay vào tìm ra cách để tự mình chứng minh những điều ấy.

“Bây giờ cho đến nay chúng ta đã *chứng minh*

where I wish to begin. You have proved that it is possible to have experiences apart from your physical body. You have proved that death is not what you thought it was, for you have seen your brother Charles and you know that he is very much alive indeed, though invisible to you whilst you are functioning in your physical body; you have talked to him, and this should be sufficient proof that he exists in a region where you can follow him at stated times. You are aware that although Charles still knows very little of astral plane conditions, you could not honestly say he was suffering, nor that his life was a miserable one and something from which a man would naturally shrink. You therefore have taken one step towards getting rid of the fear of death, the fear which makes such a deep impression on so many men living in the world. Even from your present knowledge you know that death is not the tragedy it is so often called and that in some cases it might easily be considered not only a relief, but a great blessing. You have seen for yourself that existence after death is to a great extent governed by the type of life lived in the world—you can appreciate that those who are artistically inclined or interested in one or other of the specific branches of art such as music, painting, literature or philosophy, or even those whose special interest is travel, are well catered for after death. On the other hand you can also appreciate that those whose lives here are purely material, whose amusements and interests depend on the physical body, who primarily are drawn to sport, to good living, to forms of business which have as their goal the making of money, are going to find time hanging heavily on their hands after death, until they realise that they can develop new interests.”

được điều gì? Đó là điểm tôi muốn bắt đầu. Anh đã chứng minh rằng có thể có những kinh nghiệm tách biệt khỏi thể xác của mình. Anh đã chứng minh rằng cái chết không phải là điều anh từng nghĩ, vì anh đã gặp em trai anh là Charles và anh biết rằng nó quả thực vẫn sống rất rõ ràng, dù vô hình đối với anh khi anh đang hoạt động trong thể xác hồng trần; anh đã nói chuyện với nó, và như thế hẳn phải đủ để chứng minh rằng nó tồn tại trong một vùng mà anh có thể theo đến vào những thời điểm nhất định. Anh biết rằng mặc dù Charles vẫn còn biết rất ít về các điều kiện của cõi cảm dục, anh cũng không thể thành thật mà nói rằng nó đang đau khổ, hay rằng đời sống của nó là khốn khổ và là điều mà một người tự nhiên sẽ phải co rút lại trước đó. Vì vậy anh đã tiến một bước hướng tới việc loại bỏ nỗi sợ chết, nỗi sợ gây ấn tượng sâu đậm đến thế nơi rất nhiều người đang sống trên thế gian. Ngay từ hiểu biết hiện tại của mình, anh đã biết rằng cái chết không phải là bi kịch như người ta thường gọi, và trong một số trường hợp nó hoàn toàn có thể được xem không chỉ là một sự giải thoát mà còn là một phúc lành lớn lao. Anh đã tự mình thấy rằng sự tồn tại sau khi chết phần lớn được chi phối bởi loại đời sống đã sống trên thế gian—anh có thể hiểu rằng những ai có thiên hướng nghệ thuật hoặc quan tâm đến một hay một số ngành nghệ thuật chuyên biệt như âm nhạc, hội họa, văn chương hay triết học, hoặc ngay cả những ai đặc biệt thích du lịch, đều được đáp ứng rất tốt sau khi chết. Mặt khác, anh cũng có thể hiểu rằng những ai có đời sống ở đây hoàn toàn vật chất, những thú vui và mối quan tâm của họ lệ thuộc vào thể xác hồng trần, những người trước hết bị lôi cuốn vào thể thao, vào ăn ngon sống kỹ, vào những hình thức kinh doanh lấy việc kiếm tiền làm mục tiêu, sẽ thấy thời gian đè nặng lên tay mình sau khi chết, cho đến khi họ nhận ra rằng họ có thể phát triển những mối quan tâm mới.”

I asked, “How can one develop new interests after death?”

“In the same way as you could have developed them during your lifetime, had you possessed sufficient leisure and the money to provide fees for the necessary tuition. At the astral level, although you have not yet seen them for yourself, schools exist, because of the great need of training permanent inhabitants of that world in those interests which they lack, for the life that is before them. These schools serve a dual purpose; they not only teach pupils all about conditions at the astral level and how best they can employ the conditions ruling there for their pleasure, and education, but also provide courses of instruction in all the various matters for which physical plane conditions are not essential for carrying them out.

“Most of the true musicians, artists, philosophers and those who were teachers or professors in the physical world obtain great joy from passing on some of their knowledge and experience to those who are lacking in it but who are sufficiently interested to want to learn. The absence of the time factor—the absence of the necessity to sleep eight hours out of the twenty four—again helps considerably. If experts in their particular subjects give even as little as three or four hours a day to training new students, the time given is in no way a hardship, for they still have the remaining twenty hours out of each day for their own devices. In actual practice, it works out that many of these ex-teachers and specialists in their particular arts obtain so much pleasure from moulding new material into form, that they attach themselves quite voluntarily to these schools and often spend more than half their time at the astral level teaching others the rudiments of their arts, or in some cases helping those who have already

Tôi hỏi: “Làm sao người ta có thể phát triển những mối quan tâm mới sau khi chết?”

“Cũng theo cách mà anh có thể đã phát triển chúng trong suốt đời mình, nếu anh có đủ thời giờ nhàn rỗi và tiền bạc để trả học phí cho sự huấn luyện cần thiết. Ở cấp độ cảm dục, dù anh chưa tự mình thấy chúng, vẫn có các trường học tồn tại, vì nhu cầu rất lớn phải huấn luyện những cư dân thường trú của thế giới ấy trong những mối quan tâm mà họ còn thiếu, cho đời sống đang ở trước mặt họ. Những trường này phục vụ một mục đích kép; chúng không chỉ dạy học viên mọi điều về các điều kiện ở cấp độ cảm dục và cách tốt nhất để họ có thể sử dụng những điều kiện chi phối ở đó cho niềm vui và sự giáo dục của mình, mà còn cung cấp các khóa giảng dạy về mọi vấn đề khác nhau mà các điều kiện của cõi hồng trần không phải là thiết yếu để thực hiện.

“Phần lớn những nhạc sĩ, nghệ sĩ, triết gia chân chính và những người từng là giáo viên hay giáo sư trong thế giới hồng trần đều có niềm hoan hỉ lớn lao khi truyền lại một phần tri thức và kinh nghiệm của mình cho những ai còn thiếu nhưng đủ quan tâm để muốn học. Sự vắng mặt của yếu tố thời gian—sự vắng mặt của nhu cầu phải ngủ tám giờ trong số hai mươi bốn giờ—lại càng giúp ích đáng kể. Nếu các chuyên gia trong lĩnh vực riêng của mình chỉ dành ra ít đến ba hay bốn giờ mỗi ngày để huấn luyện các đạo sinh mới, thì thời gian ấy hoàn toàn không phải là một gánh nặng, vì họ vẫn còn hai mươi giờ còn lại của mỗi ngày cho những việc riêng của mình. Trong thực tế, kết quả là nhiều cựu giáo viên và chuyên gia trong các nghệ thuật riêng của họ nhận được quá nhiều niềm vui từ việc nắn tạo chất liệu mới thành hình tượng, đến nỗi họ hoàn toàn tự nguyện gắn bó với các trường này và thường dành hơn nửa thời gian của mình ở cấp độ cảm dục để dạy người khác những điều sơ đẳng trong nghệ thuật của họ, hoặc trong một số

developed some proficiency to become adepts under the concentrated tuition that is available in the astral world.

“Not only do these schools play a tremendous part in the life of the astral world, but they undoubtedly influence the future lives of their pupils. If, at the astral level, a man has developed a love of any of the arts or sciences, in his next life at the physical level he is born with the desire to continue that study, and so we find children showing at an early age an enthusiastic aptitude for one thing or another, which perhaps is not in any way a characteristic of their parents. Such leanings towards an art should always be encouraged. Parents often argue that this enthusiasm should be discouraged, as they themselves have managed to lead successful lives without such dabbling. This is a great mistake, however, and if the parents perceived that the craving of the child is a perfectly natural one, that it is really only anxious to carry on with the training which was begun during its last astral carefree life, they would probably realise that such cravings should be encouraged and not squashed, as so often they are. Both in this world and the next we are all the time progressing and making our future lives happier and fuller.

“The permanent inhabitants find out these schools in different ways and always at a stage when they are of most use. When they first realise that they are living in the astral world, it is quite useless to mention such things to them, for they will at once assure you that they have no desire to go to school again. They want to enjoy themselves. For the first few months the opportunity of travelling round the world and seeing all the countries they

trường hợp giúp những ai đã phát triển được một mức thành thạo nào đó trở thành chân sư dưới sự huấn luyện tập trung hiện có trong thế giới cảm dục.

“Không những các trường này đóng một vai trò to lớn trong đời sống của thế giới cảm dục, mà chắc chắn chúng còn ảnh hưởng đến những kiếp sống tương lai của học viên. Nếu ở cấp độ cảm dục, một người đã phát triển tình yêu đối với bất kỳ nghệ thuật hay khoa học nào, thì trong kiếp sau ở cấp độ hồng trần, y sinh ra với *khát vọng* tiếp tục việc học ấy, và vì thế chúng ta thấy trẻ em từ rất sớm đã bộc lộ một năng khiếu đầy nhiệt tình đối với điều này hay điều kia, điều có lẽ hoàn toàn không phải là đặc tính của cha mẹ chúng. Những thiên hướng như thế đối với một nghệ thuật luôn luôn nên được khuyến khích. Cha mẹ thường lập luận rằng sự nhiệt tình này nên bị ngăn lại, vì chính họ đã xoay sở để sống thành công mà không cần những sự đụng chạm như thế. Tuy nhiên, đó là một sai lầm lớn, và nếu cha mẹ nhận ra rằng sự thôi thúc của đứa trẻ là hoàn toàn tự nhiên, rằng thực ra nó chỉ mong tiếp tục sự huấn luyện đã bắt đầu trong đời sống cảm dục vô ưu cuối cùng của nó, thì có lẽ họ sẽ hiểu rằng những thôi thúc như thế nên được khuyến khích chứ không nên bị dập tắt như quá thường xảy ra. Cả trong thế giới này lẫn thế giới kế tiếp, chúng ta luôn luôn tiến bộ và làm cho những kiếp sống tương lai của mình hạnh phúc hơn và viên mãn hơn.

“Những cư dân thường trú tìm ra các trường này bằng nhiều cách khác nhau và luôn luôn ở vào giai đoạn mà chúng hữu ích nhất cho họ. Khi họ lần đầu nhận ra rằng mình đang sống trong thế giới cảm dục, thì việc nhắc đến những điều như thế với họ là hoàn toàn vô ích, vì họ sẽ lập tức quả quyết với anh rằng họ không hề muốn đi học lại. Họ muốn vui chơi. Trong vài tháng đầu, cơ hội đi vòng quanh thế giới và nhìn thấy tất cả những xứ sở mà họ

had not had the chance of visiting whilst they were in this world usually satisfies them.

“You will remember that Roy Chapman, your brother’s friend, admitted that at times he felt bored. He had done all these things; he had made a few friends of course and enjoyed taking them out to dinners and shows, to picnics and the like, but that palls after a time. Roy was a keen golfer in his lifetime, but golf is not the interesting game in the astral world that it is here. Such a man as Roy will certainly tire of all the things that he has been doing for the last six months or so, and when he does, he will not hesitate to express his boredom to others whom he meets in that world. Then one day someone to whom he has been introduced will mention to him the opportunity that exists there for increasing one’s knowledge or developing along a particular line of art or study. He will not be enthusiastic at first, but he soon will realise that learning something entirely new will fill in the long hours; eventually his interest will be aroused, and yet another will have passed from the stage of materialist to the life that makes our sojourn at the astral level all too short.

“There are others to whom these new interests have no appeal. They are usually the old married couples, who have developed a taste for domestic life. All they have ever aspired to was to have a home, a garden and to live a quiet life amongst their friends. They liked to listen to the radio, have a television set and such things. Their happiness is dependent upon being together. They can carry on this type of life at the astral level, without any difficulty whatever. If the man dies first, he wanders round looking miserable and lonely at the hours when his wife is awake, and is

chưa có dịp thăm viếng khi còn ở thế giới này thường làm họ thỏa mãn.

“Anh hẳn còn nhớ Roy Chapman, bạn của em trai anh, đã thừa nhận rằng đôi khi anh ta cảm thấy chán. Anh ta đã làm tất cả những điều ấy; dĩ nhiên anh ta đã kết được vài người bạn và thích đưa họ đi ăn tối, đi xem biểu diễn, đi dã ngoại và những việc tương tự, nhưng sau một thời gian thì những điều đó cũng trở nên nhạt nhẽo. Roy từng là một người mê chơi gôn khi còn sống, nhưng gôn không phải là trò chơi thú vị trong thế giới cảm dục như ở đây. Một người như Roy chắc chắn sẽ chán tất cả những điều anh ta đã làm trong khoảng sáu tháng vừa qua, và khi điều đó xảy ra, anh ta sẽ không ngần ngại bày tỏ sự chán chường của mình với những người khác mà anh ta gặp trong thế giới ấy. Rồi một ngày kia, một người nào đó mà anh ta được giới thiệu sẽ nhắc với anh ta về cơ hội hiện có ở đó để gia tăng tri thức của mình hoặc phát triển theo một đường hướng nghệ thuật hay học tập nào đó. Lúc đầu anh ta sẽ không nhiệt tình, nhưng chẳng bao lâu anh ta sẽ nhận ra rằng học một điều gì hoàn toàn mới sẽ lấp đầy những giờ dài; cuối cùng mối quan tâm của anh ta sẽ được khơi dậy, và lại thêm một người nữa đã chuyển từ giai đoạn duy vật sang đời sống khiến thời gian lưu trú của chúng ta ở cấp độ cảm dục trở nên quá ngắn ngủi.

“Có những người khác mà những mối quan tâm mới này không hấp dẫn được họ. Đó thường là những cặp vợ chồng già đã phát triển sở thích đối với đời sống gia đình. Tất cả những gì họ từng khát vọng chỉ là có một mái nhà, một khu vườn và sống một đời yên tĩnh giữa bạn bè. Họ thích nghe radio, có một máy truyền hình và những thứ tương tự. Hạnh phúc của họ tùy thuộc vào việc được ở bên nhau. Họ có thể tiếp tục kiểu sống này ở cấp độ cảm dục mà không gặp bất kỳ khó khăn nào. Nếu người chồng chết trước, ông ta đi lang thang với vẻ buồn bã và cô đơn vào những giờ

there to meet her as soon as she gets out of her body at the time when she falls asleep. To suggest to such a man that there are schools where he can learn something is usually a waste of time; he scorns the idea, all he wants is a comfortable home with his partner. He sets to to find out the ways and means of living in such a way as he and his wife will enjoy when reunited. He learns that it is simplicity itself to have a house and garden exactly in accordance with his own pet ideas, merely by expressing a desire for such in thought. He finds the most beautiful spot available, and when his wife comes over they build their dream house and furnish it exactly as they would have loved to do in the world had they had the necessary means to do so. Now a thought produces just the things they desire, and frequently they think of wonderful labour saving appliances. Sometimes these are seen by business men who make notes of them and in their next life they invent similar things. This old couple has an ultra-modern stereo set and they create in thought the required number of servants to do their bidding. They create a garden with any form of flower or fruit in it that they would like—for here there is no limitation of climate. They entertain their friends, they enjoy showing off their inventions and live very happily in the astral plane. Frequently they link up with pets they have had on earth, or adopt others.

“The blissful state of the elderly couple just described is not as general as might be supposed. Men and women marry for various reasons; sometimes it is physical attraction which draws them together, sometimes wealth; even loneliness plays its part in the linking up of individuals. It is very seldom that we see what we would describe as an ideal pair—two people whose outlook on life

người vợ còn thức, và có mặt để đón bà ngay khi bà ra khỏi thể xác vào lúc bà chìm vào giấc ngủ. Gợi ý với một người như thế rằng có những trường học nơi ông ta có thể học điều gì đó thường là phí công; ông ta khinh thường ý tưởng ấy, tất cả những gì ông ta muốn là một mái nhà tiện nghi với người bạn đời của mình. Ông ta bắt tay tìm hiểu những cách thức và phương tiện để sống theo cách mà ông ta và vợ mình sẽ thích khi đoàn tụ. Ông ta học được rằng việc có một ngôi nhà và khu vườn hoàn toàn đúng với những ý tưởng riêng yêu thích của mình là điều đơn giản vô cùng, chỉ bằng cách biểu lộ mong muốn ấy trong tư tưởng. Ông ta tìm ra nơi đẹp nhất có thể có, và khi vợ ông sang đến, họ xây ngôi nhà mơ ước của mình và trang bị nó đúng như cách họ từng mong muốn làm ở thế gian nếu họ có đủ phương tiện. Giờ đây một ý nghĩ tạo ra chính những thứ họ mong muốn, và thường họ nghĩ ra những thiết bị tiết kiệm lao động tuyệt vời. Đôi khi những thứ này được các doanh nhân nhìn thấy, họ ghi chép lại, và trong kiếp sau họ phát minh ra những thứ tương tự. Cặp vợ chồng già này có một bộ âm thanh nổi cực kỳ hiện đại và họ tạo ra trong tư tưởng số lượng người hầu cần thiết để làm theo ý mình. Họ tạo ra một khu vườn với bất kỳ loại hoa hay trái nào họ thích—vì ở đây không có giới hạn khí hậu. Họ tiếp đãi bạn bè, thích khoe những phát minh của mình và sống rất hạnh phúc trong cõi cảm dục. Họ cũng thường nói lại liên hệ với những con vật cưng từng có trên Trái Đất, hoặc nhận nuôi những con khác.

“Trạng thái chí phúc của cặp vợ chồng già vừa được mô tả không phổ biến như người ta có thể tưởng. Những người nam và nữ kết hôn vì nhiều lý do khác nhau; đôi khi là sự hấp dẫn thể xác kéo họ đến với nhau, đôi khi là của cải; ngay cả sự cô đơn cũng đóng vai trò trong việc liên kết các cá nhân. Rất hiếm khi chúng ta thấy điều mà mình có thể mô tả là một cặp lý tưởng—hai người có cái nhìn về cuộc sống ăn

dovetails, whose standing in evolution is similar, each having sufficient intelligence to be able to enter into the problems of the other. Such unions are rare and, occultly, are not to be greatly desired as it is a good thing for an evolved man to be attracted in some particular way to a less evolved partner.

“When one hears such a remark as: ‘What a pity John married Mary, so unsuited, don’t you think?’ one must realise that if the speaker had more experience he would know that both these young people are destined to benefit considerably from the few years they spend together. The immediate outcome of such an apparently unsuitable union is invariably a series of difficulties for both parties; there is always a clash of interests. Possibly the man was originally drawn to the woman through her physical attractions. After a time that ‘draw’ becomes less (though it is unlikely that it would cease to function altogether); then the two people are thrown back on companionship as the only bond to hold them together; but companionship is not easy when the tastes and desires of two individuals are dissimilar. In the case where the man is the more evolved of the two, his interests lie in books, in music, in the serious side of life, whereas the woman wants to go to any place of amusement where her friends of the moment are going. A clash of ideas results and there are many arguments and disagreements. If there are no children sometimes the marriage breaks up, solely on account of the incompatibility of temperaments; but it is a great pity when this happens because it is through the inequality of the two people concerned that much knowledge and experience can be gained. The man has to learn a method of meeting his partner half way. When he ponders over ways and means of doing this, he realises that he

khớp với nhau, có vị trí trong tiến hoá tương tự nhau, mỗi người đều có đủ trí tuệ để có thể đi vào những vấn đề của người kia. Những sự kết hợp như thế rất hiếm và, xét theo huyền bí học, cũng không phải là điều quá đáng mong muốn, vì việc một người tiến hoá hơn bị thu hút theo một cách đặc biệt nào đó đối với một người bạn đời kém tiến hoá hơn là điều tốt.

“Khi người ta nghe một nhận xét như: ‘Thật tiếc là John lại cưới Mary, không hợp chút nào, anh không nghĩ thế sao?’ thì phải hiểu rằng nếu người nói có nhiều kinh nghiệm hơn, y sẽ biết rằng cả hai người trẻ này đều được định sẵn sẽ hưởng lợi đáng kể từ vài năm họ sống cùng nhau. Kết quả tức thời của một sự kết hợp có vẻ không thích hợp như thế luôn luôn là một chuỗi khó khăn cho cả hai bên; lúc nào cũng có sự xung đột về mối quan tâm. Có thể ban đầu người đàn ông bị thu hút bởi người phụ nữ qua sức hấp dẫn thể xác của bà. Sau một thời gian, sức “hút” ấy giảm bớt đi (dù khó có thể hoàn toàn chấm dứt hoạt động); rồi hai người bị đẩy trở lại với tình bạn đồng hành như mối dây duy nhất giữ họ lại với nhau; nhưng tình bạn đồng hành không dễ dàng khi thị hiếu và ham muốn của hai cá nhân khác nhau. Trong trường hợp người đàn ông là người tiến hoá hơn trong hai người, các mối quan tâm của ông nằm ở sách vở, âm nhạc, ở mặt nghiêm túc của cuộc sống, trong khi người phụ nữ lại muốn đi đến bất kỳ nơi giải trí nào mà bạn bè nhất thời của bà đang đến. Kết quả là xung đột ý tưởng và có nhiều tranh cãi, bất đồng. Nếu không có con cái, đôi khi cuộc hôn nhân tan vỡ chỉ vì tính khí không tương hợp; nhưng đó là điều rất đáng tiếc khi xảy ra, vì chính qua sự không ngang bằng của hai người liên hệ mà nhiều tri thức và kinh nghiệm có thể được thu nhận. Người đàn ông phải học một phương pháp gặp người bạn đời của mình ở điểm giữa. Khi ông suy nghĩ về cách thức để làm điều này, ông nhận ra rằng mình phải bắt đầu bằng cách nâng các mối

must start by raising his wife's interests towards his educational level—at the same time making sure that she does not realise what he is endeavouring to do, or she will immediately develop an inferiority complex. He must learn to be patient when, through her inexperience, she presses for things he knows to be unwise or unnecessary. Knowing that to do so is wrong, sometimes he must give way in order that she may see the results of the mistake which has been made. The woman will not always wish to be led, even when subconsciously she realises that her partner in life is wiser than she. If two such people can spend a lifetime together, the benefits to both are great indeed, for one will have had the advantage of a superior intelligence and a greater experience to guide her and develop her character, whereas the other has had to learn the value of patience, of tact, of the necessity to see things from another's point of view—a view which through lack of experience must be more limited than his own.

“After death such people do not necessarily carry on their lives together; the man probably feels that he wishes to spend his time with greater minds than his own, whereas the woman, who for many earthly years has been forced to live at high pressure endeavouring to produce a standard which was always something of an effort for her, now wishes to sit back and take things easy for a time. Usually, after a short period of relative inactivity, she finds that the seeds sown during her lifetime have now brought forth a strong desire to continue the development already begun. She finds that she no longer derives complete satisfaction from the artificial enjoyments she once longed for and bullied her unresponsive husband to provide for her. Her mental appetite has been whetted and she finds it is impossible for her to go back

quan tâm của vợ lên gần trình độ giáo dục của mình—đồng thời phải chắc chắn rằng bà không nhận ra điều ông đang cố làm, nếu không bà sẽ lập tức phát triển mặc cảm tự ti. Ông phải học kiên nhẫn khi, do thiếu kinh nghiệm, bà thúc ép những điều mà ông biết là không khôn ngoan hoặc không cần thiết. Biết rằng làm như thế là sai, đôi khi ông vẫn phải nhượng bộ để bà có thể thấy kết quả của sai lầm đã được tạo ra. Người phụ nữ không phải lúc nào cũng muốn được dẫn dắt, ngay cả khi trong tiềm thức bà nhận ra rằng người bạn đời của mình khôn ngoan hơn mình. Nếu hai người như thế có thể sống cùng nhau suốt một đời, lợi ích cho cả hai quả thực rất lớn, vì một người sẽ có được lợi thế của trí tuệ cao hơn và kinh nghiệm lớn hơn để hướng dẫn mình và phát triển tính cách của mình, trong khi người kia đã phải học giá trị của sự kiên nhẫn, của sự khéo léo, của nhu cầu phải nhìn sự việc từ quan điểm của người khác—một quan điểm mà do thiếu kinh nghiệm, tất nhiên phải hạn hẹp hơn quan điểm của chính ông.

“Sau khi chết, những người như thế không nhất thiết tiếp tục sống cùng nhau; người đàn ông có lẽ cảm thấy rằng ông muốn dành thời gian của mình với những trí tuệ lớn hơn trí tuệ của chính mình, trong khi người phụ nữ, người trong nhiều năm ở trần thế đã bị buộc phải sống trong áp lực cao để cố tạo ra một tiêu chuẩn vốn luôn là điều gì đó khá gượng gượng đối với bà, giờ đây lại muốn ngồi lại và thư thả một thời gian. Thông thường, sau một giai đoạn ngắn tương đối bất động, bà nhận ra rằng những hạt giống đã gieo trong suốt đời mình nay đã sinh ra một khát vọng mạnh mẽ muốn tiếp tục sự phát triển đã bắt đầu. Bà thấy rằng mình không còn rút ra được sự thỏa mãn trọn vẹn từ những thú vui nhân tạo mà trước kia bà từng khao khát và ép buộc người chồng ít đáp ứng của mình phải cung cấp cho bà. Khẩu vị trí tuệ của bà đã được khơi dậy và bà thấy rằng

to the standards which were natural to her at the time of her marriage on the physical plane. She will tell you that she did not have a particularly happy life but, now that it is over, she will be glad that Fate decreed that the experience should have been hers.

“It often happens that two people who have lived together for a whole lifetime do not contact each other again, either after death or in future lives. Each has served the other, both have benefited by being brought together for a period of time, but their outlook on life is too different for either to be naturally attracted to the other. In such an instance it is possible that the man had lived at least fifty to a hundred lives more than the woman; naturally his understanding of the vast “plan” would be greater than hers, his reservoir of knowledge (that accumulation of experience from past lives) would be greater than hers and in every way he could be regarded as a superior being. But do not forget that a hundred lives previous to this one he was in the same place as his wife of the moment, and he probably benefitted from having been forced to spend a lifetime with someone much more highly developed than himself.

“You have probably heard it said that every person has what is known as a soul mate and that you should always be on the lookout for such a person. It is quite true that soul mates exist, for originally when the life force is sent out by Divine Power, the force emerges into life as twin forms, one male, one female. Both these forms evolve quite separately, each having its quota of lives in male and female bodies, but on special occasions, when a great work has to be done, these two entities are sometimes brought together, because the inspiration of the one enables the other to carry out the gigantic task which has to be

mình không thể quay trở lại những tiêu chuẩn vốn là tự nhiên đối với mình vào thời điểm kết hôn trên cõi hồng trần. Bà sẽ nói với anh rằng bà đã không có một đời sống đặc biệt hạnh phúc nhưng, giờ khi nó đã qua, bà sẽ vui vì Số Mệnh đã định rằng kinh nghiệm ấy thuộc về bà.

“Thường xảy ra việc hai người đã sống với nhau suốt cả một đời lại không tiếp xúc với nhau nữa, hoặc sau khi chết hoặc trong những kiếp tương lai. Mỗi người đã phụng sự người kia, cả hai đều đã hưởng lợi khi được đưa đến với nhau trong một khoảng thời gian, nhưng cái nhìn của họ về cuộc sống quá khác biệt để một trong hai tự nhiên bị thu hút về phía người kia. Trong một trường hợp như thế, có thể người đàn ông đã sống nhiều hơn người phụ nữ ít nhất từ năm mươi đến một trăm kiếp; dĩ nhiên sự thấu hiểu của ông về “Thiên Cơ” bao la sẽ lớn hơn của bà, kho tri thức của ông (sự tích lũy kinh nghiệm từ các kiếp quá khứ) sẽ lớn hơn của bà, và về mọi phương diện ông có thể được xem là một hữu thể cao hơn. Nhưng đừng quên rằng một trăm kiếp trước kiếp này, ông cũng ở đúng vị trí như người vợ hiện thời của mình, và có lẽ ông đã hưởng lợi từ việc bị buộc phải sống trọn một đời với một người phát triển cao hơn mình rất nhiều.

“Có lẽ anh đã từng nghe nói rằng mỗi người đều có cái gọi là một bạn đồng hành linh hồn, và rằng anh luôn luôn nên tìm kiếm một người như thế. Hoàn toàn đúng là những bạn đồng hành linh hồn có tồn tại, vì nguyên thủy khi mảnh lực sự sống được Quyền Năng thiêng liêng phóng ra, mảnh lực ấy xuất hiện vào sự sống như hai hình tượng song sinh, một nam, một nữ. Cả hai hình tượng này tiến hoá hoàn toàn riêng biệt, mỗi hình tượng có phần kiếp sống của mình trong các thể nam và nữ, nhưng vào những dịp đặc biệt, khi một công việc lớn lao phải được thực hiện, hai thực thể này đôi khi được đưa lại với nhau, vì cảm hứng

accomplished. A great man who has achieved his goal has often said that he could never have done it without the help, the advice and the strengthening power of his wife. This need not mean that they were soul mates, but it may mean just that, and when this is so the two people seem to act as one great unit; they not only think the same thoughts but they feel instinctively what is right for both of them. It is of course the perfect blending of the positive and negative, of the male and female in nature. It would not be a good thing for us always to have lives with our soul mates, for under such circumstances we should tend to grow very selfish; we would never learn to see things from the others' points of view; to deal with opposite ideas; to give way in order to achieve something rather than to stand firm and produce nothing.

“These illustrations give you some small idea of the way in which egos are assisted along their evolutionary journey. It is through difficulties such as having to live with individuals who do not synchronise in every way that we learn true tolerance. A pleasant and peaceful life is not necessarily the best life. We progress most quickly along the evolutionary path through suffering and what often seem hard and ruthless methods. Each life is a day in the school of evolution and, if we are to carry out the purpose of which we were sent into incarnation, we cannot afford to waste any opportunities.

“Tomorrow I shall tell you a few facts about the non-human inhabitants of the astral plane, after which I shall take you for another astral journey so that you may see for yourself

của người này giúp người kia thực hiện nhiệm vụ khổng lồ cần phải hoàn thành. Một vĩ nhân đã đạt được mục tiêu của mình thường nói rằng ông không bao giờ có thể làm được điều đó nếu không có sự giúp đỡ, lời khuyên và sức mạnh nâng đỡ của vợ mình. Điều này không nhất thiết có nghĩa rằng họ là bạn đồng hành linh hồn, nhưng cũng có thể đúng là như vậy, và khi điều này xảy ra thì hai người dường như hoạt động như một đơn vị lớn lao duy nhất; họ không chỉ nghĩ cùng những tư tưởng mà còn bản năng cảm nhận điều gì là đúng cho cả hai. Dĩ nhiên đó là sự hòa trộn hoàn hảo của dương và âm, của nam và nữ trong bản chất. Sẽ không phải là điều tốt nếu chúng ta luôn luôn có những kiếp sống với bạn đồng hành linh hồn của mình, vì trong những hoàn cảnh như thế chúng ta sẽ có khuynh hướng trở nên rất ích kỷ; chúng ta sẽ không bao giờ học được cách nhìn sự việc từ quan điểm của người khác; cách đề cập đến những ý tưởng đối nghịch; cách nhường bước để đạt được điều gì đó thay vì đứng vững và không tạo ra gì cả.

“Những minh họa này cho anh một ý niệm nhỏ về cách các chân ngã được trợ giúp trên hành trình tiến hoá của mình. Chính qua những khó khăn như phải sống với những cá nhân không đồng bộ với mình về mọi mặt mà chúng ta học được lòng khoan dung chân chính. Một đời sống dễ chịu và yên bình không nhất thiết là đời sống tốt nhất. Chúng ta tiến bộ nhanh nhất trên con đường tiến hoá qua đau khổ và qua những phương pháp thường có vẻ khắc nghiệt và tàn nhẫn. Mỗi kiếp sống là một ngày trong trường học của tiến hoá, và nếu chúng ta muốn thực hiện mục đích vì đó mà mình được gửi vào lâm phạm, chúng ta không thể để lãng phí bất kỳ cơ hội nào.

“Ngày mai tôi sẽ kể cho anh vài sự kiện về những cư dân phi nhân loại của cõi cảm dục, sau đó tôi sẽ đưa anh đi một chuyến du hành cảm dục khác để anh có thể tự mình thấy rằng

that astral human beings conform to what may be described as the normal reactions covering the individual concerned in the physical plane.”

Chapter 6

The prospect of being taken on another astral journey by my Indian teacher has made me quite excited, and thinking about what may happen has taken away some of the disappointment I feel in not yet having achieved any results when alone. Last night I concentrated on seeing myself lying on my bed, as I certainly did the night I was helped. When I woke this morning I felt well rested, I remembered it had taken me a long time to go to sleep, but of what had happened to me after I lost consciousness, I could recall absolutely nothing. I must find out how this business of bringing things through can be accomplished. I know it is no use worrying about not being able to learn the tricks of the trade at once, for worrying more often hinders than helps. I suppose the only thing I can do is to persevere with this concentration which I am told is so important a part of the proceedings, until I make some small beginning from which to work.

“It is useless feeling disappointed.” My Indian friend was standing behind me where I was writing; I had not heard him open the door. “That is what happens in so many instances. People are shown a glimpse of the truth and because they cannot at once do the things that they know are possible for others, they get discouraged and give up trying. Often people say: ‘Obviously this occult life is not for me,’ whereas all that is necessary to achieve results is a little patience and the determination to break through the wall which separates our worldly existence from the life we lead when

những con người cảm dục tuân theo điều có thể được mô tả là những phản ứng bình thường bao trùm cá nhân liên hệ trên cõi hồng trần.”

Viễn cảnh được vị thầy Ấn Độ của tôi đưa đi một chuyến du hành cảm dục khác đã làm tôi khá phấn khích, và việc nghĩ đến những gì có thể xảy ra đã xua đi phần nào nỗi thất vọng tôi cảm thấy vì vẫn chưa đạt được kết quả nào khi ở một mình. Tối qua tôi đã tập trung nhìn thấy mình đang nằm trên giường, đúng như tôi chắc chắn đã làm vào đêm tôi được giúp đỡ. Khi thức dậy sáng nay tôi cảm thấy được nghỉ ngơi đầy đủ, tôi nhớ rằng mình đã mất khá lâu mới ngủ được, nhưng về những gì đã xảy ra với tôi sau khi mất tâm thức thì tôi hoàn toàn không thể nhớ lại gì cả. Tôi phải tìm ra làm thế nào việc mang các sự việc qua này có thể được thực hiện. Tôi biết rằng lo lắng vì chưa thể học được ngay những mảnh khoe của nghề là vô ích, vì lo lắng thường cản trở hơn là giúp ích. Tôi cho rằng điều duy nhất tôi có thể làm là kiên trì với sự tập trung mà tôi được bảo là một phần quan trọng đến thể của toàn bộ tiến trình này, cho đến khi tôi tạo được một khởi đầu nhỏ nào đó để từ đó mà tiếp tục.

“Cảm thấy thất vọng là vô ích.” Người bạn Ấn Độ của tôi đang đứng phía sau tôi, nơi tôi đang viết; tôi đã không nghe thấy ông mở cửa. “Đó là điều xảy ra trong rất nhiều trường hợp. Người ta được cho thấy một thoáng chân lý và vì họ không thể ngay lập tức làm được những điều mà họ biết là người khác có thể làm, họ nản lòng và từ bỏ cố gắng. Người ta thường nói: ‘Rõ ràng đời sống huyền bí này không dành cho tôi,’ trong khi tất cả những gì cần thiết để đạt kết quả chỉ là một chút kiên nhẫn và quyết tâm xuyên thủng bức tường ngăn cách sự tồn tại thể tục của chúng ta với

asleep. Do not expect too much, my friend. Remember it is less than two weeks since you sat here bowed in grief, not even knowing for certain that death was the logical sequence of life. Now at least you know something, and soon you will be given the opportunity of knowing more.

“You are thinking: ‘Why do not more people know these things?’ Perhaps they have not asked for knowledge, for help, as you asked; perhaps they are quite satisfied with one of the many orthodox religions, which tell them to have faith and to believe that everything sent is the will of God. All happenings are certainly the will of God, but it is easier if we realise why such things are. It is easier if there is a logical answer to every question, also if it is made possible for each individual who takes the trouble to prove things for himself, thereby making the acceptance of statements made on a basis of faith unnecessary. Faith is always good, but knowledge is better. You must have faith whilst acquiring knowledge and whatever happens, you must never lose heart. Evolution is a slow process and can seldom be hurried, though the activities of an individual can be inspired by encouragement and by help given at the right moment.

“So far you have seen only a tiny sector of the astral world, the sector usually occupied by those who have recently passed from this world through the portal known as death. Once you have established yourself as an inhabitant of the astral world, you seldom visit such places, but you can go if you wish. You do from time to time, for example when you meet special friends and relations who die and so require some help from the regular inhabitants, in exactly the same way that you

đời sống mà chúng ta sống khi ngủ. Đừng mong đợi quá nhiều, bạn tôi. Hãy nhớ rằng chưa đầy hai tuần trước anh còn ngồi đây cúi mình trong đau buồn, thậm chí không biết chắc rằng cái chết là hệ quả hợp lý của sự sống. Giờ đây ít nhất anh đã biết được đôi điều, và chẳng bao lâu nữa anh sẽ được trao cơ hội để biết nhiều hơn.

“Anh đang nghĩ: ‘Tại sao không có nhiều người hơn biết những điều này?’ Có lẽ họ đã không cầu xin tri thức, sự giúp đỡ, như anh đã cầu xin; có lẽ họ hoàn toàn thỏa mãn với một trong nhiều tôn giáo chính thống, những tôn giáo bảo họ phải có đức tin và tin rằng mọi điều được gửi đến đều là Ý Chí của Thượng Đế. Mọi biến cố chắc chắn đều là Ý Chí của Thượng Đế, nhưng sẽ dễ dàng hơn nếu chúng ta nhận ra vì sao những điều ấy là như vậy. Sẽ dễ dàng hơn nếu có một câu trả lời hợp lý cho mọi câu hỏi, và cũng nếu mỗi cá nhân chịu khó tự mình chứng minh các sự việc được tạo điều kiện để làm như thế, nhờ đó việc chấp nhận các phát biểu chỉ trên cơ sở đức tin trở nên không cần thiết. Đức tin luôn luôn tốt, nhưng tri thức thì tốt hơn. Anh phải có đức tin trong khi đang thu nhận tri thức và, dù điều gì xảy ra, anh cũng không bao giờ được nản chí. Tiến hoá là một tiến trình chậm chạp và hiếm khi có thể thúc ép, dù các hoạt động của một cá nhân có thể được truyền cảm hứng bằng sự khích lệ và bằng sự giúp đỡ được trao đúng lúc.

“Cho đến nay anh mới chỉ thấy một khu vực rất nhỏ của thế giới cảm dục, khu vực thường do những người vừa mới rời khỏi thế giới này qua cánh cổng gọi là cái chết cư ngụ. Một khi anh đã thiết lập mình như một cư dân của thế giới cảm dục, anh hiếm khi đến thăm những nơi như thế, nhưng anh có thể đi nếu muốn. thỉnh thoảng anh vẫn đi, chẳng hạn khi anh gặp những bạn bè hay thân nhân đặc biệt chết đi và vì thế cần một số trợ giúp từ những cư dân thường trú, đúng như cách anh cần sự

require help from friends living in a foreign country which you are visiting as a tourist or as a new settler.

“The astral world is divided into what are known as spheres, levels or sub-planes. It is necessary to know that such spheres exist or you will never be able to understand how the machinery of this world operates. Most teachers illustrate their point by asking their students to understand the densest sphere of the astral world as being the conditions which exist whilst standing on the ground. In this sphere there is a counterpart of everything that exists in the physical world; where there is a town or a building in the physical world, there also, in the astral matter, is the counterpart or reflection of that town or building, which you can see quite clearly when you function at the astral level in your astral body. Imagine the astral counterpart of Piccadilly Circus, London, which you visited a few nights ago, as representing the noisy lowest sphere. Then imagine a similar world, say one mile above the lowest world, to which one can transport oneself in a second's time by an effort of will; this corresponds to the second sphere of the astral world, less dense than the first sphere, but still rather materialistic and akin to physical plane conditions. If you were existing one mile above London, you might still hear something of the roar of London's traffic and noise that is always part of the life of a great city, but that would be only a murmur compared with the noise you hear standing on the ground floor, as it were. Now imagine a third sphere of consciousness yet another mile above the second sphere and you can visualise the probability that when you are living in the third sphere of the astral world you would be so far removed from the noise and bustle of London town, that you would not only be unaffected by its existence, but would be more

giúp đỡ từ những người bạn sống ở một xứ sở xa lạ mà anh đang thăm với tư cách du khách hay người định cư mới.

“Thế giới cảm dục được chia thành những gì được gọi là các khối cầu, các cấp độ hay các cõi phụ. Cần phải biết rằng những khối cầu như thế tồn tại, nếu không anh sẽ không bao giờ có thể hiểu được bộ máy của thế giới này vận hành như thế nào. Hầu hết các huấn sư minh họa quan điểm của mình bằng cách yêu cầu các đạo sinh hiểu khối cầu đậm đặc nhất của thế giới cảm dục như là những điều kiện tồn tại khi đứng trên mặt đất. Trong khối cầu này có một đối phần của mọi thứ tồn tại trong thế giới hồng trần; nơi nào có một thị trấn hay một tòa nhà trong thế giới hồng trần, thì ở đó, trong vật chất cảm dục, cũng có đối phần hay phản ảnh của thị trấn hay tòa nhà ấy, mà anh có thể thấy khá rõ khi anh hoạt động ở cấp độ cảm dục trong thể cảm dục của mình. Hãy hình dung đối phần cảm dục của Piccadilly Circus, Luân Đôn, nơi anh đã đến thăm vài đêm trước, như tượng trưng cho khối cầu thấp nhất đầy ồn ào. Rồi hãy hình dung một thế giới tương tự, chẳng hạn ở phía trên thế giới thấp nhất một dặm, nơi người ta có thể chuyển mình đến đó trong một giây bằng một nỗ lực ý chí; điều này tương ứng với khối cầu thứ hai của thế giới cảm dục, ít đậm đặc hơn khối cầu thứ nhất, nhưng vẫn còn khá duy vật và gần với các điều kiện của cõi hồng trần. Nếu anh tồn tại ở độ cao một dặm phía trên Luân Đôn, anh có thể vẫn còn nghe được phần nào tiếng gầm của giao thông Luân Đôn và tiếng ồn luôn là một phần của đời sống một thành phố lớn, nhưng đó chỉ là tiếng rì rào so với tiếng ồn anh nghe khi đứng ở tầng trệt, có thể nói như vậy. Bây giờ hãy hình dung một khối cầu tâm thức thứ ba ở cao hơn khối cầu thứ hai thêm một dặm nữa, và anh có thể hình dung khả năng rằng khi anh sống trong khối cầu thứ ba của thế giới cảm dục, anh sẽ ở xa tiếng ồn và sự náo động của thành phố Luân Đôn đến mức không

or less unconscious of it.

“There are seven spheres of consciousness in the astral world, each less material than the one ‘below’ it, and permanent inhabitants can spend their astral lives on any of these spheres, according to their natural desires. For example, a man may spend a few weeks on the first sphere then the next two years on the second sphere, later passing to the third or fourth, as his habits and desires become less material and more artistic, intellectual or spiritual. Thus there is never any possibility of overcrowding in this world.

“In this physical world a man’s choice of where he will live is limited. On account of his work, through which he earns the money necessary for existing here, he may be forced to live in places which he could not otherwise choose. Many parts are uninhabitable owing to climate or other difficulties. A man cannot exist comfortably at either the North or the South Pole owing to extreme cold and other limitations such as lack of sunshine and daylight at certain times of the year; he cannot live in many of the existing deserts, owing to lack of water; he cannot live in the dense jungles, for there are wild beasts which must first be exterminated before it is safe to build a house to live in. In the astral world he does not encounter these limitations. The climate is the same at the North or South Poles as anywhere else on the astral plane, there is nowhere any limitation of daylight as the light is everywhere the same for twenty four hours of every day; in the desert he does not need water for his existence; if he wishes to live in the astral counterpart of the jungles he can—there are no wild beasts to attack him, for just as a man learns he cannot harm an animal in the

những không bị ảnh hưởng bởi sự tồn tại của nó mà còn ít nhiều không ý thức về nó.

“Có bảy khối cầu tâm thức trong thế giới cảm dục, mỗi khối cầu ít vật chất hơn khối cầu ‘bên dưới’ nó, và những cư dân thường trú có thể sống đời sống cảm dục của mình trên bất kỳ khối cầu nào trong số này, tùy theo những ham muốn tự nhiên của họ. Chẳng hạn, một người có thể sống vài tuần trên khối cầu thứ nhất rồi hai năm tiếp theo trên khối cầu thứ hai, sau đó chuyển sang khối cầu thứ ba hay thứ tư, khi các thói quen và ham muốn của y trở nên bớt vật chất hơn và mang tính nghệ thuật, trí tuệ hay tinh thần hơn. Vì vậy trong thế giới này không bao giờ có khả năng quá đông đúc.

“Trong thế giới hồng trần này, sự lựa chọn nơi mình sẽ sống của một người bị giới hạn. Vì công việc, nhờ đó y kiếm được số tiền cần thiết để tồn tại ở đây, y có thể bị buộc phải sống ở những nơi mà nếu không thì y đã không chọn. Nhiều vùng không thể cư trú được do khí hậu hay những khó khăn khác. Một người không thể sống thoải mái ở Bắc Cực hay Nam Cực vì quá lạnh và những giới hạn khác như thiếu ánh nắng và ánh sáng ban ngày vào những thời điểm nhất định trong năm; y không thể sống trong nhiều sa mạc hiện có vì thiếu nước; y không thể sống trong những khu rừng rậm rạp, vì có những thú dữ mà trước hết phải bị tiêu diệt thì mới an toàn để xây nhà mà ở. Trong thế giới cảm dục, y không gặp những giới hạn này. Khí hậu ở Bắc Cực hay Nam Cực cũng giống như ở bất cứ nơi nào khác trên cõi cảm dục, không nơi nào có giới hạn về ánh sáng ban ngày vì ánh sáng ở khắp nơi đều như nhau suốt hai mươi bốn giờ mỗi ngày; trong sa mạc y không cần nước để tồn tại; nếu y muốn sống trong đối phần cảm dục của các khu rừng rậm thì y có thể—không có thú dữ nào tấn công y, vì cũng như con người học được rằng mình không thể làm hại một con vật trong thế

astral world so the animals learn that they cannot harm man. In addition, there are seven spheres of consciousness to choose from, so it is always possible to obtain the conditions required to make practicable the type of life desired, amidst surroundings which are in accordance with a man's emotional, mental and spiritual development. Once you get a grasp of these different types of existence which make up the life which follows this one here it will be easy for you to see how all parts of the jigsaw puzzle fall perfectly into their places, and the Evolutionary Path becomes a logical sequence of events controlled by natural laws, sound in theory as well as in practice.

“All these facts are explained and taught in the schools which exist on some of the astral spheres and it is usually through these schools, which a man hears about in one way or another at the appropriate time, that the urge or desire to pass from one sphere to another is born. In these schools the astral entity is shown the way in which to transport himself from one level to another—the change being brought about through an effort of will made in a particular way; for although the matter of which an individual sphere is composed is different from the matter of which the other spheres are composed, our astral bodies include matter similar to that of all the spheres and it is only a question of making active the atoms in our bodies relative to the sphere concerned to enable us to function fully in the sphere chosen. A further point which the astral entity is taught is that a man functioning on the second sphere cannot contact or communicate with one functioning on the first sphere—nor a man on the third with one on the second. If a man living at the third level wishes for any reason to get into touch with a person living on the first level, he must again descend to the first level by an

giới cảm dục thì các con vật cũng học được rằng chúng không thể làm hại con người. Thêm vào đó, có bảy khối cầu tâm thức để lựa chọn, nên luôn luôn có thể đạt được những điều kiện cần thiết để làm cho kiểu sống mong muốn trở nên khả thi, giữa những hoàn cảnh phù hợp với sự phát triển cảm xúc, trí tuệ và tinh thần của một người. Một khi anh nắm được những kiểu tồn tại khác nhau này, những kiểu tạo nên đời sống tiếp nối đời sống này ở đây, anh sẽ dễ dàng thấy được cách mọi mảnh của trò ghép hình rơi hoàn hảo vào đúng chỗ của chúng, và Con Đường Tiến Hoá trở thành một chuỗi biến cố hợp lý được kiểm soát bởi các định luật tự nhiên, vững chắc cả về lý thuyết lẫn thực hành.

“Tất cả những sự kiện này đều được giải thích và giảng dạy trong các trường học tồn tại trên một số khối cầu cảm dục, và thường chính qua những trường này, mà một người nghe nói đến bằng cách này hay cách khác vào đúng thời điểm thích hợp, mà sự thôi thúc hay khát vọng chuyển từ khối cầu này sang khối cầu khác được sinh ra. Trong các trường này, thực thể cảm dục được chỉ cho cách tự chuyển mình từ cấp độ này sang cấp độ khác—sự thay đổi được mang lại qua một nỗ lực ý chí được thực hiện theo một cách đặc biệt; vì mặc dù vật chất cấu thành một khối cầu riêng biệt khác với vật chất cấu thành các khối cầu khác, các thể cảm dục của chúng ta bao gồm vật chất tương tự với vật chất của mọi khối cầu, và chỉ là vấn đề làm cho các nguyên tử trong thể của chúng ta tương ứng với khối cầu liên hệ trở nên hoạt động để cho phép chúng ta hoạt động trọn vẹn trong khối cầu đã chọn. Một điểm nữa mà thực thể cảm dục được dạy là một người hoạt động trên khối cầu thứ hai không thể tiếp xúc hay giao tiếp với một người hoạt động trên khối cầu thứ nhất—cũng như một người ở khối cầu thứ ba không thể với một người ở khối cầu thứ hai. Nếu một người sống ở cấp độ thứ ba vì lý do nào đó muốn tiếp xúc với một người sống ở

action of will, which, as I said, makes the first sphere atoms in his body become active again. The same process is applied when going 'up' or 'down.' The life expressed at the different spheres is separate and to all intents and purposes self-contained, in exactly the same way that life in England is separate and different from life in India. Both countries are part of the physical world; all spheres are part of the astral world, but they work separately and for very definite reasons. The most material part of the astral world—the densest part—is the sphere which surrounds you immediately after death, and whilst you live in this dense part of the astral world you see all the things around you that you saw when you were living in the physical world. Say you lived in London during your lifetime, it is more than probable that after death you would remain in the astral counterpart or reflection of London, merely because, to begin with, you want to remain in touch with something which you understand; you want to see people around you, and to have a perfect home where you can entertain friends as before. Then one day, perhaps a friend points out to you that life in town has few advantages in the astral world, and suggests that you see the beauties of the countryside. You can easily visualise the difference in atmosphere between an existence amongst the teeming millions which comprise a metropolis and the comparative peace of a country village, where the inhabitants are counted in dozens instead of thousands or millions. This is the second sphere which, for want of a better description, I have suggested should be thought of as being one title above the level of the first sphere, and where you would find many families happily carrying on their existence, with social intercourse and the usual things which go with the idea of the perfect country life.

cấp độ thứ nhất, y lại phải hạ xuống cấp độ thứ nhất bằng một hành động ý chí, điều mà như tôi đã nói, làm cho các nguyên tử của khối cầu thứ nhất trong thể y hoạt động trở lại. Cùng một tiến trình ấy được áp dụng khi đi 'lên' hay 'xuống'. Đời sống được biểu lộ ở các khối cầu khác nhau là tách biệt và về mọi phương diện thực tiễn là tự khép kín, đúng như cách đời sống ở Anh tách biệt và khác với đời sống ở Ấn Độ. Cả hai quốc gia đều là một phần của thế giới hồng trần; mọi khối cầu đều là một phần của thế giới cảm dục, nhưng chúng vận hành riêng biệt và vì những lý do rất xác định. Phần vật chất nhất của thế giới cảm dục—phần đậm đặc nhất—là khối cầu bao quanh anh ngay sau khi chết, và trong khi anh sống ở phần đậm đặc này của thế giới cảm dục, anh nhìn thấy mọi thứ quanh mình mà anh đã thấy khi còn sống trong thế giới hồng trần. Giả sử trong suốt đời mình anh sống ở Luân Đôn, thì rất có thể sau khi chết anh sẽ ở lại trong đối phần hay phản ảnh cảm dục của Luân Đôn, đơn giản vì lúc đầu anh muốn vẫn giữ liên hệ với điều gì đó mà anh hiểu; anh muốn thấy người chung quanh mình, và có một mái nhà hoàn hảo nơi anh có thể tiếp đãi bạn bè như trước. Rồi một ngày kia, có lẽ một người bạn chỉ ra cho anh rằng đời sống trong thành phố có ít lợi thế trong thế giới cảm dục, và gợi ý rằng anh nên ngắm vẻ đẹp của miền quê. Anh có thể dễ dàng hình dung sự khác biệt về bầu khí giữa một sự tồn tại giữa hàng triệu người chen chúc tạo thành một đô thị lớn và sự yên bình tương đối của một làng quê, nơi cư dân được tính bằng hàng chục thay vì hàng ngàn hay hàng triệu. Đó là khối cầu thứ hai mà, vì không có cách mô tả nào tốt hơn, tôi đã gợi ý nên nghĩ đến như ở cao hơn cấp độ của khối cầu thứ nhất một bậc, và nơi anh sẽ thấy nhiều gia đình hạnh phúc tiếp tục sự tồn tại của mình, với giao tiếp xã hội và những điều thường đi kèm với ý niệm về đời sống thôn quê lý tưởng.

“You can live in these spheres as long as you like. A very coarse and material type of person is happiest in the densest part of the astral world, for that part is nearest to and most like the physical world to which he is so attached, and here he continues to live a very limited existence. These are not spheres in which a developed person—a man who has some spiritual background—would be particularly happy were he forced to remain under these conditions for long. He is not so forced and, after passing through the purgatory period in which he is shown the results of the good and evil actions of this past life, the realisation of which influences his future character, he begins to feel an urge to get away from anything which is similar to the life that is over, and the revelation comes to him of the immense possibilities for interesting and profitable experiences which await him in the higher and less dense spheres of the astral world. Eventually he settles down to live his astral life surrounded by conditions which are in keeping with his actual development, this may be on the third sphere, where he meets the type of individual who is a creator—musicians, artists, scientists, etc.—or on the fourth sphere, where he can discuss world problems with men who have greater intellects than himself.

“When an astral entity of human origin reaches these spheres, he becomes aware that they are also inhabited by other entities which, he finds, are of non-human origin. It is important that you know something about these entities and their origin before you have further astral experiences, so I shall tell you something about them now. These entities comprise a parallel evolution called the deva or angel kingdom. They evolve in a similar way to the human kingdom, in that instead of individualising from the animal kingdom into the human, these entities, which previously

“Anh có thể sống trong những khối cầu này bao lâu tùy thích. Một loại người rất thô nặng và duy vật thì hạnh phúc nhất ở phần đậm đặc nhất của thế giới cảm dục, vì phần ấy gần nhất và giống nhất với thế giới hồng trần mà y gắn bó đến thế, và ở đây y tiếp tục sống một đời sống rất hạn hẹp. Đây không phải là những khối cầu mà một người phát triển—một người có một nền tảng tinh thần nào đó—sẽ đặc biệt hạnh phúc nếu bị buộc phải ở lại trong những điều kiện này lâu dài. Y không bị buộc như thế, và sau khi đi qua giai đoạn luyện ngục trong đó y được cho thấy kết quả của những hành động thiện và ác của kiếp sống vừa qua, sự chứng nghiệm về điều đó ảnh hưởng đến tính cách tương lai của y, y bắt đầu cảm thấy một thôi thúc muốn rời xa bất cứ điều gì giống với đời sống đã qua, và sự mặc khải đến với y về những khả thể bao la của những kinh nghiệm thú vị và hữu ích đang chờ y trong các khối cầu cao hơn và ít đậm đặc hơn của thế giới cảm dục. Cuối cùng y ổn định để sống đời sống cảm dục của mình giữa những điều kiện phù hợp với sự phát triển thực sự của mình, có thể là trên khối cầu thứ ba, nơi y gặp loại cá nhân là người sáng tạo—nhạc sĩ, nghệ sĩ, nhà khoa học, v.v.—hoặc trên khối cầu thứ tư, nơi y có thể thảo luận các vấn đề thế giới với những người có trí tuệ lớn hơn mình.

“Khi một thực thể cảm dục có nguồn gốc nhân loại đạt đến những khối cầu này, y nhận ra rằng chúng cũng có những thực thể khác cư ngụ mà y thấy là có nguồn gốc phi nhân loại. Điều quan trọng là anh phải biết đôi điều về những thực thể này và nguồn gốc của chúng trước khi anh có thêm những kinh nghiệm cảm dục, vì vậy bây giờ tôi sẽ kể cho anh nghe đôi điều về chúng. Những thực thể này tạo thành một tiến hoá song song gọi là giới thiên thần hay thiên thần. Chúng tiến hoá theo cách tương tự như giới nhân loại, ở chỗ thay vì biệt ngã hóa từ giới động vật vào giới nhân loại,

were seen and known as insects, fish or birds, individualise into elementals, nature-spirits and devas or angels. When the time comes for a bird or fish to progress to the next stage of its development, it becomes either an elemental or a nature-spirit, according to its type in the physical world.

“You will remember when I took you under the sea on your first astral journey, I showed you some of the elementals that live at the bottom of the ocean. Originally these were fish, and in their natural journey towards their goal of perfection, they have to change from fish to elementals in just the same way that dogs, cats, horses etc. change from their animal types into the unevolved types of humans that we know of in the world. Birds, for example, turn into nature spirits—fairies they are sometimes called—and both these elementals and nature spirits, after many progressive lives, reach a stage where they become what the world describes as devas or angels.

“Now there is a great difference between the two evolutions in that the deva evolution does not inhabit the physical world after the fish or bird has progressed to the elemental or nature spirit stage. It only inhabits the astral and mental worlds and apart from the lower elementals and very junior or unevolved types of nature spirits they do not live below the third sphere of that astral world. That is why so little is known of this evolution by people living in the physical world. They hardly contact it, as far as the ordinary individual is concerned, though human beings who have developed the dormant sense of clairvoyance can of course see these creatures even at the physical level, for there is no closed door to the clairvoyant between the astral and the physical worlds of consciousness. But as I

những thực thể này, vốn trước kia được thấy và biết đến như côn trùng, cá hay chim, lại biệt ngã hóa thành hành khí, tinh linh tự nhiên và thiên thần hay thiên thần. Khi đến lúc một con chim hay con cá tiến lên giai đoạn kế tiếp của sự phát triển của nó, nó trở thành hoặc một hành khí hoặc một tinh linh tự nhiên, tùy theo loại của nó trong thế giới hồng trần.

“Anh hẳn còn nhớ khi tôi đưa anh xuống dưới biển trong chuyến du hành cảm dục đầu tiên của anh, tôi đã chỉ cho anh thấy một số hành khí sống ở đáy đại dương. Nguyên thủy chúng là cá, và trong hành trình tự nhiên hướng tới mục tiêu hoàn thiện của mình, chúng phải chuyển từ cá thành hành khí đứng như cách chó, mèo, ngựa v.v. chuyển từ loại động vật của chúng thành những loại người chưa tiến hoá mà chúng ta biết trong thế giới. Chẳng hạn, chim biến thành tinh linh tự nhiên—đôi khi chúng được gọi là tiên—và cả những hành khí lẫn tinh linh tự nhiên này, sau nhiều kiếp sống tiến bộ, đạt đến một giai đoạn mà chúng trở thành điều mà thế giới mô tả là thiên thần hay thiên thần.

“Giờ đây có một khác biệt lớn giữa hai cuộc tiến hoá ở chỗ tiến hoá thiên thần không cư ngụ trong thế giới hồng trần sau khi cá hay chim đã tiến lên giai đoạn hành khí hay tinh linh tự nhiên. Nó chỉ cư ngụ trong các thế giới cảm dục và trí tuệ, và ngoài các hành khí thấp cùng những loại tinh linh tự nhiên rất non trẻ hay chưa tiến hoá, chúng không sống dưới khối cầu thứ ba của thế giới cảm dục ấy. Đó là lý do vì sao người sống trong thế giới hồng trần biết quá ít về cuộc tiến hoá này. Họ hầu như không tiếp xúc với nó, xét theo cá nhân bình thường, dù dĩ nhiên những con người đã phát triển giác quan tiềm ẩn của thông nhãn có thể thấy những sinh thể này ngay cả ở cấp độ hồng trần, vì đối với nhà thông nhãn không có cánh cửa khép kín nào giữa các thế giới tâm thức cảm dục và hồng trần. Nhưng như tôi đã nói,

have said, the average man has no such knowledge and usually he ridicules the stories that are circulated, concerning the existence of such entities.

“It is only in undeveloped countries, where the inhabitants are nearer to nature than the average, that the ‘little people’ as fairies and nature spirits are called in Ireland, are recognised. There, although the majority of people have never seen them, the leprechauns, gnomes and elves are acknowledged to exist. To this day many farmers refuse to till a particular piece of land, which folklore maintains is used by the fairies. Many are the stories that are told, where materialistic modern owners of the land, scoffing at the old stories as rubbish and superstition, have suffered misfortune which the local inhabitants put down to their having insulted the little people. I do not propose to comment on whether these ‘bad luck’ stories are founded on fact or not, for frankly, it would be impossible to give any general opinion on the subject. Each case would have to be separately investigated, in order to ascertain the truth, and it does not happen to be my present task to make such investigations. I tell you, however, that on the astral plane these entities not only exist, but they play an important part in the life of the astral world, and after death, when you reach the third and higher spheres, you will not only see them for yourself, but will have contact with them as I shall describe.

“When a man passes to the fourth sphere he would at first be impressed by the entire absence of what might be described as activity. He would meet people there of course and, if he had not already met them in his past physical life, be introduced to them in exactly the same way as people are introduced in the physical world. He would be welcomed as a

người bình thường không có tri thức như thế và thường chế giễu những câu chuyện được truyền đi về sự tồn tại của các thực thể như vậy.

“Chỉ ở những xứ sở chưa phát triển, nơi cư dân gần với thiên nhiên hơn mức trung bình, thì ‘những người bé nhỏ’ như tiên và tinh linh tự nhiên được gọi ở Ireland mới được thừa nhận. Ở đó, dù đa số người dân chưa từng thấy họ, những leprechaun, gnome và elf vẫn được công nhận là có tồn tại. Cho đến ngày nay nhiều nông dân vẫn từ chối cày cấy một mảnh đất nào đó mà truyền thuyết dân gian cho rằng được các tiên sử dụng. Có rất nhiều câu chuyện được kể lại, trong đó những chủ đất hiện đại duy vật, chế nhạo các câu chuyện cổ là rác rưởi và mê tín, đã gặp bất hạnh mà cư dân địa phương quy cho việc họ đã xúc phạm những người bé nhỏ. Tôi không định bình luận xem những câu chuyện “xui xẻo” này có dựa trên sự thật hay không, vì thành thật mà nói, không thể đưa ra bất kỳ ý kiến tổng quát nào về đề tài ấy. Mỗi trường hợp sẽ phải được điều tra riêng để xác định sự thật, và việc thực hiện những cuộc điều tra như thế không phải là nhiệm vụ hiện tại của tôi. Tuy nhiên, tôi nói với anh rằng trên cõi cảm dục những thực thể này không những tồn tại mà còn đóng một vai trò quan trọng trong đời sống của thế giới cảm dục, và sau khi chết, khi anh đạt đến khối cầu thứ ba và cao hơn, anh không những sẽ tự mình thấy chúng mà còn sẽ tiếp xúc với chúng như tôi sẽ mô tả.

“Khi một người chuyển sang khối cầu thứ tư, lúc đầu y sẽ bị ấn tượng bởi sự vắng mặt hoàn toàn của điều có thể được mô tả là hoạt động. Dĩ nhiên y sẽ gặp người ở đó và, nếu chưa từng gặp họ trong đời sống hồng trần trước đây của mình, sẽ được giới thiệu với họ đúng như cách người ta được giới thiệu trong thế giới hồng trần. Y sẽ được những cư dân thường trú của

man of similar interests to themselves by the permanent inhabitants of that sphere who know that he could not have progressed as far as the fourth sphere unless he had the necessary desire and qualifications to enable him to function there. Instead of physical activity he would find much mental activity, for the main interest of the inhabitants there is discussing international and evolutionary problems—discussions relating to the development of science, discussions relating to the parallel evolution of the deva kingdom with its great differences from our evolution and so on—or the formulating of theories, which they endeavour to test out. All this may sound very dull to you, but to an intellectual type of individual, it is not dull at all. Of course the people one meets vary intellectually and those who have the finest intellects—who are actually the older and more experienced souls—take the lead in the discussions, as is natural for them to do. In many cases, members of the deva kingdom join the deliberations, though intercommunication in such instances is not made through the medium of words, for although not yet living in the mental world—where everything is governed by thoughts—it is found that in the higher levels of the astral world conversations can be carried on without the actual use of words. Life is so much less material there that the possibilities of exchange of thoughts comes quite naturally and there is no question of such things being considered either marvellous or extraordinary.

“You must remember that the devas who inhabit the fourth sphere of the astral world are also evolved beings—as different from the low-type elementals and nature spirits as evolved men are different from the low types of coolies met with in the physical world. The mental outlook of a deva is quite different from the mental outlook of a human; the deva

khối cầu ấy, những người biết rằng y không thể tiến xa đến khối cầu thứ tư nếu không có khát vọng và phẩm chất cần thiết để hoạt động ở đó, chào đón như một người có những mối quan tâm tương tự họ. Thay vì hoạt động hồng trần, y sẽ thấy nhiều hoạt động trí tuệ, vì mối quan tâm chính của cư dân ở đó là thảo luận các vấn đề quốc tế và tiến hoá—những cuộc thảo luận liên quan đến sự phát triển của khoa học, những cuộc thảo luận liên quan đến cuộc tiến hoá song song của giới thiên thần với những khác biệt lớn lao của nó so với cuộc tiến hoá của chúng ta, v.v.—hoặc việc hình thành các lý thuyết mà họ cố gắng kiểm nghiệm. Tất cả điều này có thể nghe rất buồn tẻ đối với anh, nhưng đối với một loại cá nhân trí tuệ thì hoàn toàn không buồn tẻ chút nào. Dĩ nhiên những người ta gặp khác nhau về mặt trí tuệ và những người có trí tuệ tinh anh nhất—thực ra là những linh hồn già hơn và nhiều kinh nghiệm hơn—sẽ dẫn dắt các cuộc thảo luận, như điều tự nhiên họ phải làm. Trong nhiều trường hợp, các thành viên của giới thiên thần tham gia vào các cuộc nghị luận, dù trong những trường hợp như thế sự giao tiếp không được thực hiện qua trung gian của lời nói, vì mặc dù chưa sống trong thế giới trí tuệ—nơi mọi thứ được chi phối bởi tư tưởng—người ta nhận thấy rằng ở các cấp độ cao hơn của thế giới cảm dục, các cuộc trò chuyện có thể được tiến hành mà không cần thực sự dùng lời. Đời sống ở đó ít vật chất hơn rất nhiều nên khả thể trao đổi tư tưởng đến một cách hoàn toàn tự nhiên và không hề có chuyện những điều như thế bị xem là kỳ diệu hay phi thường.

“Anh phải nhớ rằng các thiên thần cư ngụ ở khối cầu thứ tư của thế giới cảm dục cũng là những hữu thể tiến hoá—khác với những hành khí và tinh linh tự nhiên loại thấp cũng như những người tiến hoá khác với những loại phu khuân vác thấp kém gặp trong thế giới hồng trần. Cái nhìn trí tuệ của một thiên thần hoàn toàn khác với cái nhìn trí tuệ của một con

is mostly interested in the processes of nature. Their lives are so mixed up with natural features—oceans, mountains, trees, flowers, rainfall and the like—that they do not seem to be the slightest bit affected by the problems of life, which interest mankind except in special cases where their assistance is desired. Although the growth or decline of nations does not touch them, the progress of plant life, the scientific research work whereby nature provides man with his physical needs, interests them greatly. There is an evolved deva in charge of each different type of tree, shrub or flower. Under these ‘controllers’ work thousand of assistants, all of whom seem to have their special duties. Where too many trees are cut down by the inroads of so-called civilisation, the deva evolution endeavours to produce new trees to take the place of those destroyed. The experiments of modern science, in such efforts as producing rain by artificial means, are matters of great interest to the deva kingdom, and in their own way they endeavour to influence man in his research activities, along the right lines.

“The deva kingdom expresses itself through colour, and anyone who is interested in landscape gardening will see marvellous results achieved by the devas in their activities on the third and fourth spheres of the astral world. In exactly the same way that a scientific gardener in the physical world endeavours to produce flowers of different colours by judicious grafting and pollination, the deva experiments also and, as his knowledge is so much greater in that he is nearer to nature than his human counterpart, produces much more beautiful results. It is quite impossible to describe in words the

người; thiên thần phần lớn quan tâm đến các tiến trình của thiên nhiên. Đời sống của họ gắn bó đến mức với các đặc điểm tự nhiên—đại dương, núi non, cây cối, hoa lá, mưa rơi và những thứ tương tự—đến nỗi họ dường như không hề bị ảnh hưởng chút nào bởi những vấn đề của đời sống vốn khiến nhân loại quan tâm, trừ những trường hợp đặc biệt khi sự trợ giúp của họ được mong muốn. Mặc dù sự tăng trưởng hay suy tàn của các quốc gia không chạm đến họ, sự tiến bộ của đời sống thực vật, công trình nghiên cứu khoa học nhờ đó thiên nhiên cung cấp cho con người những nhu cầu hồng trần của mình, lại khiến họ rất quan tâm. Có một thiên thần tiến hoá phụ trách mỗi loại cây, bụi cây hay hoa khác nhau. Dưới các ‘điều hành viên’ này làm việc hàng ngàn trợ tá, tất cả dường như đều có những nhiệm vụ chuyên biệt của mình. Nơi nào quá nhiều cây bị đốn hạ bởi sự xâm lấn của cái gọi là văn minh, cuộc tiến hoá thiên thần cố gắng tạo ra những cây mới để thay thế những cây đã bị phá hủy. Những thí nghiệm của khoa học hiện đại, trong những nỗ lực như tạo mưa bằng phương tiện nhân tạo, là những vấn đề rất được giới thiên thần quan tâm, và theo cách riêng của mình họ cố gắng tác động lên con người trong các hoạt động nghiên cứu của họ, theo những đường hướng đúng đắn.

“Giới thiên thần biểu lộ chính mình qua màu sắc, và bất cứ ai quan tâm đến nghệ thuật làm vườn phong cảnh sẽ thấy những kết quả kỳ diệu do các thiên thần đạt được trong các hoạt động của họ trên khối cầu thứ ba và thứ tư của thế giới cảm dục. Đúng như cách một người làm vườn khoa học trong thế giới hồng trần cố gắng tạo ra những bông hoa có màu sắc khác nhau bằng cách ghép cành và thụ phấn chéo léo, thiên thần cũng thí nghiệm, và vì tri thức của y lớn hơn rất nhiều do y gần với thiên nhiên hơn đối phần nhân loại của mình, nên tạo ra những kết quả đẹp hơn nhiều. Hoàn toàn không thể mô tả bằng lời vẻ đẹp của

beauty of the flowers produced by the deva kingdom, for there are many hundreds of colours where we only have dozens, and we have no names for these minute variations of what we call reds, blues and purples.

“The devas also seem to express themselves in sound, with a view to influencing the activities of life. We often talk about producing the right atmosphere, and what we mean by that, usually, is getting people into a harmonious frame of mind. The devas express themselves as an evolution in a much bigger way and that which is called deva music is the result. Large numbers of devas gather together in woods and dells, using weird wood instruments to produce the most beautiful sounds, always in perfect harmony. Their voices seem to be pitched much higher than human voices, but are much softer; they do not use words as we understand words. They sing mostly in huge choirs, but there are also soloists who from time to time sing by themselves, the main choir remaining silent whilst the passage is being rendered. The soloists usually perch themselves on high trees some distance from the main choir and the result is absolutely amazing to our ears. It is quite impossible to give an adequate description of these ‘concerts’ to anyone who has not heard them, but undoubtedly they produce an atmosphere which the devas say affects the whole human race. It is probably their way of expressing peace and goodwill to all men, for they certainly could never understand the differences of opinion in the world that can lead to such things as modern wars.

“The deva has no possessions, as we understand possessions, nor does he need any. From his early days as a nature spirit he does not have to earn money in order to support

những bông hoa do giới thiên thần tạo ra, vì có hàng trăm màu sắc nơi chúng ta chỉ có hàng chục, và chúng ta không có tên cho những biến thể tinh vi ấy của điều chúng ta gọi là đỏ, xanh lam và tím.

“Các thiên thần dường như cũng biểu lộ chính mình trong âm thanh, với mục đích tác động đến các hoạt động của sự sống. Chúng ta thường nói về việc tạo ra đúng bầu khí, và điều chúng ta thường muốn nói là đưa con người vào một trạng thái tâm trí hài hòa. Các thiên thần biểu lộ chính mình như một cuộc tiến hoá theo một cách lớn lao hơn nhiều và điều được gọi là âm nhạc thiên thần là kết quả. Rất đông thiên thần tụ họp trong rừng cây và khe suối, dùng những nhạc cụ gỗ kỳ lạ để tạo ra những âm thanh đẹp nhất, luôn luôn trong sự hòa điệu hoàn hảo. Giọng của họ dường như cao hơn nhiều so với giọng người, nhưng lại mềm hơn nhiều; họ không dùng lời theo cách chúng ta hiểu lời. Họ chủ yếu hát trong những dàn hợp xướng lớn, nhưng cũng có những giọng đơn ca thỉnh thoảng tự mình cất tiếng hát, trong khi dàn hợp xướng chính giữ im lặng lúc đoạn ấy được trình bày. Những giọng đơn ca thường đậu trên những cây cao cách xa dàn hợp xướng chính một quãng và kết quả đối với tai chúng ta thật hoàn toàn kỳ diệu. Hoàn toàn không thể đưa ra một mô tả đầy đủ về những ‘buổi hòa nhạc’ này cho bất cứ ai chưa từng nghe chúng, nhưng chắc chắn chúng tạo ra một bầu khí mà các thiên thần nói là ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại. Có lẽ đó là cách họ biểu lộ hòa bình và thiện chí đối với mọi người, vì chắc chắn họ không bao giờ có thể hiểu được những khác biệt quan trọng trong thế giới có thể dẫn đến những điều như các cuộc chiến tranh hiện đại.

“Thiên thần không có sở hữu, theo cách chúng ta hiểu về sở hữu, và y cũng không cần bất cứ thứ gì. Ngay từ những ngày đầu là một tinh linh tự nhiên, y không phải kiếm tiền để tự

himself and so, perhaps, he can be considered more fortunate than his human counterpart.

“Although these devas do not seem to laugh or enjoy themselves in ways that we understand, they are only too willing to be friendly and helpful to men when called upon. In some ways they do not seem to be interested in human affairs at all, yet in special cases, where earthquakes or volcanic eruptions have taken place, they seem to have their special work to do, for anything to do with nature, land, sea, flora or fauna, is their world. An earthquake or volcanic eruption is a natural phenomenon affecting part of the earth’s surface. When these tragedies take place, large numbers of devas are sent to help where they can. What exactly they do, I cannot tell you, but they certainly have their part to play in the scheme of things and one day I expect we shall know more about their work than we do today.

“They also play their part in helping with human emotions. As I have said, bodily illness is quite unknown under astral conditions, but emotional upsets, where people become extremely depressed, occur, for the astral world is the world of emotion and the astral body is our vehicle of emotional consciousness. In such cases, the devas seem to nurse depressed people back to emotional health. They soothe the people and bring them into touch with their divine music, the effect of which on one who is not very happy is very marked indeed. It is not often that one sees a really unhappy individual in the astral world, for the conditions there make it difficult to be unhappy, but there are cases where people are troubled, and the deva people then act as doctors and nurses in a very effective way.

nuôi sống mình và vì thế, có lẽ y có thể được xem là may mắn hơn đối phần nhân loại của mình.

“Mặc dù các thiên thần này dường như không cười hay vui hưởng theo những cách mà chúng ta hiểu, họ lại hết sức sẵn lòng thân thiện và giúp đỡ con người khi được kêu gọi. Ở một số phương diện, họ dường như hoàn toàn không quan tâm đến các công việc của con người, tuy nhiên trong những trường hợp đặc biệt, khi động đất hay núi lửa phun trào xảy ra, họ dường như có công việc riêng của mình phải làm, vì bất cứ điều gì liên quan đến thiên nhiên, đất đai, biển cả, thực vật hay động vật đều là thế giới của họ. Một trận động đất hay một vụ phun trào núi lửa là một hiện tượng tự nhiên ảnh hưởng đến một phần bề mặt trái đất. Khi những thảm kịch ấy xảy ra, rất nhiều thiên thần được phái đến để giúp đỡ ở nơi nào họ có thể. Chính xác họ làm gì thì tôi không thể nói với anh, nhưng chắc chắn họ có phần việc của mình trong mô hình của vạn vật và tôi mong rằng một ngày nào đó chúng ta sẽ biết nhiều hơn về công việc của họ so với ngày nay.

“Họ cũng góp phần của mình trong việc giúp đỡ các cảm xúc của con người. Như tôi đã nói, bệnh tật của thể xác hoàn toàn không được biết đến trong các điều kiện cảm dục, nhưng những xáo trộn cảm xúc, khi con người trở nên cực kỳ suy sụp, thì có xảy ra, vì thế giới cảm dục là thế giới của cảm xúc và thể cảm dục là vận cụ của tâm thức cảm xúc của chúng ta. Trong những trường hợp như vậy, các thiên thần dường như chăm sóc những người suy sụp để đưa họ trở lại tình trạng lành mạnh về cảm xúc. Họ xoa dịu con người và đưa họ tiếp xúc với âm nhạc thiêng liêng của mình, mà hiệu quả của nó đối với một người không được hạnh phúc quả thật là rất rõ rệt. Không thường khi người ta thấy một cá nhân thực sự bất hạnh trong cõi cảm dục, vì các điều kiện ở đó khiến cho việc bất hạnh trở nên khó khăn,

“I have given you sufficient to think about before I take you on your second astral journey, so I shall not visit you tomorrow but shall come again in three days’ time. I am leaving another tablet with you; take it as before, when you go to bed tomorrow night—then you will certainly be asleep by 10 o’clock. I shall meet you at the moment that you go to sleep. Do not eat any meat or drink alcohol between now and then, and when you wake up in the morning, the day after tomorrow, write down immediately all that you remember. I shall help you to remember, as I did before. Today, write up your notes of this talk; tomorrow study all your notes up to date, and tomorrow evening we will journey together in our astral bodies. Expect me at 11 o’clock on the following day, when I hope you will have a full account of your experiences ready for me. I leave you now.”

What a morning! The weather was exceedingly warm and humid and my Indian friend had talked for longer than he usually does, though what he said has been even more interesting than it has been on the days that have gone before. He is opening up a new vision of life in the world that follows this, which, if true, certainly makes the contacting of that world even more interesting than it was before. Not only am I excited at the prospect of another astral journey, but if this trip turns out to be equally thrilling to the one I had last week, then it will be wonderful indeed.

I do not remember having seen Charles since that memorable night and somehow I have not been in any way worried about this, for now I know that he is all right. The absence of

nhưng vẫn có những trường hợp con người bị phiền não, và khi ấy dân thiên thần hành động như những bác sĩ và y tá một cách rất hiệu quả.

“Tôi đã cho anh đủ điều để suy nghĩ trước khi tôi đưa anh vào chuyến du hành cảm dục thứ hai, vì vậy ngày mai tôi sẽ không đến thăm anh mà sẽ trở lại sau ba ngày nữa. Tôi để lại cho anh một viên thuốc khác; hãy dùng nó như trước, khi anh đi ngủ vào tối mai—khi đó chắc chắn anh sẽ ngủ vào lúc 10 giờ. Tôi sẽ gặp anh vào đúng khoảnh khắc anh đi vào giấc ngủ. Từ nay đến lúc đó đừng ăn thịt hay uống rượu, và khi anh thức dậy vào buổi sáng, ngày mốt, hãy lập tức ghi lại tất cả những gì anh nhớ được. Tôi sẽ giúp anh nhớ lại, như tôi đã làm trước đây. Hôm nay, hãy viết lại các ghi chép của anh về cuộc nói chuyện này; ngày mai hãy học lại tất cả các ghi chép của anh cho đến nay, và tối mai chúng ta sẽ cùng du hành trong các thể cảm dục của mình. Hãy đợi tôi vào 11 giờ của ngày hôm sau, khi tôi hy vọng anh sẽ có sẵn cho tôi một bản tường thuật đầy đủ về những kinh nghiệm của anh. Giờ tôi rời anh đây.”

Thật là một buổi sáng! Thời tiết cực kỳ nóng và ẩm, và người bạn Ấn Độ của tôi đã nói lâu hơn thường lệ, mặc dù điều ông nói còn thú vị hơn cả những ngày trước. Ông đang mở ra một tầm nhìn mới về sự sống trong thế giới tiếp theo thế giới này, mà nếu là thật, thì chắc chắn khiến việc tiếp xúc với thế giới ấy còn thú vị hơn trước nữa. Tôi không chỉ háo hức trước viễn cảnh của một chuyến du hành cảm dục khác, mà nếu chuyến đi này cũng hồi hộp như chuyến tôi đã có tuần trước, thì quả thật sẽ tuyệt vời biết bao.

Tôi không nhớ là mình đã gặp Charles kể từ đêm đáng nhớ ấy, và bằng cách nào đó tôi hoàn toàn không lo lắng về điều này, vì giờ đây tôi biết rằng nó vẫn ổn. Sự vắng mặt của sự hiện

his physical presence worries me no more; I am no longer sad; I feel that at any time I can contact him if the need is great and also there is the feeling which amounts to a certainty, that he is not gone from us, that he is still very much in the land of the living. What this means to me is difficult to describe in mere words, but I am already beginning to want to talk to other people who are sad for the same reason that I was sad, to comfort them and explain something of this scheme which seems to rule the Universe. Perhaps that is one of the reasons why I have been helped, for the urge to pass on this information to others, and have the capacity for giving them proof such as my Indian friend is able to give me, is very strong within me. Possibly one day I shall be able to put my urge into effect.

The next evening I went to the cinema and as it was a thriller, it held my interest for a couple of hours. I went to bed immediately I returned and tried the trick of imagining a mirror over my bed just before I settled myself for sleep. This time I did get a little result, for at the moment of losing consciousness I remember finding myself standing in my bedroom and there, sure enough, was my body lying peacefully on the bed. I remember, distinctly, starting to open my bedroom door; even as I put my hand on the knob, I found that I was, as it were, half through the door and immediately I remembered that doors are no obstacle to the astral body, so I wandered forth. I glided down the stairs a foot or so above the steps and I recollect this because I lowered my head so as to miss the overhang at the point where the stairs turn the corner. Of course bowing my head was quite unnecessary, but it was instinctive on my part. I went through the front door and floated gently towards the harbour and sea. The next thing I remember was waking up this

diện hồng trần của nó không còn làm tôi bận tâm nữa; tôi không còn buồn nữa; tôi cảm thấy rằng bất cứ lúc nào tôi *cũng có thể* tiếp xúc với nó nếu nhu cầu đủ lớn, và cũng có cảm giác gần như là một điều chắc chắn rằng nó *không* rời xa chúng tôi, rằng nó vẫn còn rất thực sự ở trong cõi của người sống. Điều này có ý nghĩa gì đối với tôi thì khó mà diễn tả bằng lời lẽ thông thường, nhưng tôi đã bắt đầu muốn nói chuyện với những người khác đang buồn vì cùng lý do như tôi đã buồn, để an ủi họ và giải thích đôi điều về mô hình đường như cai quản Vũ Trụ này. Có lẽ đó là một trong những lý do khiến tôi được giúp đỡ, vì thôi thúc truyền đạt thông tin này cho người khác, và có khả năng đưa cho họ bằng chứng như người bạn Ấn Độ của tôi có thể đưa cho tôi, đang rất mạnh mẽ trong tôi. Có thể một ngày nào đó tôi sẽ thực hiện được thôi thúc ấy.

Tối hôm sau tôi đi xem phim và vì đó là một phim ly kỳ nên nó giữ được sự chú ý của tôi trong vài giờ. Tôi đi ngủ ngay khi trở về và thử mẹo hình dung một chiếc gương phía trên giường ngay trước khi tôi yên vị để ngủ. Lần này tôi quả thật có được một chút kết quả, vì vào lúc mất tâm thức tôi nhớ là mình thấy mình đang đứng trong phòng ngủ và ở đó, quả nhiên, là thể xác của tôi đang nằm yên bình trên giường. Tôi nhớ rõ ràng là mình bắt đầu mở cửa phòng ngủ; ngay khi đặt tay lên nắm cửa, tôi thấy mình, có thể nói như vậy, đã đi nửa người xuyên qua cánh cửa và lập tức nhớ ra rằng cửa không phải là chướng ngại đối với thể cảm dục, nên tôi đi ra ngoài. Tôi lướt xuống cầu thang cách các bậc chừng một bộ, và tôi nhớ điều này vì tôi đã cúi đầu xuống để tránh phần nhô ra ở chỗ cầu thang quẹo góc. Dĩ nhiên việc cúi đầu là hoàn toàn không cần thiết, nhưng đó là phản ứng bản năng của tôi. Tôi đi xuyên qua cửa trước và nhẹ nhàng trôi về phía bến cảng và biển. Điều tiếp theo tôi nhớ là sáng nay thức dậy vào giờ thường lệ. Tôi nằm hoàn toàn yên, đào sâu vào tâm thức bên

morning at the usual hour. I lay quite still delving deeply into my inner consciousness, but nothing more than the few details that started off my night's rambling could I recall. Never mind, even that is something, and I am rather thrilled to find that without help I was able to retain continuity of consciousness at the moment of going to sleep and even remember the first stage of my astral journeyings.

It is 9:30 p.m.; I have finished my light dinner. I am now going to take the tablet and get into bed. What will I experience this time?

Chapter 7

This time I do not seem to have been asleep at all! When I realised this morning that I was again in my body, the remembrance of everything that had taken place was clear in my brain—just as if I had been to a theatre and had been asked to write down all the details of the play. Thus I was able to settle down with my pad and pencil and record faithfully everything that had happened.

After taking the tablet, I looked at my little French clock whose hands stood at 9:42 p.m. I did not try to go to sleep, but within a few minutes I found that I had slipped out of my body and was standing at the side of the bed with my sleeping form lying there upon it. Again I looked, and it was five minutes to ten. There was no one about and I walked round my room marvelling at the simplicity of what, on the occasion of my first astral journey, had struck me as extremely complicated. I did not attempt to leave my room for I remembered quite clearly that my Indian friend had said he would be here at 10 o'clock, so I awaited his coming, quite sure that he would not let me down. Next time I looked at my clock, it was

trong của mình, nhưng ngoài vài chi tiết đã mở đầu cho cuộc lang thang ban đêm của tôi, tôi không thể nhớ thêm gì nữa. Không sao, như thế cũng đã là một điều gì đó, và tôi khá phấn khích khi thấy rằng không cần trợ giúp tôi vẫn có thể giữ được sự liên tục của tâm thức vào lúc đi vào giấc ngủ và thậm chí còn nhớ được giai đoạn đầu của những cuộc du hành cảm dục của mình.

Bây giờ là 9 giờ 30 tối; tôi đã ăn xong bữa tối nhẹ. Giờ tôi sẽ uống viên thuốc và lên giường. Lần này tôi sẽ trải nghiệm điều gì?

Lần này tôi dường như hoàn toàn không ngủ chút nào! Khi sáng nay tôi nhận ra rằng mình lại ở trong thể xác, ký ức về mọi điều đã xảy ra hiện rõ trong bộ não tôi—y như thể tôi đã đi xem kịch và được yêu cầu ghi lại mọi chi tiết của vở diễn. Vì vậy tôi có thể ngồi xuống với tập giấy và cây bút chì của mình và trung thực ghi lại mọi điều đã xảy ra.

Sau khi uống viên thuốc, tôi nhìn chiếc đồng hồ Pháp nhỏ của mình, kim chỉ 9 giờ 42 tối. Tôi không cố đi ngủ, nhưng chỉ trong vài phút tôi thấy mình đã trượt ra khỏi thể xác và đang đứng bên giường với hình hài đang ngủ của mình nằm trên đó. Tôi lại nhìn, và lúc ấy là 10 giờ kém 5. Không có ai quanh đó và tôi đi quanh phòng, kinh ngạc trước sự đơn giản của điều mà trong dịp đầu tiên du hành cảm dục đã từng khiến tôi thấy cực kỳ phức tạp. Tôi không cố rời khỏi phòng vì tôi nhớ rất rõ rằng người bạn Ấn Độ của tôi đã nói ông sẽ ở đây lúc 10 giờ, nên tôi chờ ông đến, hoàn toàn chắc chắn rằng ông sẽ không làm tôi thất vọng. Lần tiếp theo tôi nhìn đồng hồ, đã là 10 giờ; vẫn không có gì xảy ra. Năm phút trôi qua và tôi tự

10 o'clock; still nothing happened. Five minutes passed and I wondered whether the whole thing was going to turn out a flop. I became more and more worried as the minutes ticked away, but refused to be tempted to experiment on my own, and just as I was about to look at my clock again, I heard the now familiar voice behind me saying: "Did you think I was going to disappoint you?"

My friend stated that he was late because he had been helping a particular friend of his who had died that morning. He said this man had dreaded dying and, although he had been ill for many months, he had fought death right up to the end. He explained that this was quite useless, as his time had come, and although he had probably kept life in his body for a few weeks by his extreme will power, in the end death had prevailed. The illness this man had suffered from, for months, had at last so weakened his physical body that it was impossible for the etheric matter to remain within it. He stated that he had been helping this man to get rid of his etheric vehicle, which he tried to keep with him; this being now the nearest thing to the physical life—the only life he understood. Getting the man to make the necessary effort of will to disconnect the etheric from the astral body, round which it had wound itself, had taken longer than usual.

"He's all right now," he said, "and I have left him with some astral helpers, who will probably wish to remain—until through practical experience he learns something about the Law."

I asked him what were we going to do this time; he replied that it was desirable I should first get experience of passing from the lower to the higher spheres. He took a lot of trouble in explaining to me that although he called them higher spheres, they were not actually

hỏi liệu toàn bộ chuyện này có hóa ra thất bại hay không. Tôi càng lúc càng lo lắng khi từng phút trôi đi, nhưng từ chối bị cám dỗ mà tự mình thử nghiệm, và đúng lúc tôi sắp nhìn đồng hồ lần nữa thì tôi nghe giọng nói nay đã quen thuộc phía sau mình cất lên: "Anh tưởng là tôi sẽ làm anh thất vọng sao?"

Bạn tôi nói rằng ông đến muộn vì ông đã giúp một người bạn đặc biệt của ông vừa qua đời sáng hôm đó. Ông nói người này đã rất sợ chết và, mặc dù đã bệnh nhiều tháng, ông ta vẫn chống lại cái chết cho đến tận cùng. Ông giải thích rằng điều đó hoàn toàn vô ích, vì thời điểm của ông ta đã đến, và mặc dù có lẽ ông ta đã giữ được sự sống trong thể xác thêm vài tuần nhờ ý chí cực mạnh, cuối cùng cái chết vẫn thắng thế. Căn bệnh mà người này chịu đựng suốt nhiều tháng cuối cùng đã làm thể xác của ông ta suy yếu đến mức chất liệu dĩ thái không thể ở lại trong đó được nữa. Ông nói rằng ông đã giúp người này loại bỏ vận cụ dĩ thái của mình, thứ mà ông ta cố giữ lại bên mình; vì đó lúc này là điều gần nhất với đời sống hồng trần—đời sống duy nhất mà ông ta hiểu. Việc khiến người ấy thực hiện nỗ lực ý chí cần thiết để tách thể dĩ thái ra khỏi thể cảm dục, quanh đó nó đã quán lấy, đã mất nhiều thời gian hơn thường lệ.

"Giờ ông ấy ổn rồi," ông nói, "và tôi đã để ông ấy lại với một số trợ giúp viên cảm dục, những người có lẽ sẽ muốn ở lại—cho đến khi qua kinh nghiệm thực tế ông ấy học được đôi điều về Định luật."

Tôi hỏi ông lần này chúng tôi sẽ làm gì; ông đáp rằng trước hết tôi nên có kinh nghiệm đi từ các khối cầu thấp lên các khối cầu cao hơn. Ông rất công phu giải thích cho tôi rằng mặc dù ông gọi chúng là các khối cầu cao hơn, chúng thực ra không ở phía trên nhau mà

above each other but rather all around us, being conditions of different density only.

He suggested we should start our expedition from London, so we set off as we had done the last time, and in no time slowed down over what was obviously land; almost at once I recognised the huge city below us as London. The objects we passed on our way were in no way clear; I could just distinguish between land and sea—it was as if we were looking at a moving picture of scenery which was being projected on to a screen at a very quick rate. There was no effort whatsoever in moving and although it took us what seemed to be less than a minute, we did not arrive breathless in any way.

We dropped down as before in Hyde Park; I was told that this was the best place to land as, although we were going to Piccadilly Circus, to land there could easily cause me to get frightened owing to the terrific traffic and the possibility of my feeling (quite erroneously) that I might get run over. If I were to get frightened in this way, my fear would be transmitted to my physical body on the bed in Colombo, which would immediately endeavour to attract its owner back to it. The fear having caused me in my astral body to return hurriedly to my natural form of consciousness, I should consequently awake with my heart thumping, probably remembering what I would describe as a beastly nightmare—one which need not resemble the actual facts at all—it might be that I had been run over, and the fright caused by such an imaginary happening could result in unruly beating of my heart, as fear generally reacts thus on the physical body. As we came to earth I saw the familiar setting I had so often seen in days gone by. It was a sunny evening and there were many people

đúng hơn là ở quanh chúng ta, chỉ là những điều kiện có mật độ khác nhau.

Ông gợi ý rằng chúng tôi nên bắt đầu chuyến đi từ Luân Đôn, nên chúng tôi lên đường như lần trước, và chỉ trong chốc lát đã chậm lại phía trên một nơi rõ ràng là đất liền; gần như ngay lập tức tôi nhận ra thành phố khổng lồ bên dưới là Luân Đôn. Những vật thể chúng tôi đi qua trên đường hoàn toàn không rõ ràng; tôi chỉ có thể phân biệt giữa đất và biển—như thể chúng tôi đang nhìn một bức phim phong cảnh chuyển động được phóng lên màn ảnh với tốc độ rất nhanh. Việc di chuyển hoàn toàn không cần chút nỗ lực nào và mặc dù đường như chỉ mất chưa đến một phút, chúng tôi cũng không hề đến nơi trong tình trạng hụt hơi.

Chúng tôi hạ xuống như trước ở Hyde Park; tôi được bảo rằng đây là nơi tốt nhất để đáp xuống vì, mặc dù chúng tôi sẽ đến Piccadilly Circus, nhưng đáp xuống đó có thể dễ khiến tôi sợ hãi do giao thông khủng khiếp và khả năng tôi cảm thấy (hoàn toàn sai lầm) rằng mình có thể bị cán qua. Nếu tôi sợ hãi theo cách ấy, nỗi sợ của tôi sẽ được truyền đến thể xác hồng trần đang nằm trên giường ở Colombo, và nó sẽ lập tức cố kéo chủ nhân của nó trở về. Vì nỗi sợ đã khiến tôi trong thể cảm dục vội trở về hình thức tâm thức tự nhiên của mình, nên hậu quả là tôi sẽ thức dậy với tim đập thình thịch, có lẽ nhớ lại điều mà tôi sẽ mô tả là một cơn ác mộng khủng khiếp—một cơn ác mộng chẳng cần phải giống với sự kiện thực chút nào—có thể là tôi đã bị cán qua, và nỗi kinh hoàng do một biến cố tưởng tượng như vậy gây ra có thể dẫn đến nhịp tim đập hỗn loạn, vì nỗi sợ thường phản ứng như thế lên thể xác. Khi chúng tôi xuống mặt đất, tôi thấy khung cảnh quen thuộc mà tôi đã rất thường thấy trong những ngày đã qua. Đó là một buổi chiều nắng đẹp và có nhiều người đi dạo ngoài trời. Trẻ con cùng mẹ hoặc người giữ trẻ đang chơi đùa như

out walking. Children with their mothers or nurses were playing about as usual, and not far off I could see the constant stream of traffic, cars, taxis and buses that passed down Park Lane towards Piccadilly and Hyde Park Corner.

I suggested walking down Oxford Street, and although the pavements were crowded with late shoppers on their way home, and shop assistants just released from their day's work, we were in no way hindered. As before, I felt the strange gossamer contact, perceptible every time I was forced to pass through a physical body, and it was quite difficult not to apologise. My friend, who did not like crowds, floated about two yards above the heads of passers by; I soon did the same and we came to earth again in Piccadilly Circus.

"Perhaps you would like to look at the scene of our last trip to London and see if you recognise any of the people in the foyer of the Trocadero?" he said. I agreed, and we strolled in. The lounge was just filling up with people waiting for friends, with waiters flitting hither and thither, taking and executing orders. I saw no one there whom I knew and no sign of either Charles or Roy Chapman; I wondered if the latter had become bored with the perpetual round of meals and drinks that did not have to be paid for, but I did not ask. My friend beckoned to me and I understood that he wished to go upstairs. I followed without question and soon we were in a corridor which had several doors leading off it. He entered one of these rooms, which turned out to be a bedroom, untenanted. We had of course gone through the door, so needed no key.

"Now," he said, "we had better be on our way. I came to this room so that we could be quiet,

thường lệ, và không xa lắm tôi có thể thấy dòng giao thông liên tục, xe hơi, taxi và xe buýt chạy dọc Park Lane về phía Piccadilly và Hyde Park Corner.

Tôi đề nghị đi bộ xuống phố Oxford, và mặc dù vỉa hè đông nghịt những người mua sắm muộn đang trên đường về nhà, cùng các nhân viên cửa hàng vừa tan làm, chúng tôi hoàn toàn không bị cản trở. Như trước, tôi cảm thấy sự tiếp xúc lạ lùng mỏng như tơ nhện, có thể cảm nhận được mỗi khi tôi buộc phải đi xuyên qua một thể xác hồng trần, và thật khá khó để không xin lỗi. Bạn tôi, người không thích đám đông, lơ lửng cách đầu những người qua đường chừng hai thước; tôi chẳng bao lâu cũng làm như vậy và chúng tôi lại hạ xuống đất ở Piccadilly Circus.

"Có lẽ anh muốn nhìn lại nơi xảy ra chuyến đi trước của chúng ta đến Luân Đôn và xem anh có nhận ra ai trong tiền sảnh của Trocadero không?" ông nói. Tôi đồng ý, và chúng tôi thông thả bước vào. Phòng khách vừa bắt đầu đầy người đang chờ bạn bè, với những người bồi bàn thoăn thoắt đi tới đi lui, nhận và thực hiện các yêu cầu. Tôi không thấy ai ở đó mà tôi quen biết và cũng không có dấu hiệu nào của Charles hay Roy Chapman; tôi tự hỏi liệu người sau có chán cái vòng lặp bất tận của những bữa ăn và đồ uống không phải trả tiền hay chưa, nhưng tôi không hỏi. Bạn tôi ra hiệu cho tôi và tôi hiểu rằng ông muốn đi lên lầu. Tôi theo ông không thắc mắc và chẳng bao lâu chúng tôi ở trong một hành lang có nhiều cánh cửa mở ra từ đó. Ông bước vào một trong những căn phòng ấy, hóa ra là một phòng ngủ, không có người ở. Dĩ nhiên chúng tôi đã đi xuyên qua cửa nên không cần chìa khóa.

"Bây giờ," ông nói, "tốt hơn là chúng ta nên tiếp tục lên đường. Tôi đến căn phòng này để

for I want you to realise that passing from the lowest sphere to the one less dense than this is quite a simple matter, only requiring an effort of will for it to become immediately effective. I want you to hold my hand and just wish to do what I do. You will not feel anything, but will notice that the scene around you changes gradually. The walls that seem to enclose us in this room will appear to melt, the furniture with which you are surrounded will slowly become vague and misty, and all the time you must let go, so that my will may dominate yours. Whatever happens do not be nervous for, if you panic at all you will very soon wake up in Colombo. Now are you ready?"

I replied that I was, and I experienced no fear at all, only interest. I held the hand of my friend firmly and tried my utmost to allow myself to be controlled by his will, and almost immediately the walls of the room became blurred and indistinct; the same applied to the furniture and, in less time than it takes me to record, we were standing in the open air, in a small field, and in the distance there was what looked like a typical English village.

"Now listen," he said, "and you will hear very distinctly a distant rumble. That is the roar of London town and it can just be heard because you are only one subplane or sphere away from what is the actual astral counterpart of the physical London you know so well. This is the second sphere of the astral world and you can see already that it is very much less material than the densest part of that world—the part to which you go immediately after death. Let us travel a little and you will see what I mean."

We started off, again floating gently a yard or so above the ground, till we came to the village which I had seen in the distance. It was very

chúng ta được yên tĩnh, vì tôi muốn anh nhận ra rằng việc đi từ khối cầu thấp nhất sang khối cầu ít đậm đặc hơn khối cầu này là một việc hết sức đơn giản, chỉ cần một nỗ lực ý chí là lập tức có hiệu quả. Tôi muốn anh nắm tay tôi và chỉ cần mong muốn làm điều tôi làm. Anh sẽ không cảm thấy gì cả, nhưng sẽ nhận thấy cảnh vật quanh anh thay đổi dần dần. Những bức tường dường như đang bao kín chúng ta trong căn phòng này sẽ có vẻ tan chảy, đồ đạc quanh anh sẽ từ từ trở nên mơ hồ và mờ sương, và suốt lúc đó anh phải buông lơi, để ý chí của tôi có thể chi phối ý chí của anh. Dù điều gì xảy ra cũng đừng lo lắng, vì nếu anh hoảng sợ chút nào thì rất nhanh anh sẽ thức dậy ở Colombo. Giờ anh sẵn sàng chưa?"

Tôi đáp là rồi, và tôi hoàn toàn không thấy sợ, chỉ thấy hứng thú. Tôi nắm chặt tay bạn mình và cố hết sức để cho mình được điều khiển bởi ý chí của ông, và gần như ngay lập tức các bức tường của căn phòng trở nên nhòe và không rõ; đồ đạc cũng vậy, và trong thời gian còn ngắn hơn cả lúc tôi ghi lại điều này, chúng tôi đã đứng ngoài trời, trong một cánh đồng nhỏ, và ở phía xa là thứ trông giống như một ngôi làng Anh điển hình.

"Bây giờ hãy lắng nghe," ông nói, "và anh sẽ nghe rất rõ một tiếng ầm xa xa. Đó là tiếng gầm của thành phố Luân Đôn và người ta chỉ vừa đủ nghe được vì anh chỉ cách một cõi phụ hay một khối cầu so với đối phần cảm dục thực sự của Luân Đôn hồng trần mà anh biết rất rõ. Đây là khối cầu thứ hai của thế giới cảm dục và anh đã có thể thấy rằng nó ít vật chất hơn rất nhiều so với phần đậm đặc nhất của thế giới ấy—phần mà anh đến ngay sau khi chết. Chúng ta hãy đi một chút và anh sẽ thấy ý tôi muốn nói."

Chúng tôi bắt đầu lên đường, lại nhẹ nhàng lơ lửng cách mặt đất chừng một thước, cho đến khi đến ngôi làng mà tôi đã thấy ở phía xa. Nó

much like an ordinary village, for there were shops, two cinemas, a magnificent hotel which looked much too large for the size of the village and on the outskirts there were at least three buildings which were obviously churches. All around the village, stretching far and wide into the distance, I saw the most beautiful houses. Some were small, others larger, but every one was surrounded by a colourful garden in which flowers of every sort bloomed in profusion. I saw both women and men working in those gardens, but obviously working because it was a pleasure and not because they had to. Dogs of different kinds frisked about the lawns and the voices of children could be heard as we passed by. One difference between these and similar houses in the world was the absence of garages; and I noticed that there were no cars on the streets. It was explained to me that there is no need for transport, for people can get from place to place by much easier methods, as they only have to express in thought the desire to go anywhere, and immediately they float gently from where they are to the destination to which they wish to go.

I asked why there were shops when money was not needed. I was told that the people who find their happiness at this level like to live a life as near as possible to what they had always imagined as ideal when alive.

“Some spend money,” my guide said, “they create it by their own imagination and they buy food which they prepare and even eat all in imagination—because that is what they wish.”

“But surely,” I asked, “it is quite unnecessary to have shops when a thought would be sufficient to produce in one’s home what one wanted?”

rất giống một ngôi làng bình thường, vì có các cửa hàng, hai rạp chiếu phim, một khách sạn tráng lệ trông quá lớn so với quy mô ngôi làng và ở vùng ven có ít nhất ba tòa nhà rõ ràng là nhà thờ. Chung quanh làng, trải rộng rất xa về phía chân trời, tôi thấy những ngôi nhà đẹp nhất. Có ngôi nhỏ, có ngôi lớn hơn, nhưng mỗi ngôi đều được bao quanh bởi một khu vườn đầy màu sắc, nơi đủ loại hoa nở rộ. Tôi thấy cả phụ nữ lẫn đàn ông làm việc trong những khu vườn ấy, nhưng rõ ràng là làm vì niềm vui chứ không phải vì họ buộc phải làm. Những con chó đủ loại nô đùa trên các bãi cỏ và tiếng trẻ con có thể nghe thấy khi chúng tôi đi ngang qua. Một điểm khác biệt giữa những ngôi nhà này và những ngôi nhà tương tự trong thế giới là không có ga-ra; và tôi nhận thấy trên đường phố không có xe hơi. Tôi được giải thích rằng ở đây không cần phương tiện giao thông, vì con người có thể đi từ nơi này sang nơi khác bằng những cách dễ dàng hơn nhiều, bởi họ chỉ cần biểu lộ trong tư tưởng mong muốn đi đến bất cứ đâu, và lập tức họ nhẹ nhàng trôi từ nơi mình đang ở đến nơi mình muốn đến.

Tôi hỏi tại sao lại có cửa hàng khi không cần tiền. Tôi được bảo rằng những người tìm thấy hạnh phúc của mình ở cấp độ này thích sống một đời sống gần nhất có thể với điều mà khi còn sống họ vẫn luôn tưởng tượng là lý tưởng.

“Một số người tiêu tiền,” người hướng dẫn của tôi nói, “họ tạo ra nó bằng chính sự tưởng tượng của mình và họ mua thức ăn mà họ chuẩn bị và thậm chí ăn hoàn toàn trong tưởng tượng—bởi vì đó là điều họ muốn.”

“Nhưng chắc hẳn,” tôi hỏi, “hoàn toàn không cần phải có cửa hàng khi chỉ một ý nghĩ cũng đủ tạo ra trong nhà mình điều mình muốn?”

“These shops,” he replied, “have their origin in the minds of the inhabitants and none of them exists in the world, nor do the people who serve in them. Once the residents here think a thing, it becomes a fact in this world of illusion. These shops are all figments of the imagination, together with the things that are sold therein, but so long as the people want to have shops near to them, they have them, for they imagine them.”

He continued: “It is the same with churches. People like to continue their religious practices, even though after death they may have found that many of the statements made by their priests and pastors had not been entirely correct. The permanent inhabitants build these churches and ex-priests and ex-ministers of religion carry on their old vocations, drawing round them followers, just as they did in the life that has ended. Cinemas too are very popular, but whilst there is unending variety on the first sphere, it is not quite the same on the second sphere. Here, cinemas are not the astral counterparts of such places in the world, but are the creations, in thought, of the permanent inhabitants.

There are always ex-producers of films, or amateur producers, who create new films in their imagination, and their thought-forms are produced on the screen for all to see. These shows are in many ways better than those we see in the world and those which astral inhabitants see on the first sphere for, under astral conditions, producers can allow their imagination to run riot. There is no need to consider the cost of production here. Theatres are also popular at this level. Those who are interested in amateur theatricals as well as ex-actors and actresses produce one play after another for the benefit of their friends and acquaintances and they are able to do so quite

“Những cửa hàng này,” ông đáp, “có nguồn gốc trong trí tuệ của cư dân nơi đây và không một cái nào trong số chúng tồn tại trong thế giới, cũng như những người phục vụ trong đó. Một khi cư dân ở đây nghĩ ra một điều gì, nó trở thành một sự kiện trong thế giới ảo tưởng này. Những cửa hàng này đều là sản phẩm của sự tưởng tượng, cùng với những thứ được bán trong đó, nhưng chừng nào con người còn muốn có cửa hàng ở gần mình thì họ sẽ có chúng, vì họ tưởng tượng ra chúng.”

Ông tiếp tục: “Nhà thờ cũng vậy. Con người thích tiếp tục các thực hành tôn giáo của mình, dù sau khi chết họ có thể đã phát hiện rằng nhiều điều do các linh mục và mục sư của họ nói ra không hoàn toàn đúng. Những cư dân thường trú xây nên các nhà thờ này và các cựu linh mục cùng cựu giáo sĩ tiếp tục nghề cũ của mình, quy tụ quanh họ những tín đồ, đúng như họ đã làm trong đời sống đã chấm dứt. Rạp chiếu phim cũng rất được ưa chuộng, nhưng trong khi ở khối cầu thứ nhất có sự đa dạng vô tận, thì ở khối cầu thứ hai lại không hoàn toàn như vậy. Ở đây, các rạp chiếu phim không phải là các đối phần cảm dục của những nơi như thế trong thế giới, mà là những sáng tạo trong tư tưởng của các cư dân thường trú.

“Luôn luôn có những cựu nhà sản xuất phim, hoặc những nhà sản xuất nghiệp dư, tạo ra các bộ phim mới trong sự tưởng tượng của họ, và các hình tư tưởng của họ được trình chiếu trên màn ảnh cho mọi người xem. Những buổi chiếu này về nhiều mặt còn hay hơn những gì chúng ta thấy trong thế giới và những gì cư dân cảm dục thấy ở khối cầu thứ nhất, vì trong các điều kiện cảm dục, các nhà sản xuất có thể để cho sự tưởng tượng của mình tung hoành. Ở đây không cần phải cân nhắc chi phí sản xuất. Nhà hát cũng được ưa chuộng ở cấp độ này. Những người quan tâm đến sân khấu nghiệp dư cũng như các cựu diễn viên nam nữ trình diễn hết vở này đến vở khác vì lợi ích của

easily, as there is no difficulty in obtaining the correct costumes, scenery or an orchestra as these things are just created in their imagination and cost nothing.

“Some people still wish to live in hotels. Probably they are the people who have always thought it would be wonderful to live in one of the big hotels that were far too expensive for them in the world; now they can live in such hotels. That is why this hotel looks so very large compared with the size of the village. Such an hotel could not exist in an ordinary village in the world, but here it does not need to make a profit. People live in the hotel and have all the service and attention they want merely by imagining it, so they are happy—for a time.”

“But surely all this becomes very boring after a time?” I asked.

“Yes, it does,” he said, “then the people look for something more satisfying in life, as you will see, for when their particular desire is no more they are able to change to something else, and get what they want. Many people are perfectly happy with this arcadian existence, particularly those who have had rather a hard time during their earth life—such people often spend ninety per cent of their astral existence under these conditions where they have the friends, pets, beautiful houses and gardens which satisfy them, and only pass on to the mental world when they are more or less forced to do so by the urge of their egos, who wish to progress along the Path of Evolution.”

My guide now told me to hold his hand again and join with him in willing to pass from this

bạn bè và người quen của họ, và họ có thể làm điều đó khá dễ dàng, vì không có khó khăn gì trong việc có được trang phục đúng, cảnh trí đúng hay cả một dàn nhạc, bởi những thứ ấy chỉ được tạo ra trong sự tưởng tượng của họ và không tốn gì cả.

“Một số người vẫn muốn sống trong khách sạn. Có lẽ họ là những người luôn nghĩ rằng sẽ thật tuyệt nếu được sống trong một trong những khách sạn lớn vốn quá đắt đỏ đối với họ trong thế giới; giờ đây họ có thể sống trong những khách sạn như thế. Đó là lý do khách sạn này trông lớn đến vậy so với quy mô ngôi làng. Một khách sạn như thế không thể tồn tại trong một ngôi làng bình thường ở thế giới, nhưng ở đây nó không cần phải sinh lợi. Con người sống trong khách sạn và có mọi sự phục vụ và chăm sóc họ muốn chỉ bằng cách tưởng tượng ra nó, nên họ hạnh phúc—trong một thời gian.”

“Nhưng chắc hẳn tất cả điều này sau một thời gian sẽ trở nên rất nhàm chán?” tôi hỏi.

“Đúng vậy,” ông nói, “rồi con người tìm kiếm điều gì đó thỏa mãn hơn trong đời sống, như anh sẽ thấy, vì khi ham muốn riêng của họ không còn nữa, họ có thể đổi sang điều khác, và có được điều họ muốn. Nhiều người hoàn toàn hạnh phúc với sự tồn tại kiểu đồng quê thanh bình này, đặc biệt là những người đã có một đời sống trần thế khá vất vả—những người như thế thường trải qua chín mươi phần trăm sự tồn tại cảm dục của họ trong các điều kiện này, nơi họ có bạn bè, thú cưng, những ngôi nhà đẹp và khu vườn đẹp làm họ thỏa mãn, và chỉ chuyển sang thế giới trí tuệ khi ít nhiều bị thôi thúc phải làm như vậy bởi xung lực của các chân ngã của họ, những chân ngã muốn tiến bước trên Con Đường tiến hoá.”

Người hướng dẫn của tôi lúc này bảo tôi lại nắm tay ông và cùng ông nhất tâm muốn đi từ

second sphere to the third. I did as I was told; at once the scene that surrounded us started to dim and gradually gave place to a new one. Our surroundings were now quite different, for we were standing in an open space, surrounded by what appeared to be dozens of small woods or coppices. If you can imagine a gigantic park with trees everywhere, with glades and dells intermingled with the clumps of trees, it will help you to visualise the scenery. There is nothing quite like it in our world, but I should imagine that from above it would appear as if one were over a gigantic Sherwood Forest. In many cases the open spaces were several square acres in extent, varying from a glade measuring perhaps three acres to open spaces covering what I would estimate to be a fifty-acre field. All these glades were very picturesque, as everywhere there were flowering shrubs, while daffodils and forget-me-nots bloomed in profusion in the green grass. There were no houses to be seen at first, but later I saw odd houses, very large ones too, resembling the huge Halls or Manor Houses that one finds in England and which in the old days were inhabited by the rich aristocrats or squires of the county in which they were found.

We glided along and I saw that in many of these open spaces groups were congregated. We approached one of these groups and found that there were perhaps a hundred people watching an artist painting a picture on a canvas that measured about fifty by thirty feet. They were obviously enthralled by what they were watching for no one took any notice of us as we joined the group. The artist was not using brushes, but he had in his hand a long stick resembling a fishing rod and as he pointed the stick at different parts of the canvas, a picture appeared, first in rough outline then later in detail. As he painted, the

khối cầu thứ hai sang khối cầu thứ ba. Tôi làm theo lời ông; lập tức cảnh vật quanh chúng tôi bắt đầu mờ đi và dần nhường chỗ cho một cảnh mới. Chung quanh chúng tôi giờ hoàn toàn khác, vì chúng tôi đang đứng trong một khoảng trống, được bao quanh bởi những gì trông như hàng chục khu rừng nhỏ hay lùm cây. Nếu anh có thể hình dung một công viên khổng lồ với cây cối khắp nơi, với những khoảng trống và thung lũng nhỏ xen lẫn các cụm cây, điều đó sẽ giúp anh hình dung phong cảnh này. Không có gì hoàn toàn giống nó trong thế giới của chúng ta, nhưng tôi tưởng tượng rằng nhìn từ trên cao nó sẽ giống như đang ở trên một khu rừng Sherwood khổng lồ. Trong nhiều trường hợp, các khoảng trống rộng đến vài mẫu vuông, thay đổi từ một khoảng trống chừng ba mẫu đến những khoảng đất trống mà tôi ước lượng rộng bằng một cánh đồng năm mươi mẫu. Tất cả những khoảng trống này đều rất nên thơ, vì khắp nơi đều có những bụi hoa đang nở, trong khi hoa thủy tiên vàng và hoa lưu ly nở rộ trên thảm cỏ xanh. Lúc đầu không thấy nhà cửa nào, nhưng sau đó tôi thấy lác đác vài ngôi nhà, lại còn rất lớn, giống những Đại Sảnh hay Trang Viên khổng lồ mà người ta thấy ở Anh và ngày xưa là nơi ở của các quý tộc giàu có hay các địa chủ trong vùng.

Chúng tôi lướt đi và tôi thấy rằng trong nhiều khoảng trống ấy có các nhóm người đang tụ tập. Chúng tôi đến gần một nhóm như vậy và thấy có lẽ khoảng một trăm người đang xem một họa sĩ vẽ một bức tranh trên tấm toan rộng chừng năm mươi nhân ba mươi bộ. Rõ ràng họ bị cuốn hút bởi điều họ đang xem vì không ai để ý đến chúng tôi khi chúng tôi nhập vào nhóm. Họa sĩ không dùng cọ, mà cầm trong tay một cây gậy dài giống cần câu, và khi ông chĩa cây gậy vào những phần khác nhau của tấm toan, một bức tranh hiện ra, trước hết là những nét phác thảo rồi sau đó là chi tiết. Trong khi vẽ, thỉnh thoảng họa sĩ lại nói, giải

artist spoke from time to time, explaining what he was creating. He made quite clear the impression that he wished those watching to have and on one occasion, he rubbed out part of the painting—I cannot use any other word for, as he pointed the stick, a portion of the picture was erased—and explained that his previous thought-form had not been sufficiently detailed to get the effect he wanted. Again he seemed to concentrate, the rod moved up, down and across; a new detail which blended in with the rest of the painting immediately took form, and the second attempt at once emphasised the point he had made a minute or so before. I could not understand much of what the painter was talking about for it was couched in technical terms only comprehensible to a brother artist. I was told that the artist was one of the great painters of the past. My guide stated that an artist would paint because the urge which made him do so, when in the world, continues after death. He does not have to use brushes and paint at this level, because he is able to express himself in colour merely by projecting the thought. The fluidic astral matter answers to the thought-form and the picture appears, as if by magic, as the thought develops. Although the canvas was huge compared with the pictures we have in our galleries in the world, it was in no way cumbersome to create a picture of that size at the astral level, when merely by concentrating on a particular part of the canvas, the picture within the mind of the artist came to life. I cannot describe the glorious colours of which that picture was composed, for we have no words to describe the many in-between colours that were used. When I mention that I saw at least thirty different shades of a colour, which if I described any of them I would have to call “red,” you will realise how impossible it is to give anything but a very incomplete description of what I saw quite clearly. My

thích điều ông đang sáng tạo. Ông làm cho người xem hoàn toàn rõ ấn tượng mà ông muốn họ có, và có một lần ông xóa đi một phần bức tranh—tôi không thể dùng từ nào khác vì khi ông chĩa cây gậy, một phần bức tranh bị xóa mất—và giải thích rằng hình tư tưởng trước đó của ông chưa đủ chi tiết để tạo ra hiệu quả ông muốn. Ông lại dường như tập trung, cây gậy di chuyển lên, xuống và ngang; một chi tiết mới hòa hợp với phần còn lại của bức tranh lập tức thành hình, và lần thử thứ hai ngay lập tức nhấn mạnh điểm ông đã nêu ra chừng một phút trước. Tôi không thể hiểu nhiều điều người họa sĩ đang nói vì nó được diễn đạt bằng những thuật ngữ kỹ thuật chỉ một họa sĩ đồng môn mới hiểu được. Tôi được bảo rằng người họa sĩ ấy là một trong những danh họa vĩ đại của quá khứ. Người hướng dẫn của tôi nói rằng một họa sĩ sẽ vẽ vì thôi thúc khiến ông làm như vậy khi còn ở thế giới vẫn tiếp tục sau khi chết. Ở cấp độ này ông không cần dùng cọ và sơn, vì ông có thể biểu lộ chính mình bằng màu sắc chỉ bằng cách phóng chiếu tư tưởng. Chất liệu cảm dục linh động đáp ứng với hình tư tưởng và bức tranh hiện ra, như thể bằng huyền thuật, khi tư tưởng phát triển. Mặc dù tấm toan rất lớn so với những bức tranh chúng ta có trong các phòng tranh ở thế giới, việc tạo ra một bức tranh cỡ ấy ở cấp độ cảm dục hoàn toàn không công kênh chút nào, khi chỉ bằng cách tập trung vào một phần nhất định của tấm toan, bức tranh trong trí tuệ của người họa sĩ đã sống dậy. Tôi không thể mô tả những màu sắc huy hoàng cấu thành bức tranh ấy, vì chúng ta không có từ ngữ để mô tả vô số màu trung gian đã được dùng. Khi tôi nói rằng tôi đã thấy ít nhất ba mươi sắc độ khác nhau của một màu mà nếu phải mô tả bất kỳ sắc độ nào trong số đó tôi cũng sẽ phải gọi là “đỏ”, anh sẽ hiểu việc chỉ có thể đưa ra một mô tả rất không đầy đủ về điều tôi đã thấy rõ đến mức nào. Người hướng dẫn của tôi giải thích rằng nhiều danh họa vĩ đại của quá khứ vẫn còn ở cấp độ cảm dục sống trong khối cầu này

guide explained that many of the great painters of the past who were still at the astral level, lived in this sphere and that they spent their lives creating, in the form of pictures, the ideas with which their minds were filled. At the same time, the artists taught any, who cared to watch and listen to them, the methods adopted in making pictures. I was told that it took only a few hours to create one of those huge pictures and it often happened that the artist, having finished one, started at once to create another.

“But does the first one fade, once the artist has withdrawn his attention from the canvas?” I asked.

“No,” replied my friend, “it remains just as you see it now, so long as anyone is looking at it. You see, once a picture is created in astral matter, that picture remains static for anyone to see, so long as a single thought is concentrated on it. When all thought is withdrawn from it, then it gradually disintegrates into the main astral atmosphere and is lost forever, or until a new thought creates it again as a new picture.”

I watched until the picture was finished, fascinated by the skill of the creator and the results achieved. When the artist had moved away and was talking to some of the crowd who had been sitting round watching him, I saw that several of the other watchers, obviously students of art, started to create something similar for themselves, taking the master picture (if I may call it that) as their pattern. I still watched and saw immediately the tremendous difference between their efforts and those of the great painter. It was explained to me that the reason for such a great difference was the lack of knowledge of the student compared with the knowledge of

và họ dành đời mình để sáng tạo, dưới hình thức tranh ảnh, những ý tưởng mà trí tuệ họ chứa đầy. Đồng thời, các họa sĩ dạy cho bất kỳ ai muốn xem và nghe họ những phương pháp được dùng để tạo nên tranh. Tôi được bảo rằng chỉ mất vài giờ để tạo ra một trong những bức tranh khổng lồ ấy và thường xảy ra việc người họa sĩ vừa hoàn thành một bức là lập tức bắt đầu sáng tạo bức khác.

“Nhưng bức đầu tiên có mờ đi không, một khi người họa sĩ đã rút sự chú ý của mình khỏi tấm toan?” tôi hỏi.

“Không,” bạn tôi đáp, “nó vẫn y như anh thấy bây giờ, chừng nào còn có ai đó đang nhìn nó. Anh thấy đấy, một khi một bức tranh đã được tạo ra trong chất liệu cảm dục, bức tranh ấy vẫn đứng yên cho bất cứ ai nhìn thấy, chừng nào còn có một tư tưởng duy nhất tập trung vào nó. Khi mọi tư tưởng đều rút khỏi nó, thì nó dần dần tan rã vào bầu khí quyển cảm dục chung và mất đi mãi mãi, hoặc cho đến khi một tư tưởng mới lại tạo ra nó như một bức tranh mới.”

Tôi quan sát cho đến khi bức tranh hoàn thành, bị cuốn hút bởi kỹ năng của người sáng tạo và những kết quả đạt được. Khi người họa sĩ bước đi và đang nói chuyện với vài người trong đám đông đã ngồi quanh xem ông, tôi thấy rằng một số người xem khác, rõ ràng là các học viên mỹ thuật, bắt đầu tự tạo ra một cái gì đó tương tự cho chính mình, lấy bức tranh của bậc thầy (nếu tôi có thể gọi như vậy) làm mô hình. Tôi vẫn tiếp tục quan sát và lập tức thấy sự khác biệt to lớn giữa nỗ lực của họ và của vị danh họa. Tôi được giải thích rằng lý do của sự khác biệt lớn như vậy là sự thiếu tri thức của học viên so với tri thức của bậc thầy. Các học viên không thể biểu đạt bằng tư tưởng

the master. The students were unable to express in clear thought what they wanted to appear on the canvas, so the results were decidedly amateurish. Obviously the canvas would only exhibit what they were able to express in thought, and I saw very clearly why that was so. Even in the picture galleries of this world, if one looks at a picture it often happens that one is able to feel something of what the artist has endeavoured to express. Such feeling is emphasised a thousand times at the astral level, and looking at the great painting I knew without any shadow of doubt what this artist wished to express in colour and form.

We moved off and saw many groups surrounding individuals doing similar work, but as the country was slightly undulating, it was practically impossible to see any two of them at one time. In one of the valleys where a slowly moving stream trickled along, there was a group seated on its bank, seemingly doing nothing. As we approached, however, I realised that this group was not watching a creative artist, but was producing sounds resembling a beautiful symphony played by one of our world famous orchestras. I did not hear anything until we got quite close to the group; then I found that the surrounding air was filled with the most beautiful music I had ever heard. In the centre of the group was a man whose face seemed familiar to me, yet I knew that I had never met him in real life. I asked my guide who he was and he whispered: "That is the celebrated Johann Strauss." At that moment he was demonstrating how the sound of trickling water can be expressed in music. I remembered that it was Strauss who had composed the "Blue Danube" and this music seemed to have much of the lilt found in that hackneyed but beautiful waltz. It was even more beautiful still, I should say.

rõ ràng điều họ muốn hiện ra trên tấm toan, nên kết quả rõ ràng là rất nghiệp dư. Hiển nhiên tấm toan chỉ có thể biểu lộ điều họ có thể diễn đạt trong tư tưởng, và tôi thấy rất rõ vì sao lại như vậy. Ngay cả trong các phòng tranh của thế giới này, nếu người ta nhìn một bức tranh thì thường xảy ra việc người ta có thể cảm nhận được phần nào điều mà người họa sĩ đã cố biểu đạt. Cảm nhận ấy được nhấn mạnh lên gấp ngàn lần ở cấp độ cảm dục, và khi nhìn bức tranh lớn ấy tôi biết không chút nghi ngờ nào điều mà người họa sĩ này muốn biểu đạt bằng màu sắc và hình tượng.

Chúng tôi đi tiếp và thấy nhiều nhóm vây quanh những cá nhân đang làm công việc tương tự, nhưng vì địa hình hơi gợn sóng nên hầu như không thể nhìn thấy hai nhóm cùng một lúc. Trong một thung lũng nơi một con suối chảy chậm róc rách, có một nhóm ngồi trên bờ đường như chẳng làm gì cả. Tuy nhiên khi chúng tôi đến gần, tôi nhận ra rằng nhóm này không xem một nghệ sĩ sáng tạo, mà đang tạo ra những âm thanh giống như một bản giao hưởng tuyệt đẹp do một trong những dàn nhạc nổi tiếng thế giới của chúng ta trình diễn. Tôi không nghe thấy gì cho đến khi chúng tôi đến khá gần nhóm; rồi tôi thấy không khí chung quanh tràn ngập thứ âm nhạc đẹp nhất mà tôi từng nghe. Ở trung tâm nhóm là một người đàn ông có khuôn mặt dường như quen thuộc với tôi, nhưng tôi biết rằng mình chưa bao giờ gặp ông ngoài đời thực. Tôi hỏi người hướng dẫn của mình ông ấy là ai và ông thì thầm: "Đó là Johann Strauss lừng danh." Đúng lúc ấy ông đang trình bày cách âm thanh của nước chảy róc rách có thể được biểu đạt trong âm nhạc. Tôi nhớ rằng chính Strauss đã sáng tác bản "Blue Danube" và âm nhạc này dường như mang nhiều nhịp lướt của bản valse quen thuộc nhưng đẹp đẽ ấy. Tôi phải nói rằng nó còn đẹp hơn nữa.

Whilst I stood enthralled, I saw on the opposite bank of the stream what appeared to be ethereal figures, who in some way were part of the symphonic poem that I heard. My friend told me to look at these new people for: "These are members of that parallel evolution I have told you about, the deva kingdom," he said.

"But what are they doing?" I asked. "And why do they look different from the crowds that are on our side of the stream?"

It was explained that they looked different because they were indeed different. They are more ethereal, because, being part of a different evolution, their bodies are different and, although made of astral matter, are at the same time less concrete than our astral bodies. I was told that these were some of the music devas, those beings who live and express themselves through sound, and that they were helping the composer who was seated on our side of the stream, to express himself as he wished to do. Just how they helped I cannot say for they never spoke, but seemed to concentrate on the creator of the music and, through their thoughts, enabled him to express in more and more detail what he endeavoured to create in sound. Volume of sound was there and every note clearly heard, but I found that when we passed from the group to a distance of perhaps fifty yards, nothing was to be heard at all.

It is difficult to describe these members of the deva kingdom in words that are understandable. Their forms were beautiful, but as they moved they seemed to vaporise, when they became still again they were once more quite definite in shape. I think I can describe it best by saying that the bodies seemed to be made of mist, which only held together in a concrete way when the

Trong khi tôi đứng say mê, tôi thấy ở bờ đối diện con suối những hình thể dường như dĩ thái, bằng cách nào đó là một phần của bài thơ giao hưởng mà tôi đang nghe. Bạn tôi bảo tôi nhìn những người mới này vì: "Đây là những thành viên của đường tiến hoá song song mà tôi đã nói với anh, giới thiên thần," ông nói.

"Nhưng họ đang làm gì?" tôi hỏi. "Và tại sao họ trông khác với đám đông ở phía bờ bên này của chúng ta?"

Tôi được giải thích rằng họ trông khác vì quả thật họ khác. Họ dĩ thái hơn, vì là một phần của một đường tiến hoá khác, các thể của họ khác và, mặc dù được tạo bằng chất liệu cảm dục, đồng thời lại ít cụ thể hơn các thể cảm dục của chúng ta. Tôi được bảo rằng đây là một số thiên thần âm nhạc, những hữu thể sống và biểu lộ chính mình qua âm thanh, và rằng họ đang giúp nhà soạn nhạc ngồi ở phía bờ bên này của chúng tôi biểu đạt chính mình như ông muốn. Họ giúp như thế nào thì tôi không thể nói, vì họ không bao giờ nói, mà dường như tập trung vào người sáng tạo âm nhạc và, qua tư tưởng của họ, giúp ông biểu đạt ngày càng chi tiết hơn điều ông cố tạo ra trong âm thanh. Âm lượng âm thanh thì có đó và từng nốt đều nghe rõ, nhưng tôi thấy rằng khi chúng tôi rời nhóm ra xa chừng năm mươi thước thì hoàn toàn không còn nghe thấy gì nữa.

Thật khó mô tả những thành viên này của giới thiên thần bằng những lời có thể hiểu được. Hình thể của họ đẹp, nhưng khi họ di chuyển họ dường như hóa thành hơi, còn khi họ đứng yên trở lại thì hình dáng lại khá rõ rệt. Tôi nghĩ có thể mô tả hay nhất bằng cách nói rằng các thể ấy dường như được làm bằng sương mù, chỉ kết lại một cách cụ thể khi các cá nhân đứng tương đối yên. Chúng tôi đi sang bờ đối

individuals remained more or less still. We went over to the opposite bank, but as we approached these people they seemed to glide away, rather like shy animals. They had no fear of us, but did not invite contact at all and I felt that if we approached them with the intent to communicate with them (how that would be done I had no idea then) they would have vanished into thin air. My Indian friend said that this impression was in a way fairly accurate.

On my guide beckoning me to follow him, we moved on. Soon I saw that he was making for one of the large buildings, which I had taken to be a huge Manor House. As we drew nearer I saw that the architecture was very beautiful indeed and deep French windows overlooked the surrounding countryside. Spacious lawns gradually sloped away from the house, which was situated on the top of a rise. Flowers and flowering shrubs bloomed on all sides and in the distance, perhaps ten miles away; the sea could be seen if one looked carefully. It was a delightful spot; I wondered who lived here and for what purpose. We came down to earth on the terrace and entered the wide doors that led into a spacious hall, furnished as I would have expected it to be, but with one remarkable difference—that in the hall there were actually small trees and plants, principally roses I noticed, blooming indoors with the roots growing through the floor. There was no artificiality in this—in fact one felt one was in an indoor garden and the result to the eye was very pleasing indeed.

No one seemed to be about and there were no sounds of occupation, but my guide immediately led me to one of the doors that opened from the hall and as the door opened sounds of music met my ear. There was only one occupant of the room, and he was playing a grand piano in a way which showed that he

diện, nhưng khi đến gần những người này họ dường như lướt đi, khá giống những con vật nhút nhát. Họ không sợ chúng tôi, nhưng hoàn toàn không mời gọi sự tiếp xúc và tôi cảm thấy rằng nếu chúng tôi đến gần họ với ý định giao tiếp với họ (lúc ấy tôi không hề biết điều đó sẽ được thực hiện ra sao) thì họ sẽ tan biến vào không khí loãng. Người bạn Ấn Độ của tôi nói rằng ấn tượng ấy theo một cách nào đó là khá chính xác.

Khi người hướng dẫn ra hiệu cho tôi theo ông, chúng tôi đi tiếp. Chẳng bao lâu tôi thấy ông đang hướng đến một trong những tòa nhà lớn mà tôi đã tưởng là một Trang Viên khổng lồ. Khi đến gần hơn tôi thấy kiến trúc thật sự rất đẹp và những cửa sổ kiểu Pháp sâu nhìn ra vùng quê chung quanh. Những bãi cỏ rộng rãi thoải thoải trải ra từ ngôi nhà, vốn nằm trên đỉnh một gò cao. Hoa và bụi hoa nở khắp mọi phía và ở phía xa, có lẽ cách mười dặm, có thể thấy biển nếu nhìn kỹ. Đó là một nơi thật thú vị; tôi tự hỏi ai sống ở đây và vì mục đích gì. Chúng tôi hạ xuống mặt đất trên sân hiên và bước vào những cánh cửa rộng dẫn vào một đại sảnh rộng rãi, được bài trí đúng như tôi chờ đợi, nhưng có một điểm khác thường đáng chú ý—rằng trong đại sảnh thực sự có những cây nhỏ và cây cảnh, chủ yếu là hoa hồng tôi nhận thấy, đang nở trong nhà với rễ mọc xuyên qua sàn. Điều này không hề giả tạo—thật ra người ta có cảm giác như đang ở trong một khu vườn trong nhà và hiệu quả đối với mắt quả thật rất dễ chịu.

Dường như không có ai quanh đó và cũng không có âm thanh của sự sinh hoạt, nhưng người hướng dẫn của tôi lập tức dẫn tôi đến một trong những cánh cửa mở ra từ đại sảnh và khi cánh cửa mở ra, âm thanh của âm nhạc chạm vào tai tôi. Trong phòng chỉ có một người, và ông đang chơi một cây đại dương

was no mean exponent of the art. He took no notice of us but continued to play and we listened, fascinated by the power of the musician over his instrument. There were a few very inviting easy chairs in which we sat down, and perhaps for a quarter of an hour the playing continued. As time passed, I seemed to recognise a similarity in this music to the Chopin Preludes, and in a whisper to my friend I asked who the musician was.

“Do not you recognise him?” he replied. “That is the famous Chopin, who is still expressing his great soul through the medium of sound, in exactly the same way as he used to do when he was alive. You will notice, though, that he does not look delicate here, for when he was in the world, he suffered much and for a great part of his lifetime he was not a fit man. Now all that is changed; here fatigue cannot trouble him and he produces more and more beautiful music. At times, he allows other musicians to hear. At this level there are concerts all the time, thus there is never any difficulty in attending these functions, if you are really interested and are able to appreciate the beauty in nature that the musician is endeavouring to express in sound.”

I looked at the performer more closely and found that I was unable to recognise any resemblance to likenesses of the great musician which I had seen, but my memory of these was vague and probably I had not studied them very carefully. He stopped playing after a time and turned round to us, in no way perturbed or annoyed by our presence. He assumed that we were music lovers, so explained to us what he had been trying to express and although he used some technical terms, I was fascinated by what he said. He

cầm theo cách cho thấy ông không phải là một nghệ sĩ tầm thường. Ông không để ý gì đến chúng tôi mà tiếp tục chơi và chúng tôi lắng nghe, bị cuốn hút bởi quyền năng của nhạc sĩ đối với nhạc cụ của mình. Có vài chiếc ghế bành rất mời gọi và chúng tôi ngồi xuống, và có lẽ trong khoảng mười lăm phút tiếng đàn vẫn tiếp tục. Khi thời gian trôi qua, tôi dường như nhận ra một nét tương đồng trong âm nhạc này với những bản Prelude của Chopin, và tôi thì thầm hỏi bạn mình người nhạc sĩ ấy là ai.

“Anh không nhận ra ông ấy sao?” ông đáp. “Đó là Chopin nổi tiếng, người vẫn đang biểu đạt linh hồn vĩ đại của mình qua môi trường âm thanh, đúng y như ông từng làm khi còn sống. Tuy nhiên anh sẽ nhận thấy rằng ở đây ông không có vẻ yếu ớt, vì khi còn ở thế giới, ông đã chịu nhiều đau khổ và trong phần lớn cuộc đời ông không phải là một người khỏe mạnh. Giờ đây tất cả điều đó đã thay đổi; ở đây mệt mỏi không thể làm phiền ông và ông tạo ra ngày càng nhiều âm nhạc đẹp hơn. Đôi khi ông cho phép các nhạc sĩ khác đến nghe. Ở cấp độ này luôn luôn có các buổi hòa nhạc, vì thế không bao giờ khó khăn trong việc tham dự những sinh hoạt ấy, nếu anh thật sự quan tâm và có thể cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên mà người nhạc sĩ đang cố biểu đạt bằng âm thanh.”

Tôi nhìn người biểu diễn kỹ hơn và thấy rằng mình không thể nhận ra nét giống nào với những chân dung của vị nhạc sĩ vĩ đại mà tôi từng thấy, nhưng ký ức của tôi về chúng khá mơ hồ và có lẽ tôi đã không quan sát chúng thật cẩn thận. Sau một lúc ông ngừng chơi và quay lại phía chúng tôi, hoàn toàn không bối rối hay khó chịu vì sự hiện diện của chúng tôi. Ông cho rằng chúng tôi là những người yêu nhạc, nên giải thích cho chúng tôi điều ông đã cố biểu đạt và mặc dù ông dùng vài thuật ngữ kỹ thuật, tôi vẫn bị cuốn hút bởi điều ông nói.

emphasised that in his opinion every sound was a description of either colour or movement. Progressions and blending of chords were sound pictures of beautiful gardens, and where cadenzas appeared one should immediately “feel” the presence of a slowly moving stream, perhaps between two perfectly laid out gardens, and try to see the picture that the musician was endeavouring to express. I, who considered myself musical, at once realised how little I knew of the true art, and resolved that after death I would be one of those people who took up the study of music in a big way. It is unfortunate that, in the world, these masters of music are in most cases entirely outside the scope and opportunity of the average man who has to earn a living.

We left as we had come, without any official leave taking and, as we withdrew, Chopin turned towards his piano and recommenced to play. As we closed the door, we were again in the passage; no sound whatever came through the door. There was only the sound of birds, many of which in diverse colours flitted about, not only in the garden, but indoors also. My friend told me that this huge place was one of the great art schools which exist at this level of the astral world, and that hundreds of the permanent inhabitants of this world spend most of their time learning something of the art in which they are particularly interested. I was told that tuition was always available for all the great masters are willing to teach those who are anxious to learn, and that the opportunity is there at all times for there is no night or day and fatigue does not enter into one's calculations.

“But surely,” I asked, “people do not carry on studying and practicing day and night, week after week, month after month and year after

Ông nhấn mạnh rằng theo ý kiến của ông, mọi âm thanh đều là một sự mô tả hoặc màu sắc hoặc chuyển động. Những tiến trình và sự hòa trộn của các hợp âm là những bức tranh âm thanh về những khu vườn đẹp, và nơi nào có những đoạn cadenza xuất hiện thì người ta phải lập tức “cảm thấy” sự hiện diện của một con suối chảy chậm, có lẽ giữa hai khu vườn được bố trí hoàn hảo, và cố nhìn thấy bức tranh mà người nhạc sĩ đang cố biểu đạt. Tôi, người vẫn tự cho mình là có năng khiếu âm nhạc, lập tức nhận ra mình biết quá ít về nghệ thuật chân chính, và quyết tâm rằng sau khi chết tôi sẽ là một trong những người theo đuổi việc học âm nhạc một cách lớn lao. Thật đáng tiếc là trong thế giới, những bậc thầy âm nhạc này trong hầu hết các trường hợp hoàn toàn nằm ngoài tầm với và cơ hội của người bình thường phải kiếm sống.

Chúng tôi rời đi như lúc đến, không có một lời từ biệt chính thức nào, và khi chúng tôi lui ra, Chopin quay lại cây đàn và bắt đầu chơi trở lại. Khi chúng tôi khép cửa lại, chúng tôi lại ở trong hành lang; hoàn toàn không có âm thanh nào lọt qua cánh cửa. Chỉ có tiếng chim, rất nhiều con với đủ màu sắc bay lượn, không chỉ trong vườn mà cả trong nhà nữa. Bạn tôi nói với tôi rằng nơi rộng lớn này là một trong những trường nghệ thuật lớn tồn tại ở cấp độ này của thế giới cảm dục, và rằng hàng trăm cư dân thường trú của thế giới này dành phần lớn thời gian của họ để học một điều gì đó về nghệ thuật mà họ đặc biệt quan tâm. Tôi được bảo rằng việc giảng dạy luôn sẵn có vì tất cả các bậc thầy lớn đều sẵn lòng dạy những ai tha thiết muốn học, và rằng cơ hội ấy luôn luôn có đó vì không có ngày hay đêm và mệt mỏi không đi vào sự tính toán của người ta.

“Nhưng chắc hẳn,” tôi hỏi, “con người không thể cứ tiếp tục học và thực hành ngày đêm, tuần này qua tuần khác, tháng này qua tháng

year in this way?”

“Yes, they do, and as I have told you, they do not get tired nor does time hang heavily when they are interested and enthralled in what they are doing. If you analyse your reactions at the physical level, you will find that time never drags when you are doing what you want to do. Usually fatigue enters in and you have to stop, even though you are enjoying what you are doing, but here that does not apply as no one gets tired and there is no time as we understand that term; you do not have to get home for dinner, you have no wife waiting for you and you have no duties or responsibilities in any way. Those limitations just do not exist at the astral level, so the man or the woman carries on with the work or relaxation that he or she desires, without any thought of how much time can be devoted to that particular form of study or enjoyment.”

My guide then told me that he had a little work to do, and politely asked my permission to leave me for a short while.

“Go where you will,” he said, “no one will interfere with you and I suggest you wander in and out of different rooms, for I can assure you, you will not meet with any hostile reception. This building is very like similar ones which exist here and it will be well worth while for you to see more of what is done in such places. I shall return when I have finished my private work and I do not think you will be bored whilst I am away.”

From the outside I had seen that the building had at least three storeys so I decided that I would explore a little, as he suggested. To start with I went into some of the lower rooms. In one I found a sculptor with a class of pupils,

khác và năm này qua năm khác theo cách ấy chứ?”

“Có, họ làm như vậy, và như tôi đã nói với anh, họ không mệt và thời gian cũng không trở nên nặng nề khi họ quan tâm và bị cuốn hút vào điều họ đang làm. Nếu anh phân tích các phản ứng của mình ở cấp độ hồng trần, anh sẽ thấy rằng thời gian không bao giờ lê thê khi anh đang làm *điều anh muốn làm*. Thông thường mệt mỏi xen vào và anh phải dừng lại, dù anh đang thích thú với điều mình làm, nhưng ở đây điều đó không áp dụng vì không ai mệt và không có thời gian theo cách chúng ta hiểu thuật ngữ ấy; anh không phải về nhà ăn tối, không có vợ chờ anh và anh cũng không có bổn phận hay trách nhiệm gì cả. Những giới hạn ấy đơn giản là không tồn tại ở cấp độ cảm dục, nên người nam hay người nữ tiếp tục công việc hay sự thư giãn mà y mong muốn, không hề nghĩ đến việc có thể dành bao nhiêu thời gian cho hình thức học tập hay hưởng thụ đặc biệt ấy.”

Người hướng dẫn của tôi sau đó nói rằng ông có một chút việc phải làm, và lịch sự xin phép tôi để ông rời tôi trong chốc lát.

“Anh cứ đi đâu tùy ý,” ông nói, “không ai quấy rầy anh đâu và tôi gợi ý anh hãy đi vào đi ra các phòng khác nhau, vì tôi có thể bảo đảm với anh rằng anh sẽ không gặp bất kỳ sự tiếp đón thù nghịch nào. Tòa nhà này rất giống những tòa nhà tương tự tồn tại ở đây và sẽ rất đáng để anh thấy thêm những gì được thực hiện ở những nơi như thế. Tôi sẽ trở lại khi xong việc riêng và tôi không nghĩ anh sẽ chán trong lúc tôi vắng mặt.”

Từ bên ngoài tôi đã thấy tòa nhà có ít nhất ba tầng nên tôi quyết định sẽ thăm dò một chút, như ông gợi ý. Trước hết tôi đi vào vài căn phòng ở tầng dưới. Trong một phòng tôi thấy một nhà điêu khắc cùng một lớp học trò, đang

explaining how a particular curve could be obtained. I stood awhile listening to his discourse and some of his pupils, without speaking, smiled at me as I listened, obviously not objecting in the least to my presence. In another room, a quartet was practicing; in another a single violinist was going over and over a particular passage, with a score of music in front of him. It was very similar to an academy such as I had seen in the world, but with the great difference that there was no fuss or hurry and that all forms of art were represented, also it was very noticeable that the people concerned, although quite seriously studying, were so obviously happy and not tense in any way, like the students I saw the last time in the Royal Academy of Music in England.

Later I wandered upstairs and here I had a very pleasant surprise. As I opened a door (and I noted with interest that here one did open a door and did not go through it as one would with physical doors) and went into one of these rooms, I saw a girl seated on a settee near to an open grand piano. She had a piece of music in her hand, which she was studying. As I entered she looked up and at once I knew her, for she was Daphne Hillier whom I had last seen in England in 1935, when I met her at a golf club. The man who was my opponent that day knew her intimately; he introduced us and we soon got into conversation. I saw her many times during my leave and we got to know each other extremely well. I had thought several times of asking her to marry me for I imagined I was in love with her, but somehow I did not. For a reason, I did not feel that I had yet enough money to marry on; also I wanted to get to the top of my profession before I accepted the responsibility of a wife. I returned to Ceylon and for two years we corresponded regularly; then it all ended by her contracting pneumonia and, to my great

giải thích cách có thể tạo được một đường cong nhất định. Tôi đứng nghe một lúc bài giảng của ông và vài học trò của ông, không nói gì, mỉm cười với tôi khi tôi lắng nghe, rõ ràng hoàn toàn không phản đối sự hiện diện của tôi. Trong một phòng khác, một tứ tấu đang tập; trong một phòng khác nữa, một nghệ sĩ violon đơn độc đang lặp đi lặp lại một đoạn nhạc nhất định, với bản tổng phổ đặt trước mặt. Nó rất giống một học viện như tôi từng thấy trong thế giới, nhưng có sự khác biệt lớn là không có sự tất bật hay vội vã và mọi loại hình nghệ thuật đều hiện diện; cũng rất dễ nhận thấy rằng những người liên hệ, dù đang học rất nghiêm túc, lại rõ ràng hạnh phúc và không hề căng thẳng, như những học viên mà tôi đã thấy lần trước ở Học viện Âm nhạc Hoàng gia tại Anh.

Sau đó tôi đi lang thang lên lầu và ở đây tôi có một ngạc nhiên rất dễ chịu. Khi tôi mở một cánh cửa (và tôi ghi nhận với thích thú rằng ở đây người ta thực sự mở cửa chứ không đi xuyên qua như với những cánh cửa hồng trần) và bước vào một căn phòng, tôi thấy một cô gái ngồi trên ghế dài gần một cây đại dương cầm đang mở nắp. Cô cầm trong tay một bản nhạc mà cô đang xem. Khi tôi bước vào cô ngẩng lên và lập tức tôi nhận ra cô, vì đó là Daphne Hillier mà tôi gặp lần cuối ở Anh vào năm 1935, khi tôi gặp cô tại một câu lạc bộ golf. Người đàn ông là đối thủ của tôi hôm ấy quen cô rất thân; anh ta giới thiệu chúng tôi và chẳng bao lâu chúng tôi bắt đầu trò chuyện. Tôi gặp cô nhiều lần trong kỳ nghỉ của mình và chúng tôi trở nên rất hiểu nhau. Tôi đã nhiều lần nghĩ đến việc cầu hôn cô vì tôi tưởng rằng mình yêu cô, nhưng bằng cách nào đó tôi đã không làm vậy. Vì một lý do nào đó, tôi cảm thấy mình chưa có đủ tiền để kết hôn; ngoài ra tôi còn muốn đạt đến đỉnh cao nghề nghiệp trước khi nhận trách nhiệm có một người vợ. Tôi trở lại Tích Lan và trong hai năm chúng tôi thư từ đều đặn; rồi tất cả chấm dứt khi cô mắc bệnh viêm

regret, her mother wrote to me to say that she had died. I wrote a letter of sympathy and gradually lost touch with the family. And now, there was Daphne before me, seemingly very much alive and looking just the same as when I had seen her last but with an even happier expression—in fact her whole face radiated joy and contentment, and some of the joy, I flattered myself, was at seeing me.

“Daphne, my dear, is it really you?”

“Yes, it is I,” she said, “but what are you doing here? You haven’t left the old world yet, I know, so what has brought you here?”

I tried to explain to her something of what had happened and why I was here. She said she was surprised to see me because, although most people who are evolved at all wander on the astral plane during the time that their bodies are asleep and recuperating for the following day, yet it is not common for living people to visit the third sphere of the astral world. In most cases they do not know how to get there, and very few know of the existence of these different levels.

“But darling,” she said, “now you are here, you will be able to come again and we must see lots of each other in the future; there is much that I can show you. Although you never asked me to marry you when I was alive, I knew that you loved me, and I love you too.”

I then realised that it had not seemed strange at all for her to address me as “darling,” for I had so often called her that in the old days and she me, and although all that was several years ago, it came back in a flash and I felt again the same draw towards her, the same thrill at being in her company as I had felt in those old days.

phối và, khiến tôi vô cùng tiếc thương, mẹ cô viết thư cho tôi báo rằng cô đã qua đời. Tôi viết một lá thư chia buồn và dần dần mất liên lạc với gia đình. Và giờ đây, Daphne đang ở trước mặt tôi, dường như rất sống động và trông y hệt như lần cuối tôi gặp cô nhưng với một nét mặt còn hạnh phúc hơn nữa—thật ra toàn bộ khuôn mặt cô tỏa ra niềm vui và sự mãn nguyện, và một phần niềm vui ấy, tôi tự cho phép mình nghĩ vậy, là vì thấy tôi.

“Daphne, em yêu quý, thật sự là em sao?”

“Vâng, chính em đây,” cô nói, “nhưng anh đang làm gì ở đây? Em biết anh vẫn chưa rời thế giới cũ, vậy điều gì đã đưa anh đến đây?”

Tôi cố giải thích cho cô đôi điều về những gì đã xảy ra và vì sao tôi ở đây. Cô nói cô ngạc nhiên khi thấy tôi vì, mặc dù hầu hết mọi người nếu có tiến hoá chút nào đều lang thang trên cõi cảm dục trong lúc thể xác họ ngủ và hồi phục cho ngày hôm sau, nhưng người đang sống đến thăm khối cầu thứ ba của thế giới cảm dục thì không phải là chuyện thường. Trong hầu hết các trường hợp họ không biết cách đến đó, và rất ít người biết đến sự tồn tại của những cấp độ khác nhau này.

“Nhưng anh yêu,” nàng nói, “giờ anh đã ở đây, anh sẽ có thể lại đến nữa, và về sau chúng ta phải gặp nhau thật nhiều; có nhiều điều em có thể chỉ cho anh. Dù khi em còn sống anh chưa từng ngỏ lời cầu hôn em, em biết anh yêu em, và em cũng yêu anh.”

Khi ấy tôi chợt nhận ra rằng việc nàng gọi tôi là “anh yêu” hoàn toàn không có gì lạ, vì ngày xưa tôi vẫn thường gọi nàng như thế và nàng cũng gọi tôi như vậy; và tuy tất cả chuyện ấy đã cách đây nhiều năm, nó trở lại trong một thoáng, và tôi lại cảm thấy cùng một sức hút hướng về nàng, cùng một niềm rung động khi ở bên nàng như tôi đã cảm thấy trong những

"This is wonderful," I said, "and it certainly will not be my fault if I do not see a great deal of you in the future. Perhaps you will be able to help me in this, for I do not know whether I could get here on my own, even though it all seemed so easy this time when I had a guide to help." I told her about my efforts in the recent past and how, apart from my first astral journey, I had not yet been able to bring anything through, even though I had tried very hard to do so.

"In future I shall want to remember what we say and do. I wonder if I shall be able to do that."

As I said these words my Indian friend came into the room. "So you have found each other," he said, "I thought you would if I left you long enough. It is just as well that you have found Daphne, for she can be of great assistance to you and through your love for each other, many things may now be possible that were difficult before. For one thing you will have a definite contact at this level, which you can concentrate upon as soon as you get out of your body at the moment of falling asleep. Your thinking of Daphne will immediately make itself known to her, for thought is a very powerful thing, and concentrated thought is not bound by different levels of matter, so Daphne—if she will allow me to call her by that name—will know quite definitely when you concentrate your thoughts on her, in just the same way as people know that you want them when you ring them up on the telephone. Daphne cannot easily come to meet you, when you get out of your physical body and are on the lowest or first sphere of this world, but she can be your contact for passing from that first sphere to the third sphere,

ngày xưa ấy.

"Thật tuyệt vời," tôi nói, "và chắc chắn sẽ không phải lỗi của tôi nếu về sau tôi không được gặp em thật nhiều. Có lẽ em sẽ có thể giúp tôi trong việc này, vì tôi không biết liệu tôi có thể tự mình đến được đây hay không, dù lần này mọi sự dường như rất dễ khi tôi có người hướng dẫn giúp đỡ." Tôi kể cho nàng nghe về những nỗ lực của tôi trong thời gian gần đây và việc, ngoài chuyến du hành cảm dục đầu tiên của tôi ra, tôi vẫn chưa thể mang được điều gì trở về, mặc dù tôi đã cố gắng hết sức để làm như vậy.

"Về sau tôi sẽ muốn nhớ những gì chúng ta nói và làm. Tôi tự hỏi không biết mình có làm được điều đó không."

Khi tôi vừa nói những lời ấy, người bạn Ấn Độ của tôi bước vào phòng. "Vậy là hai người đã tìm thấy nhau," ông nói, "tôi nghĩ là hai người sẽ làm được nếu tôi để hai người đủ lâu. Thật là tốt khi anh đã tìm thấy Daphne, vì cô ấy có thể giúp ích rất nhiều cho anh, và nhờ tình yêu giữa hai người, giờ đây nhiều điều có thể trở nên khả thi mà trước kia còn khó khăn. Trước hết, anh sẽ có một tiếp xúc xác định ở cấp độ này, điều mà anh có thể tập trung vào ngay khi ra khỏi thể xác vào lúc chìm vào giấc ngủ. Việc anh nghĩ đến Daphne sẽ lập tức được nàng biết đến, vì tư tưởng là một điều rất mãnh liệt, và tư tưởng tập trung không bị ràng buộc bởi những cấp độ vật chất khác nhau; vì thế Daphne—nếu cô ấy cho phép tôi gọi bằng tên ấy—sẽ biết rất rõ khi nào anh tập trung tư tưởng vào cô ấy, cũng giống hệt như người ta biết anh muốn gặp họ khi anh gọi điện thoại cho họ. Daphne không dễ đến đón anh khi anh ra khỏi thể xác hồng trần và đang ở khối cầu thấp nhất hay khối cầu thứ nhất của thế giới này, nhưng cô ấy có thể là mối tiếp xúc của anh để đi từ khối cầu thứ nhất sang khối cầu thứ ba, nơi anh đang ở lúc này, cũng đúng như việc

where you are now, in exactly the same way that holding my hand acted as a contact for you when I told you to will that you passed first from the lowest to the second and later on from the second to the third sphere. You will find that by the exercise of your will, plus having a contact who knows the ropes, there will be no difficulty at all.”

He continued: “You see, you do not know very much about the law of karma yet, the law that to a great extent makes your contacts and gives you the opportunities which are so important to your evolution. This law of karma or law of cause and effect as it is usually called in Christian countries, deals with every word, thought and action of yours at the physical level. The mere fact of your having given affection at that level to Daphne and of her having returned that affection, even though it did not come to the natural fruition of what the world calls marriage, means that you two have a link with each other, which sooner or later you must work out. There is a great deal to be said for the state of being in love, for whilst a person is in that state or even imagines himself to be in that state, he wants to give and for a short period does not seek to get anything in return for what he gives. Expressed differently he exudes something that can be said to be the highest he can offer. That giving is a cause which must produce an effect; in other words, the law of karma must work its natural way. A real exchange of love makes an ideal partnership for progress in anything, for each one is only too willing and anxious to help the other in any way possible, so I welcome this contact of yours and I do not mind admitting that I hoped you would make it. I could not bring you here deliberately, for that would have been interfering with the natural working out of the law of karma I mentioned. Presumably it was your fate to meet again under these different conditions,

nắm tay tôi đã là một tiếp xúc cho anh khi tôi bảo anh dùng ý chí để đi trước hết từ khối cầu thấp nhất lên khối cầu thứ hai và sau đó từ khối cầu thứ hai lên khối cầu thứ ba. Anh sẽ thấy rằng bằng cách vận dụng ý chí, cộng với việc có một tiếp xúc biết rõ đường đi nước bước, sẽ hoàn toàn không có khó khăn gì.”

Ông tiếp tục: “Anh thấy đấy, anh vẫn chưa biết nhiều về định luật nghiệp quả, định luật phần lớn tạo nên các tiếp xúc của anh và đem đến cho anh những cơ hội rất quan trọng đối với sự tiến hoá của anh. Định luật nghiệp quả này, hay định luật nhân quả như người ta thường gọi ở các nước Cơ Đốc giáo, chi phối mọi lời nói, tư tưởng và hành động của anh ở cấp độ hồng trần. Chỉ riêng sự kiện anh đã trao tình cảm cho Daphne ở cấp độ ấy và nàng đã đáp lại tình cảm đó, dù nó không đi đến kết quả tự nhiên mà thế gian gọi là hôn nhân, cũng có nghĩa là hai người có một mối liên kết với nhau, mà sớm hay muộn hai người cũng phải giải quyết. Có rất nhiều điều có thể nói về trạng thái đang yêu, vì khi một người ở trong trạng thái ấy, hay ngay cả chỉ tưởng rằng mình ở trong trạng thái ấy, y muốn cho đi và trong một thời gian ngắn không tìm cách nhận lại điều gì để đổi lấy những gì mình cho đi. Nói cách khác, y toả ra một cái gì đó có thể gọi là điều cao nhất mà y có thể hiện dâng. Sự cho đi ấy là một nguyên nhân tất phải sinh ra một kết quả; nói cách khác, định luật nghiệp quả phải vận hành theo cách tự nhiên của nó. Một sự trao đổi tình yêu chân thật tạo nên một sự cộng tác lý tưởng cho sự tiến bộ trong bất cứ việc gì, vì mỗi người đều quá sẵn lòng và tha thiết giúp người kia bằng mọi cách có thể; vì vậy tôi hoan nghênh tiếp xúc này của anh, và tôi không ngại thừa nhận rằng tôi đã hy vọng anh sẽ tạo được nó. Tôi không thể cố ý đưa anh đến đây, vì như thế sẽ là can thiệp vào sự vận hành tự nhiên của định luật nghiệp quả mà tôi vừa nói đến. Có lẽ số phận của hai người là gặp lại nhau trong

and it is now up to you both to take advantage of the force of circumstances that has made this linking up possible.

“How fascinating is the working of God, of Fate. Had Charles not been killed, you would not have been so miserable that I was detailed to come and help you. Now, through your efforts to understand something of the evolutionary plan, you have been allowed to meet again a person whom you thought you had lost forever—or lost for the remainder of your physical life.

“I cannot guarantee that on a morning following a joint astral plane expedition you will always recall all your experiences, for the development of a perfect memory, covering what you do when you are out of your physical body, requires much practice and so far you are only a very young pupil. I shall help you to remember what you have seen tonight and when you write out your report of the night’s happenings, you will realise how important it is to bring back into the physical brain cells the result of your wanderings; you will probably make a great effort in the future, which will gradually enable you to have the continuity of consciousness that is so essential. The mere fact that you have found someone in the astral world whom you were fond of in the physical world will encourage you to make herculean efforts to overcome your limitations. Daphne can help you a great deal, too, for having lived at this level for some years, she knows the power of thought; she knows too what can be done at the astral level and what cannot be done there. If you continue your efforts to remember what you do whilst out of your physical body at night, you will be able to carry on a second existence as it were, a life which you lead only when your physical body is asleep.”

những điều kiện khác biệt này, và giờ đây tùy ở cả hai người tận dụng mãnh lực của hoàn cảnh đã làm cho sự liên kết này trở nên khả hữu.

“Công việc của Thượng đế, của Số Mệnh, thật kỳ diệu biết bao. Nếu Charles không bị giết, anh đã không đau khổ đến mức tôi được giao đến giúp anh. Giờ đây, nhờ những nỗ lực của anh nhằm thấu hiểu đôi điều về Thiên Cơ tiến hoá, anh đã được phép gặp lại một người mà anh tưởng mình đã mất vĩnh viễn—hay mất đi trong phần đời hồng trần còn lại của mình.

“Tôi không thể bảo đảm rằng vào buổi sáng sau một chuyến du hành chung trên cõi cảm dục, anh sẽ luôn nhớ lại được mọi kinh nghiệm của mình, vì sự phát triển một ký ức hoàn hảo, bao quát những gì anh làm khi ra khỏi thể xác hồng trần, đòi hỏi rất nhiều thực hành, và cho đến nay anh vẫn chỉ là một học trò còn rất trẻ. Tôi sẽ giúp anh nhớ những gì anh đã thấy đêm nay, và khi anh viết ra bản tường trình về những việc xảy ra trong đêm, anh sẽ nhận ra việc mang kết quả của những cuộc du hành ấy trở lại các tế bào não hồng trần quan trọng đến mức nào; có lẽ về sau anh sẽ nỗ lực rất lớn, điều sẽ dần dần giúp anh có được sự liên tục của tâm thức vốn hết sức thiết yếu. Chỉ riêng việc anh đã tìm thấy trong thế giới cảm dục một người mà anh từng yêu mến trong thế giới hồng trần cũng sẽ khuyến khích anh thực hiện những nỗ lực phi thường để vượt qua các giới hạn của mình. Daphne cũng có thể giúp anh rất nhiều, vì đã sống ở cấp độ này trong vài năm, nàng biết quyền năng của tư tưởng; nàng cũng biết điều gì có thể làm được ở cấp độ cảm dục và điều gì không thể làm được ở đó. Nếu anh tiếp tục nỗ lực nhớ lại những gì mình làm khi ra khỏi thể xác hồng trần vào ban đêm, anh sẽ có thể tiếp tục một sự tồn tại thứ hai, có thể nói như vậy, một đời sống mà anh chỉ sống khi thể xác hồng trần của anh đang ngủ.”

Daphne then took up the conversation by turning to my friend: “But Acharya,” she said, “as you say, I can be of great use to Henry now; why was I not able to link up with him before? I tried so hard after I came to this plane, but even in the early days, when I was living on the first sphere of this world, I did not seem to be able to make any impression on him.”

Before he could answer, I interrupted and said: “Look here you two, do you know each other? You called my friend Acharya and he has never even told me his name, though I have seen so much of him the last few days. Is your name Acharya?”

“Yes and no,” my Indian friend replied. “It is certainly part of my name, and I am usually called that, by those who have contact with me at this level. It is good enough for our purpose, so you too may call me by that name if you wish, but you soon realise that the names by which people are known in the world, at any rate the surnames, are not so important after all. You, Daphne, could not get in touch with Henry—do you, Henry, realise that this is the first time that I have mentioned your name?—because he was not yet awake in the occult or spiritual sense. Consequently, he did not remember anything of what he had done out of his body, apart from stray dreams that were extremely muddled and incomplete; therefore when next he left his body, he had no concentrated plan in thought of what he wished to do. You talked to him, I know, but as you say, he did not seem as interested as when you talked to him in the physical world; when you expected him to remember what you had talked about a few nights previously, he seemed vague and dull. That was because he was not awake; it required some great tragedy, such as the death of his well-loved brother Charles, to make him clamour for light, for

Lúc ấy Daphne tiếp lời bằng cách quay sang bạn tôi: “Nhưng Acharya,” nàng nói, “như ông nói, giờ đây tôi có thể rất hữu ích cho Henry; vậy tại sao trước đây tôi lại không thể liên kết với anh ấy? Tôi đã cố gắng rất nhiều sau khi đến cõi này, nhưng ngay cả trong những ngày đầu, khi tôi sống ở khối cầu thứ nhất của thế giới này, dường như tôi vẫn không thể gây được bất kỳ ảnh hưởng nào lên anh ấy.”

Trước khi ông kịp trả lời, tôi chen vào và nói: “Này hai người, hai người biết nhau sao? Cô gọi bạn tôi là Acharya, trong khi ông ấy chưa từng nói cho tôi biết tên mình, mặc dù mấy ngày qua tôi đã gặp ông ấy rất nhiều. Tên ông là Acharya sao?”

“Vừa đúng vừa không,” người bạn Ấn Độ của tôi đáp. “Đó chắc chắn là một phần tên tôi, và những người có tiếp xúc với tôi ở cấp độ này thường gọi tôi như vậy. Nó đủ dùng cho mục đích của chúng ta, nên anh cũng có thể gọi tôi bằng tên ấy nếu muốn; nhưng anh sẽ sớm nhận ra rằng những cái tên mà người ta được biết đến trong thế gian, ít nhất là họ, rốt cuộc không quan trọng đến thế. Còn cô, Daphne, cô không thể tiếp xúc được với Henry—Henry này, anh có nhận ra đây là lần đầu tiên tôi nhắc đến tên anh không?—bởi vì anh ấy vẫn chưa thức tỉnh theo nghĩa huyền bí hay tinh thần. Do đó, anh ấy không nhớ được gì về những gì mình đã làm khi ra khỏi thể xác, ngoài những giấc mơ rời rạc cực kỳ lộn xộn và không trọn vẹn; vì vậy, lần kế tiếp khi rời thể xác, anh ấy không có một kế hoạch tư tưởng tập trung về điều mình muốn làm. Tôi biết cô đã nói chuyện với anh ấy, nhưng như cô nói, anh ấy dường như không hứng thú như khi cô nói chuyện với anh ấy trong thế giới hồng trần; khi cô mong anh ấy nhớ lại điều hai người đã nói với nhau vài đêm trước, anh ấy lại tỏ ra mơ hồ và thờ ơ. Đó là vì anh ấy chưa thức tỉnh; cần phải có một bi kịch lớn nào đó, như cái chết của người em trai Charles mà anh ấy rất yêu

occult knowledge; there had to be a crisis, for through this, the urge to know is born—what a man really wants he can get, providing he is willing and eager to work. “Knock and it shall be opened to you, seek and ye shall find,” said the great Master, the Christ, and those words are literally true. But now we must get on, for I have more to show you before it is time for you to return to your body; perhaps you, Daphne, would care to come with us?”

“I would indeed,” said Daphne, “for I know that with your knowledge and help I can go to places which I cannot yet visit with my limited knowledge.”

“First have a look at your watch,” Acharya said to me, “and see how much time has elapsed since you left your body.”

I looked, and found that the face of my watch was strangely blurred. I tried to imagine what the time would be and each time I thought, the hands of my watch changed to synchronise with my thought. “I’m afraid I don’t know,” I replied, “for my watch seems to change the hour with each thought that passes through my head.”

“That is quite true,” went on Acharya, “for you see, you are looking not at an astral watch, but at the watch that you have imagined on your wrist. You are used to wearing a watch, so you automatically raise your wrist every time you want to know the hour; the mere fact that you expect to find a watch on your wrist, makes a watch appear on your wrist, for this is the world of illusion and what you think at the moment is for the moment. Now wait here and I will go and ascertain the exact time so far as we are concerned, for we are only interested

quý, mới khiến anh ấy kêu gào đòi ánh sáng, đòi tri thức huyền bí; phải có một cơn khủng hoảng, vì chính qua đó mà thôi thúc muốn biết được sinh ra—điều gì một người thật sự muốn, y có thể đạt được, miễn là y sẵn lòng và tha thiết làm việc. ‘Hãy gõ cửa thì cửa sẽ mở cho các người, hãy tìm thì các người sẽ thấy,’ vị Chân sư vĩ đại, Đức Christ, đã nói như vậy, và những lời ấy đúng theo nghĩa đen. Nhưng giờ chúng ta phải đi tiếp, vì tôi còn nhiều điều để chỉ cho hai người trước khi đến lúc anh phải trở về thể xác; có lẽ cô, Daphne, muốn đi cùng chúng tôi chẳng?”

“Dĩ nhiên là muốn,” Daphne nói, “vì tôi biết rằng với tri thức và sự giúp đỡ của ông, tôi có thể đến những nơi mà với hiểu biết hạn hẹp của mình tôi chưa thể viếng thăm.”

“Trước hết hãy nhìn đồng hồ của anh,” Acharya nói với tôi, “và xem từ lúc anh rời thể xác đến nay đã trôi qua bao nhiêu thời gian.”

Tôi nhìn, và thấy mặt đồng hồ của mình mờ nhòe một cách kỳ lạ. Tôi cố hình dung xem bây giờ là mấy giờ, và mỗi lần tôi nghĩ như vậy, kim đồng hồ lại đổi theo để đồng bộ với ý nghĩ của tôi. “E rằng tôi không biết,” tôi đáp, “vì đồng hồ của tôi dường như đổi giờ theo từng ý nghĩ thoáng qua trong đầu tôi.”

“Đúng là như vậy,” Acharya tiếp tục, “vì anh thấy đấy, anh đang nhìn không phải một chiếc đồng hồ cảm dục, mà là chiếc đồng hồ anh đã hình dung trên cổ tay mình. Anh quen đeo đồng hồ, nên mỗi khi muốn biết giờ anh tự động đưa cổ tay lên; chỉ riêng việc anh chờ đợi thấy một chiếc đồng hồ trên cổ tay mình đã khiến một chiếc đồng hồ xuất hiện ở đó, vì đây là thế giới của ảo tưởng, và điều anh nghĩ trong khoảnh khắc thì hiện hữu trong khoảnh khắc ấy. Giờ hãy chờ ở đây, tôi sẽ đi xác định thời gian chính xác theo như trường hợp của chúng

in the time that exists in the place where your body is lying and to know when you are likely to have to return to that body. The time that rules in other parts of the world is of no interest to you in this case.” As he finished speaking, he seemed to vanish into thin air. I had hardly recovered from my surprise, when he was back again, standing beside me. He continued. “I returned to your body, sleeping in your bedroom in Colombo, and the watch on your wrist there says 11:30.”

“But surely my watch must have stopped,” I said, “for we seem to have been on the astral plane for hours and not just for an hour and a half.”

Acharya continued, “You will soon realise that time seems different at the astral level from what you are used to at the physical level. It is quite true that only one-and-a-half hours have elapsed since you emerged from your physical body and we started our tour, and you will appreciate even more what I say when, tomorrow, you write down your experiences and realise what you accomplished in just one-and-a-half-hours of physical plane time. You must have had experience in your physical life when you awakened at 6 o’clock in the morning and realised that you had not to get up for at least another hour. You turned over, went to sleep again and had a long complicated dream that, in time, seemed to take a whole day. Then you awoke and your clock told you that you had only been asleep for twenty minutes. What I have told you is an astral fact, which you must remember, for time does not exist at this level.”

We then left Daphne’s workroom and were again in the passage. We floated down the stairs into the main hall and into the garden. No one seemed to be about, though we passed one man who was going into the Academy to

ta, vì chúng ta chỉ quan tâm đến thời gian tồn tại ở nơi thể xác anh đang nằm và biết khi nào anh có thể phải trở về với thể xác ấy. Thời gian chi phối ở những nơi khác trên thế giới không có gì đáng quan tâm với anh trong trường hợp này.” Vừa dứt lời, ông dường như tan biến vào không khí. Tôi còn chưa hết ngạc nhiên thì ông đã trở lại, đứng bên cạnh tôi. Ông nói tiếp: “Tôi đã trở về chỗ thể xác anh đang ngủ trong phòng ngủ của anh ở Colombo, và chiếc đồng hồ trên cổ tay anh ở đó chỉ 11 giờ 30.”

“Nhưng chắc hẳn đồng hồ của tôi đã ngừng chạy,” tôi nói, “vì dường như chúng ta đã ở trên cõi cảm dục hàng giờ chứ không chỉ một tiếng rưỡi.”

Acharya tiếp tục: “Anh sẽ sớm nhận ra rằng thời gian ở cấp độ cảm dục dường như khác với điều anh quen thuộc ở cấp độ hồng trần. Quả thật chỉ mới một tiếng rưỡi trôi qua kể từ khi anh ra khỏi thể xác hồng trần và chúng ta bắt đầu chuyến đi, và ngày mai khi anh viết lại các kinh nghiệm của mình rồi nhận ra anh đã hoàn thành được những gì chỉ trong một tiếng rưỡi thời gian cõi hồng trần, anh sẽ càng thấu hiểu hơn điều tôi nói. Hẳn trong đời sống hồng trần anh đã từng có kinh nghiệm thức dậy lúc 6 giờ sáng và nhận ra rằng mình chưa phải dậy trong ít nhất một giờ nữa. Anh trở mình, ngủ lại và có một giấc mơ dài, phức tạp, mà về mặt thời gian dường như kéo dài cả một ngày. Rồi anh thức dậy và đồng hồ cho anh biết rằng anh mới chỉ ngủ thêm có hai mươi phút. Điều tôi vừa nói với anh là một sự kiện cảm dục mà anh phải nhớ, vì thời gian không tồn tại ở cấp độ này.”

Sau đó chúng tôi rời phòng làm việc của Daphne và lại ở ngoài hành lang. Chúng tôi lơ lửng xuống cầu thang, vào đại sảnh chính rồi ra khu vườn. Dường như không có ai quanh đó, dù chúng tôi có đi ngang qua một người đàn

carry on with his studies, for he had a case under his arm that looked as if it contained a flute. He smiled as he passed, but did not speak.

Acharya said that he wanted to take us to hear a special symphony concert which the deva kingdom was giving in the deep forest, in a remote part of the astral world where humans seldom penetrate. He told us that he had obtained permission for me and for him to attend and that he had no doubt that there would be no objection to Daphne coming along also, particularly as she was devoting a great part of her astral existence to the study of music. He explained that this concert would be quite different from any we had heard before, because its object was to produce beautiful music, but its specific purpose was building up a vortex of power that could be utilised for influencing a particularly important conference which was taking place in the physical world at the moment. He did not say what the conference was, but intimated that it had to do with the war and that the decisions which were made at this conference would have a great bearing on the eventual result of the war; also the date when once again the world would have stopped fighting and would have decided to try and settle its differences by negotiation instead of through the medium of arms and munitions. He explained that such force could be built up in two ways, through deep concentration and through sound. This blending of chords, brought about by means of each individual taking part in the proceedings concentrating deeply on the purpose to be achieved, built up a vortex of power which, when transmitted to the venue of the meeting through the medium of thought, actually influenced the people taking part in the conference. He gave as an example a group of people who were all irritable, some angry and all more or less

ông đang vào Học Viện để tiếp tục việc học của ông, vì ông kẹp dưới cánh tay một chiếc hộp trông như đựng sáo. Ông mỉm cười khi đi ngang qua, nhưng không nói gì.

Acharya nói rằng ông muốn đưa chúng tôi đi nghe một buổi hòa nhạc giao hưởng đặc biệt do giới thiên thần trình diễn trong khu rừng sâu, ở một vùng xa xôi của thế giới cảm dục mà con người hiếm khi thâm nhập được. Ông cho biết ông đã xin phép cho tôi và ông đến dự, và ông không nghi ngờ gì rằng cũng sẽ không có ai phản đối việc Daphne đi cùng, nhất là vì nàng đang dành phần lớn đời sống cảm dục của mình cho việc nghiên cứu âm nhạc. Ông giải thích rằng buổi hòa nhạc này sẽ hoàn toàn khác với bất kỳ buổi nào chúng tôi từng nghe trước đây, vì mục đích của nó là tạo ra âm nhạc tuyệt đẹp, nhưng chủ đích đặc biệt của nó là xây dựng một xoáy lực có thể được sử dụng để gây ảnh hưởng lên một hội nghị đặc biệt quan trọng đang diễn ra trong thế giới hồng trần vào lúc ấy. Ông không nói hội nghị đó là gì, nhưng ám chỉ rằng nó có liên quan đến chiến tranh và rằng những quyết định được đưa ra tại hội nghị này sẽ có ảnh hưởng rất lớn đến kết quả cuối cùng của cuộc chiến; đồng thời cũng ảnh hưởng đến ngày mà một lần nữa thế giới sẽ ngừng chiến đấu và quyết định thử giải quyết những bất đồng của mình bằng thương lượng thay vì bằng vũ khí và đạn dược. Ông giải thích rằng mãnh lực như vậy có thể được xây dựng theo hai cách: qua sự tập trung sâu sắc và qua âm thanh. Sự hòa trộn các hợp âm này, được tạo nên nhờ mỗi cá nhân tham gia nghi lễ đều tập trung sâu sắc vào mục đích cần đạt, đã xây dựng nên một xoáy lực mà khi được truyền đến nơi họp bằng phương tiện tư tưởng, thực sự gây ảnh hưởng lên những người tham dự hội nghị. Ông nêu ví dụ về một nhóm người đều đang bức bối, vài người tức giận và tất cả ít nhiều đều bị kích động: trước khi khai mạc một cuộc họp như vậy, chủ tọa sắp xếp để mọi người được mời đồ uống và

worked up: before opening such a meeting the chairman arranged for everyone to be served with a drink and to be allowed to smoke; at the same time he made sure that each had a comfortable chair, with the room warmed if it were cold to a temperature at which people felt relaxed. The meeting opened, the chairman perhaps started the proceedings by telling a good story, a second round of drinks was served and then the serious details of the agenda were tackled. What was the result? The people there, who a short time previously were feeling irritable and ready to disagree with each other, developed a camaraderie that made sensible discussion possible and the work of the chairman easy. In just the same way, but to a much greater degree, the force generated by such an effort as the deva kingdom was to make that night could be used to affect a group of men whose great influence could sway the destinies of countless millions of human beings. What they decided would indeed influence future humanity, so the work was certainly worthwhile.

Without further preamble we then set off into the distance, floating about five yards above the ground and travelling at a speed of about fifty miles an hour. This part of the astral world did not seem to be occupied by human beings; I cannot remember passing any individuals or groups of people, as we sped upon our way. I noticed that the country was exceedingly beautiful and that from time to time we passed buildings, either near or in the distance, that appeared to be similar to the Academy which we had left a short time previously. There was a profusion of flowers everywhere and numerous trees studded the countryside. Here and there I saw dense wooded patches of country, but we were travelling too quickly to notice anything significant about them. I think Acharya did most of the talking and as far as I remembered

được phép hút thuốc; đồng thời ông bảo đảm mỗi người đều có một chiếc ghế thoải mái, và nếu trời lạnh thì căn phòng được sưởi đến một nhiệt độ khiến người ta cảm thấy thư giãn. Cuộc họp bắt đầu, có lẽ chủ tọa mở đầu bằng một câu chuyện vui, một vòng đồ uống thứ hai được phục vụ, rồi sau đó những chi tiết nghiêm túc trong chương trình nghị sự mới được đem ra bàn. Kết quả là gì? Những người có mặt ở đó, chỉ ít lâu trước còn bực bội và sẵn sàng bất đồng với nhau, đã phát triển một tinh thần thân hữu khiến cuộc thảo luận hợp lý trở nên khả thi và công việc của chủ tọa trở nên dễ dàng. Cũng theo cách ấy, nhưng ở mức độ lớn hơn nhiều, mãnh lực được tạo ra bởi một nỗ lực như nỗ lực mà giới thiên thần sẽ thực hiện đêm đó có thể được dùng để tác động lên một nhóm những người nam có ảnh hưởng lớn, những người có thể làm nghiêng số phận của vô số triệu con người. Điều họ quyết định quả thật sẽ ảnh hưởng đến nhân loại tương lai, nên công việc ấy chắc chắn là đáng làm.

Không nói thêm lời nào, chúng tôi liền lên đường vào phía xa, lơ lửng cách mặt đất chừng năm thước và di chuyển với tốc độ khoảng năm mươi dặm một giờ. Phần này của thế giới cảm dục dường như không có con người cư ngụ; tôi không nhớ đã đi ngang qua bất kỳ cá nhân hay nhóm người nào khi chúng tôi lao đi trên đường. Tôi nhận thấy vùng đất này đẹp lạ thường và thảnh thơi chúng tôi đi qua những tòa nhà, hoặc ở gần hoặc ở xa, trông có vẻ tương tự như Học Viện mà chúng tôi vừa rời đi không lâu trước đó. Hoa nở khắp nơi và vô số cây cối điểm xuyết khắp miền quê. Chỗ này chỗ kia tôi thấy những khoảng rừng rậm dày đặc, nhưng chúng tôi đi quá nhanh nên không thể nhận ra điều gì đáng kể về chúng. Tôi nghĩ Acharya nói phần lớn thời gian, và theo như tôi nhớ thì ông mô tả vùng đất mà chúng tôi đang đi qua, nhưng tâm trí tôi đầy ắp những

he described the country through which we were passing, but my mind was so full with the wonders of my journey and what was still in store for me, that I cannot remember anything particular to record.

After travelling for what seemed like ten to fifteen minutes, I saw ahead of us what appeared to be a dense forest and I remember Acharya pointing out this landmark when we approached it, as the end of our journey. We did not however come to earth at the beginning of the forest, but floated some few feet above the tops of the trees for perhaps three or four miles, then—our progress having slowed down to something approaching a walking pace—Acharya led us through an opening in the trees, where I observed there was a most beautiful open glade in the form of a rough circle the diameter of which was possibly fifty yards.

As we came to earth, there was no sign of activity, nor could I see anyone or anything moving in the open space before us. We were led to a huge tree, the roots of which gave us most comfortable seats, and were told to sit down and remain quiet.

It is perhaps opportune that I mention my impression of the light in this open space or glade. We were surrounded by dense trees, like an Indian jungle, whose tops seemed to branch out, so that the space at the top was very much smaller than the circle on the edge of which we sat. As I have mentioned, on the astral plane the light is bluish grey, much clearer than the most perfect moonlight, but it has not the bright, direct effect that sunlight gives. Visualise this glade as being perfectly light in its entirety; if a rabbit had run across the open circle no one could have missed seeing it, until it had run into the thickness of

điều kỳ diệu của chuyến đi và những gì còn chờ đợi phía trước, đến nỗi tôi không thể nhớ được điều gì đặc biệt để ghi lại.

Sau khi di chuyển chừng mười đến mười lăm phút theo cảm giác, tôi thấy phía trước chúng tôi một khu vực trông như một cánh rừng rậm, và tôi nhớ Acharya đã chỉ cho chúng tôi mốc này khi chúng tôi đến gần, như là điểm cuối của hành trình. Tuy nhiên, chúng tôi không hạ xuống đất ở đầu rừng, mà lơ lửng cách ngọn cây vài bộ trong khoảng ba hay bốn dặm; rồi—khi tốc độ của chúng tôi chậm lại gần như tốc độ đi bộ—Acharya dẫn chúng tôi xuyên qua một khoảng trống giữa các cây, nơi tôi thấy có một bãi trống tuyệt đẹp, hình gần tròn, đường kính có lẽ khoảng năm mươi thước.

Khi chúng tôi hạ xuống đất, không có dấu hiệu hoạt động nào, và tôi cũng không thấy ai hay vật gì chuyển động trong khoảng trống trước mặt. Chúng tôi được dẫn đến một cây cổ thụ khổng lồ, những rễ cây của nó tạo cho chúng tôi những chỗ ngồi rất thoải mái, và được bảo ngồi xuống, giữ im lặng.

Có lẽ đây là lúc thích hợp để tôi nói đến ấn tượng của mình về ánh sáng trong khoảng trống hay bãi cỏ này. Chúng tôi được bao quanh bởi những cây rậm rạp, như trong một khu rừng Ấn Độ, ngọn cây dường như xòe ra, khiến khoảng không phía trên nhỏ hơn rất nhiều so với vòng tròn ở rìa mà chúng tôi đang ngồi. Như tôi đã nói, trên cõi cảm dục ánh sáng có màu xám xanh, trong trẻo hơn ánh trăng hoàn hảo nhất, nhưng không có hiệu quả sáng rực, trực tiếp như ánh mặt trời. Hãy hình dung bãi trống này được chiếu sáng hoàn toàn ở mọi nơi; nếu một con thỏ chạy ngang qua vòng tròn trống trải ấy thì không ai có thể không

the jungle. We therefore had perfect vision of everything that took place, and at the same time were surrounded by dense forest into which little or no light penetrated.

After sitting there for some minutes, I noticed a group of little men—like dwarfs—emerge from the forest on my extreme left, where they seated themselves crosslegged in a semicircle. As far as I can remember there were about ten of them and each one carried with him an instrument which looked like a cross between a kettledrum and a tom-tom. I noticed they were dressed in little brown suits, with tiny shoes and caps made of a vivid green material, far brighter than the foliage of the trees. Their features appeared to be those of middle-aged men, varying from forty to seventy years of age, judging by earth standards.

Those of you who have seen Walt Disney's film of *Snow White and the Seven Dwarfs* will have quite a good idea of the appearance of these little men. They did not speak or make any sound.

Soon afterwards a group of much taller people emerged from the forest, both male and female—an entirely different race. They appeared to be nearer to the human type, but were definitely ethereal in appearance. The female members of this group were girls whose ages might have been from eighteen to twenty five; all had long hair either hanging free or tied with a blue or green ribbon. Both men and women were absolutely silent. This group numbered perhaps thirty-five in all and they carried with them instruments, obviously of a musical character, but slightly different from the violins, cellos, clarinets and flutes which we see in a western world orchestra. They did not sit down, but ranged

nhìn thấy nó, cho đến khi nó chạy vào chỗ rừng rậm. Vì vậy chúng tôi có tầm nhìn hoàn hảo đối với mọi điều diễn ra, đồng thời lại được bao quanh bởi khu rừng dày đặc mà rất ít hoặc hầu như không có ánh sáng xuyên vào.

Sau khi ngồi đó vài phút, tôi nhận thấy một nhóm những người tí hon—giống như người lùn—từ trong rừng xuất hiện ở phía ngoài cùng bên trái của tôi, rồi ngồi xếp bằng thành hình bán nguyệt. Theo như tôi nhớ thì có khoảng mười người, và mỗi người mang theo một nhạc cụ trông như lai giữa trống kettledrum và trống tom-tom. Tôi nhận thấy họ mặc những bộ đồ nâu nhỏ, với giày nhỏ và mũ nhỏ làm bằng một chất liệu xanh lục rực rỡ, sáng hơn nhiều so với lá cây. Nét mặt của họ trông như những người đàn ông trung niên, độ tuổi từ bốn mươi đến bảy mươi nếu xét theo tiêu chuẩn Trái Đất.

Những ai đã xem bộ phim *Snow White and the Seven Dwarfs* của Walt Disney sẽ có một hình dung khá rõ về diện mạo của những người tí hon này. Họ không nói và cũng không phát ra âm thanh nào.

Không lâu sau đó, một nhóm người cao hơn nhiều xuất hiện từ trong rừng, cả nam lẫn nữ—một nhân loại hoàn toàn khác. Họ có vẻ gần với kiểu người hơn, nhưng diện mạo rõ ràng là dĩ thái. Các thành viên nữ trong nhóm này là những cô gái có lẽ từ mười tám đến hai mươi lăm tuổi; tất cả đều có mái tóc dài hoặc buông xõa hoặc buộc bằng dải ruy băng xanh lam hay xanh lục. Cả nam lẫn nữ đều tuyệt đối im lặng. Nhóm này có lẽ khoảng ba mươi lăm người tất cả, và họ mang theo những nhạc cụ rõ ràng có tính chất âm nhạc, nhưng hơi khác với violon, cello, clarinet và sáo mà chúng ta thấy trong một dàn nhạc phương Tây. Họ không ngồi xuống, mà đứng thành hàng sao cho những người có cùng loại nhạc cụ đứng gần nhau ít

themselves so that those with the same type of instrument were more or less together, whilst all formed a compact group, standing perhaps about twenty yards away from the first group of little men.

There did not seem to be a breath of wind, yet the top branches of the huge trees moved very slightly. An amazing silence prevailed for perhaps two minutes, then all at once the little men started to use their drums. Almost simultaneously they began to chant in very low voices, which blended with the background of the drums, without taking away from the beauty of the notes which came from the mouths of the little men. Obviously it was a spiritual chant or mantra, for the very air was permeated with the outpouring of force, which quite definitely they were endeavouring to create. After perhaps six verses of this chant, the second group, or main orchestra, commenced to play. It is quite impossible to describe the beauty of the music played, which blended perfectly with the background of chanting and gentle drumming. The volume was not great, but it held one enthralled by its purity and beauty. What was being played was a symphony, for it had separate and distinct movements, with a main theme which was repeated from time to time. Two complete movements had been played and the orchestra was in the middle of the third movement when, suddenly, what seemed to be a human voice of astounding beauty rang out on the air. It seemed to come from above and immediately I looked upwards. At first I could see nothing and no one; after some time Acharya directed my attention to a distant tree on the opposite side of the glade and there at the very top I saw what appeared to be a young girl of great beauty, sitting on the branches with her hair floating behind her, taking the solo part in the most beautiful symphony of sound. She was a

nhieu, trong khi tất cả hợp thành một nhóm gọn, đứng cách nhóm người tí hon đầu tiên chừng hai mươi thước.

Dường như không có một làn gió nào, vậy mà những cành cao của các cây lớn khẽ lay động. Một sự im lặng kỳ lạ bao trùm trong khoảng hai phút, rồi đột nhiên những người tí hon bắt đầu sử dụng trống của họ. Gần như đồng thời, họ bắt đầu tụng bằng những giọng rất trầm, hòa vào nền trống mà không làm mất đi vẻ đẹp của những âm điệu phát ra từ miệng họ. Rõ ràng đó là một bài tụng hay mantram tinh thần, vì chính không khí cũng thấm đẫm làn tuôn đổ của mãnh lực mà họ rõ ràng đang cố tạo ra. Sau chừng sáu đoạn tụng như vậy, nhóm thứ hai, hay dàn nhạc chính, bắt đầu chơi. Hoàn toàn không thể mô tả vẻ đẹp của âm nhạc được trình diễn, hòa quyện hoàn hảo với nền tụng và tiếng trống nhẹ nhàng. Âm lượng không lớn, nhưng giữ người nghe trong trạng thái mê say bởi sự tinh khiết và vẻ đẹp của nó. Điều đang được trình diễn là một bản giao hưởng, vì nó có những chương riêng biệt, rõ ràng, với một chủ đề chính được lặp lại từng lúc. Hai chương trọn vẹn đã được chơi xong và dàn nhạc đang ở giữa chương thứ ba thì đột nhiên một giọng người dường như có vẻ đẹp kinh ngạc vang lên trong không trung. Nó dường như đến từ phía trên, và tôi lập tức ngược nhìn lên. Lúc đầu tôi không thấy gì và cũng không thấy ai; một lúc sau Acharya hướng sự chú ý của tôi đến một cái cây ở xa phía đối diện bãi trống, và ở tận ngọn cây tôi thấy một hình dáng như một thiếu nữ tuyệt đẹp, ngồi trên cành với mái tóc bay phía sau, đang đảm nhận phần độc tấu trong bản giao hưởng âm thanh đẹp nhất. Đó là một giọng soprano thuần khiết; giọng nàng không có âm lượng lớn, nhưng sự tinh khiết của từng nốt hát ra làm rung dứt những dây lòng tôi đến mức tôi muốn khóc.

pure soprano, her voice had no great volume but the purity of each note sung tore my heart strings so that I wanted to weep.

This went on for perhaps ten minutes, the orchestra playing a few bars, then the girl coming in with an unaccompanied solo, later passing to the ordinary method of singing in company with the orchestra, gradually building up the power for which the music was being played. A fourth movement which seemed to embody the spirit of the three which had preceded it—and entirely orchestral—closed the performance. The symphony simply faded away and suddenly one realised that the silence, which had been so noticeable, surrounded us once again. I looked at the top of the tree where the singer had been—she was no longer there; the groups comprising the orchestra and the little men remained where they were, the members of the orchestra now seated on the ground. Out of the forest an old, old man appeared, he had a flowing beard and was dressed in ceremonial robes. He walked slowly and sedately to the centre of the open glade and raising his hands in supplication to some form of deity started what seemed to be an invocation, for the two groups of players bowed their heads and listened to the words he uttered. I did not understand a word of what he said, yet I knew that it was a prayer, asking that the work which had just been completed should be successful. It was also an effort of will, for every member of both groups was concentrating to his or her utmost that the purpose might be fulfilled. It all ended quite suddenly and, silently, the old man vanished into the jungle; then the groups of players rose from their sitting position and, moving down the glade, disappeared from our vision. I was so affected by what I had heard that I did not want to move and it came as rather a shock to me when Acharya said:

Việc này tiếp diễn chừng mười phút; dàn nhạc chơi vài ô nhịp, rồi cô gái cất lên một đoạn độc tấu không đệm, sau đó chuyển sang cách hát thông thường cùng với dàn nhạc, dần dần xây dựng mãnh lực mà âm nhạc đang được trình diễn để tạo ra. Một chương thứ tư, dường như hàm chứa tinh thần của ba chương trước đó—và hoàn toàn do dàn nhạc trình diễn—đã khép lại buổi biểu diễn. Bản giao hưởng đơn giản mờ dần đi, và đột nhiên người ta nhận ra rằng sự im lặng, vốn đã rất rõ rệt, lại một lần nữa bao quanh chúng tôi. Tôi nhìn lên ngọn cây nơi người ca sĩ đã ngồi—nàng không còn ở đó nữa; các nhóm hợp thành dàn nhạc và những người tí hon vẫn ở nguyên chỗ cũ, các thành viên dàn nhạc lúc này đã ngồi xuống đất. Từ trong rừng xuất hiện một ông lão rất, rất già, râu dài buông xuống và mặc lễ phục. Ông chậm rãi, điềm đạm bước đến giữa bãi trống, rồi giơ tay lên trong tư thế khấn cầu một hình thức Thượng đế nào đó và bắt đầu điều dường như là một lời khấn cầu, vì hai nhóm nhạc công đều cúi đầu và lắng nghe những lời ông thốt ra. Tôi không hiểu một lời nào ông nói, nhưng tôi biết đó là một lời cầu nguyện, xin cho công việc vừa hoàn tất được thành công. Đó cũng là một nỗ lực của ý chí, vì mọi thành viên của cả hai nhóm đều đang tập trung hết mức để mục đích ấy được hoàn thành. Mọi việc kết thúc khá đột ngột, và trong im lặng, ông lão biến mất vào rừng; rồi các nhóm nhạc công đứng dậy khỏi chỗ ngồi và di chuyển dọc theo bãi trống, khuất khỏi tầm mắt chúng tôi. Tôi bị tác động quá mạnh bởi những gì mình đã nghe đến nỗi không muốn cử động, và tôi khá sững sốt khi Acharya nói:

“Well, that is all for tonight. I shall be most interested to know how much detail you remember in the morning.”

I was still rather in a daze when we stood up and, floating through the opening in the trees, began our homeward journey. Acharya gave us some idea of the purport of the ceremony we had just witnessed, but I am not very clear as to what he said, for my mind was still in a whirl and I was thinking about the wonderful spiritual influence which had seemed to be the outstanding part of the concert from beginning to end. I remember though that he described the different performers; he said that the little men were nature spirits, whereas the orchestra was composed of members of the deva kingdom, which is a parallel evolution to our human kingdom; the latter were similar in development in their scheme of evolution to Daphne and myself in the human kingdom. The soloist was in a different category for she was a very advanced deva and equal in that evolution to an exceedingly advanced individual in our evolution. The old man could be described as a priest, for he was dedicated to the priestly functions of that evolution and evolved through them, in a way very similar to that which happens in the human kingdom.

In due time we came to the Academy and stopped on the lawn just in front of the entrance because Acharya said it was necessary for me to retain a clear picture of this building in my mind for future occasions. I asked Daphne how I could find her again, presuming that I was able to get as far as this building by my own efforts. Acharya replied for her that I could usually be sure of finding Daphne in the same room that she had occupied when I first met her for, as there is no overcrowding in the astral world, most people can retain a particular working place for

“Vây là hết cho đêm nay. Tôi sẽ rất muốn biết sáng mai anh còn nhớ được bao nhiêu chi tiết.”

Tôi vẫn còn khá ngây ngất khi chúng tôi đứng dậy và lơ lửng qua khoảng trống giữa các cây, bắt đầu hành trình trở về. Acharya cho chúng tôi biết đôi điều về ý nghĩa của nghi lễ mà chúng tôi vừa chứng kiến, nhưng tôi không nhớ thật rõ ông đã nói gì, vì tâm trí tôi vẫn còn quay cuồng và tôi đang nghĩ về ảnh hưởng tinh thần kỳ diệu dường như là phần nổi bật nhất của buổi hòa nhạc từ đầu đến cuối. Tuy vậy, tôi nhớ ông có mô tả những người biểu diễn khác nhau; ông nói những người tí hon là các tinh linh tự nhiên, còn dàn nhạc thì gồm các thành viên của giới thiên thần, một đường tiến hoá song song với giới nhân loại của chúng ta; những vị sau này có mức phát triển trong hệ hành tinh tiến hoá của họ tương tự như Daphne và tôi trong giới nhân loại. Người độc tấu thuộc một loại khác, vì nàng là một thiên thần rất tiến bộ và tương đương trong đường tiến hoá ấy với một cá nhân cực kỳ tiến bộ trong đường tiến hoá của chúng ta. Ông lão có thể được mô tả như một tư tế, vì ông hiến mình cho các chức năng tư tế của đường tiến hoá ấy và tiến hoá qua chúng, theo một cách rất tương tự với điều xảy ra trong giới nhân loại.

Đến lúc thích hợp, chúng tôi trở lại Học Viện và dừng trên bãi cỏ ngay trước lối vào vì Acharya nói rằng tôi cần giữ một hình ảnh rõ ràng về tòa nhà này trong tâm trí cho những dịp sau. Tôi hỏi Daphne làm sao tôi có thể tìm lại nàng, giả sử tôi có thể tự mình đến được tòa nhà này. Acharya trả lời thay nàng rằng tôi thường có thể chắc chắn tìm thấy Daphne trong chính căn phòng mà nàng đã ở khi tôi gặp nàng lần đầu, vì trong thế giới cảm dục không có tình trạng quá đông đúc, nên phần lớn mọi người có thể giữ cho mình một nơi làm việc riêng biệt. Tuy nhiên, ông gợi ý với

themselves. He however suggested to Daphne that she should show me the little cottage where she lived. Daphne was delighted at the suggestion, and asked us to come and see it. She led the way by floating over the top of the Academy, when to my surprise I saw what looked like a miniature “Garden City” nestling in a valley about half a mile in the rear of the huge building. The houses, though small, were spread out, so that each little cottage had at least an acre of ground. It was quite apparent that each occupant had designed not only his cottage but his garden, in accordance with his own particular type of temperament and taste, and the result was exceedingly beautiful. There were cottages which might have been transplanted from any of the beautiful rural districts of England; others reminiscent of small villas in the South of France; others, purely Italian in type; whilst I noticed at least two built to resemble Eastern temples. Acharya noticed that I was interested in the different architectural types, so pointed out two cottages with domes similar to many Mohammedan temples I had seen. He said they were owned by people who were particularly interested in having a room with perfect acoustic properties.

Although I could have gone on gazing at this most wonderful sight, I sensed that Daphne was anxious to show us her home so, with her leading the way, we walked along a rustic path for perhaps two hundred yards. She led us through a gate into a garden, which was a veritable blaze of colour. The cottage itself could only be described as a dream house; the design appealed to me immediately. In front of the porch there was a little lawn, in the middle of which grew a shade tree with several wicket chairs arranged under its spreading branches—they looked so comfortable and attractive with their bright cretonne cushions. Immediately I was struck

Daphne rằng nàng nên cho tôi xem ngôi nhà nhỏ nơi nàng sống. Daphne rất vui với đề nghị ấy và mời chúng tôi đến xem. Nàng dẫn đường bằng cách lơ lửng qua phía trên Học Viện, và tôi ngạc nhiên khi thấy một thứ trông như một “Thành phố Vườn” thu nhỏ nép mình trong một thung lũng cách phía sau tòa nhà khổng lồ chừng nửa dặm. Những ngôi nhà tuy nhỏ nhưng được bố trí cách xa nhau, đến mức mỗi ngôi nhà nhỏ đều có ít nhất một mẫu đất. Rõ ràng mỗi người cư ngụ không chỉ thiết kế ngôi nhà mà cả khu vườn của mình, phù hợp với loại khí chất và sở thích riêng, và kết quả thật đẹp lạ thường. Có những ngôi nhà nhỏ dường như được mang đến từ bất kỳ miền quê xinh đẹp nào của nước Anh; những ngôi khác gợi nhớ những biệt thự nhỏ ở miền Nam nước Pháp; những ngôi khác nữa hoàn toàn theo kiểu Ý; trong khi tôi nhận thấy ít nhất hai ngôi được xây giống các đền thờ phương Đông. Acharya nhận thấy tôi quan tâm đến các kiểu kiến trúc khác nhau, nên chỉ cho tôi hai ngôi nhà nhỏ có mái vòm giống nhiều đền Hồi giáo mà tôi từng thấy. Ông nói chúng thuộc về những người đặc biệt quan tâm đến việc có một căn phòng với đặc tính âm học hoàn hảo.

Dù tôi có thể tiếp tục ngắm nhìn cảnh tượng tuyệt vời này lâu hơn nữa, tôi cảm thấy Daphne đang nóng lòng muốn cho chúng tôi xem nhà nàng, nên với nàng dẫn đường, chúng tôi đi dọc theo một lối mòn mọc dọc chừng hai trăm thước. Nàng dẫn chúng tôi qua một cánh cổng vào khu vườn, nơi thật sự rực cháy màu sắc. Bản thân ngôi nhà nhỏ chỉ có thể được mô tả như một ngôi nhà trong mơ; kiểu thiết kế ấy lập tức hấp dẫn tôi. Trước hiên có một bãi cỏ nhỏ, giữa bãi mọc một cây bóng mát với vài chiếc ghế mây đặt dưới những cành xòe rộng—chúng trông thật thoải mái và hấp dẫn với những chiếc đệm cretonne sáng màu. Tôi lập tức nhận ra một ưu thế của thể

by the advantage in the astral world, in that as there was no danger of rain or robbers such things can be left outside for an indefinite period.

We went into the cottage and Daphne showed us first of all the largest of the four rooms that the cottage contained; it was furnished as a lounge with upholstered settees and easy chairs, occasional tables, other small chairs and a baby grand piano in the corner. There was no sign of ostentation but it was obvious that personal ideas of the owner had been given full rein, which in the world is often impossible, owing to the cost of things that we would dearly like to have. Here there was no such limitation and it was obvious from looking at this room that the owner was a person of artistic tastes, but with no desire for show in any form. There were several large windows, stretching almost the full length of the lounge, and the clear astral light which came through them brought out the beautiful blending of the colours in the tapestry that covered the chairs and settees and the colours of the Persian carpet that blended so harmoniously with the tapestry, upholstery and curtains. I realised that perfection was very easy to obtain at this level, if one had the right ideas. In the world one might search for years and then not find a Persian carpet that blended so perfectly with the other colours used in the decoration of the room. The walls, which were an ivory colour, were bare but for a couple of etchings and one or two delightful water colours. It was a room in which one wanted to sit; it looked like a home and not a room for show. From just walking through the rooms, you realised the type of occupant who lived there, and I could well understand Daphne wanting to show us her home.

The second largest room was furnished as a bedroom, a very typical woman's bedroom,

giới cảm dục, đó là vì không có nguy cơ mưa hay trộm cướp nên những thứ như vậy có thể để ngoài trời vô thời hạn.

Chúng tôi vào nhà và trước hết Daphne cho chúng tôi xem căn lớn nhất trong bốn phòng của ngôi nhà; nó được bày như một phòng khách với những ghế sofa bọc nệm và ghế bành êm, bàn nhỏ, những ghế nhỏ khác và một cây đại dương cầm baby grand ở góc phòng. Không có dấu hiệu phô trương nào, nhưng rõ ràng những ý tưởng cá nhân của chủ nhân đã được tự do thể hiện trọn vẹn, điều mà trong thế gian thường là không thể vì giá thành của những thứ mà ta rất muốn có. Ở đây không có giới hạn như vậy, và chỉ cần nhìn căn phòng này cũng thấy chủ nhân là một người có gu nghệ thuật, nhưng không hề có ham muốn phô bày dưới bất kỳ hình thức nào. Có vài cửa sổ lớn kéo dài gần suốt chiều dài phòng khách, và ánh sáng cảm dục trong trẻo chiếu qua chúng làm nổi bật sự hòa phối tuyệt đẹp của các màu sắc trong tấm thảm phủ ghế và sofa, cũng như màu sắc của tấm thảm Ba Tư hòa hợp đến thế với tấm phủ, nệm ghế và rèm cửa. Tôi nhận ra rằng ở cấp độ này, sự hoàn hảo rất dễ đạt được nếu người ta có những ý tưởng đúng đắn. Trong thế gian, người ta có thể tìm kiếm nhiều năm mà vẫn không tìm được một tấm thảm Ba Tư hòa hợp hoàn hảo đến vậy với những màu sắc khác dùng trong việc trang trí căn phòng. Những bức tường màu ngà gần như để trống, chỉ có vài bức khắc và một hai bức màu nước duyên dáng. Đó là một căn phòng khiến người ta muốn ngồi lại; nó trông như một mái nhà chứ không phải một căn phòng để trưng bày. Chỉ cần đi qua các phòng, người ta đã nhận ra kiểu người cư ngụ ở đó, và tôi hoàn toàn hiểu được vì sao Daphne muốn cho chúng tôi xem nhà nàng.

Căn lớn thứ hai được bày như một phòng ngủ, một phòng ngủ rất điển hình của phụ nữ, với

with a divan in one corner and all the other details of furniture which one usually finds in a perfectly furnished room of this type. I was surprised that a bedroom should be necessary in the astral world, where sleep is not part of the ordinary routine of life. Daphne explained that, however, by asking me whether there were not occasions when I felt a desire to relax in a reclining position, merely to think or to read. I had to admit this was so, and Daphne told me that she spent very many happy hours relaxing on her divan, thinking, reading and making plans for the future.

The remaining two rooms turned out to be a library and a kitchen. The library was furnished with the same comfort and artistic taste as the other two rooms, bookcases filled with books all bound in beautiful Russian leather completely covered two sides of the room. The mere look of the volumes invited one to sit down and peruse their contents. The kitchen was furnished with all modern appliances and although I had imagined a kitchen would be unnecessary here, Daphne said she still enjoyed making snacks for parties. Acharya again remarked that habits die very slowly in human beings and usually many years of existence in the astral world passed before these habits were entirely eradicated and forgotten.

I should have liked to remain here for a much longer time, but I could see Acharya was beginning to feel that the time was ripe for us to be on our way. I made one last request and that was to spend a few minutes in the garden. It was very delightful wandering among the flower beds, testing the scent of particular flowers and finding in each case that it was exactly the same as those flowers in the world, but perhaps a little more pronounced. Acharya commented on this point by saying

một chiếc divan ở góc phòng và tất cả những chi tiết nội thất khác mà người ta thường thấy trong một căn phòng loại này được bài trí hoàn hảo. Tôi ngạc nhiên rằng một phòng ngủ lại cần thiết trong thế giới cảm dục, nơi giấc ngủ không phải là một phần của nếp sống thường nhật. Tuy nhiên, Daphne giải thích điều đó bằng cách hỏi tôi liệu có những lúc tôi cảm thấy muốn thư giãn trong tư thế ngả lưng, chỉ để suy nghĩ hay đọc sách hay không. Tôi phải thừa nhận là có, và Daphne nói với tôi rằng nàng đã trải qua rất nhiều giờ hạnh phúc khi thư giãn trên chiếc divan của mình, suy nghĩ, đọc sách và lập kế hoạch cho tương lai.

Hai phòng còn lại hóa ra là một thư viện và một nhà bếp. Thư viện được bài trí với cùng sự tiện nghi và gu nghệ thuật như hai phòng kia; những giá sách đầy ắp sách bọc da Nga tuyệt đẹp phủ kín hoàn toàn hai mặt tường của căn phòng. Chỉ riêng vẻ ngoài của các cuốn sách cũng đã mời gọi người ta ngồi xuống và đọc nội dung của chúng. Nhà bếp được trang bị mọi thiết bị hiện đại, và dù tôi từng nghĩ một nhà bếp ở đây là không cần thiết, Daphne nói nàng vẫn thích làm những món ăn nhẹ cho các buổi tiệc. Acharya lại nhận xét rằng các thói quen chết đi rất chậm nơi con người, và thường phải qua nhiều năm tồn tại trong thế giới cảm dục thì những thói quen ấy mới hoàn toàn bị xóa bỏ và quên đi.

Tôi muốn ở lại đây lâu hơn nhiều, nhưng tôi thấy Acharya bắt đầu cảm thấy đã đến lúc chúng tôi phải lên đường. Tôi đưa ra một yêu cầu cuối cùng, đó là được ở lại vài phút trong vườn. Thật thú vị khi đi dạo giữa các luống hoa, thử mùi hương của từng loài hoa và nhận thấy trong mỗi trường hợp nó hoàn toàn giống như những bông hoa ấy trong thế gian, nhưng có lẽ đậm hơn đôi chút. Acharya bình luận về điểm này rằng tôi chỉ có thể nhận ra một mùi hương nhất định nếu tôi biết mình chờ đợi

that I should only be able to recognise a particular scent if I knew what to expect; for example if there were a flower which I had never seen before and whose scent was unfamiliar to me, I would only smell what I imagined the scent to be, judging entirely from its appearance, whereas the real scent might be quite different from my imagination.

Daphne saw us to the gate, where we wished her *au revoir*. I assured her that I would most certainly return to visit her, if I were able to find my way. We floated into the air again over the top of the Academy building, coming to earth once more at the foot of the rise on which the building stood. Acharya again told me to impress the outline of the building on my imagination so that I could make a perfect thought-form of it at any time that I was trying to reach it. This I did. Acharya then told me that it was time to return to my physical body in Colombo and that the machinery necessary to effect this transfer was the same as we used when reaching this sphere of the astral world. He told me not to worry about it, but, simply to make an effort of will and endeavour to make a thought-form of the lawn outside my bungalow in Colombo. He held my hand as he had done previously, but he told me that this was merely to give me confidence and was quite unnecessary. I started to concentrate with all my might, and as I did so, I noticed that my surroundings immediately became blurred, and although there was no actual wind resistance noticeable, I had the feeling that I was moving through space. Instinctively I closed my eyes, holding the thought-form of my garden in mind, and after perhaps a few seconds, the feeling of movement seemed to cease. On opening my eyes, I saw Acharya standing beside me on my own lawn outside my bungalow in Colombo, smiling at my obvious

điều gì; chẳng hạn, nếu có một bông hoa mà tôi chưa từng thấy trước đây và mùi hương của nó xa lạ với tôi, tôi sẽ chỉ ngửi thấy điều mà tôi tưởng tượng mùi hương ấy phải là, hoàn toàn phán đoán từ vẻ ngoài của nó, trong khi mùi hương thật có thể hoàn toàn khác với sự tưởng tượng của tôi.

Daphne tiễn chúng tôi ra cổng, nơi chúng tôi chúc nàng *au revoir*. Tôi bảo đảm với nàng rằng chắc chắn tôi sẽ trở lại thăm nàng, nếu tôi có thể tìm được đường. Chúng tôi lơ lửng lên không trung phía trên Học Viện, rồi hạ xuống đất một lần nữa ở chân dốc nơi tòa nhà tọa lạc. Acharya lại bảo tôi in đậm đường nét của tòa nhà vào sự tưởng tượng của mình để tôi có thể tạo ra một Hình tư tưởng hoàn hảo về nó bất cứ lúc nào tôi cố gắng đến đó. Tôi đã làm như vậy. Sau đó Acharya bảo tôi đã đến lúc trở về thể xác hồng trần của mình ở Colombo và rằng bộ máy cần thiết để thực hiện sự chuyển dịch này cũng giống như khi chúng tôi đến khối cầu này của thế giới cảm dục. Ông bảo tôi đừng lo lắng về điều đó, mà chỉ cần thực hiện một nỗ lực của ý chí và cố tạo ra một Hình tư tưởng về bãi cỏ bên ngoài bungalow của tôi ở Colombo. Ông nắm tay tôi như trước đó đã làm, nhưng bảo rằng việc này chỉ để cho tôi thêm tự tin và thực ra là không cần thiết. Tôi bắt đầu tập trung với tất cả sức lực của mình, và khi làm vậy, tôi nhận thấy ngay lập tức khung cảnh xung quanh trở nên mờ nhòe, và dù không có sức cản gió thực sự nào đáng nhận thấy, tôi vẫn có cảm giác mình đang di chuyển trong không gian. Theo bản năng tôi nhắm mắt lại, giữ Hình tư tưởng về khu vườn của mình trong tâm trí, và chỉ sau vài giây, cảm giác chuyển động dường như chấm dứt. Khi mở mắt ra, tôi thấy Acharya đứng bên cạnh tôi trên chính bãi cỏ của tôi bên ngoài bungalow ở Colombo, mỉm cười trước sự ngạc nhiên quá rõ của tôi. Chúng tôi lập tức đi vào

surprise. We immediately entered the bungalow through the locked front door, went up the stairs and through the door of my bedroom. It no longer amazed me that neither of these doors offered any resistance. Sure enough my body, which I had left so many hours previously, was still lying asleep on the bed, but it seemed to show some slight signs of restlessness, which Acharya explained was the normal reaction of a body when the time approached for awakening. He said I would awake in a very short time and emphasised the necessity for me to sit down and record immediately the details of the happenings of the night that had passed. He placed his hand just above the top of the head on my body and appeared to concentrate upon the brain cells—so that they should give me the necessary assistance in remembering. I do not remember saying goodbye to Acharya, nor have I any recollection of his leaving the room, for within a few seconds I felt the urge to return to my body very strongly within me and, with the slithering movement which I had noticed on a previous occasion, I slipped into it again and at once was wide awake.

Thank heaven, the memory of the night's happening was still with me, so I immediately got out of bed, put on a dressing gown and moved over to my desk to commence the record of my journey. It was a quarter to six, and I found it necessary to switch on the electric light, as it was not light enough here for me either to write or use my typewriter. The report has taken a considerable time to complete, but as I had carefully arranged beforehand that I was not to be interrupted, I was able to finish it in peace and without any outside distractions.

Having breakfasted, I read through my report to make sure I had not forgotten anything. Tonight I mean to make an attempt on my

bungalow qua cánh cửa trước đang khóa, lên cầu thang và qua cửa phòng ngủ của tôi. Tôi không còn ngạc nhiên nữa khi cả hai cánh cửa ấy đều không gây ra chút cản trở nào. Quả nhiên thể xác của tôi, mà tôi đã bỏ lại từ nhiều giờ trước, vẫn đang nằm ngủ trên giường, nhưng dường như có vài dấu hiệu bồn chồn nhẹ, điều mà Acharya giải thích là phản ứng bình thường của một thể xác khi thời điểm thức dậy đang đến gần. Ông nói tôi sẽ thức dậy trong một thời gian rất ngắn nữa và nhấn mạnh sự cần thiết là tôi phải ngồi xuống và ghi lại ngay những chi tiết của các sự việc đã xảy ra trong đêm vừa qua. Ông đặt tay ngay phía trên đỉnh đầu của thể xác tôi và dường như tập trung vào các tế bào não—để chúng có thể cho tôi sự trợ giúp cần thiết trong việc ghi nhớ. Tôi không nhớ đã chào tạm biệt Acharya, cũng không có ký ức nào về việc ông rời khỏi phòng, vì chỉ trong vài giây tôi cảm thấy thôi thúc trở về thể xác rất mạnh mẽ trong mình, và với chuyển động trượt mà tôi đã nhận thấy trong một dịp trước, tôi lại trượt vào đó và lập tức hoàn toàn tỉnh táo.

Tạ ơn trời, ký ức về những việc xảy ra trong đêm vẫn còn nguyên với tôi, nên tôi lập tức ra khỏi giường, khoác áo choàng và đi đến bàn làm việc để bắt đầu ghi chép chuyển đi của mình. Lúc ấy là năm giờ bốn mươi lăm, và tôi thấy cần phải bật đèn điện, vì ở đây chưa đủ sáng để tôi viết hay dùng máy đánh chữ. Bản tường trình này đã mất khá nhiều thời gian để hoàn thành, nhưng vì tôi đã cẩn thận sắp xếp từ trước để không bị ai quấy rầy, nên tôi có thể hoàn tất nó trong yên tĩnh và không có bất kỳ xao lãng nào từ bên ngoài.

Sau khi ăn sáng, tôi đọc lại bản tường trình của mình để chắc rằng tôi không quên điều gì. Tối nay tôi định tự mình thử quay lại khối cầu thứ

own to get back to the third sphere using the Academy where Daphne works for my landmark.

I am really excited this time, for I have something to report. Not that I accomplished anything very wonderful but at least I had some success. After returning from a walk, I felt physically tired and gradually prepared for bed. I read for a few minutes after getting into bed, then turned out the light and settled myself for sleep. I still remember so clearly what my body looks like lying on the bed that it was no longer necessary for me to visualise myself in a hypothetical mirror, as I had been taught to do in the early days. I don't remember slipping out of my body, but sure enough, there I was in my room, with my body lying on the bed, as I had seen it on previous occasions. I went out of my room through the door, down the stairs and out of the front door on to the lawn where Acharya and I had stood not so many hours previously. It could only have been about half past ten, for there were still people about, walking and driving along the road; I realised that what I was seeing was the astral counterpart of the cars and of those people, and that I was actually on the lowest or first sphere of the astral world.

Now to make my attempt to get away from that first sphere, up to the third sphere where Daphne is living. Now to concentrate the whole of my effort of will and make a thought-form of the Academy, which Acharya made me visualise so carefully early this morning. I closed my eyes and used every ounce of will power that I possess and, sure enough, the feeling of movement without any wind resistance was the same. I kept the thought-form of the Academy very clearly in my mind, willing myself to reach the spot; and all at once I seemed to feel the sensation of movement had ceased and I opened my eyes.

ba, dùng Học Viện nơi Daphne làm việc làm mốc.

Lần này tôi thật sự phấn khích, vì tôi có điều để báo cáo. Không phải là tôi đã làm được điều gì quá kỳ diệu, nhưng ít nhất tôi cũng đã có chút thành công. Sau khi đi dạo về, tôi cảm thấy mệt về thể xác và dần dần chuẩn bị đi ngủ. Tôi đọc vài phút sau khi lên giường, rồi tắt đèn và yên vị để ngủ. Tôi vẫn còn nhớ rất rõ thể xác của mình trông như thế nào khi nằm trên giường, nên tôi không còn cần phải hình dung mình trong một tấm gương giả định như đã được dạy làm trong những ngày đầu nữa. Tôi không nhớ mình đã trượt ra khỏi thể xác như thế nào, nhưng quả nhiên, tôi đã ở trong phòng mình, với thể xác nằm trên giường, như tôi đã thấy trong những dịp trước. Tôi đi ra khỏi phòng qua cửa, xuống cầu thang và ra cửa trước đến bãi cỏ nơi Acharya và tôi đã đứng cách đó không bao nhiêu giờ. Lúc ấy chỉ có thể vào khoảng mười giờ rưỡi, vì vẫn còn người qua lại, đi bộ và lái xe dọc theo con đường; tôi nhận ra rằng điều tôi đang thấy là đối phần cảm dục của những chiếc xe và của những người ấy, và rằng tôi thực sự đang ở khối cầu thấp nhất hay khối cầu thứ nhất của thế giới cảm dục.

Giờ thì thử nỗ lực rời khỏi khối cầu thứ nhất ấy để lên khối cầu thứ ba nơi Daphne đang sống. Giờ thì tập trung toàn bộ nỗ lực ý chí của mình và tạo ra một Hình tư tưởng về Học Viện mà Acharya đã bắt tôi hình dung cẩn thận vào sáng sớm nay. Tôi nhắm mắt lại và dùng từng chút quyền năng ý chí mà mình có, và quả nhiên cảm giác chuyển động mà không có sức cản gió vẫn y như thế. Tôi giữ Hình tư tưởng về Học Viện thật rõ trong tâm trí, dùng ý chí buộc mình đến đúng nơi ấy; và đột nhiên tôi dường như cảm thấy cảm giác chuyển động đã chấm dứt nên mở mắt ra. Tạ ơn trời, tôi đã làm được! Học Viện đứng đó trên đỉnh đồi, đúng

Thank heaven, I'd done it! There stood the Academy on the top of the hill, just as I had seen it last night. My excitement was almost too great to bear. In fact I must have lost control of my faculties entirely; for suddenly everything around me including the Academy became blurred, and the next thing that I remember was waking up in bed in my physical body in Colombo, with my heart beating thirteen to the dozen.

Oh God, I've messed it up entirely! I got there—I actually reached the place where I wanted to be and through my excitement and lack of control I'm back again where I started, wide awake. I must have lain awake for at least two hours, cursing my stupidity and lack of control, then I seemed to settle down again and become sleepy. I decided to have another try and this time to keep control of my faculties so that I would not return to my physical body before it had had its normal quota of sleep.

Once again I concentrated on getting out of my body, at the same time I kept before me the thought-form of the Academy building. This time my exit from my body was a little different from the first occasion. I have no recollection whatsoever of standing in my bedroom, as I did earlier in the night, but to my amazement and great joy I found myself on the same spot from which I was so ruthlessly dragged when I lost control, a few hours before. This time I remembered that control was necessary and somehow forced myself to remain calm. I know that I sat down on the grass making no effort at all to go near the Academy, but just concentrated deeply on steadying my heart beats and remaining cool and collected.

Then I rose to my feet and floated up to the main entrance of the building, up the stairs

như tôi đã thấy đêm qua. Sự phấn khích của tôi gần như quá sức chịu đựng. Thật ra hẳn tôi đã hoàn toàn mất kiểm soát các năng lực của mình; vì đột nhiên mọi thứ xung quanh tôi, kể cả Học Viện, đều trở nên mờ nhòe, và điều tiếp theo tôi nhớ là mình tỉnh dậy trên giường trong thể xác hồng trần ở Colombo, tim đập thình thịch.

Ôi trời, tôi đã làm hỏng hết cả rồi! Tôi đã đến đó—tôi thực sự đã đến nơi mình muốn đến—và vì quá phấn khích cùng thiếu tự chủ, tôi lại quay về đúng chỗ mình bắt đầu, hoàn toàn tỉnh táo. Hẳn tôi đã nằm thức ít nhất hai giờ, nguyên rủa sự ngu ngốc và thiếu tự chủ của mình, rồi dường như tôi lại dịu xuống và buồn ngủ. Tôi quyết định thử lại một lần nữa, và lần này sẽ giữ quyền kiểm soát các năng lực của mình để không trở về thể xác hồng trần trước khi nó có đủ phần giấc ngủ bình thường.

Một lần nữa tôi tập trung vào việc ra khỏi thể xác, đồng thời giữ trước mắt mình Hình tư tưởng về tòa nhà Học Viện. Lần này việc ra khỏi thể xác của tôi hơi khác lần đầu. Tôi hoàn toàn không nhớ gì về việc đứng trong phòng ngủ của mình như trước đó trong đêm, mà thật kinh ngạc và vui sướng, tôi thấy mình ở đúng nơi mà vài giờ trước tôi đã bị kéo đi một cách tàn nhẫn khi mất kiểm soát. Lần này tôi nhớ rằng cần phải giữ tự chủ và bằng cách nào đó buộc mình phải bình tĩnh. Tôi biết mình đã ngồi xuống cỏ, hoàn toàn không cố đến gần Học Viện, mà chỉ tập trung sâu sắc vào việc làm nhịp tim ổn định và giữ cho mình điềm tĩnh, vững vàng.

Rồi tôi đứng dậy và lơ lửng lên lối vào chính của tòa nhà, lên cầu thang và đến cánh cửa của

and to the door of the room which I remembered so clearly had been occupied by Daphne the previous night. This time I realised that there was no possibility of going through the door in the same way that one does on the physical plane, for this building was composed of astral matter and therefore a door here was an obstacle to one's progress, as I also was in astral matter. I knocked on the door and waited, but there was no response. Once again I knocked, wondering whether the noise I made was insufficient for the occupant to hear, but again complete silence reigned and the door did not open. After a little time I carefully turned the handle and shyly peeped in. I need not have worried for there was no one there. I recognised the room though as the one where I had met Daphne the previous night, so without further preamble, I closed the door again, floated down the stairs and out of the front door. Rising in the air I passed over the roof-top and proceeded on my way, in the hope that Daphne would be at her cottage. I came to earth before I reached the garden city and had another look at its beautiful setting. It was indeed rather like a glimpse of Paradise. No wonder that I had wanted to remain looking at it for a longer period last night. There were even more types of cottages than I had realised, and I absolutely thrilled at the picture set out before me and only wished that I had been an artist, so that perhaps, after returning to my body, I could have reproduced some semblance of what I now saw in such detail.

The garden city occupied an undulating valley and on all sides the ground gradually sloped upwards until it reached a row of hills, plainly visible in the distance. I gazed my fill at the beautiful gardens, which could only exist in a world where there were no limitations of labour or wealth. There was much to be said for the cultivation of imagination in our

căn phòng mà tôi nhớ rất rõ là Daphne đã ở đêm trước. Lần này tôi nhận ra rằng không thể nào đi xuyên qua cửa theo cách người ta làm trên cõi hồng trần, vì tòa nhà này được cấu tạo bằng vật chất cảm dục và do đó một cánh cửa ở đây là một chướng ngại đối với sự tiến bước của người ta, cũng như chính tôi cũng đang ở trong vật chất cảm dục. Tôi gõ cửa và chờ, nhưng không có đáp ứng. Một lần nữa tôi lại gõ, tự hỏi không biết tiếng động mình tạo ra có quá nhỏ để người trong phòng nghe thấy hay không, nhưng một lần nữa sự im lặng hoàn toàn vẫn ngự trị và cánh cửa không mở. Sau một lúc, tôi cẩn thận xoay nắm cửa và rụt rè nhìn vào. Tôi không cần phải lo, vì không có ai ở đó. Tuy vậy tôi nhận ra căn phòng ấy chính là nơi tôi đã gặp Daphne đêm trước, nên không chần chừ thêm nữa, tôi lại đóng cửa, lơ lửng xuống cầu thang và ra cửa trước. Bay lên không trung, tôi vượt qua mái nhà và tiếp tục đi, hy vọng rằng Daphne sẽ ở ngôi nhà nhỏ của nàng. Tôi hạ xuống đất trước khi đến khu thành phố vườn và lại ngắm nhìn khung cảnh tuyệt đẹp của nó. Quả thật nó giống như một thoáng nhìn thấy Thiên Đàng. Không lạ gì đêm qua tôi đã muốn đứng ngắm nó lâu hơn. Có còn nhiều kiểu nhà nhỏ hơn cả điều tôi đã nhận ra, và tôi thực sự rung động trước bức tranh bày ra trước mắt mình, chỉ ước gì mình là một họa sĩ để có lẽ, sau khi trở về thể xác, tôi có thể tái hiện được phần nào hình ảnh mà lúc này tôi đang thấy chi tiết đến thế.

Thành phố vườn ấy nằm trong một thung lũng lượn sóng, và ở mọi phía mặt đất dần dần dốc lên cho đến khi chạm tới một dãy đồi, hiện rõ ở phía xa. Tôi tha hồ ngắm nhìn những khu vườn tuyệt đẹp, những khu vườn chỉ có thể tồn tại trong một thế giới không có những giới hạn về lao động hay của cải. Có rất nhiều điều đáng nói về việc vun bồi sự tưởng tượng trong đời

physical plane existence, for although daydreaming did not produce any practical results whilst we were alive, yet the faculty of being able to imagine in detail most certainly came into its own in the astral world. Here one only had to be able to visualise a thing and think strongly about it for the thought to become at once an established fact, a fact which remained just as long as, through thought, one wished the idea to continue. Happy people indeed and the thought passed through my mind that, now I knew a little more of what might be in store for me, I would not fret if I were told that soon it would be my turn to leave the physical world; what I had seen and knew made me realise that it is always possible for people who have left the world to be happy, if they really desire happiness. My last thought before an unforeseen interruption occurred was, how easy it was to form a picture in one's mind of almost every occupant of the bungalows. In the physical world it would be wrong to judge a man from his garden, for probably he has had little or nothing to do with its creation. Here no gardeners are necessary, each garden was the creation of the owner and from it one could make a very good guess as to the outstanding characteristics of the individual. I wished I might have the opportunity of putting my theory to the test.

Just then my attention was drawn to a figure in white, running towards me along the rustic path, a figure that was shouting as she ran. It was Daphne, of course, and she was obviously very excited.

“You’ve got here, Henry, I’m so glad. I’ve been trying to help you so much during the past few hours and I thought my efforts had been useless. Some time ago I felt once that you were near me and I was almost sure that you

sống cõi hồng trần của chúng ta, vì tuy mộng tưởng ban ngày không tạo ra kết quả thực tiễn nào khi chúng ta còn sống, nhưng năng lực có thể hình dung chi tiết chắc chắn phát huy trọn vẹn giá trị của nó trong cõi cảm dục. Ở đây, người ta chỉ cần có khả năng hình dung một điều gì đó và nghĩ mạnh mẽ về nó là hình tư tưởng ấy lập tức trở thành một sự kiện đã được xác lập, một sự kiện tồn tại đúng chừng nào, nhờ tư tưởng, người ta còn muốn ý tưởng ấy tiếp tục. Quả thật là những con người hạnh phúc, và một ý nghĩ thoáng qua trong tâm trí tôi rằng, giờ đây khi tôi đã biết thêm đôi chút về điều có thể đang chờ đợi mình, tôi sẽ không lo lắng nếu được báo rằng chẳng bao lâu nữa sẽ đến lượt tôi rời bỏ thế giới hồng trần; những gì tôi đã thấy và đã biết khiến tôi chứng nghiệm rằng những người đã rời thế gian luôn có thể hạnh phúc, nếu họ thật sự mong muốn hạnh phúc. Ý nghĩ cuối cùng của tôi trước khi có một sự gián đoạn bất ngờ xảy ra là, thật dễ dàng biết bao để hình thành trong tâm trí một bức tranh về gần như mọi người cư ngụ trong các ngôi nhà gỗ ấy. Trong thế giới hồng trần, sẽ là sai lầm nếu phán đoán một người qua khu vườn của ông, vì có lẽ ông ít hoặc hoàn toàn không dính dáng gì đến việc tạo dựng nó. Ở đây không cần người làm vườn; mỗi khu vườn đều là sáng tạo của chủ nhân, và từ đó người ta có thể đoán khá đúng những đặc tính nổi bật của cá nhân ấy. Tôi ước gì mình có cơ hội đem lý thuyết đó ra thử nghiệm.

Đúng lúc ấy, sự chú ý của tôi bị thu hút bởi một dáng người mặc trắng đang chạy về phía tôi dọc theo con đường mộc mạc, một dáng người vừa chạy vừa gọi lớn. Dĩ nhiên đó là Daphne, và rõ ràng nàng đang vô cùng xúc động.

“Anh đã đến được đây rồi, Henry, em mừng quá. Trong mấy giờ vừa qua em đã cố gắng giúp anh rất nhiều và em tưởng những nỗ lực của mình đều vô ích. Cách đây một lúc em đã một lần cảm thấy anh ở gần em và em gần như

had managed to get through the veil, but the impression gradually faded and I had given up hope, when once more I felt that you were in the vicinity. I had to come to this spot, I don't know why, and when I saw you standing here, in a reverie but really here, I think my heart stopped beating for a moment for sheer joy."

I looked at the graceful figure before me. She seemed just a slip of a girl, dressed in a muslin frock that showed off her girlish figure in the most enchanting lines, and I marveled at her beauty. Her dark brown hair with golden tints running through it made a perfect frame for the animated expression on her beautiful face, the eyes of which showed a love so pure that few men see it in the world. Everything that was decent in me seemed to come to the surface and I felt the age old desire to protect, to hold and to keep, which is the true feeling of a man for his chosen mate. I had no desire to speak, but gently though firmly took her in my arms and reverently pressed my kisses on her face and hair. There was no passion in my embrace. There seemed no room for passion, but there was a deep seated desire to come into closer touch with this child of my dreams, a desire to know her better and if possible to add to the happiness that she already had. She returned my kisses, not at all surprised at what I had done. For a moment her eyes filled with tears—tears which at once I tried to kiss away, almost before they had appeared. Then she hid her face as we turned and with my arm around her waist, slowly strolled in the direction of her cottage.

When we got there I led her into the lounge

chắc chắn rằng anh đã xoay sở để xuyên qua bức màn, nhưng ấn tượng ấy dần dần phai đi và em đã hết hy vọng, thì một lần nữa em lại cảm thấy anh ở trong vùng lân cận. Em *phải* đến chỗ này, em không biết tại sao, và khi em thấy anh đứng đây, đang mơ màng nhưng thật sự ở đây, em nghĩ tim em đã ngừng đập trong một khoảnh khắc vì niềm vui quá lớn."

Tôi nhìn dáng hình duyên dáng trước mặt mình. Nàng trông chỉ như một thiếu nữ mảnh mai, mặc chiếc váy muslin làm nổi bật vóc dáng thiếu nữ của nàng bằng những đường nét quyến rũ nhất, và tôi kinh ngạc trước vẻ đẹp của nàng. Mái tóc nâu sẫm với những ánh vàng óng xen trong đó tạo thành một khung hoàn hảo cho nét sinh động trên gương mặt xinh đẹp của nàng, đôi mắt biểu lộ một tình yêu trong sáng đến mức hiếm có người nam nào được thấy trên đời. Mọi điều đoan chính trong tôi dường như đều trỗi dậy, và tôi cảm thấy khát vọng muôn thuở muốn che chở, muốn ôm giữ và gìn giữ, vốn là cảm xúc chân thật của một người nam đối với người bạn đời mình đã chọn. Tôi không muốn nói gì, nhưng dịu dàng mà vững chắc ôm nàng vào vòng tay và kính cẩn đặt những nụ hôn lên mặt và tóc nàng. Không có đam mê trong vòng ôm của tôi. Dường như không có chỗ cho đam mê, nhưng có một ước muốn sâu xa được đến gần hơn với đứa con của những giấc mơ tôi, một ước muốn được hiểu nàng hơn và nếu có thể thì làm tăng thêm hạnh phúc mà nàng vốn đã có. Nàng đáp lại những nụ hôn của tôi, hoàn toàn không ngạc nhiên về điều tôi đã làm. Trong một khoảnh khắc, mắt nàng ngập lệ—những giọt lệ mà tôi lập tức cố hôn cho tan đi, gần như trước cả khi chúng xuất hiện. Rồi nàng giấu mặt khi chúng tôi quay đi, và với cánh tay tôi ôm quanh eo nàng, chúng tôi chậm rãi dạo bước về phía ngôi nhà nhỏ của nàng.

Khi đến nơi, tôi đưa nàng vào phòng khách và

and up to the piano.

“Play to me, darling,” I said, “I feel the need for music just at the moment.” I pulled up a chair and seated myself beside her. She played—what I cannot remember, but I know it was something that depicted joy. I leaned back, closed my eyes in sheer ecstasy and for a few moments realised the peace that passed understanding which, once felt, makes any other sensation empty and imperfect.

I don’t know how long we talked, but I remember I told her all about my misery after Charles was killed and how Acharya came to me, also my experiences up to the evening before, when with his help I met her again. We decided that although we were divided by the two of us living at different levels of consciousness, which made an ordinary life together impossible, we would create a life together, with things as they were, and prove that death was in no sense a barrier either to progress or happiness. We both felt sure that our regard for each other must enable me to pierce the veil whenever necessary and that I would come to her, even though she could not come to me.

She told me something of the people who lived in the valley. Many of them were friends of hers, whom she wanted me to meet. She explained that people at this level linked up together, where their interests were similar, but that there was no marriage in the ordinary sense of the word. People there were known by names, but they were Christian names or nicknames, never surnames. She gave me instances of some of them, mentioning that one girl who was always smiling and happy

đến bên cây đàn piano.

“Chơi cho anh nghe đi, em yêu,” tôi nói, “lúc này anh cảm thấy cần âm nhạc.” Tôi kéo một chiếc ghế lại và ngồi xuống bên cạnh nàng. Nàng chơi—chơi bản gì thì tôi không nhớ, nhưng tôi biết đó là một khúc nhạc diễn tả niềm vui. Tôi ngả người ra sau, nhắm mắt lại trong niềm ngây ngất thuần túy, và trong vài khoảnh khắc đã chứng nghiệm sự bình an vượt ngoài mọi thấu hiểu, mà một khi đã cảm nhận thì mọi cảm giác khác đều trở nên trống rỗng và bất toàn.

Tôi không biết chúng tôi đã nói chuyện bao lâu, nhưng tôi nhớ mình đã kể cho nàng nghe tất cả về nỗi khổ đau của tôi sau khi Charles bị giết, và về việc Acharya đã đến với tôi, cũng như những kinh nghiệm của tôi cho đến tối hôm trước, khi với sự giúp đỡ của ông tôi lại gặp nàng. Chúng tôi quyết định rằng tuy bị chia cách vì cả hai sống ở những cấp độ tâm thức khác nhau, khiến một đời sống chung bình thường là điều không thể, nhưng chúng tôi sẽ cùng tạo dựng một đời sống chung trong hoàn cảnh hiện tại, và chứng minh rằng cái chết tuyệt nhiên không phải là một rào cản đối với sự tiến bộ hay hạnh phúc. Cả hai chúng tôi đều tin chắc rằng tình cảm dành cho nhau phải giúp tôi xuyên qua bức màn bất cứ khi nào cần thiết, và rằng tôi sẽ đến với nàng, dù nàng không thể đến với tôi.

Nàng kể cho tôi nghe đôi điều về những người sống trong thung lũng. Nhiều người trong số họ là bạn của nàng, những người nàng muốn tôi gặp. Nàng giải thích rằng những người ở cấp độ này liên kết với nhau khi mối quan tâm của họ tương đồng, nhưng ở đó không có hôn nhân theo nghĩa thông thường của từ này. Người ta được biết đến bằng tên riêng hoặc biệt danh, chứ không bao giờ bằng họ. Nàng nêu vài ví dụ, nói rằng một cô gái lúc nào cũng tươi cười và vui vẻ được gọi là Sunbeam. Một

was known as Sunbeam. Another who always dressed in blue was called Bluebell, whilst a man who made his life there one long effort at helping other people was known as the Doctor. I said I would look forward to meeting these friends of hers, but how would they take to me, to one who could not belong in the ordinary sense of the word?

“You will see,” she said, “at this level you only see the nice side of people, for there are few petty jealousies such as we have in the world; everyone can have whatever the other person has, if he or she wants it, merely by making a thought-form to that effect, so any striving to live up to the standards of others is unnecessary. People here become themselves and you will soon realise, when you know them as they really are, that the old saying ‘there is so much good in the worst of us and so much bad in the best of us’ is proved to be very true.”

I hadn’t the slightest idea how long all this conversation had taken, but I remember I began to feel a stirring within me which told me quite plainly that my body had had its quota of sleep; I had just time to bid Daphne goodbye when without further warning the walls of the room in which we were sitting seemed to melt into a mist which instantly evaporated, and again I felt that sensation of moving through space. At once I was awake in my body in Colombo; there was no halfway break on this occasion—I didn’t find myself in my bedroom with my body lying on the bed in front of me; I was wide awake and looking at my watch. I saw that it was 7 o’clock and the sun was shining into my room. At once I got out of bed, almost rushed to my desk to start my report of the night’s happenings, and now I have finished. It is 10 a.m. and I have just time to shave, bathe and have some breakfast

người khác luôn mặc màu xanh thì được gọi là Bluebell, còn một người nam biến đời sống của mình ở đó thành một nỗ lực lâu dài để giúp đỡ người khác thì được gọi là Doctor. Tôi nói rằng tôi mong được gặp những người bạn ấy của nàng, nhưng họ sẽ đón nhận tôi thế nào, một người không thể thuộc về nơi ấy theo nghĩa thông thường?

“Rồi anh sẽ thấy,” nàng nói, “ở cấp độ này anh chỉ thấy mặt tốt đẹp của con người, vì ở đây có rất ít những ganh tị nhỏ nhen như chúng ta có trong thế gian; ai cũng có thể có bất cứ điều gì người khác có, nếu người ấy muốn, chỉ bằng cách tạo ra một hình tư tưởng theo hướng đó, nên mọi cố gắng sống cho bằng tiêu chuẩn của người khác đều không cần thiết. Ở đây con người trở thành chính mình, và anh sẽ sớm nhận ra, khi anh biết họ như họ thật sự là, rằng câu nói xưa ‘trong kẻ tệ nhất của chúng ta có rất nhiều điều tốt, và trong người tốt nhất của chúng ta có rất nhiều điều xấu’ quả thật rất đúng.”

Tôi hoàn toàn không biết cuộc trò chuyện ấy đã kéo dài bao lâu, nhưng tôi nhớ mình bắt đầu cảm thấy một sự lay động bên trong báo cho tôi khá rõ ràng thể xác tôi đã ngủ đủ phần của nó; tôi chỉ vừa kịp từ biệt Daphne thì không có thêm báo trước nào nữa, những bức tường của căn phòng nơi chúng tôi đang ngồi dường như tan thành sương mù rồi lập tức bốc hơi mất, và một lần nữa tôi lại cảm thấy cảm giác đang di chuyển xuyên không gian. Ngay lập tức tôi tỉnh dậy trong thể xác của mình ở Colombo; lần này không có giai đoạn trung gian—tôi không thấy mình ở trong phòng ngủ với thể xác nằm trên giường trước mặt; tôi hoàn toàn tỉnh táo và đang nhìn đồng hồ. Tôi thấy lúc đó là 7 giờ và mặt trời đang chiếu vào phòng. Lập tức tôi ra khỏi giường, gần như lao đến bàn viết để bắt đầu bản tường trình về những việc xảy ra trong đêm, và giờ đây tôi đã viết xong. Bây giờ là 10 giờ sáng và tôi chỉ

before I may expect Acharya. I wonder what his reaction will be to all I have to show him. Will he be pleased at the progress his pupil has made, or will he tell me that this is just a flash in the pan—that it is unlikely I shall be able to travel alone in the future, and that much more hard work and study are necessary before I can wander without guidance. I shall know very soon. The picture of Daphne is still very real. Perhaps I missed my happiness by not marrying her in England when I had the chance. I don't know, but I have no regrets. I feel that perhaps there is a future before us which is infinitely more fascinating and beautiful than anything that could have been our lot in the world.

vừa đủ thời gian để cạo râu, tắm rửa và ăn sáng trước khi có thể đón Acharya. Tôi tự hỏi ông sẽ phản ứng thế nào trước tất cả những gì tôi phải cho ông xem. Liệu ông có hài lòng về sự tiến bộ mà học trò ông đã đạt được, hay ông sẽ bảo tôi rằng đây chỉ là một tia chớp lóe lên rồi tắt—that it is unlikely I shall be able to travel alone in the future, and that much more hard work and study are necessary before I can wander without guidance. Tôi sẽ biết rất sớm. Hình ảnh của Daphne vẫn còn rất thật. Có lẽ tôi đã bỏ lỡ hạnh phúc của mình khi không cưới nàng ở Anh lúc tôi có cơ hội. Tôi không biết, nhưng tôi không hối tiếc. Tôi cảm thấy có lẽ trước mặt chúng tôi là một tương lai hấp dẫn và đẹp đẽ hơn vô cùng bất cứ điều gì có thể đã là số phận của chúng tôi trong thế gian.

Chapter 8

It must have been about 11 o'clock, and for the last ten minutes I had been sitting at my desk reading over the notes I had made of last night's happenings, when suddenly the pleasant voice that I know so well broke into my reverie.

“Well, Henry, my friend, so you have accomplished something worthwhile at last. Now perhaps you will admit that you have been able to prove for yourself those things which I told you in my early talks were facts to me.” It was Acharya who had entered my room in his usual unobtrusive manner.

“Yes, Acharya, I am bound to admit that I am beginning to realise that even the things you have told me about in past talks and which I have not yet been able to prove conclusively are undoubtedly provable with more experience. I suppose you are well aware of what happened last night and it is not

Chắc lúc đó vào khoảng 11 giờ, và trong mười phút cuối tôi đã ngồi ở bàn đọc lại những ghi chép mình đã viết về các sự việc xảy ra đêm qua, thì đột nhiên giọng nói dễ chịu mà tôi biết rất rõ cắt ngang dòng mơ màng của tôi.

“Nào, Henry, bạn tôi, vậy là cuối cùng anh cũng đã làm được một điều đáng giá. Giờ đây có lẽ anh sẽ thừa nhận rằng anh đã có thể tự mình chứng minh những điều mà trong các cuộc nói chuyện đầu tiên tôi đã bảo anh là những sự kiện đối với tôi.” Đó là Acharya, người đã bước vào phòng tôi theo cách kín đáo thường lệ của ông.

“Vâng, Acharya, tôi buộc phải thừa nhận rằng tôi đang bắt đầu chứng nghiệm rằng ngay cả những điều ông đã kể cho tôi trong các cuộc nói chuyện trước đây mà tôi vẫn chưa thể chứng minh dứt khoát, thì chắc chắn cũng có thể được chứng minh với nhiều kinh nghiệm hơn. Tôi cho rằng hẳn ông đã biết rõ điều gì đã

necessary for me to hand you my report, but I would like you to read it, so that you may check up and see if I have forgotten anything of importance.”

Acharya replied that he was only too willing to read my report, and that he wished also to see the record of the second astral journey which we took together. He added he would talk about them for a little while, before passing on to more tuition. After finishing these records, his face showed his appreciation of my efforts—he was obviously extremely pleased that I had been able to put into actual practice some of the tuition he had so patiently given me during the past week or two. I told him how much I was in his debt for his unselfish and much needed help, but he assured me that I need not feel in any way indebted to him, for cases like mine were his particular job in life and that he was well rewarded if those he taught benefitted from that teaching in a real and practical way.

He then started to comment on the past two nights and I listened most attentively. This is what he said: “I must first explain why I took you to the third sphere of the astral world via London; as you know this was quite unnecessary. My reason for it was to make you realise that any town in the world which you might go to in your astral body, looks the same as the physical town you are familiar with, though what you see is not physical, but the astral counterpart of the physical places as they exist on the first sphere of the astral world. In future it will be better to start your journeying from Colombo. You will find it just as easy to get up to spheres higher than the third, which is where you made contact with Daphne, as the same machinery operates, but to do that it is necessary to have a particular

xảy ra đêm qua và tôi không cần phải đưa ông bản tường trình của mình, nhưng tôi muốn ông đọc nó, để ông có thể kiểm tra và xem liệu tôi có quên điều gì quan trọng không.”

Acharya đáp rằng ông rất sẵn lòng đọc bản tường trình của tôi, và ông cũng muốn xem ghi chép về chuyến du hành cảm dục thứ hai mà chúng tôi đã cùng thực hiện. Ông nói thêm rằng ông sẽ bàn về chúng một lúc trước khi chuyển sang phần huấn luyện khác. Sau khi đọc xong những ghi chép ấy, nét mặt ông cho thấy sự đánh giá cao đối với nỗ lực của tôi—rõ ràng ông hết sức hài lòng vì tôi đã có thể đem vào thực hành thực tế một số điều huấn luyện mà ông đã kiên nhẫn truyền dạy cho tôi trong một hai tuần qua. Tôi nói với ông rằng tôi mang ơn ông biết bao vì sự giúp đỡ vô tư và rất cần thiết ấy, nhưng ông bảo đảm với tôi rằng tôi không cần cảm thấy mắc nợ ông theo bất cứ cách nào, vì những trường hợp như tôi là công việc riêng của ông trong đời, và ông đã được đền đáp xứng đáng nếu những người ông dạy thật sự và thực tiễn được lợi ích từ sự dạy dỗ ấy.

Sau đó ông bắt đầu bình luận về hai đêm vừa qua và tôi lắng nghe hết sức chăm chú. Đây là điều ông nói: “Trước hết tôi phải giải thích vì sao tôi đã đưa anh đến khối cầu thứ ba của cõi cảm dục qua ngã Luân Đôn; như anh biết, điều đó hoàn toàn không cần thiết. Lý do của tôi là để khiến anh nhận ra rằng bất cứ thành phố nào trên thế giới mà anh có thể đến trong thể cảm dục của mình đều trông giống như thành phố hồng trần mà anh quen thuộc, mặc dù điều anh *thấy* không phải là hồng trần, mà là đối phần cảm dục của những nơi chốn hồng trần như chúng hiện hữu trên *khối cầu thứ nhất* của cõi cảm dục. Trong tương lai, tốt hơn anh nên bắt đầu những chuyến du hành của mình từ Colombo. Anh sẽ thấy việc đi lên những khối cầu cao hơn khối cầu thứ ba, là nơi anh đã tiếp xúc với Daphne, cũng dễ dàng như

place on each sphere, which you visualise in thought and to which your astral body will be transported in the course of a few seconds of time as you know it here.

“I expected that you might possibly become a little afraid when your surroundings became blurred and you felt a sense of movement; I must congratulate you on not having experienced an initial failure, which I have noticed sometimes happens to my pupils. They become frightened, and almost simultaneously awaken in their physical bodies, with beating hearts produced by their fear. Actually you have experienced this, for last night you returned to your physical body for a time without having any intention of doing so, when your excitement got the better of you whilst making your attempt to reach Daphne without any assistance from me.

“It is unnecessary for me to say anything much concerning the second sphere of the astral world, for it is very like the first, only less crowded and less noisy. In the two spheres nearest to the physical world, the permanent inhabitants live more or less the type of life that has always appealed to them in the physical world. In most cases such people do not remain there for the whole of their astral existence. There are exceptions who are so attached to the material existence, that they have no desire to progress to the higher spheres of the astral world—but they are forced to do so after a period that might run into two or even three hundred years, at which time the ego urges the vehicle he is occupying to pass through the ‘second death’ to the mental world. This method of progress is not the usual one and it would not be yours when the time comes for you to pass into the astral world. You have already realised from

vậy, vì cùng một bộ máy vận hành; nhưng để làm được điều đó, cần phải có một nơi chốn đặc biệt trên mỗi khối cầu, nơi mà ảnh hình dung trong tư tưởng và thể cảm dục của anh sẽ được chuyển đến đó chỉ trong vài giây theo cách anh biết về thời gian ở đây.

“Tôi đã nghĩ rằng có thể anh sẽ hơi sợ khi khung cảnh chung quanh trở nên mờ nhòe và anh cảm thấy một cảm giác chuyển động; tôi phải chúc mừng anh vì đã không trải qua một thất bại ban đầu, điều mà đôi khi tôi thấy xảy ra với các học trò của mình. Họ trở nên sợ hãi, và gần như đồng thời tỉnh dậy trong thể xác hồng trần, tim đập mạnh vì nỗi sợ ấy. Thật ra anh đã trải qua điều này, vì đêm qua anh đã trở về thể xác hồng trần một lúc mà không hề có ý định làm vậy, khi sự xúc động lẫn át anh trong lúc anh cố gắng đến với Daphne mà không có sự trợ giúp của tôi.

“Tôi không cần nói nhiều về *khối cầu thứ hai* của cõi cảm dục, vì nó rất giống khối cầu thứ nhất, chỉ ít đông đúc và ít ồn ào hơn. Trong hai khối cầu gần thể giới hồng trần nhất, những cư dân thường trú sống ít nhiều kiểu đời sống vốn luôn hấp dẫn họ trong thể giới hồng trần. Trong phần lớn trường hợp, những người như thế không ở đó suốt toàn bộ đời sống cảm dục của họ. Có những ngoại lệ quá gần bó với đời sống vật chất đến nỗi họ không muốn tiến lên các khối cầu cao hơn của cõi cảm dục—nhưng họ bị buộc phải làm như vậy sau một thời kỳ có thể kéo dài đến hai trăm hay thậm chí ba trăm năm, vào lúc đó chân ngã thúc đẩy vận cụ mà y đang chiếm dụng đi qua ‘cái chết thứ hai’ để sang cõi trí. Phương pháp tiến bộ này không phải là thông thường và sẽ không phải là cách của anh khi đến lúc anh bước vào cõi cảm dục. Anh đã nhận ra, chỉ từ việc thấy hoạt động của một số ít người sống trên khối cầu thứ ba, rằng đời sống ở đó sẽ hấp dẫn anh hơn

seeing the activities of but a few people who live on the third sphere that the life there would appeal to you considerably more than a round of visits to restaurants, theatres, or cinemas.

“I was able to show you both artists and musicians at work in the third sphere, but you must realise that this sphere is not limited to artists or musicians and it would have been quite easy for me to show you great engineers, craftsmen devoted to some particular trade, in fact every type of individual whose consuming interest in life is not bound up with purely material amusements or pursuits.

“When you were listening to the music played by the group under Johann Strauss, you saw a few members of that parallel evolution called the deva kingdom. When you have had experience of spheres higher than the third, you will find that not only are they much more numerous there but that they cooperate more and more with members of the human evolution the further we get away from the material life. You may think that their existence is preferable to ours; that you would prefer to evolve from fish, butterflies and birds into the stage of elemental, nature spirits and eventually to a stage of deva such as you saw comprised the orchestra that performed in the wood. We cannot change our evolution, except in very exceptional circumstances.

“You probably wondered why I spent so much time at the Academy showing you the work that goes on in buildings of this kind. I did so for two reasons; the first reason was that you should realise that this was but one of the many schools which exist in the astral world, where people can get tuition in the particular art in which they are interested—tuition

hiều so với một vòng thăm viếng các nhà hàng, nhà hát hay rạp chiếu bóng.

“Tôi đã có thể cho anh thấy cả các nghệ sĩ lẫn nhạc sĩ đang làm việc trên *khối cầu thứ ba*, nhưng anh phải hiểu rằng khối cầu này không chỉ giới hạn ở nghệ sĩ hay nhạc sĩ, và tôi hoàn toàn có thể cho anh thấy những kỹ sư lớn, những người thợ thủ công tận tụy với một nghề riêng biệt, thật ra là mọi loại cá nhân mà mối quan tâm cháy bỏng trong đời không gắn chặt với những thú vui hay theo đuổi thuần túy vật chất.

“Khi anh lắng nghe âm nhạc do nhóm dưới sự dẫn dắt của Johann Strauss trình diễn, anh đã thấy một vài thành viên của đường tiến hoá song song ấy gọi là giới thiên thần. Khi anh có kinh nghiệm về những khối cầu cao hơn khối cầu thứ ba, anh sẽ thấy không những họ đông hơn nhiều ở đó mà họ còn hợp tác ngày càng nhiều với các thành viên của tiến hoá nhân loại khi chúng ta càng rời xa đời sống vật chất. Anh có thể nghĩ rằng sự hiện hữu của họ đáng ưa thích hơn của chúng ta; rằng anh muốn tiến hoá từ cá, bướm và chim đến giai đoạn hành khí, tinh linh tự nhiên và cuối cùng đến một giai đoạn thiên thần như những vị mà anh thấy hợp thành dàn nhạc biểu diễn trong khu rừng. Chúng ta không thể thay đổi đường tiến hoá của mình, trừ trong những hoàn cảnh rất ngoại lệ.

“Có lẽ anh đã tự hỏi vì sao tôi dành nhiều thời gian ở Học viện để cho anh thấy công việc diễn ra trong những tòa nhà loại này. Tôi làm vậy vì hai lý do; lý do thứ nhất là để anh nhận ra rằng đây chỉ là một trong nhiều trường học tồn tại trong cõi cảm dục, nơi người ta có thể được huấn luyện về nghệ thuật riêng mà họ quan tâm—sự huấn luyện giúp họ được sinh

which enables them to be born in their next life with a desire to continue to study along these lines, so that a few of them at least can become great Masters of their art and help the physical world to progress in both culture and learning. My second reason you must have guessed for yourself. Through your having a clear picture of that Academy in your mind after you had returned to your physical body in Colombo, you were able to get back to that spot quite easily and without any stupendous effort; from there you were able to contact Daphne and continue your astral plane experiences. Do not forget this for the future. Pinpoint a certain building or view in your mind and you can then use that pinpointed picture as a thought-form on which to concentrate, when you desire to go to that particular sphere of consciousness.

“I hope that you have realized very pertinently the necessity of knowing the way in which time affects your sojourn at the astral level. I went into detail over this important point, so that you should understand how to investigate, should the occasion arise.

“Our journey to the part of the astral world where the ceremony was being held requires no comment. You will remember that after we arrived there and seated ourselves on the roots of one of the trees at the edge of the open space, I warned you to be as quiet as possible. The reason was that although the members of the deva kingdom do not really object to any human seeing them at their work, they do not like interruptions of any sort. You will have noticed the intensity of purpose that prevailed throughout the whole ceremony. The little men or gnomes, who came out of the forest in the early stages and started the proceedings with their chanting and beating of drums, are on a much lower level of evolution than both you and the members of the orchestra. One

ra trong kiếp sau với một khát vọng tiếp tục học hỏi theo những đường hướng ấy, để ít nhất một số người trong họ có thể trở thành những bậc đại Chân sư trong nghệ thuật của mình và giúp thế giới hồng trần tiến bộ cả về văn hóa lẫn học thuật. Lý do thứ hai hẳn anh đã tự đoán ra. Nhờ anh có một hình ảnh rõ ràng về Học viện ấy trong tâm trí sau khi anh trở về thể xác hồng trần ở Colombo, anh đã có thể quay lại chỗ đó khá dễ dàng và không cần một nỗ lực phi thường nào; từ đó anh đã có thể tiếp xúc với Daphne và tiếp tục những kinh nghiệm cõi cảm dục của mình. Đừng quên điều này trong tương lai. Hãy ghim chặt một tòa nhà hay một quang cảnh nhất định trong tâm trí anh, rồi anh có thể dùng hình ảnh đã được ghim chặt ấy như một hình tư tưởng để tập trung vào, khi anh muốn đi đến khối cầu tâm thức đặc biệt đó.

“Tôi hy vọng anh đã nhận ra rất rõ sự cần thiết phải biết cách thời gian tác động đến thời gian lưu trú của anh ở cấp độ cảm dục. Tôi đã đi vào chi tiết về điểm quan trọng này để anh hiểu cách khảo sát, nếu có dịp phát sinh.

“Chuyến đi của chúng ta đến phần cõi cảm dục nơi buổi lễ đang được cử hành không cần bình luận gì. Anh sẽ nhớ rằng sau khi chúng ta đến đó và ngồi trên rễ của một trong những cây ở rìa khoảng đất trống, tôi đã cảnh báo anh phải yên lặng hết mức có thể. Lý do là vì tuy các thành viên của giới thiên thần thật ra không phản đối việc con người nhìn thấy họ đang làm việc, nhưng họ không thích bất cứ sự gián đoạn nào. Hẳn anh đã nhận thấy cường độ mục đích bao trùm toàn bộ buổi lễ. Những người nhỏ bé hay thần lùn, xuất hiện từ khu rừng trong giai đoạn đầu và bắt đầu nghi thức bằng tiếng tụng niệm và tiếng trống, ở một cấp độ tiến hoá thấp hơn rất nhiều so với cả anh lẫn các thành viên của dàn nhạc. Tuy nhiên, có một điều hẳn phải rõ ràng, đó là tất cả họ

thing though must have been apparent, that all of them seemed to be concentrating with their whole strength on the work in hand. There was no levity or chatter such as one is used to at a concert in the world, immediately prior to the performance. It is this remarkable difference that I wish to impress upon you, for if you are to understand the members of the deva evolution and, I trust, in due time work in conjunction with them, you must realise that life is a very serious business to them and levity does not usually enter into the proceedings. Not that they are unable to laugh; they are indeed extremely happy people who seem to enjoy the simple pleasures of nature but they do not allow outside influences in any way to disturb the perfection of the work to which they set their hands.

“In order that you may understand what follows, I must digress for a few moments. You have probably heard of initiates, masters and adepts in our evolution. These terms occur in occult books, but little has been written about them. Briefly I can tell you this much for the moment. As man evolves along the road that is set before him, he is actually under the control and guidance of a group of adepts, who are perfected man, but who were as you are, countless thousands of years ago. These men have finished the course of lives to be lived at the physical level, for they have learnt all the lessons that the physical world has to teach. Because of their developed love for humanity as a whole, they have elected to remain (at some sacrifice to themselves, as you may understand later on) in connection with this planet, to help it on and to assist in its development. These adepts are sometimes referred to as masters, because some of them take pupils, men living in the world and not yet perfect in any sense of the word, to help them with the work that has to be done. These

đường như đều đang tập trung toàn bộ sức lực vào công việc trước mắt. Không có sự bông đùa hay chuyện trò như người ta thường thấy ở một buổi hòa nhạc trong thế gian ngay trước khi biểu diễn. Chính sự khác biệt đáng chú ý này tôi muốn gây ấn tượng nơi anh, vì nếu anh muốn hiểu các thành viên của tiến hoá thiên thần và, tôi hy vọng, đến lúc thích hợp sẽ làm việc phối hợp với họ, thì anh phải nhận ra rằng đối với họ đời sống là một công việc rất nghiêm túc và sự bông đùa thường không xen vào các hoạt động ấy. Không phải là họ không thể cười; thật ra họ là những con người vô cùng hạnh phúc, dường như rất vui với những thú vui đơn sơ của thiên nhiên, nhưng họ không để cho những ảnh hưởng bên ngoài làm xáo trộn theo bất cứ cách nào sự hoàn hảo của công việc mà họ đã đặt tay vào.

“Để anh có thể hiểu điều tiếp theo, tôi phải tạm lạc đề trong vài phút. Có lẽ anh đã nghe nói đến các điểm đạo đồ, các chân sư và các adept trong tiến hoá của chúng ta. Những thuật ngữ này xuất hiện trong các sách huyền bí học, nhưng rất ít được viết về chúng. Tóm lược, lúc này tôi có thể nói với anh chừng này. Khi con người tiến hoá trên con đường đặt ra trước mặt mình, thật ra y đang ở dưới sự kiểm soát và hướng dẫn của một nhóm các chân sư, là những con người đã hoàn thiện, nhưng vô số ngàn năm trước họ cũng từng như anh bây giờ. Những người này đã hoàn tất chuỗi đời sống phải sống ở cấp độ hồng trần, vì họ đã học xong mọi bài học mà thế giới hồng trần phải dạy. Do tình thương đã phát triển của họ đối với toàn thể nhân loại, họ đã chọn ở lại (với một sự hi sinh nào đó cho chính họ, như sau này anh có thể hiểu) trong liên hệ với hành tinh này, để giúp nó tiến lên và hỗ trợ sự phát triển của nó. Những chân sư này đôi khi được gọi là các chân sư, vì một số trong họ nhận học trò, những người đang sống trong thế gian và chưa hoàn thiện theo bất cứ nghĩa nào, để giúp họ

pupils are given many opportunities of development which are not open to mankind in general, but you may be sure that they have earned these opportunities, and it is not in any way a question of favouritism that they have been picked out from the bulk of humanity for this special work. It is hard work and usually means that such men have to give up many of the things they would do in the world, in order to devote themselves exclusively to learning how they can help humanity, without receiving any material benefit in return for that work. It is selfless service that they offer, and their only reward is that they are allowed to contact personally, in sleep when using their astral bodies, these perfected men whom they have agreed to serve.

“Such pupils, after many lives of work and special training, are prepared for the Initiation ceremonies. These ceremonies give them powers that make them different from the ordinary run of human beings. They teach a man how to read other men’s minds, for by the time that such a man has developed to this state, he will never use that power for anything other than to help a fellow human being. He is taught how to have continuity of consciousness at all levels—as I am teaching you to have continuity of consciousness at the astral and physical levels only; that is something which is difficult for you to understand as yet. Such men can, if necessary, work what the world calls miracles, but this is never done, except on the instructions of one of the adepts who help to govern the planet. There are five stages of initiation and only when the fifth is reached is a man perfect and free from the necessity of being born again into the physical world. Sometimes the lives of initiates are extended, so that a man lives long beyond the normal span, but this is only done for special purposes or because that man

trong công việc phải làm. Những học trò này được trao nhiều cơ hội phát triển mà nhân loại nói chung không có, nhưng anh có thể chắc rằng họ đã xứng đáng với những cơ hội ấy, và việc họ được chọn ra khỏi khối đông nhân loại cho công việc đặc biệt này tuyệt nhiên không phải là chuyện thiên vị. Đó là công việc nặng nhọc và thường có nghĩa là những người như thế phải từ bỏ nhiều điều họ vốn sẽ làm trong thế gian, để chuyên tâm học cách họ có thể giúp nhân loại mà không nhận bất cứ lợi ích vật chất nào đổi lại cho công việc ấy. Điều họ dâng hiến là sự phụng sự vô ngã, và phần thưởng duy nhất của họ là được phép tiếp xúc đích thân, trong giấc ngủ khi dùng thể cảm dục, với những con người hoàn thiện mà họ đã đồng ý phụng sự.

“Những học trò như thế, sau nhiều kiếp sống làm việc và được huấn luyện đặc biệt, được chuẩn bị cho các lễ điểm đạo. Những nghi lễ này ban cho họ những quyền năng khiến họ khác với số đông người bình thường. Chúng dạy một người cách đọc tâm trí của người khác, vì đến lúc một người đã phát triển đến trạng thái ấy, y sẽ không bao giờ dùng quyền năng đó cho bất cứ điều gì ngoài việc giúp một đồng loại. Y được dạy cách có sự liên tục của tâm thức ở mọi cấp độ—cũng như tôi đang dạy anh có sự liên tục của tâm thức chỉ ở các cấp độ cảm dục và hồng trần; đó là điều hiện giờ anh còn khó hiểu. Những người như thế, nếu cần, có thể làm điều mà thế gian gọi là phép lạ, nhưng điều này không bao giờ được thực hiện, trừ theo chỉ thị của một trong các chân sư giúp cai quản hành tinh. Có năm giai đoạn điểm đạo, và chỉ khi đạt đến giai đoạn thứ năm thì một người mới hoàn thiện và thoát khỏi sự cần thiết phải tái sinh vào thế giới hồng trần. Đôi khi đời sống của các điểm đạo đồ được kéo dài, để một người sống lâu hơn nhiều so với tuổi thọ bình thường, nhưng điều này chỉ được làm vì những mục đích đặc biệt hoặc vì người ấy

is needed in a particular country in the world, to wield an influence which may make a difference to future generations.

“During the deva ceremony at which you were present, you noticed that the young girl who took the solo part in the symphony remained at the top of one of the tall trees on the edge of the glade and did not at any time approach the members of the orchestra or come down to the ground. There is a reason for this. These girls are trained especially for the work they do; they live apart from the main body of the deva people and are in fact dedicated to their particular work. For this they have to develop extremely sensitive bodies, and minds that can attune themselves to the particular object which is being carried out. This girl, for instance, is a highly evolved being; she is an initiate in her evolution and so has knowledge and powers, far greater than the average type of deva whom you will meet from time to time.

“Then there was the priest who completed the ceremony and invoked the Beings who control the universe, to help the work that was being done. He too was a highly evolved being, but nothing near an initiate and probably not even a pupil of one of the perfected men. His calling was that of a priest, who has been taught to gather up the force that has been generated by the concentrated music and the concentrated thoughts of those present and to transmit it through the power of thought to the meeting being held in the physical world. You may perhaps not believe that such things are possible and there is no necessity for you to do so, but to say ‘such things cannot be’ is just as foolish as believing only because someone else has assured you that such and such a thing is true.

“I welcomed the opportunity Daphne gave us

cần thiết ở một quốc gia nào đó trên thế giới, để vận dụng một ảnh hưởng có thể tạo nên khác biệt cho các thế hệ tương lai.

“Trong buổi lễ thiên thần mà anh hiện diện, anh nhận thấy cô gái trẻ đảm nhận phần độc tấu trong bản giao hưởng vẫn ở trên ngọn một cây cao nơi rìa khoảng trống và không lúc nào đến gần các thành viên của dàn nhạc hay xuống mặt đất. Có một lý do cho điều này. Những cô gái ấy được huấn luyện đặc biệt cho công việc họ làm; họ sống tách biệt khỏi khối chính của dân thiên thần và thật ra được hiến dâng cho công việc riêng của mình. Vì thế họ phải phát triển những thể cực kỳ nhạy cảm, và những trí tuệ có thể chỉnh hợp với mục tiêu đặc biệt đang được thực hiện. Chẳng hạn cô gái này là một hữu thể tiến hoá rất cao; cô là một điểm đạo đồ trong đường tiến hoá của mình và do đó có tri thức và quyền năng lớn hơn rất nhiều so với loại thiên thần trung bình mà thỉnh thoảng anh sẽ gặp.

“Rồi còn vị tư tế đã hoàn tất buổi lễ và khẩn cầu các Hữu thể cai quản vũ trụ giúp cho công việc đang được thực hiện. Ông ấy cũng là một hữu thể tiến hoá cao, nhưng chưa hề gần mức một điểm đạo đồ và có lẽ thậm chí chưa phải là học trò của một trong những con người hoàn thiện. Thiên chức của ông là một tư tế, người đã được dạy cách thu gom mãnh lực được tạo ra bởi âm nhạc tập trung và tư tưởng tập trung của những người hiện diện, rồi truyền nó bằng quyền năng của tư tưởng đến cuộc họp đang diễn ra trong thế giới hồng trần. Có lẽ anh sẽ không tin rằng những điều như thế là có thể, và anh không cần phải tin, nhưng nói rằng ‘những điều như thế không thể có’ thì cũng ngu xuẩn chẳng kém gì tin chỉ vì có người khác bảo đảm với anh rằng điều này điều kia là thật.

“Tôi hoan nghênh cơ hội mà Daphne đã cho

of seeing her little cottage for I knew that at certain times she would not be occupying her room at the Academy. Also I was glad for you to see that there were many people living in the valley where Daphne's cottage is, for I want you to meet and talk to some of those people. Your story, and the efforts you are making to live a life apart from your body whilst still living in the world, will not only be interesting to some of them, but it will help them also. Some are not as evolved as you are and have not had, in past lives, the opportunities for progress which you had, and which have led to your being given special tuition in this life. Because you have been privileged to be taught, you too must be willing and anxious to pass on any knowledge that you have to others. Your intention of publishing the gist of my talks with you and your wanderings out of your body as a book is a good thing, but that will only help others who are still living in the world. What I tell you now, and in future talks, is not for your ears alone, but for the ears of anyone who is interested enough to want to understand. When you are told things that have to be kept secret, it is usually because the possession of such knowledge would enable men to do harm to others, if such knowledge were used for selfish purposes, but I can assure you that you are never left in doubt about such matters at the stage in development when that type of knowledge may be given to you.

"This brings me to the end of your record covering the second astral journey, and I must congratulate you on the details you were able to bring through. Your determination to remember was the reason for your success and if you will only realise that will power is, to a great extent, the open-sesame to most of your difficulties, you will continue to have

chúng ta để thấy ngôi nhà nhỏ của nàng, vì tôi biết rằng vào những lúc nhất định nàng sẽ không ở trong phòng tại Học viện. Tôi cũng vui vì anh được thấy rằng có nhiều người sống trong thung lũng nơi ngôi nhà nhỏ của Daphne tọa lạc, vì tôi muốn anh gặp và nói chuyện với một số người trong họ. Câu chuyện của anh, và những nỗ lực anh đang thực hiện để sống một đời sống tách khỏi thể xác trong khi vẫn còn sống trong thế gian, sẽ không chỉ làm một số người trong họ quan tâm mà còn giúp họ nữa. Một số người không tiến hoá bằng anh và trong các kiếp trước đã không có những cơ hội tiến bộ mà anh đã có, những cơ hội đã dẫn đến việc anh được trao sự huấn luyện đặc biệt trong kiếp này. Bởi vì anh đã có đặc ân được dạy dỗ, anh cũng phải sẵn lòng và tha thiết truyền lại cho người khác bất cứ tri thức nào anh có. Ý định của anh là xuất bản phần cốt yếu của những cuộc nói chuyện giữa tôi với anh và những chuyến du hành ra khỏi thể xác của anh thành một cuốn sách là điều tốt, nhưng điều đó sẽ chỉ giúp những người vẫn còn sống trong thế gian. Điều tôi nói với anh bây giờ, và trong các cuộc nói chuyện tương lai, không chỉ dành cho tai anh, mà cho tai của bất cứ ai đủ quan tâm để muốn thấu hiểu. Khi người ta được cho biết những điều phải giữ bí mật, thường là vì việc sở hữu tri thức như thế sẽ cho phép con người làm hại người khác nếu tri thức ấy bị dùng cho những mục đích ích kỷ, nhưng tôi có thể bảo đảm với anh rằng anh sẽ không bao giờ bị để trong nghi ngờ về những vấn đề như thế ở giai đoạn phát triển khi loại tri thức đó có thể được trao cho anh.

"Điều này đưa tôi đến chỗ kết thúc bản ghi chép của anh về chuyến du hành cảm dục thứ hai, và tôi phải chúc mừng anh về những chi tiết mà anh đã có thể mang về. Quyết tâm ghi nhớ của anh là lý do thành công của anh, và nếu anh chỉ cần nhận ra rằng ý chí, ở một mức độ lớn, là câu thần chú mở cửa cho phần lớn những khó khăn của anh, thì anh sẽ tiếp tục

success in the future.

“The only important detail that you did not seem to remember, and which you probably did not realise at the time, was that during the ceremony in the open glade, there were several hundred members of the deva kingdom floating gently—more or less hovering—immediately above the open clearing and perhaps some fifteen to twenty feet above the tops of the trees surrounding the glade. They were not merely spectators or a congregation, such as we see in a big church in the world, but they were most certainly active participants in the ceremony through whose efforts, mainly, the necessary force, of which I have spoken, was generated. It would have been interesting if you had seen them, for you would have noticed that at the end of the invocation made by the bearded priest, they seemed to gather up the force for good that had been generated and immediately afterwards moved off in a compact body, presumably to ensure its achieving the desired results. Do not let this lapse on your part worry you in the least, for I can assure you that you have done very well indeed.

“The urge you felt to try things out for yourself, the following night, was quite a natural one, and whenever similar urges impress you in the future, always act upon them immediately. The urge comes from the ego, which is you, and the ego is only too willing for you to progress in knowledge of this kind. Activities on higher levels than the physical are much more interesting to an ego than the artificial amusements and the normal routine activities that we have to go through in the physical world. The ego of course realises that our physical plane lives are necessary for his progress in evolution; but the goal of this ambition is always the same—for man to emancipate himself and to

thành công trong tương lai.

“Chi tiết quan trọng duy nhất mà dường như anh không nhớ, và có lẽ lúc đó anh không nhận ra, là trong buổi lễ ở khoảng trống ngoài trời, có vài trăm thành viên của giới thiên thần đang nhẹ nhàng trôi nổi—ít nhiều lơ lửng—ngay phía trên khoảng đất trống và có lẽ cao hơn ngọn những cây bao quanh khoảng trống chừng mười lăm đến hai mươi bộ. Họ không chỉ là khán giả hay một hội chúng, như chúng ta thấy trong một nhà thờ lớn ở thế gian, mà chắc chắn là những người tham dự tích cực trong buổi lễ, nhờ nỗ lực của họ là chính mà mãnh lực cần thiết, điều tôi đã nói đến, được tạo ra. Sẽ rất thú vị nếu anh thấy họ, vì anh hẳn đã nhận ra rằng vào cuối lời khấn cầu do vị tư tế râu dài thực hiện, họ dường như thu gom mãnh lực thiện đã được tạo ra và ngay sau đó di chuyển đi thành một khối chặt chẽ, có lẽ để bảo đảm cho nó đạt được những kết quả mong muốn. Đừng để sự thiếu sót này về phần anh làm anh bận tâm chút nào, vì tôi có thể bảo đảm với anh rằng anh đã làm rất tốt.

“Thúc đẩy mà anh cảm thấy muốn tự mình thử nghiệm vào đêm hôm sau là điều hoàn toàn tự nhiên, và bất cứ khi nào những thúc đẩy tương tự gây ấn tượng nơi anh trong tương lai, hãy luôn hành động theo chúng ngay lập tức. Thúc đẩy ấy đến từ chân ngã, tức là chính anh, và chân ngã rất sẵn lòng để anh tiến bộ trong loại tri thức này. Những hoạt động ở các cấp độ cao hơn hồng trần thú vị đối với chân ngã hơn nhiều so với những trò giải trí nhân tạo và những hoạt động thường nhật bình thường mà chúng ta phải trải qua trong thế giới hồng trần. Dĩ nhiên chân ngã nhận ra rằng những đời sống cõi hồng trần của chúng ta là cần thiết cho sự tiến hoá của y; nhưng mục tiêu của khát vọng này luôn luôn như nhau—

learn as quickly as possible the lessons that our countless lives are meant to teach us. By doing so he will all the sooner be free from the necessity of being reborn again, and be able to take up a different and much more interesting existence, such as is only possible for someone who has learnt all the lessons that have to be learnt through the medium of physical existence.

“You can see for yourself how much easier it is for me to explain things now, as you have a fairly good idea of the life that people live on the first, second and third spheres of the world next to this. The third sphere, as you have seen, provides most of the schools for training students in the different arts, and very soon I shall show you the fourth sphere which is really a continuation of the third. The first and second spheres form one stage, the third and fourth the second stage, the fifth and sixth the third stage, and the seventh sphere is the frontier between the astral and the mental worlds.

“On the fourth sphere we find many musicians and artists, who work alone and do not wish to teach or perhaps have finished teaching for the time being. We find doctors doing research work. A number of new remedies to fight sickness and disease are discovered at the astral level. Many groups of research students get together and exchange ideas; although they do not have any physical guinea pigs to work upon, their theories are in due time perfected and impregnated upon the minds and brain cells of doctors doing similar work in the physical world. If you were to ask any medical man engaged in research in this world, whether he had at any time awakened in the morning with the germ of an idea—which possibly would take him months to perfect and put into practice, but which eventually became one of the new advances in

để con người tự giải phóng mình và học càng nhanh càng tốt những bài học mà vô số kiếp sống của chúng ta nhằm dạy cho chúng ta. Làm như vậy, y sẽ sớm thoát khỏi sự cần thiết phải tái sinh lần nữa, và có thể đảm nhận một sự hiện hữu khác và thú vị hơn nhiều, điều chỉ có thể đối với người đã học xong mọi bài học phải học qua trung gian của sự hiện hữu hồng trần.

“Anh có thể tự thấy việc giải thích mọi điều giờ đây đối với tôi dễ hơn biết bao, vì anh đã có một ý niệm khá tốt về đời sống mà người ta sống trên các khối cầu thứ nhất, thứ hai và thứ ba của thế giới kế cận thế giới này. Khối cầu thứ ba, như anh đã thấy, cung cấp phần lớn các trường học để huấn luyện đạo sinh trong các nghệ thuật khác nhau, và rất sớm tôi sẽ cho anh thấy khối cầu thứ tư, thật ra là sự tiếp nối của khối cầu thứ ba. Khối cầu thứ nhất và thứ hai tạo thành một giai đoạn, khối cầu thứ ba và thứ tư là giai đoạn thứ hai, khối cầu thứ năm và thứ sáu là giai đoạn thứ ba, còn khối cầu thứ bảy là biên giới giữa cõi cảm dục và cõi trí.

“Trên khối cầu thứ tư chúng ta thấy nhiều nhạc sĩ và nghệ sĩ làm việc một mình và không muốn dạy, hoặc có lẽ tạm thời đã ngừng dạy. Chúng ta thấy các bác sĩ làm công việc nghiên cứu. Một số phương thuốc mới để chống bệnh tật được khám phá ở cấp độ cảm dục. Nhiều nhóm đạo sinh nghiên cứu tụ họp lại và trao đổi ý tưởng; tuy họ không có những con chuột bạch hồng trần để làm việc, nhưng các lý thuyết của họ đến lúc thích hợp được hoàn thiện và in dấu lên trí tuệ và tế bào não của các bác sĩ đang làm công việc tương tự trong thế giới hồng trần. Nếu anh hỏi bất cứ thầy thuốc nào đang làm nghiên cứu trong thế giới này xem có khi nào ông thức dậy vào buổi sáng với mầm mống của một ý tưởng—một ý tưởng có thể phải mất nhiều tháng để hoàn thiện và đem vào thực hành, nhưng cuối cùng lại trở thành một trong những bước tiến mới của

medical science—he would probably admit that such was the case. There are buildings, both large and small, which seem to be what we would describe as mental hospitals. Although astral life makes it possible for any normal human being to be completely happy, there are still large numbers of people who cry for the moon and want the impossible. They worry, as they worried in life, and a form of mental neurosis is the usual result. The astral body not only includes a counterpart of the human brain, but it also includes within itself a mental vehicle, commonly referred to as the mind. A man can be troubled by his mind after death; remorse for hasty actions and words in his past life, which he now realises can never be entirely obliterated, cause him a certain amount of suffering, intense or otherwise, according to the sensitivity of the individual. Such cases are often treated by doctors who specialise in mental troubles, with great benefit to both doctor and patient.

“On the fifth and sixth spheres, you will find still more research workers, such as psychoanalysts and brain, heart and other specialists.

“It is quite usual for doctors and specialists in different branches of science to live many consecutive lives in which they carry on with the same type of work; you can imagine how invaluable it is to such men to meet their confreres at the astral level, where all knowledge is pooled in the interests of humanity. There are groups of philosophers who wish to help the world in their particular way; they feel that if the trend of thought in the world were changed to more progressive lines than wars and national domination, life would be considerably more comfortable and more desirable. There are mystics who believe that mankind can best be helped by

khoa học y học—thì có lẽ ông sẽ thừa nhận rằng đúng là như vậy. Có những tòa nhà, cả lớn lẫn nhỏ, dường như là điều chúng ta sẽ mô tả như bệnh viện tâm thần. Tuy đời sống cảm dục khiến bất cứ người bình thường nào cũng có thể hoàn toàn hạnh phúc, vẫn còn rất nhiều người đòi trăng trên trời và muốn điều không thể. Họ lo lắng như họ đã lo lắng khi còn sống, và một dạng rối loạn thần kinh trí tuệ thường là kết quả. Thể cảm dục không chỉ bao gồm một đối phần của bộ não con người, mà còn bao gồm trong chính nó một vận cụ trí tuệ, thường được gọi là trí tuệ. Một người có thể bị trí tuệ của mình làm khổ sau khi chết; sự hối hận về những hành động và lời nói hấp tấp trong đời sống trước của ông, mà giờ đây ông nhận ra không bao giờ có thể hoàn toàn xóa bỏ, gây cho ông một mức độ đau khổ nào đó, mãnh liệt hay không, tùy theo độ nhạy cảm của cá nhân. Những trường hợp như thế thường được điều trị bởi các bác sĩ chuyên về các rối loạn trí tuệ, đem lại lợi ích lớn cho cả bác sĩ lẫn bệnh nhân.

“Trên khối cầu thứ năm và thứ sáu, anh sẽ thấy còn nhiều người làm nghiên cứu hơn nữa, như các nhà phân tâm học và các chuyên gia về não, tim và những ngành khác.

“Việc các bác sĩ và chuyên gia trong những ngành khoa học khác nhau sống nhiều kiếp liên tiếp để tiếp tục cùng một loại công việc là điều khá thông thường; anh có thể hình dung điều đó vô giá biết bao đối với những người như thế khi được gặp các đồng nghiệp của mình ở cấp độ cảm dục, nơi mọi tri thức được gom chung vì lợi ích của nhân loại. Có những nhóm triết gia muốn giúp thế giới theo cách riêng của họ; họ cảm thấy rằng nếu xu hướng tư tưởng trong thế giới được chuyển đổi theo những đường hướng tiến bộ hơn chiến tranh và sự thống trị quốc gia, thì đời sống sẽ dễ chịu và đáng sống hơn nhiều. Có những nhà thần bí tin rằng nhân loại có thể được giúp tốt nhất

meditation along such lines as the 'Unity of Life.' There are other deeply religious beings who feel that man can advance only if he is attached to some religious belief or dogma; such men endeavour to produce a perfect religion by taking points of doctrine from all the great religions of the past and present and blending them into a new philosophy. The devas concern themselves deeply with all this work—as you will see for yourself in due time.

“On these levels world economic problems are discussed and worked upon for months and years. When certain conclusions are arrived at by these specialists, remedies are tried out by means of impressing these conclusions upon the minds of human beings living in the world who are in positions where their advice will be acted upon by nations or powerful groups of reformers, for mankind must be helped when crises in the world are too great and too serious for them to solve by their own endeavours. In periods of crisis great world leaders seem to stand on a pinnacle and shine—often a man who previously was but a humble politician or leader of a party arises and becomes a prominent figure in world politics; wisdom and leadership far above what would normally be expected of him is the result, which all can observe. When the crisis is over and his great work is finished, such a man seems to go back into his former obscurity. Such men are chosen and they are helped by one or other of the great Beings who brood over this universe for the benefit of mankind. Whilst the period of overshadowing lasts, they are indeed supermen; but when the crisis is over, this overshadow has to be withdrawn for each man has free will by right and may only be helped so far and no further.

bằng tham thiền theo những đường hướng như 'Sự Hợp Nhất của Sự Sống'. Có những hữu thể sùng đạo sâu sắc khác cảm thấy rằng con người chỉ có thể tiến bộ nếu gắn bó với một tín ngưỡng hay giáo điều tôn giáo nào đó; những người như thế cố gắng tạo ra một tôn giáo hoàn hảo bằng cách lấy các điểm giáo lý từ mọi tôn giáo lớn trong quá khứ và hiện tại rồi hòa trộn chúng thành một triết lý mới. Các thiên thần quan tâm sâu sắc đến toàn bộ công việc này—như đến lúc thích hợp anh sẽ tự thấy.

“Ở các cấp độ này, những vấn đề kinh tế thế giới được thảo luận và nghiên cứu trong nhiều tháng và nhiều năm. Khi các chuyên gia này đi đến những kết luận nhất định, các biện pháp khắc phục được thử nghiệm bằng cách in dấu những kết luận ấy lên trí tuệ của những người đang sống trong thế gian, những người ở vào vị trí mà lời khuyên của họ sẽ được các quốc gia hay những nhóm cải cách có thể lực thực hiện, vì nhân loại phải được giúp đỡ khi những cuộc khủng hoảng trong thế giới quá lớn và quá nghiêm trọng để họ có thể tự giải quyết bằng nỗ lực riêng. Trong những thời kỳ khủng hoảng, các nhà lãnh đạo lớn của thế giới dường như đứng trên một đỉnh cao và tỏa sáng—thường là một người trước đó chỉ là một chính trị gia khiêm tốn hay lãnh tụ của một đảng phái bỗng nổi lên và trở thành một nhân vật nổi bật trong chính trị thế giới; minh triết và khả năng lãnh đạo vượt xa điều người ta thường mong đợi nơi ông là kết quả mà ai cũng có thể quan sát. Khi khủng hoảng qua đi và công việc lớn lao của ông hoàn tất, người ấy dường như lại trở về với sự mờ nhạt trước kia. Những người như thế được chọn và họ được giúp đỡ bởi một hay một vị khác trong các Hữu thể vĩ đại đang phủ bóng lên vũ trụ này vì lợi ích của nhân loại. Trong khi thời kỳ phủ bóng còn kéo dài, họ thật sự là những siêu nhân; nhưng khi khủng hoảng qua đi, sự phủ bóng này phải được rút lại vì mỗi người có tự do ý chí theo quyền của mình và chỉ có thể được

“On these levels there are men who are interested in the growing shortage of food for a humanity that is increasing by millions each year. Devas help with their problems by suggesting new methods of cultivation; these suggestions are put into the minds of those living in the world who are responsible for such problems in their particular regions. In this way new ideas and methods come to light and are gradually adopted by mankind.

“You will be able to attend some of the conferences which take place in these spheres and prove for yourself that what I am telling you is indeed true, but it is not likely that you will be able to remain at such conferences until conclusions are reached, for they often go on for weeks or months, calculated by your idea of time, and naturally you will have to return to your body after a few hours away from it. Great progress is often made at such conferences and suggestions are made to people living in the world, which enable humanity to advance in all its different ways.

“You probably have wondered why the world progresses much more quickly one century than another. It is not only that distances have been obliterated by air travel and such things as wireless, but simply because mankind in general is slowly but surely becoming more interested in solving existing problems, and by such solution the masses benefit. In other words, the more evolved men are becoming more and more unselfish, which proves that they, at least, have learnt some of the lessons that lives in the physical world are meant to teach us all.

“It is difficult to explain the work of the deva

giúp đến một mức nào đó, không hơn.

“Ở các cấp độ này có những người quan tâm đến tình trạng thiếu lương thực ngày càng tăng cho một nhân loại đang tăng thêm hàng triệu người mỗi năm. Các thiên thần giúp giải quyết vấn đề của họ bằng cách gợi ý những phương pháp canh tác mới; những gợi ý này được đưa vào trí tuệ của những người đang sống trong thế gian, những người chịu trách nhiệm về những vấn đề ấy trong khu vực riêng của họ. Bằng cách này, những ý tưởng và phương pháp mới được đưa ra ánh sáng và dần dần được nhân loại chấp nhận.

“Anh sẽ có thể tham dự một số hội nghị diễn ra trong các khối cầu này và tự mình chứng minh rằng điều tôi đang nói với anh quả thật là đúng, nhưng không chắc anh có thể ở lại những hội nghị ấy cho đến khi đi đến kết luận, vì chúng thường kéo dài nhiều tuần hay nhiều tháng, tính theo quan niệm thời gian của anh, và dĩ nhiên anh sẽ phải trở về thể xác sau vài giờ rời khỏi nó. Những hội nghị như thế thường đạt được tiến bộ lớn và những gợi ý được đưa ra cho những người đang sống trong thế gian, nhờ đó nhân loại có thể tiến bộ theo mọi cách khác nhau.

“Có lẽ anh đã tự hỏi vì sao thế giới tiến bộ nhanh hơn nhiều trong thế kỷ này so với thế kỷ khác. Không chỉ vì khoảng cách đã bị xóa bỏ bởi hàng không và những thứ như vô tuyến, mà đơn giản vì nhân loại nói chung đang chậm mà chắc ngày càng quan tâm hơn đến việc giải quyết những vấn đề hiện hữu, và nhờ sự giải quyết ấy mà quần chúng được hưởng lợi. Nói cách khác, những người tiến hoá hơn đang ngày càng trở nên vô tư hơn, điều đó chứng tỏ rằng ít nhất họ đã học được một số bài học mà những đời sống trong thế giới hồng trần nhằm dạy cho tất cả chúng ta.

“Thật khó giải thích công việc của giới thiên

kingdom, for the methods used are so very different from those to which you are accustomed. To understand it all, you have to remember that the deva kingdom controls to a large extent the part of life we call Nature; the seas, the winds, the use of the sun in cultivation and such things as the correct times of the year for planting different seeds, are all part of the particular domain of the devas. They join in discussions with members of our evolution, when their specific knowledge and experience can be utilised. Usually they transmit their thoughts through a mental process and not through words—but they can use the medium of speech when it is necessary for them to do so. From time to time you hear in the world of a tornado, a cyclone or an earthquake that leaves in its wake much loss of human life, devastation and thousands of homeless. You may have wondered why a beneficent Providence could allow such things to happen, but have you looked for the possible reason of such tragedies? Is it not true, that previous to such devastation, men and women have been living in those places under conditions which breed crime instead of progress? A tragedy such as I visualise could easily be the means of awakening a slothful government to its responsibilities, and often a rebuilding scheme is at once commenced, so that those who remain alive may be housed under conditions considerably more favourable than before. The devas control these cyclones and earthquakes and I know from personal experience that their pity for a humanity which, through its blindness, make such disasters necessary, is great indeed. They allocate large numbers of their people to meet those unfortunates who lose their lives through these disasters, as they pass from the physical to the astral world, do all in their power to minister to their fear and help them acclimatise themselves to their new conditions. It is the same when world wars

thần, vì những phương pháp được dùng quá khác với những gì anh quen thuộc. Để hiểu toàn bộ điều đó, anh phải nhớ rằng giới thiên thần kiểm soát ở một mức độ lớn phần đời sống mà chúng ta gọi là Thiên nhiên; biển cả, gió, việc sử dụng mặt trời trong canh tác và những điều như thời điểm đúng trong năm để gieo các loại hạt khác nhau, tất cả đều thuộc lãnh vực riêng của các thiên thần. Họ tham gia thảo luận với các thành viên của tiến hoá chúng ta khi tri thức và kinh nghiệm chuyên biệt của họ có thể được sử dụng. Thông thường họ truyền đạt tư tưởng của mình qua một tiến trình trí tuệ chứ không bằng lời—nhưng họ có thể dùng phương tiện ngôn ngữ khi cần thiết. Thỉnh thoảng anh nghe trong thế gian nói đến một cơn lốc xoáy, một trận cuồng phong hay một trận động đất để lại phía sau nhiều sinh mạng con người bị mất, sự tàn phá và hàng ngàn người không nhà. Có thể anh đã tự hỏi vì sao một Thiên Ý nhân từ lại có thể cho phép những điều như thế xảy ra, nhưng anh đã tìm nguyên nhân khả dĩ của những bi kịch ấy chưa? Có phải là đúng không, rằng trước những sự tàn phá như thế, những người nam và nữ đã sống ở những nơi ấy trong những điều kiện nuôi dưỡng tội ác thay vì tiến bộ? Một bi kịch như tôi hình dung hoàn toàn có thể là phương tiện đánh thức một chính quyền trì trệ trước trách nhiệm của mình, và thường thì một kế hoạch tái thiết được khởi sự ngay, để những người còn sống có thể được cư trú trong những điều kiện thuận lợi hơn đáng kể so với trước. Các thiên thần kiểm soát những cơn cuồng phong và động đất này, và tôi biết từ kinh nghiệm cá nhân rằng lòng thương xót của họ đối với một nhân loại mà do sự mù quáng của mình đã khiến những tai họa như thế trở nên cần thiết, quả thật rất lớn. Họ phân bổ rất nhiều người của họ để đón những kẻ bất hạnh mất mạng trong các tai họa ấy khi họ đi từ thế giới hồng trần sang cõi cảm dục, làm mọi điều trong khả năng để xoa dịu nỗi sợ của họ và giúp họ thích nghi với hoàn cảnh mới.

take place and innumerable souls are slung out of their bodies by modern weapons. There are insufficient astral helpers belonging to our evolution to deal with the rate of killing that accompanies an army advancing against heavy opposition, so members of the deva evolution take their places side by side with men, to do what they can to help the many who are terrified at the moment of their passing. It is indeed true that there are times when men and angels (devas) walk in unison, each serving God to the utmost of his being.

“I must now tell you a little about life as it is lived on the seventh and last sphere of the astral world. The first thing that will strike you, when you visit that part, is the complete absence of buildings of any sort. There are no signs of human habitation at all, but you will find that there are permanent residents living at this level, although they do everything in their power to discourage contact when other humans approach. Such men are of the opinion that their progress in evolution can only be accomplished by resorting to complete seclusion and a life of silence. In the physical world there are holy men who live apart from humanity in out-of-the-way places at the foot of, or at the top of lonely mountains where humans seldom penetrate. These men spend their lives in meditation, fasting and living what the world would describe as an ascetic life. Such men are the same after death and in due time they make their way to the seventh sphere of the astral world, and continue their lives of meditation there. You will find men who during their earthly lives as monks or friars were members of brotherhoods which enjoyed absolute silence and a life apart from other normal human beings. These men have become so used to living within themselves, praying for long periods for the helping of mankind that after

Cũng như vậy khi các cuộc chiến tranh thế giới diễn ra và vô số linh hồn bị văng ra khỏi thể xác bởi vũ khí hiện đại. Không có đủ những người trợ giúp cảm dục thuộc tiến hoá của chúng ta để đối phó với tốc độ giết chóc đi kèm một đạo quân tiến công trước sự kháng cự mạnh, nên các thành viên của tiến hoá thiên thần đứng vai kề vai với con người để làm những gì họ có thể nhằm giúp đỡ nhiều người đang kinh hoàng vào lúc lìa đời. Quả thật có những lúc con người và thiên thần bước đi đồng điệu, mỗi bên phụng sự Thượng đế bằng tất cả hữu thể của mình.

“Giờ đây tôi phải nói với anh đôi chút về đời sống như nó được sống trên *khối cầu thứ bảy* và cuối cùng của cõi cảm dục. Điều đầu tiên sẽ gây ấn tượng nơi anh khi anh viếng thăm phần đó là sự vắng mặt hoàn toàn của mọi loại công trình kiến trúc. Không hề có dấu hiệu nào của nơi cư trú con người, nhưng anh sẽ thấy rằng có những cư dân thường trú sống ở cấp độ này, dù họ làm mọi điều trong khả năng để ngăn cản sự tiếp xúc khi những con người khác đến gần. Những người như thế cho rằng sự tiến bộ trong tiến hoá của họ chỉ có thể đạt được bằng cách hoàn toàn ẩn cư và sống đời im lặng. Trong thế giới hồng trần có những thánh nhân sống tách khỏi nhân loại ở những nơi hẻo lánh dưới chân hoặc trên đỉnh những ngọn núi cô tịch mà con người hiếm khi đặt chân tới. Những người này dành đời mình cho tham thiền, nhịn ăn và sống điều mà thế gian sẽ mô tả là một đời sống khổ hạnh. Sau khi chết, những người như thế vẫn vậy và đến lúc thích hợp họ tìm đường đến khối cầu thứ bảy của cõi cảm dục, rồi tiếp tục đời sống tham thiền ở đó. Anh sẽ thấy những người mà trong đời sống trần thế, với tư cách tu sĩ hay giáo sĩ, đã là thành viên của những huynh đệ đoàn thực hành sự im lặng tuyệt đối và một đời sống tách biệt khỏi những con người bình thường khác. Những người này đã quá quen với việc sống trong nội tâm mình, cầu nguyện lâu dài cho sự

death they derive solace in continuation of the same existence that they lived for so many years on earth. There is no necessity at the astral level for any such persons to seek for a cave or build themselves houses to live in. Neither food nor accommodation is necessary to their existence, so they usually live in the open, in woods and out-of-the-way places, where they are most likely to be left alone and undisturbed.

“In addition to the humans who live at this level, you will find countless numbers of highly evolved members of the deva kingdom that carry on work but have no contact whatever with the members of our evolution.

“You will also find those human beings whose sojourn at the astral level is over and who have to pass through this seventh sphere in order to reach the mental world through which they must pass on their journey back to the higher part of themselves, the ego, who has his natural habitat on the higher spheres of the mental world—called the casual level. These humans are usually accompanied to the seventh sphere by guides, who are men like themselves but more evolved and older souls; the particular work of these guides is to explain, in detail, what is meant by the second death. The journey from the astral world to the mental world is entirely painless and is merely the dropping of another sheath. The guides make it their business to eradicate any fear that might arise in the minds of these people, for although we have all travelled the same journey many times before, after each physical incarnation has been completed, yet we do not remember those previous journeys, because for each new physical incarnation we have entirely new mental, astral and physical bodies, which do not carry with them detailed memories of past lives. The passing from the astral to the mental world is something

trợ giúp nhân loại, đến nỗi sau khi chết họ tìm được sự an ủi trong việc tiếp tục cùng một sự hiện hữu mà họ đã sống suốt bao năm trên trái đất. Ở cấp độ cảm dục, những người như thế không cần phải tìm hang động hay xây nhà để ở. Thức ăn lẫn chỗ ở đều không cần thiết cho sự hiện hữu của họ, nên họ thường sống ngoài trời, trong rừng và những nơi hẻo lánh, nơi họ có nhiều khả năng được để yên và không bị quấy rầy.

“Ngoài những con người sống ở cấp độ này, anh sẽ thấy vô số thành viên tiến hoá rất cao của giới thiên thần đang tiếp tục công việc nhưng hoàn toàn không tiếp xúc với các thành viên của tiến hoá chúng ta.

“Anh cũng sẽ thấy những con người mà thời gian lưu trú của họ ở cấp độ cảm dục đã chấm dứt và họ phải đi qua khối cầu thứ bảy này để đến cõi trí, nơi họ phải đi qua trên hành trình trở về phần cao hơn của chính mình, chân ngã, vốn có nơi cư trú tự nhiên trên các khối cầu cao của cõi trí—được gọi là cấp độ nguyên nhân. Những con người này thường được các vị hướng dẫn đưa đến khối cầu thứ bảy; đó là những người giống như họ nhưng tiến hoá hơn và là những linh hồn già dặn hơn; công việc riêng của các vị hướng dẫn này là giải thích chi tiết ý nghĩa của cái chết thứ hai. Cuộc hành trình từ cõi cảm dục sang cõi trí hoàn toàn không đau đớn và chỉ đơn thuần là việc buông bỏ thêm một lớp vỏ nữa. Các vị hướng dẫn lấy việc xóa bỏ bất cứ nỗi sợ nào có thể nảy sinh trong trí tuệ của những người này làm nhiệm vụ của mình, vì tuy tất cả chúng ta đã đi cùng một hành trình ấy nhiều lần trước đây, sau mỗi lần nhập thể hồng trần hoàn tất, nhưng chúng ta không nhớ những hành trình trước đó, bởi vì với mỗi lần nhập thể hồng trần mới, chúng ta có những thể trí, thể cảm dục và thể xác hoàn toàn mới, những thể này không mang theo những ký ức chi tiết về các kiếp trước. Việc chuyển từ cõi cảm dục sang cõi trí

outside the control of the average individual and, when his time comes, he is forced to drop his astral body for the simple reason that he has no further experience to gain at the astral level; he must then pass to the mental world in order to consolidate the mental work that he has accomplished during his physical existence and add it to the reservoir of knowledge, contained within the permanent atom, representing all his previous lives. Having received all the necessary information that can be given to him on the subject of his passing, the man gradually falls asleep and awakes almost immediately in the mental world, having during that brief moment of sleep dropped his astral body forever. Friends meet him in the mental world in exactly the same way as friends met him when he passed from the physical to the astral world. He commences an entirely new type of life; in the case of the average man this is usually much shorter than his life in the astral world, though the duration is longer for evolved men.

“The astral body which has been left behind by the individual who has passed on takes some little time to disintegrate and return to the main mass of astral matter. During the period of disintegration, the body retains a likeness to the individual who previously occupied it. You must understand that it is only a shell, yet owing to the fluidic nature of astral matter, it can move about and to an inexperienced person seems to retain a semblance of life. I have seen people who have visited this seventh sphere during their physical plane existence, nonplussed at finding that they are unable to get into conversation with some of these shells which they find floating about. A shell is not a corpse in the sense that the physical body after death is a corpse because, although it has no connection whatsoever with the real man, the ego who has dropped it,

là điều nằm ngoài sự kiểm soát của cá nhân trung bình, và khi thời điểm của ông đến, ông bị buộc phải buông bỏ thể cảm dục của mình vì lý do đơn giản là ông không còn kinh nghiệm nào để thu nhận ở cấp độ cảm dục nữa; khi đó ông phải sang cõi trí để củng cố công việc trí tuệ mà ông đã hoàn thành trong đời sống hồng trần và thêm nó vào kho tri thức chứa trong Nguyên tử trường tồn, đại diện cho tất cả các kiếp trước của ông. Sau khi nhận được mọi thông tin cần thiết có thể được trao cho ông về việc chuyển tiếp của mình, người ấy dần dần chìm vào giấc ngủ và gần như lập tức tỉnh dậy trong cõi trí, trong khoảnh khắc ngủ ngán ngủ ấy đã buông bỏ thể cảm dục của mình mãi mãi. Bạn bè đón ông trong cõi trí đúng như cách bạn bè đã đón ông khi ông chuyển từ thế giới hồng trần sang cõi cảm dục. Ông bắt đầu một loại đời sống hoàn toàn mới; trong trường hợp người trung bình, đời sống này thường ngắn hơn nhiều so với đời sống của ông trong cõi cảm dục, dù thời gian kéo dài hơn đối với những người tiến hoá.”

“Thể cảm dục bị cá nhân đã qua đời bỏ lại cần một thời gian ngắn để tan rã và trở về với khối vật chất cảm dục chung. Trong thời kỳ tan rã ấy, thể này vẫn giữ một sự giống nhau với cá nhân trước kia đã cư ngụ trong nó. Anh phải hiểu rằng đó chỉ là một cái vỏ, tuy nhiên do bản chất linh động của vật chất cảm dục, nó có thể di chuyển đây đó và đối với người thiếu kinh nghiệm thì dường như vẫn còn giữ một dáng vẻ của sự sống. Tôi đã thấy những người đã viếng thăm khối cầu thứ bảy này trong khi còn tồn tại ở cõi hồng trần, bối rối khi thấy mình không thể trò chuyện với một số vỏ này mà họ bắt gặp đang trôi nổi quanh đó. Một cái vỏ không phải là một tử thi theo nghĩa thể xác sau khi chết là một tử thi, bởi vì tuy nó hoàn toàn không còn liên hệ gì với con người thực sự, với chân ngã đã bỏ nó lại, nhưng nó vẫn còn chứa một ít sự sống. Thật vậy, cho đến khi sự

yet it still contains a little life. Indeed, until the disintegration is complete, the shell must think of itself as a man, for it is a fragment, a shadow of the man who is gone. At spiritualistic séances we sometimes see manifestations of various sorts when, instead of the sitters getting into touch with the man himself, they only contact the shell—this can happen when the man has been dead a long time—a friend of a sitter seems to come back and talks to them, yet in various ways he does not appear to be as intellectual as he used to be; he seems to have deteriorated. That is impossible; a man does not deteriorate, he progresses on the other side of death, so whenever one comes in contact with such a case, one may be sure that it is not the real man at all but only this fragment, this shell he has left behind. Although a shell is inanimate, it is quite possible for other creatures to enter it, to take it on as a temporary body and play the part of the original man. This is often done by astral human beings who enjoy playing practical jokes, and by playful nature spirits who may take hold of one of these shells, put it on as one would an overcoat, and masquerade in it. The man masquerading inside the shell will very likely give ‘proof’ of his identity, for whatever entered the brain of the original occupant during his lifetime will have passed into the astral counterpart, and it will remain there for the use of any entity masquerading in that body. In many cases a certainty may be acquired by an investigator who is sufficiently clairvoyant to see what is behind the shell, but whoever is investigating needs to take great care, for even the shell from which the fragment of the man has disappeared can be galvanised into activity within the aura of a medium. You may come into contact with shells some time in the future; one thing you can be quite sure about is that they are in no way dangerous and can do you no harm.

tan rã hoàn tất, cái vỏ phải nghĩ về chính nó như một con người, vì nó là một mảnh vụn, một cái bóng của con người đã ra đi. Trong các Buổi gọi hồn của giới thần linh học, đôi khi chúng ta thấy những biểu hiện đủ loại khi, thay vì những người tham dự tiếp xúc được với chính con người ấy, họ chỉ tiếp xúc với cái vỏ—điều này có thể xảy ra khi người ấy đã chết từ lâu—một người bạn của ai đó trong nhóm dường như quay trở lại và nói chuyện với họ, tuy nhiên theo nhiều cách y không có vẻ trí tuệ như trước; y dường như đã sa sút. Điều đó là không thể; con người không sa sút, y tiến bộ ở phía bên kia của cái chết, vì thế bất cứ khi nào người ta gặp một trường hợp như vậy, người ta có thể chắc chắn rằng đó hoàn toàn không phải là con người thực sự mà chỉ là mảnh vụn này, cái vỏ này mà y đã bỏ lại. Mặc dù một cái vỏ là vô sinh khí, hoàn toàn có thể có những sinh vật khác đi vào nó, dùng nó như một thể tạm thời và đóng vai con người nguyên thủy. Điều này thường được thực hiện bởi những con người cảm dục thích đùa nghịch, và bởi những tinh linh tự nhiên tinh nghịch có thể chộp lấy một trong những cái vỏ này, khoác nó vào như người ta khoác áo choàng ngoài, rồi giả dạng trong đó. Con người giả dạng bên trong cái vỏ rất có thể sẽ đưa ra ‘bằng chứng’ về căn tính của mình, vì bất cứ điều gì đã đi vào bộ não của người cư ngụ nguyên thủy trong suốt đời sống của y đều đã chuyển sang đối phần cảm dục, và nó sẽ còn ở đó để cho bất kỳ thực thể nào giả dạng trong thể ấy sử dụng. Trong nhiều trường hợp, một nhà khảo cứu đủ thông minh để thấy điều gì ở phía sau cái vỏ có thể đạt được sự chắc chắn, nhưng bất cứ ai đang khảo cứu đều cần hết sức cẩn trọng, vì ngay cả cái vỏ mà mảnh vụn của con người đã rời khỏi cũng có thể bị kích hoạt thành hoạt động trong hào quang của một đồng tử. Có thể trong tương lai anh sẽ tiếp xúc với các vỏ; có một điều anh có thể hoàn toàn chắc chắn là chúng tuyệt nhiên không nguy hiểm và không thể làm hại anh.

“This concludes my talk for today. You have undoubtedly realised that it completes my very brief survey of life on the different spheres of the world next to this. I want you to prepare a list of questions for me to answer tomorrow morning. After that, when you have had several days of experimenting on your own, I shall visit you again and tell you something about life as it is lived in the mental world. I shall not be able to give you as much detail of this world as I have been able to give you about the astral world, because it is much more difficult to provide analogies of what takes place in the mental world and compare them with similar things that take place in the physical world. Life there is so very different from here, for everything has to do with thought. Here you have tables and chairs and buildings. In the astral world thoughts are the tables, chairs and buildings—in fact there is nothing there but thought—so you can well understand my difficulty. I shall probably take you on a short visit to the mental plane also, in the hope that you will be able to remember something of what you sensed rather than saw there, but I shall tell you more about this in future.

“I shall come again tomorrow at the usual time when I hope your list of questions will be ready.”

Chapter 9

I had a wonderful night's sleep; I awoke this morning at the usual hour much refreshed, but without recollection of anything having happened during the night. My list of questions is ready, and I hope Acharya will not consider it too lengthy.

I was rereading my questions when the door opened and Acharya greeted me with: “There

“Đến đây kết thúc câu chuyện hôm nay của tôi. Hẳn anh đã nhận ra rằng nó hoàn tất cuộc khảo sát rất ngắn gọn của tôi về sự sống trên các khối cầu khác nhau của thế giới kế cận thế giới này. Tôi muốn anh chuẩn bị một danh sách câu hỏi để tôi trả lời vào sáng mai. Sau đó, khi anh đã có vài ngày tự mình thử nghiệm, tôi sẽ lại đến thăm anh và nói cho anh biết đôi điều về sự sống như nó được sống trong cõi trí. Tôi sẽ không thể cho anh nhiều chi tiết về thế giới này như tôi đã có thể cho anh về thế giới cảm dục, vì khó hơn nhiều để đưa ra những tương đồng về những gì diễn ra trong cõi trí và so sánh chúng với những điều tương tự diễn ra trong cõi hồng trần. Sự sống ở đó rất khác nơi đây, vì mọi sự đều liên quan đến tư tưởng. Ở đây anh có bàn ghế và nhà cửa. Trong thế giới cảm dục, các tư tưởng chính là bàn ghế và nhà cửa—thật ra ở đó không có gì ngoài tư tưởng—nên anh có thể hiểu rõ sự khó khăn của tôi. Có lẽ tôi cũng sẽ đưa anh đi thăm ngắn cõi trí, với hy vọng rằng anh sẽ có thể nhớ được phần nào những gì anh cảm nhận hơn là nhìn thấy ở đó, nhưng sau này tôi sẽ nói thêm với anh về điều này.

“Ngày mai tôi sẽ lại đến vào giờ thường lệ, khi ấy tôi hy vọng danh sách câu hỏi của anh sẽ sẵn sàng.”

Tôi đã có một giấc ngủ đêm tuyệt vời; sáng nay tôi thức dậy vào giờ thường lệ, rất sảng khoái, nhưng không nhớ gì về bất cứ điều gì đã xảy ra trong đêm. Danh sách câu hỏi của tôi đã sẵn sàng, và tôi hy vọng Acharya sẽ không cho là nó quá dài.

Tôi đang đọc lại các câu hỏi của mình thì cửa mở ra và Acharya chào tôi bằng lời: “Không

is no need to apologise for the number of your questions; I have discouraged your asking questions regularly because I knew much would become clear to you with personal experiences at the astral level, and too many interruptions do not help either the speaker or the listener. I shall do my best to answer your question in language which should clarify your difficulties.”

Q. “In your talks you have never mentioned anything about the conventional Heaven, to which the bulk of Christians are taught to aspire. Is there such a place or does it only exist in the imagination of the priests and ministers of religion who insist on its existence?”

A. “There is certainly no such place as Heaven, but there is a state of consciousness which is often referred to as heaven by the people living under those conditions. Some people argue that the state of consciousness is found in the higher stages of the astral world, whereas others insist that it is found in the mental world only. Some people argue that there is a difference between that which is called Paradise and that which is called Heaven. You will remember that the Christ, speaking to the penitent thief, is reported to have said: ‘This day shalt thou be with me in Paradise.’ Paradise was the name given by the Greeks to the upper regions of the astral plane and they taught that Heaven was found in the mental world, after man had left the astral world on his journey back to the home of the soul or ego. At these higher levels some men surround themselves with the thought-forms of Seraphim and Cherubim, in strict accordance with the ancient Hebrew scriptures. It is perfectly real to them and it harms no one if they are content to think it all real, so why worry them? Many of them even make thought-forms of God or St. Peter,

cần phải xin lỗi về số lượng câu hỏi của anh; tôi đã ngăn anh đặt câu hỏi thường xuyên vì tôi biết nhiều điều sẽ trở nên sáng tỏ với anh qua những kinh nghiệm cá nhân ở cấp độ cảm dục, và quá nhiều gián đoạn cũng không giúp ích cho cả người nói lẫn người nghe. Tôi sẽ cố gắng hết sức để trả lời câu hỏi của anh bằng ngôn ngữ có thể làm sáng tỏ những khó khăn của anh.”

H. “Trong các buổi nói chuyện của ông, ông chưa bao giờ nhắc đến Thiên Đàng theo quan niệm thông thường, nơi mà phần lớn tín đồ Cơ Đốc được dạy phải khát vọng hướng tới. Có nơi như vậy thật không, hay nó chỉ tồn tại trong sự tưởng tượng của các linh mục và giáo sĩ luôn khẳng định về sự hiện hữu của nó?”

Đ. “Chắc chắn không có nơi nào như Thiên Đàng, nhưng có một trạng thái tâm thức thường được những người sống trong các điều kiện ấy gọi là thiên đàng. Có người cho rằng trạng thái tâm thức ấy được tìm thấy trong các giai đoạn cao hơn của thế giới cảm dục, trong khi những người khác khẳng định rằng nó chỉ được tìm thấy trong cõi trí. Có người lại cho rằng có sự khác biệt giữa điều được gọi là Cực Lạc và điều được gọi là Thiên Đàng. anh sẽ nhớ rằng Đức Christ, khi nói với tên trộm biết ăn năn, được thuật lại là đã nói: ‘Hôm nay ngươi sẽ ở với ta trong Cực Lạc.’ Cực Lạc là tên mà người Hy Lạp đặt cho các vùng cao của cõi cảm dục và họ dạy rằng Thiên Đàng được tìm thấy trong cõi trí, sau khi con người đã rời thế giới cảm dục trên hành trình trở về ngôi nhà của linh hồn hay chân ngã. Ở các cấp độ cao hơn này, một số người tự bao quanh mình bằng các hình tư tưởng của Seraphim và Cherubim, hoàn toàn phù hợp với các kinh thư cổ xưa của người Hebrew. Đối với họ điều đó hoàn toàn thực, và nó không làm hại ai nếu họ bằng lòng nghĩ rằng tất cả đều là thật, vậy thì tại sao phải làm phiền họ? Nhiều người trong số họ thậm chí còn tạo ra các hình tư tưởng về Thượng đế

and nothing that you could say would convince them that they are living in a state of illusion. There will come a day when they have developed their intellect a little more, when they will begin to try to ascertain what is fact and what is illusion.

“I notice that although you ask about the conventional heaven, you have not mentioned the conventional Hell. That of course no more exists than Heaven exists, but usually one does not find people in the astral world making thought-forms of a conventional Hell and living under such conditions, for no one is ever so self-critical as to be quite sure that Hell is the right place for him. Most of the people who live surrounded by the thought-forms of their idea of a conventional Heaven are only too happy to exist in such circumstances, as they feel they have either earned the right to be there, or have been extremely lucky to find themselves in a place for which they were not quite sure they had qualified. A conventional heaven created by people living at the mental level is quite different—though it serves the same purpose for the people concerned.”

Q. “You said in your third talk that you would explain the difference between an animal’s life in the astral world and the life lived there by a human being. What is the difference?”

A. “There is a considerable difference between the life of an animal in the astral world and that of a human being. In the case of the former, it seldom inhabits spheres of that world higher than the third, for the life that a man lives on the higher spheres has little interest for an animal, and only in exceptional cases does a human being take a favourite

hay Thánh Peter, và không điều gì anh có thể nói sẽ thuyết phục được họ rằng họ đang sống trong một trạng thái ảo tưởng. Sẽ đến một ngày khi họ đã phát triển trí tuệ thêm đôi chút, khi họ sẽ bắt đầu cố gắng xác định điều gì là sự kiện và điều gì là ảo tưởng.

“Tôi nhận thấy rằng tuy anh hỏi về thiên đàng theo quan niệm thông thường, anh lại không nhắc đến địa ngục theo quan niệm thông thường. Dĩ nhiên điều đó cũng không tồn tại hơn gì Thiên Đàng tồn tại, nhưng thường người ta không thấy những người trong thế giới cảm dục tạo ra các hình tư tưởng về một địa ngục thông thường rồi sống trong những điều kiện như thế, vì không ai lại tự phê phán mình đến mức hoàn toàn chắc chắn rằng địa ngục là nơi thích hợp cho mình. Phần lớn những người sống được bao quanh bởi các hình tư tưởng về ý niệm của họ đối với một thiên đàng thông thường đều quá đổi vui vẻ khi tồn tại trong hoàn cảnh như vậy, vì họ cảm thấy hoặc là mình đã xứng đáng có quyền ở đó, hoặc là đã cực kỳ may mắn khi thấy mình ở một nơi mà họ không hoàn toàn chắc chắn là mình đủ tư cách. Một thiên đàng thông thường do những người sống ở cấp độ trí tuệ tạo ra thì hoàn toàn khác—dù nó phục vụ cùng một mục đích cho những người liên hệ.”

H. “Ông đã nói trong buổi nói chuyện thứ ba rằng ông sẽ giải thích sự khác biệt giữa đời sống của một con vật trong thế giới cảm dục và đời sống ở đó của một con người. Sự khác biệt là gì?”

Đ. “Có một sự khác biệt đáng kể giữa đời sống của con vật trong thế giới cảm dục và đời sống của con người. Trong trường hợp thứ nhất, nó hiếm khi cư ngụ ở các khối cầu cao hơn khối cầu thứ ba của thế giới ấy, vì đời sống mà con người sống trên các khối cầu cao hơn ít có gì hấp dẫn đối với con vật, và chỉ trong những trường hợp ngoại lệ con người mới mang theo

animal with him when he passes to the higher spheres. An animal certainly has a short sojourn at the astral level after each physical life has been lived, but it does not usually last for more than ten to fifteen years at the most. When the time comes for the group soul, of which the animal is a part, to reincarnate in new animal bodies, the animal entities which have been living separate existences at the astral level are again drawn back into the group soul and their separate identities at once cease to be. The group soul, when its various parts return to it, is coloured by the experiences of those several parts, and the life-force of which the group soul is made up then splits itself into sections again, each section inhabiting a new animal entity, and further experiences are gained in these new bodies. As I have explained to you previously, this goes on until the group soul is ready to individualise as a human being.

“Those few years that an animal spends in the astral world are always happy—even in the very rare cases where a dog dies from a broken heart, because its master gave it away or left it with strangers when he was forced to go on a long journey; such an animal quickly finds a new home. In the astral world you never see a dog ask for food whereas you have seen for yourself many humans continue to eat and drink after death, merely because they have formed the habit of so doing. A dog or a cat only eats when it is hungry and seldom from greed. At the astral level it doesn't get hungry, so it never asks for food. A dog of the hunting species has during its life been trained to hunt; after death it continues to do so. Its instinct is to look for its quarry and that very looking is in itself a thought, so a quarry immediately appears and the dog at once chases it. Whether it catches it or not is of little importance, for the quarry which is only a thought-form cannot be killed in the ordinary sense of the

một con vật yêu thích khi y chuyển sang các khối cầu cao hơn. Chắc chắn con vật có một thời gian lưu lại ngắn ở cấp độ cảm dục sau mỗi đời sống hồng trần, nhưng thường không kéo dài quá mười đến mười lăm năm là cùng. Khi đến lúc hồn nhóm mà con vật là một phần của nó tái sinh vào những thể động vật mới, các thực thể động vật đã sống những đời sống riêng biệt ở cấp độ cảm dục lại bị hút trở về hồn nhóm và các căn tính riêng biệt của chúng lập tức chấm dứt. Hồn nhóm, khi các phần khác nhau của nó trở về, được nhuộm màu bởi những kinh nghiệm của các phần ấy, và sinh lực tạo thành hồn nhóm lại tự phân chia thành các phần, mỗi phần cư ngụ trong một thực thể động vật mới, và những kinh nghiệm mới lại được thu nhận trong các thể mới này. Như tôi đã giải thích với anh trước đây, điều này tiếp diễn cho đến khi hồn nhóm sẵn sàng biệt ngã hóa thành một con người.

“Những năm ít ỏi mà một con vật trải qua trong thế giới cảm dục luôn luôn hạnh phúc—ngay cả trong những trường hợp rất hiếm khi một con chó chết vì đau lòng, bởi chủ của nó đem cho nó hoặc để nó lại với người lạ khi ông ta buộc phải đi xa lâu ngày; một con vật như thế nhanh chóng tìm được một mái nhà mới. Trong thế giới cảm dục anh không bao giờ thấy một con chó xin thức ăn, trong khi chính anh đã thấy nhiều con người tiếp tục ăn uống sau khi chết, chỉ vì họ đã hình thành thói quen làm như vậy. Chó hay mèo chỉ ăn khi đói và hiếm khi vì tham ăn. Ở cấp độ cảm dục nó không thấy đói, nên nó không bao giờ xin thức ăn. Một con chó săn trong suốt đời sống của nó đã được huấn luyện để săn; sau khi chết nó vẫn tiếp tục làm như vậy. Bản năng của nó là tìm con mồi, và chính sự tìm kiếm ấy tự nó đã là một tư tưởng, nên một con mồi lập tức xuất hiện và con chó ngay tức khắc đuổi theo. Việc nó có bắt được hay không thì ít quan trọng, vì con mồi vốn chỉ là một hình tư tưởng không

word, but the dog enjoys the chase and its life continues to be a happy one.

“A horse which during its lifetime has been a favourite hack of a natural lover of horses soon finds another owner with a similar love of his kind and the same routine goes on with benefit and pleasure to both horse and rider. In some cases, after a favourite animal has died, its owner in the world thinks strongly about it when he goes to sleep at night. The animal feels the ‘call’ and sometimes is able to contact its late owner and share a few hours of his company. Unfortunately this is not a desirable thing, for the horse or dog feels the loss of its late master when such a person has to return to his physical body after the sleep period is completed; therefore it is kinder that they should be allowed to attach themselves to new masters or mistresses. There are rare cases where the affection between a human being and his pets is so strong that the group soul, of which the animal is a part, is in its way linked with that human being. This can only happen towards the end of the group soul period, when it is divided into only two parts, awaiting the time for its individualisation as a human being. Because the human being has done so much for that group soul, by helping to eradicate the last vestige of fear from animals attached to him, the entire group soul, consisting of two dogs or two cats for example, has two or three consecutive lives in the same household. In this way the time when individualisation can take place is often considerably shortened. I could tell you of the authentic instances of this happening, but my time is limited.

“The period that an animal spends in the astral world is too short for the conditions ruling there to influence deeply the evolution

thể bị giết theo nghĩa thông thường của từ ấy, nhưng con chó thích cuộc rượt đuổi và đời sống của nó tiếp tục là một đời sống hạnh phúc.

“Một con ngựa mà trong suốt đời sống của nó là con ngựa cưng ưa thích của một người yêu ngựa chân thành thì sớm tìm được một người chủ khác cũng có tình yêu tương tự đối với giống loài của nó, và cùng một nếp sinh hoạt lại tiếp diễn, đem lợi ích và niềm vui cho cả ngựa lẫn người cưng. Trong một số trường hợp, sau khi một con vật yêu thích đã chết, chủ của nó ở thế gian nghĩ mạnh về nó khi đi ngủ vào ban đêm. Con vật cảm nhận được ‘tiếng gọi’ và đôi khi có thể tiếp xúc với người chủ cũ của nó và cùng chia sẻ vài giờ bên cạnh ông ta. Tiếc thay, điều này không phải là điều đáng mong muốn, vì ngựa hay chó sẽ cảm thấy mất mát người chủ cũ khi người ấy phải trở về thể xác sau khi thời kỳ ngủ kết thúc; vì thế sẽ nhân từ hơn nếu để chúng được gắn bó với những người chủ hay bà chủ mới. Có những trường hợp hiếm hoi mà tình cảm giữa con người và thú nuôi của y mạnh đến mức hồn nhóm mà con vật là một phần của nó, theo cách riêng của nó, được liên kết với con người ấy. Điều này chỉ có thể xảy ra vào cuối thời kỳ hồn nhóm, khi nó chỉ còn phân chia thành hai phần, chờ thời điểm biệt ngã hóa thành một con người. Bởi vì con người ấy đã làm rất nhiều cho hồn nhóm đó, bằng cách giúp xóa bỏ dấu vết cuối cùng của nỗi sợ nơi những con vật gắn bó với mình, toàn bộ hồn nhóm, chẳng hạn gồm hai con chó hay hai con mèo, sẽ có hai hoặc ba đời sống liên tiếp trong cùng một gia đình. Bằng cách này, thời điểm biệt ngã hóa có thể diễn ra thường được rút ngắn đáng kể. Tôi có thể kể cho anh những trường hợp xác thực về điều này, nhưng thời gian của tôi có hạn.

“Thời kỳ mà một con vật trải qua trong thế giới cảm dục quá ngắn để các điều kiện chi phối ở đó ảnh hưởng sâu sắc đến sự tiến hoá của hồn

of the group soul, so when that period is over, the animals disappear from the homes to which they have attached themselves, to return to their group souls for new incarnations in the physical world, where further experience is gained."

Q. "Why is it that Charles did not contact us on the second astral journey? Is it that he is no longer interested in me, owing to his new life being so very different and more thrilling than the physical one, or can he not join up with us without your assistance?"

A. "I am very pleased that you have raised these queries, for though it will take me some time to explain what you want to know, it is most necessary that you should be clear as to why opportunities of movement at the astral level vary for temporary visitors and permanent residents. Whilst physical life continues, the astral body is an auxiliary body, but it is used by you during sleeping hours for activities in the astral world. That body, composed of astral matter, has particles in it relative to all the different spheres of the astral world, and so long as you have a physical body, these particles are intermingled one with the other. You are able to travel to any sphere of the astral world up or down merely by exercising your will power, and, in accordance with the sphere to which you go, these particles of your astral body become active and make such journeys possible. To make it perfectly clear, when you are sojourning on the first sphere, the particles relative to that sphere are at that time active, but when you pass from the first sphere, for example, to the fourth, it means that the fourth sphere particles become active, whilst the particles relating to the other spheres remain dormant, so long as your activities are at that fourth sphere level."

nhóm, vì vậy khi thời kỳ ấy chấm dứt, các con vật biến mất khỏi những ngôi nhà mà chúng đã gắn bó, để trở về hồn nhóm của mình cho những lần lâm phạm mới trong thế giới hồng trần, nơi kinh nghiệm mới lại được thu nhận."

H. "Tại sao Charles đã không tiếp xúc với chúng tôi trong chuyến đi cảm dục thứ hai? Có phải nó không còn quan tâm đến tôi nữa, vì đời sống mới của nó quá khác biệt và ly kỳ hơn đời sống hồng trần, hay là nó không thể nhập bọn với chúng tôi nếu không có sự trợ giúp của ông?"

Đ. "Tôi rất vui vì anh đã nêu ra những thắc mắc này, vì tuy tôi sẽ mất một ít thời gian để giải thích điều anh muốn biết, nhưng điều tối cần là anh phải hiểu rõ tại sao các cơ hội di chuyển ở cấp độ cảm dục lại khác nhau giữa những người viếng thăm tạm thời và những cư dân thường trú. Chừng nào đời sống hồng trần còn tiếp diễn, thể cảm dục là một thể phụ trợ, nhưng nó được anh sử dụng trong những giờ ngủ để hoạt động trong thế giới cảm dục. Thể ấy, được cấu tạo bằng vật chất cảm dục, có trong nó những hạt tương ứng với tất cả các khối cầu khác nhau của thế giới cảm dục, và chừng nào anh còn có một thể xác, những hạt này còn xen lẫn với nhau. anh có thể đi đến bất kỳ khối cầu nào của thế giới cảm dục, lên hay xuống, chỉ bằng cách vận dụng ý chí của mình, và tùy theo khối cầu anh đến, những hạt của thể cảm dục của anh trở nên hoạt động và làm cho những chuyến đi như thế trở thành khả hữu. Để nói cho thật rõ, khi anh đang lưu lại ở khối cầu thứ nhất, những hạt tương ứng với khối cầu ấy lúc đó hoạt động, nhưng khi anh chuyển từ khối cầu thứ nhất, chẳng hạn, sang khối cầu thứ tư, điều đó có nghĩa là những hạt của khối cầu thứ tư trở nên hoạt động, trong khi những hạt liên hệ đến các khối cầu khác vẫn ở trạng thái ngủ yên, chừng nào hoạt động của anh còn ở cấp độ khối cầu thứ tư ấy."

“As long as you have a physical body, this process goes on, but when the physical body is dropped at the moment of death, the astral body, which before was a mass of revolving particles all intermingling, rearranges itself into an entirely different form. In order that you should understand this perfectly, try and visualise the astral body after death as an ovoid, like an orange, with a core and with seven separate and distinct skins surrounding that core. The core represents the permanent atom relating to all the different spheres of both the astral and the mental worlds. The seven skins are composed of matter relative to the seven different spheres that exist at the astral level, of which you now know something, and, at the moment of death, the astral body so rearranges the matter of which it is composed that the outside or densest skin is made up of atoms similar to those which you require to function on the first or densest sphere of that world. When, after a period of time, you leave the first sphere and pass to the second, you drop that outer skin, leaving the atoms relative to the second sphere of that world, which now become active, on the outside of your body. The same thing applies when you pass to higher levels. In passing, each outer skin drops away and leaves the skin beneath it, which at once becomes active and enables you to be fully conscious in the sphere to which you have passed. Now if you wish to pass down again from, let us say the fourth to the first sphere, it is necessary for a permanent resident to call upon the atoms contained within the core of the orange—the permanent atom—in order to effect that change. This requires a much greater effort of will than in the case of the temporary sojourner, for he must draw round his astral body yet again a new skin relative to the astral matter of this sphere in which he wishes to function.

“Chừng nào anh còn có một thể xác, tiến trình này vẫn tiếp diễn, nhưng khi thể xác bị bỏ lại vào lúc chết, thể cảm dục, trước đó là một khối các hạt quay tròn xen lẫn nhau, sẽ tự sắp xếp lại thành một hình thức hoàn toàn khác. Để anh có thể hiểu điều này thật trọn vẹn, hãy cố hình dung thể cảm dục sau khi chết như một hình trứng, giống quả cam, có một lõi và bảy lớp vỏ riêng biệt bao quanh lõi ấy. Lõi tượng trưng cho nguyên tử trường tồn liên hệ đến mọi khối cầu khác nhau của cả thế giới cảm dục lẫn cõi trí. Bảy lớp vỏ được cấu tạo bằng vật chất tương ứng với bảy khối cầu khác nhau hiện hữu ở cấp độ cảm dục, mà nay anh đã biết đôi chút, và vào lúc chết, thể cảm dục sắp xếp lại vật chất cấu thành nó sao cho lớp vỏ ngoài cùng hay đậm đặc nhất được tạo nên bởi những nguyên tử tương tự như những nguyên tử anh cần để hoạt động trên khối cầu thứ nhất hay đậm đặc nhất của thế giới ấy. Khi, sau một thời gian, anh rời khỏi cầu thứ nhất và chuyển sang khối cầu thứ hai, anh bỏ lớp vỏ ngoài ấy lại, để cho các nguyên tử tương ứng với khối cầu thứ hai của thế giới ấy, nay trở nên hoạt động, ở phía ngoài cơ thể của anh. Điều tương tự cũng áp dụng khi anh chuyển sang các cấp độ cao hơn. Mỗi khi chuyển lên, mỗi lớp vỏ ngoài lại rơi đi và để lộ lớp vỏ bên dưới, lớp này lập tức trở nên hoạt động và giúp anh hoàn toàn có tâm thức trong khối cầu mà anh đã chuyển đến. Giờ đây nếu anh muốn đi xuống trở lại, giả sử từ khối cầu thứ tư xuống khối cầu thứ nhất, thì một cư dân thường trú cần phải gọi đến những nguyên tử chứa trong lõi của quả cam—nguyên tử trường tồn—để thực hiện sự thay đổi ấy. Điều này đòi hỏi một nỗ lực ý chí lớn hơn nhiều so với trường hợp của người lưu lại tạm thời, vì y phải lại một lần nữa kéo quanh thể cảm dục của mình một lớp vỏ mới tương ứng với vật chất cảm dục của khối cầu mà y muốn hoạt động trong đó.

“Charles did not accompany us on our second astral journey because I did not invite him to do so, therefore he did not know that such a journey was contemplated. You can now realise that, had we taken Charles with us on that journey, it would have been necessary for me to explain to him in detail the machinery that would have had to be employed to enable him to get back to the first sphere where he is still living. It is not because Charles is finding life at the astral level so full that you have not seen him during the past few days, but simply that the average individual who lives in the astral world does not hanker after contacts with people living in our world, in the same way that you wished to make contact with Charles immediately after his death. You ask if Charles could join up with us without any assistance—most certainly he could, providing he thought about us sufficiently strongly to make that desire known to us. He could for example wait in your bedroom every night if he wished, for the moment when you pass out of your physical body; then he could make known to you his wish to accompany you, wherever you go. He has not shown this strong inclination, so you have not had any contact with him lately. In case you are worried, let me assure you that Charles, at the moment, is busy with a temporary attraction which he has for a member of the opposite sex, who has recently died; he is very happy showing her around and proving to her how much more he knows about conditions than she does at present. My suggestion to you is to leave him alone for the time being, as I think that later you will link up with him again for your mutual benefit.”

Q. “You have not mentioned why some people are born cripples and others blind. Others again deaf and dumb. Is there a reason?”

A. “There certainly is a reason, and my few

“Charles đã không đi cùng chúng ta trong chuyến đi cảm dục thứ hai vì tôi đã không mời nó làm như vậy, nên nó không biết rằng một chuyến đi như thế đã được dự tính. Giờ đây anh có thể nhận ra rằng, nếu chúng ta mang Charles theo trong chuyến đi ấy, tôi đã cần phải giải thích cho nó thật chi tiết bộ máy phải được sử dụng để giúp nó trở lại khối cầu thứ nhất nơi nó vẫn đang sống. Không phải vì Charles thấy đời sống ở cấp độ cảm dục quá phong phú nên anh không gặp nó trong mấy ngày qua, mà đơn giản là cá nhân trung bình sống trong thế giới cảm dục không khao khát tiếp xúc với những người đang sống trong thế giới của chúng ta, theo cùng cách mà anh đã mong muốn tiếp xúc với Charles ngay sau khi nó chết. anh hỏi liệu Charles có thể nhập bọn với chúng ta mà không cần bất kỳ sự trợ giúp nào không—chắc chắn là có, miễn là nó nghĩ về chúng ta đủ mạnh để làm cho mong muốn ấy được chúng ta biết đến. Chẳng hạn, nếu muốn, nó có thể chờ trong phòng ngủ của anh mỗi đêm vào lúc anh rời thể xác hồng trần; rồi nó có thể cho anh biết mong muốn được đi cùng anh, bất cứ nơi nào anh đi. Nó đã không biểu lộ khuynh hướng mạnh mẽ ấy, nên gần đây anh không có tiếp xúc nào với nó. Trong trường hợp anh lo lắng, hãy để tôi bảo đảm với anh rằng hiện giờ Charles đang bận với một sự hấp dẫn tạm thời mà nó dành cho một người thuộc phái đối lập vừa mới qua đời; nó rất hạnh phúc khi dẫn cô ấy đi quanh và chứng tỏ cho cô thấy nó biết về các điều kiện ở đó nhiều hơn cô hiện nay. Gợi ý của tôi với anh là hãy để nó yên trong lúc này, vì tôi nghĩ rằng sau này anh sẽ lại liên kết với nó vì lợi ích chung của cả hai.”

H. “Ông chưa nói tại sao có người sinh ra bị tàn tật còn người khác thì mù. Lại có người điếc và câm. Có lý do nào không?”

Đ. “Chắc chắn là có lý do, và vài nhận xét

remarks relating to the law of karma, or cause and effect, should have answered the question for you. It is essential for you to impress quite clearly on your mind that all such tragedies are produced entirely by the individuals concerned by their actions in previous lives, and are not due to an evil Creator who likes to see humans suffer. A child is sometimes born a cripple because in a previous life he was the cause of extreme suffering to another human being or to an animal. A man may, in a drunken rage, beat a child so cruelly that the beating produces a physical deformity, which medical science is unable to cure; this would undoubtedly cause such a man to be born a cripple in his next life and so be forced to suffer in something of the same way. People are sometimes born deaf and dumb for the reason that, in a previous life, they had been unfortunate enough to be a parent of a deaf and dumb child when, instead of making family conditions happy for such a person, the parent showed his disappointment at having a child which was abnormal by taking it out on the poor creature, who could not defend itself, thereby making life much worse for it than it need have been. Even evolved beings who know the reason for children being born cripples or abnormal in any way sometimes fail to realise that having an abnormal child is an exceedingly fine opportunity for them to make good karma, by treating it with much sympathy and understanding. You may argue that justice today is very different from justice in the past, but the unthinking actions of our past lives must be paid for, even though in those past incarnations man was less sensitive to pain than he is today and used to much more ruthless treatment. Do not forget that it is the intention which decides the amount of suffering.

“Similar karmic consequences follow on emotional and mental cruelty. Quite often one

ngắn của tôi liên quan đến định luật nghiệp quả, hay nhân và quả, lẽ ra đã trả lời câu hỏi ấy cho anh. Điều cốt yếu là anh phải khắc sâu thật rõ trong trí mình rằng mọi bi kịch như thế đều hoàn toàn do chính các cá nhân liên hệ tạo ra bởi hành động của họ trong những đời trước, chứ không phải do một Đấng Sáng Tạo ác độc thích nhìn con người đau khổ. Một đứa trẻ đôi khi sinh ra bị tàn tật vì trong một đời trước nó đã là nguyên nhân gây đau khổ tột độ cho một con người khác hay cho một con vật. Một người đàn ông có thể trong cơn say giận đánh một đứa trẻ tàn nhẫn đến mức trện đòn gây ra một dị dạng thể xác mà y học không thể chữa được; điều này chắc chắn sẽ khiến người ấy sinh ra tàn tật trong đời sau và như thế bị buộc phải chịu đau khổ theo phần nào cùng một cách. Người ta đôi khi sinh ra điếc và câm vì trong một đời trước họ đã bất hạnh là cha mẹ của một đứa trẻ điếc câm, và thay vì làm cho hoàn cảnh gia đình trở nên hạnh phúc đối với người ấy, cha mẹ lại biểu lộ sự thất vọng vì có một đứa con bất thường bằng cách trút lên sinh vật đáng thương không thể tự vệ ấy, khiến đời sống của nó tệ hơn nhiều so với mức lẽ ra phải thế. Ngay cả những hữu thể tiến hóa biết lý do tại sao trẻ em sinh ra tàn tật hay bất thường theo bất kỳ cách nào đôi khi cũng không nhận ra rằng có một đứa con bất thường là một cơ hội cực kỳ tốt đẹp để tạo nghiệp lành, bằng cách đối xử với nó bằng nhiều cảm thông và thấu hiểu. anh có thể lập luận rằng công lý ngày nay rất khác công lý trong quá khứ, nhưng những hành động thiếu suy nghĩ trong các đời quá khứ của chúng ta phải được trả giá, dù rằng trong những lần lâm phạm quá khứ ấy con người ít nhạy cảm với đau đớn hơn ngày nay và quen với sự đối xử tàn nhẫn hơn nhiều. Đừng quên rằng chính ý *định* quyết định mức độ đau khổ.

“Những hậu quả nghiệp quả tương tự cũng theo sau sự tàn nhẫn về cảm xúc và trí tuệ. Khá

sees a mother, who is a widow, putting obstacles in the way of a son marrying, merely because she selfishly wishes to keep the boy within the family circle. The parent argues that the marriage would cause inconvenience or less revenue to the family household, or that she is too delicate to be left alone, so the boy, through a sense of duty, gives up the chance of a happy marriage and selflessly devotes his life to looking after the selfish parent. He does not always realise that the parent is selfish, though it is a fact for anyone to see. The karmic result of such selfishness is that it must be considered as only fair, if in a future life this woman would fall in love with someone, only for that person to die, or be killed, before the marriage could take place. After many years recovering from this loss, this same woman finds that another individual has fallen in love with her. There appear to be no reasons why things should not work out right on this occasion, but Fate may again take a hand in the game of life, with the result that one of the contracting parties develops an incurable disease, which puts marriage out of the question. As people do not know the reason behind such happenings, they are inclined to think that the person concerned is a plaything of an unkind Creator—but such is not the case, for you cannot suffer in any way unless you yourself have produced the cause for that suffering.”

Q. “Why are some people born under ‘a lucky star’ with plenty of money, good health and every seeming advantage, whereas others are born in the slums, with no natural advantages, and often with diseases inherited from their parents?”

A. “The environment into which every man is born is made by himself in a previous incarnation, also in accordance with the law of karma. When a man is born under what you

thường xuyên người ta thấy một người mẹ góa chồng đặt chướng ngại trên đường hôn nhân của con trai, chỉ vì bà ích kỷ muốn giữ cậu con trai trong vòng gia đình. Người mẹ viện rằng cuộc hôn nhân sẽ gây bất tiện hoặc làm giảm thu nhập của gia đình, hoặc rằng bà quá yếu đuối để bị bỏ lại một mình, nên người con trai, vì ý thức bổn phận, từ bỏ cơ hội có một cuộc hôn nhân hạnh phúc và vị tha hiến đời mình để chăm sóc người mẹ ích kỷ. Không phải lúc nào anh ta cũng nhận ra rằng cha mẹ mình ích kỷ, dù đó là một sự thật ai cũng có thể thấy. Kết quả nghiệp quả của sự ích kỷ như thế là, trong một đời tương lai, điều đó phải được xem là công bằng nếu người phụ nữ này yêu một ai đó, chỉ để rồi người ấy chết, hoặc bị giết, trước khi cuộc hôn nhân có thể diễn ra. Sau nhiều năm hồi phục từ mất mát ấy, chính người phụ nữ này lại thấy một người khác đã yêu mình. Đường như không có lý do gì khiến lần này mọi việc không thể diễn ra tốt đẹp, nhưng Số Mệnh có thể lại can dự vào trò chơi của đời sống, với kết quả là một trong hai người dự định kết hôn mắc một căn bệnh không thể chữa, khiến hôn nhân không còn là điều có thể nghĩ đến. Vì người ta không biết lý do đằng sau những sự việc như thế, họ có khuynh hướng nghĩ rằng người liên hệ là món đồ chơi của một Đấng Sáng Tạo không nhân từ—nhưng không phải vậy, vì anh không thể chịu đau khổ theo bất kỳ cách nào nếu chính anh không tạo ra nguyên nhân cho đau khổ ấy.”

H. “Tại sao có người sinh ra dưới ‘một ngôi sao may mắn’ với nhiều tiền bạc, sức khỏe tốt và mọi lợi thế bề ngoài, trong khi những người khác sinh ra trong khu ổ chuột, không có lợi thế tự nhiên nào, và thường còn mang bệnh di truyền từ cha mẹ?”

Đ. “Môi trường mà mỗi con người sinh vào là do chính y tạo ra trong một lần lâm phạm trước, cũng theo định luật nghiệp quả. Khi một người sinh ra dưới điều mà anh gọi là ‘một

call a 'lucky star' with lots of money and perfect health, the world naturally feels that he has indeed been blessed by a Divine Providence—but this opportunity of an easy life is only accorded to one who deserves it. The man who is born in the slums, with many limitations and perhaps hereditary disease is considered unfortunate, but I can assure you that he too has earned what he receives. To find an instance of a man who has earned the right to be born with a 'silver spoon in his mouth' you have only to look amongst the poor people of the world to find examples of this kind. How often have you seen generosity displayed by an individual who is not blessed with many of this world's goods, but nevertheless goes out of his way to assist others less fortunate than himself?' Such a person is only too often taken advantage of by unscrupulous people. Generous actions such as these people perform earn for them the right to be born in very different circumstances in a future existence and they very seldom lose the opportunities which great wealth provides, for they continue to help their fellowmen as they did in the past, with benefit to themselves and the world. If these opportunities are wasted, then the man makes bad karma instead of good, and it would have been better for him had he been born into circumstances less favourable from a worldly point of view.

"It is not necessarily a great misfortune for a man to be born in humble circumstances. In such cases he has the opportunity to overcome the limitations of his environment through his own efforts. We often see such men surmount the obstacles of their birth and emerge successful, even leaders of their generations. It takes courage to do this, yet the efforts made not only improve a man's character, but enable him to make much good karma in that incarnation. His efforts and his

ngôi sao may mắn' với nhiều tiền bạc và sức khỏe hoàn hảo, thế gian tự nhiên cảm thấy rằng y quả thật đã được một Thiên Nhiên Thiêng Liêng ban phúc—nhưng cơ hội có một đời sống dễ dàng như thế chỉ được dành cho người xứng đáng với nó. Người sinh ra trong khu ổ chuột, với nhiều hạn chế và có lẽ bệnh di truyền, được xem là bất hạnh, nhưng tôi có thể bảo đảm với anh rằng y cũng đã tự kiếm lấy điều mình nhận được. Để tìm một ví dụ về người đã xứng đáng được sinh ra 'ngậm thìa bạc trong miệng', anh chỉ cần nhìn vào những người nghèo trên thế giới là sẽ thấy những ví dụ như thế. Biết bao lần anh đã thấy lòng quảng đại được biểu lộ bởi một cá nhân không được ban cho nhiều của cải thế gian, nhưng vẫn sẵn lòng đi xa hơn mức bình thường để giúp đỡ những người kém may mắn hơn mình? Quá thường khi những người như thế lại bị những kẻ vô lương lợi dụng. Những hành động quảng đại như những người này thực hiện giúp họ có quyền được sinh ra trong những hoàn cảnh rất khác trong một đời sống tương lai và họ rất hiếm khi đánh mất những cơ hội mà sự giàu có lớn lao mang lại, vì họ tiếp tục giúp đồng loại như đã làm trong quá khứ, đem lợi ích cho chính mình và cho thế giới. Nếu những cơ hội ấy bị phung phí, thì người ấy tạo nghiệp xấu thay vì nghiệp tốt, và đối với y sẽ tốt hơn nếu được sinh ra trong những hoàn cảnh kém thuận lợi hơn theo quan điểm thế gian.

"Không nhất thiết là một bất hạnh lớn khi một người sinh ra trong hoàn cảnh khiêm tốn. Trong những trường hợp như thế y có cơ hội vượt qua những hạn chế của môi trường bằng nỗ lực của chính mình. Chúng ta thường thấy những người như vậy vượt qua các chướng ngại của xuất thân và vươn lên thành công, thậm chí thành những nhà lãnh đạo của thế hệ mình. Làm được điều này cần có can đảm, nhưng những nỗ lực ấy không những cải thiện tính cách của con người mà còn giúp y tạo

refusal to be deterred by those natural limitations will usually ensure that, in the life to follow, his environment will be much more favourable.”

Q. “Can you explain why some races are born with coloured skins and others with white skins? Is a man with a white skin always more evolved than a man with a coloured skin? Is it a good thing for individuals of different races to marry? Is a white man ever reborn into a coloured race once he has inhabited a white body?”

A. “From a spiritual point of view there is no reason to suppose that a white skin is necessarily better than a coloured skin. The colour of a man’s skin does not denote his standing in evolution; it is usually due to the climate prevailing in the country in which he is born. The question of which nation a man will be born into is usually decided for him, though the ego is given a certain amount of choice. Before his return to physical life begins, the ego is shown the particular characteristics which he lacks and, because each nation has special characteristics of its own, expressed by practically all the members of that nation, an ego is usually born as a child of a family forming part of a nation whose predominant virtues and characteristics that ego lacks, in order that these may be built into his future structure.

“Many thousands of years ago the parts of this planet which were principally inhabited by men were the countries where you now find the indigenous people having coloured skins. Although Australia is today a white man’s country, the aborigines of Australia were black men. In South Africa the original inhabitants were dark skinned people and although

những nghiệp lành trong lần lâm phạm ấy. Những nỗ lực của y và sự từ chối không để mình bị ngăn trở bởi những hạn chế tự nhiên ấy thường sẽ bảo đảm rằng trong đời sống tiếp theo, môi trường của y sẽ thuận lợi hơn nhiều.”

H. “Ông có thể giải thích tại sao có những nhân loại sinh ra với da màu còn những nhân loại khác với da trắng không? Một người da trắng có luôn luôn tiến hóa hơn một người da màu không? Việc những cá nhân thuộc các nhân loại khác nhau kết hôn có phải là điều tốt không? Một người da trắng có bao giờ tái sinh vào một nhân loại da màu sau khi đã cư ngụ trong một thể da trắng không?”

Đ. “Từ quan điểm tinh thần, không có lý do gì để cho rằng da trắng nhất thiết tốt hơn da màu. Màu da của một người không biểu thị vị trí của y trong tiến hóa; nó thường là do khí hậu thịnh hành ở quốc gia nơi y sinh ra. Vấn đề một người sẽ sinh vào quốc gia nào thường được quyết định cho y, dù chân ngã được cho một mức độ lựa chọn nhất định. Trước khi sự trở lại đời sống hồng trần của y bắt đầu, chân ngã được cho thấy những đặc tính riêng mà y còn thiếu, và bởi vì mỗi quốc gia có những đặc tính đặc biệt của riêng nó, được biểu lộ bởi hầu như tất cả các thành viên của quốc gia ấy, nên một chân ngã thường sinh làm con trong một gia đình thuộc về một quốc gia mà các đức tính và đặc tính nổi trội của quốc gia đó chính là những điều chân ngã ấy còn thiếu, để những điều này có thể được xây dựng vào cấu trúc tương lai của y.

“Nhiều ngàn năm trước, những phần của hành tinh này chủ yếu có người cư ngụ là những quốc gia mà ngày nay anh thấy người bản địa có da màu. Mặc dù ngày nay Úc là một quốc gia của người da trắng, thổ dân Úc vốn là người da đen. Ở Nam Phi, những cư dân nguyên thủy là người da sẫm màu và mặc dù hiện vẫn còn số lượng lớn những người này sinh sống, ngày

there are large numbers of these still living, South Africa today is controlled by the white man. All of us have in our early incarnations occupied dark skinned bodies. As civilisation advanced, the countries now known as the West became inhabited, and in order that these countries should be developed as quickly as possible, the perfected men who supervise the rise and fall of nations arranged for some of the more advanced egos in the world to be born as children of the pioneers who inhabited Western countries. Because the climate in these countries was generally much colder than the climate in the Eastern countries, the sun had less effect on the skin of all these individuals, with the result that white races came into being. Progress today emanates mostly from Western nations and, because of that, it is desirable that the most experienced men in the world, the older souls, should be born in Western bodies. Great Britain has been the strong nation for the past century or more and has therefore received her due quota of advanced egos, but now America is taking over the responsibilities of that difficult position. It is certainly not chance which decides whether a man is born an Englishman, an American, a German or a Chinese.

“It must be obvious to you that all men with white skins are not more evolved than all men with coloured skins. Every nation in the world requires a certain number of experienced and evolved egos to lead it and help with its progress in evolution, so a certain number of old souls are always born into every nation. By this I do not mean that old souls would ever be born into bodies which we know of as Australian aborigines; it would be impossible for this to be so because they are not a nation, they are a dying race; thus the only entities which inhabit these bodies are those who were originally members of that race, but who

nay Nam Phi lại do người da trắng kiểm soát. Tất cả chúng ta trong những lần lâm phạm đầu tiên đều đã cư ngụ trong những thể da sẫm màu. Khi văn minh tiến bộ, những quốc gia ngày nay được gọi là phương Tây bắt đầu có người cư ngụ, và để những quốc gia này được phát triển nhanh nhất có thể, những con người hoàn thiện giám sát sự hưng suy của các quốc gia đã sắp đặt để một số chân ngã tiến bộ hơn trên thế giới được sinh làm con của những người tiên phong cư ngụ ở các quốc gia phương Tây. Bởi vì khí hậu ở những quốc gia này nói chung lạnh hơn nhiều so với khí hậu ở các quốc gia phương Đông, mặt trời ít tác động lên da của tất cả những cá nhân ấy hơn, với kết quả là các nhân loại da trắng đã hình thành. Ngày nay tiến bộ phần lớn phát xuất từ các quốc gia phương Tây và vì lý do đó, điều mong muốn là những con người giàu kinh nghiệm nhất trên thế giới, những linh hồn lâu đời hơn, nên được sinh trong các thể phương Tây. Đại Anh đã là quốc gia hùng mạnh trong hơn một thế kỷ qua và vì thế đã nhận phần chỉ tiêu xứng đáng của mình về các chân ngã tiến bộ, nhưng nay nước Mỹ đang tiếp nhận trách nhiệm của vị trí khó khăn ấy. Chắc chắn không phải ngẫu nhiên quyết định một người sinh làm người Anh, người Mỹ, người Đức hay người Trung Hoa.

“Hẳn anh phải thấy rõ rằng không phải mọi người da trắng đều tiến hóa hơn mọi người da màu. Mỗi quốc gia trên thế giới đều cần một số chân ngã giàu kinh nghiệm và tiến hóa để lãnh đạo và giúp đỡ sự tiến bộ trong tiến hóa của mình, vì thế một số linh hồn lâu đời luôn luôn được sinh vào mọi quốc gia. Bởi điều này tôi không có ý nói rằng các linh hồn lâu đời sẽ bao giờ sinh vào những thể mà chúng ta biết là thổ dân Úc; điều đó là không thể, vì họ không phải là một quốc gia, họ là một nhân loại đang tàn lụi; do đó những thực thể duy nhất cư ngụ trong các thể ấy là những kẻ vốn nguyên thủy là thành viên của nhân loại đó, nhưng đã

have not advanced as quickly or progressed as far as the other original members of the race who have passed on to other races long since. Contrast India with this; in that country you find millions of unevolved beings, but you also find a large number of intellectual, advanced beings and many extremely spiritually minded men. India has always been a country whose inhabitants thought a great deal about spiritual development. Believe me, it has an ancient culture and it will also play a great part in the progress of the world in centuries to come. Obviously it is necessary for such a country to have egos born into it who can guide the destiny of its countless millions so that in future years it can play the part allotted to it.

“Whether individuals of different races should marry is a difficult question to decide. It may sometimes happen that individuals who are born into different nations have been linked in past lives, through marriage for example. When these people meet in this life, as members of different nations, the attraction which drew them together in the past may still be as strong as before. In some cases it might be advantageous for such people to marry again; only by investigating the individual past experiences of both parties could one give an opinion that would be of value. I feel though that usually it is most undesirable for white men to marry coloured women, or the reverse, for the habits and culture of the different races do not mix well; therefore such a marriage does not work out to the advantage of either person. The result may also be that half-caste children are brought into the world and it is apparent to everyone that these suffer from the accident of their birth.

không tiến bộ nhanh hay tiến xa bằng những thành viên nguyên thủy khác của nhân loại ấy, những người từ lâu đã chuyển sang các nhân loại khác. Hãy đối chiếu điều này với Ấn Độ; ở quốc gia ấy anh thấy hàng triệu hữu thể chưa tiến hóa, nhưng anh cũng thấy một số lượng lớn những hữu thể trí tuệ, tiến bộ và nhiều người cực kỳ có khuynh hướng tinh thần. Ấn Độ luôn luôn là một quốc gia mà cư dân của nó suy nghĩ rất nhiều về sự phát triển tinh thần. Hãy tin tôi, đó là một nền văn hóa cổ xưa và nó cũng sẽ đóng một vai trò lớn trong sự tiến bộ của thế giới trong những thế kỷ sắp tới. Hiển nhiên một quốc gia như thế cần có những chân ngã sinh vào đó để có thể hướng dẫn vận mệnh của vô số triệu dân của mình, để trong những năm tương lai nó có thể đóng vai trò được phân cho nó.

“Việc các cá nhân thuộc những nhân loại khác nhau có nên kết hôn hay không là một câu hỏi khó quyết định. Đôi khi có thể xảy ra rằng những cá nhân sinh vào các quốc gia khác nhau đã từng liên kết với nhau trong các đời trước, chẳng hạn qua hôn nhân. Khi những người này gặp nhau trong đời này, với tư cách thành viên của các quốc gia khác nhau, sức hút đã kéo họ đến với nhau trong quá khứ có thể vẫn mạnh như trước. Trong một số trường hợp, có thể có lợi cho những người như thế kết hôn lần nữa; chỉ bằng cách khảo cứu những kinh nghiệm quá khứ cá nhân của cả hai bên người ta mới có thể đưa ra một ý kiến có giá trị. Tuy nhiên tôi cảm thấy rằng thông thường điều rất không đáng mong muốn là đàn ông da trắng kết hôn với phụ nữ da màu, hay ngược lại, vì tập quán và văn hóa của các nhân loại khác nhau không hòa hợp tốt với nhau; vì thế một cuộc hôn nhân như vậy không đem lại lợi ích cho cả hai người. Kết quả cũng có thể là những đứa trẻ lai được đưa vào thế giới, và ai cũng thấy rõ rằng chúng phải chịu khổ vì tai nạn của sự sinh ra ấy.

“A man who is born in a white body does not necessarily return to earth as a member of a white population in his next incarnation. This again is a matter of karma and of many circumstances so that no general reply can be given to a question of this sort. In the case of a white man who, through a feeling of superiority, exploited other members of the human race, merely because they had coloured skins, the law of cause and effect would come into action. He would probably be forced to be born into a coloured race in his next incarnation, so that he might learn the lessons of tolerance and understanding, which he obviously lacked in his former existence.

Q. “You have not said what happens to a man who commits suicide. Is such an act a great crime?”

A. “The taking of one’s own life is not only a crime, but is also an extremely foolish act. You do not solve your difficulties by running away from them, but merely postpone their solution for a future life. A man would argue that the circumstances which he has to face are the cause of his getting out of life, whereas they are the circumstances which have been judged necessary for his progress in evolution and he must go through them sooner or later. In exactly the same way that a child who plays truant from school will be kept back in the lower form for another term, and until he has realised that in order to qualify for a higher form he must obtain at least a minimum number of marks in all subjects, so when the man who commits suicide returns to the world in his next life, a group of circumstances will again arise, forming exactly the same obstacles and difficulties from which he now runs away. He must then face them and overcome them, for if he runs away once more, he is merely delaying his

“Một người sinh trong một thể da trắng không nhất thiết sẽ trở lại Trái Đất như một thành viên của một cộng đồng da trắng trong lần lâm phạm kế tiếp. Điều này lại là vấn đề của nghiệp quả và của nhiều hoàn cảnh, nên không thể đưa ra một câu trả lời chung cho loại câu hỏi như thế. Trong trường hợp một người da trắng, do cảm giác ưu việt, đã bóc lột những thành viên khác của nhân loại chỉ vì họ có da màu, thì định luật nhân quả sẽ đi vào hoạt động. Có lẽ y sẽ bị buộc phải sinh vào một nhân loại da màu trong lần lâm phạm kế tiếp, để y có thể học những bài học về khoan dung và thấu hiểu mà rõ ràng y đã thiếu trong đời sống trước.”

H. “Ông chưa nói điều gì xảy ra với một người tự tử. Hành động như vậy có phải là một tội lớn không?”

Đ. “Việc tự lấy đi mạng sống của mình không những là một tội lỗi mà còn là một hành động cực kỳ ngu xuẩn. anh không giải quyết những khó khăn của mình bằng cách chạy trốn khỏi chúng, mà chỉ đơn thuần hoãn việc giải quyết chúng sang một đời sống tương lai. Một người sẽ lập luận rằng những hoàn cảnh mà y phải đối diện là nguyên nhân khiến y rời bỏ cuộc đời, trong khi chính những hoàn cảnh ấy đã được xét là cần thiết cho sự tiến bộ trong tiến hoá của y và y phải đi qua chúng sớm hay muộn. Hoàn toàn giống như một đứa trẻ trốn học sẽ bị lưu lại lớp thấp thêm một học kỳ nữa, và cho đến khi nó nhận ra rằng để đủ điều kiện lên lớp cao hơn nó phải đạt ít nhất một số điểm tối thiểu ở mọi môn học, thì cũng vậy, khi người tự tử trở lại thế giới trong đời sống kế tiếp, một nhóm hoàn cảnh sẽ lại phát sinh, tạo thành đúng những chướng ngại và khó khăn mà hiện nay y đang chạy trốn. Khi ấy y phải đối diện và vượt qua chúng, vì nếu y lại chạy trốn một lần nữa, y chỉ đơn thuần trì hoãn sự tiến hoá của chính mình, và cho đến khi y đã

own evolution, and until he has faced and overcome these obstacles and thus learned the lessons they were meant to teach him, he cannot advance any further on the journey towards perfection. Extreme remorse usually follows an act of suicide, and within a very short time of their arrival in the astral world, the majority of suicides would give anything to undo their action. Unfortunately they cannot go back, but must wait until the time arrives for their next incarnation, and they are left in no doubt whatever that in their next life they will have to face the same difficulties again.

“Because the man suffers so much from remorse and because he would give anything to get back into his physical body, even though it would mean facing up to the consequences, he often refuses to make the effort of will necessary for him to get rid of his etheric vehicle, which you will remember winds itself round the astral body at the moment of death. On account of this clinging, etheric vehicle, he is what is known as ‘earthbound’ just so long as he remains obstinate and refuses to get rid of it. Being a suicide he does not get the same sympathetic help from the astral helpers as you have seen is selflessly given to all who pass to the next world in the normal way; thus he may remain ‘earthbound’ through ignorance, being unable to function properly either in the physical or in the astral world, feeling the extreme loneliness that exists under these circumstances. After a period which seems like an eternity, he will, through a changed state of mind, draw towards him a helping hand, after which he can commence his life under astral conditions.

“The exceedingly unpleasant conditions ruling in that ‘no man’s land’ sometimes make a man bitter against his Creator and mankind

đối diện và vượt qua những chướng ngại ấy và nhờ đó học được những bài học mà chúng nhằm dạy cho y, y không thể tiến xa hơn nữa trên hành trình hướng tới sự hoàn thiện. Sự hối hận cực độ thường theo sau hành động tự tử, và chỉ trong một thời gian rất ngắn sau khi đến thế giới cảm dục, phần lớn những người tự tử sẽ đánh đổi bất cứ điều gì để đảo ngược hành động của mình. Tiếc thay họ không thể quay lại, mà phải chờ cho đến khi thời điểm của lần lâm phạm kế tiếp đến, và họ hoàn toàn không còn nghi ngờ gì rằng trong đời sau họ sẽ phải đối diện lại cùng những khó khăn ấy.

“Bởi vì người ấy đau khổ quá nhiều vì hối hận và bởi vì y sẽ đánh đổi bất cứ điều gì để trở lại thể xác hồng trần của mình, dù điều đó có nghĩa là phải đối diện với hậu quả, nên y thường từ chối thực hiện nỗ lực ý chí cần thiết để loại bỏ vận cụ dĩ thái của mình, mà anh sẽ nhớ là nó tự quán quanh thể cảm dục vào lúc chết. Vì sự bám víu này vào vận cụ dĩ thái, y trở thành điều được gọi là ‘bị trói buộc vào đất’ chừng nào y còn ngoan cố và từ chối loại bỏ nó. Vì là người tự tử, y không nhận được cùng sự trợ giúp đầy cảm thông từ các trợ tá cảm dục như anh đã thấy được vị tha ban cho tất cả những ai sang thế giới bên kia theo cách bình thường; do đó y có thể vẫn ‘bị trói buộc vào đất’ vì vô minh, không thể hoạt động đúng đắn trong cả thế giới hồng trần lẫn thế giới cảm dục, cảm thấy sự cô đơn tột độ tồn tại trong những hoàn cảnh ấy. Sau một thời gian tưởng như vĩnh cửu, nhờ một trạng thái tâm thức thay đổi, y sẽ hút về phía mình một bàn tay trợ giúp, sau đó y có thể bắt đầu đời sống của mình trong các điều kiện cảm dục.

“Những điều kiện cực kỳ khó chịu chi phối trong ‘vùng đất không người’ ấy đôi khi khiến một người cay đắng chống lại Đấng Sáng Tạo

in general, that he wanders about the place where he took his life, trying to influence other people to do the same thing. The reason for this is the awful loneliness of his present condition, and he feels that if he can persuade others to do what he has done, he will not be entirely alone in his misery. On very rare occasions he succeeds in his efforts and the karmic result of such a deed means that he must suffer greatly in the life that is to come. Suicide is never a release, only a postponement, and no circumstances in the world are so bad that a man should resort to such methods of evading them.”

Q. “If there is a god or deity controlling our lives, why does he allow wars, particularly as the majority of mankind desire peace?”

A. “Why do you suggest that wars are made, or allowed to be, by a Creator? Wars are quite definitely the result of man’s actions and his aggressive tendencies. There will be wars so long as there are separate nations in the world and while some nations wish to rule and exploit other nations. There is national karma as well as individual karma, and the groups of people who have banded themselves together as a specific nation and have interfered with the life of another nation must always bear the consequences of such actions, whether good or bad. In many cases a nation will argue that it meant well for the peoples whom it conquered, but history has usually proved that a conquered nation never quite settles down under the heel of a conqueror, nor can it evolve as quickly as when it is left alone to work out its own salvation.

của mình và chống lại nhân loại nói chung, đến nỗi y lang thang quanh nơi mình đã tự kết liễu đời mình, cố ảnh hưởng những người khác làm điều tương tự. Lý do của điều này là sự cô đơn khủng khiếp trong tình trạng hiện tại của y, và y cảm thấy rằng nếu có thể thuyết phục người khác làm điều y đã làm, y sẽ không hoàn toàn cô độc trong nỗi khốn khổ của mình. Trong những dịp rất hiếm, y thành công trong nỗ lực ấy và kết quả nghiệp quả của hành vi như vậy có nghĩa là y sẽ phải chịu đau khổ lớn lao trong đời sống sắp tới. Tự tử không bao giờ là sự giải thoát, chỉ là sự trì hoãn, và không có hoàn cảnh nào trên thế giới tồi tệ đến mức con người nên dùng những phương pháp như thế để trốn tránh chúng.”

H. “Nếu có một vị thần hay thượng đế kiểm soát đời sống của chúng ta, tại sao Ngài lại cho phép chiến tranh, nhất là khi phần lớn nhân loại mong muốn hòa bình?”

Đ. “Tại sao anh lại gợi ý rằng chiến tranh được tạo ra, hay được cho phép xảy ra, bởi một Đấng Sáng Tạo? Chiến tranh hoàn toàn rõ ràng là kết quả của hành động của con người và những khuynh hướng hiếu chiến của y. Sẽ còn chiến tranh chừng nào trên thế giới còn có những quốc gia riêng biệt và chừng nào một số quốc gia còn muốn cai quản và bóc lột những quốc gia khác. Có nghiệp quả quốc gia cũng như nghiệp quả cá nhân, và những nhóm người đã liên kết với nhau thành một quốc gia cụ thể rồi can thiệp vào đời sống của một quốc gia khác thì luôn luôn phải gánh chịu hậu quả của những hành động như thế, dù tốt hay xấu. Trong nhiều trường hợp một quốc gia sẽ lập luận rằng mình có ý tốt đối với những dân tộc mà mình chinh phục, nhưng lịch sử thường đã chứng minh rằng một quốc gia bị chinh phục không bao giờ thực sự yên ổn dưới gót chân của kẻ chinh phục, cũng không thể tiến hoá nhanh bằng khi được để yên tự mình tìm lấy sự cứu rỗi.

“Wars beget wars and so it will be, until mankind realises that all members of the human race are members of the same human family, who should be treated with sympathy and understanding and be given help as a matter of course. In due time there will be no separate nations, for all men will live in harmony together, each group exchanging with others the things which the part of the world in which they live can most easily produce, together with the manufactured articles which their training has enabled them to perfect. Separate nations will then become merely states in a world nation and wise men, drawn from each group, will govern and legislate for the good of all. It is quite true that the majority of men desire peace, but unfortunately peace or war is usually decided by those who happen to be in power at the moment. The responsibility of any nation or any group of men for launching a war such as we are passing through at the moment is great indeed and it is seldom, if ever, that such a war can be justified, whatever the arguments may be that are put forward in an endeavour to prove that there was no other way out. The world will soon realise that even the nations which win modern wars lose in the end, and after a war the conditions ruling in the world are so difficult, that any advantages they seem to gain are outweighed by the post-war problems they must face. Never think that wars are desired by the powers that control Creation. These perfected men do everything in their power to lead humanity along the paths of peace and progress, but their efforts are limited, because man has been granted free will. That is his peculiar heritage as a member of the human kingdom.”

“Chiến tranh sinh ra chiến tranh và sẽ còn như vậy cho đến khi nhân loại nhận ra rằng mọi thành viên của nhân loại đều là thành viên của cùng một gia đình nhân loại, những người phải được đối xử bằng cảm thông và thấu hiểu và được giúp đỡ như một điều đương nhiên. Đến đúng lúc sẽ không còn những quốc gia riêng biệt nữa, vì mọi người sẽ cùng sống hòa hợp, mỗi nhóm trao đổi với các nhóm khác những thứ mà phần thế giới nơi họ sống có thể sản xuất dễ dàng nhất, cùng với những sản phẩm chế tạo mà sự huấn luyện của họ đã giúp họ hoàn thiện. Khi ấy các quốc gia riêng biệt sẽ chỉ còn là những bang trong một quốc gia thế giới và những người minh triết, được chọn từ mỗi nhóm, sẽ cai quản và lập pháp vì lợi ích của tất cả. Quả thật là phần lớn con người mong muốn hòa bình, nhưng tiếc thay hòa bình hay chiến tranh thường lại do những người tình cờ đang nắm quyền vào lúc đó quyết định. Trách nhiệm của bất kỳ quốc gia nào hay bất kỳ nhóm người nào trong việc phát động một cuộc chiến như cuộc chiến mà hiện nay chúng ta đang trải qua quả thật là rất lớn, và hiếm khi, nếu từng có, một cuộc chiến như vậy có thể được biện minh, bất kể những lý lẽ nào được đưa ra nhằm cố chứng minh rằng không còn lối thoát nào khác. Thế giới sẽ sớm nhận ra rằng ngay cả những quốc gia thắng trong các cuộc chiến hiện đại cuối cùng cũng thua, và sau chiến tranh những điều kiện chi phối trong thế giới khó khăn đến mức bất kỳ lợi thế nào họ dường như đạt được đều bị lấn át bởi những vấn đề hậu chiến mà họ phải đối diện. Đừng bao giờ nghĩ rằng chiến tranh là điều được mong muốn bởi những quyền lực kiểm soát Sáng Tạo. Những con người hoàn thiện này làm mọi điều trong quyền năng của mình để dẫn dắt nhân loại trên những con đường hòa bình và tiến bộ, nhưng nỗ lực của họ bị giới hạn, vì con người đã được ban cho ý chí tự do. Đó là di sản đặc thù của y với tư cách là một thành viên của giới nhân loại.”

Q. “When people are very evolved, do they automatically achieve the continuity of consciousness which enables them to remember what they must do whilst out of their bodies during sleep?”

A. “My answer depends on what you conceive to be an evolved man. The average man has from five to six hundred incarnations in different bodies, during the time that elapses between his first to his last life as a human being, having then passed the fifth initiation and become an adept. Although about six hundred lives are usually necessary to learn all the lessons that this world has to teach, it is only during the last fifty lives or so that a man develops occultly and learns to use the faculties latent in all men, such as intuition, clairvoyance and the power consciously to get out of his body, whenever the necessity arises. For all general purposes you can assume that an evolved man has developed these faculties. But it is possible for one not so evolved to be given the opportunity of developing along this particular line, and your own case should serve to illustrate my point. You probably have more than fifty incarnations in front of you, before you reach the stage of a perfect man, but because your need was great, you have been granted special tuition and in return I hope that you will show your gratitude by passing on this knowledge to others less fortunate than yourself. If you continue to work as you are working now, you will find that your memory of what happens to you when you are out of your body becomes clearer and clearer, and your knowledge of the life beyond the grave will enable you to progress much more quickly than is usual. At the same time it will bring you much peace and contentment of mind. Do not imagine that, having been able to develop this faculty, you are different from, or superior to, many others who probably would have welcomed a

H. “Khi con người rất tiến hóa, họ có tự động đạt được sự liên tục của tâm thức giúp họ nhớ điều mình phải làm trong khi ra ngoài thể xác lúc ngủ không?”

Đ. “Câu trả lời của tôi tùy thuộc vào điều anh quan niệm là một con người tiến hóa. Con người trung bình có từ năm trăm đến sáu trăm lần lâm phạm trong những thể khác nhau, trong khoảng thời gian trôi qua từ đời đầu tiên đến đời cuối cùng của y với tư cách một con người, khi ấy y đã vượt qua lần điểm đạo thứ năm và trở thành một chân sư. Mặc dù khoảng sáu trăm đời sống thường là cần thiết để học tất cả những bài học mà thế giới này phải dạy, chỉ trong khoảng năm mươi đời cuối cùng hay gần đó con người mới phát triển theo huyền bí học và học cách sử dụng những năng lực tiềm tàng trong mọi người, như trực giác, thông nhãn và quyền năng ra khỏi thể xác một cách có ý thức bất cứ khi nào cần thiết. Với mọi mục đích tổng quát, anh có thể giả định rằng một con người tiến hóa đã phát triển những năng lực này. Nhưng cũng có thể một người chưa tiến hóa đến thể lại được trao cơ hội phát triển theo đường lối đặc biệt này, và chính trường hợp của anh hẳn đủ để minh họa điều tôi muốn nói. Có lẽ anh còn hơn năm mươi lần lâm phạm ở phía trước trước khi đạt đến giai đoạn của một con người hoàn thiện, nhưng bởi vì nhu cầu của anh rất lớn, anh đã được ban cho sự chỉ dạy đặc biệt và đổi lại tôi hy vọng anh sẽ tỏ lòng biết ơn bằng cách truyền lại tri thức này cho những người kém may mắn hơn mình. Nếu anh tiếp tục làm việc như hiện nay, anh sẽ thấy ký ức của mình về những gì xảy ra với anh khi ra ngoài thể xác trở nên ngày càng rõ ràng hơn, và tri thức của anh về đời sống bên kia nắm mồi sẽ giúp anh tiến bộ nhanh hơn nhiều so với thông thường. Đồng thời điều đó sẽ đem lại cho anh nhiều bình an và sự mãn nguyện trong tâm trí. Đừng tưởng rằng vì đã có thể phát triển năng lực này mà anh khác

similar opportunity to yours.

“Pride is always a danger, for it is often responsible for help being withdrawn from an individual with the result that such a man falls back into the Slough of Despondence.”

Q. “Are we born an equal number of times as men and women or is sex just chance?”

A. “Your last question is an easy one. No, sex is not just chance and we are not born an equal number of times as men and women. It is only possible to develop certain characteristics in female bodies and others in male bodies. By the time we reach perfection, we shall all have developed to a minimum extent all the virtues that add up to the ideal of a perfect man, and much more than a minimum in some of them. A man who develops through action naturally is a different character from one who develops through leading a saintly life and through a capacity to meditate for long periods in an endeavour to help his fellowmen. All types of perfected beings are necessary, and many are the ways taken by us to fulfill our destiny. If an individual should lack courage and the capacity to make sound decisions and to rule faithfully over his fellowmen, it would probably mean that such a person might have to be born in a male body for two or three consecutive lives, so that he would have ample opportunity for the development he needed. If on the other hand an individual lacked the instinct called maternal (or even paternal) and also was incapable of that selfless devotion and capacity to love a person, even when that love was spurned, it would probably mean that a life or two in a female body would be desirable, so that these lessons might be learned. In theory one should inhabit

biệt hay cao hơn nhiều người khác, những người có lẽ cũng sẽ hoan nghênh một cơ hội tương tự như của anh.

“Kiêu hãnh luôn luôn là một nguy cơ, vì nó thường là nguyên nhân khiến sự trợ giúp bị rút lại khỏi một cá nhân, với kết quả là người ấy lại rơi trở vào Vũng Lầy Tuyệt Vọng.”

H. “Chúng ta có sinh ra số lần bằng nhau trong thân nam và thân nữ không, hay giới tính chỉ là ngẫu nhiên?”

Đ. “Câu hỏi cuối cùng của anh là một câu dễ. Không, giới tính không chỉ là ngẫu nhiên và chúng ta không sinh ra số lần bằng nhau trong thân nam và thân nữ. Chỉ có thể phát triển một số đặc tính nhất định trong thể nữ và những đặc tính khác trong thể nam. Vào lúc chúng ta đạt đến sự hoàn thiện, tất cả chúng ta sẽ đều đã phát triển ở mức tối thiểu mọi đức tính cộng lại thành lý tưởng của một con người hoàn hảo, và hơn mức tối thiểu ở một số đức tính trong đó. Một người phát triển qua hành động tự nhiên là một tính cách khác với người phát triển qua việc sống một đời thánh thiện và qua khả năng tham thiền lâu dài trong nỗ lực giúp đỡ đồng loại. Mọi loại hữu thể hoàn thiện đều cần thiết, và có nhiều con đường chúng ta đi để hoàn thành định mệnh của mình. Nếu một cá nhân thiếu can đảm và khả năng đưa ra những quyết định đúng đắn cũng như cai quản đồng loại của mình một cách trung tín, điều đó có lẽ sẽ có nghĩa là người ấy có thể phải sinh trong một thể nam trong hai hay ba đời liên tiếp, để có cơ hội đầy đủ cho sự phát triển mà mình cần. Mặt khác, nếu một cá nhân thiếu bản năng gọi là mẫu tính (hay thậm chí phụ tính) và cũng không có khả năng tận tụy vị tha cùng khả năng yêu thương một người ngay cả khi tình yêu ấy bị khước từ, điều đó có lẽ sẽ có nghĩa là một hay hai đời trong thể nữ là điều đáng mong muốn, để những bài học ấy có thể được học. Về lý thuyết, người ta nên

the same number of male and female bodies in the total number of lives which we live, but in practice it does not work out that way, for some people develop more easily in one type of body than they do in the other. In due time, when a man reaches perfection, he should have all the outstanding qualities of both sexes reasonably well developed. When you have an opportunity of meeting some of these perfected men, you will find that what I have told you is indeed true.”

Acharya continued: “This brings me to the end of your questions and after you have transcribed your shorthand notes and read them through, I hope you will find that the answers I have given clarify the points you have raised. If I were you I should have an early night for you must be tired, and I would not bother about concentrating before going to sleep on remembering in the morning what you did tonight. I shall not visit you again for at least a week, so you will have plenty of opportunity to experiment on your own and as I told you yesterday, if you get into any difficulty, I shall be near, to help you. Peace be with you, my son. I will leave you now.”

I could give a long description of the many incidents which took place the following week, but instead I shall summarise the highlights.

On the very first night I managed to make my way to Daphne’s cottage, where I found her entertaining friends. I was introduced to and had interesting conversations with several of them on current events in the world—on which topics I found them to be very well informed. Several movie films were shown for my benefit, depicting the gardens attached to the bungalows in this valley. These gardens were much more beautiful than any I had seen before. When gardens were shown which

cư ngụ trong số lượng thể nam và thể nữ bằng nhau trong tổng số các đời sống mà chúng ta sống, nhưng trên thực tế điều đó không diễn ra như vậy, vì có người phát triển dễ dàng hơn trong một loại thể này so với loại kia. Đến đúng lúc, khi con người đạt đến sự hoàn thiện, y phải có tất cả những phẩm tính nổi bật của cả hai giới được phát triển khá đầy đủ. Khi anh có cơ hội gặp một số con người hoàn thiện này, anh sẽ thấy rằng điều tôi đã nói với anh quả thật là đúng.”

Acharya tiếp tục: “Điều này đưa tôi đến chỗ kết thúc các câu hỏi của anh và sau khi anh đã chép lại các ghi chú tốc ký của mình và đọc lại chúng, tôi hy vọng anh sẽ thấy rằng những câu trả lời tôi đã đưa ra làm sáng tỏ những điểm anh đã nêu lên. Nếu là anh, tôi sẽ đi ngủ sớm vì hẳn anh đã mệt, và tôi sẽ không bận tâm đến việc tập trung trước khi ngủ để sáng mai nhớ lại điều anh đã làm tối nay. Tôi sẽ không lại đến thăm anh trong ít nhất một tuần, nên anh sẽ có nhiều cơ hội để tự mình thử nghiệm và như tôi đã nói với anh hôm qua, nếu anh gặp bất kỳ khó khăn nào, tôi sẽ ở gần để giúp anh. Bình an ở cùng con, con trai của ta. Giờ tôi xin rời con.”

Tôi có thể kể dài dòng về nhiều sự việc đã xảy ra trong tuần kế tiếp, nhưng thay vào đó tôi sẽ tóm lược những điểm nổi bật.

Ngay trong đêm đầu tiên, tôi đã xoay sở tìm đường đến ngôi nhà nhỏ của Daphne, nơi tôi thấy cô đang tiếp anh bè. Tôi được giới thiệu với vài người trong số họ và đã có những cuộc trò chuyện thú vị về các biến cố hiện thời trên thế giới—những đề tài mà tôi thấy họ đều rất am hiểu. Một số phim điện ảnh được chiếu riêng cho tôi xem, mô tả các khu vườn gắn liền với những ngôi nhà nhỏ trong thung lũng này. Những khu vườn ấy đẹp hơn rất nhiều so với bất cứ khu vườn nào tôi từng thấy trước đây.

were not laid out in any way, I saw nature spirits, tiny people who couldn't be much more than five to six inches high judging by comparison with the flowers I knew, dancing in and out of the pictures. When they lighted on a flower, the stem gave a slight tremor as it would have if a large butterfly or bumble bee did the same thing. They are indeed perfect replicas of the fairies described in the books beloved by children of all ages—with one important difference, the complete absence of wings, and this can be understood, for logically wings are quite unnecessary at the level where these nature-spirits exist.

On the second night I got out of my body, meaning to visit the third sphere once more, but, when I found myself hovering immediately above the bed on which my body was lying, the first thing I heard was the voice of Charles speaking to me in characteristic army dialect. He said: "It's about time you looked me up. I've been here at least three times since the night when you and your Indian friend came to London with me; each time your old body was here, but you had gone. I didn't know where you had pushed off to, so I couldn't follow you. This time I decided to come early so as to be sure to catch you."

"My dear Charles," I said, "I'm terribly sorry. I didn't know you had been looking for me, for I have been exceedingly busy and very interested indeed in all that I have seen."

"What about going up to your little turret room which I remember used to be a favourite of yours," said Charles, "then we can have a long talk, just like old times."

"Good idea, old chap, let's go." So we went up to my sanctum where we chatted over old

Khi những khu vườn không được bố trí theo bất kỳ cách thức nào được chiếu lên, tôi thấy các tinh linh tự nhiên, những người tí hon mà nếu so với các loài hoa tôi biết thì hẳn không cao quá năm đến sáu inch, đang nhảy múa ra vào trong các hình ảnh. Khi họ đậu lên một bông hoa, cuống hoa rung nhẹ như thể một con bướm lớn hay một con ong nghệ vừa đậu xuống đó. Quả thật họ là những bản sao hoàn hảo của các nàng tiên được mô tả trong những cuốn sách được trẻ em mọi lứa tuổi yêu thích—chỉ có một khác biệt quan trọng là hoàn toàn không có cánh, và điều này có thể hiểu được, vì xét theo lô-gic thì cánh hoàn toàn không cần thiết ở cấp độ mà các tinh linh tự nhiên này hiện hữu.

Vào đêm thứ hai, tôi ra khỏi thể mình, định đến thăm lại khối cầu thứ ba, nhưng khi thấy mình đang lơ lửng ngay phía trên chiếc giường nơi thể xác tôi đang nằm, điều đầu tiên tôi nghe thấy là giọng Charles nói với tôi bằng thứ tiếng lóng quân đội rất đặc trưng của nó. Nó nói: "Đến lúc anh phải tìm tôi rồi đây. Tôi đã đến đây ít nhất ba lần kể từ đêm anh và người anh Ấn Độ của anh cùng tôi đến Luân Đôn; lần nào cái thân xác già cỗi của anh cũng ở đây, nhưng anh thì đi mất. Tôi không biết anh đã chuồn đi đâu, nên không thể theo anh được. Lần này tôi quyết định đến sớm để chắc chắn gặp được anh."

"Charles thân mến của tôi," tôi nói, "tôi thật vô cùng xin lỗi. Tôi không biết em đã tìm tôi, vì tôi bận vô cùng và thực sự rất say mê với tất cả những gì tôi đã thấy."

"Hay là lên căn phòng tháp nhỏ của anh, nơi tôi nhớ là trước kia anh rất thích," Charles nói, "rồi chúng ta có thể nói chuyện lâu, như những ngày xưa."

"Ý hay đấy, anh anh già, đi thôi." Thế là chúng tôi lên chốn riêng của tôi, nơi chúng tôi

days and I told him more or less everything that had happened to me up to date.

Charles said, "I'm damned glad you've been so lucky as to meet Acharya, for it worried me after I died to see how extremely depressed and miserable you were. I tried my damndest to speak to you, but couldn't make you hear—we had been jolly good pals in the old days, even though I always looked on you as donkey's years older than me. I appreciate all you've done for me ever since the days when you started to teach me football, and gave me my first lesson in how to hold a bat. What a funny thing life is! My idea used to be more or less to have a good time and get the best out of life that I could, and possibly later to marry some nice girl and have a family. When I first met Acharya he impressed me with the fact that a man doesn't change after death; it is the conditions under which he lives that are different, and I have found that quite true."

"Yes," I replied, "I gathered from Acharya that you had not been exactly miserable. He said you had linked up with some girl who had recently left the world. Is that so?"

Did he blush or was I imagining it?

"Yes, that's true enough," said Charles, "I think it passes the time to have a girl pal to wander round with. In her case I'm afraid it tickles my vanity, for she thinks I'm a hell of a fellow, just because I know a little more than she does. She didn't have a very good time in the world so I suppose this moving around, seeing shows and going to restaurants is thrilling for a time."

"Oh, Charles," I said, "there's one thing I want to ask you. Is there any sex relationship at your level after you've dropped the physical

chuyện trò về những ngày cũ và tôi kể cho nó nghe đại khái mọi điều đã xảy ra với tôi cho đến lúc ấy.

Charles nói, "Tôi mừng chết đi được vì anh đã may mắn gặp Acharya, vì sau khi tôi chết, thấy anh suy sụp và khổ sở đến thế làm tôi lo lắng. Tôi đã cố hết sức để nói với anh, nhưng không làm sao khiến anh nghe được—hồi trước chúng ta thân nhau lắm, dù tôi vẫn luôn thấy anh già hơn tôi cả một quãng dài. Tôi biết ơn tất cả những gì anh đã làm cho tôi từ những ngày anh bắt đầu dạy tôi đá bóng và cho tôi bài học đầu tiên về cách cầm gậy đánh bóng. Cuộc đời thật buồn cười! Ý nghĩ của tôi trước đây đại khái là cứ vui sống và tận hưởng cuộc đời hết mức có thể, rồi có lẽ sau này cưới một cô gái tử tế nào đó và có gia đình. Khi lần đầu gặp Acharya, ông ấy làm tôi nhận ra rằng con người không thay đổi sau khi chết; chỉ có những điều kiện mà y sống trong đó là khác đi, và tôi thấy điều ấy hoàn toàn đúng."

"Đúng vậy," tôi đáp, "tôi hiểu từ Acharya rằng em không hẳn là khổ sở. Ông ấy nói em đã kết giao với một cô gái mới rời thế gian gần đây. Có đúng thế không?"

Nó có đỏ mặt không hay là tôi tưởng tượng?

"Vâng, đúng thế," Charles nói, "tôi thấy có một cô anh gái để đi lang thang cùng thì cũng đỡ buồn. Trong trường hợp của cô ấy, tôi e là điều đó còn vượt ve lòng tự phụ của tôi, vì cô ấy nghĩ tôi là một tay cừ lắm, chỉ vì tôi biết nhiều hơn cô ấy một chút. Cô ấy đã không có một cuộc sống tốt đẹp ở trần gian nên tôi đoán việc đi đây đi đó, xem các buổi diễn và đến nhà hàng cũng làm cô ấy thấy thích thú trong một thời gian."

"Ồi, Charles," tôi nói, "có một điều tôi muốn hỏi em. Ở cấp độ của em, sau khi đã bỏ thể xác,

body?”

This time I'm quite sure he blushed but he went on, "Well yes, there is of a kind, and I think most people indulge in it, but it's not quite the same thing as on the physical plane. One leads up to things in the same way, and although I would probably have felt just as shy about talking of my secret love affairs had you asked me the same question before I died, I suppose I feel just a wee bit shy of talking about these things now."

I said, "I didn't mean to be personal, I'm just interested in getting as much information as I can about the differences between conditions in the physical and the astral worlds and at various levels of the latter. I told you about my coming up against Daphne on one of the higher levels, where she is already studying music. I was very much in love with Daphne when she was alive and would have asked her to marry me as soon as I was able to support a wife. Although we never experienced the physical relationship of marriage, I feel that the platonic association we shall carry on now at these higher levels will not only last through our astral existence but will be of great benefit to us in our next incarnation. What about coming along with me one night and letting me introduce you to Daphne?"

"Yes, I'd like to," said Charles. I suggested a date for Thursday night, to which he agreed.

Charles said he had recently made contact with our father, who had died some years previously. From his description I gathered that father was living at the second sphere. Charles described how he had found him surrounded by rose bushes—this was as I had known him in my boyhood days—he said that the last time he had seen him, father was distressed because a Scotch terrier which had

có còn quan hệ giới tính không?"

Lần này thì tôi hoàn toàn chắc chắn nó đỏ mặt, nhưng nó vẫn nói tiếp, "À, có chứ, theo một cách nào đó, và tôi nghĩ phần lớn mọi người đều có, nhưng nó không hoàn toàn giống như ở cõi hồng trần. Mọi sự cũng dẫn đến đó theo cùng một cách, và dù có lẽ tôi cũng sẽ ngượng y như thế nếu anh hỏi tôi câu này trước khi tôi chết về những chuyện tình bí mật của tôi, nhưng tôi đoán bây giờ tôi vẫn hơi ngượng một chút khi nói về những chuyện ấy."

Tôi nói, "Tôi không có ý hỏi chuyện riêng tư, tôi chỉ muốn có được càng nhiều thông tin càng tốt về những khác biệt giữa các điều kiện trong thế giới hồng trần và cảm dục, cũng như ở các cấp độ khác nhau của thế giới sau. Tôi đã kể cho em nghe việc tôi gặp Daphne ở một trong những cấp độ cao hơn, nơi cô ấy hiện đang học âm nhạc. Khi còn sống, tôi đã rất yêu Daphne và hẳn đã cầu hôn cô ấy ngay khi tôi có thể nuôi nổi một người vợ. Dù chúng tôi chưa từng trải qua mối quan hệ hồng trần của hôn nhân, tôi cảm thấy rằng mối liên hệ thuần khiết mà chúng tôi sẽ tiếp tục duy trì ở các cấp độ cao hơn này không những sẽ kéo dài suốt thời kỳ tồn tại cảm dục của chúng tôi mà còn sẽ rất có ích cho chúng tôi trong lần lâm phạm kế tiếp. Em có muốn một đêm nào đó đi cùng tôi để tôi giới thiệu em với Daphne không?"

"Có, tôi muốn lắm," Charles nói. Tôi đề nghị tối thứ Năm, và nó đồng ý.

Charles nói rằng gần đây nó đã liên lạc được với cha chúng tôi, người đã qua đời vài năm trước. Qua lời mô tả của nó, tôi hiểu rằng cha đang sống ở khối cầu thứ hai. Charles kể rằng nó đã thấy cha giữa những bụi hồng—đó đúng là hình ảnh tôi từng biết về cha trong thời niên thiếu—nó nói lần cuối gặp cha, cha đang buồn phiền vì một con chó sục Scotch đã gắn bó với cha bỗng nhiên biến mất và cha cảm thấy nó

attached itself to him had suddenly disappeared and he felt it had been lost. I explained to Charles what had really happened, but he showed little interest. We talked on till a peculiar feeling of restlessness came over me. I had just time to say to Charles not to forget Thursday when I woke in my bed with no remembrance of how I got there.

It was on Wednesday night. I had a most disturbing experience—a nightmare in which Daphne took part. It seemed that Daphne and I were in a dark cave. For some reason we could not escape from a loathsome gorilla-like creature who was seated on the floor close to us, glowering at Daphne who obviously attracted it in some horrible way. I know that in my dream I wanted to protect Daphne, but the gorilla was of such a size and strength that I knew I would have no chance against it. It seemed highly amused at our efforts to escape, for it emitted wild yells and hoarse laughter as we ran hither and thither around the cave, trying to find an exit. Even in my dreams, sweat poured from my brow and I tried to think of Acharya in the hope he would come to our assistance—but nothing happened and we seemed left to our fate. After a little time the gorilla rose to its feet and advanced towards Daphne, whom it grasped with its horrible long hairy arms and commenced to drag her to the other end of the cave.

Daphne screamed and resisted to the best of her ability, and in desperation I hurled myself at the horrible creature and, although I had no weapon, I endeavoured to get my hands on its throat, in the hope that it would turn its attentions to me. Even now, I can still smell the fetid breath of the brute, for in the middle of the fight I awoke in my bed, sweating profusely and with the bedclothes all tangled about me. I haven't the slightest idea what it

đã bị lạc mất. Tôi giải thích cho Charles điều gì thực sự đã xảy ra, nhưng nó tỏ ra ít quan tâm. Chúng tôi tiếp tục nói chuyện cho đến khi một cảm giác bồn chồn kỳ lạ tràn đến với tôi. Tôi chỉ kịp dặn Charles đừng quên tối thứ Năm thì đã tỉnh dậy trên giường mà không nhớ mình đã về đó bằng cách nào.

Đó là tối thứ Tư. Tôi đã có một trải nghiệm vô cùng xáo trộn—một cơn ác mộng có Daphne tham dự. Dường như Daphne và tôi đang ở trong một hang động tối tăm. Vì một lý do nào đó, chúng tôi không thể thoát khỏi một sinh vật ghê tởm giống khỉ đột đang ngồi trên nền hang gần chúng tôi, trừng trừng nhìn Daphne, người rõ ràng đã hấp dẫn nó theo một cách kinh khủng nào đó. Tôi biết rằng trong giấc mơ, tôi muốn bảo vệ Daphne, nhưng con khỉ đột quá to lớn và mạnh mẽ đến nỗi tôi biết mình không có cơ may nào chống lại nó. Nó dường như rất khoái chí trước những nỗ lực trốn thoát của chúng tôi, vì nó phát ra những tiếng tru man dại và những tràng cười khàn khàn khi chúng tôi chạy ngược chạy xuôi trong hang, cố tìm lối ra. Ngay cả trong mơ, mồ hôi cũng tuôn trên trán tôi và tôi cố nghĩ đến Acharya với hy vọng ông sẽ đến cứu giúp chúng tôi—nhưng không có gì xảy ra và dường như chúng tôi bị bỏ mặc cho số phận. Sau một lúc, con khỉ đột đứng dậy và tiến về phía Daphne, chộp lấy cô bằng đôi tay dài đầy lông ghê rợn rồi bắt đầu kéo cô về phía bên kia hang.

Daphne hét lên và chống cự hết sức mình, còn tôi trong tuyệt vọng lao vào sinh vật kinh khủng ấy, và dù không có vũ khí, tôi vẫn cố chộp lấy cổ nó, hy vọng nó sẽ quay sự chú ý sang tôi. Ngay cả bây giờ, tôi vẫn còn ngửi thấy hơi thở hôi thối của con quái vật, vì giữa lúc vật lộn tôi đã tỉnh dậy trên giường, mồ hôi đầm đìa và chăn màn quần rối quanh người. Tôi không hề biết chút nào tất cả chuyện ấy có nghĩa gì. Tôi sẽ kiểm tra với Daphne sớm nhất có thể với

all means. I shall check up with Daphne as soon as possible in the hope she knows something about it.

Thursday was the night I began my career as an astral helper. This was the night on which I had arranged to take Charles to the third sphere. Charles was late, and when he arrived he was in an agitated condition because, he said, a pal of his, Bill Fletcher, had just crashed and been killed in a raid over London. He asked me to come with him and help, so we set out at once for London. Charles knew where to look for Bill, and our assistance was welcomed by three inexperienced but eager astral helpers. After about two hours hard work on the part of all of us, Bill was persuaded to make the effort of will to free himself from his etheric body, and at once became quite a different person. Charles and I took charge of him; we went with him to his home where we did what we could to prepare his young wife for the news she would receive the following morning.

As Charles then undertook to remain with Bill, saying he knew only too well what the poor devil was suffering, I went back to the scene of the raid to see if I could be of any further assistance. An ambulance passed me, so I decided to follow it. It was driven to one of the big London hospitals and a stretcher, on which a young girl was lying, was carefully carried into the building. The same girl in her astral body was walking, in a very agitated condition, close behind the stretcher. After examination, the body of the girl was carried into one of the wards, already filled with recent casualties. Without any fuss or hurry and an efficiency at which I greatly marveled, the girl was put to bed and arrangements were made for giving her a blood transfusion. She was frantically trying to communicate with

hy vọng cô ấy biết điều gì đó về việc này.

Thứ Năm là đêm tôi bắt đầu sự nghiệp làm người trợ giúp cảm dục. Đó là đêm tôi đã hẹn đưa Charles đến khối cầu thứ ba. Charles đến muộn, và khi đến nơi nó đang trong trạng thái kích động vì, như nó nói, một người anh của nó là Bill Fletcher vừa bị rơi máy bay và thiệt mạng trong một cuộc không kích trên bầu trời Luân Đôn. Nó nhờ tôi đi cùng và giúp đỡ, nên chúng tôi lập tức lên đường đến Luân Đôn. Charles biết tìm Bill ở đâu, và sự giúp đỡ của chúng tôi được ba người trợ giúp cảm dục còn non kinh nghiệm nhưng đầy nhiệt tâm hoan nghênh. Sau khoảng hai giờ làm việc vất vả của tất cả chúng tôi, Bill được thuyết phục cố gắng dùng ý chí để giải thoát mình khỏi thể dĩ thái, và ngay lập tức trở thành một con người hoàn toàn khác. Charles và tôi nhận trách nhiệm với anh ta; chúng tôi đi cùng anh ta về nhà, nơi chúng tôi làm hết sức có thể để chuẩn bị cho người vợ trẻ của anh ta đón nhận tin dữ vào sáng hôm sau.

Vì sau đó Charles nhận ở lại với Bill, nói rằng nó quá hiểu nỗi đau mà gã tội nghiệp ấy đang chịu đựng, nên tôi quay lại nơi xảy ra cuộc không kích để xem mình còn có thể giúp gì thêm không. Một chiếc xe cứu thương đi ngang qua tôi, nên tôi quyết định đi theo. Nó chạy đến một trong những bệnh viện lớn ở Luân Đôn và một chiếc cáng, trên đó có một cô gái trẻ đang nằm, được cẩn thận khiêng vào trong tòa nhà. Chính cô gái ấy trong thể cảm dục đang đi, trong trạng thái vô cùng kích động, ngay phía sau chiếc cáng. Sau khi khám xét, thể xác của cô được đưa vào một phòng bệnh vốn đã đầy những nạn nhân mới bị thương. Không hề ồn ào hay vội vã, và với một hiệu quả khiến tôi vô cùng kinh ngạc, cô gái được đặt lên giường và việc truyền máu cho cô được sắp xếp. Cô đang cuống cuống cố giao

the doctors and nurses attending to her unconscious body, but after a short time she listened to what I had to say. I told her she would be all right, for intuitively I knew this was so. I told her that it would help if she became calm and watched the proceedings, at the same time using her will power to aid the efforts of the doctors and nurses. I don't know now why I suggested this to her. I hadn't the slightest idea whether it would help or not, but it came to me to say this, and so I did.

I could see quite clearly that there was a thin line of etheric matter stretched between her astral body and physical form lying on the hospital bed, so I knew that she was not dead—and was sure she could not die. I stayed talking with her for the rest of my night, and after she had told me that the house in which she lived was next door to the one that had received a direct hit and that she was very worried indeed as to the fate of her old mother, began to give her a little of the knowledge which had recently been given to me.

There were other astral helpers moving about the ward and one of them whom I had not seen before, but who said his name was Jim, congratulated me on my efforts, saying that he wished there were more people with the necessary knowledge who would help in similar emergencies.

I had an experience so unique during Friday night that I must describe the night's activities in some detail. I found Daphne in her room at the Academy. One of the first things I asked her about was her part in my nightmare—but she assured me she was not present. We decided we would try to get to the next sphere—the fourth—on our own, but were faced with the problem that neither of us had a

tiếp với các bác sĩ và y tá đang chăm sóc thể xác bất tỉnh của mình, nhưng chỉ sau một lúc ngắn cô đã lắng nghe những gì tôi nói. Tôi bảo cô rằng cô sẽ ổn thôi, vì trực giác cho tôi biết điều đó là đúng. Tôi nói với cô rằng sẽ có ích nếu cô bình tĩnh lại và quan sát mọi việc đang diễn ra, đồng thời dùng ý chí của mình để hỗ trợ những nỗ lực của các bác sĩ và y tá. Bây giờ tôi không biết vì sao mình lại gợi ý điều đó với cô. Tôi không hề biết chút nào liệu nó có giúp ích hay không, nhưng ý nghĩ ấy đến với tôi để nói ra, và tôi đã nói như vậy.

Tôi có thể thấy rất rõ rằng có một đường mảnh bằng vật chất dĩ thái kéo dài giữa thể cảm dục của cô và hình thể hồng trần đang nằm trên giường bệnh, nên tôi biết cô chưa chết—và chắc chắn rằng cô không thể chết. Tôi ở lại nói chuyện với cô suốt phần còn lại của đêm mình, và sau khi cô kể với tôi rằng căn nhà cô sống ở ngay cạnh căn nhà bị trúng bom trực tiếp và rằng cô vô cùng lo lắng cho số phận của người mẹ già, tôi bắt đầu truyền cho cô một ít kiến thức vừa mới được trao cho tôi.

Có những người trợ giúp cảm dục khác đi lại trong phòng bệnh và một người trong số họ mà tôi chưa từng gặp trước đây, nhưng nói tên mình là Jim, đã chúc mừng tôi về những nỗ lực của tôi, nói rằng anh mong có nhiều người hơn nữa có kiến thức cần thiết để giúp đỡ trong những trường hợp khẩn cấp tương tự.

Tôi đã có một trải nghiệm độc nhất vô nhị trong đêm thứ Sáu đến nỗi tôi phải mô tả các hoạt động của đêm ấy khá chi tiết. Tôi gặp Daphne trong phòng của cô tại Học viện. Một trong những điều đầu tiên tôi hỏi cô là về phần cô trong cơn ác mộng của tôi—nhưng cô quả quyết rằng cô không hề có mặt. Chúng tôi quyết định sẽ tự mình cố đến khối cầu kế tiếp—khối cầu thứ tư—nhưng vấp phải vấn đề là

landmark to visualise. We sat down outside and concentrated; I tried to see a mental hospital, such as Acharya had mentioned, but nothing happened. I wished we had Acharya to help us and must have made a thought-form of him because, after our next attempt had failed, I heard a chuckle behind me—and there he was. He said he would help us and give us landmarks on each sphere which we must memorise. We linked hands with him and when I opened my eyes, the scene that met them cannot adequately be described, for it was the most beautiful valley I have ever seen. It was partly wooded and the ground was covered with thick heather of the varied colours which one sees to perfection in South Africa, but soft to the touch; intermingled with this, wild flowers bloomed in profusion. Side by side I saw primroses, blue-bells, daffodils, forget-me-nots, tulips, wild roses and the most vivid red poppies that could be imagined; I'm sure no variety of wild flower was missing for the ground near and far was a veritable carpet of colours of breathtaking beauty.

“I thought you would be pleased with this landmark,” said Acharya, “for it is called ‘The Fairy Glen.’ It could be described as the cradle of the deva kingdom for it is the valley to which the members of this evolution return after they have finished the particular work allotted to them. I suggest you both investigate the valley on some future occasion—quietly and unobtrusively, for the devas have their own methods of keeping away philistines amongst men. They build a thick wall of astral matter which makes it impossible for any human being to see beyond, even if they knew this place existed. Such walls serve the same purpose at this level as do brick walls in the physical world.”

cả hai chúng tôi đều không có một mốc chuẩn nào để hình dung. Chúng tôi ngồi xuống bên ngoài và tập trung; tôi cố thấy một bệnh viện tâm thần, như Acharya đã nhắc đến, nhưng không có gì xảy ra. Tôi ước gì có Acharya giúp chúng tôi và hẳn đã tạo ra một Hình tư tưởng về ông, vì sau khi lần thử kế tiếp của chúng tôi thất bại, tôi nghe thấy một tiếng cười khúc khích phía sau—và ông đang ở đó. Ông nói sẽ giúp chúng tôi và cho chúng tôi những mốc chuẩn ở mỗi khối cầu mà chúng tôi phải ghi nhớ. Chúng tôi nắm tay ông và khi tôi mở mắt ra, cảnh tượng hiện ra trước mắt không thể nào mô tả cho đầy đủ được, vì đó là thung lũng đẹp nhất tôi từng thấy. Một phần có rừng cây và mặt đất phủ đầy thạch nam dày với những màu sắc đa dạng mà người ta thấy đẹp nhất ở Nam Phi, nhưng lại mềm mại khi chạm vào; xen lẫn trong đó là vô số hoa dại nở rộ. Tôi thấy sát bên nhau những bông anh thảo, chuông xanh, thủy tiên vàng, lưu ly, tulip, hồng dại và những bông anh túc đỏ rực rỡ nhất có thể tưởng tượng; tôi chắc rằng không thiếu một loại hoa dại nào vì mặt đất gần xa quả thật là một tấm thảm màu sắc đẹp đến nghẹt thở.

“Tôi nghĩ các anh sẽ hài lòng với mốc chuẩn này,” Acharya nói, “vì nơi đây được gọi là ‘Thung Lũng Tiên.’ Có thể mô tả nó như chiếc nôi của giới thiên thần vì đây là thung lũng mà các thành viên của dòng tiến hoá này trở về sau khi hoàn tất công việc đặc thù được giao cho họ. Tôi gợi ý cả hai anh nên khảo sát thung lũng này vào một dịp nào đó trong tương lai—một cách yên lặng và kín đáo, vì các thiên thần có những phương pháp riêng để ngăn những kẻ phạm tục trong loài người tránh xa. Họ dựng nên một bức tường dày bằng vật chất cảm dục khiến bất cứ con người nào cũng không thể nhìn xuyên qua, ngay cả khi họ biết nơi này tồn tại. Những bức tường như thế ở cấp độ này phục vụ cùng một mục đích như tường gạch trong thế giới hồng trần.”

Once more we joined hands and willed ourselves to the next level—the fifth. On opening my eyes it seemed uncanny to find that we were standing on an open plain like a desert, except that there was grass in the place of sand. In the distance was a huge city, with many spires and towers, surrounded by an immense town. Above the city shone something in the nature of a sun, for it spread a glow over all the buildings which made them shine like gold. “That, my friends, is the Golden City,” said our guide, “and I advise you to visit and study it. You will find within everything that has ever been thought of or imagined as likely to be found in orthodox Heaven, so much talked of by priests and ministers attached to the Christian creed. The whole city is a huge thought-form and you will find therein thought-forms of God the Father, of Christ and his twelve disciples, and the many saints who have figured in the teachings of the Church.”

Again we linked hands, and willed ourselves to the sixth level. Within a second we were standing on the edge of a lake, which was surrounded by a high wall of rock. In the distance on our left was to be seen a very small opening—I wondered where it led. “Make a clear picture of this scene,” advised Acharya. “This lake is used principally by members of the human race who desire absolute silence for their particular work. There is one sect in the world which evolves entirely through meditation exercises. They are taught during their lifetime that there is this place, in rather the same way that Christians are taught that there is a place called Heaven. The small boats you see are used by the men who come here, for when they are afloat, it is impossible for one boat to be overtaken by another. This is due to some under water currents which cause the boats to drift round the entire lake;

Một lần nữa chúng tôi nắm tay nhau và dùng ý chí đưa mình đến cấp độ kế tiếp—cấp độ thứ năm. Khi mở mắt ra, thật kỳ lạ khi thấy chúng tôi đang đứng trên một đồng bằng trống trải như sa mạc, ngoại trừ chỗ cát là cỏ. Ở đằng xa là một thành phố khổng lồ, với nhiều ngọn tháp và tháp nhọn, bao quanh bởi một thị trấn mênh mông. Phía trên thành phố tỏa sáng một thứ gì đó giống như mặt trời, vì nó phủ một vàng sáng lên tất cả các công trình khiến chúng lấp lánh như vàng. “Đó, các anh của tôi, là Thành Phố Vàng,” vị hướng dẫn của chúng tôi nói, “và tôi khuyên các anh nên đến thăm và nghiên cứu nó. Các anh sẽ thấy trong đó mọi thứ từng được nghĩ đến hay tưởng tượng là có thể tìm thấy trong Thiên Đàng chính thống, điều mà các linh mục và mục sư thuộc tín điều Cơ Đốc thường nói đến rất nhiều. Toàn bộ thành phố là một Hình tư tưởng khổng lồ và các anh sẽ thấy trong đó những Hình tư tưởng về Thượng đế Cha, về Đức Christ và mười hai đệ tử của Ngài, cùng nhiều vị thánh từng xuất hiện trong giáo huấn của Giáo hội.”

Một lần nữa chúng tôi nắm tay nhau và dùng ý chí đưa mình đến cấp độ thứ sáu. Chỉ trong một giây, chúng tôi đã đứng bên bờ một hồ nước được bao quanh bởi một bức tường đá cao. Ở phía xa bên trái có thể thấy một lối mở rất nhỏ—tôi tự hỏi nó dẫn đến đâu. “Hãy tạo một hình ảnh rõ ràng về cảnh này,” Acharya khuyên. “Hồ này chủ yếu được dùng bởi các thành viên của nhân loại mong muốn sự im lặng tuyệt đối cho công việc đặc thù của họ. Có một giáo phái trên thế giới tiến hoá hoàn toàn qua các bài tập tham thiền. Trong suốt đời sống của họ, họ được dạy rằng có nơi này, cũng gần giống như các tín đồ Cơ Đốc được dạy rằng có một nơi gọi là Thiên Đàng. Những chiếc thuyền nhỏ các anh thấy được dùng bởi những người đến đây, vì khi đã ở trên mặt nước, không chiếc thuyền nào có thể vượt qua chiếc khác. Điều này là do một số dòng chảy ngầm dưới nước khiến các con thuyền trôi vòng

it takes twenty four hours (earth time) for a boat to return to its starting place, and the meditation exercises carried out by these people take exactly that time to complete. I saw you noticed the small opening on the left; that leads to another similar but smaller lake, also surrounded by high cliffs. This lake was produced by an individual who sojourned here. One day he was interrupted in his meditations by other human beings using the lake at the same time as himself. The thought-form he made was so strong that he produced a lake all for himself.

“I have spoken to you here in a voice which is hardly above a whisper. Had I spoken in my usual voice you would have heard it reverberating round the lake like thunder. The people in the vicinity know about this unusual feature, and take good care never to make sound. Because of this peculiarity the lake is called ‘The Waters of Perpetual Silence.’

“Now I must leave you. You should have no difficulty in returning without my assistance.”

As he had surmised, Daphne and I found no difficulty in retracing our steps, but when we reached the fourth sphere and once more saw the Fairy Glen, we decided to remain there for a short time. We noticed there were signs of great activity in the valley as if some sort of ceremony were about to take place. There seemed to be thousands of inhabitants gathering in the valley. We sat down to watch; our presence was noticed by some “officials,” and when one of them moved towards us, we rather expected to be asked to go away—particularly as Acharya had warned us that members of our evolution were not always welcome here. The man who, slowly and in a dignified manner, floated towards us had a very fine intellectual head and a spiritual

quanh toàn bộ hồ; phải mất hai mươi bốn giờ (theo thời gian Trái Đất) để một chiếc thuyền trở lại điểm xuất phát, và các bài tập tham thiền do những người này thực hiện mất đúng chừng ấy thời gian để hoàn tất. Tôi thấy các anh đã chú ý đến lối mở nhỏ bên trái; nó dẫn đến một hồ khác tương tự nhưng nhỏ hơn, cũng được bao quanh bởi những vách đá cao. Hồ này do một cá nhân từng lưu lại đây tạo ra. Một ngày nọ, y bị những người khác dùng hồ cùng lúc quấy rầy trong khi đang tham thiền. Hình tư tưởng mà y tạo ra mạnh đến nỗi y đã tạo nên một hồ riêng hoàn toàn cho mình.

“Tôi đã nói với anh ở đây bằng một giọng hầu như chỉ lớn hơn tiếng thì thầm. Nếu tôi nói bằng giọng bình thường, anh hẳn đã nghe nó vang dội quanh hồ như sấm. Những người ở vùng lân cận biết đặc điểm khác thường này, và hết sức cẩn thận không bao giờ tạo ra âm thanh. Vì đặc tính ấy mà hồ được gọi là ‘Mặt Nước của Sự Im Lặng Vĩnh Cửu.’

“Bây giờ tôi phải rời các anh. Các anh sẽ không gặp khó khăn gì khi trở về mà không cần tôi trợ giúp.”

Đúng như ông đã đoán, Daphne và tôi không gặp khó khăn gì trong việc quay lại theo lối cũ, nhưng khi đến khối cầu thứ tư và lại thấy Thung Lũng Tiên, chúng tôi quyết định ở lại đó một lát. Chúng tôi nhận thấy có những dấu hiệu hoạt động lớn trong thung lũng như thể một loại nghi lễ nào đó sắp diễn ra. Dường như có hàng ngàn cư dân đang tụ tập trong thung lũng. Chúng tôi ngồi xuống quan sát; sự hiện diện của chúng tôi được một số “quan chức” chú ý, và khi một người trong số họ tiến về phía chúng tôi, chúng tôi khá ngỡ rằng sẽ bị yêu cầu rời đi—đặc biệt vì Acharya đã cảnh báo rằng các thành viên của dòng tiến hoá chúng tôi không phải lúc nào cũng được chào đón ở đây. Người đàn ông từ từ và trang nghiêm lướt về phía chúng tôi có một cái đầu trí tuệ rất đẹp

dignity which made us rise to our feet instinctively as he reached us. His costume was strange to us; it resembled that of a Chinese Mandarin. The colours of the long coat were exquisite, whilst the embroidery clearly portrayed many of the wild flowers that bloomed in the valley. The expression on his face did not seem to auger trouble for us, so we smiled in return, hoping that our attitude would reassure him. What followed was a little uncanny for it was a conversation conducted without a word being uttered; question and answer followed one upon the other, far more quickly than would have been possible had words been our medium of expression.

I felt he had asked me whether he could do anything for us. I told him, merely by allowing the thought to express itself in my mind, that Daphne was a permanent inhabitant of the astral world, whereas I was still living in a physical body in the world and was here during the period when my body was sleeping. He seemed to understand perfectly, and said he had been instructed by his "Chief" to bring us to him. We intimated that we were only too willing to accompany him and at once moved towards the central arena. As we approached, I saw that the people were standing and sitting around a large open circle. Wild flowers had been strung together to keep back the crowds and I could not help comparing the beauty of that "fence" with those we see in the world. Just within the circle a dais had been erected, made entirely of great clumps of green moss with pillars at each corner, formed of intertwined flowers of every size and colour, even the awning above the dais was made of a very delicate fern, not unlike our maidenhair variety. The whole formed a most beautiful picture. The moss on the floor of the dais had been laid in such a way that there appeared to be numerous seats with

và một phẩm cách tinh thần khiến chúng tôi bản năng đứng dậy khi ông đến gần. Trang phục của ông thật lạ đối với chúng tôi; nó giống như của một vị quan Mãn Thanh Trung Hoa. Màu sắc của chiếc áo dài thật tinh mỹ, còn những đường thêu rõ ràng mô tả nhiều loài hoa dại đang nở trong thung lũng. Nét mặt ông không có vẻ báo trước điều gì bất lợi cho chúng tôi, nên chúng tôi mỉm cười đáp lại, hy vọng thái độ của mình sẽ làm ông yên tâm. Điều xảy ra sau đó có phần kỳ lạ vì đó là một cuộc trò chuyện diễn ra mà không một lời nào được thốt ra; câu hỏi và câu trả lời nối tiếp nhau nhanh hơn rất nhiều so với nếu lời nói là phương tiện biểu đạt của chúng tôi.

Tôi cảm thấy ông đã hỏi liệu ông có thể làm gì cho chúng tôi không. Tôi nói với ông, chỉ bằng cách để ý nghĩ tự biểu lộ trong trí tôi, rằng Daphne là một cư dân thường trú của thế giới cảm dục, còn tôi thì vẫn đang sống trong một thể xác hồng trần ở thế gian và hiện diện ở đây trong thời gian thể xác tôi đang ngủ. Ông dường như hiểu hoàn toàn, và nói rằng ông đã được "Vị Thủ Lãnh" của mình chỉ thị đưa chúng tôi đến gặp ngài. Chúng tôi cho biết rằng mình rất sẵn lòng đi theo ông và lập tức di chuyển về phía đấu trường trung tâm. Khi đến gần, tôi thấy mọi người đang đứng và ngồi quanh một vòng tròn lớn để trống. Hoa dại được kết lại với nhau để ngăn đám đông và tôi không thể không so sánh vẻ đẹp của "hàng rào" ấy với những hàng rào chúng ta thấy ở thế gian. Ngay bên trong vòng tròn, một bục cao đã được dựng lên, hoàn toàn bằng những cụm rêu xanh lớn với các cột ở mỗi góc, được tạo thành từ những bông hoa đan xen đủ mọi kích cỡ và màu sắc, ngay cả mái che phía trên bục cũng được làm bằng một loại dương xỉ rất mảnh, không khác mấy loại tóc tiên của chúng ta. Toàn bộ tạo thành một bức tranh vô cùng đẹp. Lớp rêu trên sàn bục được xếp theo cách khiến trông như có nhiều ghế ngồi với lưng

shaped backs, which looked so comfortable that one immediately wished to sit down. At the front there were two large seats, almost like thrones, and, although these too were composed of moss, they were more ornate than the others.

Whilst we waited for the “Chief” to appear, our guide told us something of what was about to take place. The gist of what he said was that the crowd had gathered together to witness a graduation ceremony. He explained that when the time came for a group of nature-spirits to pass to the next stage in their evolution, which was to become devas, they had to give proof of their proficiency at one of these gatherings. Providing they satisfied a “Council of Examiners,” they were changed from nature-spirits into devas, with more responsible duties. He said that the younger egos evolved along one of three special lines of work: (1) the Power line, working through Music and Colour; (2) the guidance of the Vegetable Kingdom, which derived its change and progress from experiments made at the astral level by members of the deva evolution, and (3) work in connection with the Human Kingdom. He explained that the nature-spirits mixed quite frequently with human beings, particularly children. They often played with those who came to the astral world at an early age and taught them how to make use of the plastic astral matter, so to live their fairy stories in very truth, by changing at will so as to represent any figure of fiction for so long as required and so long as the thoughts of those taking part lasted. It was impressed on me that this sphere of the astral world is for the deva kingdom what the physical world is for the human kingdom. Between lives, birds return to this fourth sphere—the same way that animals inhabit the sixth and seventh spheres, when they are awaiting their return to the world. Birds, as well as fish, butterflies

ghế uốn hình, nom êm ái đến mức người ta lập tức muốn ngồi xuống. Phía trước có hai ghế lớn, gần như ngai vàng, và dù chúng cũng được làm bằng rêu, chúng vẫn cầu kỳ hơn những ghế khác.

Trong khi chờ “Vị Thủ Lãnh” xuất hiện, người hướng dẫn của chúng tôi kể cho chúng tôi nghe đôi điều về điều sắp diễn ra. Đại ý lời ông là đám đông đã tụ tập để chứng kiến một nghi thức tốt nghiệp. Ông giải thích rằng khi đến lúc một nhóm tinh linh tự nhiên chuyển sang giai đoạn kế tiếp trong tiến hoá của họ, tức trở thành thiên thần, họ phải chứng minh năng lực của mình tại một trong những buổi tụ họp như thế này. Nếu làm hài lòng một “Hội Đồng Khảo Thí,” họ sẽ được chuyển từ tinh linh tự nhiên thành thiên thần, với những nhiệm vụ có trách nhiệm hơn. Ông nói rằng các chân ngã trẻ hơn tiến hoá theo một trong ba đường công việc đặc biệt: (1) đường Quyền năng, hoạt động qua Âm nhạc và Màu sắc; (2) sự hướng dẫn giới thực vật, vốn nhận được sự thay đổi và tiến bộ từ các thí nghiệm do các thành viên của dòng tiến hoá thiên thần thực hiện ở cấp độ cảm dục, và (3) công việc liên hệ với giới nhân loại. Ông giải thích rằng các tinh linh tự nhiên khá thường xuyên giao tiếp với con người, đặc biệt là trẻ em. Họ thường chơi với những em đến thế giới cảm dục từ khi còn nhỏ và dạy các em cách sử dụng vật chất cảm dục dẻo để thực sự sống trong các truyện thần tiên của mình, bằng cách tùy ý biến đổi để đại diện cho bất kỳ nhân vật hư cấu nào trong chừng mực cần thiết và chừng nào tư tưởng của những người tham gia còn kéo dài. Điều được gây ấn tượng nơi tôi là khối cầu này của thế giới cảm dục đối với giới thiên thần cũng giống như thế giới hồng trần đối với giới nhân loại. Giữa các kiếp sống, chim chóc trở về khối cầu thứ tư này—cũng như loài vật cư ngụ ở các khối cầu thứ sáu và thứ bảy khi chúng đang chờ trở lại thế gian. Chim chóc, cũng như cá,

and many other winged creatures, eventually change into nature-spirits and are part of the deva evolution. They never become part of the human evolution. At this stage a group emerged from a nearby coppice. If ever I had imagined the fairy story of the “Magic Carpet” come to life, surely this was it! The group consisted of two central figures, both seated crosslegged on what can only be described as a ceremonial carpet, floating about a yard above the ground. From each front corner, strands of flowers were held in the beaks of numerous birds of every colour imaginable, and whilst these flew ahead, seemingly pulling the carpet along, the other devas taking part in the procession floated majestically on either side of it. More little birds flew backwards and forwards, dropping rose petals in the path of the procession, each bird swooping down to the ground, picking a petal with its beak from the rose bushes that grew everywhere, and at once returning to its position ahead of the procession, from where the petal was dropped. Whilst the procession slowly wended its way, the air was filled with the notes issuing from the throats of thousands of birds of all types.

The procession reached its destination and the two central figures were escorted to the special thrones prepared for them on the dais. The first of the two figures was the “Chief” and the second was the High Priest, judging from the ceremonial robes that he wore. As the other officials took their place on the dais, our guide presented Daphne and me to the Chief who intimated that we were to seat ourselves on the platform. Daphne was offered a seat on his right hand and, I was given a seat to the immediate left of the High Priest. Before the ceremony proper commenced, some music was played by a large orchestra, composed entirely of devas; it was of an extremely cheerful and melodious character. After the

bướm và nhiều sinh vật có cánh khác, cuối cùng biến đổi thành tinh linh tự nhiên và là một phần của dòng tiến hoá thiên thần. Chúng không bao giờ trở thành một phần của dòng tiến hoá nhân loại. Đến lúc này, một nhóm xuất hiện từ một lùm cây gần đó. Nếu tôi từng tưởng tượng câu chuyện thần tiên về “Tấm Thảm Thần” sống dậy, thì hẳn chính là đây! Nhóm ấy gồm hai nhân vật trung tâm, cả hai đều ngồi xếp bằng trên thứ chỉ có thể mô tả là một tấm thảm nghi lễ, lơ lửng cách mặt đất chừng một thước. Từ mỗi góc trước, những dải hoa được nhiều con chim đủ mọi màu sắc có thể tưởng tượng ngậm trong mỏ, và trong khi chúng bay phía trước, dường như kéo tấm thảm đi, thì các thiên thần khác tham gia đoàn rước lướt đi uy nghiêm ở hai bên. Nhiều chú chim nhỏ khác bay qua bay lại, thả những cánh hồng trên đường đoàn rước đi qua, mỗi con sà xuống đất, dùng mỏ nhặt một cánh hoa từ những bụi hồng mọc khắp nơi, rồi lập tức trở lại vị trí phía trước đoàn rước, từ đó cánh hoa được thả xuống. Trong khi đoàn rước chậm rãi tiến đi, không khí tràn ngập những âm điệu phát ra từ cổ họng của hàng ngàn loài chim đủ loại.

Đoàn rước đến nơi và hai nhân vật trung tâm được hộ tống đến những ngai đặc biệt đã chuẩn bị cho họ trên bục. Nhân vật thứ nhất trong hai người là “Vị Thủ Lãnh” và người thứ hai là Vị Thượng Tế, xét theo lễ phục mà ông mặc. Khi các quan chức khác vào vị trí trên bục, người hướng dẫn của chúng tôi giới thiệu Daphne và tôi với Vị Thủ Lãnh, ngài ra hiệu rằng chúng tôi sẽ ngồi trên bục. Daphne được mời một chỗ bên tay phải ngài và tôi được dành cho một chỗ ngay bên trái Vị Thượng Tế. Trước khi nghi lễ chính thức bắt đầu, một dàn nhạc lớn hoàn toàn gồm các thiên thần đã trình tấu một bản nhạc; tính chất của nó vô cùng vui tươi và du dương. Sau khi dàn nhạc chơi xong, lại có sự im lặng; ngay cả vô số chim

orchestra had finished playing, there was silence again; even the myriads of birds uttered no sound whatever.

A herald then entered the inner circle and with a small silver trumpet proclaimed the first part of the ceremony. A small group of nature-spirits came into the arena. Although no words were spoken, a question passed from the principal examiner to this group. It related to the expressions of sounds, as representing a slowly moving river, lazily passing through wooded country with tall trees on either side of the river bank. At once the group produced wind instruments and a curious sort of guitar. They commenced to play and I saw the thought-form slowly take shape, showing exactly what they were endeavouring to illustrate through sound. This was immediately followed by another order to produce music that expressed the elements. At once the instruments were changed; several drums, one set of cymbals and two other larger and quite unusual wind instruments, rather like oboes, were introduced. Again they played and it was not difficult to realise, even without looking at the thought-form so clearly outlined before us, that a storm at sea was the subject of the theme then played. One could almost hear the creaking of the stays and halyards, strained to their utmost by the force of the gale. Thunder and lightning played their part and as this group finished, the crowd stood up as a body, raising their hands to the sky, instead of clapping and cheering as we would do. That was all the first group was asked to do and I was sure the members had successfully passed their test.

The second group was now heralded into the circle—there were only five of them. They were asked to demonstrate the result of certain graftings, as related to both flowers

chóc cũng không phát ra bất kỳ âm thanh nào.

Sau đó một người truyền lệnh bước vào vòng tròn bên trong và với một chiếc kèn bạc nhỏ tuyên bố phần đầu của nghi lễ. Một nhóm nhỏ tinh linh tự nhiên tiến vào đấu trường. Dù không có lời nào được nói ra, một câu hỏi được truyền từ vị giám khảo chính đến nhóm này. Nó liên quan đến sự biểu đạt bằng âm thanh, tượng trưng cho một dòng sông chảy chậm, lững lờ đi qua miền rừng cây với những hàng cây cao ở hai bên bờ. Lập tức nhóm ấy lấy ra các nhạc cụ hơi và một loại đàn ghi-ta kỳ lạ. Họ bắt đầu chơi và tôi thấy Hình tư tưởng từ từ thành hình, cho thấy chính xác điều họ đang cố minh họa qua âm thanh. Ngay sau đó là một mệnh lệnh khác yêu cầu tạo ra âm nhạc biểu đạt các nguyên tố. Lập tức các nhạc cụ được thay đổi; vài chiếc trống, một bộ chũm chọe và hai nhạc cụ hơi lớn hơn, rất khác thường, khá giống kèn oboe, được đưa vào. Họ lại chơi và không khó để nhận ra, ngay cả khi không nhìn vào Hình tư tưởng được phác họa rõ ràng trước mắt chúng tôi, rằng một cơn bão trên biển là chủ đề của bản nhạc lúc ấy. Người ta gần như có thể nghe thấy tiếng răng rắc của dây chằng và dây buồm bị sức gió giật căng đến cực độ. Sấm chớp cũng góp phần của chúng và khi nhóm này kết thúc, đám đông đồng loạt đứng dậy, giơ tay lên trời, thay vì vỗ tay reo hò như chúng ta vẫn làm. Đó là tất cả những gì nhóm đầu tiên được yêu cầu làm và tôi chắc rằng các thành viên của nhóm đã vượt qua bài thử một cách thành công.

Nhóm thứ hai lúc này được truyền lệnh vào vòng tròn—chỉ có năm người. Họ được yêu cầu trình bày kết quả của một số phép ghép, liên quan đến cả hoa lẫn bụi cây và các loại trái cây

and shrubs and to different kinds of fruit. The answers appeared immediately as thought-form pictures—showing very clearly the changes in size and colour. They were also asked what kinds of flowers could be grown together in one bed and which kinds meant death to one or more of the species. Then questions concerning crop rotation and why it was necessary. This second group also seemed to satisfy both examiners and crowd.

The silver trumpet sounded again and the third group of very small nature-spirits then entered the circle and thought-forms of three human children were created by the examiners. They were typical fair-haired English children of an age between five and seven. They discussed the fairy story of Cinderella. At once they were joined by the nature-spirits who entered into the spirit of the game. They argued as to who should take the principal part and when this was settled I noticed that the nature-spirits took over the parts that children usually object to play—they became the ugly sisters, and the unpleasant father, leaving the parts of Cinderella, the Fairy Godmother and the Prince for the children. A short version of the play was enacted, but the transformation scenes covering the fairy carriage and the change of Cinderella's clothes were much more realistic than anything that has ever been produced under physical plane conditions. I imagine the unselfishness shown by the little nature-spirits made the difference between passing or failing the test.

After a short interval, with cheerful music, all the members of the three groups who had been examined were called back into the arena. The herald sounded the entrance on his silver trumpet. The examiners grouped round the Chief and High Priest then drew together, as if to confer on what they had seen, and after

khác nhau. Các câu trả lời hiện ra ngay lập tức dưới dạng những bức tranh Hình tư tưởng—cho thấy rất rõ những thay đổi về kích thước và màu sắc. Họ cũng được hỏi những loại hoa nào có thể trồng chung trong một luống và những loại nào sẽ gây chết cho một hay nhiều loài khác. Rồi đến những câu hỏi liên quan đến luân canh cây trồng và vì sao điều đó là cần thiết. Nhóm thứ hai này cũng dường như làm hài lòng cả các giám khảo lẫn đám đông.

Chiếc kèn bạc lại vang lên và nhóm thứ ba gồm những tinh linh tự nhiên rất nhỏ bước vào vòng tròn, rồi các giám khảo tạo ra những Hình tư tưởng của ba đứa trẻ loài người. Chúng là những đứa trẻ Anh tóc vàng điển hình trong độ tuổi từ năm đến bảy. Chúng thảo luận câu chuyện thần tiên về Cô Bé Lọ Lem. Lập tức chúng được các tinh linh tự nhiên nhập cuộc cùng theo đúng tinh thần của trò chơi. Chúng tranh luận xem ai sẽ đóng vai chính và khi việc ấy được giải quyết, tôi nhận thấy các tinh linh tự nhiên nhận những vai mà trẻ em thường không thích đóng—chúng trở thành những cô chị xấu xí và người cha khó chịu, để lại vai Lọ Lem, Bà Tiên Đỡ Đầu và Hoàng tử cho bọn trẻ. Một phiên bản ngắn của vở diễn được trình bày, nhưng các cảnh biến hóa liên quan đến cỗ xe thần tiên và sự thay đổi y phục của Lọ Lem thì chân thực hơn rất nhiều so với bất cứ điều gì từng được tạo ra trong các điều kiện của cõi hồng trần. Tôi hình dung rằng chính tính vô tư của các tinh linh tự nhiên nhỏ bé ấy đã tạo nên sự khác biệt giữa việc vượt qua hay thất bại trong bài thử.

Sau một quãng ngắn, với âm nhạc vui tươi, tất cả các thành viên của ba nhóm đã được khảo hạch được gọi trở lại đấu trường. Người truyền lệnh thổi chiếc kèn bạc báo hiệu họ tiến vào. Các giám khảo tụ lại quanh Vị Thủ Lãnh và Vị Thượng Tế, như thể để bàn bạc về những gì họ đã thấy, và sau vài phút vị giám khảo

a few moments the chief examiner stood before the Chief and obtained his consent for the nature-spirits to be promoted to deva rank.

The High Priest then rose to his feet, bowed to the Chief and solemnly walked into the area where the nature-spirits were standing. For the first time words were used. The High Priest, raising his hands above his head, intoned an invocation in the same unknown language I had heard in the glade on the third sphere. The herald then handed him a large sword, the blade of which shone brightly in the clear astral light. Raising it towards the sky, he uttered more words and slowly walked towards the first of the nature-spirits, who stood in one long line in front of him. He placed the sword on the head of the first and said two words which seemed to mean “God go with thee” (though why I thought this, I do not know) and as I watched, the form of the nature spirit which had appeared to be that of a little old man, changed to that of a young girl. The same thing happened to all the graduates. Some male nature-spirits became male devas, whereas others changed their sex. All the newly created bodies were young in appearance.

I was about to thank the Chief for the wonderful opportunity, offered to us when, without any warning, I felt my body calling me and I found myself awake in bed in Colombo.

On the following Saturday night when I got out of my body, I found Jim, the astral helper I had met in the London hospital, waiting for me. He had come to ask for my help. He stated that he had been very impressed by the way I had handled the case of the girl—whose name was Mary—on Thursday night, and felt I could give further help. This girl had learned from a

chính đứng trước Vị Thủ Lãnh và nhận được sự đồng ý của ngài cho phép các tinh linh tự nhiên được thăng lên hàng thiên thần.

Vị Thượng Tế sau đó đứng dậy, cúi chào Vị Thủ Lãnh và trang nghiêm bước vào khu vực nơi các tinh linh tự nhiên đang đứng. Lần đầu tiên lời nói được sử dụng. Vị Thượng Tế, giơ hai tay lên trên đầu, xướng một lời khấn cầu bằng chính thứ ngôn ngữ xa lạ mà tôi đã nghe trong khoảng rừng trống ở khối cầu thứ ba. Người truyền lệnh sau đó trao cho ông một thanh kiếm lớn, lưỡi kiếm sáng rực trong ánh sáng cảm dục trong trẻo. Giơ nó lên trời, ông thốt thêm những lời khác rồi chậm rãi bước đến tinh linh tự nhiên đầu tiên, đang đứng trong một hàng dài trước mặt ông. Ông đặt thanh kiếm lên đầu người đầu tiên và nói hai từ dường như có nghĩa là “Cầu Thượng đế đi cùng ngươi” (dù vì sao tôi lại nghĩ thế thì tôi không biết), và khi tôi quan sát, hình thể của tinh linh tự nhiên vốn trông như một ông già bé nhỏ đã biến thành hình thể của một thiếu nữ trẻ. Điều tương tự xảy ra với tất cả những người tốt nghiệp. Một số tinh linh tự nhiên nam trở thành thiên thần nam, trong khi những người khác đổi giới tính. Tất cả những hình thể mới được tạo ra đều có vẻ trẻ trung.

Tôi đang định cảm tạ Vị Thủ Lãnh vì cơ hội tuyệt vời đã được ban cho chúng tôi thì, không hề có báo trước, tôi cảm thấy thể xác mình đang gọi tôi và thấy mình tỉnh dậy trên giường ở Colombo.

Vào tối thứ Bảy tiếp theo, khi tôi ra khỏi thể mình, tôi thấy Jim, người trợ giúp cảm dục mà tôi đã gặp ở bệnh viện Luân Đôn, đang chờ tôi. Anh đến để xin tôi giúp đỡ. Anh nói rằng anh rất ấn tượng với cách tôi xử lý trường hợp cô gái—tên là Mary—vào tối thứ Năm, và cảm thấy tôi có thể giúp thêm. Cô gái này đã biết từ một vị khách vô tâm rằng mẹ cô đã thiệt mạng

thoughtless visitor that her mother had been killed in the raid and was so upset that no one could do anything with her. As there was a young sister, Irene, aged seven, it would be a tragedy if Mary died too. I was only too glad to have this opportunity of putting into practice what I had recently learned. When we reached the ward, I saw Mary's fever-racked body tossing on the bed, whilst the girl herself was pacing the ward, metaphorically tearing her hair. She welcomed my arrival, and as I talked soothingly to her, quieted down. I made a thought-form of a comfortable settee and whilst we sat there I gave her what help I could from the knowledge which had been given me by Acharya. I brought the conversation round to Irene and pointed out how she would suffer if both her mother and sister died. I assured Mary—with an authority I did not possess—that she could live, if she made the effort, and if she elected to do so she would still be able to contact her mother during sleep. She asked me if I would help her. I promised to do so and thus took on myself a measure of responsibility. I said I would return the following night.

On the Sunday night Mary was waiting for me and was quite calm. I suggested we look for her mother. I showed her how easy it was to travel under astral conditions and soon this method of progress both interested and intrigued her. She took me to the block of flats where they lived. We found Irene in a neighbour's flat, and by her bedside her mother was sitting, endeavouring to comfort the weeping child who could not see her. At first the mother thought Mary was dead too, but when she realized this was not the case and that she would be able to care for Irene, she calmed down. I left the three of them to chat and, after arranging to meet them there later, returned to the hospital. I watched Jim and his colleagues working, and made notes of

trong cuộc không kích và quá suy sụp đến nỗi không ai có thể làm gì được với cô. Vì còn một em gái nhỏ là Irene, bảy tuổi, nên nếu Mary cũng chết thì sẽ là một bi kịch. Tôi vô cùng vui mừng có cơ hội đem vào thực hành điều mình vừa mới học được. Khi chúng tôi đến phòng bệnh, tôi thấy thể xác bị cơn sốt hành hạ của Mary đang quằn quại trên giường, trong khi chính cô thì đi đi lại lại trong phòng, theo nghĩa bóng là vò đầu bứt tóc. Cô hoan nghênh sự xuất hiện của tôi, và khi tôi dịu dàng nói chuyện với cô, cô đã bình tĩnh lại. Tôi tạo ra một Hình tư tưởng về một chiếc ghế dài êm ái và trong khi chúng tôi ngồi đó, tôi đã giúp cô trong khả năng của mình bằng kiến thức mà Acharya đã trao cho tôi. Tôi lái câu chuyện sang Irene và chỉ ra rằng em sẽ đau khổ thế nào nếu cả mẹ lẫn chị đều chết. Tôi quả quyết với Mary—bằng một uy quyền mà tôi không hề có—rằng cô có thể sống, nếu cô cố gắng, và nếu cô chọn làm như vậy thì cô vẫn có thể tiếp xúc với mẹ mình trong lúc ngủ. Cô hỏi tôi liệu tôi có giúp cô không. Tôi hứa sẽ giúp và như thế đã tự nhận lấy một phần trách nhiệm. Tôi nói rằng tôi sẽ trở lại vào đêm hôm sau.

Vào tối Chủ nhật, Mary chờ tôi và hoàn toàn bình tĩnh. Tôi gợi ý rằng chúng tôi hãy đi tìm mẹ cô. Tôi chỉ cho cô thấy việc di chuyển trong các điều kiện cảm dục dễ dàng đến thế nào và chẳng bao lâu phương thức tiến hành này vừa làm cô thích thú vừa khiến cô tò mò. Cô đưa tôi đến khu chung cư nơi họ sống. Chúng tôi thấy Irene trong căn hộ của một người hàng xóm, và bên giường em, mẹ em đang ngồi, cố an ủi đứa trẻ đang khóc mà không thể thấy bà. Lúc đầu người mẹ nghĩ rằng Mary cũng đã chết, nhưng khi bà nhận ra không phải vậy và rằng Mary sẽ có thể chăm sóc Irene, bà đã bình tĩnh lại. Tôi để ba người họ trò chuyện với nhau và, sau khi hẹn sẽ gặp lại họ ở đó sau, quay về bệnh viện. Tôi quan sát Jim và các đồng sự của anh làm việc, và ghi nhớ các phương pháp của họ.

their methods. When Mary, her mother and Irene came in, I spent the rest of my night trying to help them in the way Acharya had helped me. The mother was not a very highly evolved person—I had learned from an astral helper that it had taken two days to persuade her to make the effort of will to disconnect herself from her etheric body. At last she seemed to grasp that the link with her family was not broken and that she would still see them at night. This made her much happier. I fancy she will be quite content with first sphere conditions for some time. My last act before returning to my body was to use what will power I possessed to impress upon Irene that when she awakened she must remember something of what she had been told during her sleep.

Chapter 10

Acharya arrived on the stroke of 11 o'clock, as I had expected he would. First of all, he asked me to give him the record of my experiences during the past week. He read through this very carefully before commencing to speak. As he read, his expression showed more and more his appreciation of my efforts so I was not at all surprised when he said: "I must really congratulate you on all that you have done during the past seven nights. My leaving you to work on your own at this early stage of your training was a gamble, but the results have proved that I was not wrong in thinking that you were ready to take over a little responsibility, even though your tuition had lasted such a relatively short time. I am indeed happy that I was chosen as an instrument to alleviate the distress which was exceedingly apparent when we first met.

"There is very little that requires comment in your experiences of last Monday night. A

Khi Mary, mẹ cô và Irene đến, tôi dành phần còn lại của đêm mình để cố giúp họ theo cách Acharya đã giúp tôi. Người mẹ không phải là một người tiến hoá cao lắm—tôi được một người trợ giúp cảm dục cho biết rằng đã mất hai ngày mới thuyết phục được bà cố gắng dùng ý chí để tách mình khỏi thể dĩ thái. Cuối cùng bà dường như hiểu rằng mối liên hệ với gia đình mình không hề bị cắt đứt và rằng bà vẫn sẽ gặp họ vào ban đêm. Điều này làm bà vui hơn nhiều. Tôi nghĩ rằng trong một thời gian, bà sẽ hoàn toàn hài lòng với các điều kiện của khối cầu thứ nhất. Hành động cuối cùng của tôi trước khi trở về thể xác là dùng chút ý chí mình có để gây ấn tượng lên Irene rằng khi thức dậy em phải nhớ được điều gì đó trong những gì đã được nói với em trong lúc ngủ.

Acharya đến đúng 11 giờ, như tôi đã đoán ông sẽ đến. Trước hết, ông yêu cầu tôi đưa cho ông bản ghi chép những trải nghiệm của tôi trong tuần vừa qua. Ông đọc rất cẩn thận trước khi bắt đầu nói. Trong khi đọc, nét mặt ông ngày càng biểu lộ sự trân trọng đối với những nỗ lực của tôi nên tôi hoàn toàn không ngạc nhiên khi ông nói: "Ta thực sự phải chúc mừng anh về tất cả những gì anh đã làm trong bảy đêm vừa qua. Việc ta để anh tự làm việc một mình ở giai đoạn sớm này của quá trình huấn luyện là một sự đánh cược, nhưng kết quả đã chứng minh rằng ta không sai khi nghĩ anh đã sẵn sàng nhận một chút trách nhiệm, dù việc chỉ dạy của ta cho anh mới kéo dài một thời gian tương đối ngắn. Ta thực sự vui mừng vì đã được chọn làm công cụ để làm dịu bớt nỗi khổ đau vốn biểu lộ rất rõ khi chúng ta mới gặp nhau.

"Có rất ít điều cần bình luận trong những trải nghiệm của anh vào tối thứ Hai vừa rồi. Một

coloured movie film is frequently utilised by permanent inhabitants of the astral world for the purpose of displaying pictures of particular places they wish to show to their friends so that they need not burden their memories unduly with the scene they wish to show. To use the astral counterpart of a photographic film is an even simpler method and, providing the operator has brought over with him the technical knowledge, the results are identical with what a similar show would be in the world. I am satisfied that you realise it is extremely unlikely that Charles will want to leave the part of the astral plane in which he is now living for a considerable time.

“Then there is your experience of Wednesday night, when all that you remembered took the form of a nightmare. You have already inquired from Daphne, whether she had any recollection of taking part in your dream and, she has assured you that, so far as she is aware, she did not have any part in it—and you can rest assured this statement is correct, for there are no periods in her life in the astral world when she loses consciousness and so would not be sure of what she had done. In order that you may understand my explanation of this occurrence, I want you to take your mind back to a previous talk. In it I told you that the perfected men or Masters give instruction to pupils in certain circumstances. I shall give you a very brief outline of the work of these pupils. There are two grades of pupils, one called Probationary and the other Accepted. The only difference between the two is, that once a pupil has been accepted by a Master, he is, as it were, taken on the permanent staff and utilised for this work not only in his present life but both after death and in lives that are to come. A probationary pupil is tried out, and only after he has served in that capacity for possibly several lives is he taken into the very much closer touch with the Master that one

cuốn phim màu thường được các cư dân thường trú của thế giới cảm dục sử dụng để trình chiếu hình ảnh về những nơi đặc biệt mà họ muốn cho bạn bè mình xem, để họ khỏi phải làm nặng trí nhớ của mình quá mức với cảnh tượng muốn trình bày. Sử dụng đối phần cảm dục của một cuộn phim chụp ảnh còn là một phương pháp đơn giản hơn nữa và, miễn là người vận hành đã mang theo kiến thức kỹ thuật, thì kết quả giống hệt như một buổi chiếu tương tự ở thế gian. Ta hài lòng rằng anh nhận ra việc Charles sẽ muốn rời khỏi phần cõi cảm dục mà nó hiện đang sống trong đó trong một thời gian khá dài là điều cực kỳ khó xảy ra.

“Rồi đến trải nghiệm của anh vào tối thứ Tư, khi tất cả những gì anh nhớ được đều mang hình thức một cơn ác mộng. Anh đã hỏi Daphne xem cô ấy có nhớ gì về việc tham gia vào giấc mơ của anh không và cô ấy đã bảo đảm với anh rằng, theo như cô biết, cô không hề có phần trong đó—và anh có thể yên tâm rằng lời khẳng định ấy là đúng, vì trong đời sống của cô ở thế giới cảm dục không có những giai đoạn cô mất tâm thức nên không thể không biết mình đã làm gì. Để anh có thể hiểu lời giải thích của ta về biến cố này, ta muốn anh nhớ lại một cuộc nói chuyện trước đây. Trong đó ta đã nói với anh rằng những con người toàn thiện hay các Chân sư truyền dạy cho học trò trong một số hoàn cảnh nhất định. Ta sẽ cho anh một phác thảo rất ngắn về công việc của những học trò này. Có hai cấp học trò, một gọi là Dự Bị và một gọi là Được Chấp Nhận. Sự khác biệt duy nhất giữa hai cấp là, một khi học trò đã được một Chân sư chấp nhận, thì có thể nói là y được nhận vào đội ngũ thường trực và được sử dụng cho công việc này không chỉ trong đời hiện tại mà cả sau khi chết và trong những kiếp sống tương lai. Một học trò dự bị được thử thách, và chỉ sau khi đã phụng sự trong tư cách ấy có thể qua nhiều kiếp sống, y mới được đưa vào mối tiếp xúc gần gũi hơn rất

finds with accepted pupils. At no time is any compulsion used, for even the Masters have no authority to interfere with the free will which is given to every man at the moment of individualisation, but before a human being can be utilised for occult work by these great Beings, he must show that he has eradicated completely the emotion of fear from his make up and must prove that at all times he is willing to sacrifice himself in the interest of the work. It is necessary for the student to pass five astral tests—these are usually remembered by him in the form of dreams or nightmares. I have been given authority to tell you that your determination to overcome the difficulties of understanding astral plane conditions has been noticed by one of these Masters and it is possible that, in the fullness of time, you will be given the opportunity of serving the White Brotherhood, to which He belongs—this means that you will probably be taken on as a probationary pupil. The dream you had on Wednesday night was actually an astral test—through which you passed quite successfully. The test was to prove that, although obviously you were frightened by the gorilla-like creature, actually a thought-form created by the Master concerned, yet you were willing to forget yourself and if necessary make the supreme sacrifice, in order to protect what was only a thought-form of Daphne, but which was an intense reality to you. Had you refused to make an effort to save her, you would have returned to your body a little earlier than you actually did with the same memory of a nightmare but in that case you would have failed and proved to the Master, who was watching you at the time, that you were unsuitable and insufficiently advanced in evolution for the purpose he had in mind. In the course of the next few years you will probably find that you remember further dreams, these will be more astral tests, all of which you must pass before you can

nhieu với Chân sư, như người ta thấy nơi các học trò được chấp nhận. Không lúc nào có sự cưỡng bách được sử dụng, vì ngay cả các Chân sư cũng không có thẩm quyền can thiệp vào ý chí tự do được ban cho mỗi người vào lúc biệt ngã hóa, nhưng trước khi một con người có thể được các Đấng vĩ đại này sử dụng cho công việc huyền bí học, y phải cho thấy rằng y đã hoàn toàn diệt trừ cảm xúc sợ hãi khỏi cấu tạo của mình và phải chứng minh rằng vào mọi lúc y sẵn sàng hi sinh bản thân vì lợi ích của công việc. Đạo sinh cần phải vượt qua năm bài thử cảm dục—chúng thường được y nhớ lại dưới hình thức những giấc mơ hay ác mộng. Ta đã được trao thẩm quyền để nói với anh rằng quyết tâm của anh trong việc vượt qua những khó khăn của sự thấu hiểu các điều kiện của cõi cảm dục đã được một trong các Chân sư ấy lưu ý, và có thể rằng, theo thời gian viên mãn, anh sẽ được trao cơ hội phụng sự Huynh đệ Đoàn Chánh đạo mà Ngài thuộc về—điều này có nghĩa là có lẽ anh sẽ được nhận làm một học trò dự bị. Giấc mơ anh có vào tối thứ Tư thực ra là một bài thử cảm dục—mà anh đã vượt qua khá thành công. Bài thử nhằm chứng minh rằng, dù rõ ràng anh đã sợ hãi trước sinh vật giống khỉ đột ấy, thực ra chỉ là một Hình tư tưởng do vị Chân sư liên hệ tạo ra, nhưng anh vẫn sẵn sàng quên mình và nếu cần thì thực hiện sự hi sinh tối thượng để bảo vệ điều vốn chỉ là một Hình tư tưởng của Daphne, nhưng lại là một thực tại mãnh liệt đối với anh. Nếu anh đã từ chối nỗ lực cứu cô ấy, anh hẳn đã trở về thể xác sớm hơn một chút so với thực tế, với cùng ký ức về một cơn ác mộng, nhưng trong trường hợp đó anh đã thất bại và chứng tỏ với vị Chân sư đang quan sát anh lúc ấy rằng anh không thích hợp và chưa đủ tiến hoá cho mục đích mà Ngài đã dự định. Trong vài năm tới, có lẽ anh sẽ thấy mình nhớ thêm những giấc mơ khác; đó sẽ là những bài thử cảm dục nữa, tất cả anh đều phải vượt qua trước khi có thể đủ tư cách cho công việc được đề nghị dành cho anh. Với tư cách phàm ngã, anh biết rất ít về những

qualify for the work proposed for you. As a personality you know very little about such things, but the real you, the ego, knows perfectly well what is happening and he, I happen to know, is very keen indeed to make the grade and be used for the helping of humanity.

“Because of the interest you have shown in the instruction I have given you, I shall give you a rough idea of what you have to accomplish before you can qualify for this special work. You have to know how to move about quickly and effectively on all the different planes of the astral world. You have to know all about the lower astral entities, including those which have etheric bodies—such as the elementals you saw at the bottom of the sea—and must be trained so that the hypnotic effect of the eyes of such creatures has no effect on you. There is a fire test, taking the shape of a fierce forest fire which you must walk through without fear and with unhurried steps. This sounds easy but is not so easy at the time. The terrific heat, which you feel in your astral body in the same way that a physical fire of similar dimensions would be felt, is likely to terrify you and make you think that you would be destroyed if you attempted to pass through it. Once you realise that, because you are in your astral body you cannot be harmed, you calmly walk through the fire and the test has been passed. There is a water test which teaches you to travel under the sea, and you would be surprised at the number of students who fail that. They succumb to a feeling of suffocation, due entirely to imagination but which nevertheless produces fear; this drives them back to their physical bodies and they awake, realising that they have had a bad dream. You have to satisfy the Master who is interested in you that you can differentiate between a permanent inhabitant of the astral world and

điều như thế, nhưng con người thực của anh, chân ngã, biết rất rõ điều gì đang xảy ra và y, theo như tôi biết, thực sự rất tha thiết muốn đạt chuẩn và được sử dụng vào việc giúp đỡ nhân loại.

“Vì sự quan tâm mà anh đã biểu lộ đối với sự chỉ dạy tôi đã trao cho anh, tôi sẽ cho anh một ý niệm khái quát về điều anh phải hoàn thành trước khi có thể đủ tư cách cho công việc đặc biệt này. Anh phải biết cách di chuyển nhanh chóng và hữu hiệu trên tất cả các cõi khác nhau của thế giới cảm dục. Anh phải biết tất cả về các thực thể cảm dục thấp, kể cả những thực thể có thể dĩ thái—chẳng hạn như những hành khí anh đã thấy dưới đáy biển—và phải được huấn luyện sao cho hiệu ứng thôi miên từ đôi mắt của những sinh vật như thế không còn tác động lên anh. Có một bài thử bằng lửa, mang hình thức một trận cháy rừng dữ dội mà anh phải bước xuyên qua không sợ hãi và với bước chân không vội vã. Điều này nghe có vẻ dễ nhưng vào lúc ấy lại không dễ như vậy. Sức nóng khủng khiếp mà anh cảm thấy trong thể cảm dục của mình theo cùng cách như một ngọn lửa hồng trần có kích thước tương tự sẽ được cảm nhận, rất có thể sẽ làm anh kinh hãi và khiến anh nghĩ rằng mình sẽ bị hủy diệt nếu cố đi xuyên qua nó. Một khi anh nhận ra rằng vì đang ở trong thể cảm dục nên anh không thể bị tổn hại, anh sẽ bình tĩnh bước qua lửa và bài thử được vượt qua. Có một bài thử bằng nước dạy anh cách di chuyển dưới biển, và anh sẽ ngạc nhiên về số đạo sinh thất bại ở đó. Họ khuất phục trước cảm giác ngạt thở, hoàn toàn do sự tưởng tượng nhưng vẫn tạo ra sợ hãi; điều này đẩy họ trở lại thể xác hồng trần và họ tỉnh dậy, nhận ra rằng mình đã có một giấc mơ xấu. Anh phải làm cho vị Chân sư đang quan tâm đến anh hài lòng rằng anh có thể phân biệt giữa một cư dân thường trú của thế giới cảm dục và một người đang lưu

one who is sojourning there during a sleep period. You must prove that you have developed the sympathetic understanding which enables you to work in conjunction with the members of the deva evolution—cooperation with them is often necessary in this work. You must be able to tell the difference between a thought-form of a particular person and the man himself, for if a Master were to send you with a message to be delivered to someone living in a different sphere of the astral world from that in which he was functioning at the moment, you might be accosted by an entity who was antagonistic to that Master and who, for the purpose of deceiving you, had taken the appearance of the individual you were seeking (really a thought-form made in his likeness), you might deliver the message to this man thinking he was the real person; this might have serious repercussions on the work the Master was doing at the time. Such impersonations are very common in the astral world and you have to be trained to use certain power signs, which enable you to prove conclusively whether the person concerned is genuine or not. You have probably heard of vampires. They do exist but fortunately are uncommon. They live under similar conditions to suicides; both are earthbound, and you must know not only how to help them, but how to release them from their bondage. I think I have told you sufficient to show that you still have much to learn.

“I shall now pass on to your Friday night’s adventure when you found some difficulty in passing to the higher levels without having any focal points there on which to concentrate. I was keeping in touch with you mentally, as I thought you would probably make some such attempt on one of the nights when I left you free to experiment alone. As you found out, it is quite simple to get to any

lại đó trong thời gian ngủ. Anh phải chứng minh rằng anh đã phát triển được sự thấu hiểu đầy cảm thông, điều giúp anh có thể làm việc phối hợp với các thành viên của dòng tiến hoá thiên thần—sự hợp tác với họ thường là cần thiết trong công việc này. Anh phải có khả năng phân biệt giữa Hình tư tưởng của một người nào đó và chính người ấy, vì nếu một Chân sư sai anh mang một thông điệp đến cho ai đó đang sống trong một khối cầu khác của thế giới cảm dục với khối cầu mà y đang hoạt động vào lúc ấy, anh có thể bị một thực thể đối nghịch với vị Chân sư đó chặn lại, và thực thể ấy, nhằm lừa dối anh, đã mang hình dáng của người mà anh đang tìm kiếm (thực ra là một Hình tư tưởng được tạo theo hình ảnh của người ấy), anh có thể trao thông điệp cho kẻ đó vì tưởng rằng đó là người thật; điều này có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng đối với công việc vị Chân sư đang làm lúc bấy giờ. Những sự mạo danh như thế rất phổ biến trong thế giới cảm dục và anh phải được huấn luyện để sử dụng một số dấu hiệu quyền năng nhất định, giúp anh chứng minh dứt khoát liệu người liên hệ có chân thực hay không. Có lẽ anh đã nghe nói đến ma cà rồng. Chúng quả có tồn tại nhưng may thay không phổ biến. Chúng sống trong những điều kiện tương tự như những kẻ tự tử; cả hai đều bị trói buộc vào Trái Đất, và anh không những phải biết cách giúp họ mà còn phải biết cách giải thoát họ khỏi sự nô lệ ấy. Tôi nghĩ tôi đã nói đủ để cho anh thấy rằng anh vẫn còn rất nhiều điều phải học.

“Bây giờ tôi sẽ chuyển sang cuộc phiêu lưu tối thứ Sáu của anh khi anh gặp đôi chút khó khăn trong việc đi lên các cấp độ cao hơn mà không có bất kỳ điểm tập trung nào ở đó để chú tâm vào. Tôi đã giữ liên lạc với anh bằng trí tuệ, vì tôi nghĩ có lẽ anh sẽ thực hiện một nỗ lực như thế vào một trong những đêm tôi để anh tự do thử nghiệm một mình. Như anh đã khám phá, việc đến bất kỳ phần nào của thế giới cảm dục

part of the astral world, providing you have a special landmark to use for that purpose. I do not expect I shall find it necessary to come to your assistance again in the future. I did not give you a focal point on the seventh sphere, for there is little there that would interest you, and it is not desirable for you to come into unnecessary contact with the shells existing at that level at present.

“You were indeed very fortunate to have the opportunity of witnessing the graduation ceremony (as I note you call it) in which certain nature-spirits were changed into junior members of the deva kingdom. Nature-spirits are of course part of the deva evolution, although there is a tremendous difference between a nature-spirit and a deva. It is not possible to give you a parallel example in your evolution. Very few people, whether living in the astral or the physical world, have had the privilege of seeing what you saw the other night, and I am exceedingly glad that on your return journey from higher levels you stopped for a short time at the fourth sphere.

I had no hand in making the opportunity for you to put into practice some of the teaching I have been privileged to give you in your experiences on Saturday and Sunday nights, therefore I can say without hesitation that your work was not only extremely valuable, but very well done indeed. In offering to pass on some of the knowledge you have to the girl Mary, you have of course taken on certain responsibilities; also it is more than likely that the astral helper whom you refer to as Jim will ask you again to help him, whenever his organisation is overworked; this will not only give you great opportunities for service which always makes for good karma, but you will find that your interest in and understanding of your fellow human beings will increase a thousand-fold from this work. The technique

đều khá đơn giản, miễn là anh có một mốc chuẩn đặc biệt để dùng cho mục đích ấy. Tôi không nghĩ rằng trong tương lai tôi sẽ còn thấy cần phải đến trợ giúp anh nữa. Tôi đã không cho anh một điểm tập trung ở khối cầu thứ bảy, vì ở đó có rất ít điều có thể làm anh quan tâm, và hiện nay anh không nên tiếp xúc không cần thiết với những vỏ thể đang tồn tại ở cấp độ ấy.”

“Anh quả thật rất may mắn khi có cơ hội chứng kiến lễ tốt nghiệp (như tôi thấy anh gọi thế) trong đó một số tinh linh tự nhiên đã được chuyển thành những thành viên trẻ của giới thiên thần. Dĩ nhiên, các tinh linh tự nhiên là một phần của tiến hoá thiên thần, mặc dù có một sự khác biệt vô cùng lớn giữa một tinh linh tự nhiên và một thiên thần. Không thể đưa cho anh một ví dụ song song trong tiến hoá của các anh. Rất ít người, dù sống trong cõi cảm dục hay cõi hồng trần, có được đặc ân nhìn thấy điều anh đã thấy vào đêm nọ, và tôi hết sức vui mừng rằng trên hành trình trở về từ các cấp độ cao hơn, anh đã dừng lại một thời gian ngắn ở khối cầu thứ tư.

Tôi không hề nhúng tay vào việc tạo ra cơ hội để anh đem ra thực hành một phần giáo huấn mà tôi đã có đặc ân truyền đạt cho anh trong những trải nghiệm của anh vào tối thứ Bảy và Chủ nhật, vì thế tôi có thể nói không chút do dự rằng công việc của anh không những cực kỳ có giá trị, mà còn được thực hiện thật sự rất tốt. Khi đề nghị truyền lại một phần tri thức anh có cho cô gái Mary, dĩ nhiên anh đã nhận lấy những trách nhiệm nhất định; ngoài ra, rất có thể người phụ tá cảm dục mà anh gọi là Jim sẽ lại nhờ anh giúp y, bất cứ khi nào tổ chức của y bị quá tải; điều này không những sẽ đem lại cho anh những cơ hội phụng sự lớn lao, vốn luôn tạo nên nghiệp quả tốt, mà anh sẽ thấy rằng mối quan tâm và sự thấu hiểu của anh đối với đồng loại sẽ tăng lên gấp ngàn lần nhờ công việc này. Kỹ thuật anh đã dùng liên quan đến

you employed in connection with the girl Mary and her family was in every way correct. You must not be disappointed if Mary does not react to your tuition and prove as proficient a pupil as I have found you to be, for as I have told you repeatedly, it is the intention which matters and not the result. Your efforts to will that the child Irene should remember on awakening something of what you told her during sleep were entirely successful, and today she is feeling quite different about the loss she has sustained. I leave it to you to decide when you consider it necessary to visit the family again, for they are now your responsibility and will only be taken up by others should you fail to give them the assistance that, of your own free will, you have promised.

“I shall now talk to you about the mental world. I told you that after a period of time it became necessary for all of us to drop our astral bodies and leave the mental world. The period of time varies according to our stage in evolution: a man who has had about fifty lives will spend much longer in the astral world and shorter in the mental than will one who has lived five hundred lives in different bodies and in environments where he has had opportunities for intellectual pursuits. In one of my talks I compared the bodies we function in to a man dressed in underclothes, a suit of clothes and an overcoat. When death occurs at the physical level, this corresponds to dropping the overcoat (the physical body); when it occurs at the astral level, it corresponds to dropping the suit of clothes (the astral body); this leaves the man garbed in his underclothes (the mental body) and it is in this vehicle that he enters the mental world.

“As I have said, the mental body is the first body the ego draws round him in his descent from the casual level; it is fashioned of even

cô gái Mary và gia đình cô ấy là hoàn toàn đúng đắn về mọi phương diện. Anh không được thất vọng nếu Mary không đáp ứng với sự chỉ dạy của anh và không tỏ ra là một học trò thành thạo như tôi đã thấy nơi anh, vì như tôi đã nhiều lần nói với anh, điều quan trọng là ý định chứ không phải kết quả. Những nỗ lực của anh nhằm dùng ý chí để đưa trẻ Irene khi thức dậy nhớ lại được phần nào điều anh đã nói với nó trong giấc ngủ đã hoàn toàn thành công, và hôm nay nó đang cảm thấy rất khác về mất mát mà nó đã chịu đựng. Tôi để cho anh quyết định khi nào anh thấy cần phải đến thăm gia đình ấy lần nữa, vì giờ đây họ là trách nhiệm của anh và chỉ khi nào anh không trao cho họ sự trợ giúp mà do ý chí tự do của chính mình anh đã hứa, thì họ mới được những người khác tiếp nhận.

“Giờ đây tôi sẽ nói với anh về cõi trí. Tôi đã nói với anh rằng sau một thời gian, tất cả chúng ta đều cần phải bỏ thể cảm dục và rời cõi cảm dục. Khoảng thời gian ấy thay đổi tùy theo giai đoạn tiến hoá của chúng ta: một người đã có khoảng năm mươi kiếp sống sẽ ở trong cõi cảm dục lâu hơn nhiều và ở trong cõi trí ngắn hơn người đã sống năm trăm kiếp trong những thể xác khác nhau và trong những môi trường nơi y có cơ hội theo đuổi các hoạt động trí tuệ. Trong một bài nói chuyện của tôi, tôi đã so sánh các thể mà chúng ta hoạt động trong đó với một người mặc đồ lót, một bộ quần áo và một chiếc áo khoác ngoài. Khi cái chết xảy ra ở cấp độ hồng trần, điều này tương ứng với việc bỏ chiếc áo khoác ngoài (thể xác); khi nó xảy ra ở cấp độ cảm dục, nó tương ứng với việc bỏ bộ quần áo (thể cảm dục); như vậy người ấy còn lại trong bộ đồ lót của mình (thể trí), và chính trong vận cụ này mà y đi vào cõi trí.

“Như tôi đã nói, thể trí là thể đầu tiên mà chân ngã rút quanh mình trong cuộc giáng hạ từ cấp độ nguyên nhân; nó được tạo thành từ

finer material than the astral. Actually, it is the thought-form of the individual. As you could not yet comprehend a description of this wispy, cloudy form which appears to lack all density, I shall only give you a physical comparison of the mental body of an unevolved human being, say one who has had about fifty incarnations, with that of an evolving human being, say one who has had about five hundred incarnations, by likening them to a wicker basket as seen in two stages of the making—the early stage and the more finished article. In the early stages you see a basket take shape but it has only a few strands of cane fixed to its base. Eventually all the gaps are filled in and the finished article is blended together of many hundreds of wicker strands all separate and distinct from each other but appearing at first sight to be a composite whole. Each of these strands may be thought of as representing a particular subject of mental development which has been more or less mastered by that individual.

“When a person has finished his life in the astral world, he passes to the seventh sphere of that world; when it is time for him to move on from there, he becomes sleepy, loses consciousness, and awakens almost immediately in the mental world. When, after his physical death, a man becomes fully conscious in the astral world, his first sensation is a feeling of well-being and buoyant health. When, after his astral death, he becomes fully conscious in the mental world, his first sensation is that of profound bliss and a feeling of being at peace with mankind. In the early stages he may not even realise that he has passed to the mental plane, for he feels so contented and happy there that he is willing to let well alone for the time being. In due course he realises the change in his surroundings and once more he has to be taught, by those who wait to welcome him,

chất liệu còn tinh tế hơn cả chất liệu cảm dục. Thực ra, nó là hình tư tưởng của cá nhân. Vì anh chưa thể hiểu được một mô tả về hình thể mỏng nhẹ, mây khói này, dường như thiếu hẳn mọi độ đậm đặc, nên tôi sẽ chỉ đưa cho anh một sự so sánh hồng trần về thể trí của một con người chưa tiến hoá, giả sử một người đã có khoảng năm mươi lần lâm phạm, với thể trí của một con người đang tiến hoá, giả sử một người đã có khoảng năm trăm lần lâm phạm, bằng cách ví chúng với một chiếc giỏ mây được nhìn thấy ở hai giai đoạn chế tác—giai đoạn đầu và sản phẩm hoàn chỉnh hơn. Ở giai đoạn đầu, anh thấy chiếc giỏ thành hình nhưng mới chỉ có vài nan mây gắn vào đáy. Cuối cùng mọi khoảng trống đều được lấp đầy và sản phẩm hoàn chỉnh được kết hợp từ nhiều trăm nan mây, tất cả đều riêng biệt và khác nhau, nhưng thoạt nhìn lại có vẻ là một toàn thể hợp thành. Mỗi nan trong số này có thể được xem như tượng trưng cho một chủ đề phát triển trí tuệ riêng biệt mà cá nhân ấy đã làm chủ ít nhiều.

“Khi một người đã kết thúc đời sống của mình trong cõi cảm dục, y đi sang khối cầu thứ bảy của cõi ấy; khi đến lúc y phải rời khỏi đó, y trở nên buồn ngủ, mất tâm thức, và gần như lập tức tỉnh dậy trong cõi trí. Khi, sau cái chết hồng trần, một người trở nên hoàn toàn có tâm thức trong cõi cảm dục, cảm giác đầu tiên của y là một cảm giác an lạc và sức khỏe phơi phới. Khi, sau cái chết cảm dục, y trở nên hoàn toàn có tâm thức trong cõi trí, cảm giác đầu tiên của y là chí phúc sâu xa và cảm giác được hòa bình với nhân loại. Trong những giai đoạn đầu, y thậm chí có thể không nhận ra rằng mình đã sang cõi trí, vì y cảm thấy mãn nguyện và hạnh phúc ở đó đến nỗi tạm thời sẵn lòng cứ để mọi sự như vậy. Đến lúc thích hợp, y nhận ra sự thay đổi trong hoàn cảnh chung quanh mình, và một lần nữa y phải được dạy, bởi những người chờ đón y, về sự khác biệt giữa các điều kiện mà giờ đây y phải

the difference between the conditions under which he must now live and those relating to the world he has just left.

“The mental world is the world of thought. Thoughts are the only realities; they are things just as much as chairs and tables are things, only—in the same way that the mental body is composed of finer material than the physical—they too are composed of finer matter. It is quite impossible to do so, but if we could take any of our astral or physical matter into the world of thought, it would not exist for the people there. Such things would be more or less the same as thought-forms in the physical world; they surround us all the time but we cannot see them—although they influence our minds. My greatest difficulty in explaining to you what conditions are like in the mental world is that there are no words which enable us to describe in detail conditions of consciousness which are entirely foreign to physical plane understanding. At the mental level you do not see other people as individuals, nor as astral counterparts of physical forms, but as thought-forms of the individual concerned, and these thought-forms accord with the mental development of the individual.

“A man functioning at the mental level can be likened to a wireless set that both receives and transmits. The number of wavelengths which he can use in receiving and transmitting depends entirely upon the number of subjects with which such a man is familiar. He can receive on his set the thoughts of others providing he can tune-in to that particular wavelength—in other words if he has some knowledge of the subject of which the thought is composed—and he can carry on a conversation on that subject, because he himself can answer the thought-forms that he

sống trong đó và những điều kiện thuộc về thế giới mà y vừa rời khỏi.

“Cõi trí là thế giới của tư tưởng. Tư tưởng là những thực tại duy nhất; chúng là những vật thể cũng thật như ghế và bàn là những vật thể, chỉ khác là—cũng như thể trí được cấu thành từ chất liệu tinh tế hơn thể xác—chúng cũng được cấu thành từ vật chất tinh tế hơn. Hoàn toàn không thể làm được điều đó, nhưng nếu chúng ta có thể mang bất kỳ vật chất cảm dục hay hồng trần nào của mình vào thế giới tư tưởng, thì đối với những người ở đó nó sẽ không tồn tại. Những thứ như vậy ít nhiều cũng giống như các hình tư tưởng trong thế giới hồng trần; chúng bao quanh chúng ta mọi lúc nhưng chúng ta không thể nhìn thấy—mặc dù chúng ảnh hưởng đến thể trí của chúng ta. Khó khăn lớn nhất của tôi khi giải thích cho anh các điều kiện trong cõi trí là không có ngôn từ nào cho phép chúng ta mô tả chi tiết những trạng thái tâm thức hoàn toàn xa lạ với sự thấu hiểu của cõi hồng trần. Ở cấp độ trí tuệ, anh không thấy những người khác như các cá nhân, cũng không như những đối phần cảm dục của các hình thể hồng trần, mà như những hình tư tưởng của cá nhân liên hệ, và những hình tư tưởng này phù hợp với sự phát triển trí tuệ của cá nhân ấy.

“Một người hoạt động ở cấp độ trí tuệ có thể được ví như một máy vô tuyến vừa thu vừa phát. Số lượng bước sóng mà y có thể dùng để thu và phát hoàn toàn tùy thuộc vào số lượng chủ đề mà một người như thế quen thuộc. Y có thể thu trên máy của mình những tư tưởng của người khác miễn là y có thể bắt đúng bước sóng đặc biệt ấy—nói cách khác, nếu y có một ít tri thức về chủ đề mà tư tưởng ấy được cấu thành—và y có thể tiếp tục một cuộc trao đổi về chủ đề đó, bởi vì chính y có thể đáp lại những hình tư tưởng mà y nhận được bằng sự truyền đi những tư tưởng của riêng mình; rồi

receives by transmission of his own thoughts, which would then be picked up by all other people having similar knowledge and interests.

“At the astral level you saw the intellectual giants creating beautiful music, pictures etc., and teaching others in the arts and sciences. When they pass from the astral to the mental world, they continue to help others who are treading the path which they have trod; but at the mental level their tuition takes the form of technical and theoretical lectures sent out in a perpetual stream of thought. All of these can be picked up by anyone interested in the same subject. You can only grasp as much of the thoughts as by your own intellectual activities of the past you are able to comprehend. The parts of the thoughts which are beyond your understanding do not register at all and are not picked up by you, for your receiving set is limited to your understanding; if you had never studied such subjects as mathematics or chemistry, you would not be able to respond to the thoughts of them that might be all round you, given out by people who are well versed in these particular sciences. At the mental level the life is much more interesting for an intellectual man than for one of limited intelligence. Take the case of a person who, during his lifetime, has made a study of one particular subject; here he would come in contact with other intellectuals who were masters of his subject, merely through sensing and seeing the thought-forms expressed by them there. Because he was no longer limited by an inadequate brain, he would understand quite clearly not only all the things which he understood perfectly at the physical level, but the many things which in his physical life he was only able to realise in principle and not grasp completely.

“A man continues his mental development for

những tư tưởng ấy sẽ được tất cả những người khác có tri thức và mối quan tâm tương tự tiếp nhận.

“Ở cấp độ cảm dục, anh đã thấy những vĩ nhân trí tuệ sáng tạo ra âm nhạc, tranh ảnh đẹp đẽ v.v., và dạy người khác về nghệ thuật và khoa học. Khi họ đi từ cõi cảm dục sang cõi trí, họ tiếp tục giúp đỡ những người khác đang bước trên con đường mà họ đã đi; nhưng ở cấp độ trí tuệ, sự chỉ dạy của họ mang hình thức những bài giảng kỹ thuật và lý thuyết được phát ra trong một dòng tư tưởng liên tục. Tất cả những điều này đều có thể được bất cứ ai quan tâm đến cùng chủ đề ấy tiếp nhận. Anh chỉ có thể nắm bắt được chừng nào của các tư tưởng mà nhờ những hoạt động trí tuệ của chính anh trong quá khứ, anh có khả năng hiểu được. Những phần của các tư tưởng vượt quá sự thấu hiểu của anh thì hoàn toàn không ghi nhận được và anh không tiếp nhận được, vì máy thu của anh bị giới hạn bởi sự thấu hiểu của anh; nếu anh chưa từng học những môn như toán học hay hóa học, anh sẽ không thể đáp ứng với những tư tưởng về chúng có thể đang ở khắp quanh anh, do những người tinh thông các khoa học đặc biệt ấy phát ra. Ở cấp độ trí tuệ, đời sống thú vị hơn nhiều đối với một người trí thức so với một người có trí năng hạn chế. Hãy lấy trường hợp một người trong suốt đời mình đã nghiên cứu một chủ đề đặc biệt; ở đây y sẽ tiếp xúc với những người trí thức khác là bậc thầy trong chủ đề của y, chỉ đơn giản qua việc cảm nhận và thấy những hình tư tưởng được họ biểu lộ ở đó. Bởi vì y không còn bị giới hạn bởi một bộ não bất toàn nữa, y sẽ hiểu rất rõ không những tất cả những điều mà ở cấp độ hồng trần y đã hiểu hoàn toàn, mà còn cả nhiều điều mà trong đời sống hồng trần y chỉ có thể chứng nghiệm về nguyên lý chứ không nắm bắt trọn vẹn.

“Một người tiếp tục sự phát triển trí tuệ của

a considerable time, not only to his great satisfaction but also to his great benefit in future lives as, through and because of the work he has done, he has earned the right to be given in his next physical incarnation a brain which will fully comprehend the knowledge which he consolidated during his stay in the mental world. When I tell you that men of highly developed intellects have been known to spend as much as two and three thousand years at the mental level, you will perhaps admit that for such people life could not be considered dull. On the other hand the time that an unevolved being spends at this level is usually very short indeed, for he has little to consolidate and certainly his life there is not nearly as pleasant or as interesting as the lives of his more intellectual brethren. He does not realise his limitations so there is no suffering whatever, even for the man of the most limited intelligence that you can visualise.

When the egos who have been existing in the Golden City pass to the mental world they still have only one cardinal thought in their minds and that is their idea of Heaven. Their religious teachers have taught them that once they have been 'received into heaven,' they are there forever. They are quite sure that they have been so received, for they have been living under the conditions which to them are in accordance with the promises of eternal bliss, to which they have looked forward. They expect to remain permanently in a heaven world and, because of this dominating belief, the illusion of heaven, as they have always imagined it, is created by them, in it they live, exchanging their thoughts with the thoughts of others, sent out by people who are controlled by the same illusions. Thus the whole of their mental life is lived within a gigantic thought-form. Although they are perfectly happy they do not usually benefit as

mình trong một thời gian đáng kể, không những với sự mãn nguyện lớn lao mà còn với lợi ích to lớn cho các kiếp sống tương lai, vì nhờ, qua và bởi công việc y đã làm, y đã giành được quyền được ban cho trong lần lâm phạm hồng trần kế tiếp một bộ não có thể hoàn toàn hiểu được tri thức mà y đã củng cố trong thời gian lưu lại ở cõi trí. Khi tôi nói với anh rằng những người có trí tuệ phát triển cao đã được biết là ở lại cấp độ trí tuệ đến hai và ba ngàn năm, có lẽ anh sẽ thừa nhận rằng đối với những người như thế, đời sống không thể bị xem là tẻ nhạt. Mặt khác, thời gian mà một hữu thể chưa tiến hoá trải qua ở cấp độ này thường quả thật rất ngắn, vì y có rất ít điều để củng cố và chắc chắn đời sống của y ở đó không gần bằng dễ chịu hay thú vị như đời sống của những huynh đệ trí thức hơn của y. Y không nhận ra những giới hạn của mình nên hoàn toàn không có đau khổ nào, ngay cả đối với người có trí năng hạn chế nhất mà anh có thể hình dung.

Khi những chân ngã đã tồn tại trong Thành phố Vàng đi sang cõi trí, họ vẫn chỉ có một tư tưởng chủ yếu trong thể trí, và đó là ý niệm của họ về Thiên đường. Các huấn sư tôn giáo của họ đã dạy họ rằng một khi họ đã được 'đón nhận vào thiên đường,' thì họ ở đó mãi mãi. Họ hoàn toàn chắc chắn rằng mình đã được đón nhận như thế, vì họ đã sống trong những điều kiện mà đối với họ phù hợp với những lời hứa về chí phúc vĩnh cửu mà họ từng mong đợi. Họ mong sẽ ở vĩnh viễn trong một cõi thiên đường, và vì niềm tin chi phối này, ảo tưởng về thiên đường, như họ vẫn luôn hình dung, được chính họ tạo ra; trong đó họ sống, trao đổi những tư tưởng của mình với những tư tưởng của người khác, được phát ra bởi những người bị chi phối bởi cùng những ảo tưởng ấy. Như vậy toàn bộ đời sống trí tuệ của họ được sống bên trong một hình tư tưởng khổng lồ. Mặc dù họ hoàn toàn hạnh phúc, họ thường không hưởng lợi từ những điều kiện này nhiều bằng

much from these conditions as others who use the mental world, not only for consolidating their own mental activities but also for adding to the intellectual knowledge which they possessed before reaching that sphere of consciousness. The people who live surrounded by their idea of heaven are radiantly happy and perfectly content, so who is to say that they are worse off than others who travel by different paths.

“In the mental world there are again seven spheres of consciousness corresponding to those found at the astral level, but in this world there is no difficulty at all in passing from one sphere to another—whether you go up or down. In practice, however, you will find that the permanent inhabitants move about very little indeed. The average man finds his natural home, that is the sphere most suited to him and in which he will be most happy, on any of the first four spheres. Only the outstanding intellectual individuals go beyond the fourth sphere. Usually a man who passes from the astral to the mental world, aided by those helpers who meet him, finds his way almost at once to the particular sphere of consciousness that applies to his mental development, and there he stays, until the time comes for him to drop his mental body and spend a short time at the causal level, which is the permanent home of the ego.

“Before I talk to you much more on this subject, I propose to take you on Wednesday night as far as the second sphere of the mental world, in order that you may get a clearer understanding of what I am now trying to tell you. You will then not only realise my present difficulties, but will probably find that if you try to report your activities on that journey, there are no adequate words to express what you saw there. I shall visit you again on Friday morning; this will leave you three nights in

những người khác, những người sử dụng cõi trí không chỉ để củng cố các hoạt động trí tuệ của riêng mình mà còn để bổ sung vào trí thức trí tuệ mà họ đã sở hữu trước khi đạt đến khối cầu tâm thức ấy. Những người sống được bao quanh bởi ý niệm thiên đường của mình thì rạng ngời hạnh phúc và hoàn toàn mãn nguyện, vậy ai có thể nói rằng họ kém may mắn hơn những người khác đi theo những con đường khác.

“Trong cõi trí lại có bảy khối cầu tâm thức tương ứng với những khối cầu được thấy ở cấp độ cảm dục, nhưng trong thế giới này hoàn toàn không có khó khăn gì trong việc đi từ khối cầu này sang khối cầu khác—dù anh đi lên hay đi xuống. Tuy nhiên, trên thực tế, anh sẽ thấy rằng những cư dân thường trú di chuyển rất ít. Người trung bình tìm thấy ngôi nhà tự nhiên của mình, tức là khối cầu thích hợp nhất với y và trong đó y sẽ hạnh phúc nhất, ở một trong bốn khối cầu đầu tiên. Chỉ những cá nhân trí tuệ xuất chúng mới vượt quá khối cầu thứ tư. Thông thường, một người đi từ cõi cảm dục sang cõi trí, được những phụ tá gặp y trợ giúp, gần như ngay lập tức tìm được đường đến khối cầu tâm thức đặc biệt phù hợp với sự phát triển trí tuệ của y, và ở đó y lưu lại cho đến khi đến lúc phải bỏ thể trí và trải qua một thời gian ngắn ở cấp độ nguyên nhân, vốn là quê hương thường trú của chân ngã.

“Trước khi tôi nói với anh nhiều hơn về chủ đề này, tôi dự định vào tối thứ Tư sẽ đưa anh đi xa đến khối cầu thứ hai của cõi trí, để anh có thể có được sự thấu hiểu rõ ràng hơn về điều tôi đang cố gắng nói với anh. Khi ấy anh không những sẽ chứng nghiệm những khó khăn hiện tại của tôi, mà có lẽ còn thấy rằng nếu anh cố tưởng thuật các hoạt động của mình trong chuyến đi ấy, sẽ không có từ ngữ thích đáng nào để diễn tả điều anh đã thấy ở đó. Tôi sẽ lại đến thăm anh vào sáng thứ Sáu;

which to continue your experiments in the astral world, although I advise you very strongly not to set out with any specific intention tonight, but to give your brain a rest. Reserve Wednesday night for me.”

Acharya then left the room and I remained seated at my desk rather dazed with all this new information.

The first night I slept peacefully and woke much refreshed—with no remembrance of anything that had taken place during the night.

The following night I managed to reach Daphne quite easily. She had found no difficulty in returning to her cottage from the Fairy Glen—so presumably she has developed sufficient will power to enable her to move freely from sphere to sphere. She told me that after I had left, an unbelievably beautiful exhibition of dancing had taken place in which the devas, the nature-spirits and even the birds took part. When she made adieus to the Chief, he told her we were welcome to revisit the valley at anytime.

I asked if she would be interested in seeing the Golden City at close quarters. As she was delighted with the idea, we there and then linked hands and reached the landmark for the fifth sphere in a very short time—having stopped en route at the Fairy Glen. The heavy gates which appeared to be made of gold were closed, but were unlocked and opened to us by an old gentleman who might have passed for the mythical St. Peter; he asked our business, we explained who we were and indicated that curiosity was the main object of our visit. He did not seem to mind this and offered a guide to show us round.

như vậy anh sẽ có ba đêm để tiếp tục những thử nghiệm của mình trong cõi cảm dục, mặc dù tôi khuyên anh rất mạnh mẽ rằng tối nay đừng khởi hành với bất kỳ ý định cụ thể nào, mà hãy để cho bộ não được nghỉ ngơi. Hãy dành tối thứ Tư cho tôi.”

Rồi Acharya rời khỏi phòng và tôi vẫn ngồi lại nơi bàn viết, khá choáng váng vì tất cả những thông tin mới mẻ này.

Đêm đầu tiên tôi ngủ yên bình và thức dậy rất sáng khoái—không nhớ gì về bất cứ điều gì đã xảy ra trong đêm.

Đêm tiếp theo tôi đến được chỗ Daphne khá dễ dàng. Cô ấy không gặp khó khăn gì khi trở về ngôi nhà nhỏ của mình từ Fairy Glen—vì thế có lẽ cô ấy đã phát triển đủ ý chí để có thể di chuyển tự do từ khối cầu này sang khối cầu khác. Cô ấy kể với tôi rằng sau khi tôi rời đi, đã diễn ra một cuộc trình diễn vũ điệu đẹp đến khó tin, trong đó các thiên thần, các tinh linh tự nhiên và ngay cả chim chóc cũng tham gia. Khi cô ấy từ biệt Vị Thủ Lĩnh, Ngài nói rằng chúng tôi luôn được hoan nghênh trở lại thung lũng ấy bất cứ lúc nào.

Tôi hỏi cô ấy có muốn nhìn Thành phố Vàng ở cự ly gần không. Vì cô ấy rất thích ý tưởng ấy, nên ngay lúc đó chúng tôi nắm tay nhau và đến được mốc chỉ dẫn của khối cầu thứ năm trong một thời gian rất ngắn—sau khi đã dừng lại dọc đường ở Fairy Glen. Những cánh cổng nặng nề trông như làm bằng vàng đang đóng kín, nhưng được một ông lão có thể khiến người ta liên tưởng đến Thánh Peter huyền thoại mở khóa và mở ra cho chúng tôi; ông hỏi chúng tôi đến có việc gì, chúng tôi giải thích mình là ai và cho biết sự tò mò là mục đích chính của chuyến thăm. Ông dường như không bận tâm về điều đó và đề nghị một người hướng dẫn đưa chúng tôi đi xem.

The streets seemed to be paved with pure gold; the numerous trees which lined them were laden with precious stones. These thought-forms of diamonds, emeralds, rubies, pearls, etc. were very beautiful, but the effect was rather like an unending line of Christmas trees. I noticed that there was at least one church in every street; we were taken into what the guide stated was one of the smallest Roman Catholic churches. The sanctuary was a very beautiful piece of architecture, whilst the main altar might have been carved out of a gigantic pearl; a musician who was playing the organ was no ordinary exponent of the art. The guide invited us to visit churches of other denominations. I asked whether the different denominations kept themselves separate. He told me that in the Heaven world the different sects led their separate lives and, carried out their specific teaching, but that there was never any disharmony here, for everyone realised that the truth behind all doctrines was the same and only the forms of expression were different. In reply to a question I put, he stated that here God reigned supreme and from time to time visited the Golden City; He was not seen by the ordinary inhabitants, but His voice was heard seemingly coming from the cloud which encircled Him. He stated that Christ and His twelve apostles still walked the streets, teaching and preaching to the multitude. I asked if he had not meant eleven apostles, for surely Judas would not be admitted to the Heaven world. He assured me, however, that as Judas had paid the penalty of his crime by suffering terrible remorse and creating for himself a veritable hell, his repentance had been noted and he had been allowed to rejoin his fellow disciples. We visited an amphitheatre where there must have been three thousand people gathered together, all wearing white robes, listening to a choir singing to the accompaniment of harps and a

Những con đường dường như được lát bằng vàng ròng; vô số cây cối dọc hai bên đường trĩu nặng đá quý. Những hình tư tưởng của kim cương, ngọc lục bảo, hồng ngọc, ngọc trai v.v. này rất đẹp, nhưng hiệu quả tạo ra hơi giống một hàng cây Giáng sinh kéo dài vô tận. Tôi nhận thấy rằng ít nhất mỗi con đường đều có một nhà thờ; chúng tôi được đưa vào nơi mà người hướng dẫn nói là một trong những nhà thờ Công giáo La Mã nhỏ nhất. Cung thánh là một công trình kiến trúc rất đẹp, còn bàn thờ chính thì có thể tưởng như được chạm khắc từ một viên ngọc trai khổng lồ; một nhạc công đang chơi đàn organ không phải là một nghệ sĩ tầm thường. Người hướng dẫn mời chúng tôi đi thăm các nhà thờ của những giáo phái khác. Tôi hỏi liệu các giáo phái khác nhau có sống tách biệt với nhau không. Ông nói với tôi rằng trong cõi Thiên đường, các giáo phái khác nhau sống đời sống riêng của mình và thực hành giáo huấn riêng của mình, nhưng ở đây không bao giờ có bất hòa, vì mọi người đều nhận ra rằng chân lý đằng sau mọi giáo lý là như nhau và chỉ có các hình thức biểu đạt là khác nhau. Đáp lại một câu hỏi của tôi, ông nói rằng ở đây Thượng đế ngự trị tối cao và thỉnh thoảng viếng thăm Thành phố Vàng; Ngài không được những cư dân bình thường nhìn thấy, nhưng tiếng nói của Ngài được nghe như thể phát ra từ đám mây bao quanh Ngài. Ông nói rằng Đức Christ và mười hai tông đồ của Ngài vẫn đi trên các đường phố, giảng dạy và thuyết giáo cho đám đông. Tôi hỏi có phải ông muốn nói là mười một tông đồ không, vì hẳn Judas sẽ không được nhận vào cõi Thiên đường. Tuy nhiên, ông quả quyết rằng vì Judas đã trả giá cho tội lỗi của mình bằng sự hối hận khủng khiếp và đã tạo ra cho mình một địa ngục thực sự, nên sự ăn năn của y đã được ghi nhận và y đã được phép trở lại với các đệ tử đồng môn của mình. Chúng tôi đến thăm một hí trường nơi hẳn phải có ba ngàn người tụ họp, tất cả đều mặc áo choàng trắng, lắng nghe một ca đoàn hát với tiếng đàn hạc và một cây

silver toned organ; they had the appearance of the angels of the scriptures, but we did not see any seated on clouds playing harps.

We returned to Daphne's cottage where we discussed our experiences and later I met some more of her friends.

On Wednesday evening I was waiting for Acharya when he arrived in my room on the stroke of 10 p.m. Greeting me with "If you are ready, let's be on our way," we started off.

We travelled by the same route as before, via the village on the second sphere, the Academy on the third, the Fairy Glen on the fourth, the Golden City on the fifth and the lake on the sixth. At this last spot I had time to see that two of the little boats were in use, one on the opposite side of the lake, and the second near the opening to the small lake. I had to look for some time before I could see any motion at all, so slowly did they move. This is indeed an ideal spot for a man desiring solitude. As I had not yet visited the seventh sphere and had no focal point on which to concentrate, Acharya told me to hold his hand. When our surroundings became clear again I saw we were standing on the highest point of a range of mountains which Acharya stated was called "World's View"—from here people would take a look at the surrounding world which must last them until their next incarnation. Although the countryside was reasonably well wooded with plenty of flowers in bloom, there were no buildings anywhere and the surroundings had a bleak appearance. I was told that a number of ascetics and holy men spend a large part of their lives under these conditions; I felt pleased that mysticism was not the line which appealed to me. I noticed two people who

đàn organ âm sắc bạc đậm theo; họ có dáng vẻ của các thiên thần trong Kinh Thánh, nhưng chúng tôi không thấy ai ngồi trên mây chơi đàn hạc.

Chúng tôi trở về ngôi nhà nhỏ của Daphne, nơi chúng tôi bàn luận về những trải nghiệm của mình, và sau đó tôi gặp thêm vài người bạn của cô ấy.

Tối thứ Tư tôi đang chờ Acharya thì ông đến phòng tôi đúng 10 giờ đêm. Chào tôi bằng câu: "Nếu anh đã sẵn sàng, chúng ta lên đường thôi," chúng tôi bắt đầu đi.

Chúng tôi đi theo cùng lộ trình như trước, qua ngôi làng ở khối cầu thứ hai, Học viện ở khối cầu thứ ba, Fairy Glen ở khối cầu thứ tư, Thành phố Vàng ở khối cầu thứ năm và hồ ở khối cầu thứ sáu. Ở nơi cuối cùng này tôi có thời gian để thấy rằng có hai chiếc thuyền nhỏ đang được sử dụng, một chiếc ở phía đối diện của hồ, và chiếc thứ hai gần lối mở vào hồ nhỏ. Tôi phải nhìn một lúc lâu mới thấy được chút chuyển động nào, chúng di chuyển chậm đến thế. Đây quả thật là một nơi lý tưởng cho một người mong muốn cô tịch. Vì tôi chưa từng đến khối cầu thứ bảy và không có điểm tập trung nhất tâm nào để tập trung vào, Acharya bảo tôi nắm tay ông. Khi khung cảnh quanh chúng tôi lại trở nên rõ ràng, tôi thấy chúng tôi đang đứng trên điểm cao nhất của một dãy núi mà Acharya nói được gọi là "World's View"—từ đây người ta sẽ nhìn ngắm thế giới chung quanh, và điều đó phải đủ cho họ cho đến lần lâm phạm kế tiếp. Mặc dù miền quê có khá nhiều cây cối và nhiều hoa đang nở, nhưng không có công trình nào ở bất cứ đâu và khung cảnh có vẻ hoang vắng. Tôi được cho biết rằng một số nhà khổ hạnh và thánh nhân sống phần lớn cuộc đời mình trong những điều kiện như thế; tôi cảm thấy hài lòng rằng thần bí học không phải là đường lối hấp dẫn tôi. Tôi nhận thấy hai người trông như một nam và một nữ

looked like a man and a woman gently floating along a valley. Upon asking Acharya who they were, he replied: "Let us go and see." We floated towards them. When we reached them they did not slow their progress, which was little faster than a walking pace, and when Acharya spoke to them they made no reply. I too put a question to the woman who turned her face in my direction but looked through me without uttering a word; her eyes had a blank stare and the face expressed no animation. They floated along on a route which appeared to be circular. My guide told me these were shells left behind by two individuals who had passed to the mental world. Acharya now explained that in order to travel to the mental world we must leave our astral vehicles behind. To ensure that they were properly looked after and not taken possession of by astral entities, he proposed to leave them in the charge of two of his friends whom he could trust. He concentrated deeply and after about a minute told me they were on their way. Almost at once two European men of highly intellectual and spiritual appearance floated towards us. After greetings had been exchanged, Acharya told them what he wished them to do. I was then told to lie flat on my back with my hands folded beneath my head; Acharya took up a similar attitude but allowed his right hand to rest on my forehead. He told me to relax and to endeavour to make my mind a blank.

As Acharya predicted, I am finding it almost impossible to describe in words what the mental world is like. It seemed as if two or three minutes elapsed from the time I was told to relax until I realised that Acharya was talking to me, although he was not using words nor making any sounds whatever. I opened my eyes and found that an amazing stillness prevailed; we seemed to be suspended in space, but we were surrounded

đang nhẹ nhàng trôi dọc theo một thung lũng. Khi hỏi Acharya họ là ai, ông đáp: "Chúng ta hãy đi xem." Chúng tôi trôi về phía họ. Khi đến nơi, họ không hề chậm lại, tốc độ của họ chỉ nhỉnh hơn bước đi bộ một chút, và khi Acharya nói với họ thì họ không trả lời. Tôi cũng hỏi người phụ nữ một câu; cô quay mặt về phía tôi nhưng nhìn xuyên qua tôi mà không thốt một lời nào; mắt cô nhìn trống rỗng và gương mặt không biểu lộ sinh khí gì. Họ trôi theo một lộ trình dường như là hình tròn. Người hướng dẫn của tôi nói với tôi rằng đây là những vỏ thể bị bỏ lại bởi hai cá nhân đã đi sang cõi trí. Lúc này Acharya giải thích rằng để đi đến cõi trí, chúng tôi phải bỏ lại các vận cụ cảm dục của mình. Để bảo đảm chúng được trông nom cẩn thận và không bị các thực thể cảm dục chiếm hữu, ông dự định giao chúng cho hai người bạn của ông mà ông có thể tin cậy. Ông tập trung sâu sắc và khoảng một phút sau bảo tôi rằng họ đang trên đường đến. Gần như ngay lập tức, hai người đàn ông châu Âu có vẻ ngoài rất trí tuệ và tinh thần trôi về phía chúng tôi. Sau khi chào hỏi, Acharya nói với họ điều ông muốn họ làm. Rồi tôi được bảo nằm ngửa, hai tay gập dưới đầu; Acharya cũng nằm theo tư thế tương tự nhưng để bàn tay phải của ông trên trán tôi. Ông bảo tôi thư giãn và cố làm cho thể trí mình trống rỗng.

Đúng như Acharya đã dự đoán, tôi thấy gần như không thể diễn tả bằng lời cõi trí giống như thế nào. Dường như hai hay ba phút đã trôi qua từ lúc tôi được bảo thư giãn cho đến khi tôi nhận ra rằng Acharya đang nói với tôi, mặc dù ông không dùng lời và cũng không phát ra bất kỳ âm thanh nào. Tôi mở mắt ra và thấy một sự tĩnh lặng kỳ lạ đang ngự trị; chúng tôi dường như lơ lửng trong không gian, nhưng chung quanh chúng tôi là đủ loại vật

by all sorts of misty objects, which might or might not have been buildings, landscapes or people. Some of these objects were coloured, but nothing seemed to be very distinct; all of them, even the forms which might have been men, seemed to be changing all the time. I did not actually see them with my eyes, but sensed them in a way which was quite different from anything I had experienced before. I could see the thought-forms that were floating behind me as well as I could see those which were in front of me, thus I did not find it necessary to turn round and face a particular picture in order to see what it was like. It was all very uncanny, and I would perhaps have felt a trifle frightened had I not been in such excellent company. All this time Acharya was sending out thoughts to me, which I received just as clearly as if he had been speaking, and it was obvious that he had received my replies as soon as I had expressed them in my mind. He told me that this was the lowest sphere of the mental world and that it was inhabited mostly by entities of a very low mental development. He pointed out the thought-forms of several people who were living at this level. They were wispy creatures without any apparent solidity; many could hardly be described as concrete forms at all, for they were little more than smoke or cloud that appeared to take human form, but owing to its lack of density did not retain the same outline for any length of time. I have seen similar shapes take form when watching smoke coming from a fire, which almost instantly vanish up the chimney. Under these mental plane conditions Acharya appeared to be a much bigger person than in either the astral or physical worlds, and he appeared clearer cut and much more solid in form than any of the other entities whose forms floated across my vision. His appearance in these surroundings enabled me to appreciate his comparison of the mental body of a man low

thể mờ sương, có thể là hoặc không là các tòa nhà, phong cảnh hay con người. Một số vật thể này có màu sắc, nhưng không gì có vẻ thật rõ rệt; tất cả chúng, ngay cả những hình thể có thể là người, dường như luôn luôn thay đổi. Tôi không thực sự thấy chúng bằng mắt, mà cảm nhận chúng theo một cách hoàn toàn khác với bất cứ điều gì tôi từng trải qua trước đây. Tôi có thể thấy những hình tư tưởng trôi phía sau mình cũng rõ như những hình ở phía trước, vì thế tôi không thấy cần phải quay lại đối diện với một hình ảnh nào đó để xem nó ra sao. Tất cả đều rất kỳ lạ, và có lẽ tôi đã cảm thấy hơi sợ nếu tôi không ở trong một sự đồng hành tuyệt vời đến thế. Suốt thời gian ấy Acharya gửi đến tôi những tư tưởng mà tôi tiếp nhận rõ ràng như thể ông đang nói, và hiển nhiên là ông đã nhận được những câu trả lời của tôi ngay khi tôi biểu đạt chúng trong thể trí mình. Ông nói với tôi rằng đây là khối cầu thấp nhất của cõi trí và phần lớn cư dân ở đây là những thực thể có sự phát triển trí tuệ rất thấp. Ông chỉ cho tôi những hình tư tưởng của vài người đang sống ở cấp độ này. Họ là những sinh thể mỏng nhẹ không có vẻ gì là rắn chắc; nhiều hình hầu như không thể được mô tả là những hình thể cụ thể, vì chúng chẳng hơn gì khói hay mây dường như mang hình người, nhưng do thiếu độ đậm đặc nên không giữ được cùng một đường nét trong bất kỳ khoảng thời gian nào. Tôi đã từng thấy những hình dạng tương tự thành hình khi nhìn khói bốc ra từ lửa, rồi gần như tức khắc tan biến lên ống khói. Trong những điều kiện của cõi trí này, Acharya hiện ra như một người lớn hơn nhiều so với trong cõi cảm dục hay cõi hồng trần, và hình thể của ông hiện ra rõ nét và rắn chắc hơn nhiều so với bất kỳ thực thể nào khác có hình thể trôi ngang qua tầm nhìn của tôi. Diện mạo của ông trong khung cảnh này khiến tôi hiểu được sự so sánh của ông giữa thể trí của một người tiến hoá thấp và của một người tiến hoá hơn với một chiếc giỏ mây đang được đan và chiếc giỏ

in evolution, and that of one more evolved, to a wicker basket in the making and the same when completed.

Acharya told me to come close to him; he placed his hand on my shoulder—although I felt no touch—and said we were now passing to the second sphere. Without any sense of movement such as I had previously experienced, the scene changed in the same way as it does on a cinema screen. Our new surroundings were not very different from those we had left, with the exception that the forms which floated about had a clearer outline.

Acharya asked me to choose a subject on which I would like to have a discussion with one of the permanent inhabitants, and told me to send out thought-forms into the ether asking anyone who was interested in this subject to get in touch with me. Without thinking very much, I chose the subject of comparative religions. Immediately, through the medium of thought-forms, the reply came back in the form of a query as to what religion I belonged to. My thought passed back that I was a Roman Catholic, though not a strict one. The thought which returned was that all religions had their uses, in that they enabled people who could not stand alone to have something on which to lean, and in most cases they acted as a guide in the decisions which they had to make during their lifetimes. He stated that each religion had been started for a specific purpose, but that basically the truths of all were the same.

This thought asserted that the keynote of the Christian religion was love, and in accordance with its philosophy man could only evolve through loving his fellow man and by being tolerant of other men's opinions and actions. The religion started by the Lord Buddha was

ấy khi đã hoàn tất.

Acharya bảo tôi đến gần ông; ông đặt tay lên vai tôi—mặc dù tôi không cảm thấy sự chạm nào—và nói rằng giờ đây chúng tôi đang sang khối cầu thứ hai. Không có cảm giác chuyển động như tôi từng trải qua trước đó, cảnh tượng thay đổi theo cùng cách như trên màn ảnh chiếu phim. Khung cảnh mới của chúng tôi không khác lắm so với nơi vừa rời đi, ngoại trừ các hình thể trôi nổi có đường nét rõ ràng hơn.

Acharya bảo tôi chọn một chủ đề mà tôi muốn thảo luận với một trong những cư dân thường trú, và bảo tôi phát ra những hình tư tưởng vào dĩ thái, hỏi bất cứ ai quan tâm đến chủ đề ấy hãy liên lạc với tôi. Không suy nghĩ nhiều, tôi chọn chủ đề tôn giáo so sánh. Ngay lập tức, qua trung gian của các hình tư tưởng, câu trả lời quay lại dưới dạng một câu hỏi rằng tôi thuộc tôn giáo nào. Tư tưởng của tôi đáp lại rằng tôi là người Công giáo La Mã, dù không quá nghiêm ngặt. Tư tưởng quay trở lại là rằng mọi tôn giáo đều có công dụng của chúng, ở chỗ chúng giúp những người không thể tự đứng vững có một cái gì đó để nương tựa, và trong phần lớn trường hợp chúng đóng vai trò như một người hướng dẫn trong những quyết định mà họ phải đưa ra trong suốt đời sống của mình. Y nói rằng mỗi tôn giáo đều được khởi xướng vì một mục đích riêng, nhưng về căn bản chân lý của tất cả đều như nhau.

Tư tưởng này khẳng định rằng chủ âm của tôn giáo Cơ Đốc là *tình thương*, và theo triết lý của nó, con người chỉ có thể tiến hoá bằng cách yêu thương đồng loại và bằng cách *khoan dung* đối với ý kiến và hành động của người khác. Tôn giáo do Đức Chúa Phật khởi xướng cũng là một

just as fine a philosophy as that preached by the Christ—the keynote of Buddhism was wisdom, and according to its teachings the most important thing in life is to act according to the law of karma through which men suffered or received bene-fits according to their actions, thoughts or words. The tendency of this religion is to eliminate emotion. The great religion known as Hinduism, which was revived by Shri Krishna nearly two thousand years ago, had as its keynote cleanliness and orderly conduct—its orthodox members carried out special ablutions at stated intervals. Islam, founded by Mahomet, has its keynote courage—its followers certainly did not lack that particular virtue. Zoroastrianism, the religion of the Parsees, had gradually been evolved through the many incarnations of Zoroaster. Fire was its sacred symbol and as fire has always been considered a purifier, the keynote of this religion is purity. Members even went so far as to say that fire must not be desecrated to light a cigarette or a pipe. He criticised proselytising in any form and urged me never to try to change a man's faith unless I were perfectly sure that man was seeking for something new and had lost interest in the religion into which he had been born. He said he could never understand an atheist, for no one could be sure that there were neither past nor future lives, but he sympathised with agnostics who were honest people, and only too willing to be convinced if arguments could be found to satisfy them. The pity was that they did not realise that most religious doctrines which concern non-physical conditions could never be proved by physical plane experiment.

I would have liked to have carried on with other subjects, but my guide told me to end the

triết lý cao đẹp không kém triết lý do Đức Christ giảng dạy—chủ âm của Phật giáo là *minh triết*, và theo giáo huấn của nó, điều quan trọng nhất trong đời sống là hành động theo *định luật nghiệp quả* qua đó con người chịu đau khổ hay nhận được lợi ích tùy theo hành động, tư tưởng hay lời nói của mình. Khuynh hướng của tôn giáo này là loại bỏ cảm xúc. Tôn giáo lớn được biết đến là Ấn Độ giáo, được Shri Krishna phục hưng gần hai ngàn năm trước, có chủ âm là *sự thanh sạch* và *hành xử có trật tự*—các tín đồ chính thống của nó thực hiện những nghi thức tắm gội đặc biệt vào những thời điểm nhất định. Hồi giáo, do Mahomet sáng lập, có chủ âm là *dũng cảm*—những tín đồ của nó chắc chắn không thiếu đức tính đặc biệt ấy. Hỏa giáo, tôn giáo của người Parsees, đã dần dần được tiến hoá qua nhiều lần lâm phạm của Zoroaster. Lửa là biểu tượng thiêng liêng của nó, và vì lửa từ lâu vẫn được xem là một chất thanh tẩy, nên chủ âm của tôn giáo này là *sự thanh khiết*. Các tín đồ thậm chí còn đi xa đến mức nói rằng lửa không được xúc phạm bằng cách dùng để châm thuốc lá hay tẩu. Y phê phán việc cải đạo dưới bất kỳ hình thức nào và khuyên tôi đừng bao giờ cố thay đổi đức tin của một người trừ phi tôi hoàn toàn chắc chắn rằng người ấy đang tìm kiếm một điều gì mới và đã mất hứng thú với tôn giáo mà mình sinh ra trong đó. Y nói rằng y không bao giờ có thể hiểu được một người vô thần, vì không ai có thể *chắc chắn* rằng không có những kiếp sống quá khứ hay tương lai, nhưng y cảm thông với những người bất khả tri là những người chân thành, và quá sẵn lòng để được thuyết phục nếu có thể tìm ra những lập luận làm họ thỏa mãn. Điều đáng tiếc là họ không nhận ra rằng phần lớn các giáo lý tôn giáo liên quan đến những điều kiện phi hồng trần thì không bao giờ có thể được chứng minh bằng thí nghiệm của cõi hồng trần.

Tôi muốn tiếp tục với những chủ đề khác, nhưng người hướng dẫn của tôi bảo tôi kết

conversation, as I had had sufficient for one night and probably much more than I could retain in physical consciousness.

I asked if there was no music at this level. Acharya replied by asking which was my favourite symphony. I said I thought it was Beethoven's Choral Symphony, the Ninth. He said: "Make a thought-form of the movement you like best and you will probably have a surprise."

Naturally I thought of the beautiful choral movement and, even as I thought, I heard the music which I loved so well seemingly coming from all around us. I listened, enthralled, until it finished with the final notes of that beautiful work. I do not think I shall ever forget this—the performance was finer in every way than anything that could be imagined under world conditions; the purity of the voices, and the perfection of the playing were beyond anything I had ever conceived as possible.

Acharya told me it was no use trying to remember any focal point, as it would be quite impossible for me to visit the mental world again at my present stage of development. We set about our return journey in the same way as when we came, and after a moment I seemed to wake up in my astral body, still lying in the position in which I had left it, with the two astral helpers "on guard." Both smiled at the consternation on my face, but I still felt exceedingly bewildered by what I had seen. They took leave of us both by bowing politely and moving into the distance. Shortly after, I woke in my bedroom to find that it was 3:15 a.m. I got up and recorded what was still clear in my mind.

On the following night before going to sleep, I

thức cuộc trò chuyện, vì tôi đã có đủ cho một đêm và có lẽ còn nhiều hơn mức tôi có thể giữ lại trong tâm thức hồng trần.

Tôi hỏi ở cấp độ này có âm nhạc không. Acharya đáp lại bằng cách hỏi bản giao hưởng nào tôi thích nhất. Tôi nói tôi nghĩ đó là Bản Giao Hưởng Hợp Xướng số Chín của Beethoven. Ông nói: "Hãy tạo một hình tư tưởng về chương nhạc mà anh thích nhất và có lẽ anh sẽ ngạc nhiên."

Dĩ nhiên tôi nghĩ đến chương hợp xướng tuyệt đẹp ấy và ngay khi tôi nghĩ đến, tôi nghe thấy bản nhạc mà tôi yêu thích đến thế dường như vang lên từ khắp quanh chúng tôi. Tôi lắng nghe, say mê, cho đến khi nó kết thúc bằng những nốt cuối cùng của tác phẩm tuyệt đẹp ấy. Tôi không nghĩ mình sẽ bao giờ quên được điều này—buổi trình diễn ấy vượt trội về mọi phương diện so với bất cứ điều gì có thể tưởng tượng được trong điều kiện thế gian; sự tinh khiết của các giọng hát và sự hoàn hảo của phần trình tấu vượt xa bất cứ điều gì tôi từng nghĩ là có thể.

Acharya bảo tôi rằng không ích gì khi cố nhớ bất kỳ điểm tập trung nhất tâm nào, vì ở giai đoạn phát triển hiện tại tôi hoàn toàn không thể tự mình đến lại cõi trí. Chúng tôi bắt đầu hành trình trở về theo cùng cách như khi đến, và sau một lát tôi dường như tỉnh dậy trong thể cảm dục của mình, vẫn nằm ở tư thế tôi đã rời nó, với hai người phụ tá cảm dục "đứng gác." Cả hai mỉm cười trước vẻ bàng hoàng trên mặt tôi, nhưng tôi vẫn hết sức hoang mang vì những gì mình đã thấy. Họ từ biệt cả hai chúng tôi bằng cách cúi chào lịch sự rồi đi xa dần. Không lâu sau đó, tôi tỉnh dậy trong phòng ngủ và thấy lúc ấy là 3 giờ 15 sáng. Tôi ngồi dậy và ghi lại những gì vẫn còn rõ trong thể trí mình.

Đêm hôm sau, trước khi đi ngủ, tôi quyết định

decided that I would see how Mary was progressing but, when I got out of my body, I found Charles in my room. He had no plans to suggest, so I asked him if he would care to come with me to the London hospital ward—thinking the experience would be helpful for him. He agreed and we set off. Reaching the ward, we found Mary wide awake. I tentatively suggested to Charles that until she was out of her body, we might go to the third sphere and visit Daphne—the proposition had no interest for him at all, so we wandered round the wards till, on our next visit, we found Mary had gone to sleep and disconnected herself from her body.

Mary told me that things had been much better for her since she had seen me last and that Irene had remembered more than she did of what I had said on that occasion. Mary was spending her nights in her old home with her mother and sister, but did not remember much of what took place. I gave her as many hints as I could, taking my own case as a guide. I told her if at any time in the future she wished for my help, to think strongly about me, and I would endeavour to respond.

Charles's only comment on the incident was that Mary was a very pretty girl! He suggested putting in the rest of the night by taking me for a “flip,” as he had always looked forward to showing me that in one thing at least he had much more experience than I had. I agreed, whereupon he produced a thought-form of a two-seater Pussmoth type of plane, in which he piloted me all over Australia explaining the mechanism of the plane by the way. While I was still over that continent I felt the now familiar call and leaving the plane in full flight found myself back in my body in Colombo.

sẽ xem Mary tiến triển ra sao nhưng khi ra khỏi thể xác, tôi thấy Charles ở trong phòng mình. Nó không đề nghị kế hoạch nào, nên tôi hỏi nó có muốn đi cùng tôi đến khu bệnh viện ở Luân Đôn không—nghĩ rằng trải nghiệm ấy sẽ hữu ích cho nó. Nó đồng ý và chúng tôi lên đường. Đến khu bệnh viện, chúng tôi thấy Mary đang thức hoàn toàn. Tôi đề nghị với Charles rằng cho đến khi cô ấy ra khỏi thể xác, chúng tôi có thể lên khối cầu thứ ba thăm Daphne—đề nghị ấy hoàn toàn không hấp dẫn nó, nên chúng tôi đi lang thang quanh các phòng bệnh cho đến lần quay lại sau, chúng tôi thấy Mary đã ngủ và đã tách khỏi thể xác của mình.

Mary nói với tôi rằng mọi việc đã khá hơn nhiều đối với cô ấy kể từ lần cuối cô ấy gặp tôi và rằng Irene nhớ được nhiều hơn cô ấy về những gì tôi đã nói trong dịp ấy. Mary dành các đêm của mình ở ngôi nhà cũ với mẹ và em gái, nhưng không nhớ được nhiều về những gì đã diễn ra. Tôi cho cô ấy nhiều gợi ý nhất có thể, lấy trường hợp của chính mình làm hướng dẫn. Tôi bảo cô ấy rằng nếu bất cứ lúc nào trong tương lai cô ấy cần sự giúp đỡ của tôi, hãy nghĩ mạnh đến tôi, và tôi sẽ cố gắng đáp ứng.

Lời bình luận duy nhất của Charles về sự việc ấy là Mary là một cô gái rất xinh! Nó đề nghị dùng phần còn lại của đêm để đưa tôi đi “lượn một vòng,” vì nó luôn mong được cho tôi thấy rằng ít nhất trong một việc, nó có nhiều kinh nghiệm hơn tôi rất nhiều. Tôi đồng ý, và nó tạo ra một hình tư tưởng của một chiếc máy bay hai chỗ kiểu Pussmoth, trong đó nó lái đưa tôi bay khắp nước Úc, tiện thể giải thích luôn cơ cấu của chiếc máy bay. Khi tôi vẫn còn ở trên lục địa ấy, tôi cảm thấy tiếng gọi quen thuộc và rời chiếc máy bay đang bay hết tốc lực để thấy mình trở lại trong thể xác ở Colombo.

Chapter 11

Acharya arrived ten minutes earlier than usual, whilst I was still finishing my breakfast. It had taken me a considerable time to type out the details of what had happened during the week and I had not dared either to shave or have my bath before finishing that work, in case my memory of last night's activities dimmed and part of it would be lost. He did not seem to mind that I was not quite ready for him; he apologised for being early, seated himself upon the carpet in his usual place and asked if he might read through the notes that I had made. I handed him the typed pages which contained the details of my experiences since he had visited me on Monday last and I asked him why he wanted to see them, adding that I was quite sure he was well aware of what I had been doing.

He replied: "Yes, I have kept in touch with you for I have been given permission to link up with you mentally during the period in which I am responsible for your tuition. After that the link between your mental body and mine will immediately be broken, for we are not allowed to look into other people's minds, except in very special circumstances, similar to those which have applied to our association during the past two weeks. Every man is responsible to himself and to his Creator for what he does, and as you know, he is rewarded or has to suffer in accordance with the thoughts expressed and the deeds enacted. I asked to read through your notes because I want to know how much you remember of what you have done—without reading your record, I do not know that.

He carefully read through to the end and continued: "Your report concerning Tuesday night is quite good, for you remembered most

Acharya đến sớm hơn thường lệ mười phút, khi tôi vẫn còn đang ăn sáng dở. Tôi đã mất khá nhiều thời gian để đánh máy chi tiết những gì đã xảy ra trong tuần và tôi không dám cạo râu hay tắm trước khi hoàn tất công việc ấy, vì sợ ký ức về các hoạt động đêm qua sẽ mờ đi và một phần của nó sẽ bị mất. Ông dường như không bận tâm việc tôi chưa hoàn toàn sẵn sàng cho ông; ông xin lỗi vì đến sớm, ngồi xuống tắm thử ở chỗ quen thuộc của mình và hỏi liệu ông có thể đọc qua những ghi chép tôi đã làm không. Tôi đưa cho ông những trang đánh máy chứa chi tiết các trải nghiệm của tôi kể từ khi ông đến thăm tôi vào thứ Hai tuần trước và hỏi ông tại sao ông muốn xem chúng, thêm rằng tôi hoàn toàn chắc chắn ông biết rất rõ tôi đã làm gì.

Ông đáp: "Đúng vậy, tôi đã giữ liên lạc với anh vì tôi đã được phép chỉnh hợp với anh về mặt trí tuệ trong khoảng thời gian tôi chịu trách nhiệm về việc chỉ dạy anh. Sau đó, mối liên kết giữa thể trí của anh và thể trí của tôi sẽ lập tức bị cắt đứt, vì chúng tôi không được phép nhìn vào thể trí của người khác, trừ trong những hoàn cảnh rất đặc biệt, tương tự như những hoàn cảnh đã áp dụng cho mối liên hệ của chúng ta trong hai tuần qua. Mỗi người đều chịu trách nhiệm trước chính mình và trước Đấng Sáng Tạo của mình về những gì y làm, và như anh biết, y được tưởng thưởng hoặc phải chịu đau khổ tùy theo những tư tưởng được biểu lộ và những hành động được thực hiện. Tôi xin đọc các ghi chép của anh vì tôi muốn biết anh nhớ được bao nhiêu về những gì anh đã làm—nếu không đọc bản ghi của anh, tôi không biết được điều đó.

Ông cẩn thận đọc đến cuối rồi tiếp tục: "Bản tường thuật của anh về tối thứ Ba khá tốt, vì anh nhớ được phần lớn những gì đã xảy ra

of what took place during your visit to the Golden City. You missed out one rather important matter, however, for you have not mentioned that your guide took you to the outskirts of the city and pointed out to you a gathering that was listening to the thought-form they had created, representing Christ speaking to them. Both you and Daphne listened for a short time to what was said. You remarked to your guide that all that Christ was saying had already been recorded in the different gospels of the New Testament. That in itself should have been sufficient proof to you that it was not the great Being, who was known on earth as Christ, who was speaking, but merely the expression of that founder of the Christian faith that was part of the thoughts and minds of His most faithful followers. I am sure that had Christ himself been speaking—and He does live and is still in control of the spiritual development of this planet—the impression of what he said would not so easily have been erased from your memory. Ask Daphne about the incident, when next you see her. She will certainly have remembered it.

“I am pleased with your description of Wednesday night’s experiment, for it is better than I expected. I warned you of the difficulties you would experience in finding words to express mental activities, but I think that all who read your records will understand a little of what you have tried to describe. I am certainly satisfied that you have grasped most of what I tried to tell you in my last talk.

“Your peregrinations of last night need little comment from me. They have their value though, for you now understand that you have to consider the outlook of other people and to a great extent fit in with them, in the astral as on the physical plane. I am quite sure that your protégée Mary will be calling for you

trong chuyến thăm Thành phố Vàng. Tuy nhiên, anh đã bỏ sót một việc khá quan trọng, vì anh không nhắc đến việc người hướng dẫn đã đưa anh ra vùng ngoại ô thành phố và chỉ cho anh một đám đông đang lắng nghe hình tư tưởng mà họ đã tạo ra, tượng trưng cho Đức Christ đang nói với họ. Cả anh lẫn Daphne đều đã lắng nghe một lúc điều được nói ra. anh đã nhận xét với người hướng dẫn rằng tất cả những gì Đức Christ đang nói đều đã được ghi lại trong các sách Phúc Âm khác nhau của Tân Ước. Chỉ riêng điều đó thôi lẽ ra đã phải là bằng chứng đủ cho anh rằng không phải Hữu thể vĩ đại được biết trên trần gian là Đức Christ đang nói, mà chỉ là sự biểu lộ của Đấng sáng lập đức tin Cơ Đốc vốn là một phần trong tư tưởng và thể trí của những tín đồ trung thành nhất của Ngài. Tôi chắc chắn rằng nếu chính Đức Christ đang nói—và Ngài quả thật đang sống và vẫn còn kiểm soát sự phát triển tinh thần của hành tinh này—thì ấn tượng về điều Ngài nói đã không dễ dàng bị xóa khỏi ký ức của anh đến thế. Hãy hỏi Daphne về sự việc ấy khi lần tới anh gặp cô ấy. Chắc chắn cô ấy sẽ nhớ điều đó.

“Tôi hài lòng với mô tả của anh về cuộc thử nghiệm tối thứ Tư, vì nó tốt hơn tôi mong đợi. Tôi đã cảnh báo anh về những khó khăn anh sẽ gặp khi tìm từ ngữ để diễn tả các hoạt động trí tuệ, nhưng tôi nghĩ rằng tất cả những ai đọc ghi chép của anh sẽ hiểu được phần nào điều anh đã cố mô tả. Chắc chắn tôi hài lòng rằng anh đã nắm được phần lớn những gì tôi đã cố nói với anh trong buổi nói chuyện trước.

“Những chuyến lang du đêm qua của anh không cần tôi bình luận nhiều. Tuy vậy, chúng có giá trị của chúng, vì giờ đây anh hiểu rằng anh phải xét đến quan điểm của người khác và ở mức độ lớn phải thích ứng với họ, trong cõi cảm dục cũng như trên cõi hồng trần. Tôi hoàn toàn chắc chắn rằng cô học trò được anh bảo

again in the very near future, and I know that you will endeavour to assist her with the many problems which she will have to face. It will be excellent experience for you.

“Today, in my last talk, I shall first tell you about ‘the third death’ and what happens to the ego after he has dropped his remaining vehicle of consciousness, which we call the mental body, and lives for a period clothed in the only permanent vehicle he possesses—the causal body; I want you to listen very carefully to this, for many students seem to find it difficult to appreciate this information.

“The third death is very similar to the passing from the astral to the mental world, for the man just gradually loses consciousness and, having slipped out of the mental body, finds that he is in his causal body. The causal body is so called because it only functions on what is called the causal level, formed by the sixth and seventh spheres of the mental world. It is known as man’s permanent vehicle because he has had it since he individualised out of the animal kingdom and became a separate human entity.

“The causal level is the natural home of the ego, and here he remains during the periods which we call incarnations, when part of himself is manifesting at lower levels of consciousness and gaining the experiences necessary to free the ego from having to be born again and again in different physical bodies.

“The causal body changes every life merely by the addition to it of the experience the man has accumulated during his last incarnation: for this reason we sometimes refer to it as the ‘reservoir of knowledge.’ An evolved man can

trở lại Mary sẽ lại gọi anh trong một tương lai rất gần, và tôi biết rằng anh sẽ cố gắng giúp cô ấy đối diện với nhiều vấn đề mà cô ấy sẽ phải đương đầu. Đó sẽ là kinh nghiệm tuyệt vời cho anh.

“Hôm nay, trong buổi nói chuyện cuối cùng của tôi, trước hết tôi sẽ nói với anh về ‘cái chết thứ ba’ và điều xảy ra với chân ngã sau khi y đã bỏ vận cụ tâm thức còn lại của mình, cái mà chúng ta gọi là thể trí, và sống một thời gian được khoác trong vận cụ thường tồn duy nhất mà y sở hữu—*thể nguyên nhân*; tôi muốn anh lắng nghe điều này thật cẩn thận, vì nhiều đạo sinh dường như thấy khó lĩnh hội thông tin này.

“Cái chết thứ ba rất giống với sự chuyển từ cõi cảm dục sang cõi trí, vì người ấy chỉ dần dần mất tâm thức và, sau khi trượt ra khỏi thể trí, thấy rằng mình đang ở trong thể nguyên nhân. Thể nguyên nhân được gọi như vậy vì nó chỉ hoạt động trên cái được gọi là cấp độ nguyên nhân, được tạo thành bởi khối cầu thứ sáu và thứ bảy của cõi trí. Nó được biết là vận cụ *thường tồn* của con người vì y đã có nó từ khi y biệt ngã hóa ra khỏi giới động vật và trở thành một thực thể nhân loại riêng biệt.

“Cấp độ nguyên nhân là quê hương tự nhiên của chân ngã, và ở đây y lưu lại trong những giai đoạn mà chúng ta gọi là các lần lâm phạm, khi *một phần của chính y đang biểu hiện ở các cấp độ tâm thức thấp hơn và thu thập những kinh nghiệm cần thiết để giải thoát chân ngã khỏi việc phải sinh ra hết lần này đến lần khác trong những thể xác hồng trần khác nhau.*

“Thể nguyên nhân thay đổi qua mỗi kiếp sống chỉ bằng sự bổ sung vào nó kinh nghiệm mà con người đã tích lũy trong lần lâm phạm cuối cùng của mình: vì lý do này đôi khi chúng ta gọi nó là ‘*kho chứa tri thức*.’ Một người tiến hoá

tap this reservoir at will and draw down to the physical level the experiences of his past lives: this enables him to avoid having to learn certain things every time he has a new physical brain, for, in itself, the brain has no memory of past experiences. For this reason an evolved man has a great advantage over his less evolved brother—but each of us will be in the same position when we reach these stages of development. The most important lesson for us to learn is that it is only through our own efforts that progress can be made.

“More attention would be given to these matters were they better understood and more generally taught by those people who profess to be helpers of mankind. Few of us are able to conceive the fact that the personality discernible at the physical level is but a tiny part of the real man—the ego—yet this ego, or individuality, overshadows and guides that personality to the best of his ability, within the limits allowed by the free will which is granted to all men when they have reached the standard of the human entity.

“At the causal level past, present and future are in reality one. Let me give you a physical plane example to illustrate this. Imagine for a moment a river, that twists and turns every few hundred yards. A man stationed on the deck of a river steamer, puffing its way on the journey it must accomplish, can see only that stretch of river in which the steamer is sailing at the moment. The stretch that exists beyond the bend to its rear, which it has already traversed, is unseen by him, and likewise, the course of the river beyond the curve to which the steamer is now being guided is also unseen. Let us suppose that another man is taking the same route in a helicopter; he would see the whole course of the river in one

có thể khai thác kho chứa này theo ý muốn và kéo xuống cấp độ hồng trần những kinh nghiệm của các kiếp sống quá khứ: điều này giúp y khỏi phải học lại một số điều mỗi khi có một bộ não hồng trần mới, vì tự thân bộ não không có ký ức về những kinh nghiệm quá khứ. Vì lý do này, một người tiến hoá có lợi thế lớn so với huynh đệ kém tiến hoá hơn của mình—nhưng mỗi chúng ta rồi cũng sẽ ở cùng vị trí ấy khi đạt đến những giai đoạn phát triển đó. Bài học quan trọng nhất để chúng ta học là chỉ qua những nỗ lực của chính mình mà sự tiến bộ mới có thể đạt được.

“Người ta sẽ chú ý nhiều hơn đến những vấn đề này nếu chúng được hiểu rõ hơn và được giảng dạy rộng rãi hơn bởi những người tự xưng là những người trợ giúp nhân loại. Ít người trong chúng ta có thể hình dung được sự kiện rằng *phàm ngã* có thể nhận thấy ở cấp độ hồng trần chỉ là *một phần rất nhỏ của con người thực*—chân ngã—thế nhưng chân ngã này, hay cá thể tính, phủ bóng và hướng dẫn phàm ngã ấy theo khả năng tốt nhất của y, trong những giới hạn được cho phép bởi ý chí tự do vốn được ban cho mọi người khi họ đã đạt đến tiêu chuẩn của thực thể nhân loại.

“Ở cấp độ nguyên nhân, quá khứ, hiện tại và tương lai thật ra là một. Hãy để tôi đưa cho anh một ví dụ ở cõi hồng trần để minh họa điều này. Hãy tưởng tượng trong chốc lát một con sông uốn khúc quanh co mỗi vài trăm thước. Một người đứng trên boong một chiếc tàu hơi nước trên sông, phì phò tiến đi trong hành trình nó phải hoàn tất, chỉ có thể thấy đoạn sông mà chiếc tàu đang đi trên đó vào lúc ấy. Đoạn sông nằm ngoài khúc quanh phía sau nó, nơi nó đã đi qua rồi, thì y không thấy được, và tương tự, dòng sông vượt quá khúc quanh mà chiếc tàu hiện đang được lái tới cũng không thấy được. Giả sử một người khác đi cùng tuyến đường ấy bằng trực thăng; y sẽ thấy toàn bộ dòng sông trong một tầm quét dài,

long sweep, the parts at the rear of the steamer and the parts well ahead of its present position being equally clear to his vision. To this man the scenery that the steamer has passed is just as visible as the scenery which meets the eyes of the passengers at the present moment, or that such people will see in the near future. To him there is no past and no future; all is indeed the present. The unevolved and the evolved man resemble the passenger on the steamer as compared to the one on the helicopter.

“At the causal level the ego is shown a full record of his past life in a series of pictures, rather as episodes on a film-strip projector. These pictures show him exactly where he failed in his past life and where he excelled. They also show what his next life is intended to do for him and what changes in his character must be achieved before further progress can be made. The unevolved man sees all this, but owing to his limited intelligence does not grasp its significance in the way it is understood by the intellectual person. He is like the steamer passenger. On the other hand the evolved man, like the man travelling in the helicopter, sees immediately why he made the mistakes in his past life and not only the results of these errors. He determines that he will not fail in the same way in his next life. So the lessons he learnt from these pictures of the past life are built into the structure of his permanent atom—that reservoir of knowledge which contains the essence of his experiences in his past lives—and when the time comes, in a future life, for him to make decisions on similar problems, the voice of conscience, which is the warning sent to him by the ego speaking from the plane on which his reservoir of knowledge exists, ensures that similar mistakes are not made a second time. He realises why it is desirable for him to be born next time into a particular group of people or nation, because

những đoạn phía sau chiếc tàu và những đoạn ở rất xa phía trước vị trí hiện tại của nó đều hiện rõ như nhau trước tầm nhìn của y. Đối với người này, phong cảnh mà chiếc tàu đã đi qua cũng hiển hiện như phong cảnh đang đập vào mắt hành khách lúc này, hay phong cảnh mà những người ấy sẽ thấy trong tương lai gần. Đối với y không có quá khứ và không có tương lai; quả thật tất cả đều là hiện tại. Người chưa tiến hoá và người tiến hoá giống như hành khách trên tàu so với người trên trực thăng.

“Ở cấp độ nguyên nhân, chân ngã được cho thấy một hồ sơ đầy đủ về kiếp sống quá khứ của y trong một loạt hình ảnh, khá giống như các cảnh trên máy chiếu phim cuộn. Những hình ảnh này cho y thấy chính xác chỗ nào y đã thất bại trong kiếp sống quá khứ và chỗ nào y đã vượt trội. Chúng cũng cho thấy kiếp sống kế tiếp của y *được dự định* sẽ làm gì cho y và những thay đổi nào trong tính cách của y phải đạt được trước khi có thể tiến bộ thêm. Người chưa tiến hoá thấy tất cả điều này, nhưng do trí năng hạn chế nên không nắm được thâm nghĩa của nó theo cách mà người trí thức hiểu được. Y giống như hành khách trên tàu. Mặt khác, người tiến hoá, giống như người đi bằng trực thăng, thấy ngay lập tức vì sao y đã phạm những sai lầm trong kiếp sống quá khứ chứ không chỉ thấy kết quả của những sai lầm ấy. Y quyết tâm rằng trong kiếp sống kế tiếp mình sẽ không thất bại theo cùng cách ấy. Vì vậy những bài học y học được từ những hình ảnh của kiếp sống quá khứ được xây dựng vào cấu trúc của Nguyên tử trường tồn của y—kho chứa tri thức ấy, vốn chứa tinh túy của những kinh nghiệm trong các kiếp sống quá khứ của y—và khi đến lúc, trong một kiếp sống tương lai, y phải quyết định về những vấn đề tương tự, tiếng nói lương tâm, vốn là lời cảnh báo được chân ngã gửi đến cho y từ cõi nơi kho chứa tri thức của y tồn tại, sẽ bảo đảm rằng những sai lầm tương tự không bị lặp lại lần thứ hai. Y nhận ra vì sao điều đáng mong muốn là

through such a birth he can obtain the environment that he needs; for this reason there is never any lack of cooperation on his part, when he is shown his future life. He knows only too well that the life arranged for him is the one which is best suited to ensure his greatest progress. To attain this in the shortest possible time is what every ego desires.

“Although we all enjoy our time lived at the egoic level, we have to leave it again in obedience to the law of evolution. We all want to leave when our time comes, for we feel within us the desire for further expression and experience; we know that progress in our evolution can only be achieved through countless lives, lived in the physical world. We realise that we cannot respond fully to the vibrations ruling at the causal level, until we have evolved to a stage where it is no longer necessary for us to be reborn again. That time comes when we have learnt all the lessons which life at the physical level can teach us and then our attention is drawn to other spheres of activity, far beyond the physical or astral levels. Egos who have reached this stage of perfect manhood sometimes decide, of their own volition, to remain in touch with the lower planes of consciousness, merely because of their great love of the human race and their desire to help mankind in its evolution. It is well that there are such great souls, for otherwise the progress of humanity would be much slower than it is at present.

“My description of the method of descent into rebirth should now not be difficult for you to understand, if you remember my previous analogy. The naked ego must clothe himself once again—in other words obtain three new

lần tới mình được sinh vào một nhóm người hay một quốc gia nhất định, bởi vì qua một sự sinh ra như thế y có thể có được môi trường mà mình cần; vì lý do này, về phần mình y không bao giờ thiếu sự hợp tác khi được cho thấy kiếp sống tương lai của mình. Y biết quá rõ rằng kiếp sống được sắp xếp cho y là kiếp sống thích hợp nhất để bảo đảm sự tiến bộ lớn nhất của y. Đạt được điều này trong thời gian ngắn nhất có thể là điều mà mọi chân ngã đều mong muốn.

“Mặc dù tất cả chúng ta đều hưởng thời gian sống ở cấp độ chân ngã, chúng ta vẫn phải rời nó một lần nữa để tuân theo định luật tiến hoá. Tất cả chúng ta đều muốn rời đi khi thời điểm đến, vì chúng ta cảm thấy trong mình khát vọng được biểu lộ và trải nghiệm thêm; chúng ta biết rằng sự tiến bộ trong tiến hoá của mình chỉ có thể đạt được qua vô số kiếp sống trong thế giới hồng trần. Chúng ta nhận ra rằng mình không thể đáp ứng trọn vẹn với những rung động chi phối ở cấp độ nguyên nhân cho đến khi đã tiến hoá đến một giai đoạn mà việc tái sinh không còn cần thiết nữa. Thời điểm ấy đến khi chúng ta đã học xong mọi bài học mà đời sống ở cấp độ hồng trần có thể dạy cho chúng ta, và khi ấy sự chú ý của chúng ta được hướng đến những khối cầu hoạt động khác, vượt xa các cấp độ hồng trần hay cảm dục. Những chân ngã đã đạt đến giai đoạn nhân tính hoàn hảo này đôi khi tự nguyện quyết định vẫn giữ liên hệ với các cõi tâm thức thấp hơn, chỉ vì tình thương lớn lao của họ đối với nhân loại và khát vọng giúp nhân loại trong tiến hoá của mình. Thật tốt là có những linh hồn vĩ đại như thế, vì nếu không, sự tiến bộ của nhân loại sẽ chậm hơn hiện nay rất nhiều.”

“Giờ đây, mô tả của tôi về phương pháp giáng xuống để tái sinh hẳn không khó cho anh thấu hiểu, nếu anh nhớ phép loại suy trước đây của tôi. Chân ngã trần trụi phải khoác lại y phục một lần nữa—nói cách khác, phải có được ba

bodies through which he can function on the planes of consciousness applicable to them: The first body he must obtain is made of mental matter (his underclothes) and to achieve this he turns his attention to his permanent atom in which, as you will remember, he has retained molecules corresponding to all the spheres which exist at the mental level. Taking the mental atom, he vivifies it and begins to draw around it other mental atoms from the matter which exists at the mental level, in the same way that a crystal, dropped into a solution, will cause other crystals to form around it. The matter that is drawn round him takes the form of his last mental body—the one he dropped at the end of his sojourn at the mental level—with one small difference; it is a better mental vehicle of consciousness than the last one, because it includes in it the result of his mental efforts in his past incarnation. He returns to this new life with a mental body that contains all the knowledge which he has built up in all his past lives, but still has no knowledge at all concerning the subjects he has so far neglected to study. This shows why some men in the world differ so greatly from others; their intellects are different because they possess different grades of mental bodies. Therefore a man who is the possessor of a fine intellect, acquired through experience in many lives, should never take advantage of one who has less experience than himself—his task is to help not to hinder all his younger brothers.

“After creating for himself a new mental body, he goes a step further. He turns his attention to the astral atom and vivifies that. It at once gathers round itself other astral matter of exactly the same kind that he had in his last astral body, at the time when he dropped it. This means that all the emotional progress he made in his last life is included in the new

thể mới để y có thể hoạt động trên các cõi tâm thức thích hợp với chúng: thể thứ nhất y phải có được được tạo bằng vật chất trí tuệ (đồ lót của y), và để đạt được điều này y hướng sự chú ý đến nguyên tử trường tồn của mình, trong đó, như anh sẽ nhớ, y đã giữ lại các phân tử tương ứng với mọi khối cầu hiện hữu ở cấp độ trí tuệ. Lấy nguyên tử trí tuệ ấy, y tiếp sinh lực cho nó và bắt đầu hút quanh nó những nguyên tử trí tuệ khác từ vật chất hiện hữu ở cấp độ trí tuệ, cũng như một tinh thể, khi được thả vào một dung dịch, sẽ khiến các tinh thể khác hình thành quanh nó. Vật chất được hút quanh y mang hình dạng của thể trí cuối cùng của y—thể mà y đã bỏ lại vào cuối thời gian lưu trú của mình ở cấp độ trí tuệ—với một khác biệt nhỏ; đó là một vận cụ tâm thức trí tuệ tốt hơn thể trước, vì nó bao gồm kết quả những nỗ lực trí tuệ của y trong lần lâm phạm trước. Y trở lại sự sống mới này với một thể trí chứa đựng toàn bộ tri thức mà y đã xây dựng trong tất cả các kiếp quá khứ, nhưng vẫn hoàn toàn không có tri thức nào về những chủ đề mà cho đến nay y đã bỏ bê không học. Điều này cho thấy vì sao một số người trong thế giới khác biệt quá lớn với những người khác; trí năng của họ khác nhau vì họ sở hữu những cấp độ thể trí khác nhau. Vì thế, một người sở hữu một trí năng tinh tế, có được nhờ kinh nghiệm qua nhiều kiếp sống, không bao giờ nên lợi dụng người có ít kinh nghiệm hơn mình—nhiệm vụ của y là giúp đỡ chứ không phải cản trở tất cả những người em trẻ hơn của mình.

“Sau khi tạo cho mình một thể trí mới, y tiến thêm một bước. Y hướng sự chú ý đến nguyên tử cảm dục và tiếp sinh lực cho nó. Lập tức nó tập hợp quanh mình vật chất cảm dục khác đúng cùng loại mà y đã có trong thể cảm dục cuối cùng của mình vào lúc y bỏ nó lại. Điều này có nghĩa là toàn bộ tiến bộ cảm xúc mà y đã đạt được trong kiếp sống trước đều được

astral body (his suit of clothes) which will serve him for this new existence. This new body contains within it the results of the work he did during the years he lived under the astral plane conditions; for example if he had studied music deeply he will have an urge, in his next physical life, to take up music either as a profession or as a relaxation, and the development of musical talent will be very easy for him. The new astral body is much more sensitive than the old one; that is to say, it is able to register emotions more strongly than its predecessor.

“He must next have a physical body (his overcoat). This is acquired through the medium of being born in the normal way into a family in the world. The body is not necessarily a better type than that of the previous incarnation—much depends on the lessons which have to be learned in the new life, and the body given is the one needed at the moment. The first decision to be made is what changes in the character have to be accomplished. The answer to this decides various matters, the first of which is into which nation an ego will be born—for every nation has outstanding qualities. As you are British, I shall take your nation as an example of this. Devotion to duty is perhaps the most outstanding quality of the British character. If the ego coming into incarnation has, in his previous lives, refused to face up to difficulties—he might even have been so cowardly as to have committed suicide in one of his former lives—he obviously lacks the qualities that are so strongly a part of the British nation, so a life as a member of that group of families would undoubtedly build into the character of that individual what he needs at the moment, and at the end of that life his character will have altered considerably. When the nation in which the ego is to be born has been decided upon, it becomes necessary for a suitable

bao gồm trong thể cảm dục mới (bộ quần áo của y), thể sẽ phục vụ y trong kiếp hiện hữu mới này. Thể mới này chứa trong nó kết quả công việc y đã làm trong những năm y sống dưới các điều kiện của cõi cảm dục; chẳng hạn nếu y đã học nhạc một cách sâu sắc thì trong kiếp sống hồng trần kế tiếp y sẽ có một thôi thúc muốn theo đuổi âm nhạc hoặc như một nghề nghiệp hoặc như một sự thư giãn, và việc phát triển tài năng âm nhạc sẽ rất dễ dàng đối với y. Thể cảm dục mới nhạy cảm hơn nhiều so với thể cũ; nghĩa là nó có thể ghi nhận cảm xúc mạnh hơn thể tiền nhiệm của nó.

“Tiếp theo y phải có một thể xác (áo khoác ngoài của y). Thể này có được qua trung gian việc được sinh ra theo cách bình thường vào một gia đình trong thế giới. Thể ấy không nhất thiết là một kiểu tốt hơn thể của lần lâm phạm trước—nhiều điều tùy thuộc vào những bài học phải được học trong kiếp sống mới, và thể được ban cho là thể cần thiết vào lúc đó. Quyết định đầu tiên phải được đưa ra là những thay đổi nào trong tính cách cần phải được hoàn thành. Câu trả lời cho điều này quyết định nhiều vấn đề khác nhau, trước hết là chân ngã sẽ sinh vào quốc gia nào—vì mỗi quốc gia đều có những phẩm tính nổi bật. Vì anh là người Anh, tôi sẽ lấy quốc gia của anh làm ví dụ cho điều này. Tận tụy với bổn phận có lẽ là phẩm tính nổi bật nhất của tính cách người Anh. Nếu chân ngã đang lâm phạm, trong các kiếp trước của mình, đã từ chối đối diện với khó khăn—thậm chí có thể đã hèn nhát đến mức tự sát trong một kiếp trước nào đó—thì hiển nhiên y thiếu những phẩm tính vốn là phần rất mạnh mẽ của quốc gia Anh, vì vậy một kiếp sống như một thành viên của nhóm gia đình ấy chắc chắn sẽ xây dựng vào tính cách của cá nhân đó điều mà y cần vào lúc ấy, và vào cuối kiếp sống đó tính cách của y sẽ thay đổi đáng kể. Khi quốc gia mà chân ngã sẽ sinh vào đã được quyết định, thì cần phải chọn một gia đình thích hợp trong quốc gia ấy—đây

family in that nation to be chosen—this is an intricate matter demanding much attention to detail and is one which is never left to chance. Although there might be dozens of families which could give him the environment he needs, it might be impossible for him to be considered for many of these because his actions in the past may have been such that he has not deserved the privilege of being born into such desirable circumstances. A family must be chosen through which he will come into contact with some of the personal links he has made in the past. Links are made through love, hate, marriage, parentage, being the father of an illegitimate child, deserting a woman in trouble and so on, and any karma made in these ways must be worked out. The question of heredity is another decision which has to be made and consideration is given as to whether the ego deserves health or must suffer from diseases; whether he is to be plain or handsome; the type of brain he deserves. The personal suitability of the parents receives consideration, the type of parents and the suitability of their marriage partnerships; whether the ego is to be born to a mother who wants a child and will therefore do all in her power to give him a suitable start in life; to parents who will treat him as a separate ego, considering his aptitudes, when a child, such as can be revealed by an urge to study music—which he may have acquired during his last astral visit; to those who will frustrate him by paying no attention to such urges and interfere with his movements even when he is grown up; to people who will show tolerance in regard to religion or to those who will not.

“These arrangements having been made, and a suitable astrological moment chosen, the child is born. It is now the task of the ego to overcome any obstacles of birth and environment with which he has been faced;

là một vấn đề phức tạp đòi hỏi nhiều chú ý đến chi tiết và không bao giờ bị phó mặc cho ngẫu nhiên. Mặc dù có thể có hàng chục gia đình có thể cho y môi trường mà y cần, nhưng có thể y không thể được xét đến trong nhiều gia đình ấy vì những hành động của y trong quá khứ có thể đã khiến y không xứng đáng với đặc ân được sinh vào những hoàn cảnh đáng mong muốn như vậy. Phải chọn một gia đình qua đó y sẽ tiếp xúc với một số liên kết cá nhân mà y đã tạo ra trong quá khứ. Các liên kết được tạo ra qua tình yêu, thù ghét, hôn nhân, quan hệ cha mẹ con cái, làm cha của một đứa con ngoài giá thú, bỏ rơi một người phụ nữ đang hoạn nạn, v.v., và bất kỳ nghiệp quả nào được tạo ra theo những cách ấy đều phải được giải quyết. Vấn đề di truyền là một quyết định khác phải được đưa ra, và người ta cân nhắc xem chân ngã có xứng đáng được khỏe mạnh hay phải chịu bệnh tật; y sẽ bình thường hay đẹp đẽ; kiêu bộ nào mà y xứng đáng có. Sự thích hợp cá nhân của cha mẹ được xem xét, kiểu cha mẹ và sự thích hợp của quan hệ hôn phối của họ; liệu chân ngã sẽ được sinh ra với một người mẹ *muốn* có con và do đó sẽ làm mọi điều trong khả năng của mình để cho y một khởi đầu thích hợp trong đời; với cha mẹ sẽ đối xử với y như một chân ngã riêng biệt, lưu ý đến các năng khiếu của y khi còn là một đứa trẻ, chẳng hạn như có thể được bộc lộ qua một thôi thúc học nhạc—điều mà y có thể đã đạt được trong chuyến viếng thăm cảm dục cuối cùng của mình; hay với những người sẽ làm y thất vọng vì không chú ý gì đến những thôi thúc như thế và can thiệp vào các hoạt động của y ngay cả khi y đã trưởng thành; với những người sẽ tỏ ra khoan dung về tôn giáo hay với những người sẽ không như vậy.

“Khi những sắp đặt này đã được thực hiện, và một thời điểm chiêm tinh thích hợp đã được chọn, đứa trẻ được sinh ra. Giờ đây nhiệm vụ của chân ngã là vượt qua bất kỳ chướng ngại nào của sự sinh ra và môi trường mà y phải đối

sometimes men who have ultimately been leaders of nations have been born into poor and frustrating homes. The man who succeeds in overcoming the obstacles put in his path will make certain of associating with a family of high principles in desirable circumstances when his case is again considered for a further life in the physical world.

“Before concluding I must touch on the vital subject of child upbringing. From what I have told you, you can realise that an ego can be much helped or hindered in his evolution by the attitude which his parents adopt to this subject. There are relatively so few people who have focused their attention upon the needs of children that it is now becoming difficult to find families suitable for the task of guiding advanced egos in their journeys.

“In order that you may realise the extreme importance of the upbringing of children, I shall first mention a few of the salient facts concerning human development. The development of man is divided into seven-year periods, each marked by the appearance of a new power or quality. These steps are intimately associated with the developmental activities of the ductless glands in the physical body. What is termed “birth” is indeed only the birth of the visible physical body which comes to its high state of efficiency in a shorter time than do the invisible bodies of the ego. The physical foetus is enclosed in the protecting womb of the mother during gestation; in like manner the subtle vehicles—the etheric, astral and mental bodies of which I have endeavoured to give you some small degree of understanding in these talks—are enclosed in protecting envelopes of ether, desire stuff and mind stuff within the womb

diện; đôi khi những người cuối cùng đã trở thành lãnh tụ quốc gia lại được sinh ra trong những gia đình nghèo khó và gây thất vọng. Người nào thành công trong việc vượt qua những chướng ngại đặt trên đường mình sẽ chắc chắn được kết hợp với một gia đình có nguyên tắc cao trong những hoàn cảnh đáng mong muốn khi trường hợp của y lại được xét đến cho một kiếp sống nữa trong thế giới hồng trần.

“Trước khi kết thúc tôi phải đề cập đến chủ đề thiết yếu là việc nuôi dạy trẻ em. Từ những gì tôi đã nói với anh, anh có thể chứng nghiệm rằng một chân ngã có thể được giúp đỡ rất nhiều hoặc bị cản trở trong tiến hoá của mình bởi thái độ mà cha mẹ y áp dụng đối với chủ đề này. Có tương đối quá ít người đã tập trung sự chú ý vào các nhu cầu của trẻ em đến nỗi hiện nay ngày càng khó tìm được những gia đình thích hợp cho nhiệm vụ hướng dẫn các chân ngã tiến bộ trong những hành trình của họ.

“Để anh có thể chứng nghiệm tầm quan trọng cực độ của việc nuôi dạy trẻ em, trước hết tôi sẽ nêu ra một vài sự kiện nổi bật liên quan đến sự phát triển của con người. Sự phát triển của con người được chia thành các giai đoạn bảy năm, mỗi giai đoạn được đánh dấu bằng sự xuất hiện của một quyền năng hay phẩm tính mới. Những bước này gắn bó mật thiết với các hoạt động phát triển của các tuyến không ống trong thể xác. Điều được gọi là “sinh ra” thật ra chỉ là sự sinh ra của thể xác hữu hình, thể đạt đến trạng thái hiệu quả cao của nó trong thời gian ngắn hơn các thể vô hình của chân ngã. Thai nhi hồng trần được bao bọc trong tử cung bảo vệ của người mẹ trong thời kỳ thai nghén; cũng vậy, các vận cụ vi tế—thể dĩ thái, thể cảm dục và thể trí mà trong những cuộc nói chuyện này tôi đã cố gắng đem lại cho anh một mức độ hiểu biết nào đó—được bao bọc trong những lớp vỏ bảo vệ bằng dĩ thái, chất liệu dục vọng và chất liệu trí tuệ trong tử cung của Vũ trụ,

of the Universe, or Nature, until such time as they are sufficiently mature to withstand the conditions of the world. Physical development in the womb cannot be hastened so, in like manner, no attempt should be made to hasten the development of the non-physical bodies whilst still protected in the womb of nature—this must just be allowed to proceed, under suitable child guidance. Therefore parents must be prepared to be guides, counselors and friends of their children till they reach the age of twenty-one years, at which time their mental bodies are in the condition to take over; then, in order that the child may become a self-confident adult, all parental control must cease. Thereafter a parent should only proffer advice if this is asked for, on account of his greater experience. To keep an adult attached to parental ‘apron strings’ as is frequently done on one pretext or another by selfish parents is damaging to both child and parent.

“The first three septennial periods of man’s development are marked by the birth, or coming to completion, of the etheric body at the age of seven years, the time of the second dentition, the astral or desire body at fourteen years, the time of puberty, whilst the mental body which completes the man does not come into full activity till the age of twenty-one. In the newborn child only the negative qualities of these bodies are active and, before it can make full use of its different vehicles, the positive qualities of each must be ripened. During the first seven years of life, the forces operating along the negative pole of the ether are active; thus children of this age have clairvoyance of the same negative character as mediums. This is the reason why it is quite normal for young children to have playmates invisible to grown-ups. Later, in the same way, the forces working in the desire body give only a passive capacity for feeling until

hay Thiên nhiên, cho đến khi chúng đủ trưởng thành để chịu đựng các điều kiện của thế giới. Sự phát triển hồng trần trong tử cung không thể bị thúc ép; cũng vậy, không nên có bất kỳ nỗ lực nào nhằm thúc đẩy sự phát triển của các thể phi hồng trần khi chúng vẫn còn được bảo vệ trong tử cung của thiên nhiên—điều này chỉ nên được để cho tiến triển dưới sự hướng dẫn trẻ em thích hợp. Vì thế cha mẹ phải sẵn sàng làm người hướng dẫn, cố vấn và anh hữu của con cái mình cho đến khi chúng đạt tuổi hai mươi một, lúc mà các thể trí của chúng ở trong tình trạng có thể đảm nhận; rồi, để đứa trẻ có thể trở thành một người trưởng thành tự tin, *mọi sự kiểm soát của cha mẹ phải chấm dứt*. Sau đó, cha mẹ chỉ nên đưa ra lời khuyên nếu điều này được yêu cầu, do kinh nghiệm lớn hơn của mình. Giữ một người trưởng thành bị ràng buộc vào ‘dây tạp dề’ của cha mẹ như thường được làm dưới cờ này hay cờ khác bởi những cha mẹ ích kỷ là điều gây tổn hại cho cả con lẫn cha mẹ.

“Ba giai đoạn bảy năm đầu tiên trong sự phát triển của con người được đánh dấu bởi sự sinh ra, hay hoàn tất, của thể dĩ thái ở tuổi bảy, thời kỳ thay răng lần thứ hai, của thể cảm dục hay thể dục vọng ở tuổi mười bốn, thời kỳ dậy thì, trong khi thể trí hoàn tất con người thì không đi vào hoạt động đầy đủ cho đến tuổi hai mươi một. Ở đứa trẻ mới sinh chỉ có các phẩm tính âm của những thể này là hoạt động, và trước khi nó có thể sử dụng đầy đủ các vận cụ khác nhau của mình, các phẩm tính dương của mỗi thể phải được làm cho chín muồi. Trong bảy năm đầu đời, các mãnh lực hoạt động dọc theo cực âm của dĩ thái là hoạt động; vì thế trẻ em ở tuổi này có thông nhãn mang cùng tính chất âm như các đồng tử. Đây là lý do vì sao việc trẻ nhỏ có những anh chơi vô hình đối với người lớn là hoàn toàn bình thường. Về sau, cũng theo cách ấy, các mãnh lực hoạt động trong thể dục vọng chỉ đem lại một khả năng cảm nhận thụ động cho đến khi các phẩm tính

the positive qualities develop; although emotions are freely displayed at this time, they are of a fleeting quality, never lasting. The years between fourteen and twenty-one, when the desire nature is boisterous and uncontrolled, are perhaps the most difficult years for parents to deal with, for they must learn to practise the utmost tolerance and understanding at this time. Children are extremely sensitive to the forces working along the negative pole of the mind; this is the reason why they are so extremely imitative and teachable and must be understandingly dealt with till the positive qualities take over. As soon as this happens the ego is ready and eager to stand alone, and must be allowed to do so. He will make mistakes, we have all done so, it is one of the most important ways in which we learn our lessons.

“In the early days of man’s appearance on earth he received little assistance from his parents who themselves had insufficient experience in evolution to give help to others, but in these later days conditions are so different that parentcraft should be regarded as a science which it is necessary for all to study. The parents who practise planned parenthood and have only two or three children to care for, who have the necessary time to study and are prepared to do so are able to equip themselves with the knowledge through which they can become suitable guides for children. Parents must realise that children are not playthings given to them to do with what they will, but they are fellow beings who have been entrusted to their care and guidance by the powers-that-be. The suitability of the guidance given to these fellow beings is one of the most important tasks humanity is given to perform; under the law of karma parents will be held responsible for the manner in which they carry out this work and their own journey along the

dương phát triển; mặc dù cảm xúc được biểu lộ tự do vào thời kỳ này, chúng có phẩm tính thoáng qua, không bao giờ kéo dài. Những năm từ mười bốn đến hai mươi mốt, khi bản chất dục vọng sôi nổi và không được kiểm soát, có lẽ là những năm khó xử lý nhất đối với cha mẹ, vì vào lúc này họ phải học cách thực hành sự khoan dung và thấu hiểu cao độ nhất. Trẻ em cực kỳ nhạy cảm với các mãnh lực hoạt động dọc theo cực âm của trí tuệ; đây là lý do vì sao chúng rất bắt chước và dễ dạy đến thế, và phải được đối xử với sự thấu hiểu cho đến khi các phẩm tính dương tiếp quản. Ngay khi điều này xảy ra, chân ngã đã sẵn sàng và háo hức đứng một mình, và phải được phép làm như vậy. Y sẽ phạm sai lầm, tất cả chúng ta đều đã như thế, đó là một trong những cách quan trọng nhất để chúng ta học các bài học của mình.

“Trong những ngày đầu con người xuất hiện trên trái đất, y nhận được rất ít sự trợ giúp từ cha mẹ, những người bản thân họ có quá ít kinh nghiệm trong tiến hoá để giúp đỡ người khác, nhưng trong những ngày sau này các điều kiện đã khác đến mức việc làm cha mẹ nên được xem như một khoa học mà mọi người đều cần nghiên cứu. Những cha mẹ thực hành việc làm cha mẹ có kế hoạch và chỉ có hai hay ba con để chăm sóc, có thời gian cần thiết để học hỏi và sẵn sàng làm như vậy, có thể trang bị cho mình tri thức nhờ đó họ có thể trở thành những người hướng dẫn thích hợp cho trẻ em. Cha mẹ phải chứng nghiệm rằng trẻ em không phải là đồ chơi được ban cho họ để muốn làm gì thì làm, mà là những đồng loại đã được giao phó cho sự chăm sóc và hướng dẫn của họ bởi các quyền lực đang cai quản. Sự thích hợp của sự hướng dẫn được trao cho những đồng loại này là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất mà nhân loại được giao thực hiện; dưới định luật nghiệp quả, cha mẹ sẽ bị quy trách nhiệm về cách thức họ thực hiện công việc này và hành trình riêng của họ

evolutionary path will be hastened or retarded accordingly.

“All normal girls look forward to marriage, having a home of their own and children; this is good, because it is of primary importance that a small child should be reared in a household where it is loved and wanted. To be successful and efficient wives, however, girls should, before marriage, give attention to such subjects as household management and domestic routine; the spending of money so as to get the best value for it; the selection, preparation and cooking of nutritious foodstuffs; they should understand the importance of sufficient rest and sleep; the benefits to be derived from fresh air and sunlight and the importance of both physical and mental culture. But in order to be successful mothers, they require to study still more deeply, for they should begin to delve into some of the mysteries of Nature. In this study they should not be alone, for family responsibilities should be shared equally between fathers and mothers. Each has a part to play and a contribution to make in the upbringing of children. Wise parentcraft can only be practiced by parents who have made at least some study of human development and who are willing to make some personal sacrifices. Adequately to perform the tasks allotted to them, parents must be prepared to teach by their own example, because there is nothing in the world so imitative as a child—in fact imitation is its main method of growth—so they must train themselves never to do anything they would be unwilling to see copied.

“In the guiding of the emotional development of a child there are two subjects which should be freely discussed in the home from the child’s earliest years—one is sex and the other

trên con đường tiến hoá sẽ được thúc đẩy hay làm chậm lại tương ứng.

“Mọi cô gái bình thường đều mong chờ hôn nhân, có một mái ấm riêng và con cái; điều này là tốt, vì điều tối quan trọng là một đứa trẻ nhỏ phải được nuôi dưỡng trong một gia đình nơi nó được yêu thương và được mong muốn. Tuy nhiên, để trở thành những người vợ thành công và hữu hiệu, trước khi kết hôn các cô gái nên chú ý đến những chủ đề như quản lý gia đình và nề nếp nội trợ; chi tiêu tiền bạc sao cho đạt giá trị tốt nhất; chọn lựa, chuẩn bị và nấu nướng các thực phẩm bổ dưỡng; họ nên hiểu tầm quan trọng của sự nghỉ ngơi và giấc ngủ đầy đủ; những lợi ích có được từ không khí trong lành và ánh nắng mặt trời, và tầm quan trọng của cả việc trau dồi hồng trần lẫn trí tuệ. Nhưng để trở thành những người mẹ thành công, họ cần nghiên cứu còn sâu hơn nữa, vì họ nên bắt đầu đào sâu vào một số huyền nhiệm của Thiên nhiên. Trong việc học này họ không nên đơn độc, vì trách nhiệm gia đình phải được chia sẻ bình đẳng giữa cha và mẹ. Mỗi người đều có một vai trò phải đảm nhận và một đóng góp phải thực hiện trong việc nuôi dạy con cái. Nghệ thuật làm cha mẹ minh triết chỉ có thể được thực hành bởi những cha mẹ đã ít nhất có nghiên cứu nào đó về sự phát triển của con người và sẵn sàng thực hiện một số hy sinh cá nhân. Để thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ được giao cho mình, cha mẹ phải sẵn sàng dạy dỗ *bằng chính tấm gương của mình*, bởi vì trên thế giới không có gì bắt chước nhiều như một đứa trẻ—thật vậy, sự bắt chước là phương pháp tăng trưởng chính của nó—vì thế họ phải tự rèn luyện để không bao giờ làm bất cứ điều gì mà họ không muốn thấy bị sao chép.

“Trong việc hướng dẫn sự phát triển cảm xúc của một đứa trẻ có hai chủ đề nên được thảo luận tự do trong gia đình từ những năm đầu tiên của đứa trẻ—một là giới tính và một là tôn

is religion. In their preparation for parenthood parents will have studied biology as affecting the plant, animal and human kingdoms; hence, they should have no difficulty in telling quite small children the principles of reproduction of the different kingdoms, as suited to their years and understanding. For the very young they can make up fascinating fairy stories dealing with the plant kingdom. They can show the child the pistillate flowers, which they will liken to girls, and the staminate flowers, which they will liken to boys, they can show them the pollen in the anthers of the flowers and the pollen baskets on the legs of bees.

“In the same way religion can be dealt with in an ordinary manner. No child can be expected to understand the doctrines and dogmas of the different religions; the consideration of that can wait till he has reached the age of thinking for himself. Religious instruction applicable to the age we are living in, and the one soon to come, is to be found in the life and teachings of Christ during His earthly sojourn in the body of Jesus, in that of the Lord Buddha and the other Founders of Religions. If we all knew and appreciated nothing else, we should have splendid patterns to live up to. Therefore let the teaching of religion to the young be that of the great dramas of the lives of these Teachers—lives which were sublime lessons of the possibilities of man. As with sex instruction this must be presented in a form suitable to the stage of understanding of the child—from a Bible, from stories written in more simple language and above all from parental example. If parents know and put into practice the Sermon on the Mount their children will exhibit those ‘patterns of reaction to life’ which will serve as a solid foundation of the understanding of Universal Love and Universal Brotherhood.

giáo. Trong sự chuẩn bị cho vai trò làm cha mẹ, cha mẹ sẽ đã nghiên cứu sinh học liên quan đến giới thực vật, giới động vật và giới nhân loại; vì thế, họ không nên gặp khó khăn gì trong việc nói cho những đứa trẻ còn rất nhỏ biết các nguyên lý sinh sản của những giới khác nhau, phù hợp với tuổi tác và sự thấu hiểu của chúng. Đối với trẻ rất nhỏ, họ có thể bịa ra những truyện thần tiên hấp dẫn liên quan đến giới thực vật. Họ có thể chỉ cho đứa trẻ những bông hoa cái, mà họ sẽ ví như các bé gái, và những bông hoa đực, mà họ sẽ ví như các bé trai; họ có thể chỉ cho chúng phấn hoa trong các bao phấn của hoa và các giỏ phấn trên chân ong.

“Cũng theo cách ấy, tôn giáo có thể được đề cập đến một cách bình thường. Không thể mong đợi một đứa trẻ hiểu được các giáo lý và tín điều của những tôn giáo khác nhau; việc xem xét điều đó có thể chờ cho đến khi nó đạt đến tuổi tự suy nghĩ. Sự giáo huấn tôn giáo thích hợp với thời đại chúng ta đang sống, và thời đại sắp đến, được tìm thấy trong cuộc đời và giáo huấn của Đức Christ trong thời gian Ngài lưu lại trên trần thế trong thể của Đức Jesus, trong cuộc đời của Đức Phật và các Đấng Sáng Lập Tôn Giáo khác. Nếu tất cả chúng ta không biết và không trân trọng gì khác ngoài điều đó, chúng ta cũng đã có những mô hình tuyệt vời để sống theo. Vì thế, hãy để việc dạy tôn giáo cho người trẻ là việc dạy về những vở kịch lớn lao trong cuộc đời của các Huấn sư này—những cuộc đời là những bài học siêu tuyệt về các khả năng của con người. Cũng như với giáo dục giới tính, điều này phải được trình bày dưới một hình thức thích hợp với giai đoạn thấu hiểu của đứa trẻ—from Kinh Thánh, từ những câu chuyện được viết bằng ngôn ngữ đơn giản hơn, và trên hết là từ tấm gương của cha mẹ. Nếu cha mẹ biết và thực hành Bài Giảng trên Núi, con cái họ sẽ biểu lộ những ‘mô hình phản ứng với cuộc sống’ sẽ làm nền tảng vững chắc cho sự thấu hiểu về Tình Thương

“The parents who have acquired tolerance and understanding, through schooling themselves to see through the eyes of their children, approach things from their standpoint, touch with their fingers, question with their minds, will, when their task of child education is finished, be in the very best position for getting to know themselves and for helping their fellow men tolerantly and wisely, which should be their task at this period of their own development—a task which can in its turn bring into being the positive qualities of their own spiritual make-up.

“I have been able to give you only a very brief outline of the importance of parental guidance and example in child education—in the time at my disposal I am unable to go more deeply into the question of methods for such education. All I can do is to point out that the need for this has at no time been greater or more urgent than it is in the world today. If parents continue to shirk their responsibilities, if they are unwilling to sacrifice their ‘pleasures’ in order to take up the task of parentcraft, and if there continue to be as many broken homes as there now are, in which the love and understanding necessary for this task are no longer present, then consideration will have to be given to the question of whether upbringing of children—in age groups—in institutions by trained and understanding people might perhaps be the wisest solution of the problem. It would seem as if this is at least a field of enquiry which will have to be explored. Naturally there are arguments which can be brought forward in defence of both systems, but if the considered decision is in favour of home training, then some steps must surely be taken towards fostering wise and instructed parentcraft.

“Những cha mẹ đã đạt được sự khoan dung và thấu hiểu, bằng cách tự rèn luyện để nhìn qua đôi mắt của con cái mình, tiếp cận sự vật từ quan điểm của chúng, chạm bằng ngón tay của chúng, đặt câu hỏi bằng trí tuệ của chúng, thì khi nhiệm vụ giáo dục con cái của họ kết thúc, sẽ ở vào vị thế tốt nhất để tự biết mình và để giúp đỡ đồng loại của mình một cách khoan dung và minh triết, điều vốn nên là nhiệm vụ của họ trong giai đoạn này của sự phát triển riêng của họ—một nhiệm vụ mà đến lượt nó có thể làm phát sinh các phẩm tính dương của cấu tạo tinh thần riêng của họ.

“Tôi chỉ có thể cho anh một phác thảo rất ngắn gọn về tầm quan trọng của sự hướng dẫn và tấm gương của cha mẹ trong việc giáo dục trẻ em—trong thời gian tôi có, tôi không thể đi sâu hơn vào vấn đề các phương pháp cho sự giáo dục ấy. Tất cả những gì tôi có thể làm là chỉ ra rằng nhu cầu về điều này chưa bao giờ lớn hơn hay cấp bách hơn trong thế giới ngày nay. Nếu cha mẹ tiếp tục trốn tránh trách nhiệm của mình, nếu họ không sẵn lòng hy sinh những ‘thú vui’ của mình để đảm nhận nhiệm vụ làm cha mẹ, và nếu tiếp tục có nhiều gia đình tan vỡ như hiện nay, trong đó tình thương và sự thấu hiểu cần thiết cho nhiệm vụ này không còn hiện diện nữa, thì sẽ phải xem xét đến vấn đề liệu việc nuôi dạy trẻ em—theo nhóm tuổi—trong các cơ sở do những người được đào luyện và có sự thấu hiểu đảm trách có lẽ có phải là giải pháp minh triết nhất cho vấn đề hay không. Có vẻ như đây ít nhất là một lĩnh vực khảo cứu sẽ phải được thăm dò. Dĩ nhiên có những lập luận có thể được đưa ra để bảo vệ cả hai hệ thống, nhưng nếu quyết định sau khi cân nhắc là nghiêng về việc huấn luyện tại gia đình, thì chắc chắn phải có một số bước được thực hiện nhằm nuôi dưỡng nghệ thuật làm cha mẹ minh triết và có hiểu biết.

"I am satisfied that you know that we are not in the world by accident. You have realised that countless lives at the physical level are necessary if we are to gain sufficient experience to free us from the necessity of continuous births and deaths. You have proved for yourself that death, which is feared by so many people in the world, is a mere passing from one state of consciousness to another and that this passing should never be dreaded by anyone, even though it is sometimes preceded by a certain amount of physical pain. You are aware that the inequalities of life are not caused through a Divine Creator favouring some and not others, but that the inequalities are due to the different stages at which men stand at the moment on their journey towards perfection, or are produced by unwise actions on the part of such individuals in their past lives. I am sure you now realise that no work you do at this level is ever wasted, for at the end of each incarnation you carry your sheaves with you, to become part of the permanent atom, which is your reservoir of knowledge.

"After I leave you today, you will once more be the sole arbiter of your destiny. I hope that you will continue to follow up the link that has been re-made between you and Daphne, for you can help her in many things and she can help you. You are both destined to work together in a future life and the more you come to understand each other now, the more progress will be made when the time comes for you to live your lives together under physical plane conditions. It is just possible that before you pass over to the next world you may come across someone living at this level to whom you may feel attracted, and whom you may even want to marry. If this does happen, explain to Daphne what you

"Tôi hài lòng rằng anh biết chúng ta không ở trong thế giới này một cách ngẫu nhiên. anh đã chứng nghiệm rằng vô số kiếp sống ở cấp độ hồng trần là cần thiết nếu chúng ta muốn đạt đủ kinh nghiệm để giải thoát mình khỏi sự cần thiết của những lần sinh và tử liên tục. anh đã tự chứng minh rằng cái chết, điều bị quá nhiều người trong thế giới sợ hãi, chỉ là một sự chuyển từ trạng thái tâm thức này sang trạng thái khác và rằng sự chuyển tiếp này không bao giờ nên bị ai sợ hãi, dù đôi khi nó có thể được đi trước bởi một mức độ đau đớn hồng trần nào đó. anh biết rằng những bất bình đẳng của cuộc sống không phải do một Đấng Sáng Tạo thiên liêng ưu ái người này mà không ưu ái người khác, mà những bất bình đẳng ấy là do những giai đoạn khác nhau mà con người đang đứng vào lúc này trên hành trình hướng đến sự hoàn thiện, hoặc được tạo ra bởi những hành động thiếu minh triết của chính những cá nhân ấy trong các kiếp trước. Tôi chắc rằng giờ đây anh chứng nghiệm rằng không công việc nào anh làm ở cấp độ này là bị phí uổng, vì vào cuối mỗi lần lâm phạm anh mang những bó lúa của mình theo, để trở thành một phần của nguyên tử trường tồn, vốn là kho chứa tri thức của anh.

"Sau khi tôi rời anh hôm nay, một lần nữa anh sẽ là người phân xử duy nhất cho định mệnh của mình. Tôi hy vọng rằng anh sẽ tiếp tục theo đuổi mối liên kết đã được tái lập giữa anh và Daphne, vì anh có thể giúp cô ấy trong nhiều việc và cô ấy có thể giúp anh. Hai anh đều được định sẵn sẽ cùng làm việc với nhau trong một kiếp sống tương lai, và càng đi đến chỗ thấu hiểu nhau ngay bây giờ, thì càng có nhiều tiến bộ được thực hiện khi đến lúc hai anh sống cuộc đời mình cùng nhau dưới các điều kiện của cõi hồng trần. Hoàn toàn có thể là trước khi anh qua sang thế giới kế tiếp, anh có thể gặp một người nào đó đang sống ở cấp độ này mà anh có thể cảm thấy bị thu hút, và thậm chí có thể muốn kết hôn. Nếu điều này

contemplate doing, for deception has its repercussions, even in a case where one person is living in the astral world and the other in the physical world. Deception is always unwise, for it creates difficulties, which may take lives to eradicate completely.

“I do not think you will find that Charles will trouble you much more. As you happen to be an older ego than he is, it would be difficult for him to follow you along the road that you imagine to be the most suitable for him, but you can still help him and you will probably link up with him in a future life, as love creates a very strong link. Do not forget the responsibilities you have taken upon yourself with Mary, for although I do not think that they will be in any way arduous, yet they must not be neglected, for you accepted the opportunity. The astral helper whom you call Jim can be of great use to you and you to him, so cultivate his friendship whenever the opportunity offers. Remember that the knowledge which has been given to you has not been given for your use solely. You have a responsibility to others less fortunate than yourself and I sincerely trust that you will never forget this. All true knowledge should be shared, not kept for the special benefit of the possessor, and I can assure you that you will not only be the happier for sharing your knowledge with others, but they also will benefit from your assistance. You may find that many to whom you offer this bread of knowledge do not wish to eat it. Such people are not yet ready for the knowledge you offer, but that should not stop you from giving them the opportunity of listening to what you have to say.

“It is now time for me to bid you farewell. This does not mean that we shall never meet again,

xảy ra, hãy giải thích cho Daphne điều anh dự định làm, vì sự lừa dối có những phản ứng dội lại của nó, ngay cả trong trường hợp một người đang sống trong thế giới cảm dục còn người kia trong thế giới hồng trần. Sự lừa dối luôn luôn là thiếu minh triết, vì nó tạo ra những khó khăn có thể phải mất nhiều kiếp sống mới hoàn toàn xóa bỏ được.

“Tôi không nghĩ anh sẽ thấy Charles làm phiền anh nhiều hơn nữa. Vì anh tình cờ là một chân ngã già hơn nó, nên sẽ khó cho nó theo anh trên con đường mà anh tưởng tượng là thích hợp nhất cho nó, nhưng anh vẫn có thể giúp nó và có lẽ anh sẽ liên kết lại với nó trong một kiếp sống tương lai, vì tình thương tạo ra một liên kết rất mạnh. Đừng quên những trách nhiệm anh đã nhận lấy với Mary, vì mặc dù tôi không nghĩ rằng chúng sẽ nặng nề theo bất kỳ cách nào, nhưng chúng không được bị bỏ bê, vì anh đã chấp nhận cơ hội ấy. Người trợ giúp cảm dục mà anh gọi là Jim có thể rất hữu ích cho anh và anh cũng vậy đối với anh ấy, vì thế hãy vun bồi tình anh của anh ấy bất cứ khi nào có cơ hội. Hãy nhớ rằng tri thức đã được trao cho anh không chỉ được trao cho riêng anh sử dụng. anh có một trách nhiệm đối với những người khác kém may mắn hơn anh và tôi chân thành tin rằng anh sẽ không bao giờ quên điều này. Mọi tri thức chân chính đều nên được chia sẻ, không nên giữ lại vì lợi ích đặc biệt của người sở hữu, và tôi có thể bảo đảm với anh rằng anh không những sẽ hạnh phúc hơn khi chia sẻ tri thức của mình với người khác, mà họ cũng sẽ được lợi từ sự trợ giúp của anh. anh có thể thấy rằng nhiều người mà anh trao cho bánh mì tri thức này lại không muốn ăn nó. Những người như thế chưa sẵn sàng cho tri thức anh trao, nhưng điều đó không nên ngăn anh cho họ cơ hội lắng nghe điều anh phải nói.

“Giờ đây đã đến lúc tôi phải từ biệt anh. Điều này không có nghĩa là chúng ta sẽ không bao

for the link that has been made between us during these last weeks will have its inevitable result. A link once made is seldom entirely broken. After I leave you I shall no longer know what you are doing, as I have been permitted to know during this short period in order to help me with your tuition, but I have no doubt that the progress you have made will be maintained. If, in the future, you find that you need me at any time, make a very strong thought-form to represent me and send out your desire for contact into the surrounding ether. I may not be in a position to answer your call immediately, but you may be very sure that I have received it, and I shall contact you as soon as the work I have on hand permits me to do so. I have greatly appreciated the understanding you have displayed on the occasions when my words have appeared to criticise you and others in the world. Believe me, that was not my intention.

“One of the great philosophers once said. ‘Whenever the pupil is ready, the Master is always there.’ That is very true for, whatever your difficulties you never stand entirely alone. They do not desert those who work on their behalf. Your efforts have brought you into touch with some of the great beings who endeavour to guide our footsteps along the paths most suitable for our progress. Your reaction to their help has made it possible for you to be brought into closer contact with them. They know our limitations and our difficulties. They only wait our desire to permit their help, for that assistance to be at once at our disposal.

“May the Peace which they so patiently work for be with you and all who seek to lighten the

giờ gặp lại, vì mối liên kết đã được tạo ra giữa chúng ta trong những tuần vừa qua sẽ có kết quả tất yếu của nó. Một liên kết một khi đã được tạo ra thì hiếm khi bị cắt đứt hoàn toàn. Sau khi tôi rời anh, tôi sẽ không còn biết anh đang làm gì nữa, như tôi đã được phép biết trong thời gian ngắn này để giúp tôi trong việc hướng dẫn anh, nhưng tôi không nghi ngờ gì rằng sự tiến bộ anh đã đạt được sẽ được duy trì. Nếu trong tương lai, anh thấy rằng anh cần tôi vào bất kỳ lúc nào, hãy tạo một Hình tư tưởng thật mạnh để biểu hiện tôi và phóng ra dục vọng tiếp xúc của anh vào dĩ thái chung quanh. Có thể tôi sẽ không ở trong vị thế để đáp lại lời gọi của anh ngay lập tức, nhưng anh có thể hoàn toàn chắc chắn rằng tôi đã nhận được nó, và tôi sẽ tiếp xúc với anh ngay khi công việc tôi đang có trong tay cho phép tôi làm như vậy. Tôi rất trân trọng sự thấu hiểu mà anh đã biểu lộ trong những dịp lời nói của tôi dường như chỉ trích anh và những người khác trong thế giới. Hãy tin tôi, đó không phải là ý định của tôi.

“Một trong những triết gia vĩ đại đã từng nói: ‘Bất cứ khi nào người đệ tử đã sẵn sàng, Chân sư luôn luôn ở đó.’ Điều đó rất đúng, vì dù khó khăn của anh là gì, anh không bao giờ hoàn toàn đứng một mình. Các Ngài không bỏ rơi những ai hoạt động thay mặt Các Ngài. Những nỗ lực của anh đã đưa anh vào tiếp xúc với một số hữu thể vĩ đại đang cố gắng hướng dẫn bước chân chúng ta trên những con đường thích hợp nhất cho sự tiến bộ của chúng ta. Phản ứng của anh đối với sự trợ giúp của Các Ngài đã khiến cho anh có thể được đưa vào tiếp xúc gần gũi hơn với Các Ngài. Các Ngài biết những giới hạn và khó khăn của chúng ta. Các Ngài chỉ chờ dục vọng của chúng ta cho phép sự trợ giúp của Các Ngài, để sự trợ giúp ấy lập tức sẵn sàng cho chúng ta sử dụng.

“Nguyên cho sự Bình An mà Các Ngài kiên nhẫn hoạt động vì nó ở cùng anh và tất cả

burden of mankind. Farewell, until in God's good time we meet again."

những ai tìm cách làm nhẹ gánh nặng của nhân loại. Từ biệt, cho đến khi trong thời điểm tốt lành của Thượng đế chúng ta gặp lại nhau."

Epilogue—Lời Kết

A month has passed since I finished transcribing the notes I made covering Acharya's last talk, and even now I find it difficult to realise that he will not be visiting me again. I had come to look forward to those daily meetings in a way I would not have believed possible two months ago: I am exceedingly happy to find that I can remember each morning quite a lot of what I have been doing during the night, for at first I wondered if my capacity for bringing things through would disappear after the mental link I had with Acharya had been broken. A few nights ago, when I visited Daphne, I asked her about the parts I had forgotten of our visit to the Golden City. As Acharya had so rightly surmised, she remembered the incident of Christ appearing to address the gathering as clearly as she did the rest of what we did that night. I have therefore decided that on the nights I experiment with Daphne, I shall check up with her afterwards. I have already made friends with several of the people living in the same valley as Daphne, who certainly do not seem to object to my turning up from time to time, even though at the moment I cannot become a permanent member of their community.

Two nights ago I decided to pay a visit on my own to the sixth sphere, because for a long time I had felt a wish to take a trip in one of the little boats which were moored on the banks of the lake. On arrival I found that there were two not in use, the third being used by a solitary voyager who had traversed nearly half the distance round the circuit. I took one

Đã một tháng trôi qua kể từ khi tôi hoàn tất việc chép lại các ghi chú tôi đã thực hiện bao quát buổi nói chuyện cuối cùng của Acharya, và ngay cả bây giờ tôi vẫn thấy khó chứng nghiệm rằng ông sẽ không đến thăm tôi nữa. Tôi đã bắt đầu mong chờ những cuộc gặp gỡ hằng ngày ấy theo một cách mà hai tháng trước tôi không thể tin là có thể: tôi vô cùng vui mừng khi thấy rằng mỗi buổi sáng tôi có thể nhớ lại khá nhiều điều mình đã làm trong đêm, vì lúc đầu tôi tự hỏi liệu khả năng mang mọi thứ xuyên qua của mình có biến mất sau khi mối liên kết trí tuệ tôi có với Acharya bị cắt đứt hay không. Vài đêm trước, khi tôi đến thăm Daphne, tôi hỏi cô ấy về những phần tôi đã quên trong chuyến viếng thăm Thành phố Vàng của chúng tôi. Như Acharya đã suy đoán rất đúng, cô ấy nhớ sự việc Đức Christ xuất hiện để nói chuyện với hội chúng rõ ràng như cô ấy nhớ phần còn lại của những gì chúng tôi đã làm đêm đó. Vì thế tôi đã quyết định rằng vào những đêm tôi thử nghiệm với Daphne, sau đó tôi sẽ kiểm tra lại với cô ấy. Tôi đã kết bạn với vài người sống trong cùng thung lũng với Daphne, những người chắc chắn dường như không phản đối việc tôi thỉnh thoảng xuất hiện, dù hiện tại tôi chưa thể trở thành một thành viên thường trực của cộng đồng họ.

Hai đêm trước tôi quyết định tự mình đến thăm khối cầu thứ sáu, vì từ lâu tôi đã cảm thấy muốn đi một chuyến trên một trong những chiếc thuyền nhỏ được neo trên bờ hồ. Khi đến nơi tôi thấy có hai chiếc không được dùng, chiếc thứ ba đang được một lữ khách đơn độc sử dụng, người đã đi gần nửa quãng đường quanh vòng hồ. Tôi lấy một trong

of the remaining boats, and having released it from its moorings, it set its course, without any effort on my part, around the lake in an anti-clockwise direction and was never more than fifty yards from the bank at any time, just as I had been told it would do.

I endeavoured to practise meditation and found that, although I had never had much success in the world along these lines, the conditions ruling at this level of the astral world made things much easier. I tried to impress the idea of Peace upon the men who at this time are guiding the destinies of their respective nations—it seemed to me just as important for our enemies to want peace, as ourselves. I may never know whether my efforts did any good, but at least I employed the power of thought, which produces such amazing results at these higher levels. At the end of about eight hours I felt the urge to return and, without any seeming action on my part, was immediately forced to leave the boat and return to the physical plane. I have since wondered what happened to the boat, whether it is still drifting round the lake or if the current ceases to have any effect on it once its course is completed.

I have seen Mary several times during the past month, for Acharya's prophesy that she would call for me again in the near future came true within a fortnight from the last time I had seen her in hospital. I did my best to give Mary the advice she needed, and fortunately the child Irene was present during most of our discussion. She is a much more sensitive person than Mary, so I feel it is likely that she will remember much of what I said and will be able to repeat it to Mary when she wakes in the morning.

những chiếc thuyền còn lại, và sau khi tháo nó khỏi chỗ neo, nó tự định hướng, không cần bất kỳ nỗ lực nào từ phía tôi, quanh hồ theo chiều ngược kim đồng hồ và không lúc nào cách bờ quá năm mươi thước, đúng như tôi đã được bảo là nó sẽ làm.

Tôi cố gắng thực hành tham thiền và nhận thấy rằng, mặc dù ở thế giới tôi chưa bao giờ thành công nhiều theo hướng này, các điều kiện chi phối ở cấp độ này của thế giới cảm dục khiến mọi việc dễ dàng hơn nhiều. Tôi cố gắng gây ấn tượng ý tưởng về Bình An lên những người hiện đang hướng dẫn vận mệnh của các quốc gia tương ứng của họ—đối với tôi dường như việc kẻ thù của chúng ta muốn hòa bình cũng quan trọng như chính chúng ta vậy. Có thể tôi sẽ không bao giờ biết liệu những nỗ lực của mình có đem lại ích lợi nào không, nhưng ít nhất tôi đã sử dụng quyền năng của tư tưởng, thứ tạo ra những kết quả kỳ diệu như thế ở các cấp độ cao hơn này. Vào cuối khoảng tám giờ tôi cảm thấy thôi thúc phải trở về và, dường như không có hành động nào từ phía tôi, tôi lập tức bị buộc phải rời thuyền và trở lại cõi hồng trần. Từ đó tôi đã tự hỏi chuyện gì đã xảy ra với chiếc thuyền, liệu nó vẫn đang trôi quanh hồ hay dòng chảy không còn tác động gì lên nó nữa một khi hành trình của nó đã hoàn tất.

Tôi đã gặp Mary vài lần trong tháng qua, vì lời tiên báo của Acharya rằng cô ấy sẽ lại gọi tôi trong tương lai gần đã thành sự thật trong vòng hai tuần kể từ lần cuối tôi gặp cô ấy ở bệnh viện. Tôi đã cố hết sức để cho Mary lời khuyên cô ấy cần, và may thay đứa trẻ Irene đã hiện diện trong phần lớn cuộc thảo luận của chúng tôi. Nó là một người nhạy cảm hơn Mary nhiều, nên tôi cảm thấy có khả năng nó sẽ nhớ được nhiều điều tôi đã nói và có thể lặp lại cho Mary khi cô ấy thức dậy vào buổi sáng.

I was commandeered one night by Jim, to help him with some more casualties. This work is most fascinating, and although I imagined that the procedure in dealing with cases where young men were thrown out of their bodies so abruptly would always be the same, I find that the technique varies with every individual. I am gradually learning what to do and have told Jim that he can call on me whenever they are shorthanded. I feel this is another way to show my appreciation of the help that has been given me, and I welcome it as every other opportunity which comes along.

I have not seen Charles again and have no means of getting in touch with him apart from sending him S.O.S. if necessity arose. Presumably he is carrying on with his normal life in the astral world and I sincerely hope that not only will he be happy there, but that as time goes on I shall be able to be of some assistance to him. It is interesting that the cause of my extreme misery which culminated in the visit of Acharya now seems to be less important to me than other links I have made. It shows how a little knowledge can change the complexion of one's outlook completely.

This dual existence of mine keeps me very busy and very interested indeed. Sometimes I feel that the life I live apart from my body is indeed the real one and that my life in the world is not nearly so important. I must guard against this, otherwise I shall become a dreamer and may lose sight of the importance of learning the lessons this life has to teach me.

It is quite impossible for me to express my gratitude to the great Beings who govern this

Một đêm nọ tôi được Jim điều động để giúp anh ấy với thêm một số thương vong. Công việc này vô cùng hấp dẫn, và mặc dù tôi đã tưởng rằng thủ tục xử lý những trường hợp các thanh niên bị quăng ra khỏi thể của họ đột ngột như thế lúc nào cũng sẽ giống nhau, tôi thấy rằng kỹ thuật thay đổi theo từng cá nhân. Tôi đang dần dần học được phải làm gì và đã nói với Jim rằng anh ấy có thể gọi tôi bất cứ khi nào họ thiếu người. Tôi cảm thấy đây là một cách khác để bày tỏ sự trân trọng của mình đối với sự trợ giúp đã được trao cho tôi, và tôi hoan nghênh nó như mọi cơ hội khác xuất hiện.

Tôi chưa gặp lại Charles và không có phương tiện nào để liên lạc với nó ngoài việc gửi cho nó S.O.S. nếu có nhu cầu phát sinh. Có lẽ nó đang tiếp tục cuộc sống bình thường của mình trong thế giới cảm dục và tôi chân thành hy vọng rằng không những nó sẽ hạnh phúc ở đó, mà theo thời gian tôi cũng sẽ có thể giúp ích phần nào cho nó. Thật thú vị khi nguyên nhân của nỗi khổ sở tột độ của tôi, vốn lên đến đỉnh điểm trong chuyến viếng thăm của Acharya, giờ đây dường như kém quan trọng đối với tôi hơn những liên kết khác mà tôi đã tạo ra. Điều đó cho thấy chỉ một ít tri thức cũng có thể thay đổi hoàn toàn sắc thái của cái nhìn của một người.

Sự hiện hữu kép này của tôi khiến tôi rất bận rộn và thực sự rất hứng thú. Đôi khi tôi cảm thấy rằng cuộc sống tôi sống tách khỏi thể xác của mình mới thật sự là cuộc sống thực, và rằng cuộc sống của tôi trong thế giới không quan trọng gần bằng. Tôi phải đề phòng điều này, nếu không tôi sẽ trở thành một kẻ mộng mơ và có thể đánh mất tầm quan trọng của việc học những bài học mà kiếp sống này phải dạy tôi.

Tôi hoàn toàn không thể diễn tả lòng biết ơn của mình đối với các Hữu thể vĩ đại cai quản

planet. The whole scheme of government seems so logical that each step we take would appear to be the natural conclusion of the one before it, and it is difficult to imagine how things could be otherwise. What I cannot understand is why the information which has been given to me is not more generally known in the world. I often long to see my friend Acharya, but I have fought against my desire to send out a call. What a wonderful life that man leads! I sometimes wonder whether one day I shall be able to be used for similar purposes. If my desire ever becomes a fact, I hope I shall serve the Master, whomsoever he may be, as faithfully as Acharya is doing. I have not forgotten that I have been told to share any knowledge I acquire with others, and in this way show my appreciation of the help that has been given to me. I shall continue to record my experiences, and if I find that they are of interest to others I shall certainly consider publishing a sequel.

My task of recording the strange things which have happened to me during the past weeks is now completed. Whether those who read this record will accept these happenings as true or otherwise, is not my affair. I am satisfied that by recording them, my duty is done. I feel quite sure that those who have ears to hear, will benefit therefrom.

Let us not forget the promise given to us by the greatest of all Masters when He said: "Be of good cheer for those who guard the destinies of the World do not sleep."

ORDERING

Additional copies of A Soul's Journey may be ordered for \$19 each, plus \$6 for postage (\$8 postage for two or more books), from Ariel

hành tinh này. Toàn bộ hệ thống cai quản dường như hợp lý đến mức mỗi bước chúng ta đi có vẻ như là kết luận tự nhiên của bước trước đó, và thật khó hình dung mọi sự có thể khác đi như thế nào. Điều tôi không thể hiểu là vì sao thông tin đã được trao cho tôi lại không được biết đến rộng rãi hơn trong thế giới. Tôi thường khao khát được gặp người bạn Acharya của mình, nhưng tôi đã chống lại dục vọng phát ra một lời gọi. Người ấy sống một cuộc đời kỳ diệu biết bao! Đôi khi tôi tự hỏi liệu một ngày nào đó tôi có thể được sử dụng cho những mục đích tương tự hay không. Nếu dục vọng của tôi có bao giờ trở thành sự thật, tôi hy vọng mình sẽ phụng sự Chân sư, bất kể Ngài là ai, một cách trung thành như Acharya đang làm. Tôi không quên rằng tôi đã được bảo phải chia sẻ bất kỳ tri thức nào mình đạt được với người khác, và bằng cách này bày tỏ sự trân trọng của mình đối với sự trợ giúp đã được trao cho tôi. Tôi sẽ tiếp tục ghi lại những kinh nghiệm của mình, và nếu tôi thấy rằng chúng có ích cho người khác, tôi chắc chắn sẽ cân nhắc việc xuất bản một phần tiếp theo.

Nhiệm vụ ghi lại những điều kỳ lạ đã xảy ra với tôi trong những tuần qua giờ đây đã hoàn tất. Việc những ai đọc bản ghi này có chấp nhận những sự việc ấy là thật hay không không phải là việc của tôi. Tôi hài lòng rằng bằng cách ghi lại chúng, bổn phận của tôi đã được hoàn thành. Tôi cảm thấy hoàn toàn chắc chắn rằng những ai có tai để nghe sẽ được lợi từ đó.

Chúng ta đừng quên lời hứa đã được ban cho chúng ta bởi vị Chân sư vĩ đại nhất trong tất cả khi Ngài nói: "Hãy vững lòng vì những Đấng canh giữ vận mệnh của Thế Gian không ngủ."

ĐẶT MUA

Có thể đặt thêm các bản của *Hành Trình của Một Linh Hồn* với giá 19 đô-la mỗi cuốn, cộng 6 đô-la tiền bưu phí (8 đô-la bưu phí cho hai

Press. If ordered in quantities of 5 or more copies, the cost per book is \$15 plus \$8 shipping. When ordered in quantities of 10 or more copies, the cost per book is \$12 plus \$10 shipping.

This book is also available in ebook format, suitable for reading on an iPad, a Kindle, or a similar device. The cost of ordering it as an ebook is \$13.

To order, send a check or money order to Ariel Press, 88 North Gate Station Drive, #106, Marble Hill, GA 30148. Or send your order by email to lig201@lightariel.com and charge it to a major credit card. We also accept payment by PayPal. Orders may be phoned in to (770) 894-4226 Tuesday or Wednesday from 12 to 5.

O

OTHER TITLES OF INTEREST

THE PSYCHIC LIFE

Seeing Beyond the Mundane

by Robert R. Leichtman, M.D.

\$19

THE STORY OF GOD

What To Say When Asked, "Who Is God?"

by Carl Japikse

\$18

cuốn trở lên), từ Ariel Press. Nếu đặt số lượng từ 5 cuốn trở lên, giá mỗi cuốn là 15 đô-la cộng 8 đô-la phí vận chuyển. Khi đặt số lượng từ 10 cuốn trở lên, giá mỗi cuốn là 12 đô-la cộng 10 đô-la phí vận chuyển.

Cuốn sách này cũng có sẵn ở định dạng ebook, thích hợp để đọc trên iPad, Kindle, hoặc thiết bị tương tự. Giá đặt mua dưới dạng ebook là 13 đô-la.

Để đặt mua, gửi séc hoặc phiếu chuyển tiền đến Ariel Press, 88 North Gate Station Drive, #106, Marble Hill, GA 30148. Hoặc gửi đơn đặt hàng của bạn qua email đến lig201@lightariel.com và thanh toán bằng thẻ tín dụng thông dụng. Chúng tôi cũng chấp nhận thanh toán qua PayPal. Có thể gọi điện đặt hàng đến số (770) 894-4226 vào thứ Ba hoặc thứ Tư từ 12 giờ đến 5 giờ.

O

CÁC TỰA SÁCH KHÁC ĐÁNG QUAN TÂM

ĐỜI SỐNG THÔNG LINH

Nhìn Vượt Qua Cái Tâm Thường

của Robert R. Leichtman, M.D.

19 đô-la

CÂU CHUYỆN VỀ THƯỢNG ĐẾ

Nói Gì Khi Được Hỏi, "Thượng đế Là Ai?"

của Carl Japikse

18 đô-la